



MARC LEVY

NGUYỄN THỊ TƯƠI dịch

Cô gái
cuối cùng
của dòng họ
Stanfield

VĂN HỌC PHÁP

MARC LEVY

**CÔ GÁI CUỐI CÙNG
CỦA DÒNG HỌ STANFIELD**

La Dernière des Stanfield (2017)

NGUYỄN THỊ TƯƠI dịch

NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG & NHÀ NAM – 2017

Tặng Louis, Georges, Cléa

Tặng Pauline

“Mỗi câu chuyện có ba phiên bản: phiên bản của bạn...
phiên bản của tôi... và phiên bản đúng.
Không ai nói dối cả.”

Robert EVANS

*There are three sides to every story: yours...
mine... and the truth.
No one is lying.*

1

Eleanor-Rigby

Tháng Mười năm 2016, Luân Đôn

Tôi tên là Eleanor-Rigby Donovan.

Có lẽ cái tên của tôi gợi cho bạn nghĩ đến điều gì đó. Ba mẹ tôi là fan của ban nhạc The Beatles, *Eleanor Rigby* là tên một bài hát do Paul McCartney viết.

Ba tôi sợ phát khiếp mỗi khi tôi nhắc ông nhớ ra rằng tuổi trẻ của ông thuộc về thế kỷ trước, nhưng trong những năm 1960, những người hâm mộ nhạc rock chia thành hai nhóm. The Rolling Stones hoặc The Beatles; vì một lý do nào đó mà tôi không hiểu nổi, cùng một người lại yêu thích cả hai nhóm nhạc đó là chuyện không thể chấp nhận.

Ba mẹ tôi mười bảy tuổi khi họ tán tỉnh nhau lần đầu tiên, trong một quán rượu ở Luân Đôn gần đường Abbey. Tất cả mọi người trong quán lúc đó đang hát vang bài *All You Need Is Love*, mắt dán chặt vào một màn hình ti vi nơi buổi biểu diễn của nhóm The Beatles đang được truyền đi trên phạm vi toàn thế giới. Bảy trăm triệu khán giả truyền hình đồng hành với những rung động mới giữa họ, từ đó đánh dấu sự khởi đầu của một

chuyện tình không thể xóa nhòa. Thế nhưng vài năm sau, họ đã mất dấu nhau. Cuộc đời đầy rẫy những bất ngờ, họ gặp lại nhau trong hoàn cảnh khá khôi hài, khi đã ngoài ba mươi. Tôi được thành hình mười ba năm sau nụ hôn đầu tiên của họ. Ba mẹ tôi quả là những con người thư thả.

Ba tôi vốn là người có óc hài hước gần như không giới hạn – trong gia đình tôi mọi người kể rằng có lẽ đó chính là phẩm chất đã quyến rũ mẹ tôi, thế nên khi đi làm giấy khai sinh cho tôi, ông đã chọn cho tôi cái tên Eleanor-Rigby.

- Đó là bài hát mà ba mẹ nghe đi nghe lại khi đang tạo ra con, – một hôm ông đã tâm sự với tôi như thế, thay cho lời biện bạch.

Một chi tiết mà tôi không hề muốn biết, về một tình huống mà tôi không hề muốn hình dung ra. Giả như tôi có thể giải thích với người nào muốn nghe rằng thời thơ ấu của tôi rất khó khăn; nhưng như thế sẽ là nói dối mà tôi thì chưa từng biết nói dối.

Gia đình tôi thuộc kiểu gia đình hỗn loạn, cũng giống như tất cả các gia đình khác. Cả ở điểm này cũng có hai nhóm khác nhau: nhóm những gia đình chấp nhận điều đó và nhóm những gia đình giả vờ chấp nhận. Hỗn loạn nhưng vui vẻ, đôi khi gần như quá đà. Không thể nói bất kỳ điều gì trong nhà bằng giọng nghiêm túc mà không bị mang ra chế giễu. Các thành viên trong gia đình tôi nhất mực mong muốn coi nhẹ tất cả mọi việc, kể cả những gì có thể gây hậu quả nặng nề. Và, tôi phải thú nhận điều này, chuyện đó đã thường xuyên khiến tôi nổi điên. Còn ba mẹ tôi thì cứ người này đổ lỗi cho người kia về cái hạt điên rồ đã nảy mầm trong những câu chuyện, những bữa ăn, những buổi tối của gia đình tôi, trong thời niên thiếu của tôi, của anh trai tôi (anh

chào đời trước tôi hai mươi phút) cũng như của Maggie, em út tôi.

Maggie, người mang tên bài hát thứ bảy ở mặt A của album *Let It Be*, có trái tim vô cùng rộng lượng, tính cách mạnh mẽ, cũng lại là người ích kỷ chưa từng thấy mỗi khi có chuyện liên quan đến những điều nhỏ nhặt hằng ngày. Những nét tính cách không phải là không thể tương thích với nhau. Nếu bạn gặp vấn đề thực sự, Maggie sẽ luôn có mặt bên bạn. Hãy từ chối lên xe của hai gã bạn trai đã uống quá say để có thể cầm lái vào lúc bốn giờ sáng, con bé sẽ lấy trộm chìa khóa chiếc Austin của ba, mặc đồ ngủ đến đón bạn ở đầu kia thành phố đồng thời đưa luôn hai anh chàng kia về nhà sau khi đã xạc cho họ một trận nên thân, mặc dù họ hơn con bé hai tuổi. Nhưng hãy cứ thử xoáy một lát bánh mì nướng trong đĩa của con bé vào bữa sáng mà xem, hai cánh tay bạn sẽ có chuyện để nhớ rất lâu đấy; cũng đừng hy vọng con bé để lại cho bạn chút sữa nào trong tủ lạnh. Tại sao ba mẹ tôi luôn đối xử với con bé như với một nàng công chúa, điều bí ẩn đó đến tận bây giờ vẫn còn nguyên vẹn. Mẹ tôi dành cho con bé sự ngưỡng mộ đến bệnh hoạn, con gái út của bà hứa hẹn sẽ làm được những việc lớn lao. Maggie sẽ trở thành luật sư hoặc bác sĩ, thậm chí là cả hai, con bé sẽ cứu giúp cả mẹ góa lẫn con cô, sẽ xóa bỏ nạn đói trên toàn thế giới... Tóm lại, Maggie là con cưng và cả gia đình đều phải chăm lo cho số phận của nó.

Anh trai sinh đôi của tôi được đặt tên là Michel, tựa bài hát thứ bảy ở mặt A của album *Rubber Soul*, mặc dù trên album ấy, đó là một cái tên dành cho con gái^[1]. Bác sĩ phụ khoa đã không nhìn thấy *con chim* của anh ấy khi siêu âm. Hình như hai anh em tôi đã ôm nhau quá chặt. *Errare humanum est*^[2]. Và quả là một điều ngạc nhiên lớn khi anh ra đời. Nhưng cái tên thì đã được chọn rồi,

không có chuyện thay đổi. Ba tôi chỉ bằng lòng với việc loại bỏ một chữ *l* và một chữ *e*, và anh trai tôi đã sống ba năm đầu đời trong một căn phòng có tường màu hồng được trang trí bằng một bức tranh vẽ cô bé Alice đang đuổi theo lũ thỏ. Tập cận thị của một bác sĩ phụ khoa có thể gây ra những hậu quả không ngờ.

Những người mà việc được ăn học tử tế luôn ganh đua với thói đạo đức giả sẽ nói với các bạn bằng giọng ái ngại rằng Michel là người hơi đặc biệt. Định kiến chính là tài sản riêng của những người tin chắc rằng mình biết hết mọi thứ. Michel sống trong một thế giới không biết đến bạo lực, nhỏ nhen, đạo đức giả, bất công hay ác độc. Một thế giới hỗn độn đối với các bác sĩ, nhưng với anh, đó lại là nơi mỗi sự vật và mỗi ý nghĩ đều có vị trí riêng, một thế giới hỗn nhiên và chân thành đến nỗi khiến tôi tin rằng có lẽ chính chúng ta mới là những kẻ đặc biệt, nếu không muốn nói là bất thường. Cũng chính những bác sĩ ấy đã không bao giờ xác định được một cách chắc chắn là anh có bị hội chứng Asperger^[3] không, hay chỉ đơn giản là một người khác biệt. Trên thực tế, chẳng có gì đơn giản, nhưng Michel là người dịu dàng đến khó tin, một cái giếng khơi đầy ắp lương tri, và là mạch nguồn vô tận của những trận cười nghiêng ngả. Nếu như tôi là kẻ không biết nói dối, thì Michel lại không thể ngăn mình nói ra những gì anh nghĩ, vào thời điểm anh nghĩ đến điều đó. Lên bốn tuổi, khi rốt cuộc anh cũng quyết định mở miệng nói, lúc đang đứng xếp hàng ở quầy thu ngân siêu thị, anh đã hỏi một phụ nữ ngồi xe lăn là bà đã tìm thấy cái xe ngựa của bà ở đâu. Mẹ tôi, choáng váng khi cuối cùng cũng nghe anh thốt ra một câu nói trọn vẹn, vội ôm choàng lấy anh mà hôn hít, trước khi đỏ mặt tía tai vì xấu hổ. Và đó mới chỉ là khởi đầu...

Từ buổi tối gặp lại nhau, ba mẹ tôi đã yêu nhau. Giữa hai người đã có những buổi sáng mùa đông chìm trong bầu không khí băng giá, giống như tất cả các cặp vợ chồng khác, nhưng ba mẹ tôi luôn giảng hòa, tôn trọng và nhất là ngưỡng mộ lẫn nhau. Một hôm, khi vừa chia tay với người đàn ông mà trước đó tôi từng yêu say đắm, tôi liền hỏi ba mẹ xem họ đã làm thế nào mà yêu nhau được suốt cả một đời, ba tôi đáp: “Chuyện tình yêu, đó là sự gặp gỡ của hai con người biết cho đi.”

Mẹ tôi qua đời năm ngoái. Lúc ấy bà đang ăn tối với ba tôi ở nhà hàng, nhân viên phục vụ vừa mang cho bà món bánh sữa tắm rượu rum, món tráng miệng ưa thích của bà, thì bà gục xuống đĩa bánh phủ kem đó. Đội cứu hộ đã không thể khiến bà hồi tỉnh được.

Ba đã tránh không để chúng tôi phải chia sẻ nỗi đau khổ của ba, vì biết rõ rằng chúng tôi cũng đang phải trải qua nỗi đau đó theo cách của riêng mình. Michel tiếp tục gọi cho Mẹ mỗi sáng, và ba tôi vẫn trước sau như một trả lời anh rằng bà không thể ra ngoài để nghe điện thoại được.

Hai ngày sau khi chúng tôi đưa mẹ về với đất, ba đã tập hợp chúng tôi quanh bàn ăn gia đình và chính thức cấm chúng tôi trưng ra bộ mặt đưa đám. Trong bất cứ trường hợp nào, việc mẹ mất cũng không làm suy giảm những gì hai người từng gây dựng được cho chúng tôi, sau chừng ấy nỗ lực: một gia đình vui vẻ và gắn kết. Ngày hôm sau, chúng tôi nhìn thấy mẫu giấy nhắn của ba gắn trên cửa tủ lạnh: “Các con yêu, một ngày nào đó ba mẹ các con sẽ chết, và sau đó một ngày khác sẽ đến lượt các con, thế nên hãy sống một ngày vui vẻ, Ba.” Logic thôi, có lẽ anh trai tôi sẽ nói

thể. Không nên bỏ phí bất cứ khoảnh khắc nào để than thở trong nỗi bất hạnh. Vả lại, khi mẹ ta đi vào cõi vĩnh hằng trong tư thế gục đầu vào một cái bánh sữa tắm rượu rum, thì điều đó cũng khiến ta nên suy nghĩ.

Nghề nghiệp của tôi khiến tất cả những người hỏi tôi làm công việc gì đều phải tái mặt vì ghen tị. Tôi là phóng viên của tạp chí *National Geographic*. Được trả lương hậu hĩnh, không những thế còn được trả lương để đi du lịch, chụp ảnh và miêu tả sự đa dạng của thế giới. Lạ lùng ở chỗ có lẽ tôi sẽ phải đi khắp hành tinh để phát hiện ra rằng sự đa dạng lộng lẫy đó có mặt ở khắp nơi trong chính cuộc sống hằng ngày của bản thân, rằng tôi chỉ cần đẩy cánh cửa tòa nhà của chúng tôi và quan tâm đến những người khác nhiều hơn một chút là có thể nhận thấy điều đó.

Nhưng khi bạn sống cả đời mình trên máy bay, ngủ ba trăm đêm mỗi năm trong những căn phòng khách sạn ít nhiều tiện nghi, mà thường là ít tiện nghi do ngân sách hạn chế, viết ra phần lớn các bài viết của bạn trên những chiếc xe khách xóc nảy, và chỉ cần nhìn thấy một buồng tắm sạch sẽ cũng khiến bạn mê li ngây ngất, thì khi về đến nhà, bạn chỉ có một mong muốn duy nhất: dang chân nằm ườn trên một chiếc xô pha êm ái, có một khay đồ ăn để vừa nhấm nháp vừa xem ti vi và cả gia đình trong tầm tay.

Cuộc sống tình cảm của tôi gói gọn trong vài trò quyến rũ vừa hiếm hoi vừa ngắn ngủi. Du lịch không ngừng khắc vào đời bạn cái dấu sắt nung của cảnh độc thân vô hạn định. Trong vòng hai năm, tôi đã duy trì mối quan hệ mà tôi mong là chung thủy với một phóng viên của tờ *Washington Post*. Một ảo ảnh tuyệt vời.

Chúng tôi đã trao đổi số lượng email đủ để khiến cả hai có cảm giác gần gũi lẫn nhau, nhưng lại chưa từng ở bên nhau quá ba ngày liên tục. Chấp nối tất cả những lần đó lại thì mối quan hệ này chưa hề cho phép chúng tôi sống quá hai tháng cùng nhau. Mỗi lần gặp nhau, tim chúng tôi đập thành thịch, mỗi lần chúng tôi chia tay nhau cũng vậy; sau quá nhiều lần loạn nhịp như thế, rốt cuộc chúng đã phải đầu hàng.

So với hầu hết bạn bè, cuộc sống của tôi không hề tẻ nhạt, ấy thế nhưng, nó lại trở nên thật sự đặc biệt vào một buổi sáng, trong lúc tôi đọc lá thư vừa nhận được.

Tôi vừa trở về sau một thời gian ở Costa Rica, ba đã đến sân bay đón tôi. Mọi người bảo với tôi rằng ở tuổi ba mươi lăm, lẽ ra tôi đã phải cắt dây rốn. Hiểu theo một cách nào đó thì tôi đã cắt dây rốn rồi, nhưng ngay khi quay về nhà, khi nhìn thấy khuôn mặt ba tôi giữa đám đông đang ngóng trông các hành khách đi qua, tôi lại rơi tõm về tuổi thơ và sẽ chẳng có điều gì khiến tôi phải xua đi cảm giác ngọt ngào đó.

Ba tôi đã già đi đôi chút từ khi mẹ tôi mất, tóc ông thưa hơn, cái bụng hơi tròn lên, và dáng đi của ông có chút nặng nề hơn, nhưng ông vẫn là người đàn ông tuyệt vời đó, thanh lịch, nổi bật và ngông nghênh, và chưa từng có thứ mùi nào mang lại cho tôi cảm giác an tâm hơn là mùi gáy ông, khi ông ôm tôi trong vòng tay và nhắc bổng tôi lên. Hối phúc cảm Oedipus, một khi đã nâng đỡ chúng tôi, thì nhất thiết đừng bao giờ buông bỏ chúng tôi, hoặc buông bỏ càng muộn càng tốt. Chuyến đi đến Trung Mỹ này đã khiến tôi mệt nhoài. Suốt chuyến bay, tôi mắc kẹt giữa hai hành khách cứ liên tục ngả đầu vào vai tôi mỗi lần máy bay đi

vào vùng thời tiết xấu, cứ như thể đầu tôi là một cái gối dùng tạm. Khi trở về nhà, nhìn thấy bộ dạng nhàu nát của mình trong gương phòng tắm, tôi đã tìm ra vài cái cớ để biện minh cho họ. Michel đến nhà ba ăn tối, em gái chúng tôi đến nhập hội vào giữa bữa ăn và trái tim tôi dao động giữa niềm vui được gặp lại hai người họ với mong muốn được ở một mình trong căn phòng mà tôi đã chính thức chiếm giữ đến tận năm hai mươi tuổi, còn không chính thức thì lâu hơn rất nhiều. Tôi thuê căn hộ một phòng ở đường Old Brompton, phía Tây Luân Đôn, thực ra là thuê lách lẹ và chỉ vì thói tự mãn, bởi vì gần như tôi không bao giờ ngủ ở đó. Những khoảng thời gian về nước hiếm hoi thì tôi thích ở dưới mái ngói nhà của gia đình tại Croydon.

Hôm sau ngày trở về, tôi ghé qua nhà mình. Giữa đồng hóa đơn và tờ rơi quảng cáo, tôi nhìn thấy một phong bì viết tay. Chữ viết rất đẹp, với rất nhiều nét đậm và nét thanh giống như chúng tôi từng tập viết ở trường.

Bên trong phong bì, một bức thư cho tôi biết hình như mẹ tôi có một quá khứ mà tôi không hề biết gì về nó. Người viết thư đảm bảo với tôi rằng nếu lục đồ của bà, tôi sẽ tìm ra những kỷ vật mang lại cho tôi rất nhiều thông tin về người phụ nữ từng là bà trước đây. Và “kẻ viết thư nặc danh” không dừng ở đó. Theo lời người này, mẹ tôi từng là đồng tác giả của một tội ác bậc thầy, xảy ra ba mươi lăm năm trước. Bức thư không cho biết cụ thể thêm điều gì khác nữa.

Trong những gì bức thư tiết lộ, có rất nhiều điều không hợp lý. Đầu tiên, con số ba mươi lăm năm đó trùng khớp với năm tôi thành hình... Thật khó mà tưởng tượng ra mẹ tôi, trong cảnh

bụng mang dạ chửa, thêm nữa còn sinh đôi, lại là một cô nàng sống ngoài vòng pháp luật, nhất là khi bạn đã từng quen biết mẹ tôi. Tác giả của bức thư nặc danh này đề nghị tôi, nếu muốn biết thêm, thì hãy đến một nơi ở đầu kia thế giới. Sau đó, người này yêu cầu tôi hủy bỏ bức thư, khuyến cáo tôi không được kể về nó với bất kỳ ai, kể cả Maggie, và nhất là ba tôi.

Làm sao người xa lạ đó lại biết tên những người thân thiết nhất của tôi? Cả chuyện đó cũng không hợp lý.

Tôi đã chôn cất mẹ tôi vào mùa xuân vừa qua, thời gian để tang còn lâu nữa mới hết.

Em gái tôi hẳn sẽ không bao giờ đùa tôi theo kiểu tồi tệ như thế này, anh trai tôi cũng không thể bịa ra câu chuyện như vậy, và mặc dù đã ra sức rà soát những mối quen biết, tôi vẫn không tìm thấy bất cứ người nào có thể chơi đùa tôi theo kiểu đó.

Nếu là tôi thì bạn sẽ làm gì? Chắc hẳn bạn cũng sẽ phạm sai lầm giống tôi.

2

Sally-Anne

Tháng Mười năm 1980, Baltimore

Rời khỏi căn xưởng cải dụng, cô phải đối mặt với chiếc cầu thang đồ sộ. Một trăm hai mươi bậc thang dốc ngược, dẫn xuống ba thêm nghỉ được chiếu sáng yếu ớt bởi một ngọn đèn treo ở đầu một sợi dây tết bằng vài sợi dây điện, một quầng sáng nhỏ nhoi trong cái vực thẳm này. Đi xuống quả là chơi đùa với thần Chết, còn trèo lên thì đích thực là một cực hình. Sally-Anne lên xuống cái cầu thang này cả sáng và tối.

Thang máy chở hàng cũ kỹ. Lốp lưới sắt han gỉ hòa lẫn vào những bức tường màu đỏ son.

Mỗi lần Sally-Anne đẩy cánh cửa tòa nhà, ánh sáng vàng vọt của khu bến cảng luôn làm cô chói mắt. Những con phố đầy những kho hàng cũ bằng gạch đỏ. Ở đầu một con đê chắn sóng bị gió biển thốc vào, sừng sững những cần trục cao, đang bốc dỡ công ten nơ từ những con tàu chở hàng vừa cập vào bến cảng sa sút. Khu vực này còn chưa được các nhà đầu tư khôn ngoan biến thành một nơi sang trọng. Thời nay, chỉ có vài nghệ sĩ mới vào nghề, nhạc sĩ hoặc họa sĩ mới chập chững những bước đầu tiên, những thanh niên không xu dính túi sống bên cạnh những đứa

trẻ con nhà giàu, những tay ăn chơi phó mặc bản thân, đa số là mất lòng tin vào pháp luật, mới chọn những không gian bỏ hoang này làm nơi trú ngụ. Cửa hàng tạp hóa gần nhất cũng phải cách mười phút chạy xe mô tô.

Sally-Anne có một chiếc Triumph Bonneville 650 cm³, có thể đưa bạn đi trên một trăm dặm một giờ nếu bạn lên cơn say tốc độ. Thùng xăng màu xanh da trời pha trắng bị đập nát, kỷ niệm của một cú ngã nhớ đời khi cô vẫn còn đang học cách thuần hóa con quái vật này.

Vài ngày trước, bố mẹ Sally-Anne đã gợi ý cô rời bỏ thành phố để đi khám phá thế giới. Bằng những ngón tay có bộ móng được chăm sóc kỹ lưỡng, mẹ cô đã nhí ngoáy một tấm séc, cẩn thận xé ra khỏi cuốn rồi đưa cho cô con gái, người cũng bị bà bỏ mặc theo cách đó.

Sally-Anne nhìn số tiền, tưởng tượng đến việc tiêu nó vào những trò ngông cuồng và những lần chè chén lu bù, rồi rút cuộc, phật ý vì khoảng cách gia đình áp đặt cho cô hơn là vì việc phải chuộc lại một lỗi lầm mình không phạm phải, cô đã quyết định trả thù. Cô sẽ đạt được thành công khiến một ngày nào đó họ phải hối tiếc vì đã tống khứ cô. Quả là một dự định đầy tham vọng, nhưng Sally-Anne có một trí thông minh ngoại hạng, một thân hình đẹp và rất nhiều mối quan hệ. Trong gia đình cô, thành công được đo đếm bằng tầm cỡ của tài khoản ngân hàng và những tài sản có thể trưng ra. Sally-Anne chưa bao giờ thiếu tiền, nhưng tiền chưa bao giờ quyến rũ cô nhiều hơn lúc này. Cô thích đánh bạn với mọi người, và không quan tâm đến việc khiến người thân bị sốc khi bấy lâu nay vẫn qua lại với những kẻ không cùng

tầng lớp. Sally-Anne có nhược điểm, nhưng cũng phải thừa nhận là cô duy trì được nhiều tình bạn chân thành.

Bầu trời trong vắt, màu xanh biếc hần vẫn không khiến cô quên được rằng trời đã mưa suốt đêm qua. Khi chạy mô tô, mặt đường nhầy nhụa là điều không thể chấp nhận được. Chiếc Triumph lướt đi trên mặt đường rải nhựa, Sally-Anne cảm nhận được hơi nóng của động cơ giữa hai bắp chân. Điều khiển chiếc xe này mang lại cho cô cảm giác tự do không gì sánh nổi.

Cô nhìn thấy ở một ngã tư xa xa trước mặt một ca bin điện thoại nằm lẻ loi giữa nơi hoang vắng, liền liếc mắt vào mặt đồng hồ hiện lên giữa những cái cúc bấm trên bàn tay đeo găng, về số rồi bóp chặt tay phanh. Cô đổ gọn chiếc Triumph dọc theo vỉa hè và hạ chân chống xuống. Cô cần biết chắc rằng người đồng lõa với mình sẽ đến đúng giờ.

Năm hồi chuông, lẽ ra May phải trả lời rồi mới phải chứ. Sally-Anne đang cảm thấy cổ họng mình nghẹn lại, thì đột nhiên cô nghe thấy tiếng nhắc máy.

- Mọi chuyện ổn cả chứ?
- Ừ, – giọng nói trả lời ngắn gọn.
- Tớ đang trên đường. Cậu sẵn sàng chưa?
- Tớ hy vọng thế, dù sao cũng đã quá muộn để lùi bước, không phải sao?
- Tại sao chúng ta lại muốn lùi bước chứ? – Sally-Anne hỏi.

May đã có thể nêu ra tất cả những lý do xuất hiện trong đầu cô. Dự định của họ quá mạo hiểm, trò đánh cược này có thực sự đáng

để họ bỏ công như thế này không? Việc trả thù này có ý nghĩa gì, bởi nó sẽ chẳng thể xóa bỏ những gì việc đã xảy ra. Và nếu mọi chuyện không diễn ra đúng như dự kiến, nếu hai người họ bị bắt thì sao? Bị kết tội hai lần có lẽ sẽ là điều vượt quá sức họ. Nhưng sở dĩ cô chấp nhận làm chuyện mạo hiểm, thì đó là vì cô bạn gái chứ không phải vì mình, thế nên May im lặng.

- Đừng đến muộn nhé, – Sally-Anne nhấn mạnh.

Một chiếc xe cảnh sát đi ngang qua và Sally-Anne nín thở, thầm nghĩ cô không nên để mình bị cuốn vào nỗi lo lắng, nếu không chuyện gì sẽ xảy ra khi cô chuyển sang hành động thật sự? Lúc này, cô không có gì phải tự trách mình, chiếc mô tô được đồ ngay ngắn và sử dụng ca bin điện thoại cũng chẳng có gì là bất hợp pháp. Chiếc xe cảnh sát tiếp tục lao đi, viên cảnh sát ngồi sau tay lái đã bỏ chút thời gian ném về phía cô ánh nhìn khêu gợi. Đến cả những người này cũng thế cả thôi! Cô vừa nghĩ vừa gác máy.

Đưa mắt nhìn đồng hồ lần nữa, cô sẽ đến trước cửa dinh thự nhà Stanfield trong vòng hai mươi phút tới, rời khỏi đó sau một giờ và sẽ quay trở lại sau chín mươi phút. Chín mươi phút sẽ thay đổi tất cả, với May và với cô. Cô ngồi lên chiếc Triumph, đạp gót vào cần đạp khởi động để nổ máy rồi tiếp tục lên đường.

Ở đầu kia thành phố, May đang mặc áo khoác. Cô kiểm tra để chắc chắn rằng cái que móc bằng kim cương vẫn nằm trong chiếc khăn giấy ở túi áo phải, rồi trả tiền người thợ khóa đã làm nó cho cô. Khi ra khỏi tòa nhà, cô cảm nhận được cái lạnh xộc tới. Những cành cây dương trụ lá kêu rảng rặc trong gió. Cô kéo cao cổ áo, đi bộ đến tận trạm dừng và đứng chờ xe buýt.

Ngồi bên ô cửa kính, cô nhìn hình ảnh phản chiếu của chính mình, lùa tay vuốt gọn tóc ra sau rồi chỉnh lại chiếc kẹp để giữ chắc chúng thành một búi. Trước cô hai hàng ghế, một người đàn ông đang nghe một giai điệu trompet của Chet Baker phát ra từ chiếc đài nhỏ đặt trên đầu gối. Gáy ông ta lắc lư theo nhịp điệu chậm rãi của bản ballad. Người đàn ông ngồi cạnh ông ta đang sốt soạt lật giở những trang báo, để khiến người kia phải khó chịu ngang với nỗi khó chịu mà bản *My Funny Valentine* gây ra cho ông ta.

- Đây là bài hát hay nhất mà tôi biết, – người phụ nữ ngồi cạnh cô thì thầm.

May thấy nó buồn thì đúng hơn là hay, còn sự thực thì nằm giữa hai sắc thái đó. Cô rời xe buýt sau khi đi qua sáu trạm dừng, và đứng lại dưới chân đồi, đứng vào giờ dự kiến. Sally-Anne đang ngồi chờ trên mô tô. Cô đưa May mũ bảo hiểm và chờ cho cô bạn yên vị. Động cơ gầm lên và chiếc Triumph trèo lên con đường dốc.

3

Eleanor-Rigby

Tháng Mười năm 2016, Beckenham, ngoại ô Luân Đôn

Mọi chuyện đều có vẻ bình thường, nhưng không còn gì bình thường nữa. Maggie đứng ở ngưỡng cửa phòng khách, tựa lưng vào khung cửa, các ngón tay vân vê một điều thuốc đã tắt. Có điều gì đó mách bảo rằng châm điều thuốc này sẽ xác nhận những điều ngu ngốc cô nàng vừa đọc.

Ngồi thẳng lưng trên ghế chằng khác nào một cô học trò ngồi hàng đầu không muốn chuốc lấy cơn thịnh nộ của cô giáo, tôi cầm bức thư trong tay, tâm trạng gần giống với nỗi sợ hãi của kẻ mộ đạo.

- Chị đọc lại xem nào, – Maggie ra lệnh cho tôi.

- Làm ơn. Chị *làm ơn* đọc lại xem nào, – tôi nói thêm để nhắc nhở cô nàng lấy lệ.

- Ai trong hai chúng ta là người lao đến nhà người kia giữa nửa đêm thế này? Thế nên, *làm ơn* đừng có làm em bức mình...

Làm thế nào mà Maggie có thể thuê cho mình một căn hộ hai phòng ngủ trong khi tôi, người có một công việc thực sự, lại phải chật vật mới trả nổi tiền thuê căn hộ một phòng? Chắc chắn là ba

mẹ tôi đã phải trợ giúp cô nàng một tay. Và sở dĩ Maggie vẫn thuê được căn hộ này từ sau khi mẹ tôi mất, thì chính là vì ba tôi cũng biết âm mưu đó, đây là điều khiến tôi bức bối. Một ngày nào đó, tôi sẽ phải có đủ dũng khí để đặt ra câu hỏi này bên bàn ăn gia đình. Đúng thế, tôi nghĩ, một ngày nào đó mình sẽ tìm ra dũng khí để tự khẳng định bản thân một lần cho xong, trước mặt cô em út, và đưa Maggie trở về đúng vị trí của mình mỗi khi cô nàng nói hỗn với tôi, và tất cả những chuyện khác lướt qua đầu tôi để khỏi phải suy nghĩ về bức thư mà tôi sắp đọc lại cho em gái nghe bởi vì Maggie vừa ra lệnh cho tôi làm thế.

- Chị bị mất lưỡi rồi sao, Rigby?

Tôi rất ghét những khi Maggie cắt ngắn tên riêng của tôi bằng cách tước đi cái phần nữ tính trong đó. Và Maggie hoàn toàn biết rõ điều này. Ngoài tình yêu mà chúng tôi dành cho nhau, chưa bao giờ có bất cứ điều gì đơn giản giữa hai chị em tôi. Khi còn là trẻ con, đã từng có những khi chúng tôi giật tóc nhau trong những trận ẩu đả của hai đứa con gái giận dữ, sự việc lại càng trầm trọng hơn khi chúng tôi trở thành thiếu niên. Chúng tôi đánh nhau cho đến khi Michel giơ hai tay ôm đầu như thể nỗi xấu xa rỉ ra từ sự độc ác của hai cô em gái vừa bùng nổ trong thái dương anh khiến anh phải chịu đựng một cực hình. Chúng tôi liền dừng trận đánh mà chúng tôi cũng đã quên biến lý do từ lâu, và để thuyết phục anh rằng toàn bộ chuyện đó chỉ là một trò chơi, chúng tôi choàng tay ôm siết lấy nhau rồi kéo anh vào một vòng tròn vui vẻ.

Maggie thường mơ ước có được mái tóc màu hung và vẻ ngoài bình thản của tôi, cứ như thể không gì có thể tác động được đến

tôi, theo như lời cô nàng nói. Còn tôi, tôi lại mơ ước có được mái tóc bù xù đen nhánh của cô em gái, mái tóc có lẽ sẽ giúp tôi tránh được biết bao lần trêu chọc ở trường, sắc đẹp lạnh lùng và sự tự tin của cô nàng. Giữa hai chúng tôi, mọi thứ đều có thể trở thành cái cớ để xung đột, nhưng chỉ cần một người lạ hoặc ba hay mẹ chúng tôi gây chuyện với một trong hai chị em, thì người còn lại sẽ lao đến và giương hết móng vuốt ra, sẵn sàng cắn xé để bảo vệ chị em mình.

Tôi thở dài và bắt đầu đọc to bức thư.

Eleanor thân mến,

Mong cô tha lỗi cho tôi vì cách gọi tên ngắn gọn này, tôi thấy những cái tên ghép thật quá dài dòng, mặc dù tên của cô rất thú vị, nhưng đó không phải là mục đích của bức thư này.

Chắc hẳn cô đã cảm thấy việc ra đi đột ngột của mẹ cô thật quá đổi bất công. Bà ấy được sinh ra để trở thành bà nội, bà ngoại, chết trên giường sau khi đã sống rất thọ, xung quanh là cả gia đình mà bà ấy đã hết mực chăm lo. Bà ấy là một phụ nữ đặc biệt, vô cùng thông minh, có thể làm được những điều tuyệt vời nhất cũng như những điều tồi tệ nhất, nhưng cô mới chỉ biết đến những điều tuyệt vời nhất.

Thường là như thế, ta chỉ biết về bố mẹ chúng ta qua những gì họ muốn cho chúng ta biết, những gì ta muốn nhìn thấy ở họ, và ta quên mất rằng họ đã từng có một cuộc sống trước ta, bởi vì đó vốn là quy luật tự nhiên. Tôi muốn nói họ từng có một cuộc sống của riêng họ, từng trải qua những đòn đau day dứt của tuổi trẻ, những đối trá của riêng họ. Cả họ cũng từng phải rút đứt xiềng xích, tự giải thoát

chính mình. Vấn đề là: họ đã làm thế nào?

Mẹ của cô chẳng hạn, ba mươi lăm năm trước, đã từ bỏ một tài sản đáng kể. Nhưng tài sản đó không phải là kết quả của một vụ thừa kế. Vậy bà ấy đã có được tài sản đó trong hoàn cảnh nào? Nó thuộc về bà ấy hay bà ấy đã ăn cắp nó? Nếu không, tại sao lại quay lưng với tài sản đó? Từng ấy câu hỏi mà cô có nhiệm vụ phải tìm ra câu trả lời, nếu việc này khiến cô quan tâm. Và nếu cô quan tâm, tôi gợi ý cô nên tìm kiếm một cách khôn ngoan. Hẳn cô cũng ngờ rằng một phụ nữ khôn ngoan như mẹ cô sẽ không bao giờ cất giấu những bí mật thâm kín nhất ở một nơi dễ thấy. Khi phát hiện ra bằng chứng cho thấy những thắc mắc của tôi là hoàn toàn có căn cứ, bởi tôi biết mong muốn đầu tiên của cô sẽ là không tin tôi, cô sẽ phải đến gặp tôi, vào thời điểm thích hợp, bởi vì tôi sống ở đầu kia thế giới, còn lúc này, tôi phải để cho cô suy nghĩ. Cô có rất nhiều việc phải làm.

Một lần nữa, hãy thứ lỗi cho tôi vì bức thư nặc danh này, cô đừng cho đây là biểu hiện của sự hèn nhát, tôi hành động như vậy chỉ vì lợi ích của cô mà thôi.

Tôi hết lòng đề nghị cô đừng nói về bức thư này với bất kỳ ai, cả Maggie lẫn bố cô, và hãy hủy nó ngay sau khi đọc xong. Cất giữ nó sẽ chẳng mang lại lợi ích gì cho cô cả. Hãy tin vào sự chân thành trong lời nói của tôi: tôi chúc cô những điều tốt đẹp nhất và xin gửi tới cô lời chia buồn, cho dù đã muộn.

- Cách thức lập luận của bức thư này khá là xảo quyệt đấy, – tôi buông thõng. – Không thể biết tác giả của nó là đàn ông hay đàn bà.

- Đàn ông hay đàn bà thì cũng là một kẻ đầu óc có vấn đề. Điều duy nhất có ý nghĩa trong bức thư này, đó là lời đề nghị hãy hủy nó...

- Và không kể về nó với ai hết, nhất là với em...

- Về lời đề nghị đó thì chị đã rất đúng đắn khi không làm theo.

- Cũng không được kể với ba.

- Nhưng với ba thì tốt nhất là chị nên làm theo, bởi vì không có chuyện ta khiến cho ba phải lo lắng với mảnh giấy đầy những chuyện ngớ ngẩn này.

- Đừng có lúc nào cũng nói chị phải làm cái gì và không làm gì nữa đi, chị là chị của em đấy!

- Bởi vì chị hơn em một tuổi mà chị thông minh hơn em sao? Nếu đúng như thế, hẳn là chị đã không lao vội đến nhà em để cho em xem bức thư này.

- Chị không lao vội đến, chị đã nhận được nó từ hôm kia, – tôi nói rõ.

Maggie kéo một chiếc ghế và ngồi xuống trước mặt tôi. Trước đó tôi đã đặt bức thư lên mặt bàn. Cô nàng đưa ngón tay vuốt nhẹ và thích thú với chất lượng của tờ giấy.

- Đừng có nói là chị tin vào bất cứ lời nào trong đây nhé? – Maggie hỏi tôi.

- Chị không biết nữa... nhưng tại sao lại có người bỏ thời gian để viết ra thứ này nếu đó chỉ là những điều dối trá? – Tôi hỏi lại em gái.

- Bởi vì ở đâu mà chẳng có những kẻ điên khùng, sẵn sàng làm

tất cả và bằng bất cứ cách nào để gây rắc rối cho chị.

- Không phải là cho chị, Maggie. Em sẽ thấy cuộc sống của chị chán ngắt, nhưng chị không hề có kẻ thù.

- Một gã đàn ông nào đó đã phải đau khổ vì chị chẳng?

- Chị cũng muốn thế lắm, nhưng về phương diện đó thì hoàn toàn là sa mạc đến tận chân trời.

- Anh chàng phóng viên của chị?

- Anh ấy không bao giờ có khả năng làm điều gì sỗ nhục như thế này. Với lại bọn chị vẫn đang giữ mối quan hệ tốt đẹp.

- Thế thì tại sao tác giả bức thư vợ vắn này lại biết tên em?

- Người đó còn biết nhiều hơn thế về chúng ta. Sở dĩ hẳn không nhắc đến Michel, là vì...

Maggie xoay chiếc bật lửa trên mặt bàn.

- ... là vì hẳn chắc chắn rằng chị sẽ không tìm đến quấy rầy anh trai chúng ta. Như vậy, kẻ viết thư nặc danh này biết rõ hoàn cảnh của anh ấy. Thú thật là chuyện này khiến em sợ chết khiếp đấy, – cô nàng buông thõng.

- Ta làm gì bây giờ? – Tôi hỏi.

- Chẳng làm gì cả, chúng ta không làm gì hết, đó là cách tốt nhất để không dính vào trò chơi của hắn. Ta vứt thứ bẩn thỉu này vào sọt rác, và cuộc sống sẽ tiếp diễn.

- Em có tưởng tượng được việc mẹ nắm giữ một tài sản lớn khi còn trẻ không? Chuyện đó thật vô lý, cứ đến cuối tháng là nhà mình lại phải xoay xở chật vật. Nếu mẹ là người giàu có, tại sao

chúng ta lại phải thắt lưng buộc bụng như thế?

- Chị đừng nói quá lên, dù sao chúng ta cũng đâu có phải khổ khổ, chúng ta chẳng thiếu thứ gì cả, – Maggie gay gắt phản bác lại.

- Em thì chưa bao giờ phải thiếu thốn gì, có rất nhiều chuyện mà em không hề biết.

- À thế à, những chuyện gì vậy?

- Thì chính là những cuối tháng đầy khó khăn ấy. Em tưởng mẹ dạy thêm là vì lòng tận tụy còn ba thì dành các cuối tuần để sửa bản thảo chỉ cho vui sao?

- Ba làm việc trong ngành xuất bản còn mẹ thì dạy học, em tưởng đó là một phần công việc của họ.

- Hoàn toàn không phải, sau mười tám giờ tối thì đó không còn là một phần công việc của họ nữa. Và khi ba mẹ gửi chúng ta đi trại hè, em tưởng ba mẹ đi nghỉ ở Caribe trong thời gian đó sao? Thậm chí mẹ từng phải làm công việc thời vụ ở quầy lễ tân bệnh viện đấy.

- Mẹ ư? – Maggie sửng sốt hỏi lại.

- Ba năm liên tục, hè năm em mười ba, mười bốn, mười lăm tuổi.

- Thế tại sao chị lại biết chuyện còn em thì không?

- Bởi vì chị đã hỏi ba mẹ. Em biết lớn hơn một tuổi có ý nghĩa thế nào rồi đấy.

Maggie im lặng một lát.

- Vậy thì không, – cô nàng tiếp tục, – ý nghĩ cho rằng mẹ chúng ta đã cất giấu một khối tài sản lớn không có chút cơ sở nào.

- Mặc dù tài sản không nhất thiết phải là tiền.

- Nếu đó không phải một tài sản thực sự, tại sao kẻ viết thư nặc danh kia lại gợi ý rằng nó không phải là kết quả của một vụ thừa kế?

- Hẳn cũng khuyến cáo chúng ta nên tỏ ra khéo léo, có thể đó là một cách để chúng tỏ với chúng ta rằng bức thư của hẳn còn thâm thúy hơn vẻ bề ngoài của nó.

- Nhiều *có thể* quá. Chị hãy hủy bức thư đó đi, thậm chí quên luôn là chị đã nhận được nó.

- Tất nhiên! Theo như chị biết, chị nghĩ em sẽ không chờ quá hai ngày mới đến nhà ba và lục tung cả nhà lên đâu.

Maggie vớ lấy chiếc bật lửa và châm thuốc. Cô nàng hít một hơi dài và nhả khói thành cột thẳng đứng.

- Được thôi, – cô nàng nhượng bộ. – Ngày mai, cả gia đình sẽ ăn tối ở đây. Chị sẽ nấu ăn còn em sẽ tra hỏi ba, chỉ để cho rõ ràng mọi chuyện, mặc dù em tin chắc ta làm thế chỉ tổ mất thời gian.

- Ngày mai em sẽ gọi pizza và cả hai chúng ta sẽ cùng hỏi chuyện ba, một cách kín đáo, vì anh Michel cũng sẽ có mặt.

4

Ray

Tháng Mười năm 2016, Croydon, ngoại ô Luân Đôn

Ý tưởng ăn tối cùng các con khiến ông vui thích, nhưng có lẽ ông thích chuyện đó diễn ra ở nhà ông hơn. Ray vốn là người thích quanh quẩn ở nhà, và khi đã vào tuổi ông thì người ta sẽ không thay đổi bản tính. Ông lấy từ trong tủ quần áo ra chiếc áo vest họa tiết chữ chi. Ông sẽ qua đón Michel, đây sẽ là một dịp để cho chiếc Austin già nua lăn bánh. Ông không còn dùng nó để đi mua sắm từ khi Tesco mở một siêu thị nhỏ cách nhà ông chừng năm phút đi bộ. Bác sĩ đã kê đơn cho ông phải đi bộ ít nhất mười lăm phút mỗi ngày. Đó là việc tối thiểu phải làm để duy trì hệ thống khớp của ông. Ông thì không quan tâm đến khớp cho lắm, nhưng chủ yếu là vì ông không còn biết làm gì với thân thể mình từ khi góa vợ. Dù sao, ông cũng hóp bụng khi đứng trước gương và lùa bàn tay vào tóc để vuốt ngược chúng ra sau. Ông có già nua cũng không sao, nhưng vẫn tiếc nuối mái tóc dày thời trai trẻ. Với đồng tiền tỷ mà chính phủ chi cho những cuộc chiến chẳng mang lại ích lợi gì, lẽ ra họ nên tìm ra một thứ gì đó giúp tóc mọc lại thì tốt hơn. Nếu có thể sống lại thời ba mươi tuổi, có lẽ ông sẽ thuyết phục vợ sử dụng tài năng hóa học của bà để phục vụ khoa

học thay vì giảng dạy. Có lẽ bà sẽ tìm ra công thức kỳ diệu, giúp họ kiếm bộn tiền, và có lẽ họ sẽ tận hưởng những ngày cuối đời trong các khách sạn hạng sang trên khắp thế giới.

Ông đổi ý và lấy ra chiếc áo khoác bằng vải gabadin. Từ khi góa vợ, ông càng cảm thấy kinh khủng hơn mỗi lần phải ra ngoài một mình, hơn nữa ông còn là người thích ở nhà. Đây là lần đầu tiên Maggie tổ chức ăn tối ở nhà con bé. Có lẽ con bé sẽ thông báo với ông là nó sắp kết hôn chẳng? Ông lập tức tự hỏi liệu mình có còn chui được vào bộ lễ phục không. Cùng lắm thì ông sẽ ăn kiêng, với điều kiện Maggie để cho ông có thời gian giảm được chừng hai hoặc ba, nhiều nhất là năm ký lô, không nên phóng đại bất cứ điều gì, dù sao ông cũng vẫn giữ được thân hình thon thả, ngoại trừ vài chỗ có hơi phình ra, không có gì kinh khủng cả. Ngay sau đó Maggie có thể thông báo rằng lễ cưới sẽ diễn ra vào tuần sau, vì con bé đã quá sốt ruột. Ông có thể tặng thứ gì cho con gái làm quà cưới được nhỉ? Ông nhận thấy hai mí mắt hơi trĩu xuống, ông ấn ngón trỏ vào bên dưới mắt phải và thấy cách đó sẽ giúp ông trẻ lại ngay lập tức, đồng thời cũng khiến ông có dáng dấp của một gã ngớ ngẩn, ông có thể dán hai miếng băng dính vào bên dưới mắt, và tất cả mọi người sẽ tha hồ mà cười. Ray nhăn mặt vài lần trước gương rồi tự cười một mình. Trong tâm trạng vui vẻ, ông vợ lấy chiếc mũ lưỡi trai, tung tẩy chùm chìa khóa xe trong lòng bàn tay và ra khỏi nhà với dáng vẻ của một chàng thanh niên.

Chiếc Austin sục mùi bụi, thứ mùi cổ lỗ rất thanh nhã, chỉ tỏa ra từ bên trong những chiếc xe sưu tầm. Gã hàng xóm lý luận rằng dòng xe A60 cấp dài không phải là xe sưu tầm, đúng là kẻ hay ghen ghét! Ngày nay, cứ thử xem có tìm được những chiếc bảng điều khiển bằng gỗ cẩm lai thực sự không, thậm chí cả đồng

hồ trên bảng điều khiển cũng là một thứ đồ cổ. Chiếc xe đã là hàng *second hand* ngay từ khi ông mua về, vào năm nào ấy nhỉ? Khi đó hai đứa sinh đôi nhà ông còn chưa ra đời. Đương nhiên là chúng chưa ra đời, vì ông đã dùng chính chiếc xe này để đến đón vợ ở nhà ga, khi họ gặp lại nhau. Thật không thể tin nổi khi nghĩ rằng chiếc xe này đã đồng hành cùng họ suốt cả cuộc đời. Họ đã đi qua bao nhiêu dặm đường trên chiếc Austin này? Hai trăm tám mươi ngàn sáu trăm năm mươi ba, sẽ là năm mươi tư khi ông đến nhà Michel, thế mà lại còn không phải là một chiếc xe sưu tầm sao... Gã hàng xóm của ông quả là ngu ngốc!

Không thể nhìn vào ghế phụ bên cạnh ghế lái mà không hình dung ra bóng dáng của người vợ quá cố. Ông vẫn như nhìn thấy bà đang cúi xuống để cài dây an toàn. Bà không bao giờ chỉnh được nó và sẽ vừa cầu nhàu vừa nghi ngờ ông đã rút ngắn nó lại để chọc tức bà và khiến bà tin rằng bà đã béo lên. Đúng là ông đã chơi trò này với bà hai hay ba lần gì đó, nhưng sau đó thì không bao giờ lặp lại nữa. Thật ra là có, có lẽ là nhiều hơn chút, nếu ông nghĩ kỹ. Sẽ hay biết bao nếu có thể chôn trong chiếc xe này. Rốt cuộc, để làm thế, có lẽ sẽ phải mở rộng đáng kể diện tích các nghĩa trang, và cũng không tốt lắm cho hệ sinh thái.

Ray đỗ xe trước tòa nhà nơi Michel ở. Ông bấm còi hai lần rồi vừa chờ anh vừa quan sát mấy người khách bộ hành trên vỉa hè loang loáng nước. Và đừng ai đến đây mà than thở về mưa nước Anh, làm gì có đất nước nào nhiều cây xanh bằng đất nước này đâu.

Một cặp đôi khiến ông chú ý. Người đàn ông hẳn không phải ngày nào cũng vui vẻ. Nếu Chúa lòng lành có thật, thì lẽ ra gã đó

phải góa vợ mới đúng. Thế giới quả là tồi tệ. Tại sao Michel lúc nào cũng chậm chạp khi ra khỏi nhà? Bởi vì anh phải kiểm tra để biết chắc rằng mọi thứ đều ở đúng chỗ của mình, rằng ga đã khóa, dù anh không còn sử dụng đến cái bếp ga từ đời thuở nào rồi, rằng đèn đã tắt, ngoại trừ trong phòng ngủ nơi lúc nào anh cũng để đèn sáng, rằng cánh cửa tủ lạnh đã khép chặt. Miếng gioăng đã rão. Ông sẽ ghé qua để thay giúp anh, một ngày nào đó trong lúc Michel đang ở chỗ làm. Ông sẽ chỉ nói chuyện đó với anh sau khi đã hoàn tất việc sửa chữa. Cuối cùng thì đây rồi, anh cũng xuất hiện trong chiếc áo choàng đi mưa muôn thuở mà anh vẫn mặc cả vào mùa hè, và liên quan đến cái áo này thì ông không chắc có thể thuyết phục được anh thay đổi.

Ray nhào người mở cửa xe, Michel lách vào bên trong khoang lái, hôn má bố, cài dây an toàn rồi đặt hai bàn tay lên đầu gối. Anh chăm chú nhìn mặt đường trong lúc chiếc xe khởi động lại và chỉ mỉm cười sau khi đã đi qua hai ngã tư.

- Con rất vui vì cả nhà ta ăn tối cùng nhau, nhưng thật lạ là chúng ta lại đến nhà Maggie.

- Nhưng tại sao lại kỳ lạ, hả chàng trai? – Ray hỏi.

- Maggie không bao giờ nấu nướng, thế nên chuyện này mới kỳ lạ.

- Ba nghĩ ta nên hiểu rằng tối nay có tiệc, em con đã đặt pizza.

- À, thế thì đỡ kỳ lạ hơn rồi, nhưng dù sao cũng vẫn kỳ lạ, – Michel vừa đáp vừa đưa mắt nhìn theo một cô gái trẻ đang qua đường.

- Không tồi đâu, – Ray huýt sáo.

- Cô ấy không được cân đối cho lắm, – Michel buông một câu.

- Con đùa à, cô ấy đẹp tuyệt vời!

- Tầm vóc trung bình của một cá nhân thuộc giới tính nữ vào năm 2016 là 5 foot 6 inch^[4], cô gái này cao ít nhất là 6 foot 1 inch^[5]. Vậy là cô ấy quá cao.

- Nếu con đã nói thế thì tùy con vậy, nhưng ở tuổi con, có lẽ ba sẽ đánh giá cao kiểu mất cân đối này.

- Con sẽ thích nếu cô ấy...

- Thấp hơn!

- Đúng, đúng vậy, thấp hơn.

- Nồi nào úp vung nấy, đúng không?

- Có lẽ thế, nhưng con không thấy chuyện này liên quan gì đến vung với nồi cả.

- Đó là một cách nói, Michel ạ. Để nói rằng sở thích của tất cả mọi người đều là lẽ tự nhiên.

- Đúng, có vẻ logic đấy, không phải cách diễn đạt đầu tiên của ba đâu, câu đó chẳng có nghĩa gì cả, mà là cách diễn đạt thứ hai ấy. Nó tương ứng với điều con từng nhận thấy.

Chiếc Austin hòa vào giữa dòng xe cộ trên đại lộ. Một màn mưa mỏng lại tiếp tục rơi, đúng là thứ mưa phùn nước Anh khiến cho mặt đường lát đá dăm ánh lên trong vài phút.

- Ba nghĩ em gái con sẽ thông báo với chúng ta rằng nó sắp cưới.

- Em nào? Con có hai em gái mà.

- Maggie, ba nghĩ thế.

-Ồ, mà tại sao ba lại nghĩ thế?

- Bản năng của người cha, con cứ tin ở ba. Và sở dĩ ba nói với con chuyện đó vào lúc này, thì là vì có một lý do rất cụ thể. Khi con bé tuyên bố với chúng ta điều đó, ba muốn con biết rằng đó là một tin vui và do đó, con sẽ phải thể hiện nỗi vui mừng.

-Ồ, tại sao vậy ạ?

- Bởi vì nếu con không làm thế, em gái con sẽ buồn. Khi mọi người thông báo với chúng ta điều gì đó khiến họ hạnh phúc, họ luôn chờ đợi được chúng ta đáp lại bằng cách chia sẻ niềm hạnh phúc đó với họ.

-Ồ, thế tại sao lại vậy?

- Bởi vì đó là một cách để thể hiện rằng ta yêu quý họ.

- Con hiểu rồi. Mà kết hôn là một tin tốt lành sao?

- Đúng là một câu hỏi khó. Về nguyên tắc thì đúng thế.

- Và người chồng tương lai của em ấy sẽ có mặt chứ?

- Có lẽ thế, với em gái con thì ta không thể biết trước điều gì.

- Em nào? Con có hai em gái mà.

- Ba biết là con có hai em gái, chính ba là người đã tạo ra chúng, ba nhắc để con nhớ điều đó, thực ra là mẹ con, tất nhiên.

- Thế mẹ cũng sẽ ở đấy sao?

- Không, mẹ con sẽ không có ở đó. Con biết tại sao rồi mà, ba đã giải thích rất nhiều lần rồi.

- Vâng, con biết, bởi vì mẹ đã chết.

- Đúng đấy, bởi vì mẹ đã chết.

Michel nhìn ra ngoài cửa kính rồi lại quay lại chăm chú nhìn ba mình.

- Thế ba mẹ thì sao, ba mẹ cưới nhau có phải là tin vui hay không?

- Một tin tuyệt vời, anh bạn ạ. Và nếu được làm lại, có lẽ ba sẽ còn cưới mẹ con sớm hơn nữa kia. Thế nên đây cũng sẽ là một tin vui đối với Maggie; những cuộc hôn nhân hạnh phúc, ba tin chắc là mọi người trong gia đình ta có khiếu về chuyện này.

-Ồ. Ngày mai con sẽ kiểm tra lại khi ở trường đại học, nhưng con không nghĩ chuyện đó là do di truyền đâu.

- Thế còn con, con có hạnh phúc không, Michel? – Ray hỏi bằng giọng dịu dàng.

- Có, con nghĩ thế... Bây giờ con đang hạnh phúc vì Maggie sắp kết hôn và con biết rằng đó sẽ là một cuộc hôn nhân hạnh phúc bởi vì gia đình ta có khiếu về chuyện đó, nhưng dù sao con cũng vẫn hơi sợ phải gặp chồng của em ấy.

- Con sợ điều gì chứ?

- À thì con hy vọng là con và cậu ta sẽ hợp nhau.

- Con biết cậu ấy rồi mà. Fred, một anh chàng cao lớn, cậu ấy rất dễ mến, và chúng ta đã tới ăn tối nhiều lần ở quán của cậu ấy. Nói đúng ra là ba hy vọng em con sẽ kết hôn với cậu ấy, mặc dù với em gái con thì chẳng thể nào biết trước được.

- Thật tiếc là mẹ không thể đến dự buổi tối khi con gái mẹ

thông báo với chúng ta là em ấy sẽ kết hôn.

- Con gái nào? Ba có hai cô con gái mà, – Ray vừa đáp lại vừa mỉm cười.

Michel suy nghĩ một lát rồi cũng mỉm cười.

5

May

Tháng Mười năm 1980, Baltimore

Chiếc mô tô ngược lên con đường bám theo sườn đồi. Mỗi lần Sally-Anne về ga, đoạn đường phía sau lại bốc lên một màn bụi. Chỉ còn vài chỗ ngoặt nữa thôi là tòa dinh thự sẽ ở trong tầm mắt họ. May nhanh chóng nhận ra từ đằng xa hàng rào duyên dáng bao bọc tài sản của gia đình Stanfield, hàng rào được sơn đen và nổi cao thêm bằng những mũi tên gia công trau chuốt. Hai người họ càng đến gần, May càng siết cánh tay quanh thắt lưng Sally-Anne, và vòng ôm của cô trở nên chặt đến mức cuối cùng Sally-Anne phải mỉm cười, và hét lên để át tiếng gió:

- Tớ cũng thế, tớ cũng sợ lắm, nhưng hãy tự nhủ rằng đó chính là điều khiến cuộc phiêu lưu này trở nên đầy phấn khích.

Động cơ của chiếc Triumph kêu quá to nên May không thể nào nghe hết cả câu, cô chỉ nghe thấy “sợ” và “phấn khích”, và đó chính xác là những gì cô đang cảm thấy. Có lẽ sự đồng cảm giữa người này với người kia chính là biểu hiện của một mối quan hệ hoàn hảo.

Sally-Anne về số, nghiêng chiếc xe và rẽ vào đoạn đường ngoặt

cuối cùng xoay tròn một trăm tám mươi độ, rồi tăng tốc và dựng thẳng xe lên khi ra khỏi khúc cua. Cô điều khiển chiếc Triumph khéo léo đến mức khiến cho bất kỳ tay lái mô tô nào cũng phải tái mặt vì ghen tị. Đoạn đường thẳng cuối cùng, bây giờ ngôi nhà đã hiện ra rõ mồn một trên đỉnh đồi. Nó chế ngự toàn bộ thung lũng, với hàng cột kiêu kỳ bao quanh. Chỉ có những nhà giàu mới nổi và những kẻ hãnh tiến mới chuộng sự xa hoa phô trương đến thế, tuy nhiên gia đình Stanfield lại nằm trong số những gia đình có địa vị lâu đời nhất ở thành phố này, thậm chí họ còn tham gia việc xây dựng thành phố. Một số người kể rằng họ đã bắt đầu gom nhặt tài sản của mình trên lưng những người nô lệ canh tác trên đất của họ, số khác thì, ngược lại, nói rằng gia đình Stanfield nằm trong số những người đầu tiên giải phóng nô lệ, hình như một số thành viên trong gia đình này còn đổ máu vì việc đó. Câu chuyện thường xuyên biến đổi, tùy theo việc người ta kể lại nó trong khu phố nào.

Sally-Anne đỗ mô tô trong bãi đỗ xe dành cho người làm. Cô tắt máy, cởi mũ bảo hiểm rồi quay sang May đang xuống khỏi yên xe.

- Cổng dành cho người cung cấp hàng hóa nằm trước mặt cậu, cậu đến đó trình diện và nói rằng cậu có hẹn với “Cô Verdier”.

- Thế nếu cô ta có ở đấy thì sao?

- Thế thì có lẽ cô ta được trời phú cho khả năng phân thân đầy mầu nhiệm, bởi vì người phụ nữ đang đi về phía chiếc xe Ford màu đen mà cậu nhìn thấy dưới kia chính là cô Verdier. Tổ đã nói với cậu rồi, ngày nào cô ta cũng nghỉ trưa vào lúc mười một giờ, lên chiếc xe hơi đẹp đẽ của cô ta và lao thẳng ra thành phố để đi

xoa bóp... Thực ra đó chỉ là cách nói thôi, cô ta không chỉ đi mát xa.

- Thế làm sao cậu biết được chuyện đó?

- Tớ đã bám theo cô ta trong những tuần vừa qua đủ để biết được, và khi tớ nói với cậu là tớ theo dõi cô ta, thì có nghĩa là rất sát sao, thế nên cậu có thể tin lời tớ.

- Cậu không đẩy hành vi tội lỗi xa đến mức...

- Chúng ta không có thời gian để tranh cãi đâu, May ạ, Verdier là người khó thỏa mãn, thế nhưng cô ta sẽ có một cơn cực khoái ngắn buổi sáng sau bốn mươi lăm phút nữa, và sau khi đã ngốn một chiếc bánh mì kẹp cùng một lon Coca ở quán cà phê bên cạnh cho lại sức, cô ta sẽ quay trở lại ngay. Bây giờ thì đi đi, cậu đã thuộc lòng sơ đồ ngôi nhà, chúng ta đã nhắc đi nhắc lại nó cả trăm lần rồi.

May vẫn đứng như trời trồng trước mặt cô bạn; Sally-Anne cảm thấy bạn mình thiếu tự tin, cô liền choàng tay ôm bạn, nói rằng bạn rất rạng rỡ và mọi chuyện rồi sẽ ổn thỏa. Cô sẽ chờ May ngoài bãi đỗ xe.

May đi qua đường và đến trình diện trước cánh cửa dành cho người làm. Chính là cánh cửa dùng để giao báo chí, thực phẩm, đồ uống và hoa, cũng như tất cả những gì mà bà Stanfield và con trai bà mua ngoài thành phố. Trong vai một cô gái trẻ được giáo dục cực tốt, May thông báo với ông quản gia rằng cô có hẹn phỏng vấn tuyển dụng với cô Verdier. Như Sally-Anne đã dự tính, ấn tượng mạnh bởi vẻ đáng tin cậy tự nhiên đến từ chất giọng Anh mà May sử dụng, ông quản gia không hỏi thêm câu nào mà cho

cô vào luôn. Ông hiểu rằng cô đến sớm, và bởi vì sẽ không được phù hợp lắm nếu để một người ở địa vị cô ngồi chờ trong sảnh, ông đưa May lên một phòng khách nhỏ ở tầng hai, đúng như Sally-Anne đã dự kiến.

Với vẻ lầy lăm tiếc, ông mời cô ngồi xuống một chiếc ghế bành. Cô Verdier vừa ra ngoài, chỉ một lát thôi, ông nói thêm trước khi giải thích rằng chắc chắn cô ấy sắp về rồi. Ông đề nghị cô dùng một thứ đồ uống giải khát. May cảm ơn ông, cô không khát. Ông quản gia lui ra, để lại cô một mình trong căn phòng sang trọng nằm sát bên phòng làm việc dành cho nữ thư ký của ông Stanfield.

Phòng khách nhỏ này được trang bị một bàn tròn nằm giữa hai ghế bành bọc nhung tiếp màu với những tấm rèm trang trí cửa sổ. Sàn nhà bằng gỗ sồi sẫm màu được trải một tấm thảm Aubusson, các bức tường ốp gỗ, và từ trần nhà rủ xuống một chùm đèn nhỏ bằng pha lê.

Tự giới thiệu, trèo lên cầu thang cao dẫn đến tầng hai của tòa nhà, đi dọc hành lang dài nhô ra bên trên sảnh để đến tận đây đã khiến cô tốn mất mười phút. Cô buộc phải rời khỏi nơi này trước khi nữ thư ký cuồng dâm kia quay về làm việc. Ý nghĩ về những gì cô ta đang làm trong một phòng mát xa đáng ngờ ở trung tâm thành phố hẳn khiến cô rất thích thú, cô và Sally-Anne đã cười đùa về chuyện đó trong lúc tập luyện kế hoạch này. Nhưng bây giờ, khi phải vào văn phòng của cô ta, thực hiện một vụ bẻ khóa, *trên thực tế*, sẽ biến mình thành kẻ phạm pháp, cô lại thấy không tự tin. Nếu cô để mình bị bắt, người ta sẽ gọi cảnh sát và cảnh sát sẽ nhanh chóng kết nối mọi chuyện lại với nhau. Khi ấy, người ta

sẽ không chỉ kết tội cô vì một vụ đột nhập đơn thuần. Đừng nghĩ đến điều đó, đừng nghĩ đến vào lúc này. Miệng cô khô khốc, lẽ ra cô nên nhận lời mời uống cốc nước của ông quản gia, nhưng như thế cô sẽ mất quá nhiều thời gian. Đứng dậy và đi về phía cánh cửa đó. Xoay tay nắm cửa rồi bước vào trong.

Đó chính xác là những gì cô đã làm, với lòng quyết tâm khiến bản thân cô cũng phải ngạc nhiên. Cô hành động chẳng khác nào một con rô bốt tự động được lập trình để thực hiện một nhiệm vụ hết sức rõ ràng.

Khi đã vào đến bên trong, cô nhẹ nhàng khép cửa lại. Rất có nguy cơ ông chủ nhà đang ở trong căn phòng bên cạnh và không biết rằng nữ thư ký của mình vắng mặt vào giờ này.

Cô nhìn bao quát một lượt, ngạc nhiên trước lối bài trí hiện đại đối lập với các phòng khác mà cô từng biết trong tòa nhà này. Một bức tranh chép của Miró tô điểm cho bức tường đối diện với chiếc bàn làm việc bằng gỗ sáng màu. Mà cũng có thể không phải là tranh chép. Cô không có thời gian lại gần để xem cho rõ. Cô đẩy ghế bành ra, quỳ xuống trước chiếc tủ nhiều ngăn kéo và lấy từ trong túi ra cái que móc vẫn giấu trong chiếc khăn giấy.

Cô đã luyện tập hàng trăm lần với một chiếc tủ giống như thế này, để học cách lách que móc vào sâu trong ổ khóa mà không làm ổ bị hỏng. Một ổ khóa lò xo kiểu Yale, một người quen của Sally-Anne đã giới thiệu và bán cho cô một cái que móc kiểu ống thăm có đầu nhọn vát để mở loại ổ khóa này. Góc rộng ở đầu mũi và hẹp ở phía tay cầm, dễ chọc vào và rút ra. Cô nhớ lại bài học: tránh cò cửa cái que móc bên trong ổ khóa nhằm không để lại bất cứ chút mặt sắt nào có thể làm hóc khóa và để lộ dấu vết vụ trộm,

giữ que đúng theo chiều nằm ngang đằng trước ổ khóa, chậm rãi đưa que móc vào, chạm vào các chốt và ấn từng chốt bằng một lực vừa phải để nhấc chúng lên mà không làm chúng bị hỏng. Cô cảm thấy cái chốt đầu tiên đã chạm vào chỗ ngắt, chậm rãi thò đầu que móc vào cho đến khi cái chốt thứ hai cũng bật lên, rồi đến cái chốt thứ ba. May nín thở và chậm rãi quay rôto ổ khóa, cuối cùng cũng kéo được ngăn kéo tử ra.

Vẫn còn phải làm một việc cũng không kém phần khó khăn, khi cô phải khóa ổ khóa lại và rút cái que ra. May cố gắng không làm nó nhúc nhích khi mở ngăn kéo.

Một cặp kính, một hộp phấn, một bàn chải đánh răng, một thỏi son, một hũ kem dưỡng da tay... tài liệu chết tiệt đó đâu? Cô nhặt một chồng tài liệu đặt lên bàn rồi bắt đầu xem xét từng cái. Cuối cùng, danh sách khách mời cũng hiện ra và May cảm thấy tim mình đập nhanh khi nghĩ đến những rủi ro mà cô phải đối mặt chỉ nhằm mục đích duy nhất là thêm vào danh sách đó hai cái tên.

- Bình tĩnh nào, May, – cô thì thầm, – mày sắp xong rồi.

Đưa mắt liếc nhìn đồng hồ treo tường, cô vẫn còn mười lăm phút nữa trong vùng an toàn. Thế nếu cô Verdier hôm nay lại đạt cực khoái sớm hơn thì sao?

- Đừng nghĩ đến chuyện đó, cô ta không mất công đi cả đoạn đường ấy mà lại tự tước bỏ của mình màn dạo đầu đâu, nếu vội thì cô ta đã tự sướng rồi.

May nhìn chiếc máy chữ ngự trên mặt bàn làm việc, một chiếc máy Underwood dòng cổ điển nhất. Cô đặt tờ giấy lên giá đỡ,

nhắc đầu ngòi viết lên rồi xoay bánh ngắt dòng. Tờ giấy cuộn lại quanh trục rồi lại hiện ra.

May chuẩn bị gõ hai cái tên giả mà cô định thêm vào, một cho cô, một cho Sally-Anne, và tiếp theo hai cái tên là địa chỉ hòm thư mà hai người họ vừa mở tuần trước tại văn phòng bưu điện trung tâm. Không chút nghi ngờ rằng một ngày nào đó, cảnh sát sẽ xem xét kỹ danh sách này, để tìm kiếm thủ phạm của vụ án. Nhưng hai cái tên giả không có địa chỉ thật này sẽ chẳng cung cấp đầu mối thông tin nào. Cô gõ cái tên đầu tiên, cẩn thận ấn nhẹ lên bàn phím để bóp nghẹt âm thanh của những chiếc búa gõ chữ đập vào dải băng. Rồi cô điều khiển thanh trục trượt thật cẩn thận, cố gắng để không làm chiếc chuông nhỏ gắn với trục xuống dòng vang lên leng keng. Nhưng dù sao nó cũng vẫn kêu.

- Cô Verdier đấy à? Cô đã về rồi sao?

Giọng nói vang lên từ phòng bên cạnh. May chờ người, toàn thân tê liệt. Cô quỳ sụp trên hai đầu gối và co rúm người trong tư thế bào thai dưới gầm bàn. Có tiếng bước chân lại gần, cánh cửa phòng hé mở. Ông Stanfield, một tay đặt trên tay nắm cửa, thò đầu vào.

- Cô Verdier?

Phòng làm việc vẫn ngăn nắp như mọi khi, nữ thư ký của ông chính là biểu tượng của sự gọn gàng, và ông cũng không chú ý đến chiếc máy chữ nhiều hơn đến những thứ khác. Thật là may mắn, bởi vì cô Verdier hẳn sẽ không bao giờ đi vắng mà lại để một tờ giấy trên thanh trục trượt. Ông nhún vai rồi đóng cửa lại, vừa đóng vừa lầm bầm có lẽ mình đã ngủ mơ.

Phải nhiều phút sau May mới hết run tay. Thực ra là cả người cô đều run bắn, cô chưa bao giờ sợ đến thế trong đời.

Tiếng tích tắc của chiếc đồng hồ treo tường kéo lý trí cô trở lại. Cùng lắm cô cũng chỉ còn khoảng mười phút. Mười phút ngắn ngủi để đánh máy cái tên thứ hai, địa chỉ đi kèm, trả tờ giấy vào chỗ của nó, khóa tủ lại, lôi cái que móc ra rồi rời khỏi tòa nhà này trước khi cô nàng thư ký quay về. May bị muộn rồi, lẽ ra cô đã phải ra đến chỗ Sally-Anne, người hằn đang vô cùng lo lắng.

- Chết tiệt, tập trung vào đi, mày không được để mất giây nào nữa đâu.

Phím thứ nhất, phím thứ hai, phím thứ ba... nếu ông già ngốc nghếch kia nghe thấy tiếng gõ lách cách, có lẽ lần này ông ta sẽ không chỉ nhìn lướt qua thôi đâu.

Xong rồi, quay thanh trục, nhắc tờ giấy ra. Đặt nó đúng vào chỗ cũ trong tập giấy, động tài liệu trên thảm thành một chồng thẳng tắp để không gây ra tiếng động. Xếp chúng vào ngăn kéo rồi đóng ngăn kéo lại, nín thở và xoay chiếc que móc, nghe thấy mấy cái chốt kêu tách tách, một việc không hề dễ dàng khi mà hai thái dương đang nện thành thành, còn mồ hôi thì túa ra thành giọt trên trán... thêm một milimet nữa thôi.

- Bình tĩnh nào, May, cái que móc mà bị kẹt thì hỏng hết cả.

Mà nó thì lại thường xuyên bị kẹt trong những lần cô tập dượt.

Cuối cùng, cô cũng nắm gọn được nó trong lòng bàn tay xấp mồ hôi, bỏ nó vào túi áo, tiện tay vớ lấy chiếc khăn giấy, lau tay, rồi lau trán. Nếu viên quản gia nhìn thấy cô đi ra mà mồ hôi nhễ nhại thế này, hẳn ông ta sẽ nghi ngờ.

Cô trở ra phòng khách nhỏ, chỉnh lại áo khoác rồi rời phòng. Cô đi ngược đoạn hành lang dài, thầm cầu mong không gặp ai ở đó. Chiếc cầu thang đồ sộ hiện ra trước mặt cô, cô bước xuống không chút vội vã. Cô còn phải nói với viên quản gia bằng giọng ung dung rằng mình không thể chờ thêm nữa và lần khác sẽ quay lại.

Vận may đã mỉm cười với cô, tiền sảnh vắng ngắt. Cô đặt tay lên cánh cửa và mở ra. Sally-Anne đang nhìn cô từ bãi đỗ xe, cô nàng đã ngồi sẵn trên mô tô. May có cảm giác hai chân cô không đỡ nổi thân mình nữa, nhưng cô vẫn tiến về phía bạn. Sally-Anne đưa cho cô mũ bảo hiểm, rồi hát đầu ra hiệu bảo cô ngồi lên chiếc Triumph. Một cú đạp chân, và động cơ gầm lên.

Đến đoạn đường chữ chi tiếp theo, họ gặp chiếc Ford màu đen đang đi ngược về phía tòa nhà. Sally-Anne thoáng nhìn thấy khuôn mặt cô Verdier, cô ta có vẻ hớn hỏ, một nụ cười ranh mãnh nở trên môi. Sally-Anne cũng nở nụ cười như thế, nhưng vì những lý do hoàn toàn khác.

6

Eleanor-Rigby

Tháng Mười năm 2016, Beckenham

Chúng tôi ngồi vào bàn đã được nửa tiếng đồng hồ mà Maggie vẫn chưa thông báo về việc cô nàng sẽ cưới Fred, anh chàng cao lớn rất dễ mến đang làm chủ một quán rượu ở Primrose Hill. Michel vui thích gấp đôi. Trước hết bởi vì ba chúng tôi khiến anh buồn cười khi không thể ngồi yên tại chỗ, ông vịn vẹo trên ghế và gần như không động đến phần pizza của mình. Ba mà đã không ăn tối thì chắc chắn là đầu óc ông phải vô cùng bận rộn, và Michel hoàn toàn biết rõ ông đang bận chuyện gì. Nhưng nghĩ cho cùng, và anh cũng chỉ làm việc đó kể từ khi hai ba con nói chuyện với nhau trong xe, điều khiến anh hạnh phúc hơn đó là anh không thấy Fred đáng mến đến thế. Cái cách mà anh chàng này đối xử với anh, sự tử tế đạo đức giả của anh ta khiến anh khó chịu. Cứ như thể anh ta tin rằng mình cao cấp hơn anh. Đồ ăn trong quán rượu của anh ta ngon, nhưng còn lâu mới khiến anh thích thú bằng những cuốn sách mà anh nghiền ngẫm ở thư viện. Michel gần như biết hết các tác phẩm ở đó cũng như vị trí của chúng. Chuyện đó chẳng có gì phi thường, bởi vì chính anh đã xếp chúng vào đúng chỗ trên các kệ sách. Michel yêu thích công việc của

mình. Sự tĩnh mịch ngự trị trong thư viện và rất ít công việc có thể mang lại cho ta sự yên tĩnh như thế. Đa số các độc giả đều khá dễ mẫn, tìm ra cho họ những thứ họ cần trong khoảng thời gian ngắn nhất mang lại cho anh cảm giác mình là người hữu ích. Điều duy nhất khiến anh khó chịu là nhìn thấy các tác phẩm bị bỏ trên bàn đọc vào cuối ngày. Thế nhưng, nếu độc giả ngăn nắp, anh sẽ có ít việc hơn. Logic thôi.

Trước khi được giao phó công việc này, Michel làm trong một phòng thí nghiệm. Anh vào được đó nhờ bảng điểm đạt được trong kỳ thi năm cuối đại học. Anh có năng khiếu về hóa học, đối với anh, bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học là nguồn gốc của một ngôn ngữ rất rành mạch. Nhưng nhiệt tình thử nghiệm tất cả các khả năng của anh đã chấm dứt sự nghiệp ngắn ngủi đó, nhân danh sự an toàn, mặc dù sự nghiệp đó tỏ ra rất hứa hẹn. Ba đã gào hét phản đối sự bất công và phê phán đầu óc hẹp hòi của những kẻ sử dụng anh, nhưng chẳng ích gì. Sau một thời gian ẩn cư tại nhà, Michel tìm lại được niềm vui sống khi gặp Véra Morton, giám đốc thư viện thành phố. Chị đã mang lại cho anh vận may và anh tự giao cho mình nhiệm vụ không bao giờ được làm chị thất vọng. Việc ngày nay chúng ta có thể dễ dàng thực hiện các tìm kiếm trên mạng Internet đã ảnh hưởng đến tần suất mọi người lui tới thư viện, có những ngày không một độc giả nào đến đọc, Michel tận dụng thời gian đó để đọc sách, chủ yếu là các tài liệu chuyên luận về hóa học, hoặc một niềm đam mê khác của anh là các cuốn tiểu sử.

Tôi lặng lẽ quan sát ba tôi từ đầu bữa ăn. Ngược lại, Maggie không ngừng nói, mà chẳng nói chuyện gì ra hồn, đúng hơn là chẳng nói được điều gì lý giải cho việc cô nàng độc chiếm quyền

phát ngôn. Và việc Maggie nói luôn miệng khiến Michel rất lo lắng. Cô nàng căng thẳng đến thế có lẽ là điềm báo trước một thông báo mà anh không muốn nghe. Khi Maggie ngồi xuống trước mặt ba và đưa tay nắm lấy tay ông, Michel đã phải nghĩ rằng cô nàng làm thế chắc chắn là để lấy lòng ông. Maggie không thuộc kiểu người thích người khác chạm vào mình. Mỗi khi anh ôm Maggie vào lòng, để chào hoặc tạm biệt, cô nàng đều than thở, phản đối vì anh làm cô chết ngạt. Tuy nhiên, Michel luôn cẩn thận để không bao giờ ôm cô quá chặt. Anh đã rút ra kết luận rằng đó là một mảnh khoe của Maggie để rút ngắn những cái ôm, và nếu cô không muốn ôm chặt anh trai của chính mình, điều đó chứng tỏ lý thuyết của anh hoàn toàn có cơ sở.

Còn ba, cũng ngạc nhiên không kém trước cử chỉ dịu dàng đó, ba nín thở, hy vọng không còn phải chờ đợi cái tin trọng đại kia nữa. Việc Maggie kết hôn hoàn toàn là lẽ tự nhiên, nhưng điều ba muốn biết là khi nào.

- Được rồi, con yêu, ba hoa chích chòe thế đủ rồi, con sắp giết ba mất thôi. Vậy là bao giờ đây? Ba tháng là lý tưởng nhất; mỗi tháng giảm một là hợp lý rồi; con hiểu mà, ở tuổi ba không dễ dàng mà giảm bớt được đâu.

- Xin lỗi ba, – Maggie đáp, – nhưng ba đang nói đến cái gì vậy?

- Về số cân nặng mà ba phải giảm bớt để có thể chui vào bộ lễ phục!

Tôi nhìn em gái, cả hai chúng tôi đều bối rối. Michel thở dài và lên tiếng giải cứu cho cả ba chúng tôi.

- Để dự đám cưới. Bộ lễ phục là để mặc trong đám cưới.

- Chính vì thế mà con đã mời cả nhà tụ họp còn gì, – ba nói tiếp.
– À mà nó đâu rồi?

- Ai?

- Anh chàng Fred dễ mến, – Michel đáp ngắn gọn.

- Chúng ta sẽ chờ thêm một chút và nếu trong vòng nửa tiếng nữa hai người vẫn chưa ổn hơn, con sẽ đưa cả hai người đến bệnh viện, – Maggie trả lời.

- Thực ra, Maggie ạ, ba xin con, chính con mới là người phải đưa đi cấp cứu nếu cứ tiếp tục thế này. Toàn bộ những trò kiểu cách này là gì vậy? Nếu cần thiết thì ba mặc vest cũng được. Trước đây nó vẫn hơi rộng, thế nên nếu hít thở thật khẽ, có lẽ ba vẫn có thể cài được cúc. Được thôi, bộ vest đó màu hạt dẻ, cũng không nên mặc đồ màu hạt dẻ trong những hoàn cảnh như vậy, nhưng trường hợp ngoại lệ thì ta cũng phải có biện pháp ngoại lệ... Nói cho cùng, chúng ta sống ở nước Anh, chứ không phải ở Las Vegas, thế nên nếu không có một khoảng thời gian phù hợp để chuẩn bị cho một sự kiện như vậy, thì ta sẽ không có được khoảng thời gian đó, thế thôi.

Tôi và em gái lại đưa mắt nhìn nhau lần nữa. Tôi là người đầu tiên phá lên cười ngặt nghẽo, và tiếng cười của tôi chẳng mấy chốc đã lây sang tất cả mọi người. Ngoại trừ ba, nhưng chỉ trong một lát: ông chưa bao giờ có thể cưỡng lại một trận cười nắc nẻ, và cuối cùng ông cũng hòa vào bầu không khí chung với các thành viên trong gia đình. Khi cuối cùng Maggie có thể ngừng cười để thở, cô nàng lau mắt và thở ra một hơi thật dài.

Sự xuất hiện bất ngờ của Fred đã khiến tất cả cười gập cả

người, và anh chàng này không bao giờ có thể hiểu được nguyên nhân của trận cười âm ỉ đó.

- Thế nào, nếu hai người không kết hôn với nhau, thì tại sao lại có bữa tối hôm nay? – Cuối cùng ba cũng lên tiếng.

- Anh đừng lo, – Maggie lập tức nói với anh bạn trai còn đang cởi áo khoác.

- Để có niềm vui được tụ họp cả gia đình, – tôi trả lời.

- Đó là một lý do, – Michel xen vào, – một lý do thông thường, và do đó hoàn toàn logic. Ý anh là từ góc độ thống kê.

- Lẽ ra chúng ta có thể tổ chức bữa tối này ở nhà, – ba đáp lại.

- Đúng thế, nhưng nếu vậy thì hẳn là chúng ta đã không cười nhiều đến thế, – Maggie lập luận. – Con có thể hỏi ba một câu không? Khi hai người gặp nhau mẹ có giàu không ạ?

- Khi ba mẹ mười bảy tuổi sao?

- Không, sau đó, khi ba mẹ gặp lại nhau ấy.

- Cả khi mười bảy lần khi ba mươi tuổi, đúng ra là chưa bao giờ. Thậm chí mẹ còn không có đủ tiền để đi xe buýt từ nhà ga nơi ba đến đón mẹ... khi ba mẹ gặp lại nhau, – ông nói thêm với vẻ trầm tư. – Thậm chí có lẽ mẹ sẽ không gọi cho ba tối đó, nếu mẹ có trong túi nhiều hơn vài xu lẻ còn sót lại khi xuống tàu vào lúc đêm đã xuống. Thôi, ba nghĩ đã đến lúc ba thú nhận với các con một điều, các con của ba, và cả cậu nữa Fred ạ, bởi vì cậu chưa phải là người trong gia đình, tôi đề nghị cậu giữ kín tất cả những chuyện này.

- Thú nhận điều gì vậy ba? – Tôi hỏi.

- Con phải im miệng thì ba mới có thể nói cho con biết được. Ba mẹ đã tô hồng đôi chút bối cảnh khi chuyện của ba mẹ khởi động lại. Mẹ các con đã không tái xuất hiện một cách mẫu nhiệm, ngất ngây trong tình yêu sau khi nhận ra rằng ba là người đàn ông tốt đẹp duy nhất mẹ từng gặp trong đời, như thỉnh thoảng ba mẹ hay kể với các con.

- *Lần nào cũng kể thế...* – Michel lên tiếng.

- Được rồi, lần nào cũng kể như thế. Thực ra, khi mẹ các con về nước, bà ấy không có chỗ nào để ngủ. Ba là người duy nhất mẹ quen trong thành phố. Mẹ đã tìm tên ba trong danh bạ ở một ca bin điện thoại. Thời đó còn chưa có Internet, thế nên ta tìm lại mọi người chỉ bằng cách đơn giản như vậy. Những người mang họ Donovan đâu có nhiều như lợn con, ở Croydon chỉ vỏn vẹn có hai người. Người kia là một ông già bảy mươi, độc thân và không có con. Các con hãy thử hình dung xem ba ngạc nhiên đến thế nào khi nghe thấy giọng mẹ. Lúc đó đang là cuối thu và trời đã bắt đầu lạnh thấu xương. Bà ấy đã bảo ba, ba vẫn còn nhớ rõ mồn một như mới hôm qua: “Ray này, anh hoàn toàn có lý do để đập máy trước mũi tôi. Nhưng tôi chỉ còn có anh và không biết đi đâu nữa.” Các con sẽ trả lời thế nào khi một người phụ nữ nói với các con “Tôi chỉ còn có anh”? Còn ba, ngay lúc đó ba biết rằng định mệnh đã tác hợp ba mẹ mãi mãi. Ba đã nhảy lên chiếc Austin, đúng, đừng có nhìn ba như thế, chính là chiếc xe đang đỗ trước cửa và cho đến nay vẫn chạy tốt ấy, lão hàng xóm chết tiệt thật, và ba đi đón mẹ. Cuộc đời đã cho thấy hẳn là ba đã hành xử đúng, bởi vì ba mươi lăm năm sau, tối nay ba đã có cơ hội được cùng ăn

một chiếc pizza chẳng ra gì với ba đứa con tuyệt vời và một chàng rể hệt.

Tất cả chúng tôi đều chăm chú nhìn ông trong sự im ắng gần như nhập định, ba liền hắng giọng và nói thêm:

- Có lẽ đã đến lúc ba đưa Michel về.

- Tại sao ba lại hoàn toàn có lý do để đập máy trước mũi mẹ? – Tôi hỏi.

- Để lần khác đi, con yêu, nếu con thực sự muốn nghe. Làm sống dậy những kỷ niệm sẽ đòi hỏi ba phải cố gắng đôi chút mà tối nay thì ba thích dừng lại ở một trận cười đau ruột hơn là phải đi ngủ với một nỗi u sầu trong lòng.

- Vậy trong phần đầu câu chuyện của ba mẹ, khi hai người mới mười bảy và hai mươi tuổi, chính là mẹ đã rời bỏ ba sao?

- Ba đã nói là để lần khác rồi mà, – Maggie xen vào trước khi ba chúng tôi kịp trả lời.

- Chính xác, – Michel tiếp lời. – Nhưng chuyện còn phức tạp hơn vẻ bề ngoài đấy, – anh vừa nói thêm vừa giơ ngón tay lên.

Michel có thói quen giơ ngón trỏ lên, như để ngăn cản những ý nghĩ của bản thân khi chúng chen chúc nhau trong đầu anh. Sau vài giây tất cả mọi người đều nín thở, anh nói tiếp.

- Thực tế là ba đã thể hiện rằng ba không muốn kể thêm với chúng ta về chuyện đó tối nay. Anh nghĩ “lần khác” cho phép nghĩ rằng ba có thể thay đổi ý kiến... nhưng vào một lần khác.

- Chúng em hiểu ý ba rồi, anh Michel, – Maggie buông thông.

Mọi việc dường như đã rõ ràng đối với anh, Michel đẩy ghế ra,

mặc chiếc áo khoác đi mưa, hôn má tôi, uể oải bắt tay Fred và choàng tay ôm Maggie rồi siết thật chặt. Trong những trường hợp ngoại lệ thì ta phải có cách hành xử ngoại lệ... và quả thật, anh lợi dụng cái ôm để thì thầm những lời chúc mừng vào tai cô nàng.

- Anh chúc mừng em về việc gì vậy? – Em gái tôi thì thầm.

- Vì đã không cưới Fred, – Michel trả lời.

* * *

Ba và con trai không nói lời nào trên đường về, ít ra cũng là như thế cho đến khi chiếc xe dừng lại dưới chân tòa nhà nơi Michel ở. Vừa nhoài người mở cửa xe cho anh, Ray vừa chăm chú nhìn anh, rồi hỏi anh bằng giọng vô cùng dịu dàng:

- Con sẽ không nói gì với hai em hết, đúng không? Con hiểu mà, một ngày nào đó chính ba mới là người phải kể cho chúng.

Đến lượt mình, Michel đưa mắt nhìn ông bố và trả lời:

- Ba có thể yên tâm đi ngủ, ba ạ, và nhất là đừng có u sầu... mặc dù con không tin rằng có thứ u nào vui vẻ, dù sao ngày mai con cũng sẽ kiểm tra lại khi đến thư viện.

Nói xong, anh hôn má ông rồi xuống xe.

Ông bố chờ cho đến khi anh vào bên trong tòa nhà rồi mới nổ máy xe.

Tháng Mười năm 2016, Beckenham

Tôi rời bàn, quyết tâm để cho đôi tình nhân được riêng tư. Fred và Maggie đã ở riêng trong bếp cả chục phút rồi. Tôi vào đó để chào họ.

Tay cầm khăn lau, Fred đang lau cốc. Maggie ngồi trên quầy bếp, hai chân vắt chéo, hút một điếu thuốc, thở khói ra ô cửa sổ đang mở hé. Cô nàng đề nghị gọi taxi giúp tôi. Nhưng từ Beckenham đến tận nhà tôi mà đi taxi thì có lẽ tôi sẽ tốn mất cả một phần gia tài. Tôi cảm ơn em gái, và thích về nhà bằng tàu hỏa hơn.

- Em cứ tưởng chị đã về cùng ba, – cô nàng nói với tôi, giọng phảng phất tâm trạng không vui. – Chị không ngủ lại ở nhà ba sao?

- Chị nghĩ ba muốn được ở một mình tối nay, hơn nữa chị phải ép mình kết nối lại với cuộc sống ở Luân Đôn.

- Và chị hoàn toàn có lý, – Fred vừa chen ngang vừa đập đôi gang tay vào nhau kêu bôm bốp. – Beckenham, Croydon, hai vùng ngoại ô này quả là quá xa xôi.

- Hoặc cũng có thể là Primrose Hill ở quá xa vùng ngoại ô của em, và quá sang chảnh nữa, – Maggie đáp trả rồi ném mẩu thuốc vào chậu nước rửa bát.

- Chị để hai người tình tự với nhau nhé, – tôi vừa thở dài vừa mặc áo khoác.

- Fred sẽ rất vui được chở chị ra ga bằng chiếc xe đẹp đẽ của anh ấy. Thậm chí anh ấy có thể đưa chị về đến tận Luân Đôn và đến ngủ trong khu Primrose Hill đẹp đẽ của anh ấy nữa kia.

Tôi tròn mắt nhìn em gái. Cô nàng đã xoay sở kiểu gì mà giữ được một người đàn ông bên mình trong khi vẫn tỏ ra chẳng mấy dễ mến đến thế, còn bản thân tôi, vốn là hiện thân của sự đáng yêu, lại phải sống trong cảnh độc thân không biết khi nào mới chấm dứt? Một câu hỏi hóc búa nữa...

- Chị có muốn em chở chị ra ga không, Elby? – Fred vừa hỏi vừa gấp chiếc khăn lau.

Maggie giăng khăn ra khỏi tay anh chàng và ném nó vào giỏ đựng đồ giặt.

- Một lời khuyên nho nhỏ nữa của cô em gái đây, chỉ có anh Michel mới có quyền rút ngắn tên chị ấy như vậy, chị ấy vô cùng ghét bị gọi thế. Với lại em cũng cần hít thở chút không khí trong lành, em sẽ đi cùng chị ấy một đoạn.

Maggie ra cửa, vớ lấy một chiếc áo chui đầu và khoác tay tôi, lôi tôi ra phố.

Vĩa hè ánh lên dưới ánh sáng màu cam của đèn đường, chạy dọc hai bên là những ngôi nhà kiểu Victoria khiêm tốn, phần lớn chỉ có hai tầng và không có tòa nào cao quá ba tầng, những ngôi

nhà cho thuê giá rẻ xây bằng gạch với mặt tiền tróc lở, thỉnh thoảng lại có một khoảnh đất bỏ hoang.

Ở ngã tư, khu phố lấy lại sức sống. Maggie chào ông chủ hiệu tạp hóa người Syria, nơi không bao giờ đóng cửa. Cửa hàng của ông đánh dấu biên giới của con phố thương mại, sáng sủa hơn. Một tiệm giặt tự động nằm bên cạnh một quầy bán bánh mì kebab, nối tiếp là một nhà hàng Ấn Độ nơi chỉ còn hai thực khách đang ngồi bên bàn. Mặt tiền của một rạp chiếu phim cũ được chắn ngang bằng những tấm ván gỗ dán đầy áp phích, phần lớn trong số chúng đều đã rách nát. Đêm tối nắm quyền trở lại khi chúng tôi đi dọc theo hàng rào của một công viên. Chẳng mấy chốc, không khí đã nồng nặc mùi kim loại trên đường ray và mùi sỏi bắn thủy. Đến gần ga, tôi thở dài lần nữa.

- Có chuyện gì không ổn sao? – Maggie hỏi tôi.

- Tại sao em vẫn duy trì quan hệ với cậu ta, tại sao em lại mất thời gian để can mỗ với cậu ta. Có ích lợi gì đâu?

- Thỉnh thoảng, em cứ tự hỏi chị kiếm đâu ra những cách diễn đạt như thế... Chịu đựng một gã trai phỏng có ích gì nếu em không thể can mỗ anh ta!

- Nếu chỉ có thế thì chị thà độc thân còn hơn.

- Theo em thấy thì hình như đó chính xác là việc chị đang làm mà.

- Chuẩn đấy! Nhưng dù sao em cũng đúng là đồ khốn khi nói với chị câu đó.

- Đừng có nịnh nọt em, được không. Tạm thời, chúng ta đã thất bại với ba tối nay.

- Chúng ta đâu có vất vả nấu nướng gì cho cam, mà lại còn được cười đùa ra trò nữa. Mà ý ba là gì khi nhắc đến chuyện đám cưới thế nhỉ? Có lẽ ba muốn có cháu ngoại chẳng? – Tôi hỏi em gái.

Maggie dừng phắt lại và gi ngón trỏ vào ngực tôi rồi bắt đầu hát nghêu ngao:

Kìa cái tay cái tay

Bắt lấy cái tay

Túm lấy cái chân

Với một cái đầu!

Rồi cô nàng kết thúc bài đồng dao bằng cách hét toáng lên:

- Rất tiếc chị gái ạ, chính chị mới là người thích hợp hơn. Em thì không hề muốn có con.

- Có con với Fred hay có con nói chung?

- Ít ra, chúng ta đã có được câu trả lời cho câu hỏi tối nay, mẹ hoàn toàn rỗng túi khi gặp lại ba.

- Có thể thế, nhưng buổi tối nay đã gợi ra những câu hỏi khác, – tôi nói tiếp.

- Đúng thế, rất cuộc, ta cũng sẽ không nghiêm trọng hóa chuyện này nữa. Mẹ đã bỏ rơi ba khi họ còn trẻ để rồi mười năm sau quay trở lại, không chút vẻ vang.

- Chị có cảm giác thực tế còn phức tạp hơn thế.

- Lẽ ra chị nên từ bỏ các chuyến đi để toàn tâm toàn ý cho sự nghiệp phóng viên điều tra tình cảm.

- Em có mĩa mai thì chị cũng chẳng cảm thấy gì hết. Chị đang nói với em về ba và mẹ, về bức thư kỳ lạ mà chúng ta nhận được, về những khoảng tối trong cuộc đời ba mẹ, về những điều dối trá mà họ đã kể với chúng ta. Em không muốn tìm hiểu thêm về ba mẹ của chính mình sao? Em chỉ quan tâm đến bản thân em thôi!

- Trúng phóc, nhưng cả chị cũng vậy, chị cũng là đồ khốn khi nói với em điều đó.

- Tạm thời, trái ngược với những gì em vẫn nghĩ, việc mẹ không có một xu dính túi lại chứng thực cho những lời buộc tội trong bức thư.

- Bởi vì nhất thiết là tất cả những người không một xu dính túi đều đã từ bỏ một đồng của cải sao?

- Em chưa bao giờ biết đến cảnh không một xu dính túi, bởi vì bố mẹ lúc nào cũng chăm lo cho em.

- Rigby này, có phải chị muốn chúng ta đồng thanh hát câu điệp khúc mà chị vẫn nghiền ngẫm bấy lâu nay không? Maggie, cô em út không ngừng được cả gia đình quan tâm chăm sóc từ lúc lọt lòng. Ngay lúc này, trong hai chúng ta ai là người có một căn hộ ở Luân Đôn và ai là người sống tại ngoại ô cách trung tâm một giờ đi tàu? Ai đi khắp thế giới quanh năm và ai ở lại đây để chăm sóc cho Michel và ba?

- Chị không hề muốn chúng ta cãi nhau, Maggie ạ. Chị chỉ muốn em giúp chị làm rõ mọi chuyện. Bức thư đó không phải ngẫu nhiên mà được gửi đến cho chúng ta. Mặc dù những điều được nói ra trong đó là không có cơ sở, nhưng chắc chắn phải có một động cơ nào đó sau tất cả những chuyện này. Ai đã viết thư

cho chúng ta và để làm gì?

- Ai đã viết thư *cho chị*! Em nhắc lại với chị rằng thậm chí chị còn không được kể về nó với em.

- Thế nếu tác giả bức thư hiểu về chị đủ để biết rằng dù thế nào chị cũng vẫn làm như thế? Thậm chí có lẽ hẳn còn tìm cách thôi thúc chị làm việc đó?

- Về điều này thì em đồng ý với chị, có lẽ hẳn sẽ không thể tìm ra cách nào khác tốt hơn để khiến chị làm như thế. Thôi được, em cảm thấy hình như có một lời kêu cứu khe khẽ trong giọng nói của chị, thế nên được thôi, trong những ngày sắp tới, chị chỉ cần mời ba đến ăn trưa ở khu Chelsea. Ba sẽ rên rỉ, nhưng sẽ vui sướng vì có cơ để được lái chiếc xe của ba. Chị chỉ cần chọn một địa điểm gần một bãi đỗ xe, ba sẽ không đồng ý giao chiếc Austin cho một người đánh xe đâu. Đừng nói thêm gì hết, em vẫn còn buồn cười mỗi lần nghĩ đến chuyện đó. Em có chìa khóa phụ nhà ba, em sẽ đến đó lục lọi ngay khi đường đã được thông.

Tôi không thích ý tưởng thao túng ba, nhưng vì không có kế hoạch nào khác, tôi đành chấp nhận đề xuất của em gái.

Nhà ga vắng hoe. Vào giờ này, chỉ còn hai chị em chúng tôi đứng chờ tàu. Tấm bảng thông báo cho thấy sắp có một chuyến đi về hướng Orpington. Tôi sẽ phải đổi tàu ở Bromley để sang tàu đến bến Victoria, nhảy xe buýt từ đó để đến được điểm đỗ cách căn hộ một phòng của tôi mười phút đi bộ.

- Chị có biết vào lúc này em đang mơ gì không? – Maggie hỏi tôi. – Em mơ được lên chuyến tàu này cùng chị gái, đến ngủ ở nhà chị ấy tại Luân Đôn. Em sẽ chui vào trong chăn của chị và chúng

ta sẽ trò chuyện suốt đêm.

- Chị cũng thích thế lắm, nhưng... muốn thế thì em phải độc thân cơ...

Chuyến tàu ngoại ô hiện ra ở đầu sân ga, bánh xe nghiêng kèn kẹt khi tàu phanh lại. Các cánh cửa mở ra, nhưng không có hành khách nào bước xuống. Một hồi còi dài thông báo tàu xuất phát.

- Đi đi, Rigby, chị sắp lỡ tàu mất, – Maggie nói.

Chúng tôi trao nhau một ánh nhìn đồng lõa rồi tôi leo lên toa tàu của mình.

* * *

Fred nằm chờ Maggie trên giường. Ti vi đang phát một tập cũ của chương trình *Fawlty Towers*. Khiếu hài hước của John Cleese khiến cả hai người im lặng và cuối cùng họ cũng phá lên cười trước những trò hề vui nhộn của một ngài huân tước lỗ bịch.

- Nếu muốn cưới anh, em có định đến sống ở Primrose Hill không? – Fred hỏi.

- Em xin anh, đừng có giở thói đạo đức giả nữa, giá mà anh nhìn thấy mặt anh khi ba em nhắc đến chuyện đám cưới.

- Em đã nhanh chóng trấn an ba em về chuyện đó còn gì.

- Ở đây, có ba và Michel, còn nếu em sống ở Luân Đôn thì sẽ quá xa, em khó mà chăm lo cho hai người họ được.

- Anh trai em đã trưởng thành rồi, ba em thì đã trải qua cả cuộc đời, đến khi nào em mới quyết định sống trọn vẹn cuộc sống của riêng em?

Maggie vớ lấy điều khiển từ xa và tắt ti vi. Cô cài áo thun, ngồi vắt ngang qua người Fred và ngắm nghía anh.

- Tại sao em lại nhìn anh như thế? – Anh hỏi cô.

- Bởi vì chúng ta đã sống cùng nhau hai năm và có những lúc em nghĩ rằng em gần như không biết gì cả về cuộc sống của anh lẫn gia đình anh, anh không bao giờ kể với em về họ và cũng chưa từng giới thiệu em với mọi người. Còn anh, anh biết gần như mọi điều về em và biết hết mọi người trong gia đình em. Thậm chí em còn không biết anh đã lớn lên ở đâu, học ở đâu, có học đại học không...

- Em không biết gì bởi vì em không bao giờ hỏi anh cả.

- Không đúng, anh luôn lảng tránh khi em hỏi về quá khứ của anh.

- Rồi em sẽ hiểu, – anh vừa nói vừa hôn lên ngực cô, – rằng một người đàn ông có thể có những ý tưởng khác trong đầu ngoài việc nghĩ đến chuyện kể về đời mình, nhưng bởi vì em đã cố nài, anh sinh ra ở Luân Đôn ba mươi chín năm về trước...

Miệng anh lướt xuống phía bụng Maggie...

- Thôi, anh đừng có nói nữa, – cô thì thầm với anh.

8

Keith

Tháng Mười năm 1980, Baltimore

Mặt trăng rót thứ ánh sáng bàng bạc của nó lên những ô cửa sổ con, ánh sáng chênh chếch làm nổi bật những hạt bụi đang lơ lửng trong không khí. May ngủ say sưa, những nếp gấp của tấm chăn bị xô tung ôm khít những đường cong trên cơ thể cô. Ngồi dưới chân giường, Sally-Anne ngắm nghía cô, rình chờ từng hơi thở của cô. Vào lúc này, ngắm nhìn May ngủ là tất cả những gì quan trọng nhất đối với cô. Cứ như thể không còn bất cứ thứ gì khác trên thế giới này tồn tại, toàn bộ vũ trụ đều được giữ lại trong căn xưởng cải dụng này. Một giờ trước, những hình ảnh của quá khứ đã kéo cô ra khỏi giấc mơ. Những khuôn mặt quen thuộc, cứng đờ không chút biểu cảm, đã phán xét cô. Còn cô thì ngồi trên một chiếc ghế đặt giữa một cái bọc, chịu đựng ánh mắt nẩy lửa của họ. Cách sống của cô chính là kết quả của một thời niên thiếu khi mà mọi thứ đều cần phải học, nhưng lại chẳng được dạy bất cứ điều gì.

Liệu hai thân hình bị bẻ gãy có thể chữa lành nhau khi kết hợp lại không, liệu nỗi đau đớn của hai người có được sẻ bớt hay lại cộng gộp vào nhau? Cô tự hỏi.

- Mấy giờ rồi? – May lắm lắm.
- Bốn giờ sáng, có lẽ muộn hơn một chút.
- Cậu đang nghĩ gì vậy?
- Nghĩ về chúng ta.
- Đó là những ý nghĩ tốt đẹp hay tồi tệ?
- Cậu ngủ tiếp đi.
- Tớ không ngủ tiếp được chừng nào cậu vẫn còn ngồi đó mà nhìn chăm chăm vào mặt tớ.

Sally-Anne bước ra xỏ chân vào đôi bốt và vớ lấy chiếc áo bu đông vắt trên lưng ghế.

- Tớ không thích cậu lái xe mô tô vào ban đêm.
- Cậu không cần phải lo lắng, tớ sẽ cẩn thận.
- Thế thì sẽ là chuyện mới đây. Ở lại đi, tớ sẽ pha trà cho hai chúng ta, – May nài nỉ.

Cô trở dậy, kéo chăn quấn lên người, rồi đi ngang qua căn phòng. Một chiếc bếp ga du lịch, vài cái đĩa, những chiếc ly tạp nham đủ loại và hai chiếc cốc sứ, đặt trên mặt bàn có chân hình chữ X, bên cạnh một cái bình loe miệng, chừng ấy thứ tạo thành góc bếp. May đặt ấm vào bồn rửa, mở nắp rồi vặn vòi nước. Rồi cô tìm hộp trà trong một tủ thuốc cũ đã chuyển đổi công năng, nhón chân với lấy hai gói trà Lipton, hai viên đường trong một cái hũ bằng đất nung, quẹt một que diêm và chỉnh ngọn lửa xanh của bếp ga.

- Không không, đừng có giúp tớ!

- Tổ đang chờ xem cậu có làm được bằng một tay không đây, – Sally-Anne trả lời, môi nở nụ cười tinh quái.

May nhún vai và thả rơi tấm chăn.

- Cậu sẽ thật tốt bụng nếu mang nó vào giường giúp tớ, tớ không muốn ngủ trong đống bụi đâu.

Cô rót trà, đưa một cốc cho Sally-Anne, cầm lấy cốc của mình rồi quay trở lại ngồi xếp bằng trên đệm.

- Giấy mời đến rồi đây, – cuối cùng Sally-Anne cũng tiết lộ.

- Khi nào vậy?

- Chiều hôm qua, tớ đã ghé qua bưu điện để lấy thư từ.

- Và cậu không cho là cần thông báo với tớ sớm hơn.

- Buổi tối hôm qua đã rất vui vẻ, tớ sợ là cậu chỉ chăm chăm nghĩ đến chuyện đó.

- Tổ không thích mấy gã đi chơi cùng chúng ta, những câu chuyện chính trị tầm phào của họ khiến tớ chán ngán, cả cái cách họ khoe khoang là muốn thay đổi thế giới nữa, trong khi họ dành phần lớn thời gian để hút cần. Thế nên rất tiếc phải làm cậu thất vọng, nhưng tớ không hề thấy bữa tối hôm qua có gì là đặc biệt vui vẻ. Cậu cho tớ xem giấy mời được không?

Sally-Anne lấy ra từ túi áo hai chiếc phong bì và hờ hững vứt lên giường. May bóc chiếc phong bì gửi cho cô. Cô lướt ngón tay trên tờ giấy, ngắm nghía những chữ cái in nổi và dừng lại ở phần ghi ngày tháng. Buổi tiệc sẽ diễn ra sau hai tuần nữa. Những phụ nữ được tô điểm bằng những món đồ trang sức đẹp đẽ nhất sẽ diện những bộ trang phục lấp lánh, đám đàn ông cũng sẽ phục sức

kỳ quặc không kém, và vài ông già khó tính sẽ không chịu tham gia cuộc chơi, chỉ bằng lòng với việc mặc lễ phục và đeo một chiếc mặt nạ nhưng đen để giấu mặt.

- Trong đời, tớ chưa bao giờ thấy phấn khích như thế này khi nghĩ mình sẽ đến một dạ tiệc hóa trang, – May cười gằn.

- Cậu không ngừng khiến tớ ngạc nhiên. Tớ cứ tưởng khi nhìn thấy hai tờ giấy mời này cậu sẽ sợ chết khiếp cơ đấy.

- Không có chuyện đó đâu, bây giờ thì không còn như thế nữa. Không phải sau khi từ dinh thự nhà họ trở về. Khi chúng ta ra khỏi đó, tớ đã nhận ra mình đã phải trả giá đắt thế nào để có thể đặt chân trở lại. Và tớ đã tự thề với mình là sẽ không bao giờ sợ họ nữa.

- May...

- Hãy đi dạo ban đêm, hoặc vào đây ngủ lại cùng tớ, cậu quyết định đi.

Sally-Anne nhặt chiếc chăn và phủ lên người May. Cô vội vàng cởi quần áo rồi nằm dài xuống bên cạnh cô bạn gái, vừa làm vừa mỉm cười.

- Còn có chuyện gì nữa thế? – May hỏi.

- Không có gì, tớ thích những khi cậu tỏ ra hằn thù kiểu đó.

- Tớ muốn cậu biết một điều chỉ liên quan đến tớ, nhưng tớ rất mong cậu biết. Tớ sẽ không bao giờ để bị bắt sống.

- Cậu đang nói linh tinh gì thế?

- Cậu hiểu rất rõ mà. Cuộc đời quá ngắn ngủi nên đừng có tự chuốc lấy những buồn phiền không đáng nữa.

- May, hãy nhìn thẳng vào mắt tớ. Tớ nghĩ là cậu đã nhầm lẫn nghiêm trọng rồi. Chỉ nghĩ đến việc trả thù tức là cậu đã coi trọng họ quá mức. Đây chỉ là lấy lại của họ những gì họ không xứng đáng được hưởng thôi.

Sally-Anne biết rõ mình đang nói gì. Thứ cô đang nói đến chính là thế giới của cô, những người đã được cuộc đời ưu ái trao cho mọi thứ. Những người, mà nhờ vào vị thế của họ, được phục vụ ở nơi người khác phải khẩn cầu, vui thú ở nơi người khác phải hy vọng. Những phe cánh mà một số thành viên, tin chắc rằng mình là kẻ hơn người, khinh bỉ người khác để khiến họ ghen tị và ngưỡng mộ mình nhiều hơn. Vứt bỏ để quyến rũ người khác, khiến họ phải khao khát, còn gì hiểm độc hơn? Chính là để không còn giống họ mà cô đã thay đổi cuộc đời mình, thay đổi nơi ở, thay đổi phong cách, đến mức hy sinh cả mái tóc đẹp để thay bằng kiểu tóc con trai. Bầu không khí của thời đại đang sức nức mùi tự do, Sally-Anne đã ngừng ôm hôn lũ con trai để chuyển sang ôm ấp những sự nghiệp cao cả. Đất nước của cô, vốn vẫn khoe khoang là đất nước của tự do, đã áp dụng chế độ nô lệ, tiếp đó là nạn phân biệt chủng tộc, và mười sáu năm sau khi Luật dân quyền năm 1964 được thông qua, đầu óc con người vẫn gần như chưa tiến bộ thêm chút nào. Sau người da đen, đến lượt phụ nữ đấu tranh giành quyền bình đẳng, và cuộc chiến của họ sẽ là một cuộc chiến dài hơi. Sally-Anne và May, vốn làm việc cho một tờ thời báo lớn, chính là những chiến sĩ điển hình trong cuộc chiến đó. Với chuyên môn nghiên cứu, họ đã đạt đến nấc thang cao nhất trong thứ bậc dành cho phụ nữ làm việc trong lĩnh vực này. Nhưng nếu chỉ là chuyên viên nghiên cứu, được trả lương theo đúng công việc, thì tại sao họ lại viết phần lớn những bài báo mà

đám đàn ông kiêu ngạo chỉ việc đọc lại rồi ký tên nhận là của mình? Trong hai người họ, May có năng khiếu hơn. Cô có tài đánh hơi những chủ đề rắc rối. Những chủ đề làm đảo lộn các đặc quyền, tố cáo sự chậm trễ của chính quyền trong việc tiến hành những cải cách mà họ đã hứa hẹn. Hai tháng trước, cô quan tâm đến những phe nhóm đút lót cho các nghị sĩ để kiểm chế nhiệt tình của họ trong việc ban hành những điều luật chống tham nhũng hoặc tình trạng độc hại bị các nhà công nghiệp bỏ qua nhằm tối ưu hóa lợi nhuận, chống lại việc buôn bán vũ khí vốn mang về nhiều lợi nhuận hơn việc giúp con cái của các gia đình không có điều kiện được đến trường, chống lại việc cải tổ một ngành tư pháp nơi công lý chỉ còn là một cái danh hão. Trong thời gian rảnh, cô đã tiến hành một vụ điều tra đáng chú ý, khi đến một thành phố nơi một công ty mỗ gây ô nhiễm nghiêm trọng hồ chứa nước bằng việc vô tư xả chì và nitrat xuống dòng sông dẫn nước vào hồ. Lãnh đạo thành phố biết điều đó, hội đồng thành phố biết điều đó, thị trưởng biết điều đó, thống đốc cũng biết điều đó, nhưng tất cả họ đều là cổ đông hoặc được hưởng ưu đãi của công ty này. May đã thu thập được một số lượng lớn bằng chứng về các sự việc, nguyên nhân và hậu quả của chúng đối với sức khỏe cộng đồng, về những vi phạm rõ rệt đối với các quy định về an toàn, về tình trạng tham nhũng phổ biến đã làm bại hoại những nhân vật có địa vị của thành phố và tiểu bang. Nhưng tổng biên tập của cô, sau khi đọc bài viết, đã đề nghị cô trong tương lai chỉ dừng ở những nghiên cứu mà tờ báo yêu cầu cô thực hiện. Ông ta đã vứt tập hồ sơ của cô vào sọt rác và yêu cầu cô đi pha cho ông ta một cốc cà phê, không được quên bỏ đường.

May đã kìm nước mắt, cô không chịu làm theo. Trái ngược với

cách người ta vẫn hay nói, trả thù là món phải dùng khi nó còn ấm. Nếu đã để nguội lạnh thì chẳng còn ý nghĩa gì nữa, Sally-Anne đã nói với cô như thế khi an ủi cô vào một tối nọ. Một buổi tối cuối xuân một dự định đã ra đời trong một nhà hàng đồ ăn Ý bình dân, dự định sẽ làm thay đổi dòng chảy cuộc đời họ.

- Chúng ta sẽ lập ra một tờ báo điều tra không phải chịu bất cứ sự kiểm duyệt nào, nơi tất cả sự thật đều xứng đáng được viết ra, – Sally-Anne tuyên bố.

Và bởi vì những người bạn đang cùng ăn tối không để ý gì lắm đến lời tuyên bố của cô, May, lúc đó đã hơn cả ngà ngà say, không ngần ngại trèo lên bàn để khiến mọi người phải im lặng theo đúng ý cô.

- Các biên tập viên tuyệt đối sẽ chỉ là phụ nữ, – cô vừa nói thêm vừa nâng ly. – Giống đực sẽ chỉ có thể tiếp cận những công việc khác như thư ký, trực tổng đài, hoặc cùng lắm là phụ trách tư liệu.

- Làm thế sẽ là tiếp tục duy trì sự xấu xa mà chúng ta muốn xóa bỏ, – Sally-Anne phản đối. – Chúng ta nên sử dụng mọi người tùy theo năng lực, chứ đừng căn cứ vào giới tính, màu da hay tôn giáo của họ.

- Cậu nói đúng, thậm chí chúng ta còn có thể đề nghị Sammy Davis Jr.^[6] giữ một chân trong hội đồng quản trị.

Và chính trong nhà hàng đó, bao quanh là một nhóm bạn cũng say sưa không kém, họ đã bắt đầu vẽ ra những kế hoạch cho dự định của mình. Trước hết, trên tờ giấy trải bàn, là những kế hoạch cho phòng biên tập. Rhonda, cô nàng nhiều tuổi nhất hội,

người mà mọi người thường kể rằng đã từng giao du với các thành viên của *Black Panther*^[7] trước khi an phận thủ thường, đang làm trợ lý kế toán cho Procter & Gamble. Cô cố gắng hiển kinh nghiệm của mình và bắt đầu đề ra những mục cần thiết trên bảng kê thu chi. Cô soạn ra một danh sách các vị trí cần có, một bảng lương, ước tính ngân sách cần thiết cho việc thuê trụ sở, chi phí hàng ngày và chi phí điều tra. Cô hứa sẽ tìm hiểu sớm nhất có thể về giá giấy, giá mực, phí vận chuyển, và về mức chiết khấu cần phải nhượng lại cho các đầu mối phát hành và bán lẻ báo. Với những công việc đang đảm nhận, rõ ràng là cô sẽ được nhận chức giám đốc tài chính.

- Cứ hình dung là các cô sẽ tập hợp được nguồn vốn cần thiết, điều mà tôi rất nghi ngờ, thì cũng sẽ không ai muốn in tờ báo tin vẹt của các cô đâu, – Keith lên tiếng, – mà bán nó thì lại càng không. Một tờ báo chuyên đăng các vụ bê bối do phụ nữ điều hành, tôi thấy các cô quả là lạc quan đấy.

Keith là một anh chàng cao lớn, đồ sộ như một con gấu, với khuôn mặt vuông chữ điền, quai hàm bạnh ra và đôi mắt xanh nồng nhiệt. Sally-Anne thấy anh chàng đẹp trai và chơi trò yêu đương với anh vài tuần. Với cô, được chung giường với Keith quả là điều không tưởng. Đằng sau vẻ bề ngoài lực lưỡng đó, ẩn giấu một người tình ngoan ngoãn có đôi bàn tay dịu dàng, đúng như cô thường thích. Nhưng dù có là tình nhân tốt đến đâu đi chăng nữa, thì Sally-Anne cũng không gắn bó với đàn ông và chỉ sáu tuần lễ đã đủ khiến cô mệt mỏi với những trận mây mưa cùng họ. May phải lòng Keith, điều đó không lọt qua được mắt Sally-Anne. Sự cạnh tranh đó có thể đe dọa đến tình bạn giữa họ, nhưng đã có lúc cô tự hỏi phải chăng cô rời bỏ anh chính là để nhường lại cho

May. “Tớ tặng anh ta cho cậu đấy”, cô đã tuyên bố lúc về nhà vào buổi sáng sau khi chia tay anh. May từ chối là người đến sau cô, nhưng Sally-Anne đã thuyết giáo bạn mình. “Hãy đón nhận thú vui ở nơi nó xuất hiện và nhất là khi nó đến với cậu. Rồi sau đó hãy suy nghĩ. Tin tớ đi, những người làm ngược lại đều đáng chán như chính họ cũng cảm thấy chán ngán vậy”, cô kết luận rồi đi tắm. Về phía May, cô kết luận là con người ta không thể vứt bỏ được thói kiêu ngạo của mình, ngay cả khi có tự tuyên bố rằng mình là kẻ nổi loạn.

Từ đó, mỗi lần ánh mắt May bắt gặp ánh mắt Keith cô lại phải chống lại cảm giác bối rối dâng lên trong cô khi nghĩ đến những lần mây mưa mà Sally-Anne thỉnh thoảng lại kể cho cô nghe. Tuy nhiên, tối đó, cô đã xạc lại anh bằng một nhận xét sắc bén.

- Về nguồn vốn, chúng tôi sẽ tìm ra được, và khi anh đặt móng xuống ghế đọc tờ báo của chúng tôi, anh sẽ bớt ra vẻ đi đấy.

Câu nói đó đã khiến cả đám cười ồ. Chưa ai từng mạo hiểm sỉ nhục anh chàng bảnh trai đó giữa chốn đông người như vậy. Sally-Anne là người đầu tiên thấy ngạc nhiên. Trong cơn sững sờ chung của tất cả mọi người, Keith đứng dậy, đi vòng quanh bàn rồi đến cúi xuống vai May, và nói lời xin lỗi cô.

- Cô có thể tin rằng tôi sẽ nằm trong số những người đầu tiên đặt mua báo của các cô.

Vốn là thợ mộc, Keith kiếm được một khoản lương khiêm tốn cho phép anh trang trải các nhu cầu hằng ngày, nhưng không có gì hơn ngoài những thứ thiết yếu. Anh thọc tay vào túi quần jean, lấy ra một tờ mười đô, vào năm 1980 thì đó đã là một khoản không nhỏ, và đặt xuống trước mặt cô. “Tùng này để mua vài cổ

phiếu tờ báo của các cô”, anh nói thêm. Rồi anh rời khỏi nhà hàng trước ánh mắt sửng sốt của nhóm bạn. Những ánh mắt hoàn toàn không khiến May bận tâm khi cô chạy theo anh, tay cầm tờ mười đô. Cô hét to tên anh trên phố.

- Anh tưởng có thể trở thành cổ đông với thứ này sao? Còn chưa đủ để mua những số báo đầu tiên đâu.

- Thế thì cứ coi như đây là khoản ứng trước để đặt mua báo vậy.

Keith vẫn tiếp tục bước. May nhìn anh đi xa dần rồi quay lại nhà hàng, trong lòng quyết tâm hơn bao giờ hết. Cô sẽ chứng tỏ cho tất cả mọi người thấy mình làm được gì. Quan trọng hơn nữa, cô sẽ tự chứng tỏ điều đó với bản thân. Sally-Anne cũng bị cuốn theo những ý định tương tự, và nếu như động cơ của cô có khác biệt, thì tương lai của họ từ nay trở đi lại gắn chặt với nhau. Chỉ còn phải gom góp khoản tiền vốn đủ để nuôi sống một tờ báo mà không một người đàn ông giàu có nào trong bang muốn nó ra đời. Tối đó, cả May lẫn Sally-Anne đều còn lâu mới hình dung được rằng nếu số phận có cho phép họ biến dự định của mình thành hiện thực, thì cũng chỉ nhằm phục vụ cho một tội ác mà thôi.

May xua khỏi tâm trí mình ký ức về cái đêm say rượu đó, khi mọi chuyện khởi động. Cô kéo tấm chăn lên vai và xoay người. Sally-Anne choàng tay ôm lấy cô rồi nhắm mắt lại.

Tháng Mười năm 2016, Croydon

Maggie xoay chìa và nhận thấy cửa không khóa. Bất kỳ tên trộm vặt nào cũng có thể vào nhà cô nàng. Đã bao nhiêu lần Maggie nài nỉ ba hãy khóa cửa hai vòng mỗi khi ông ra ngoài. Nhưng lần nào ông cũng trả lời là ông vẫn sống ở đây lâu nay mà chưa bao giờ có ai ăn trộm của ông bất cứ thứ gì.

Maggie treo áo khoác lên mắc rồi bước vào hành lang. Không cần phải thám hiểm căn bếp, hẳn mẹ sẽ không bao giờ cất giấu bất cứ thứ gì trong căn phòng ưa thích nhất của ba. Sự lười biếng trong cô nàng mách bảo rằng vụ này sẽ không dễ dàng và rằng tốt hơn hết nên từ bỏ: mất thời gian tìm kiếm những thứ chẳng có chút ý nghĩa nào để làm gì chứ? Tâm trí mông lung, Maggie nghĩ đến phòng ngủ, phòng tắm, tủ áo – cô nàng sẽ tấn công cái tủ áo trước tiên, có thể sẽ phát hiện ra ở đó một cái cửa sập hoặc một cái đáy kép. Maggie cũng nghĩ rằng khi ra về, có lẽ cô nàng sẽ phải để ổ khóa y nguyên như đã thấy, nếu không muốn ba biết mình đã lén lút đến nhà ông. Dù thế nào, ông cũng sẽ vô vai cô nàng với vẻ dễ thương cố hữu và nói: “Maggie, con thì nhìn đâu cũng thấy cái xấu.”

Và khi đúng là có một bàn tay đặt lên vai Maggie, cô nàng hét lên một tiếng rồi quay lại. Ba đang nhìn Maggie, hai mắt tròn tròn.

- Con đang làm gì thế, mà tại sao con lại không bấm chuông cửa? – Ông ngạc nhiên hỏi cô.

- Con... – Maggie ấp úng.

- Con sao?

- Con tưởng ba đi ăn trưa với chị Elby chứ.

- Ba cũng tưởng thế và lẽ ra ba phải đang làm thế, nhưng Austin đã giở thói đỏng đảnh và từ chối không chịu khởi hành. Ba phải đi xem có gì không ổn bên dưới nắp ca pô không.

- Dù sao thì cũng nên báo trước cho con chứ, – Maggie cầu nhàu.

- Chiếc Austin của ba ư?

- Chị Elby ạ!

- Con muốn chị ấy báo trước cho con rằng xe của ba bị hỏng ư?
– Ba cười vui vẻ. – Đừng có lúc nào cũng gây chuyện với chị con nữa đi, ba rất ghét các con cãi cọ nhau. Đã ba mươi năm nay ba chờ đợi thời điểm tốt cuộc hai con cũng quyết định trở thành người lớn. Mà yên tâm đi, ba cũng nói y như thế với chị con mỗi lần chị con...

- Chị con làm sao?

- Không có gì đâu... – ba thở dài. – Và bây giờ con sẽ nói cho ba biết con làm gì ở đây chứ?

- Con... con đang tìm giấy tờ.

- Lại đây, chúng ta sẽ nói chuyện trong bếp, ba sẽ làm một cái bánh sandwich, rồi con sẽ thấy, rất cuộc, ngày hôm nay, sau khi đã xoay theo chiều hướng xấu, lại đang bắt đầu xoay theo hướng tốt bởi vì dù sao đi nữa ba cũng sẽ ăn trưa với một trong hai con gái của ba. Hơn nữa, ba sẽ vui lòng nếu con không kể gì về những chuyện này với chị gái con, chị con có thể đi đến chỗ tưởng tượng ra rằng ba đã nói dối chị con về cái xe để gặp con thay vì gặp chị con, và nếu thế thì... thì... – ba vừa nhắc đi nhắc lại vừa giơ tay lên trời như thể trần nhà sắp sụp xuống đầu ông, – chúng ta sẽ gặp phải tấn bi kịch của tuần.

Ông mở cửa tủ lạnh, lấy ra những gì cần thiết cho cái gọi là bữa trưa, và đề nghị Maggie dọn bàn ăn.

- Thế nào, có chuyện gì với con vậy, con yêu? Nếu con cần chút tiền, thì phải nói với ba. Con nhả túi rồi à?

- Không, không có chuyện gì với con cả đâu, con chỉ cần tìm... một bản sao giấy khai sinh.

Maggie tự hỏi làm thế nào lời nói dối đó lại nảy ra trong đầu mình.

- Á, à! – Ba thốt lên, khuôn mặt rạng rỡ niềm vui.

- Á, à gì cơ ạ? – Maggie ung dung hỏi.

- Ta hãy cùng nghĩ mà xem, con đến tìm một bản sao giấy khai sinh, không thể chờ thêm nữa. Hẳn là con đã tính toán là ba sẽ rời nhà hàng nơi lẽ ra ba phải ăn trưa cùng với Elby vào khoảng 14 giờ 30, rồi ước tính thời gian ba phải đi đường với những đoạn tắc nghẽn chết tiệt đó. Với đồng tiền tỉ mà các chính khách của

chúng ta tiêu phí từ nhiều thập kỷ nay, họ vẫn chưa tìm ra cách nào để giải quyết tận gốc những vấn đề giao thông... vào thế kỷ 21! Là ba thì ba sẽ cho cả đám đó mất việc hết, cái lũ vô tích sự ấy!

- Ba ơi, ba biết rõ là dù sao ba cũng nói hơi dông dài rồi đấy.

- Tuyệt đối không, ba không hề nói dông dài, ba chỉ nhắc lại quan điểm của ba thôi. Tóm lại, đừng có đánh trống lảng nữa. Vậy là con đã suy ra rằng ba sẽ không trở về nhà trước 16 giờ, mà như thế sẽ là quá muộn, và chính vì thế mà con đã đến đây.

Không hiểu bất cứ lời nào trong đoạn lập luận của ba, Maggie chọn cách im lặng.

- Á, à! – Ba nhắc lại.

Chống khuỷu tay xuống bàn, Maggie đưa hai bàn tay lên ôm đầu.

- Thỉnh thoảng, khi nói chuyện với ba, con có cảm giác mình đang bị dịch chuyển vào một tập phim của nhóm Monty Python^[8], – con bé nói.

- Nay, con yêu, nếu con định ném vào mặt ba một câu độc ác, thì trượt rồi nhé, vì ba coi đó là một lời khen. Và nếu con tưởng ba không hiểu con đang tìm kiếm thứ gì, thì con khiến ba phải thương hại rồi đấy. Tòa thị chính đóng cửa vào lúc 16 giờ, không phải sao? – Ba vừa nói thêm vừa nháy mắt.

- Có thể là thế, nhưng ba muốn con đến tòa thị chính làm gì mới được chứ?

- Thôi được, chúng ta hãy hình dung là con định trang trí lại căn hộ và con đang vô cùng hạnh phúc về cuộc đời mình, con

đang tràn ngập lòng biết ơn vì đã được ra đời đến nỗi con muốn treo giấy khai sinh của mình trong phòng khách. Logic thôi! Được rồi, không đùa nữa, ba thừa nhận với con là ba đã vụng về khi nhắc đến đám cưới của con trước mặt anh trai và chị gái con, ba xin lỗi con về việc đó, nhưng bây giờ khi chỉ có hai ba con ta với nhau, con hoàn toàn có thể nói chuyện đó với ba. Bởi vì ba luôn là người được con tìm đến tâm sự đầu tiên, không phải sao?

- Nhưng con không hề có ý muốn kết hôn, thậm chí điều đó còn chưa hề lướt qua tâm trí con, con thể với ba như thế, ba ạ, ba hãy bỏ cái ý nghĩ ấy ra khỏi đầu đi.

Ba quan sát cô con gái với vẻ thận trọng và đặt trước mặt cô nàg đĩa bánh sandwich mà ông vừa làm xong.

- Ăn đi, lúc này trông mặt con chẳng khác nào bánh đa nhúng nước.

Maggie không tìm cách tranh luận thêm và cắn một miếng bánh mì. Ba không rời mắt khỏi cô, nhưng bầu không khí im lặng khiến ông không thể chịu đựng nổi.

- Tại sao con lại phải lấy giấy khai sinh gấp gáp đến thế?

- Ngân hàng của con yêu cầu con phải hợp thức hóa hồ sơ, – Maggie bịa chuyện.

- Con đã yêu cầu một khoản vay à? Con thấy chưa, ba đã không nhầm, ba vẫn còn rất tỉnh nhạy mỗi khi có chuyện gì liên quan đến con gái mình. Nếu con cần tiền tại sao lại không đến đây hỏi ba? Các ngân hàng sẽ vắt kiệt tiền của con với mức lãi suất họ áp dụng, ngược lại khi họ phải trả tiền lãi cho những khoản tiền ta cho họ vay, thì ta sẽ thấy ngay thôi, tiền chẳng còn giá trị gì nữa!

- Ba nói thế là vì ba có tiền cho ngân hàng vay sao? – Maggie hỏi, hy vọng rằng đã phát hiện ra việc có thể vẫn còn lại chút gì đó từ tài sản giả định của mẹ chúng tôi.

Nỗi phẫn khích của Maggie tụt xuống khi ba giải thích rằng ông đang nói đến tài khoản tiết kiệm hưu trí. Vài ngàn bảng và món tiền đó chẳng mang lại cho ông chút gì, ba vừa nói thêm vừa thở dài.

- Thế tại sao con lại muốn mượn tiền? Con nợ tiền à?

- Ba ơi, ta hãy quên chuyện này đi, con chỉ muốn thương lượng một hạn mức thấu chi nhỏ, không có gì khác nữa đâu. Nhưng ba biết rõ cái hệ thống này rồi đấy, chỉ cần một việc vặt thôi là người ta cũng yêu cầu ba cả đồng giấy tờ. Hơn nữa, ba có biết gì về chỗ mẹ thường cất giấy tờ của mẹ không?

- Không chỉ biết, mà ba luôn là người chịu trách nhiệm về các loại giấy tờ trong nhà này. Mẹ con rất sợ việc đó. Ba sẽ đi tìm cho con thứ con cần.

- Không cần đâu ba, chỉ cần ba nói cho con biết chỗ đó ở đâu và...

Một tiếng chuông cắt ngang câu chuyện của hai ba con. Ba tự hỏi có thể là ai bấm chuông, vì ông đang không chờ ai, còn người đưa thư thì luôn đến vào buổi sáng.

Ông bước ra mở cửa và nhìn thấy tôi đứng trên thềm nhà.

- Con đến tận đây sao? – Ba bối rối hỏi.

- Như ba đang thấy đấy. Con đã ghé qua tòa báo và hỏi mượn được một chiếc xe. Nó chạy mới tẹt làm sao!

- Ba biết, đúng lúc ba đang nói chuyện đó với em gái con.

- Maggie đang ở đây sao?

- Đúng thế, nhưng con đừng có nghĩ là ba đã bịa ra chuyện xe của ba bị hỏng nhé! Con có hình dung được không, – ba thì thầm, – Maggie đã lén lút đến đây, hy vọng là ba không có ở nhà để...

- Để làm gì? – Tôi cuống quýt hỏi.

- Nếu con không cắt lời ba, thì ba đang định nói với con đây. Để tìm giấy tờ, con bé muốn vay tiền ngân hàng. Em gái con đúng là một cái túi thủng.

Maggie hiện ra trong hành lang và ném cho tôi một ánh nhìn như thiêu đốt.

- Trước khi nói bất kỳ điều gì mà em sẽ phải hối tiếc, tốt hơn hết hãy xem điện thoại di động của em đi, chị đã nhấn cho em cả chục lần.

Maggie quay vào bếp và thọc tay vào túi xách. Chuông chiếc iPhone của cô nàng đã bị tắt, và Maggie có thể nhận thấy là tôi đã nhiều lần cố cảnh báo nó rằng đừng chưa thông.

- Ba đã nguyên rửa chiếc Austin, nhưng có lẽ ba sẽ phải chúc phúc cho nó về bất ngờ kếp này. Chỉ còn thiếu mỗi việc Michel cũng đến đây mà thôi. Ba sẽ xem xem trong tủ lạnh còn gì không, nếu biết trước, chắc ba đã đi chợ, – ba nói, ông nhẹ cả người vì tôi đã không nghi ngờ ông dựng chuyện.

Tôi ngồi vào bàn và tìm cách hỏi chuyện Maggie, cô nàng dùng ánh mắt ra hiệu để khiến tôi hiểu rằng ba chúng tôi không nghi ngờ gì hết. Trong khi ba biến mất dưới bếp, Maggie cầm điện

thoại lên và vừa nhìn chăm chăm vào màn hình vừa cười gằn.

- Em đã không mơ, Rigby ạ, đúng là chị đã nhấn cho em “Abort Mission”^[9] ba lần. Thật ra chị không xem ti vi, mà chị ăn nó!

Ba lại xuất hiện, tay cầm một tờ giấy.

- Đây không hẳn là giấy khai sinh của con, mà là một bản trích lục từ cây phả hệ của nhà ta, được chứng thực bởi một công chứng viên theo giáo phái Mormon! Chắc là ngân hàng của con sẽ bằng lòng thôi.

Tôi cầm lấy tờ giấy trước cả Maggie.

- Này, lạ quá, – tôi nói.

Ba vặn công tắc âm điện và lâm bâm chửi thề sau chòm râu.

- Ba mẹ cưới nhau sau khi chúng con ra đời sao?

- Có thể thế, – ba lâm bâm.

- Sao lại “có thể thế”, ở đây viết rõ ràng, giấy trắng mực đen cơ mà. Ba không còn nhớ ngày cưới của chính mình hay sao?

- Trước hay sau thì cũng có thay đổi gì đâu! Theo như ba biết, thì ba mẹ đã yêu nhau cho đến tận lúc bà ấy chết, và ba vẫn còn yêu bà ấy.

- Nhưng ba mẹ vẫn luôn kể với chúng con là ba mẹ đã quyết định kết hợp với nhau ngay khi gặp lại nhau.

- Chuyện của ba mẹ có hơi phức tạp hơn một chút so với câu chuyện mà ba mẹ muốn kể cho các con nghe trước giờ đi ngủ hằng đêm.

- Phức tạp hơn thế nào?

- Màn hỏi cung lại bắt đầu rồi đây, ba đã nói với con rồi, Elby ạ, lẽ ra con nên theo nghề cảnh sát chứ không phải phóng viên, khi suốt ngày cần nhằn ba mình như vậy.

Ba rút sợi dây điện và quấn nó xung quanh chiếc ấm.

- Cả nó cũng đã lìa đời rồi. Sáng nay thì xe hỏng, giờ thì đến lượt cái ấm quý quái này, rõ ràng hôm nay không phải là ngày của ba.

Ba lấy từ tủ buýp phê ra một cái xoong, đổ đầy nước rồi đặt lên bếp ga.

- Các con có biết phải mất bao nhiêu thời gian để đun sôi nước lạnh không?

Cả tôi và em gái cùng lắc đầu.

- Ba cũng không biết, nhưng chúng ta sắp biết rồi, – ba vừa nói vừa nhìn xoáy vào kim giây của chiếc đồng hồ treo tường.

- Phúc tạp hơn thế nào ạ? – Tôi lại hỏi, câu hỏi khiến ba tôi thở dài.

- Những tuần đầu tiên sau khi mẹ con trở về không hề đơn giản như thế. Mẹ con phải mất một thời gian để làm quen với cuộc sống mới ở một khu ngoại ô mà vào thời đó đâu phải là nơi vui vẻ nhất trên thế giới.

- Ba có thể bỏ cụm từ “vào thời đó” đi, – Maggie huýt sáo.

- Ba không cho rằng Beckenham của con có bất cứ thứ gì khiến cho thành phố của ba phải ghen tị đâu, con yêu ạ. Mẹ các con đã quay cuồng một chút trong căn hộ này, bà ấy còn chưa tìm được việc làm, còn ba thì không thể vi phạm giờ giấc làm việc ở văn

phòng được, thế nên mẹ con cảm thấy rất cô đơn. Nhưng vì là người cứng cỏi, mẹ con đã ghi danh vào các lớp học từ xa. Bà ấy đã có được bằng tốt nghiệp, rồi được làm thực tập sinh, và cuối cùng là vị trí giáo viên. Thêm vào đó, mẹ các con còn mang thai, việc các con ra đời là niềm hạnh phúc của ba mẹ, nhưng các con không thể tưởng tượng nổi nuôi trẻ con tốn kém thế nào đâu, một ngày nào đó các con sẽ biết, ba hy vọng thế. Tóm lại, ba mẹ đã không thực sự có điều kiện để mua váy cưới, nhẫn và tất cả những thứ lằng nhằng khác kèm theo đám cưới. Thế nên quả thật, ba mẹ đã chờ lâu hơn ý muốn của ba mẹ một chút trước khi đến làm lễ ở tòa thị chính. Trí tò mò của con đã thỏa mãn chưa?

- Bao lâu sau khi chuyện tình của ba mẹ tái sinh thì mẹ có thai ạ?

- Cách nói hay đấy. Mẹ các con rất ghét việc ba nhắc đến lần yêu đương đầu tiên của ba mẹ. Mười năm đã trôi qua, mẹ các con đã từng trải hơn, đã trở thành một người hoàn toàn khác và không hề thích thú gì cô gái trẻ từng là bà ấy trước đó. Hơn nữa, ý nghĩ rằng ba có thể đã yêu cô gái đó cũng khiến mẹ các con gần như nổi cơn ghen. Bà ấy không hiểu làm sao một người đàn ông lại có thể say đắm hai tính cách khác biệt nhau đến thế. Bởi vì ba thì không bao giờ được quyền thay đổi! Các con thấy không, bà ấy đã không nhầm, ba đã không thay đổi gì mấy. Mẹ các con chỉ quan tâm đến hiện tại, hiếm khi nghĩ đến tương lai còn quá khứ thì không hề tồn tại với bà ấy. Hai giai đoạn trong chuyện tình của ba mẹ đối với mẹ các con chẳng khác nào Cự ước và Tân ước. Hai cách kể chuyện chưa bao giờ thống nhất được với nhau về sự xuất hiện của đảng Cứu thế.

- Bởi vì đáng Cứu thế, trong cuộc đời mẹ, chính là ba, đương nhiên là thế, – Maggie cười vang.

- Một phút mười hai giây, – ba thản nhiên đáp lại, mắt nhìn vào nồi nước đang sôi.

Ông xoay núm tắt bếp ga rồi rót trà ra cốc.

- Vậy là hai người rất nhanh đấy chứ, một phút mười hai giây mà đã làm mẹ có thai rồi, quả là một kỷ lục, – tôi tiếp lời.

Ba khẽ khàng rót chút sữa vào cốc của mình rồi nhìn hai con gái, hết người này sang người khác.

- Ba yêu các con, điều đó thì các con không cần phải nghi ngờ gì hết. Ba yêu các con hơn mọi thứ trên đời, cả anh trai các con nữa, tất nhiên rồi. Nhưng có đôi khi các con khiến ba bực mình quá thể. Ba mẹ đã có các con rất nhanh. Vài tháng sau khi ba mẹ quay lại với nhau. Con có muốn biết anh trai con và con nặng bao nhiêu lúc mới ra đời không? Mà này, con còn to hơn anh con đấy, ba trả lời thế được chưa?

Maggie phì cười không chút ý tứ, vừa nhìn tôi vừa phồng má lên.

- Còn con, Maggie ạ, con còn to hơn cả hai anh chị con cộng lại. Giờ thì, với mấy chuyện vừa rồi, các con đã làm ba buồn trở lại. Ba ra nghĩa trang đi dạo một lát, các con muốn đi cùng không?

Maggie chưa hề đến thăm mảnh đất nơi mẹ chúng tôi yên nghỉ kể từ khi bà được chôn cất. Cô nàng không thể chịu nổi việc phải nhìn thấy tên mẹ khắc trên tấm bia mộ.

- Thật ra là không đâu, – ba nói tiếp, – đừng giận ba, nhưng ba

muốn đi ra đó một mình hơn.

Một người cha luôn biết những việc như thế này.

Ông uống hết tách trà, đặt nó vào bồn rửa, quay lại hôn lên trán chúng tôi rồi đi khỏi.

Chúng tôi nghe thấy ông nói với vào từ ngoài cửa:

- Con nhớ khóa cửa cẩn thận trước khi về nhé, Maggie.

Và ba ra khỏi nhà, trên môi nở một nụ cười.

10

Eleanor-Rigby

Tháng Mười năm 2016, Croydon

Chúng tôi chờ cho đến khi chắc chắn là ba sẽ không quay lại rồi mới bắt tay vào tìm kiếm. Phòng tắm bị loại bỏ ngay tức khắc, vì chúng tôi cho rằng không thể có khả năng bí mật được cất giấu ở đó. Maggie lục tủ quần áo và chẳng tìm thấy trong đó bất kỳ cái tráp hay đáy kếp nào. Trong lúc tôi chịu trách nhiệm tìm trong phòng ngủ, cô nàng vào xem xét cây phả hệ của gia đình ở trong bếp.

- Này, đừng có vào đây giúp chị đấy nhé, – tôi hét lên với Maggie.

- Theo em biết thì chị cũng đâu có ra giúp em, – Maggie đáp, – chị chưa xong à?

Tôi bực mình vào bếp cùng cô nàng.

- Chẳng có gì hết, thậm chí chị còn gõ cả vào tường để nghe xem có chỗ nào rỗng không, nhưng *không có gì hết*.

- Chị không thấy gì là vì chẳng có gì để mà thấy hết. Bức thư đó là một mớ những lời ngu ngốc; chúng ta đã cười đùa ra trò, nhưng bây giờ em gợi ý với chị là chúng ta nên dừng lại ở đây

thôi.

- Hãy thử suy nghĩ như mẹ xem. Nếu muốn giấu một mớ của cải, em sẽ cất nó ở đâu?

- Tại sao chị lại giấu nó thay vì cho cả gia đình được hưởng thụ?

- Thế nếu như đó không phải tiền, mà là thứ gì đó mẹ chẳng thể dùng vào việc gì được? Rồi ta sẽ biết, có thể hồi trẻ mẹ từng buôn ma túy... hồi những năm 1970-1980 ấy, ai mà chẳng dùng ma túy.

- Lại phải nhắc lại điều này thôi, Elby à, thật sự là chị đã xem tivi quá nhiều, và mặc dù có nguy cơ khiến chị vỡ mộng thảm hại, em tin rằng bây giờ vẫn có không ít người dùng ma túy. Nếu chị cứ ở mãi Luân Đôn, thì có lẽ em cũng sẽ phải dùng đến thứ ấy mất.

- Trong cả ba chúng ta, Michel là người gần gũi mẹ hơn cả.

- Em cho rằng lời khẳng định vô căn cứ này chẳng có lợi ích nào khác ngoài việc muốn làm em ghen tị. Chị thật đáng thương.

- Chẳng có gì đáng thương hết, đó là một thực tế, và chị nói như thế là bởi nếu mẹ có bí mật nào đó không muốn chia sẻ với ba, thì Michel chính là người mẹ sẽ tâm sự cùng.

- Đừng có quấy rầy anh ấy với cái tính bướng bỉnh ưa huyên hoặc của chị.

- Chị không có nghĩa vụ phải tuân lệnh em, hơn nữa, chị sẽ đến thăm anh ấy bây giờ đây. Chết tiệt thật, anh ấy là anh trai sinh đôi của chị, đâu phải của em!

- Sinh đôi giả thì có!

Tôi ra khỏi bếp, Maggie đóng sập cửa lại và túm được tôi trong cầu thang.

Hai bên vỉa hè lá rụng thành một thảm dày đỏ rực. Những dấu vết tàn phá của một tháng Mười có gió thổi mạnh hơn thường lệ. Tôi thích tiếng xào xạo của những gân lá khô dưới chân mình, mùi hương của mùa thu nồng lên sau mưa. Tôi ngồi vào sau tay lái chiếc xe break mượn của một đồng nghiệp trong tòa báo, chờ Maggie khóa cửa, rồi nổ máy.

Chúng tôi lái xe đi mà không nói với nhau lời nào, ngoại trừ một lần mở ngoặc nhỏ, khi tôi nhận xét với Maggie rằng nếu không hề tin tưởng chút nào vào bức thư nặc danh kia, thì cô nàng đã không lên xe lúc này, nhưng Maggie khẳng định mình chỉ lên xe để bảo vệ anh trai khỏi cơn điên rồ đang xâm chiếm chị gái.

Tôi cất xe vào bãi đỗ và dứt khoát tiến về phía quầy đón tiếp. Không có nhân viên nào đằng sau bàn lễ tân bằng gỗ anh đào đánh véc ni, di sản của một thời kỳ đã qua. Nhân sự của thư viện thành phố chỉ bao gồm hai người làm việc toàn thời gian, nữ giám đốc Véra Morton, và Michel, ngoài ra có một nữ lao công đến hút bụi các giá sách hai lần mỗi tuần.

Véra Morton nhận ra Maggie trong sảnh, khuôn mặt chị rạng rỡ lên trong lúc đi ra gặp cô nàng. Là một nhân vật phức tạp hơn so với thoạt nhìn, Véra hoàn toàn có thể rạng ngời hơn nếu chị không cố công biến mình thành một người vô hình như thế. Đôi mắt màu xanh ngọc của chị được bao quanh bằng một cặp kính

có mắt kính tròn in đầy dấu vân tay, mái tóc buộc gọn bằng một sợi dây chun, và bộ trang phục còn giản dị hơn cả mức cần thiết. Chiếc áo len cổ lọ, rộng hơn thân người đến cả hai cỡ, chiếc chân váy rộng bằng vải nhung có sọc nổi, đôi giày lười kèm với đôi tất tạo thành một bộ đồng phục xám nhờ.

- Mọi việc ổn cả chứ? – Chị hỏi.

- Không thể tốt hơn được, – tôi trả lời.

- Vậy thì hai người thấy đấy, tôi vui rồi, lúc trước tôi đã sợ rằng có thể hai người mang đến tin xấu gì đó. Thật hiếm khi được hai người hạ cố đến thăm.

Ngày nay, ai còn ăn nói kiêu ấy nữa? Tôi tự hỏi nhưng giữ lại những suy nghĩ đó cho riêng mình. Và trong khi Maggie giải thích rằng tiện đường đi dạo trong khu phố này, hai chị em tôi đã nảy ra ý định ghé vào ôm hôn anh trai, tôi nhận thấy hai má Véra hơi ửng hồng mỗi khi nghe nhắc đến tên Michel. Tôi lập tức nghi ngờ có sự xáo trộn về tình cảm bên trong chiếc áo thun cổ lọ của Véra Morton. Cũng nên thể tất cho chị, bởi các bạn cứ thử bỏ hai con cá vào trong một chiếc bình tám tiếng mỗi ngày, và thú tiêu khiển duy nhất của chúng chỉ là chuyến thăm của một lớp học nào đó vào thứ Tư hằng tuần, các bạn sẽ thấy có khả năng rất cao là rốt cuộc hai con cá đó, con nọ sẽ nhìn thấy ở con kia những điều tốt đẹp nhất mà toàn thể nhân loại có thể dành cho nó. Gạt những suy ngẫm này sang một bên, tôi cảm thấy ý nghĩ rằng Véra có cảm tình với anh trai tôi là hoàn toàn khả dĩ. Nhưng câu hỏi thật sự phải là liệu Michel có cảm tình với Véra hay không.

Nữ giám đốc trẻ tuổi của cái nơi suy tàn này rất vui sướng được dẫn chúng tôi đến tận phòng đọc nơi Michel đang ngồi một

mình một bàn, vùi đầu vào một cuốn sách. Tuy nhiên, chị vẫn nói thì thầm như thể phòng đọc đầy độc giả. Từ đó, tôi suy ra rằng thư viện cũng giống như nhà thờ. Dù có là con chiên ngoan đạo hay không, một khi đã vào đó, ta chỉ có thể đi nhẹ nói khẽ cười duyên.

Michel ngẩng đầu lên, ngạc nhiên khi thấy hai em gái, anh gấp sách lại và mang cất vào đúng chỗ rồi mới đến bên cạnh chúng tôi.

- Chúng em đi ngang qua đây và nảy ra ý tưởng ghé vào ôm hôn anh, – Maggie tuyên bố.

- Ô, thật lạ quá, em có bao giờ ôm hôn anh đâu. Mà thôi, anh không muốn làm em phật ý, – anh vừa nói vừa chìa má ra.

- Đó là một cách nói thôi, – Maggie giải thích. – Anh có muốn chúng ta đi đâu đó uống trà cùng nhau không? Nếu anh có thể xin nghỉ một lát, tất nhiên.

Véra trả lời thay cho Michel.

- Tất nhiên là được, hôm nay chúng tôi không có đông độc giả. Anh đừng lo, Michel ạ (hai má chị lại thoáng ửng hồng). Tôi sẽ đóng cửa thư viện.

- À. Nhưng tôi còn phải sắp xếp vài cuốn sách nữa.

- Tôi chắc chắn là chúng sẽ có một đêm rất dễ chịu trên những chiếc bàn nơi chúng đang ở, – Véra khẳng định (sắc hồng trên má chị càng rõ rệt hơn).

Michel đưa tay ra và vừa bắt tay chị vừa lắc như thể đang cầm một cái bơm xe đạp cũ.

- Vậy thì cảm ơn cô nhiều, – anh nói. – Ngày mai tôi sẽ làm việc muộn hơn một chút.

- Không cần phải làm vậy đâu. Chúc anh một tối vui vẻ, Michel ạ (lần này thì má chị đỏ lựng).

Và bởi vì việc thì thầm là quy tắc ở nơi này, tôi ghé tai em gái để thổ lộ với cô nàng một điều bí mật. Maggie ngược mắt nhìn lên trần nhà rồi kéo Michel ra xe.

Chúng tôi dừng chân tại một phòng trà. Đằng sau ô cửa kính dán đầy áp phích quảng cáo, phòng trà chiếm trọn tầng trệt của một tòa nhà nhỏ bằng gạch màu vàng được xây từ những năm 1970, dấu tích còn sót lại của vùng ngoại ô công nghiệp chậm hiện đại hóa này. Ở đây người ta giản tiện mọi dịch vụ, nên Maggie vào tận quầy để gọi ba cốc trà Earl Grey, ba bánh kẹp lúa mạch, và chỉ tránh sang một bên để nhường chỗ cho tôi vào trả tiền. Chúng tôi ngồi xuống ba chiếc ghế nhựa đặt quanh một chiếc bàn bằng phoóc mica.

- Đã xảy ra chuyện gì với ba sao? – Michel hỏi bằng giọng khoan thai.

Tôi lập tức trấn an anh. Michel uống một ngụm trà rồi chăm chăm nhìn Maggie.

- Em sẽ cưới Fred sao?

- Nhưng tại sao chuyện chúng em đến thăm anh lại phải đồng nghĩa với việc đã xảy ra một thảm kịch? – Cô nàng hỏi lại thay cho câu trả lời.

Michel suy nghĩ và thấy câu trả lời rất thú vị. Anh liền mỉm miệng cười để thể hiện cho Maggie biết điều đó.

- Lần này, khi em ở lại Luân Đôn một thời gian, em muốn đến thăm anh và đã nhân dịp đó để mời Maggie tham gia cùng chúng ta, – tôi nói thêm.

- Mẹ có gửi gắm anh một điều bí mật nào không? – Maggie hỏi thẳng.

- Đúng là một câu hỏi lạ lùng. Anh không gặp mẹ đã lâu rồi, và cả em cũng thế.

- Em muốn nói là trước đây.

- Nếu mẹ gửi gắm anh một bí mật, thì anh sẽ không thể tiết lộ với em được. Logic thôi, đúng không?

- Em không yêu cầu anh nói với em điều bí mật ấy, mà chỉ hỏi xem liệu mẹ có gửi gắm anh một điều bí mật nào không thôi.

- Không.

- Chị thấy rõ rồi nhé, – Maggie bảo tôi.

- Một thì không, nhưng nhiều thì có, – Michel nói tiếp. – Anh ăn thêm một cái bánh được không?

Maggie đẩy đĩa của cô nàng về phía anh.

- Tại sao mẹ lại gửi gắm anh mà không gửi gắm bọn em? – Cô nàng hỏi.

- Bởi vì mẹ biết rằng anh sẽ không nói gì hết.

- Ngay cả với hai em gái của anh?

- Đặc biệt là với hai em gái của anh. Khi cãi nhau các em có thể nói toạc hết mọi chuyện, kể cả những chuyện không hề có thật. Các em có rất nhiều phẩm chất tốt đẹp, nhưng không phải phẩm

chất biết ngậm miệng khi tức giận. Logic thôi.

Tôi đặt bàn tay lên cánh tay Michel và nhìn anh bằng đôi mắt đầy dịu dàng.

- Nhưng anh biết rằng chúng em cũng nhớ mẹ như anh mà.

- Anh không tin lại tồn tại một thứ công cụ có thể đo được nỗi nhớ, thế nên anh suy ra rằng câu vừa rồi của em chỉ là một cách nói thôi.

- Không, Michel ạ, đây là một thực tế, – tôi nói tiếp. – Mẹ là mẹ của chúng em, cũng giống như là mẹ của anh.

- Đương nhiên rồi, logic thôi.

- Nếu anh biết những điều mà chúng em không biết, sẽ là không công bằng nếu anh giữ chúng cho riêng mình, anh hiểu không? – Maggie nài nỉ.

Michel đưa mắt dò hỏi tôi trước khi ăn nốt cái bánh của tôi. Anh nhúng nó vào cốc trà và chỉ cắn hai miếng đã hết.

- Mẹ đã nói gì với anh? – Tôi cố nài.

- Không nói gì cả.

- Thế còn điều bí mật?

- Mẹ không tâm sự bằng lời với anh.

- Vậy thì bằng thứ gì?

- Anh không nghĩ là anh có quyền kể về nó với các em.

- Anh Michel, em cũng không nghĩ rằng mẹ có thể ngờ được là mình lại ra đi nhanh chóng đến thế, đột ngột đến thế. Em chắc chắn là mẹ mong muốn chúng ta chia sẻ với nhau mọi chuyện về

mẹ sau khi mẹ mất.

- Có thể thế, anh phải hỏi mẹ mới được.

- Nhưng điều đó là không thể, thế nên anh phải tin vào khả năng phán đoán của anh, và chỉ tin vào khả năng phán đoán của anh thôi.

Michel uống một hơi cạn cốc trà rồi đặt xuống đĩa.

Tay anh run rẩy, đầu anh lắc lư, ánh mắt lác lõng. Tôi xoa gáy anh và cắt ngang cơn khủng hoảng chỉ bằng một câu nói.

- Anh không phải nói bất cứ điều gì với bọn em ngay bây giờ. Em tin chắc là mẹ sẽ muốn anh dành thời gian để suy nghĩ. Và em biết rằng chính vì thế mà mẹ đã đặt lòng tin ở anh. Anh muốn ăn thêm một chiếc bánh nữa không?

- Anh không nghĩ như thế là hợp lý lắm đâu, nhưng tại sao lại không nhỉ, khi cả ba chúng ta được ngồi cùng nhau.

Tôi quyết chí không đứng dậy, Maggie đành rẽ lối tiến về phía quầy và trả tiền chiếc bánh. Cô nàng đặt cái đĩa nhỏ trước mặt Michel và ngồi xuống.

- Chúng ta đừng nói chuyện đó nữa, – Maggie nói bằng giọng xoa dịu. – Hay anh kể cho chúng em nghe một chút về ngày làm việc của anh đi.

- Ngày nào cũng giống ngày nào thôi.

- Thế thì anh hãy chọn một ngày đặc biệt.

- Anh và chị giám đốc có hiểu nhau không? – Tôi xen vào.

Michel ngược mắt lên.

- Anh cho rằng đây lại là một cách nói khác nữa, đúng không?

- Không, chỉ là một câu hỏi thôi, – tôi trả lời.

- Có, bọn anh nghe hiểu nhau rất rõ, chuyện này cũng bình thường thôi, bởi vì bọn anh đâu có bị điếc. Thật may mắn, bởi vì ở thư viện bọn anh buộc phải nói thầm.

- Em đã thấy rồi.

- Thế thì em cũng thấy rằng bọn anh nghe hiểu nhau rất rõ.

- Em nghĩ chị ấy rất quý anh. Mà Maggie này, đừng có nhìn chị như thế nữa đi, chị có thể nói chuyện với anh trai chị mà không cần em giám sát từng câu từng chữ như vậy.

- Các em sắp cãi nhau đấy à? – Michel hỏi.

- Không, hôm nay thì không, – Maggie trấn an anh.

- Điều khiến anh rất thích ở hai em, – Michel vừa nói tiếp vừa với lấy một chiếc khăn giấy nhỏ để lau khóe miệng, – đó là phần lớn thời gian, những điều các em nói với nhau chẳng có ý nghĩa gì. Ấy thế nhưng, những khi không cãi cọ nhau, các em còn hiểu nhau hơn số đông những người mà anh từng quan sát. Từ đó, anh suy ra rằng cả các em cũng thế, các em cũng không bị điếc. Anh hy vọng nói như thế là đã trả lời cho câu hỏi thực sự mà em đặt ra cho anh, Elby ạ.

- Em cũng nghĩ thế. Nếu một ngày nào đó anh cần lời khuyên của nữ giới, thì anh biết là em luôn có mặt.

- Không, em không thường xuyên có mặt đâu, Elby ạ, nhưng khác với mẹ, dù sao thỉnh thoảng em vẫn quay về, nên anh thấy yên tâm.

- Lần này, em nghĩ em sẽ ở lại lâu hơn.

- Cho đến khi tòa báo của em cử em đi nghiên cứu về lũ hươu cao cổ ở một đất nước xa xôi nào đó. Tại sao những người mà em không quen biết lại khiến em quan tâm hơn là gia đình của em?

Nếu là với một người đàn ông khác không phải anh trai tôi, có lẽ tôi đã nói ra sự thật. Tôi những muốn đi khám phá thế giới để tìm thấy ở đó niềm hy vọng mà tôi không có được ở lứa tuổi đôi mươi, lẩn trốn nỗi sợ hãi phải nhìn thấy cuộc đời mình đi theo một quỹ đạo đã được vạch sẵn, một cuộc đời có lẽ sẽ giống với cuộc đời của mẹ tôi, giống với cuộc đời mà em gái tôi đang sống. Tôi cần phải rời xa người thân của mình để có thể tiếp tục yêu thương họ. Bởi vì mặc dù được họ dành cho rất nhiều tình yêu, tôi vẫn thấy ngột ngạt ở nơi ngoại ô Luân Đôn này.

- Em say mê sự đa dạng của nhân loại, – tôi trả lời. – Em ra đi để tìm kiếm tất cả những điều khác biệt đó. Anh có hiểu không?

- Không, chuyện đó không hợp logic. Bởi vì anh không giống như những người khác, tại sao anh lại không đủ để mang lại cho em những gì em đang tìm kiếm.

- Anh không khác biệt, Michel ạ, chúng ta là anh em sinh đôi và anh là người mà em cảm thấy gần gũi nhất.

- Nếu em làm phiền hai người, thì cứ nói cho em biết nhé, – Maggie xen vào.

Michel nhìn chúng tôi, hết người này đến người kia. Anh hít một hơi thật sâu rồi đặt hai bàn tay lên bàn, sẵn sàng giải thoát bản thân khỏi một điều bí mật đang đè nặng lên anh.

- Anh nghĩ là anh và Véra thực sự rất hiểu nhau, – anh vừa nói

vừa thở ra thật nhanh.

11

The Independent

Tháng Sáu đến tháng Chín năm 1980, Baltimore

Từ sau lời tuyên bố trong buổi tối say rượu đó, vào khoảng cuối mùa xuân, May và Sally-Anne đã dồn toàn bộ tâm sức cho việc khai sinh tờ báo. Hai người đã dành cho nó cả mùa hè, chỉ tặng cho mình một ngày Chủ nhật ở bãi biển.

Nhưng trước hết, cần tìm cho nó một cái tên. May là người đầu tiên khơi mào. Ý tưởng đó đã nảy ra trong đầu khi cô đang xem Robert Stack thủ vai Eliot Ness trong một tập phim *The Untouchables*^[10] chiếu lại trên ti vi. Bộ phim dài tập sản xuất đã lâu này được phát lại đều đặn vào khung giờ muộn của kênh ABC.

Lúc đầu, Sally tưởng bạn mình đùa. Ý tưởng của May quả là một kỳ vọng nực cười, đấy là còn chưa nói đến những trò chơi chữ đáng ngờ mà cánh đàn ông sẽ suy diễn ra. Tờ báo do phụ nữ điều hành không thể có tên là *Les Intouchables*^[11].

Một chiều tháng Bảy đặc biệt nóng nực, Sally-Anne đang chiêm ngưỡng thân hình cơ bắp của Keith, người vừa đến giúp cô và May: trong một kho hàng bỏ hoang trên cảng, Sally-Anne đã tìm ra một căn xưởng thảm hại nhưng cô thấy chỉ cần sơn lại căn

thận là trông nó lại lộng lẫy như trước.

Sau khi xem xét kỹ căn hộ, Keith khẳng định với cô điều ngược lại, và ngạc nhiên trước khả năng tài chính hạn hẹp của hai cô gái trong khi lại đang mong muốn hiện thực hóa dự định của mình. Tuy nhiên, nhà Sally-Anne đâu có thiếu tiền.

Anh không biết rằng đằng sau dáng vẻ của một cô nàng vô cùng quyến rũ, Sally-Anne lại có tính cách hết sức cương trực. Cô không cần chờ đến tuổi thiếu niên mới hiểu ra rằng mình khác biệt. Cô kể với Keith và May một kỷ niệm thời thơ ấu của mình. Cô đã tuyên bố với một trong các giáo viên từng dạy cô rằng có lẽ cô đã bị nhận nhầm khi mới sinh, bởi cô không thấy mình có nét gì giống với ba, lại càng không có chút gì giống mẹ. Ông thầy giáo đó đã quở trách con bé trơ tráo là cô, vì đã tự cho phép mình phán xét hai đấng sinh thành vốn thường được nhắc tên như là những hình mẫu thành công. Thành công duy nhất của ba mẹ được cô công nhận là đã biết cách duy trì những gì họ được thừa kế, nhưng với cái giá là vô vàn những lời dối trá và thỏa hiệp mờ ám.

Khi gợi nhắc lại ký ức đó, Keith vừa giúp hai cô gái thống nhất được với nhau. Họ sẽ không nợ ai bất cứ điều gì, tờ báo của họ sẽ có tên là *The Independent*^[12].

- Cái tên rất hay, nhưng nếu không có tiền, thì khối lượng công việc cần làm sẽ là khổng lồ đấy! – Keith thốt lên. – Cửa sổ đã bị muối ăn mòn hết, ván sàn thủng đến nỗi ta có thể thò cả bàn tay qua được. Làm nổi hơi hoạt động trở lại là cả một việc phi thường, và tòa nhà đã không còn được cấp điện từ đời thuở nào rồi.

- Em chỉ biết có hai kiểu người, – Sally-Anne đáp lại, – những người gặp vấn đề và những người giải quyết vấn đề.

Sally-Anne đã học được cách bộc lộ cá tính bộc trực của mình khi cần thiết, và đối với cô, đàn ông thường chỉ là một sự cần thiết. Keith đã rơi phải một cái bẫy hiển nhiên đến nỗi suýt thì May nhảy vào để trợ giúp anh. Nhưng cô không làm gì, và anh tự chuốc lấy việc cải tạo căn xưởng với sự nhiệt tình đáng ngưỡng mộ.

Keith không có được một tuổi thơ huy hoàng, nhưng nó đã dạy cho anh biết cách tự xoay xở với những điều kiện hạn hẹp. Chủ nhật đầu tiên đến làm việc, anh nai lưng ra kéo một sợi cáp điện từ cầu dao chính và ngay đêm đó, trong tư thế leo thang rất nguy hiểm, đã nối được nó vào với các tụ điện trên chiếc máy biến áp đặt trên cột điện được dựng trước một cửa sổ của căn xưởng. Việc đó khiến anh mất đứt một ngày, nhưng căn xưởng đã có điện trở lại.

Những ngày tiếp theo, cứ rời chỗ làm là anh lại lao đến xưởng, và ở đó cả cuối tuần. Trong một tuần, công trình đó đối với anh đã trở thành một thách thức. Anh bắt đầu chỉnh sửa lại ván sàn, để một ngày nào đó người ta có thể sử dụng nơi này làm văn phòng, sửa lại các khung cửa sổ bằng những đoạn gỗ mà anh lấy được ở xưởng mộc và chở về bằng chiếc xe tải nhỏ. Mánh khéo đó của anh không qua mắt được mọi người, và nếu anh không phải là một thợ mộc lành nghề đến thế, có lẽ ông chủ đã đuổi việc anh. Cuối tuần đầu tiên, anh đã ngộ ra sự thật hiển nhiên và trước khối lượng công việc khổng lồ, cuối cùng anh cũng phải thừa nhận rằng anh sẽ không bao giờ làm xong được nếu chỉ có một mình. Đổi lại vài bữa nhậu nhẹt trong phố mà hai cô gái trả tiền, anh đã huy động được rất nhiều bạn bè cùng làm trong tòa nhà. Thợ sửa ống nước học việc, thợ nề, thợ sơn và thợ khóa cùng đến

để sửa chữa nồi hơi, đường ống nước, bộ tản nhiệt bằng gang cần được làm sạch, những bức tường tróc lở, và những lớp han gỉ trên tất cả những thứ có dính dáng đến kim loại. May và Sally-Anne cũng không chịu ở yên. Hai cô cũng mài, cũng bắt vít, cũng chải, những khi không mang nước uống và đồ ăn cung cấp cho đội thợ của Keith.

Khung cảnh thật náo nhiệt, nhưng giữa ba người họ đang diễn ra một màn quyền rũ tế nhị. Một người đã thành chuyên gia lão luyện, người kia chân thành, còn một người thì không còn hiểu nổi chút gì nữa.

May thấy Keith rất hấp dẫn. Cô rình chờ từng cử chỉ, từng điệu bộ của anh, chờ đến khi anh cần giúp đỡ và luôn thu xếp để ở gần anh vào thời điểm phù hợp. Khi họ trao đổi với nhau vài lời, anh vừa nói vừa đóng đinh lên lớp ván sàn, còn cô thì mài gỗ bên cạnh anh, cô phát hiện ra rằng câu chuyện của anh cũng thú vị như thân hình anh. Nhưng đôi mắt Keith lại luôn hướng về phía Sally-Anne, cô luôn giữ khoảng cách với anh, không phải là không có tính toán. Rốt cuộc, May cũng ngờ rằng Keith chỉ giúp họ để chinh phục lại Sally-Anne lần nữa, nên cô đành giữ kín tình cảm cho riêng mình.

Đến giữa tháng, trò chơi mang một dáng dấp khác. Keith đã nhìn thấu toan tính của Sally-Anne và anh mời May ăn tối trong một nhà hàng Ấn Độ ở Cold Spring Lane. Cô ngạc nhiên khi thấy anh có khẩu vị ngoại lai như thế. Đến cuối bữa ăn, anh bày tỏ mong muốn quay trở lại căn xưởng, để quét nước véc ni thứ hai lên cánh cửa ra vào.

- Nó sẽ khô đi trong đêm và ngày mai, tôi có thể chuyển sang

việc khác, – anh bảo cô.

May cảm ơn anh lần nữa vì tất cả những vất vả mà anh đã phải chịu vì người khác, và Keith vừa nhặt chùm chìa khóa trên bàn trước khi đứng dậy vừa tự hỏi từ “người khác” này ám chỉ riêng May hay cả cô và Sally-Anne. Họ quay trở về trên chiếc xe bán tải của anh.

- Em muốn nghe chút nhạc không? – Keith hỏi.

May tranh thủ lúc xoay nút điều khiển radio trên xe để kín đáo kéo cao vạt váy lên đến giữa đùi. Làn da trắng sữa lấm tấm tàn nhang của cô hiện ra lồ lộ mỗi khi kính chắn gió lướt qua bên dưới một cột đèn đường. Keith nhiều lần liếc nhìn trước khi buông thả bàn tay mình vào đó, và May cảm thấy một luồng nóng rực lan tỏa khắp người.

Đến chân cầu thang, anh mời cô lên trước. Hai mươi bậc cầu thang dốc ngược, Keith trèo lên và cảm thấy dâng trào trong anh nỗi ham muốn được làm tình với May.

Cô đẩy cánh cửa căn xưởng và gọi Sally-Anne, trong lòng thầm hy vọng cô bạn đang ở một bữa tiệc xa xôi nào đó, như thường lệ, bao quanh là những chàng trai trẻ ngấu ngiến cô bằng ánh mắt và những cô gái trẻ ngưỡng mộ hoặc căm thù cô.

Keith không cố gắng giả vờ nữa và tiến về phía May. Cô lùi đến sát cửa sổ, vừa lùi vừa mỉm cười. Anh đến sát bên cô, lùa tay vào mái tóc cô và hôn cô. Nụ hôn mà cô đã chờ đợi từ nhiều tuần nay còn dịu dàng hơn cô từng hình dung. Gáy Keith thơm mùi gỗ và mùi nhựa thông, cô nhắm nháp những ngón tay linh lợi của anh đang vuốt ve mặt cô, cảm thấy những cơn run rẩy lan khắp

người. Keith cởi áo cô, ôm lấy eo cô, rồi hôn lên đôi bầu vú cô trong khi cô cởi cúc chiếc quần jean của anh. Anh hoàn toàn thuộc về cô và sự mãnh liệt của anh chứng tỏ với cô điều đó.

May đã nhầm. Trong phố, Sally-Anne đang ngồi trên xe mô tô, quan sát tấm lưng trần của May áp vào ô kính, rình chờ những lần cô giật nảy người, mỗi lần cô uốn cong vùng thắt lưng khi Keith xóc tới. Sally-Anne biết rõ khoái cảm mà bạn cô đang nếm trải. Cô cũng từng đón nhận Keith trong mình, từng nhấm nháp vị mặn trên làn da anh.

- Ngất ngây trên chín tầng mây đi cô bạn, cậu không đánh cắp anh ta đâu. Tổ tặng anh ta cho cậu, nhưng tổ sẽ mượn lại mỗi khi tổ muốn.

Cô không đội lại mũ mà cứ thế phóng đi, để mặc cho mái tóc tung bay trong gió đêm, tìm kiếm nơi ẩn náu trong hơi ấm của một người khác.

* * *

Giữa tháng Tám, phần quan trọng nhất của công trình đã hoàn thành. Sally-Anne đã “thắng cược”, và nếu căn xưởng không lấy lại được vẻ huy hoàng trước đây, thì ít ra trông nó cũng rất “xinh đẹp”. Đây là lời của Keith, khi hai cô gái choàng tay ôm anh, phủ lên anh những cái hôn thay cho lời cảm ơn.

May và Sally-Anne đã nhân việc sửa chữa này để thu xếp cho bản thân một góc làm phòng ngủ.

Làm thế nào cũng được, miễn là họ tiết kiệm được chút tiền ít ỏi còn lại. Mặc dù Keith và các bạn anh đã làm hết khả năng trong việc tận dụng các vật liệu thừa, May và Sally-Anne vẫn phải đầu

tư phần lớn tiền tiết kiệm của họ vào công trình này.

Cuối tháng, họ đến những nơi bán đấu giá để tìm mua bàn ghế và thiết bị đã qua sử dụng. May tìm được một lô sáu chiếc máy chữ do một công ty bảo hiểm vừa trang bị máy đánh chữ IBM có quả cầu thả ra. Sally-Anne lại giở ngón nghề quyến rũ không ai địch nổi với một người buôn đồ cũ, và mua được với giá rẻ như cho một lô máy gồm một in Roneo cũ, một cặp máy ghi âm, một bàn sáng cho phòng ảnh, sáu chiếc ghế tựa và một ghế xô pha bằng nhung. Cái giá rẻ như cho ấy là toàn bộ những gì còn lại trong túi họ vào đầu tháng Chín.

* * *

Đó là một ngày Chủ nhật, khi May đi lễ nhà thờ từ sáng sớm. Cô đã tự giải phóng mình khỏi mọi ràng buộc, nhưng không từ bỏ đức tin. Tuy nhiên, khi bước vào nhà thờ, cô cảm thấy mình tội lỗi. May đến đây không phải để tìm kiếm Chúa hay sự tha thứ của Người, mà chỉ để cảm thấy, trong vòng một tiếng đồng hồ, được che chở khỏi thế giới ngoài kia. Cô không cầu nguyện, bởi vì có lẽ cầu nguyện sẽ là xúc phạm đến những người đang có mặt ở đó. Cô nhìn ngắm các giáo dân, cố hình dung ra cuộc sống của những gia đình êm ấm đó, quan sát những đứa trẻ đang vừa ngáp vừa đọc những bài kinh cầu nguyện, phân biệt những cặp vợ chồng yêu nhau và những cặp đôi chỉ còn sống cạnh nhau. May ngất ngây khi được tự do, nhưng tự do của cô gắn liền với những nỗi lo sợ, cảm giác cô đơn còn tệ hơn bất kỳ nỗi sợ nào khác.

Sally-Anne về muộn sau khi rời khỏi một buổi tiệc từ thiện, nơi cô cảm thấy chán ngán đến tận cổ. Cô chỉ đến đó để thuyết phục một nhà thầu trẻ tuổi đầu tư cho tờ *The Independent*. Anh ta

không đủ quyền rũ để phạm vi nghề nghiệp nơi cô đã lôi kéo anh ta vào trượt về phía những thung lũng sâu hơn. Anh ta đã lịch sự lắng nghe cô. Làm sao ta có thể kiếm được tiền với một tờ báo sẽ không có được tầm hoạt động trên phạm vi toàn quốc? Từ khi truyền hình chiếm đoạt hết các khoản ngân sách dành cho quảng cáo, các tờ báo lớn chỉ còn lãi đôi chút. Xu hướng đó ngày càng mạnh mẽ và anh ta tự hỏi liệu thời gian tồn tại của báo viết có chỉ tính bằng ngày hay không. Sally-Anne đã vận hết trí thông minh của mình, nhưng vẫn không thể thuyết phục nổi anh ta, người đối thoại với cô không nhìn thấy những nguồn lợi nhuận đủ để đầu tư tiền của mình. Sally-Anne nói với anh ta về một kiểu lợi nhuận khác, đất nước cần có những tờ báo độc lập trước mọi thế lực và cụ thể là thế lực của đồng tiền. Vì lịch sử, anh ta đã đảm bảo với cô là nếu sau đây một năm, *The Independent* chứng tỏ được thành công của mình, anh ta sẽ sẵn sàng tham gia vào vòng đàm phán thứ hai. Sally-Anne giận dữ trở về vào lúc nửa đêm và khi thấy May cùng Keith nằm ngủ trên giường của mình, cô không thể nào xoa dịu cơn bực bội. Suýt nữa thì cô chui vào chăn ngủ cùng họ, nhưng cuối cùng lại chọn ngủ trên ghế xô pha.

May đã đánh thức cô khi ra ngoài vào lúc sáng sớm. Keith vẫn ngủ say. Từ cửa phòng ngủ, cô ngấm nhìn hơi thở đều đặn của anh, thân hình anh buông thả trên tấm đệm. Ngay cả những khi bình lặng như thế này, anh vẫn tỏa ra sức mạnh. Làn da anh đúng là một tác phẩm nghệ thuật, chòm lông trên ngực anh như một lời chào mời lạc thú. Cô cúi xuống nhặt chiếc áo sơ mi của anh vứt bừa trên sàn nhà và hít hà mùi anh trên lớp vải bông. Ít ra cũng phải hai tiếng đồng hồ nữa May mới quay về, cô không cần nhiều thời gian đến thế. Cô cởi áo thun, tụt quần lót ra rồi

nằm xuống cạnh anh.

Tự nhiên có những bí ẩn của riêng nó, và tâm trạng buổi sáng của người đàn ông là thứ mà anh ta khó lòng kiểm soát nổi. Keith không kháng cự được lâu trước đôi môi mơn trớn đang dạo chơi trên bụng anh.

Sau khi cùng nhau hưởng thụ khoái lạc, Sally-Anne đứng dậy và mang theo đồ lót. Keith vào phòng tắm cùng cô. Trong khi mặc lại quần áo, họ thống nhất với nhau rằng khoảnh khắc họ vừa trải qua chưa từng tồn tại.

* * *

Tám ngày sau, một phép mầu xảy ra. Rhonda, nữ trợ lý kế toán đang mơ một chân giám đốc tài chính – mơ như vậy khi ta chỉ là nhân viên của một tập đoàn đa quốc gia vào đầu những năm 1980 chẳng khác nào hy vọng trèo lên đỉnh Olympus khi đang đi dép tông, đã lập ra một bảng thu chi chính xác, những khoản ngân sách chi tiết đến từng dòng nhỏ nhất, tính toán các khoản doanh thu từ quảng cáo và khoản tài chính cần thiết cho hai năm hoạt động đầu tiên của tờ báo, sau đó tập hợp toàn bộ trong một bìa đựng hồ sơ bằng nhựa rất đẹp. Chồng cô, người điều hành một chi nhánh của Ngân hàng thương mại Baltimore, đang chờ họ.

* * *

Clark là một người đàn ông thấp bé, ánh mắt linh lợi và nụ cười niềm nở vẻ hiền lành mang lại cho ông nét quyến rũ nhất định, mặc dù tất cả các chuẩn mực về sắc đẹp có bắn tung tóe thì cũng không bao giờ chạm đến ông. Ông đã kết hôn với Rhonda được

mười lăm năm. Một kẻ miệng lưỡi ác độc có lẽ sẽ nói bóng gió rằng Clark khó có thể nghi ngờ gì về tính đúng đắn của những hồ sơ tài chính mà Sally-Anne trình bày với ông, sau khi đã phải ngủ chay một thời gian nhất định.

- Cho phép tôi hỏi một câu, – ông vừa nói vừa tháo cặp kính đã trễ xuống đến tận chóp mũi. – Nếu ngân hàng chúng tôi trở thành chủ nợ của các cô, chắc hẳn các cô sẽ không bao giờ viết bất cứ bài báo nào có thể gây hại cho lợi ích của ngân hàng chứ?

May đang định lên tiếng thì câu trả lời của cô bị chặn đứng bởi một cú đập vào mắt cá chân mà tác giả là người cộng tác của cô.

- Cho phép tôi hỏi ông một câu khác, trước khi trả lời câu hỏi của ông, – cô tuyên bố. – Ngân hàng sắp cấp vốn cho tờ báo của chúng tôi hẳn phải là một tổ chức không bao giờ dính dáng tới bất cứ chuyện gì bị pháp luật ngăn cấm, đúng không?

- Điều đó là đương nhiên, – ông Clark trả lời. – Và bởi vì chúng ta đã tự cho phép mình thẳng thắn với nhau, mong các cô biết rằng tôi ngưỡng mộ sự táo bạo của các cô từ khi một người mà tôi không thể nhắc tên ở đây nói với tôi về dự án của các cô, và tới nào người ấy cũng nói. Tôi nhận thấy người ấy đã không phóng đại bất cứ điều gì.

Ông mở ngăn kéo, lấy ra một mẫu văn bản và đưa qua mặt bàn.

- Được rồi, – ông nói, – tôi tin chắc rằng đơn đề nghị vay vốn này sẽ được hai cô điền đầy đủ các mục trong thời gian sớm nhất. Ngay khi mọi việc xong xuôi, hai cô hãy quay lại gặp tôi. Tôi sẽ trình hồ sơ của các cô trong cuộc họp hội đồng tín dụng. Chỉ là

thủ tục thôi mà, tôi sẽ coi đây là việc của mình. Chúng tôi sẽ mở cho các cô một tài khoản 25.000 đô la, thời hạn hoàn trả là 2 năm. Và với điều kiện là, khi tờ báo của các cô đạt được thành công như các cô dự tính, để đáp lại thiện ý lúc này, tôi hy vọng các cô sẽ gửi tiền ở ngân hàng chúng tôi.

Ông Clark tiễn họ ra đến cửa phòng làm việc và khi ông chìa tay để bắt tay tạm biệt, Sally-Anne và May vui sướng tới nỗi mỗi người hôn lên một bên má ông thay cho lời cảm ơn.

Khi ra khỏi ngân hàng, hai người vui mừng rối rít.

- Chúng ta sắp khai sinh tờ báo thật rồi! – Sally-Anne thốt lên, cô vẫn chưa thể nào tin nổi.

- Đúng, lần này thì tớ tin là chúng ta sẽ làm được. 25.000 đô la, cậu có hiểu không, đó là cả một gia tài đấy! Chúng ta sẽ có thể tuyển dụng hai thư ký, một nhân viên đánh máy, thậm chí có thể cả một nữ nhân viên tiếp tân, và tất nhiên là một nữ nhân viên ma kết, một nữ biên tập viên, một nữ nhiếp ảnh gia, một nữ phóng viên chính trị, một nữ phóng viên văn hóa, và một hoặc hai nữ phóng viên mảng...

- Tớ tưởng chúng ta sẽ không phân biệt giới tính...

- Tớ biết, nhưng cậu hãy dành hai giây để nghe những lời lẽ đầy phấn khích này: “Frank thân mến, anh hãy nhanh chóng đi lấy cho tôi hồ sơ mà tôi đã yêu cầu anh – cô làm điệu bộ nhấc điện thoại. John, anh thật tốt bụng nếu mang cho tôi một cốc cà phê – cô gác máy và giả vờ đang nhìn chăm chăm vào người trợ lý. Tôi rất thích cái quần này của anh, Robert ạ, nó khiến cặp mông anh trông thật ngon mắt...”

- Khá vui đấy, tớ phải thú nhận điều đó.

Một kẻ độc miệng có lẽ sẽ nói rằng nếu Clark không phải là chồng của Rhonda, ông sẽ không bao giờ chấp thuận khoản vay đó, nhưng người đó đã nhầm. Người phụ trách Ngân hàng thương mại Baltimore hoàn toàn biết rõ ông đang làm việc với ai. Bố mẹ Sally-Anne sẽ không bao giờ để các khoản nợ trong ngân hàng nơi họ là cổ đông.

Một người độc miệng có lẽ cũng sẽ thề thốt với Clark rằng ông đã sai lầm khi đưa ra cam kết đó mà không có điều khoản ngoại trừ nào, và với hai cô gái rằng họ đã vui mừng quá sớm.

Vài ngày sau, một viên quản lý của ngân hàng gọi cho Hanna Stanfield, mẹ của Sally-Anne, để thông báo với bà về nội dung của hồ sơ sắp được trình lên hội đồng tín dụng.

12

George-Harrison

Tháng Mười năm 2016, Cantons-de-l'Est, Québec

Tôi tên là George-Harrison Collins. Với những người thích chế nhạo cái tên này, tôi trả lời rằng tôi bị trêu chọc ở trường đã quá đủ nên không thể không biết đến người cùng tên với mình^[13]. Điều lạ lùng nhất là thậm chí ở nhà chúng tôi còn không nghe nhạc của The Beatles, mẹ tôi thích The Rolling Stones hơn. Tại sao lại chọn cái tên ấy thì mẹ không bao giờ muốn cho tôi biết. Đây không phải là bí mật duy nhất trong số những bí mật mà tôi chưa từng khám phá được của mẹ.

Tôi ra đời ở Magog, và suốt ba mươi lăm năm nay, cuộc sống của tôi diễn ra trong ngôi làng Cantons-de-l'Est ở Québec. Phong cảnh ở đây rất tuyệt vời, những mùa đông dài và khắc nghiệt, nhưng ánh sáng ở cuối cái đường hầm lạnh giá đó lại rọi sáng những mùa xuân khi mọi thứ đều tái sinh, rồi đến những mùa hè nóng nực nhuộm đỏ các khu rừng và ánh lên lấp lánh trên các mặt hồ.

Khalil Gibran từng viết rằng ký ức là một phiến lá thu thì thâm trong gió trước khi tan biến. Mẹ đã cho tôi những kỷ niệm đẹp đẽ nhất, còn kỷ niệm của mẹ thì héo úa giữa mùa thu.

Khi tôi hai mươi tuổi, mẹ không ngừng khuyến khích tôi ra đi. “Tỉnh lỵ này quá nhỏ bé với con, con hãy đi thăm thú thế giới đi”, mẹ bảo tôi. Tôi đã không vâng lời mẹ. Có lẽ tôi không thể sống ở bất cứ nơi nào khác ngoài nơi này. Những cánh rừng Canada là vùng đất của tôi, với bạt ngàn những cây phong. Tôi là anh chàng thợ mộc.

Khi đầu óc vẫn còn minh mẫn và khiếu hài hước vẫn còn sắc bén, mẹ thường coi tôi như một ông cụ non, mỗi khi nhìn thấy tôi leo lên ngồi sau tay lái chiếc xe bán tải.

Phần lớn thời gian, tôi đều ở xưởng mộc. Chế tác gỗ là một hoạt động in đậm dấu vết phép thuật đối với những người thích biến đổi các chất liệu. Chính từ khi đọc những chuyến phiêu lưu của Pinocchio mà tôi muốn trở thành thợ mộc. Ông thợ mộc già Geppetto^[14] đã khiến tôi phải suy nghĩ. Nếu bằng đôi tay mình ông có thể tạo ra một cậu bé, thì bằng chính đôi bàn tay này, tôi sẽ có thể tạo ra cho mình người cha mà tôi chưa từng biết mặt. Tôi đã không còn tin vào những câu chuyện cổ tích của thời thơ ấu, nhưng chưa bao giờ ngừng tin vào phép màu trong nghề nghiệp của mình. Tôi làm ra những đồ vật đi vào cuộc sống của mọi người, những chiếc bàn để các gia đình quây quần xung quanh vào bữa tối, để rồi chính họ lại tạo ra những kỷ niệm của riêng mình, những chiếc giường nơi các ông bố bà mẹ yêu nhau, nơi lũ trẻ nằm mơ, những chiếc giá cất giữ sách vở của chúng. Tôi không thể hình dung mình làm bất cứ công việc nào khác.

Đó là một sáng tháng Mười, tôi đang trau chuốt lại bề mặt một chiếc tủ com mốt, công việc này khiến tôi mệt mỏi. Tôi đã xẻ ván gỗ từ một cái cây chưa đủ khô, nên cứ động vào là chúng lại nứt

rạn. Tôi đã thử đi thử lại tới hai mươi lần mà cái mặt tử thì cứ như đã phản nộ đến nỗi muốn cưỡng lại mũi đục của tôi. Người đưa thư xuất hiện, cắt ngang công việc tôi đang làm và tôi đã vui vẻ đón tiếp ông. Ông chỉ ghé qua nhà tôi khi phải mang cho tôi những tờ hóa đơn hoặc những giấy tờ hành chính khiến cuộc đời chúng ta trở nên tồi tệ. Nhưng ngày hôm đó, ông đưa cho tôi một chiếc phong bì bên ngoài có chữ viết tay. Chữ viết rất đẹp. Không thể biết được đây là nét chữ của đàn ông hay phụ nữ. Tôi bóc thư và ngồi xuống đọc.

George thân mến,

Mong cậu tha lỗi cho tôi vì cách gọi tên ngắn gọn này, tôi thấy những cái tên ghép thật quá dài dòng, mặc dù tên cậu là một cái tên thanh lịch, tuy nhiên đó không phải là mục đích của bức thư này.

Tôi có thể đoán được là sẽ khó khăn thế nào khi phải mất mẹ, từng ngày một, mặc dù bà ấy vẫn còn sống.

Đời là như thế, chúng ta chỉ biết về bố mẹ chúng ta qua những gì họ muốn cho chúng ta biết, những gì ta muốn nhìn thấy ở họ, và ta quên mất rằng họ đã từng có một cuộc sống khác trước khi chúng ta ra đời, bởi vì đó vốn là quy luật tự nhiên. Tôi muốn nói rằng họ từng có một cuộc sống riêng, từng biết đến những day dứt của tuổi trẻ, những dối trá của riêng họ. Cả họ cũng từng phải rút đứt xiềng xích, tự giải thoát chính mình. Vấn đề là: họ đã làm thế nào?

Mẹ cậu chẳng hạn, liệu bà có nói với cậu sự thật liên quan đến người cha mà cậu chưa từng biết mặt không?

Ông ấy là ai? Bà đã gặp ông ấy trong hoàn cảnh nào? Và tại sao ông ấy lại bỏ rơi hai mẹ con cậu? Từng ấy câu hỏi mà cậu có nhiệm

vụ phải tìm ra câu trả lời, nếu việc này khiến cậu quan tâm. Và nếu cậu quan tâm, tôi gợi ý cậu nên tìm kiếm một cách khôn ngoan. Hẳn cậu cũng ngờ rằng một người phụ nữ khôn ngoan như mẹ cậu sẽ không bao giờ cất giấu những bí mật thâm kín nhất ở một nơi dễ thấy. Khi phát hiện ra bằng chứng cho thấy những thắc mắc của tôi là hoàn toàn có căn cứ, bởi tôi biết rằng mong muốn đầu tiên của cậu sẽ là không tin tôi, cậu sẽ phải đến gặp tôi.

Khi đến thời điểm thích hợp. Còn lúc này, tôi phải để cho cậu suy nghĩ. Cậu có rất nhiều việc phải làm.

Một lần nữa, hãy thứ lỗi cho tôi vì bức thư nặc danh này, cậu đừng coi đây là biểu hiện của sự hèn nhát, tôi hành động như thế này chỉ vì lợi ích của cậu mà thôi.

Tôi hết lòng đề nghị cậu đừng nói về bức thư này với bất kỳ ai, và hãy hủy nó ngay sau khi đọc xong. Cất giữ nó sẽ chẳng mang lại lợi ích gì cho cậu cả.

Hãy tin vào sự chân thành trong lời nói của tôi; tôi chúc cậu những điều tốt đẹp nhất, và gửi đến cậu những suy nghĩ tốt đẹp nhất.

Tôi đã vò nhàu tờ giấy trong lòng bàn tay và vứt nó vào một góc thật xa trong xưởng. Ai có thể viết cho tôi bức thư này? Nhằm mục đích gì? Ai biết được tình trạng sức khỏe của mẹ tôi? Từng ấy câu hỏi lặp đi lặp lại trong đầu tôi mà không thể tìm ra câu trả lời. Tôi không tài nào tập trung nổi nữa. Khi điều khiển cửa, đục và bào, mất tập trung sẽ gây ra những hậu quả đáng gờm. Tôi liền đặt mớ dụng cụ xuống, mặc áo khoác rồi nhảy lên chiếc xe bán tải.

Sau hai giờ đi đường, tôi đến trước cổng nhà dưỡng lão nơi mẹ tôi sống từ hai năm nay. Đó là một tòa nhà thanh lịch nằm trên một quả đồi thấp ở giữa một công viên rộng. Một cây thường xuân leo dọc mặt tiền, những chiếc lá to bản khiến mặt tiền đầy sức sống mỗi khi gió thổi, cứ như thể nó đang run rẩy.

Nhân viên ở đây rất niềm nở. Những người sống ở đây đều phải chịu đựng những căn bệnh giống nhau, nhưng mỗi người lại thể hiện theo một cách khác nhau, ông Gauthier, người ở phòng cạnh phòng mẹ tôi, suốt năm năm nay chỉ đọc trang 201 của một cuốn sách mà ông không bao giờ rời. Ngày nào ông cũng cười khi đọc cùng một đoạn đó, lần nào ông cũng vừa đọc từ đầu trang vừa thốt lên: “Thật tuyệt vời, buồn cười quá đi mất”. Bà Lapique bày một thế bài mà bà không bao giờ thắng được, bà xếp các quân bài trước mặt rồi ngắm nghía. Thỉnh thoảng bà lại đưa một ngón tay run rẩy lướt qua một quân bài, thì thầm những lời gì đó không rõ, mỉm cười, rồi đổi ý không lật nó lên. Rồi bà lại đưa ngón tay vuốt một quân bài khác, lại thì thầm những lời gì đó không rõ, mỉm cười, và đổi ý không lật nó lên. Tổng cộng có sáu mươi bảy khách trọ sống trong những căn phòng của nhà dưỡng lão này.

Đó là một trận chiến của những bóng ma đội lốt người, những sinh vật mà cuộc sống đã rời bỏ nhưng họ lại không nhận ra.

Mẹ tôi từng là một người mạnh mẽ, và là một tình nhân vĩnh cửu. Ma túy của bà chính là yêu và bà đã tiêu thụ nó một cách quá mức. Đã bao nhiêu lần khi đi học về tôi bắt gặp những người đàn ông, dáng vẻ ngượng ngùng, vừa vỗ vai tôi với vẻ tử tế vừa hỏi tôi dạo này thế nào.

Tôi cứ xử như một cậu bé được mẹ yêu say đắm và khinh bỉ họ. Họ sẽ ra đi ngay vào buổi tối, cùng lắm là ngày hôm sau, còn tôi thì sẽ không bao giờ bị mẹ bỏ rơi.

Tôi không biết ngày hôm đó điều gì đã xâm chiếm tôi. Bức thư nặc danh đã làm sống dậy cơn giận dữ được chôn giấu bấy lâu nay, lâu đến nỗi tôi gần như quên lãng sự tồn tại của nó. Liệu một lúc nào đó ta có thể bỏ qua lý trí, như thể cuộc sống hằng ngày không còn tồn tại nữa, như thể bệnh tật sẽ tử tế mà biến mất để khiến ta vui lòng, như thể rốt cuộc ông Gauthier sẽ đọc cho chúng ta nghe trang 202 và thấy nó thật thâm thúy, như thể bà Lapique sẽ lật một quân K cơ, như thể mẹ vẫn có thể trả lời được một trong những câu hỏi của tôi.

Mẹ đã mỉm cười khi nhìn thấy tôi, đó là điều duy nhất mẹ còn có thể tặng cho tôi để khiến tôi an lòng. Điều tôi sắp đề cập đến là một vấn đề cấm kỵ. Sinh nhật lần thứ mười của tôi, tôi đã từ chối món quà mẹ tặng và nổi cơn thịnh nộ để bắt mẹ rút cuộc cũng phải nói cho tôi biết ba tôi là ai, có đúng là ông đã bỏ đi như một tên kẻ trộm ngay trước khi tôi ra đời hay không, và tại sao ông không muốn có tôi; mẹ liền nổi cơn thịnh nộ còn kinh khủng hơn, thề với tôi là nếu tôi còn đặt ra câu hỏi đó một lần nữa, mẹ sẽ không nói chuyện với tôi trong một thời gian rất dài.

Bảo tố đã kéo dài suốt một tuần, trong thời gian đó hai mẹ con không ai nói với ai câu nào, và rồi đến sáng Chủ nhật, khi ra khỏi một cửa hàng tạp hóa, mẹ đã choàng tay ôm tôi mà hôn như thể tôi là một chiếc bánh mì thơm phức.

- Mẹ tha lỗi cho con, – mẹ vừa tuyên bố với tôi vừa thở dài.

Chỉ có mẹ mới có thể trơ lì đến thế, mới có thể cả gan đến thế

khi tha thứ cho tôi trong khi chính mẹ mới là người có lỗi. Mẹ có lỗi khi âm thầm giữ kín một bí mật mà tôi phải trả giá. Cho đến tận năm mười tám tuổi, tôi đã thử vài cách khác nữa, nhưng kết quả thì vẫn chẳng khác chút nào. Nếu không nổi cáu với tôi, mẹ sẽ nhoe nhoẹt nước mắt rồi chạy khỏi phòng, than thở rằng bất chấp tất cả những gì mẹ đã hy sinh vì tôi, tôi vẫn không ngừng chứng tỏ cho mẹ biết rằng với tôi chỉ có mình mẹ thôi là chưa đủ.

Lên mười tám tuổi, cuối cùng tôi cũng đành từ bỏ. Tôi đã nhận ra một điều hiển nhiên, và đó chính là câu trả lời dành cho tôi. Nếu ba muốn biết về tôi, có lẽ ông đã gõ cửa nhà chúng tôi rồi.

Tôi không biết điều gì đã xâm chiếm mình ngày hôm đó, nhưng tôi nhìn thẳng vào mắt mẹ và lên tiếng.

- Tại sao ông ấy lại ra đi? Liệu con đã từng gặp ông ấy, dù chỉ một lần, trong số những người đàn ông đến ngủ với mẹ khi con còn ngồi trên ghế nhà trường hay chưa?

Tôi đã giận mình vô cùng sau khi nói với mẹ những lời đó. Tôi thường xuyên tranh cãi với mẹ, nhưng chưa bao giờ thiếu tôn trọng bà. Nếu tôi mà dám nói như thế khi mẹ còn tỉnh táo, có lẽ bà đã cho tôi một trận nên thân. Dù thế nào, tôi cũng chưa bao giờ nảy ra ý tưởng đó trong đầu.

- Trời sắp có tuyết rồi, – mẹ vừa trả lời vừa nhìn cô y tá đang xếp gọn những quần bài của bà Lapique lại trước khi đẩy xe lăn của bà trên lối đi. – Họ đã rút ngắn thời gian đi dạo của bọn ta, thế nên con biết đấy, chẳng mấy nữa mà tuyết sẽ rơi. Giáng sinh này con đi đâu?

- Mới đang là tháng Mười thôi mẹ ạ, còn hai tháng nữa mới đến

Giáng sinh và con sẽ đón Giáng sinh cùng mẹ.

- Không! – Mẹ phản đối. – Mẹ ghét gà tây lắm, chúng ta sẽ ăn mừng vào mùa xuân, con sẽ đưa mẹ đến nhà hàng mà mẹ yêu thích, mẹ không còn nhớ tên nhà hàng đó nữa, nhưng con biết đấy, cái nhà hàng ở bên bờ sông ấy.

Dòng sông mà mẹ tôi nói đến là một cái hồ, còn nhà hàng là một quán rượu nơi người ta phục vụ món bánh sừng bò và sandwich kẹp thịt bò hun khói. Tôi gật đầu đồng ý. Cho dù tôi đang giận dữ, làm mẹ phiền lòng cũng chẳng ích lợi gì. Mẹ nhìn chỗ bị băng trên bàn tay tôi. Tôi đã bị đứt tay hai ngày trước, không có gì nghiêm trọng cả.

- Con bị thương à?

- Không có gì nghiêm trọng đâu mẹ, – tôi trả lời.

- Hôm nay con không làm việc à?

Mẹ tôi sống bên lề của tư duy. Thỉnh thoảng, mẹ gần như có thể trò chuyện thực sự, với điều kiện ta chỉ dừng ở những chuyện tầm phào. Và rồi không hề báo trước, tâm trí mẹ lại lạc đi nơi khác, và mẹ bắt đầu nói linh tinh.

- Mélanie không đến đây cùng con sao?

Mélanie và tôi đã chia tay được hai năm nay. Cuộc sống của tôi, cách xa mọi thứ, lúc đầu đã hấp dẫn cô, để rồi sau đó khiến cô chán ngán. Sau năm năm chung sống, nhiều lần chia tay và cũng từng ấy lần giảng hòa, cô đã thu dọn đồ đạc và biến mất sau khi để lại cho tôi một lời nhắn trên bàn ăn trong bếp. Lời nhắn rất ngắn gọn. Cô chỉ viết: “Anh là một con gấu trong xó rừng.” Phụ nữ có khả năng chỉ dùng một câu mà nói được những điều đàn

ông cần cả một bài diễn văn dài để diễn đạt.

- Con sẽ phải tặng mẹ một cái ô, – mẹ tôi vừa nói tiếp vừa ngược mắt nhìn trời.

Ngồi trên một băng ghế dài không xa chúng tôi, ông Gauthier vừa phá lên cười ha hả.

- Ông già kia làm phiền mẹ quá đi mất. Mẹ đã lấy cắp cuốn sách của ông ta, và chẳng thấy trong đó có gì buồn cười cả. Thế nhưng mẹ lại trả cho ông ta rồi. Y tá đã hứa với mẹ rằng ông ta sẽ chết trước cuối năm nay. Thật là rảnh nợ!

- Con không nghĩ là y tá lại hứa với mẹ một chuyện như thế đâu.

- Mẹ đảm bảo với con đấy! Con cứ hỏi Mélanie mà xem. Mà con bé đâu rồi nhỉ?

Trời chẳng mấy nữa mà sập tối. Tôi thấy mình thật lố bịch khi đến đây quấy rầy mẹ về một chuyện mà tôi biết là vô ích. Tôi còn phải lái xe hai giờ đồng hồ mới về đến nhà, và một cái tủ com mốt phải giao trước cuối tuần đang chờ tôi. Tôi đỡ tay mẹ, đưa mẹ vào bên trong tòa nhà, về phía phòng ăn. Trong hành lang, chúng tôi gặp một nữ y tá, cô nhìn tôi với vẻ đầy thông cảm. Một cô gái xinh xắn dường ấy có thể làm gì ở một nhà dưỡng lão toàn những người sắp chết như nơi này? Đôi vú cô nhô lên kiêu hãnh sau lớp áo blu, và tôi không thể ngăn mình tự hỏi cô có thể kể gì về ngày làm việc của mình với người đàn ông làm tình với cô vào buổi tối. Trong một lát, tôi hình dung mình chính là gã đàn ông ngủ cùng cô. Những cái ôm riết của cô sẽ có mùi như thế nào?

- Giá mà Mélanie nhìn thấy con lúc này! Với lại con chỉ mất

thời gian thôi, – mẹ tôi thì thâm, – cô nàng đó là người khó đạt khoái cảm. Đừng có hỏi làm sao mẹ lại biết, mẹ biết, thế thôi.

Mẹ tôi đã không còn minh mẫn, nhưng vẫn chưa hề mất đi cái thói quen lúc nào cũng cho rằng mình đúng, bởi vì *thế thôi!* Câu nói ưa thích của mẹ.

Mẹ ngồi vào bàn ăn, khinh khỉnh liếc nhìn cái đĩa và giơ tay lên phác một cử chỉ khiến tôi hiểu rằng tôi có thể ra về. Tôi cúi xuống để hôn mẹ. Mẹ chìa má ra. Những nốt tàn nhang trên mặt mẹ đã biến mất, như thể chúng bị những nốt đồi mồi của tuổi già nuốt chửng.

Đó là một tối tháng Mười, ngày hôm ấy bắt đầu một cách lạ lùng, và kết thúc bằng một tiết lộ gây sốc. Mẹ ôm siết lấy tôi, bằng một sức mạnh hiếm thấy. Mẹ ghé môi vào sát tai tôi và thì thầm:

- Ông ấy không bỏ đi, ông ấy chưa bao giờ được biết.

Tôi thấy tim mình đập rộn lên, còn nhanh hơn cả cái ngày mẹ bị trượt trên bàn thờ trước khi dừng lại chỉ cách chiếc cửa vòng có vài milimet. Tôi những muốn tin rằng mẹ đã chìm trở lại vào trạng thái điên dại, nhưng không phải như thế.

- Ông ấy chưa bao giờ được biết điều gì?

- Là có con trên đời.

Tôi nhìn sâu vào mắt mẹ, nín thở chờ mẹ nói tiếp.

- Bây giờ thì đi đi, tuyết sắp rơi rồi đấy.

Ông Gauthier lại phá lên cười. Mẹ tôi ngược nhìn lên và không cụp mắt xuống nữa. Bà nhìn trần nhà với vẻ ngất ngây chẳng khác nào ta ngắm những vì sao trong đêm hè.

Ý tôi đã quyết, tôi không biết làm thế nào, nhưng tôi sẽ tìm lại ba mình.

13

Eleanor-Rigby

Tháng Mười năm 2016, Baltimore

Nếu Maggie quyết định không bận tâm đến bức thư nặc danh kia nữa, thì tôi lại càng quyết tâm hơn bao giờ hết phải tìm hiểu rõ ý nghĩa của nó. Nằm dài trên giường, tôi khẽ đọc lại, thỉnh thoảng lại trò chuyện với tác giả của nó chẳng khác nào người đó đang ở trong phòng ngủ của tôi.

Bà ấy là một phụ nữ đặc biệt, vô cùng thông minh, có thể làm được những điều tuyệt vời nhất cũng như những điều tồi tệ nhất, nhưng cô mới chỉ biết đến những điều tuyệt vời nhất... Ông định ám chỉ điều gì khi nói có thể làm những điều tồi tệ nhất?

Tôi ghi lại vào sổ: *điều tồi tệ nhất đã xảy ra khi mình ra đời.*

Và trong lúc tôi nhay nhăm đầu bút chì, một cảm giác lạ lùng xâm chiếm tôi. Tôi tuyệt đối không hề biết gì về cuộc đời của mẹ trước khi bà trở thành mẹ của chúng tôi. Tôi đã nghe ba hoặc mẹ kể vài mẩu chuyện liên quan đến lần đầu họ tán tỉnh nhau, những phiên bản khác nhau về hoàn cảnh đã chia rẽ họ, tôi biết rằng mẹ đã quay trở lại gõ cửa nhà ba nhiều năm sau đó, nhưng tất cả những gì bà làm trong khoảng thời gian ấy tôi không hề

biết. Tôi đặt bức thư xuống giường, nghĩ ngợi. Ba mươi tư tuổi, vẫn còn sớm để mồ côi mẹ, nhưng cũng đủ để hiểu rõ về bà hơn nếu tôi muốn bỏ công làm việc đó. Tôi có thể viện cớ gì để biện hộ cho việc không hề hay biết về cô bé hoặc cô gái từng là mẹ tôi trước đây, bào chữa cho việc đã hỏi han bà quá ít như thế? Liệu bà và tôi có những cảm nhận giống nhau khi ở độ tuổi bằng nhau không? Chúng tôi có điểm gì chung ngoài những thứ tầm thường? Nghe người khác nói rằng ta có đôi mắt giống mẹ, cách diễn đạt giống mẹ, tính khí giống mẹ không có nghĩa là ta giống mẹ. Trước khi nhận được bức thư này, tôi không hề nghi ngờ gì về mối đồng cảm giữa mẹ và tôi. Dù ở nơi nào trên thế giới này, tôi cũng xoay xở để gọi điện thoại cho bà, và từ dịp Giáng sinh mà tôi tặng bà chiếc máy tính xách tay, không tuần nào mẹ con tôi không nhìn thấy nhau qua hai cái màn hình. Nhưng chúng tôi nói chuyện gì với nhau? Tôi còn nhớ gì về những lần trò chuyện đó? Mẹ hỏi tôi về cuộc sống của tôi, về những chuyến đi của tôi, và những câu hỏi của mẹ thường khiến tôi khó chịu, bởi chúng thường xuyên nhuộm màu lo lắng. Thế nên những câu trả lời của tôi thường là lảng tránh, hời hợt, thật khách sáo biết bao khi chúng tôi phí hoài khoảng thời gian quý báu đó để bàn về thời tiết.

Tôi lại nghĩ đến Michel, khi anh vừa nghiền ngấu mấy cái bánh trong phòng trà tầm thường đó vừa hỏi tôi tại sao tôi lại quan tâm nhiều đến thế tới cuộc sống của những người tôi không quen biết, trong khi lại chẳng mấy quan tâm đến người thân của chính mình? Và tôi cảm thấy như vừa bị ai đó đâm mạnh vào bụng.

Chết tiệt, Elby, làm sao mi có thể bỏ lỡ mẹ của chính mình như thế? Vì ngượng ngáp, vì sợ hãi, vì hèn nhát hay vì hờ hững? Bởi vì

không một giây nào mi nghi ngờ rằng thời gian có thể dừng lại một cách tàn nhẫn chẳng? Bởi vì mi để dành những lời tâm sự cho sau này chẳng? Nhưng với mi, sau này đã thành quá khứ mất rồi.

Tôi cảm thấy lệ trào bên khóe mắt, thế nhưng, tôi thể tôi vốn không phải là người hay xúc động. Đúng ra là không đến mức đó.

Con chỉ biết những điều tốt đẹp nhất, và phải có một gã khốn nặc danh nào đó khơi gợi trí tò mò của con bằng cách nhắc đến những điều tệ nhất thì cuối cùng con mới quan tâm đến mẹ sao? Chính vì thế mà mẹ muốn giữ kín các bí mật của mình? Vì thói ích kỷ của con gái mẹ? Con vẫn khoe khoang với đám bạn gái rằng mẹ là người bạn thân nhất của con, con khiến chúng phát điên vì ghen tị khi kể rằng với mẹ con có thể nói hết mọi chuyện, tâm sự tất cả, nhưng còn mẹ, mẹ đã không thể kể gì với con, bởi con chưa bao giờ gõ cửa phòng mẹ để mẹ dốc bầu tâm sự, bởi con muốn rằng mỗi khoảnh khắc của hai mẹ con mình đều phải dành cho con. Biết bao buổi sáng mẹ đưa con đến trường, biết bao buổi chiều mẹ đến đón con, bao nhiêu cuối chiều, từ trong phòng mình, con nghe thấy tiếng mẹ trong nhà, bận rộn chăm lo cho cuộc sống của chúng con, từng ấy những cơ hội để con có thể quan tâm đến mẹ. Quá đỗi tự hào được chìm đắm vào việc đọc sách, con lại chưa từng mở trang nào trong cuốn sách của mẹ, và nó đã bị xóa sạch.

Cánh cửa hé mở. Tôi ngẩng đầu lên, ba đang quan sát tôi.

- Con ở đây à? Ba tưởng con đang ở căn hộ một phòng của con ở Luân Đôn.

- Không, con muốn... con cũng không biết mình muốn gì nữa.

Ba bước lại ngồi xuống cuối giường.

- Một chút động viên khích lệ chẳng? Có chuyện gì không ổn sao?

- Không, mọi chuyện đều ổn cả, con đảm bảo với ba đấy.

- Thế mà mắt lại đỏ mọng thế kia... Là một gã đàn ông khiến con đau khổ phải không?

- Một gì ạ? – Tôi vừa hỏi lại vừa cười rụt rè.

- Con biết đấy, cả ba cũng thế, ba cũng từng độc thân một thời gian dài. Ba vẫn còn nhớ về thời kỳ đó như thời kỳ khủng khiếp nhất trong đời ba. Ba vẫn luôn sợ nỗi cô đơn.

- Vậy thì bây giờ ba làm thế nào?

- Bây giờ ba góa vợ, chứ đâu có cô đơn. Không giống nhau chút nào. Với lại ba còn có các con.

- Maggie và Michel có thường xuyên đến thăm ba khi con không ở đây không?

- Con thường xuyên không có ở đây. Ba ăn tối với anh trai con vào thứ Năm hằng tuần, còn Maggie đến thăm ba hai hoặc ba lần mỗi tuần, không bao giờ ở lại lâu, lúc nào con bé cũng bận rộn; ba tự hỏi chẳng biết con bé bận rộn chuyện gì nữa, nhưng để trả lời cho câu hỏi của con, thì mặc dù ở xa, con vẫn luôn bên ba. Chỉ cần ba nghĩ đến mẹ con hoặc đến một trong số các con là nỗi cô đơn của ba sẽ cúp đuôi chuồn thẳng như một tên kẻ cắp.

- Con không tin.

- Con nói đúng, ba nói dối đấy. Thôi, bây giờ con sẽ nói cho ba biết có chuyện gì không ổn chứ?

- Mẹ con làm gì trước khi quay trở lại nước Anh? Mẹ sống ở đâu ạ?

- À... ba cứ tưởng con ở đây là vì con nhớ ba kinh khủng cơ đấy, – ba nói với vẻ trêu chọc. – Về chuyện ấy thì ba không biết nhiều đâu, con gái ạ. Mẹ con không thích nói về thời kỳ đó cho lắm. Con có biết cái câu châm ngôn ngu ngốc, mà thật ra là tất cả các châm ngôn đều ngu ngốc, khẳng định rằng lá bao giờ cũng rụng về cội không? À thì câu đó không đến nỗi ngốc lắm nếu so với trường hợp của con và mẹ con. Cũng giống như con, bà ấy từng có chút sự nghiệp trong nghề báo.

Tôi mở to mắt. Mẹ tôi là giáo viên dạy hóa, tôi không thấy có mối liên hệ nào với nghề báo, tôi liền chia sẻ với ba nhận xét đó.

- Mẹ con rất giỏi môn hóa khi còn là sinh viên. Thế rồi bà ấy quay lưng lại với bộ môn đó, thực ra là cùng thời gian quay lưng lại với ba, để trở thành phóng viên. Đừng hỏi ba tại sao hay như thế nào, bởi vì ba chưa bao giờ hiểu chút gì về chuyện đó. Khi mẹ con quay trở lại, và rồi mang thai hai anh em con, ba mẹ đã nhận ra rằng chỉ mình lương của ba sẽ không thể đủ chi tiêu. Suốt nhiều tuần mẹ con đã tìm kiếm một công việc phù hợp với khả năng của bà ấy, nhưng bụng mẹ con càng tròn lên thì các cánh cửa càng đóng lại. Cùng lắm thì người ta cũng chỉ đề nghị bà ấy làm chân thư ký trong một tòa soạn, với mức lương rẻ mạt. Việc đó đã khiến mẹ vô cùng tức giận. Một phụ nữ, lại còn đang mang thai, không thể hy vọng tìm được một công việc tầm cỡ. Giận dữ thì không tốt cho hai đứa trẻ trong bụng. Khi cuối cùng cũng xác định là đã đến lúc phải bình tĩnh lại, mẹ con bèn quay lại với những mối tình thời thanh niên, trong số đó có ba, – ông nháy

mắt nói thêm. – Trong khi chuẩn bị sinh các con, mẹ con đã theo các lớp học từ xa, nhưng chuyện đó thì con biết rồi, và không biết nhờ phép màu nào, mẹ con đã qua được các kỳ thi. Ngay sau khi cai sữa các con, mẹ con đã trở thành trợ giảng, rồi giáo viên thực tập và cuối cùng là giáo viên chính thức. Mẹ con luôn say mê trẻ em, có bao nhiêu xung quanh cũng là chưa đủ. Ba những muốn mãi là một đứa trẻ mười tuổi cả đời, như thế mẹ con sẽ cưng chiều ba suốt ngày.

Ba im lặng và lùa tay vào tóc tôi. Đó là một thói quen của ông, nó luôn lặp lại mỗi khi ông thấy có chút gì đó nghiêm trọng trong câu chuyện của hai ba con.

- Elby, ba đã nói điều này với con cả trăm lần, con đừng buồn mỗi khi nghĩ đến mẹ con. Hãy nghĩ đến những thời khắc mà hai mẹ con đã may mắn được trải qua bên nhau, đến tình yêu mẹ dành cho con, đến sự hòa hợp giữa hai mẹ con mà ba phải thú nhận là ba thường xuyên ghen tị. Việc mẹ mất đi cũng không bao giờ tước mất của con điều đó...

Và trước khi ba kịp nói hết câu, tôi đã rúc vào vòng tay ông khóc nức nở. Bởi vì tôi không hề là người dễ xúc động, tất nhiên rồi.

- Thôi, ba đã thành công rực rỡ trong việc an ủi con, nhưng hãy dành cho ba cơ hội thứ hai. Ba biết một phương thuốc cho kiểu sầu não này. Nào, lại đây, – ba vừa nói vừa nắm lấy tay tôi. – Chiếc Austin đã được sửa rồi, chúng ta hãy vào phố làm một bữa tiệc kem. Con có biết là họ vừa mở một hàng kem Ben & Jerry's ở phố Croydon không, đó chẳng phải là một tin tốt lành hay sao! Với lại bây giờ, khi em gái con không cưới nữa, thì ta chẳng có gì phải

ngại!

* * *

- Tờ báo nào vậy ba? – Tôi vừa hỏi ông vừa liếm mặt sau chiếc thìa dính đầy sô cô la.

- Ba không muốn nói đến chuyện đó, – ba tôi trả lời, hai mắt ông nhìn như dán chặt vào cốc kem của mình.

- Tại sao?

- Bởi vì ba không muốn nhồi các ý tưởng vào đầu con.

- Nếu ba tưởng ba có cơ may thoát khỏi chuyện này theo cách ấy, thì đúng là ba chưa hiểu rõ con gái mình rồi.

- Elby, ba cảnh báo con nhé, nếu con kể một lời thôi về tất cả những chuyện này với anh trai hoặc em gái con, thì mọi chuyện giữa chúng ta sẽ tệ đi rất nhiều đấy.

- Nếu ba gọi con là Elby, thì to chuyện rồi đây.

- *The Independent*.

Tôi nhìn ba nghi hoặc, tự hỏi liệu có phải ông đang trêu chọc tôi, chỉ để thích thú xem ông có thể đùa giỡn tôi đến mức nào.

- *The Independent*? Tờ thời báo đã sử dụng những cây bút lớn nhất trong ngành báo viết ư? Trong mảng nào? Văn hóa, kinh tế, không, chờ đã... chuyên mục khoa học! – Tôi tuyên bố, trong giọng nói có chút chế giễu.

- Xã hội.

- Có đúng là chúng ta đang nói về mẹ con không vậy?

- Mẹ con từng say mê chính trị, và là một cây bút xã luận đáng

nể đấy. Đừng nhìn ba với vẻ mặt giấu cợt như thế, đó hoàn toàn là sự thật.

- Thật là một bài học thú vị về tính khiêm tốn dành cho con, người chỉ viết được những bài kể về các chuyến đi, cùng lắm là những lời khuyên dành cho khách du lịch.

- Ái chà, con đừng có bắt đầu như thế nữa, được không! Chẳng lĩnh vực nào quan trọng hơn lĩnh vực nào. Con giúp độc giả của con đi đến những miền đất nơi họ chẳng bao giờ có thể đến được, con chuyên chở ước mơ và mỗi bài báo của con là một lời kêu gọi lòng khoan dung, theo thời gian thứ đó đang trở nên hiếm hoi. Công việc của con là quan trọng, nếu con vẫn còn nghi ngờ điều đó thì hãy liếc mắt nhìn sang tờ lá cải *Daily Mail* xem. Thế nên ba xin con, đừng có tự hạ thấp mình nữa.

- Không phải ba đang nói với con là ba tự hào về con đấy chứ?

- Thế con nghi ngờ điều đó chẳng?

- Ba chưa từng nói chuyện với con về công việc của con.

- Sở dĩ ba không bao giờ nói chuyện đó với con, là vì... là vì công việc chết tiệt đó khiến con ở xa ba. Con muốn ăn thêm cốc nữa không?

- Với cả ngàn calo trong mỗi miếng, phương thuốc chống trầm cảm của ba đúng là có hiệu quả đáng gờm thật. Nhưng con không nghĩ ăn thêm là việc làm hợp lý cho lắm, – tôi vừa nói vừa quệt ngón tay lên thành cốc để không bỏ sót chút sô cô la nào.

- Ai bảo con phải hợp lý? Con sẵn sàng mạo hiểm đôi chút không? Bởi vì bánh kem chuối đúng là món ngoại hạng!

Ba quay trở lại với hai cái cốc to tướng, qua đó có thể nhìn thấy những khoanh chuối bị giam cầm trong lớp kem lạnh phủ caramen tan chảy.

- Con có tin nhắn à? – Ba hỏi khi thấy tôi điên cuồng gõ ngón tay trên bàn phím chiếc smartphone.

- Không, con đang tìm những bài báo của mẹ nhưng chẳng thấy bài nào cả. Con không hiểu, tất cả các báo lớn đều số hóa kho dữ liệu của họ, thế mà *The Independent* chỉ còn lại một trang tin thôi.

Ba tôi hắng giọng.

- Con sẽ không tìm thấy bất kỳ bài báo nào của mẹ con trên trang web của họ đâu.

- Mẹ không ký bằng tên thật sao?

- Có chứ, nhưng không phải trên tờ *The Independent*. Tờ báo mà ba nhắc đến tồn tại từ trước đó và...

- Bởi vì lại còn có một tờ *The Independent* khác nữa ư?

- Đó là một tờ tuần báo, và được phát hành trong khoảng thời gian không lâu lắm. Mẹ con cùng một nhóm bạn cũng điên rồ như bà ấy đã khai sinh ra tờ báo ấy.

- Mẹ con đã khai sinh tờ báo riêng của mẹ sao? – Tôi vừa chồm hẫng người dậy vừa nhắc lại. – Thế mà hai người lại không bao giờ có ý định kể về nó với chúng con, thậm chí là kể với con khi con đã trở thành phóng viên?

- Không, – ba tôi trả lời, – ý tưởng đó đã lọt khỏi đầu ba mẹ. Mà kể chuyện đó ra để làm gì? Có gì quan trọng đâu.

- Có gì quan trọng đâu ư? Nhưng dù sao, ở nhà mình cũng chẳng bao giờ có chuyện gì là quan trọng hết, ngay cả khi con bị gãy chân, thì chuyện đó cũng chẳng nghiêm trọng lắm. Suýt thì con đã tự giết mình khi ngã từ trên mái nhà xuống, thế mà con vẫn nghe thấy ba mẹ bảo con rằng “Con đừng lo, Elby, chuyện không nghiêm trọng lắm đâu!”

- Hồi đó con mới sáu tuổi, chẳng lẽ con thích ba trợn trừng mắt nhìn con và bảo với con rằng người ta sẽ cắt chân con chẳng?

- Thế đấy, ba lại tìm cách cười nhạo mọi chuyện rồi. Tại sao hai người lại giấu con chuyện đó?

- Bởi vì ba sợ rằng chuyện đó sẽ khiến con nghĩ ngợi linh tinh. Chỉ vì cái câu châm ngôn ngu ngốc mà ba nhắc đến khi này, và bởi con đã nỗ lực biết bao vì muốn làm mẹ con ngạc nhiên. Nếu ba mẹ kể cho con nghe rằng mẹ con đã từng sáng lập một tờ tuần báo, thì con sẽ còn đi đến mức nào để khiến mẹ phải kinh ngạc? Phóng viên chiến trường chẳng? Hoặc giả, có lẽ con sẽ muốn làm tốt hơn mẹ bằng cách tự con cũng lập ra một tờ báo?

- Nhưng như thế đâu phải là một tội ác...

- Có đấy! Cái tờ báo khốn kiếp ấy đã hủy hoại mẹ con, cả về tài chính lẫn tinh thần. Con có thể định ra một cái giá cho ước mơ của đời con không? Bây giờ, hoặc ta chấm dứt chuyện này ở đây, hoặc ba sẽ ăn cốc kem thứ ba và con sẽ buộc phải chở ba đi cấp cứu.

- Một khi ba đã trầm trọng hóa vấn đề như thế, hãy cho phép con có lời khen ngợi ba.

- Ba không trầm trọng hóa vấn đề, ba mới bị tiểu đường.

- Ba bị tiểu đường từ bao giờ vậy?

- Ba đã nói là mới mà.

Ba tôi giả vờ đếm trên đầu ngón tay rồi trả lời tôi với vẻ trêu chọc.

- Hai mươi năm.

Tôi giận dữ đưa hai tay lên ôm đầu.

- Chết tiệt thật, nhà mình đúng là một cái kho chứa bí mật.

- Thôi nào, Elby, dù sao cũng đừng nói quá lên thế chứ. Con muốn ba phải treo phiếu theo dõi sức khỏe của ba trong bếp chẳng? Thế con nghĩ tại sao mẹ con lại gây gổ với ba mỗi khi ba lại gần hộp bánh bích quy?

Tôi giằng lấy cốc kem của ba và yêu cầu ba chở tôi ra ga, lấy có là tôi nhất định phải về Luân Đôn để còn làm việc. Tôi không muốn nói dối, nhất là với ba mình.

Ngay khi ngồi lên tàu, tôi gọi cho một nhân viên tìm kiếm thông tin của tạp chí, tôi cần cô ấy giúp một việc quan trọng.

14

Eleanor-Rigby

Tháng Mười năm 2016, Luân Đôn

Tôi đã về đến căn hộ của mình. Ngồi xếp bằng ở cuối giường, tôi vừa xem một tập *Tột cùng sang chảnh*^[15] vừa mở gói bim bim thứ ba.

Loạt phim này không chỉ rất được hâm mộ mà còn phục vụ lợi ích của đông đảo công chúng.

Đối với một phụ nữ râu rĩ ở nhà vào một tối thứ Sáu và tự lên án bản thân vì đã khai một chai vang đáng ngờ mà cô ta sẽ uống một mình, chai vang mà đám bạn cô ta đã mang đến từ thời cô ta còn tổ chức những bữa tiệc tối chỉ có bạn bè với nhau.

Đối với một phụ nữ khi đứng trước tấm gương trong phòng tắm và thấy thật bất bình thường vì mình vẫn còn độc thân để rồi lại thay đổi ý kiến sau khi đứng quá lâu trước tấm gương đáng ghét đó.

Đối với người phụ nữ ấy và nhiều phụ nữ khác nữa, Patsy và Edina là hai nữ anh hùng thật sự. Ngay vào lúc này, bởi vì họ đang tự đặt mình vào hoàn cảnh còn tệ hơn hoàn cảnh của bạn, và vào ngày mai, bởi vì khuôn mặt đờ đẫn của bạn sẽ nhắc bạn

nhớ rằng cuộc đời bạn không phải là một tập phim truyền hình.

Saffron đang tranh cãi với mẹ, cảnh tượng đó lập tức khiến tôi nhớ lại những lần tôi tranh cãi với mẹ mình. Bà ngoại con bé bước vào phòng để xoa dịu tình hình. Tôi không biết mặt ông bà ngoại, và sẽ không bao giờ biết mặt họ bởi mẹ tôi đã lớn lên trong trại trẻ mồ côi. Thêm một lớp sương mù nữa, và đột nhiên tôi cảm thấy nó dày hơn bao giờ hết. Tôi lao đến chỗ để chiếc túi xách và lấy bức thư ra.

Ta chỉ biết về bố mẹ mình qua những điều họ muốn kể với ta...

Mẹ đã không muốn kể bất cứ điều gì với chúng tôi.

Ánh mắt tôi nhìn chăm chăm vào con tem. Có lẽ tôi chỉ có thể là một nữ thám tử nửa mùa; làm sao tôi lại không nghĩ đến việc này sớm hơn? Mặc dù con tem có hình nữ hoàng Elizabeth II, nhưng màu sắc của nó lại khác với màu của những con tem nước Anh. Tuy nhiên, chỉ cần quan sát gần một chút, có thể nhận ra ngay, bên dưới khuôn mặt tươi cười của Nữ hoàng, chữ “Canada” in nhỏ xíu, đúng thế, nhưng làm sao tôi lại có thể bỏ qua chi tiết này được nhỉ? Dấu hủy tem được đóng ở Montréal. Ai có thể là kẻ viết thư nặc danh này, người đã gửi thư cho tôi từ châu Mỹ?

Tôi còn chưa hết những điều băn khoăn thắc mắc.

Ngày hôm sau, trong khi vừa lật giở một cuốn tạp chí vừa ngắm nhìn mớ quần áo đang nhảy múa trong lồng máy giặt, tôi nhận được một cuộc gọi từ cô bạn chuyên tìm kiếm thông tin. Cô ấy không tìm ra bất cứ dấu vết nào của một tuần báo có tên là *The Independent* ở Anh. Tôi lập tức nhờ cô bạn mở rộng phạm vi tìm kiếm sang bên kia Đại Tây Dương.

Một giờ sau, trong sảnh tòa nhà, tôi mở hộp thư. Giữa đồng tờ rơi quảng cáo, tôi nhận ra ngay lập tức nét chữ đẹp dễ đó. Một người hàng xóm đang lấy thư của ông ngạc nhiên khi thấy tôi tái mặt.

Tôi run rẩy leo lên căn hộ của mình rồi vội vàng bóc phong bì.

Trên một tờ giấy được tách ra từ sổ xé có viết:

Ngày 22 tháng Mười, 19 giờ, Sailor's Café, Baltimore.

Hôm nay là ngày 19. Hẳn đầu óc tôi rối loạn mất rồi, bởi vì việc đầu tiên tôi làm là nhét chiếc túi đựng đồ vệ sinh cá nhân cùng mớ quần áo nhàu nát vào túi du lịch, sau đó mới lên mạng tìm vé máy bay hạ giá. Đề nghị mua vé bị từ chối, tài khoản ngân hàng của tôi không đủ cho khoản chi đó. Tim đập thình thịch, tôi gọi Maggie để vay cô nàng một khoản cho chuyến đi.

- Em đã không nói dối ba hoàn toàn khi bảo rằng em đang cố gắng thương lượng để nâng hạn mức thấu chi của em ở ngân hàng, – cô nàng bảo tôi.

Tôi thuộc lòng các nhược điểm của em gái, nhưng cô nàng không phải là người bủn xỉn, mà đang nói sự thật.

- Tại sao chị lại cần đến hai ngàn bảng? – Cô nàng hỏi tôi. – Chị đang nợ ngập đầu à?

Tôi kể với Maggie về bức thư mình vừa nhận được vài giờ trước. Cô nàng liền cho tôi một trận, gọi tôi là kẻ thần kinh. Thế nếu sự thật chỉ là tôi đang dây dưa với một gã loạn óc, kẻ sẽ hiếp dâm tôi ngay khi tôi đến nơi rồi vứt xác tôi xuống biển thì sao? Chắc chắn là chính vì thế mà hẳn mới hẹn tôi vào buổi tối ở một nơi gọi là quán cà phê của đám thủy thủ. Maggie không thiếu trí

tưởng tượng để thêu dệt câu chuyện nọ kia, nhưng thật đáng tiếc là chẳng bao giờ có chuyện gì thú vị cả. Tôi đáp rằng nếu một gã thần kinh tìm cách lôi kéo con mồi vào lưới, thì hẳn là hẳn sẽ tìm một cô nàng gần nhà, như thế đơn giản hơn là bắt cô ta vượt đại dương. Logic thôi, Michel có lẽ cũng sẽ đồng ý.

- Hoàn toàn ngược lại, – Maggie phản đối, – ở đó, ai sẽ phát hiện ra việc chị mất tích?

- Địa điểm hẹn gặp đâu có phải là tận cùng một bãi lầy ở Louisiana, – tôi nhận xét. – Ta đang nói đến Baltimore mà!

Maggie im lặng một lát. Cô nàng quá hiểu tôi nên khó có thể nghi ngờ quyết tâm của tôi.

- Chị đã nghĩ đến việc gọi cho tòa soạn để đề nghị họ tạm ứng chi phí chưa? Những chuyến đi vẫn là một phần trong công việc của chị, hay em đã trở nên ngốc nghếch rồi?

Chính tôi mới là kẻ ngốc nghếch, thậm chí tôi còn không hề nghĩ đến việc đó. Tôi liền đập máy ngay trước mũi em gái để gọi cho tổng biên tập của mình. Trong khi chờ ông nhận cuộc gọi, tôi bịa ra một chủ đề. Tạp chí của chúng tôi chưa từng viết gì về Baltimore từ đời tám hoánh nào rồi, thành phố đó bây giờ đang trong quá trình tái cấu trúc đô thị, đó là nơi có một trong những cảng biển lớn nhất trên bờ Đông nước Mỹ, có trường đại học Johns Hopkins danh tiếng (tôi đọc bài thuyết trình của mình trực tiếp từ màn hình máy Mac, cảm ơn Wiki) và Bảo tàng Reginald F. Lewis, tôi nói thêm, đó là ngôi đền của lịch sử Mỹ-Phi.

- Hừm, – tổng biên tập của tôi thì thầm, còn lâu ông mới bị thuyết phục. – Dù sao thì Baltimore cũng không được gọi cảm cho

lắm.

- Có đấy, nó rất gợi cảm và đã bị bỏ qua một cách bất công. Không ai nói đến nó hết.

- Cứ cho là thế đi. Tôi có thể biết tại sao đột nhiên cô lại muốn nói đến nó không?

- Để sửa chữa tình trạng bất công đó.

Phía dưới màn hình, tôi phát hiện ra một thông tin đầy may mắn, quân át chủ bài cuối cùng. Ông chủ của tôi tôn thờ Edgar Allan Poe. Tôi thầm cầu phúc cho nhà thơ lỗi lạc đó vì đã có thiện ý chết ở Baltimore, ông ấy sẽ là sợi dây xuyên suốt bài báo của tôi, bài báo mà tôi đã sáng tác cho một cái tiêu đề đầy khoa trương: “Baltimore hay những ngày cuối cùng trong cuộc đời Edgar Allan Poe”.

Tổng biên tập của tôi phì cười. Tôi không thể trách ông về điều đó.

- Tốt hơn là cô hãy quan tâm đến quá trình phục hồi kinh tế của thành phố đó, nó đã thoát chết đấy. Hãy nói về sức hấp dẫn mà thành phố đó có thể có đối với các sinh viên. Hãy tận dụng thời gian để bắt mạch dân cư của nó, chỉ còn vài tuần nữa là bầu cử rồi, và tôi không tin là Trump sẽ lấy thất bại như các lần thăm dò vẫn dự báo với chúng ta đâu. Tôi cho cô một tuần thực địa. Bộ phận kế toán sẽ chuyển khoản cho cô vào ngày mai. Và dù sao cũng mang về cho tôi một tấm ảnh thật đẹp chụp bia mộ của Poe, biết đâu đấy.

Thông thường, khi thuyết phục được ban biên tập cử tôi đến một địa điểm mà tôi lựa chọn, tôi sẽ nhảy lên vì vui sướng, theo

đúng nghĩa đen. Nhưng tối đó thì không. Đi đến một nơi xa lạ là điều cốt lõi trong nghề nghiệp của tôi, nhưng tôi cảm thấy chuyến đi này sẽ đưa tôi đến với những khám phá hoàn toàn khác biệt. Và lần đầu tiên, tôi thấy mình không đủ dũng khí.

Tôi không thể rời nước Anh mà không nói lời tạm biệt người thân. Tôi biết Maggie sẽ tiếp tục coi tôi là kẻ điên khùng và sẽ làm mọi việc để tôi từ bỏ chuyến đi này. Tôi đoán rằng ba tôi sẽ buồn, khi chính tôi vừa mới hứa với ông là sẽ ở lại Luân Đôn lâu hơn. Nhưng người khiến tôi lo lắng nhiều nhất chính là Michel. Tôi gọi cho anh đầu tiên và hỏi anh xem mặc dù giờ đã muộn rồi, tôi có thể đến thăm anh không.

- Em muốn đến nhà anh sao?

Và vì tôi im lặng không trả lời, anh hiểu ngay.

- Khi nào thì em đi?

- Ngày mai, máy bay của em cất cánh vào đầu giờ chiều mai.

- Em đi vắng có lâu không?

- Không, em hứa với anh, chỉ một tuần, hoặc có thể là mười ngày thôi.

- Em có đói không? Anh có thể ra cửa hàng tạp hóa tìm thứ gì đó để chúng ta ăn tối.

- Ý hay đấy, đã lâu lắm rồi anh em mình chưa có lúc nào riêng tư với nhau.

Trong khi tôi gác máy, Michel quay sang phía Véra và báo cho chị biết rằng tôi sắp đến. Chỉ rất lâu sau này anh mới thú nhận chuyện đó với tôi.

- Em có phiền lòng nhiều không nếu anh cùng em gái anh ăn bữa tối mà em đã nấu cho hai chúng ta?

- Không, thậm chí là ngược lại, vì chính em cũng chưa chuẩn bị tinh thần để cho cô ấy biết...

Nếu không phải bản thân những lời nói là đủ để ám chỉ, thì chính đôi mắt đã để lộ ý nghĩ của anh trai tôi. Véra hiểu. Chị vớ lấy áo khoác, đưa mắt nhìn bàn ăn mà chị đã bày biện, quay lại cất hai chiếc ly uống rượu vang vào tủ, vì Michel sẽ chẳng bao giờ nghĩ đến việc dọn chúng, rồi chị ra về.

* * *

Và tôi đã vô cùng ngạc nhiên khi đến nhà anh. Michel mở cửa cho tôi, anh đang đeo tạp dề. Không nói lời nào, anh dẫn tôi vào phòng ăn. Tôi chưa bao giờ tưởng tượng được anh lại vất vả đến thế để tiếp đón tôi. Anh bỏ vào bếp rồi quay trở lại, trên tay bê một cái nồi và đặt nó lên một tấm lót đĩa. Tôi mở vung và hít hà làn khói bốc lên.

- Anh học nấu ăn từ khi nào vậy?

- Nếu anh không nhầm, thì đây là lần đầu tiên em đến thăm anh trước khi đi công tác. Thực ra, ý anh muốn nói là đến thăm gấp gáp như thế này. Thế nên, anh đã suy nghĩ rất nhiều từ lúc em gọi điện, và đã nghĩ rằng có chuyện gì đó không ổn, rằng em không muốn nói chuyện đó với anh qua điện thoại, chính vì thế em mới đến đây. Logic thôi.

- Nhưng một lập luận logic cũng có thể sai. Nhất là với một cô em gái phức tạp như em gái anh.

- Đúng, có thể thế lắm. Tuy nhiên...

- Tuy nhiên, – tôi tiếp lời anh, – mọi chuyện đều ổn cả, em chỉ muốn được ngồi cùng anh thôi.

Michel chăm chú nhìn chiếc đèn chùm trên đầu chúng tôi và hít một hơi thật sâu.

- Vậy là em không muốn ba và Maggie nghe thấy những gì em sắp nói với anh. Logic thôi.

- Em đề nghị anh trong tối nay hãy quên những gì là logic đi, bởi vì chẳng còn thứ gì logic nữa. Nhưng em không muốn chuyện này khiến anh rối trí. Em đến đây để tâm sự với anh một điều bí mật. Anh đã không hoàn toàn nhầm, em đi công tác không hẳn là vì lợi ích của tờ báo, mặc dù em đã lợi dụng nó để chi trả cho chuyến đi, về phía em như thế là không được trung thực lắm, em thừa nhận với anh. Nhưng dù sao em cũng sẽ viết một bài báo, thực ra là em sẽ cố gắng viết.

- Chuyện em nói với anh chẳng có ý nghĩa gì cả. Em sẽ đi nơi nào mà không phải vì tờ báo của em vậy?

- Baltimore.

- Cecilius Calvert, bá tước Baltimore từng là thống đốc đầu tiên của tiểu bang Maryland. Em có biết rằng một thành phố ven biển ở Tây-Nam Ireland cũng mang tên ông ấy không? Lẽ ra em nên đến đó, đỡ xa hơn.

- Em không biết điều đó, nhưng anh làm thế nào mà biết được những chuyện như thế?

- Anh đọc sách.

- Vậy thì lẽ ra em nên hỏi là anh làm thế nào mà nhớ được

những chuyện như thế.

- Làm sao có thể quên sau khi anh đã đọc về chúng chứ?

- Phần lớn mọi người sẽ quên, nhưng anh không giống với phần lớn mọi người.

- Và đó có phải là chuyện tốt đẹp không?

- Có, em cứ phải nhắc đi nhắc lại với anh như thế mỗi lần anh hỏi em câu này.

Michel lấy cho tôi một cái cánh gà đang nguội đi trong nồi, anh chọn cho mình một miếng đùi rồi nhìn sâu vào mắt tôi.

- Em đi tìm mẹ, – tôi thổ lộ với anh.

- Thật tuyệt vời, nhưng anh sợ là em chỉ mất thời gian thôi. Anh không nghĩ là mẹ đang ở Baltimore. Không ai biết người đã chết ở đâu. Chắc chắn là không phải trên trời, chuyện đó không có cơ sở. Anh thì nghĩ rằng có một thế giới song song. Em đã nghe nói đến lý thuyết về các thế giới song song chưa?

Trước khi Michel sa đà vào một bài giải thích bất tận, tôi đặt bàn tay lên cánh tay anh để anh nghe tôi nói.

- Đó chỉ là một cách nói thôi. Em đi tìm quá khứ của mẹ.

- Tại sao vậy, mẹ đã để mất quá khứ à?

- Mẹ đã để nó thất lạc. Chúng ta biết quá ít về mẹ thời mẹ còn là một cô gái trẻ.

- Chắc hẳn là vì mẹ muốn như thế. Anh không nghĩ không vâng theo lời mẹ lại là một ý hay đâu.

- Em cũng nhớ mẹ như anh, nhưng em là phụ nữ, và em cần

biết mẹ em từng là người thế nào để rồi cuộc cũng có thể trưởng thành, hay ít ra cũng hiểu rõ em là ai.

- Em là em gái sinh đôi của anh. Mà chuyện đó có quan hệ gì với Baltimore?

- Có người hẹn gặp em ở đó.

- Người đó biết về mẹ à?

- Em cho là thế.

- Thế còn em, em có biết cái người ấy không?

- Không, em không biết người ấy là ai.

Tôi kể về bức thư với Michel, nhưng không tiết lộ cho anh biết nội dung chính xác, tôi không muốn khiến anh phải lo lắng. Sự cân bằng trong anh vốn rất mong manh. Tôi liền bịa ra những điều tốt đẹp. Tôi điểm cho khung cảnh là một nghệ thuật mà tôi đã làm chủ được trong nghề nghiệp của mình.

- Vậy là, – anh vừa nói vừa giơ ngón trỏ lên, – nếu anh hiểu đúng, em sẽ đến một thành phố xa xôi, để gặp một người em không quen biết, nhưng là người, theo ý em, sẽ nói với em những điều mà em không biết về mẹ của chúng ta, và chính nhờ thế mà em sẽ hiểu rõ em là ai... Bác sĩ tâm lý của anh thường bảo anh rằng bà ấy sẽ rất vui nếu một ngày nào đó được gặp em.

Khiếu hài hước từng tưng của anh trai luôn khiến tôi ngạc nhiên. Anh im lặng một lát, rồi tôi thấy anh đứng dậy với vẻ nghiêm trang.

- Mẹ đã từng làm việc ở Baltimore, – anh vừa nói vừa mang đĩa của chúng tôi vào bếp.

Tôi rời bàn ăn đi theo anh. Anh đã bắt tay vào rửa bát.

- Sao anh lại biết chuyện đó?

- Bởi vì mẹ kể với anh là mẹ từng trải qua ở đó những năm tháng đẹp đẽ nhất đời mẹ.

- Thật thú vị với chúng ta!

- Anh cũng đã nhận xét như thế, nhưng mẹ vội nói thêm rằng đó là trước khi chúng ta ra đời.

- Michel này, em xin anh đấy, hãy kể cho em tất cả những chuyện mẹ từng tâm sự với anh đi.

- Mẹ yêu một người nào đó ở đấy, – anh vừa trả lời vắn tắt vừa đưa cho tôi chiếc khăn lau. – Mẹ không nói với anh, nhưng những lần hiếm hoi nhắc đến thành phố ấy, mẹ có vẻ đau khổ. Bởi vì mẹ từng trải qua ở đó những năm tháng đẹp đẽ nhất đời mẹ, trước khi chúng ta ra đời, như thế là không logic. Anh đã suy ra rằng mẹ đang hoài nhớ, và trong tất cả các cuốn sách anh đã đọc, một sự mâu thuẫn như thế luôn bắt nguồn từ một chuyện tình yêu. Logic thôi.

- Mẹ không bao giờ nhắc đến một cái tên nào sao?

- Mẹ chưa bao giờ nói với anh về chuyện đó, nếu em lắng nghe anh, thì đã không cần phải hỏi anh câu ấy.

Michel cất gọn bát đĩa và cởi tạp dề ra.

- Anh phải đi ngủ, nếu không ngày mai anh sẽ mệt mỏi và không làm việc tốt được. Đừng nói gì với ba nhé. Anh đã tâm sự với em một bí mật, bởi vì em cũng đã tâm sự với anh một bí mật. Làm như thế là công bằng. Với lại tất cả những chuyện khác chỉ là

giả thuyết, mặc dù anh không nghi ngờ gì chúng hết, nhưng dù thế nào, chuyện đó cũng sẽ khiến ba buồn. Đàn ông luôn đau khổ khi biết vợ mình từng yêu một ai đó trước mình, lại càng đau khổ hơn khi vợ họ giữ kín bí mật đó. Dù sao, đó cũng là phần lớn các trường hợp xảy ra trong sách, và anh không nghĩ rằng phần lớn các nhà văn lại giàu trí tưởng tượng đến thế.

Đầu anh lắc lư căng thẳng, tôi đành từ bỏ không tìm hiểu thêm nữa. Anh ngáp để khiến tôi hiểu rằng anh thật sự muốn tôi ra về. Tôi không nài thêm. Michel đi lấy áo khoác cho tôi, anh nán lại một lát trước khi quay trở ra, hình như tâm trạng anh đã dịu lại đôi chút, rồi khoác áo lên vai tôi và nhìn tôi để biết xem anh có thể ôm hôn tạm biệt tôi không. Tôi choàng tay ôm lấy anh và khẽ siết lại.

Tôi hứa với anh là sẽ gọi điện cho anh từ Baltimore; tôi sẽ miêu tả thành phố cho anh nghe, và tiết lộ với anh những gì tôi tìm hiểu được về mẹ. Đó là một lời nói dối đáng xấu hổ, bởi vì tôi còn chưa có chút ý tưởng nào về cách thức mình sẽ tiến hành. Toàn bộ hy vọng của tôi đặt vào cuộc hẹn mà người viết thư nặc danh kia đã đưa ra. Cũng chẳng khác nào nói rằng những hy vọng đó hết sức mong manh.

Sáng hôm sau, tôi gọi cho ba để nhờ ba giúp tôi một việc: báo với Maggie là tôi phải đi công tác.

- Con đúng là kẻ bạo gan nhỉ!

Tôi phải thú nhận là đôi khi sự hèn nhát lại biến tôi thành thiên tài. Tôi đoán ba đang mỉm cười buồn bã khi nói với tôi câu đó. Cả ông cũng muốn biết tôi sẽ bay về phương nào và đi vắng có lâu không. Vẫn từng ấy câu hỏi mà tôi đã quen trả lời trước mỗi

chuyến đi. Tôi hôn ông qua điện thoại, xin lỗi ông vì không thể đích thân đến bên ông để làm điều đó, máy bay của tôi sắp cất cánh, và tôi còn phải ghé qua tòa báo lấy vé. Lại một lời nói dối nữa. Từ lâu lắm rồi vé máy bay cũng ảo giống như thư từ. Nhưng tôi không đủ dũng khí để bắt gặp ánh mắt ba, để lại phải bịa ra một câu chuyện khi ba hỏi tôi lý do tại sao lại đi công tác sớm thế.

Trên đường đến sân bay Heathrow, dù sao tôi cũng gọi cho Maggie, dọa rằng tôi sẽ gác máy ngay trước mũi cô nàng nếu nghe thấy bất cứ lời trách móc nào, nhưng lại hứa sẽ cho cô nàng biết tất cả những gì tôi phát hiện ra.

Như thường lệ, đường đông nghịt. Cách sân bay vài cây số, xe cộ đông đúc đến nỗi cuối cùng tôi phải tự hỏi liệu mình có bị lỡ chuyến bay không. Và có nguy cơ là như thế thật.

Tôi nhảy khỏi taxi, chạy qua sảnh nhà ga, leo lên các bậc thang, van nài các hành khách đứng trước mặt và trình diện trước cửa kiểm tra an ninh đúng lúc đèn hiệu “Hết thời gian đón khách lên máy bay” nhấp đỏ trên các màn hình bên cạnh số hiệu chuyến bay của tôi.

Trong lúc lục túi áo khoác để bỏ chìa khóa và chiếc iPhone lên băng chuyền kiểm tra an ninh, tôi phát hiện ra một chiếc túi nhỏ cũ kỹ bằng da đã sờn. Tôi chưa bao giờ nhìn thấy nó và không biết làm cách nào nó lại có mặt ở đó. Tôi đã chạy rất nhanh nên không có chuyện một hành khách khiếm nhã nào đó bỏ nó vào trong túi tôi. Nhưng tôi không có thời gian suy nghĩ. Tôi cởi giày, và vượt lên trước tất cả mọi người để đi qua cửa. Ngay khi lấy lại đồ đạc, tôi lại tiếp tục chạy, miệng thở hổn hển, hét lên với nữ tiếp viên đang chuẩn bị đóng cửa bảo cô ta chờ tôi. Vừa giờ thẻ lên máy bay

cho cô ta, tôi vừa tặng cô ta một nụ cười hồi lỗi và lao như điên vào thang dẫn ra máy bay. Chỉ kịp nhét chiếc túi vào khoảng không gian chật hẹp còn lại trong khoang hành lý, rồi tôi ngồi sụp xuống ghế.

Thang dẫn ra máy bay rời ra, tôi thắt dây an toàn rồi đặt cái túi nhỏ bí ẩn lên đầu gối. Trong đó có một bức thư đã ngả vàng và một mẫu giấy nhắn trên đó Michel viết nguệch ngoạc mấy dòng.

Elby,

Cái túi nhỏ này là của mẹ, lúc đầu nó dùng để đựng một chuỗi vòng cổ. Anh đã lấy nó để bỏ vào đây bức thư cũ này. Bức thư nằm trong một cái rương nhỏ bằng gỗ, cũng là rương của mẹ. Hẳn em cũng sẽ nghĩ là cái rương đó quá to nên anh khó có thể bỏ nó vào túi áo khoác của em. Mẹ đã gửi cái rương đó cho anh để ba không bắt gặp nó khi ba mẹ sơn lại căn hộ. Trong cái rương đó chứa đầy các loại giấy tờ, đây là tờ giấy đầu tiên trong cả chồng. Anh chưa bao giờ đọc chúng, anh đã hứa với mẹ như thế. Còn em, em không hứa gì cả, thế nên em có thể làm bất cứ điều gì mình muốn. Khi trở về, nếu em không tìm thấy thứ em đang tìm kiếm, anh sẽ đưa cho em những bức thư khác. Hãy cẩn trọng, anh sẽ nhớ em đấy, anh viết thư cho em bởi vì một lý do mà anh không rõ, anh không thể nào nói điều đó với em khi em ở trước mặt anh, nhưng lúc nào anh cũng nhớ em.

Anh trai của em.

Tôi cất mảnh giấy của Michel đi rồi xem xét cái phong bì. Nó cũng được gửi theo đường bưu điện từ Montréal.

15

May

Tháng Chín năm 1980, Baltimore

May đã dành cả buổi tối để nghiên cứu các CV và những lá đơn xin việc gửi kèm. Để không thu hút sự chú ý tới một dự án mà cô muốn giữ bí mật càng lâu càng tốt, các thông báo tuyển dụng nhằm lôi kéo sự quan tâm của các phóng viên, thư ký tòa soạn, nhân viên tư liệu hoặc nhân viên ma kết đã được gửi đi qua nhiều kênh khác nhau.

Quá nửa đêm mà Sally-Anne vẫn chưa về khiến May khó chịu, rồi đến khi từ cửa sổ nhìn xuống thấy Keith thả Sally-Anne dưới phố vào lúc ba giờ sáng thì cô nổi giận thực sự. Trong lúc cô làm việc thì hai người họ tha hồ đùa giỡn vui vẻ với nhau.

Sally-Anne vào phòng ngủ rồi nằm xuống cạnh cô. May giả vờ đã ngủ, cô quay người mà không nói lời nào khi Sally-Anne hỏi cô đang có chuyện gì.

Sáng hôm sau, bầu không khí lạnh lẽ vẫn bao trùm. May tiếp tục xem xét đồng thư từ, không hề chú ý đến Sally-Anne mặc dù Sally-Anne đã chuẩn bị bữa sáng cho cô.

- Thôi nào, May, tớ mới là con nhà tầng lớp trên, thế mà cậu lại

đang cư xử chẳng khác nào một cô ả quý tộc. Tớ yêu quý cậu hơn mọi thứ trên đời này, nhưng tớ cũng thích cả đàn ông nữa. Chẳng lẽ điều đó lại biến tớ thành một kẻ đáng bị lên án hay sao? Keith là một anh chàng cơ bắp tuyệt vời, và thật lạ lùng, anh ấy cũng là một đại dương âu yếm mà cả tớ lẫn cậu đều không thể từ bỏ. Chúng ta cùng chia sẻ anh ấy thì đã sao? Một khi người hư hỏng chính là phụ nữ. Có lẽ cậu tưởng rằng về phía anh ấy, anh ấy sẽ thấy ngại ư? Với lại, ở thế hệ chúng ta, ngày nay ai còn chơi theo kiểu độc chiếm nữa?

- Tớ thì có đấy!

- Thật sao?

May cụp mắt xuống, bị giày vò bởi những mâu thuẫn ngay trong lòng cô.

- Nay, đừng có bảo tớ là cậu yêu anh ấy đấy nhé, tớ sẽ không tin cậu đâu, – Sally-Anne nói tiếp. – Tốt hơn hết hãy bảo tớ là anh ấy khiến cậu sung sướng...

- Cậu im đi, Sally, tớ không muốn nghe những bài giảng đạo đức của cậu. Tớ không phải là một nữ thánh, tớ đang làm quen với những thói quen của thời đại chúng ta, nhưng không vì thế mà tớ tán đồng với chúng, và trong hai chúng ta, tớ mới là người tiến bộ hơn, bởi vì tớ vẫn còn muốn tin vào tình yêu vĩ đại.

- Nhưng hãy nói để tớ yên tâm, tình yêu vĩ đại đó không phải là với Keith đấy chứ? Anh ấy là một người tình tốt, biết quan tâm đến khoái cảm của đối tác, và tớ công nhận với cậu, người như anh ấy không dễ kiếm. Đó chính là điều khiến cậu bị quyến rũ ở anh ấy, thế thôi, nói theo cách ưa thích của cậu. Bây giờ, chúng ta

nên dừng cuộc cãi vã không đáng có này và cùng ăn trưa chẳng? Tớ mời cậu đến Sailor's Café. Đó là một nhà hàng chuyên món hào mới mở trên cảng, sáng nào cũng có hào được chở từ Maine đến, và chúng rất tươi ngon.

- Đó chính là nơi hai người đã ăn tối hôm qua đúng không?

Sally-Anne vừa nhú mồm vừa bĩu môi.

- Chết tiệt, tớ quên mất là tớ có hẹn với em trai tớ. Nếu cậu vẫn còn quý tớ, hãy cứu vớt tớ và đến ngồi cùng tớ. Không có gì khiến tớ chán ngán bằng việc phải ngồi cùng nó.

- Thế tại sao cậu lại ăn trưa với cậu ấy?

- Nó đã yêu cầu được gặp tớ.

- Tớ rất muốn cậu đưa tớ vào thành phố bằng xe mô tô của cậu, nhưng tớ sẽ bỏ mặc cậu ở bữa trưa riêng tư đó đấy.

* * *

Đã quá 13 giờ, hai cô gái mới ngồi lên chiếc Triumph. May trang điểm nhẹ nhàng, việc đó khiến Sally-Anne rất thích thú. Cô không dừng lại ở thành phố mà phóng xe hết tốc lực đến tận câu lạc bộ chơi gôn của Baltimore. Anh chàng trông xe thích thú chiêm ngưỡng cả chiếc mô tô lẫn hai người khách nữ. Nhân viên mở cửa chào Sally-Anne với vẻ tôn kính không qua được mắt May. Một trưởng nhóm phục vụ hộ tống hai người họ, May mê mẩn trước vẻ sang trọng bên trong nhà hàng. Những khung gương mạ vàng, chân dung của những nhân vật thuộc xã hội thượng lưu trang trí cho những bức tường của hành lang dẫn đến phòng ăn.

Nhà Stanfield có bàn riêng cả năm ở đây. Édouard đang ngồi đọc báo, chờ chị gái đến.

- Vậy là chị sẽ không bao giờ đúng giờ, – anh nói.

- Dù sao cũng chào em, – Sally-Anne đáp lại.

Édouard ngược mắt lên và nhận ra May đang đứng đằng sau Sally-Anne.

- Chị không giới thiệu bạn chị với em sao?

- Cô ấy hoàn toàn có thể tự giới thiệu bản thân, cô ấy có lưỡi và rất biết sử dụng nó, – Sally-Anne trả lời.

Édouard lùi ghế ra, đứng trước mặt May và nâng tay cô lên để hôn. May tự hỏi liệu cô có nên bật cười vì cử chỉ đó không, nhưng chỉ khẽ mỉm cười. Sự tinh tế đó thật đối lập với cách đón tiếp thô lỗ mà chàng trai này dành cho chị gái mình, nhưng thực ra, cử chỉ ga lăng của anh khiến cô xúc động.

- Tôi sẽ để hai người ngồi riêng với nhau, – cô ngượng ngùng nói.

- Xin đừng làm thế, – Édouard nài nỉ, – cô hãy ở lại. Với đôi chút may mắn, nhờ có cô mà bữa trưa này sẽ không kết thúc bằng một trận ẩu đả, – anh vừa nói vừa mỉm cười đáp lại cô.

- Hai người không hợp nhau đến mức ấy sao? – May vừa hỏi vừa ngồi vào chiếc ghế mà Édouard đã kéo ra cho cô.

- Như chó với mèo, – Sally-Anne buông thõng.

- Hai người là những đứa trẻ được chiều chuộng quá mức. Hãy trân trọng vận may mà hai người đang có, tôi từng muốn có một người em trai biết bao.

- Không phải người em trai này đâu, tin tớ đi!

- Chị có thể cứ tiếp tục với những câu nói ác độc của mình, nhưng sẽ khiến bạn chị khó xử đấy. Thôi nào, – Édouard nói tiếp bằng giọng vui vẻ, – hai người đang cùng nhau mưu đồ chuyện gì vậy? Tôi còn chưa từng nghe nói về cô.

- Em đã nghe thấy chuyện gì liên quan đến chị? – Sally-Anne hỏi. – Đừng có nói với chị là mọi người ở nhà đã nhắc đến số phận của chị đấy nhé?

- Chị nhầm rồi, chị gái thân mến ạ, và nếu thỉnh thoảng chị hạ cố đến thăm ba mẹ chị, thì chị sẽ tự nhận thấy điều đó thôi.

- Rất ít khi họ nhắc đến chị, và chị không hề tin bất cứ lời nào của họ.

May che miệng húng hắng ho.

- Chúng tôi cộng tác với nhau, – cô nói.

Và trước khi kịp nói tiếp, cô nhận được một cú đạp chân của Sally-Anne dưới gầm bàn.

- Cộng tác ư? – Édouard nhắc lại.

- Đó là một cách nói thôi, bọn chị làm việc trong cùng một bộ phận, – Sally-Anne tiếp lời.

- Chị vẫn làm việc ở *Sun* sao? – Édouard ngạc nhiên.

- Thế em muốn chị làm việc ở đâu?

- Chẳng đâu cả, thế đấy. Người ta bảo em là chị đã thôi việc từ dạo đầu hè rồi.

- Thế thì người ta nói linh tinh với anh rồi, – May xen vào. – Chị

gái anh được ban biên tập đánh giá rất cao. Vì chuyện cô ấy sắp trở thành phóng viên cũng không hẳn là không thể.

- Thế cơ đấy! Xin lỗi vì đã nghe theo những kẻ miệng lưỡi độc địa. Tôi rất ấn tượng đấy. Thế còn cô, cô làm gì ở *Sun*?

Bữa ăn là một chuỗi dài trao đi đổi lại những câu hỏi và câu trả lời giữa May và Édouard, giúp họ làm quen với nhau. Sally-Anne không vì thế mà phật lòng. Ít ra, cuộc trò chuyện đó cũng choán hết tâm trí của em trai cô, giúp cô khỏi phải nói dối. Cô đâu có ngốc. Những bữa trưa hằng quý mà em trai áp đặt cho cô không có mục đích nào khác ngoài thu thập thông tin về cô. Édouard là một tên gián điệp bẩm thủ phục vụ cho bà mẹ, bởi vì bà quá kiêu ngạo nên khó có thể có chuyện bà đích thân đến hỏi han con gái mình về cuộc sống của cô, một cuộc sống bê tha trong mắt bà.

Bằng chứng là bà Hanna, một khách quen của câu lạc bộ, lại như thể ngẫu nhiên không bao giờ có mặt khi Sally-Anne phải đến đó ăn trưa.

Trong lúc một nhân viên phục vụ rót cà phê vào cốc của May, Édouard hỏi cô có thích xem kịch không. Đoàn diễn viên đã đạt được thành công phi thường tại New York trong vở diễn của Harold Pinter sẽ biểu diễn ở Baltimore vào ngày mai. *Phản bội* đích thực là một kiệt tác, không nên bỏ lỡ vì bất kỳ lý do gì, anh khẳng định. Một người bạn đã tặng anh hai ghế ở vị trí tuyệt đẹp và anh cần một cô bạn gái đi cùng.

- Em không còn đi chơi với cô nàng tóc vàng xinh đẹp đó nữa sao? – Sally-Anne hỏi với vẻ ngây thơ. – Mà cô ta tên là gì ấy nhỉ? Em biết chị muốn nói đến ai mà, cô con gái nhà Zimmer ấy.

- Jennifer và em đã quyết định giữ khoảng cách một thời gian để xem xét lại mọi việc, – Édouard trả lời hết sức nghiêm túc. – Mọi chuyện diễn ra hơi quá nhanh.

- Thật đáng buồn, chuyện đó hẳn sẽ khiến mẹ không vui chút nào. Một đám tốt như thế.

- Đủ rồi đấy, Sally-Anne ạ, chị bắt đầu thô lỗ rồi đấy.

Édouard lấy hóa đơn, ký tên để người ta tính vào tài khoản của gia đình rồi rời khỏi bàn.

- Ngày mai, 19 giờ trong sảnh nhà hát lớn, tôi sẽ chờ cô ở gần quầy soát vé. Tôi trông cậy vào cô đấy, – anh vừa nói vừa hôn tay May lần nữa.

Anh hôn lên má chị gái rồi đi ra.

Sally-Anne ra hiệu cho nhân viên phục vụ và gọi hai ly rượu mùi.

- Cậu đừng có đi! – Cô vừa khuyên May vừa lắc cho rượu xoay tròn trong ly.

- Theo ý cậu, tớ phải mất bao nhiêu năm mới có thể mua cho mình một chỗ ngồi tốt như thế trong một vở diễn của Harold Pinter?

- Tớ không biết, nhưng buổi biểu diễn sẽ xứng với tên gọi của nó lắm đấy.

- Đừng có trầm trọng hóa vấn đề như thế, chỉ là một buổi tối thôi mà.

- Đừng có đánh giá thấp Édouard, nó sẽ quyến rũ cậu đấy. Đó là môn thể thao yêu thích của nó, và nó chơi rất giỏi. Tớ đã biết

những cô nàng được trang bị kỹ hơn cậu nhiều, và họ đều gục ngã trên đài danh dự.

- Nhưng ai nói chuyện danh dự với cậu chứ? – May vừa đáp lại vừa hích khuỷu tay vào người Sally-Anne.

* * *

Ngày hôm sau, trong lúc May sửa soạn, Sally-Anne đi vào phòng tắm, trên môi ngậm một miếng thuốc. Cô ngồi lên mép bồn tắm và nhìn chăm chăm vào mặt bạn hồi lâu.

- Cậu lại trưng cái bộ mặt ấy ra nữa rồi! Tớ hứa là sẽ về ngay sau khi kết thúc vở diễn.

- Tớ nghi lắm, nhưng tớ đã cảnh báo cậu trước rồi. Ngược lại, đừng có nói gì về dự án của chúng ta với Édouard đấy.

- Tớ đã hiểu thông điệp này từ hôm qua rồi, cảm ơn cậu về cú đập đó. Đã xảy ra chuyện gì giữa cậu và em trai cậu thế? Cậu không bao giờ kể về cậu ấy. Tớ gần như đã quên mất sự tồn tại của cậu ấy, tại sao...

- Bởi vì các thành viên trong gia đình tớ là những kẻ bịp bợm; trong nhà Stanfield, mọi thứ đều chỉ là bề ngoài và dối trá. Mẹ tớ cai trị cả dòng tộc, ba tớ là một người yếu đuối.

- Cậu nói hơi quá lời rồi Sally, ba cậu là một anh hùng chiến tranh.

- Tớ không nghĩ là đã từng kể với cậu chuyện đó nhỉ?

- Cậu thì không, nhưng có người đã kể với tớ.

- Ai vậy?

- Tớ không nhớ nữa... Được rồi, – May thở dài, – khi chúng ta trở nên thân thiết với nhau, tớ đã đi nhặt nhanh một vài thông tin chỗ này chỗ khác. Đừng giận tớ, bệnh nghề nghiệp thôi mà; với lại đó cũng là dấu hiệu cho thấy tớ quan tâm đến cậu. Dù sao đi nữa, tớ cũng chưa bao giờ nghe ai nói xấu ba mẹ cậu, ba cậu thì lại càng không, thành công của ông khiến mọi người ngưỡng mộ.

- Ông ấy không phải người như cậu tưởng đâu, và thành công đó là của mẹ tớ chứ không phải của ba tớ. Nhưng với cái giá nào mới được chứ!

- Cậu đang nói đến chuyện gì vậy?

- Chúng ta còn chưa đủ thân thiết đến mức tớ có thể tiết lộ với cậu, – Sally-Anne thẳng thừng đáp lại.

May đứng dậy trong bồn tắm, cầm lấy tay Sally-Anne, đặt lên bầu ngực trần của mình rồi hôn bạn.

- Thế này thì chúng ta đã đủ thân thiết chưa?

Sally-Anne té nhì đẩy cô ra.

- Chơi cả em trai và chị gái cùng một tối là chuyện khá khó coi đấy.

Cô ra khỏi phòng tắm, vớ lấy chiếc áo bu đông rồi rời khỏi căn xưởng cải dụng.

* * *

Sally-Anne đã không nhầm.

Buổi tối đó thật ngọt ngào và khiến May mê mẩn. Buổi diễn đúng như hứa hẹn, vở kịch hay đến choáng váng, các diễn viên đều xuất sắc. Vượt xa một vở hài kịch về những hành động ngông

cuồng trong một mối tình ngoài hôn nhân, lời thoại đưa khán giả chìm vào dòng suy tư sâu sắc về sức nặng của những ẩn ý. May hứng trọn những lời thoại đó, không thể ngăn mình tìm thấy trong đó hình ảnh phản chiếu của cuộc sống buông tuồng mà cô trải qua từ mấy tháng nay. Nhưng trong bộ ba đáng ghê tởm của họ, nếu tình nhân là Keith, thì giữa cô và Sally-Anne, ai là người vợ bị lừa dối?

Suy nghĩ đó khiến cô đột nhiên ao ước một sự bình thường dù chỉ là bề ngoài, được sống một tối bên người đàn ông có cách nói chuyện khiến cô thích thú, bởi vì anh ta nói chuyện mà không phán xét, bởi vì trang phục của anh ta thể hiện sự thanh lịch không có chút gì giống với vẻ tầm thường của những người đang sống quanh cô. Bởi vì thay vì nằng lùn điều thuốc của cô như đám bạn trai trong nhóm cô vẫn thường làm, anh ta sẽ mời cô một điệu. Bởi vì, mặc dù điều này có vẻ vô cùng ngốc nghếch, anh ta có một cái bật lửa thật đẹp. Bởi vì cô yêu thích cử chỉ của anh ta khi anh ta ghé ngọn lửa về phía cô, bởi vì anh ta đã hỏi cô xem cô thích ăn tối ở đâu, chứ không quyết định thay cô. Và thật lạ lùng, cô đã chọn nhà hàng Sailor's Café, bởi vì mặc cho tất cả những điều đó, Sally-Anne mới chính là người cô yêu quý.

Với sàn nhà, bàn và ghế bằng gỗ mộc, các nhân viên phục vụ đeo tạp dề trang trí hình vẩy cá, Sailor's Café chẳng có gì giống với những nhà hàng nơi Édouard quen lui tới. Anh hòa nhập rất nhanh, trước sự vui thích của cô gái được anh mời đi ăn. Anh có hơi quá kiêu cách khi chỉ ăn hàu sau khi đã moi hết ra bằng một chiếc đĩa.

May nhặt một con hàu còn đầy nguyên và đưa nó lên miệng

Édouard.

- Anh hút vào đi, – cô vừa nói vừa mỉm cười. – Anh sẽ thấy nó ngon như thế nào, khi ta thưởng thức lúc nó vẫn còn nguyên cả nước biển.

- Tôi phải thừa nhận rằng, – Édouard nhượng bộ, – ăn như thế này ngon hơn rất nhiều.

- Còn bây giờ thì uống thứ vang trắng này đi, các mùi vị hòa quyện vào nhau rất tuyệt.

- Làm sao mà cô phát hiện ra nơi này thế? – Édouard hỏi.

- Tôi sống không xa đây lắm.

- Hóa ra các buổi tối của cô là thế này đây, tôi mới ghen tị với cô làm sao.

- Một người đàn ông như anh thì có gì để ghen tị với một cô gái như tôi chứ?

- Vì được sống như thế này, – anh vừa nói vừa đưa mắt nhìn một lượt khắp phòng. – Về sự tự do này, ở đây mọi thứ thật đơn giản và vui nhộn.

- Còn anh thì phải trải qua các buổi tối ở những nơi chán chết hay sao? – May hỏi.

- Có thể cô sẽ chế giễu tôi, nhưng cô nói không khác xa sự thật mấy đâu. Các nhà hàng nơi tôi ăn tối rất ảm đạm, những người lui tới đó mới ra vẻ làm sao.

- Giống như anh chẳng?

Édouard nhìn cô chăm chăm.

- Đúng, giống như tôi, – anh điềm tỉnh trả lời. – Tôi có thể hỏi cô một chuyện không?

- Anh cứ hỏi đi, rồi chúng ta sẽ xem.

- Cô có muốn giúp tôi thay đổi không?

Lần này, đến lượt May chăm chú quan sát anh, lúc đầu cô thấy xúc động, sau đó là nghi ngờ rồi cuối cùng cô cười phá lên.

- Anh đang giễu tôi!

- Cô thấy tôi nực cười lắm sao?

- Sally-Anne đã cảnh báo tôi, nhưng anh còn đáng gờm hơn những gì cô ấy khiến tôi nghĩ về anh.

- Chị gái tôi có những đánh giá rất quyết liệt. Tôi sẽ thú nhận với cô một điều, với điều kiện cô phải hứa là sẽ không kể lại với chị ấy.

- Tôi sẵn sàng nhổ nước bọt để thề, nhưng tôi sợ làm anh khó xử.

- Sở dĩ chúng tôi không hợp nhau đến thế, là hoàn toàn do lỗi của tôi, tôi vừa ghen tị vừa ngưỡng mộ chị ấy. Chị ấy dũng cảm hơn tôi rất nhiều, chị ấy đã biết vượt qua chính mình.

- Sally-Anne đâu chỉ có những phẩm chất tốt.

- Còn tôi thì có rất nhiều điểm xấu.

- Anh đã nói *tôi* bốn lần chỉ trong hai câu.

- Đó cũng là một nhược điểm. Giờ thì cô hiểu tôi cần cô đến mức nào rồi chứ?

- Thế tôi có thể làm gì để giúp một người đàn ông có vẻ bất

hạnh đến thế?

- Tôi không thể bất hạnh được, bởi vì tôi không hề biết thế nào là hạnh phúc.

Có lẽ ngay cả kẻ chuyên nghề quyến rũ nham hiểm nhất cũng không thể bịa ra một lời thú nhận như thế. Cô nàng y tá ân cần đang ngủ yên trong con người May đã chiến thắng những nỗ lực chống cự cuối cùng. Cô dẫn Édouard đi dạo trên cảng và họ hôn nhau ở cuối con đê chắn sóng.

Không, Sally-Anne đã không nhầm khi nói với May: “Các thành viên trong gia đình tớ đều là những kẻ bịp bợm, trong nhà Stanfield, mọi thứ đều chỉ là bề ngoài và dối trá.”

Tháng Ba năm 1944, sân bay Hawkinge ở hạt Kent

Những ngôi sao lấp lánh. Màn đêm sẽ vừa đủ sáng để bay bằng mắt thường, và ánh sáng yếu ớt tỏa ra từ vầng trăng lưỡi liềm sẽ không để lộ khoang lái màu đen của chiếc Lysander khi nó lao xuống phía trên phòng tuyến địch. Ngồi ở đuôi chiếc máy bay hai chỗ, Robert Stanfield kiểm tra lại đai an toàn trên ghế. Động cơ hình sao kêu lên khùng khục, còn cánh quạt xoay tròn trong âm thanh vù vù đang trở nên đều đặn. Một thợ máy bỏ các ụ chèn và chiếc máy bay lắc lư bò đến tận đường băng bằng đất.

Nằm cách Douvres tám dặm về phía Tây, căn cứ của Không quân Hoàng gia Anh không ngừng được quay vòng từ khi cầu hàng không được lập ra để đảm bảo việc sơ tán quân sau thất bại tại Dunkerque^[16] vào năm 1940. Từ khi bị phi đội số 91 bỏ rơi để chuyển đến Westhampnett, căn cứ này chỉ được sử dụng làm điểm tiếp tế nhiên liệu cho các máy bay lên đường thực hiện những chuyến bay dài trên bầu trời nước Pháp.

Đặc vụ Stanfield đã cập bến bờ nước Anh từ hai tháng trước, sau chuyến vượt Đại Tây Dương đầy rủi ro. Tàu ngầm của Đức lảng vảng khắp nơi trên vùng biển đó, chẳng khác nào những con

cá mập bằng thép sẵn sàng tấn công những con mồi xuất hiện trước kính tiềm vọng của chúng.

Từ khi đặt chân lên vùng đất Albion xinh đẹp, Robert đã luyện tiếng Pháp của mình cho thuần thục. Anh đã dành sáu mươi ngày cuối cùng để từng bước làm quen với nhiệm vụ, ghi nhớ địa hình và địa lý của vùng đất nơi anh sẽ được thả xuống, học thuộc tên các ngôi làng, học những câu mật hiệu sẽ có tác dụng với anh như giấy thông hành, nhân thân của những người có thể tin tưởng, những kẻ anh phải đề phòng. Từng ấy tuần lễ cấp trên thử thách khả năng của anh.

Vào lúc cuối ngày, một sĩ quan đến phòng tìm anh. Robert mang theo bọc quân trang, giấy tờ giả, một khẩu súng lục và một tấm bản đồ vùng Montauban.

Chuyến bay sẽ đưa chiếc Lysander đến giới hạn phạm vi hoạt động của nó. Trong ba giờ bay, nó sẽ đi hết chín trăm kilomet dự kiến, với điều kiện thời tiết không thay đổi giữa đường.

Robert không được tuyển mộ để tham chiến, mà để chuẩn bị cho cuộc chiến. Khi đó, lực lượng quân Đồng minh đang tổ chức đợt đổ bộ bí mật tuyệt đối. Một trong những điều kiện đảm bảo cho chiến thắng là việc tiếp tế vũ khí và quân nhu đạn dược được thực hiện bởi những người chỉ tham chiến khi các đội quân đồng minh đã tiến vào trung tâm lãnh thổ. Từ nhiều tháng trước, quân Anh thường xuyên thả dù vũ khí và quân nhu chứa trong những chiếc hòm mà quân Kháng chiến lấy về rồi mang đi cất giấu.

Stanfield là đặc vụ liên lạc. Nhiệm vụ của anh là tiếp xúc với một lãnh đạo quân Kháng chiến để lấy thông tin về vị trí của các kho cất giấu đó, rồi đánh dấu trên bản đồ. Một tháng sau khi anh

thâm nhập, một chiếc Lysander sẽ đến đón để đưa anh quay về Anh.

Số phận đã trêu ngươi anh vào một tối mùa đông năm 1943, trong một bữa tiệc tối ở Washington, nơi ba mẹ anh họp mặt với các gia đình Mỹ giàu có được vận động đóng góp tài chính cho nỗ lực chiến tranh. Giữa đám khách mời đó, vợ chồng nhà Stanfield cố gắng thể hiện cho đẹp mặt. Tài sản của họ đã bị tiêu tán bởi thói ham mê cờ bạc vốn lâu nay chi phối ba của Robert. Nhưng họ vẫn tiếp tục sống cảnh xa hoa, trong khi nợ nần tiếp tục chồng chất. Ở tuổi hai mươi hai, Robert không bị lừa gạt, cả về tình trạng tài chính thực tế của gia đình lẫn những thói tật của ông bố, người mà anh chỉ duy trì một mối quan hệ xa cách. Chàng trai trẻ đang nuôi ước mơ một ngày nào đó sẽ trả quyền lực và tài sản cho gia đình mình.

Ở bàn của họ, ngồi giữa các thực khách khác là một người đàn ông kín đáo có khuôn mặt hốc hác, mái tóc lơ thơ. Một dáng người ẻo lả. Edward Wood, bá tước Halifax, là đại sứ của Vương quốc Anh, và bởi vì Churchill với Roosevelt ưa trao đổi trực tiếp với nhau, nhiệm vụ của ông đã được rút ngắn. Từ đầu bữa tiệc, ông ta không rời mắt khỏi Robert, kể cả trong bài diễn văn khai màn. Mọi thứ đều xa hoa tráng lệ, từ căn phòng, bát đĩa, trang phục của phụ nữ, thức ăn được phục vụ thừa mứa, ngay cả bài diễn văn cũng rất tuyệt vời, tuy nhiên, Wood chỉ chăm chăm nhìn chàng trai trẻ nhà Stanfield. Có một lý do khiến vị đại sứ say mê Robert đến thế. Một năm trước, ông đã mất cậu con trai trạc tuổi anh trong chiến trận.

- Tôi không nói chuyện đóng góp tài chính với ông, tôi muốn

dâng hiến chính con người mình, – Robert thì thâm với người ngồi bên cạnh.

- Cậu chỉ cần đăng ký thôi, nếu tôi không nhầm thì đó là việc những người ở độ tuổi cậu đang làm, – Wood trả lời.

- Không phải khi ta có ông bố bà mẹ thế lực đến thế kia đâu. Tôi đã bị loại, vì những lý do mờ ám về sức khỏe. Tôi biết thừa là bố tôi đứng sau mọi chuyện.

- Cứ giả sử là ông ấy có khả năng đó, thì cậu cũng đừng chê trách, tôi tin chắc rằng ông ấy chỉ làm thế vì sợ mất cậu thôi. Làm sao có thể chịu đựng được khi phải nhìn thấy con cái mình ra trận?

- Để rồi buộc chúng phải chịu tiếng hèn hạ, chẳng phải như thế là dành cho chúng một số phận khó khăn hơn hay sao?

- Cậu có sự hăng hái của lứa tuổi cậu, thật đáng khen ngợi, nhưng cậu có hiểu chút gì về chiến tranh thực sự không? Tôi đã ra sức phản đối cuộc chiến này, tôi đã nuôi biết bao hy vọng, thậm chí còn đến gặp cả Hitler.

- Gặp đích thân con người hấn ư?

- Nếu ta có thể gọi kẻ đó là một con người, thì đúng là thế. Suýt nữa tôi đã gây ra một sự cố ngoại giao nghiêm trọng khi trước thềm căn nhà nơi hắn đến đón tôi, tôi định đưa hắn áo choàng, vì tưởng hắn là một viên quân gia, – bá tước Halifax cười khùng khục.

Wood là một người phức tạp và khó hiểu. Ông coi chủ nghĩa phân biệt chủng tộc và chủ nghĩa quốc gia là hai thế lực tự nhiên, không nhất thiết là những quan điểm phi đạo đức. Trước đây

từng là Toàn quyền của Hoàng gia ở Ấn Độ, ông đã cho bắt giữ tất cả các thành viên của Hội đồng Tư vấn và bỏ tù Gandhi. Là người cố chấp, siêu bảo thủ, ủng hộ Chamberlain^[17] cuồng nhiệt, tuy nhiên cuối cùng ông đã từ chối mọi thỏa hiệp với Đức Quốc xã và khước từ chức vụ Thủ tướng, vì cho rằng Churchill là người có năng lực hơn để lãnh đạo đất nước trong thời kỳ chiến tranh.

- Nếu cậu muốn tiếp tục cuộc trò chuyện này một cách riêng tư, hãy đến gặp tôi tại văn phòng của tôi, tôi sẽ xem có thể làm gì cho cậu, – ông nói với chàng trai trẻ nhà Stanfield vào cuối bữa tiệc.

Vài ngày sau, Robert đến Washington. Vị đại sứ đón tiếp anh và gửi gắm anh cho một trong những người bạn của ông làm việc cho cơ quan đặc vụ.

Ngày trước đêm Giáng sinh, ngồi trên một tàu chở hàng, Robert nhìn những ánh đèn trên bến cảng Baltimore lùi xa dần.

* * *

Chiếc Lysander vấp phải một cơn mưa lớn bất chợt khi bay qua vùng Limousin. Viên phi công chắt vật để giữ đúng quỹ đạo. Cánh máy bay sẽ không chống chọi được lâu hơn nữa với trận bão vừa hình thành giữa tầng mây, nhưng bay thấp xuống sẽ là phơi mình trước những mối hiểm nguy khác. Stanfield vô cùng lo lắng, hai bàn tay trắng bệch siết chặt dây đai an toàn, dạ dày anh cuộn lên mỗi khi máy bay thụt xuống một hố khí. Phần trước cánh máy bay bị hư hại và dường như sẵn sàng rời ra bất cứ lúc nào. Phi công không còn lựa chọn nào khác ngoài tìm đường thoát ở cao độ thấp. Chiếc Lysander hạ xuống độ cao một ngàn dặm. Mưa đổ xối xả. Kim trên bình chứa nhiên liệu tụt xuống quá

đáy. Đột nhiên, động cơ khục khặc rồi khựng lại. Cách mặt đất ba trăm mét, hạ cánh bằng cách lượn xuống đòi hỏi trong vòng vài giây phải quyết định được một vị trí hạ cánh. Phi công nhắm vào một con đường mòn bên rìa một khu rừng, anh ta nghiêng cánh, rồi đẩy bàn đạp lái để tránh làm máy bay chệch đường. Bánh máy bay chạm vào nền đất ướt rồi thụt sâu xuống đó. Cánh quạt vẫn quay, nó vỡ tung khi chạm đất, đuôi máy bay đột ngột chống lên. Stanfield cảm thấy mình bị hất ra đằng trước và đè bẹp trên ghế, trong khi chiếc máy bay trượt đi trên mặt đất. Vòm kính của ngăn lái vỡ tung lúc máy bay rơi xuống. Viên phi công chết ngay lập tức. Với một vết rạch dài trên mặt và những vết bầm tím trên người, nơi những sợi đai an toàn siết vào, Stanfield thoát chết một cách thần kỳ. Nhưng chỗ xăng còn lại trong bình chứa đặt dưới ghế ngồi đang chảy ròn ròn trên người anh.

Dưới trận mưa xối xả, anh thoát được khỏi chiếc máy bay vỡ nát và lê vào đến tận trong rừng trước khi ngất đi.

Ngày hôm sau, những người nông dân phát hiện ra những gì còn lại của chiếc Lysander. Họ chôn cất thi thể viên phi công, châm lửa đốt chiếc máy bay rồi tổ chức một cuộc lùng sục để tìm người được chở đến đây.

Họ phát hiện ra Robert Stanfield nằm bất động dưới một gốc cây liềm đưa anh vào một trang trại nơi anh tỉnh lại sau đó. Một bác sĩ nông thôn đến băng bó các vết thương cho anh. Đêm hôm sau, người ta đưa anh đến một nơi an toàn trong chòi săn nằm sâu trong một khu rừng nơi quân Kháng chiến che giấu kho vũ khí. Chính trong đường hầm đào bên dưới chòi săn đó, Stanfield đã làm quen với cha con nhà Goldstein. Sam và con gái ông trốn ở

đó từ sáu tháng nay. Hanna mười sáu tuổi, cô có mái tóc màu hung, làn da trắng, đôi mắt xanh nẩy lửa, ánh mắt của một chiến binh, và xinh đẹp đến mức khiến người khác nghệt thở.

17

George-Harrison

Tháng Mười năm 2016, Cantons-de-l'Est, Québec

Chiếc tủ com mốt được bọc kín trong mấy tấm chăn. Tôi đưa nó lên bán tải và buộc chặt chân tủ để nó không bị va đập vào đầu trong suốt chuyến đi. Magog là một thành phố nhỏ nên thơ nằm ở phía Bắc hồ Memphrémagog. Ở đó, mọi người đều biết nhau. Cuộc sống trong thành phố diễn ra êm đềm, theo nhịp điệu từng mùa. Mùa hè mang theo làn sóng du khách nuôi sống các thương nhân suốt thời gian còn lại trong năm.

Hồ vươn mình thành một viên nước dài chảy qua biên giới nước Mỹ ở phía Nam. Vào thời kỳ cấm giao thương, chỉ có những con thuyền bơi trên hồ vào ban đêm.

Pierre Tremblay là khách hàng trung thành nhất của tôi. Ông là chủ một cửa hàng đồ cổ. Đồ nội thất dân dã là món đặc sản của ông. Không thiếu kỹ thuật để biến gỗ thành đồ cổ, và với vài nhát đục đúng chỗ, với sự hỗ trợ của chiếc đèn xì, axit cùng véc ni phù hợp, một chiếc tủ com mốt có thể già đi cả trăm năm chỉ trong một ngày.

Khi khách hàng hỏi ông thứ này hay thứ kia có phải là đồ cổ

không, Pierre luôn nhất mực trả lời “đâu thế kỷ”, không bao giờ nói rõ là thế kỷ nào.

Ông ngắm nghía chiếc tủ com một rồi vừa vỗ vai vừa khen ngợi tôi bằng câu nói quen thuộc “George-Harrison, cháu là người giỏi nhất”, tuy nhiên không nói thêm cụm từ “trong nghề làm đồ giả cổ”, điều khiến tôi rất biết ơn. Đã từng có lúc tôi cảm thấy khó xử, vào một lần khi đang ăn tối ở nhà hàng của mẹ Denise, tôi nghe thấy bà ca ngợi chiếc tủ góc tường tô điểm phòng ăn của bà là đồ cổ đích thực. Bà đã mua nó của Pierre và tôi chính là tác giả.

Pierre là người vô cùng hoạt bát, ông sẽ thề với bạn, một cách chân thành, rằng những mảnh khoe nhỏ của ông sẽ mang lại lợi ích cho tất cả mọi người, cho ông là điều tất nhiên, nhưng còn cho cả các khách hàng của ông nữa. “Bác bán giấc mơ, mà giấc mơ thì không có tuổi”, ông nhắc lại bất cứ khi nào tôi nhắc nhó khi phải thực hiện các đơn đặt hàng của ông. Ông biết tôi đã rất lâu rồi. Khi còn là một đứa trẻ, tôi thường đi qua cửa hàng của ông mỗi lúc tan học. Tôi tin là ông từng phải lòng mẹ tôi, ông không bao giờ bỏ lỡ dịp nào để khen ngợi trang phục hoặc mái tóc của bà, và vợ ông thường xuyên nhìn ông đầy trách móc mỗi khi mẹ con tôi gặp vợ chồng ông trong thành phố. Khi tôi trở thành thợ mộc, ông là người đầu tiên đặt lòng tin ở tôi, chính ông đã giúp đỡ tôi bắt đầu sự nghiệp, và tôi dành cho ông lòng biết ơn vĩnh viễn.

- Tại sao cháu có vẻ khó chịu thế? – Ông hỏi khi nhìn thấy tôi.

- Là do chiếc tủ com một của bác đấy, nó khiến cháu phải thao thức nhiều đêm liền.

- Nói dối! Lại cãi nhau với cô nàng tóc vàng đúng không?

- Cháu cũng muốn thế lắm, nhưng từ khi Mélanie ra đi, đời cháu là sa mạc hoàn toàn.

- Đừng có tiếc nuối, cô nàng đó không được thông minh cho lắm đâu. Vậy ra là do công việc. Cháu đang cảm thấy tù túng sao? Năm nay, mùa bán hàng không được rục rở cho lắm. Nếu cháu cần, bác có thể đặt hàng cháu một cái bàn và vài cái ghế, chắc chắn bác sẽ bán được trước cuối mùa đông. Chờ đã! Hay là cháu làm cho bác một hoặc hai cái xe trượt cũ, nhưng kiểu rất cổ, được không? Bác đã tìm được mấy bức vẽ từ thế kỷ trước. Có lẽ người ta sẽ phát cuồng vì chúng vào dịp Giáng sinh đấy.

Tôi cúi xuống cuốn sách mà Pierre vừa nhanh nhẹn lấy ra từ trong phòng làm việc. Những chiếc xe trượt mà ông cho tôi xem có từ thế kỷ 19. Chế tác lại chúng không đơn giản như Pierre muốn thuyết phục tôi. Tôi cầm cuốn sách và hứa với ông là sẽ nghiên cứu.

- Cháu biết đấy, bác biết cháu từ khi cháu còn bé tí. Thế nên đừng có bần thần nữa, nói cho bác nghe xem có chuyện gì không ổn nào.

Đã ra đến ngưỡng cửa, tôi lại quay lại. Tôi không thể nói dối ông được.

- Cháu đã nhận được một bức thư kỳ lạ, bác Pierre ạ.

- Cứ nhìn vẻ mặt cháu, thì hẳn bức thư đó không được vui vẻ cho lắm. Lại đây, chúng ta đi ăn, hai bác cháu ta sẽ tán gẫu với nhau.

Ngồi vào bàn ở nhà hàng của mẹ Denise, tôi giở bức thư ra và

đưa cho Pierre đọc.

- Kể thóc mách đó là ai vậy?

- Cháu chẳng biết gì cả, bác cũng có thể thấy đấy, người ta không ký tên ở cuối thư.

- Nhưng bức thư đã nhồi vào đầu cháu vô số ý nghĩ.

- Cháu đã chán ngấy những ẩn ý rồi, cháu muốn biết ba cháu là ai.

- Từ đó đến giờ, nếu ông ấy muốn biết về cháu, cháu không nghĩ là ông ấy có thể đến đây sao?

- Có thể chuyện không đơn giản đến thế. Cháu đã đến gặp mẹ cháu.

- Bác không hỏi thăm xem bà ấy ổn hơn chưa đâu.

- Mẹ cháu đến rồi đi trong thế giới của riêng bà, chuyện đó cũng không dễ dàng. Nhưng mẹ đã thú nhận với cháu một chuyện và cháu không ngừng nghĩ đến nó.

Tôi kể với Pierre những lời mẹ tôi đã nói.

- Thế mẹ cháu có tỉnh táo khi nói câu đó với cháu không?

- Cháu nghĩ là có.

Pierre nhìn tôi và hít một hơi thật sâu.

- Bác sẽ bị quở trách nếu vợ bác biết rằng bác đã kể với cháu chuyện này, nhưng bác phải thổ lộ với cháu một chuyện đã khiến bác nặng lòng bấy lâu nay. Khi mẹ cháu đến Magog, bà ấy đang đeo ba lô trước bụng. Và cái ba lô ấy chính là cháu. Thật không dễ dàng gì để bà ấy có thể tạo dựng được vị trí cho mình. Mẹ cháu

không phải là người ở đây, với lại vào thời đó, chuyện một phụ nữ có thai mà không đi cùng người cha của đứa trẻ không phổ biến như bây giờ. Bà ấy xinh đẹp và mọi người ngờ rằng bà ấy là loại người ưa trò phiêu lưu tình ái. Đúng ra thì chủ yếu là đám phụ nữ ghen ghét với mẹ cháu. Nhưng mẹ cháu là người dũng cảm, lúc nào cũng đáng mến, và từ tháng này sang tháng khác, mẹ cháu đã biết cách khiến mọi người phải yêu quý mình. Cháu cũng góp một phần lớn vào việc đó. Mọi người thấy rõ là mẹ cháu đã nuôi dạy cháu một cách rất đúng mực. Lúc nào cháu cũng lịch sự, trong khi không phải đứa trẻ nào cũng cư xử được như cháu. Khi cháu sắp tròn một tuổi thì có một người đàn ông cao lớn tìm đến thành phố này. Ông ấy hỏi han gần như khắp nơi để tìm mẹ cháu. Với đôi tai to vểnh, trông ông ấy không có vẻ gì là dữ tợn. Cuối cùng, có ai đó đã chỉ đường cho ông ấy, và ông ấy đến nhà cháu. Khi biết chuyện, bác vội lao đến để chắc chắn là ông ấy không có ý định gì xấu với hai mẹ con cháu. Vợ bác bảo bác hãy lo chuyện của mình thôi, nhưng bác không nghe bà ấy. Khi đến nơi, bác đã rình ở cửa sổ đôi chút. Mẹ cháu và ông ấy đang trò chuyện với nhau. Mọi chuyện đều yên ổn, thế nên bác đứng lại một lát rồi về nhà. Cả ông ấy cũng ra đi vào sáng hôm sau. Sau đó không ai còn gặp lại ông ấy nữa. Một người đàn ông sẽ không vượt từng ấy đường đất chỉ để đến ngủ một đêm rồi đi ngay lập tức như vậy. Chuyện đó có vẻ không được logic cho lắm. Chắc chắn phải có một lý do nghiêm trọng nào đó mới khiến ông ấy vượt cả một chặng đường dài. Trong nhà cháu, ngoại trừ vài món đồ đặc mà bác đã bán cho mẹ cháu, những bát đĩa rẻ tiền và một bức tranh xấu xí treo trên tường, chẳng còn thứ gì đáng giá. Chẳng cần phải có đầu óc siêu việt như Papineau^[18] cũng có thể đoán được thứ

duy nhất có giá trị trong nhà cháu. Chính là mẹ cháu và cháu. Thế nên bác kể cho cháu nghe chuyện đó, bởi vì cháu thấy đấy, bác luôn tự hỏi phải chăng ông ấy đã quay lại để tìm gặp cháu.

- Làm sao bác biết ông ấy từ xa đến?

- Là bởi biển số xe của ông ấy. Bác không còn nhớ con số chính xác, bác đã ghi lại nó trong cuốn sổ thu chi có lẽ bác sẽ tìm lại được, nhưng biển số đó được đăng ký ở Maryland, điều đó thì bác nhớ. Bác những muốn có thể nói với cháu nhiều hơn, nhưng bác chỉ biết có thế.

- Người đàn ông đó trông thế nào ạ?

- Một gã cao lớn, có khuôn mặt đẹp trai. Bác chỉ nhìn thấy ông ấy qua cửa sổ. Ông ấy yêu mẹ cháu, điều đó thì bác chắc chắn. Mắt ông ấy trông lơ đãng, mệt mỏi. Có một lúc, ông ấy muốn lên gác, và mẹ cháu đã đứng chắn dưới chân cầu thang. Bác đã sẵn sàng lao vào, trong trường hợp... nhưng ông ấy đã cư xử đúng mực, và quay xuống ngồi vào ghế bành. Từ lúc đó, bác chỉ còn nhìn thấy vai và giày của ông ấy.

- Bác có tin là bác có thể tìm lại biển số đó không?

- Bác sẽ cố hết sức, nhưng đã ba mươi tư năm rồi... dù sao, bác cũng không nghĩ nó có ích gì nhiều. Tuy thế, nói cho cùng, ta cũng chả biết đâu được.

Tôi mời bác Pierre ăn tối. Trên bậc thềm nhà hàng, ông xin lỗi vì đã không thổ lộ với tôi chuyện này sớm hơn. Lẽ ra ông nên kể với tôi khi mẹ tôi vẫn còn tỉnh táo. Tôi hứa với ông là sẽ trả lại cuốn sách ngay sau khi phác thảo xong mấy bức vẽ xe trượt. Đó cũng là một cách, như vô vàn những cách khác, để khiến ông

hiếu rằng chúng tôi chia tay nhau trong hòa bình.

Về đến nhà, tôi nhìn thấy một bức thư dưới cánh cửa. Nét chữ không còn xa lạ với tôi.

Trên một tờ giấy được tách ra từ sổ xé có ghi:

Ngày 22 tháng Mười, 19 giờ, Sailor's Café, Baltimore.

Chỉ còn một giờ nữa là đã sang ngày 21 rồi.

Tháng Tư năm 1944, gần Montauban

Robert vẫn chờ để được giới thiệu với người chỉ huy mạng lưới. Mỗi ngày, quân du kích lại viện ra một cớ mới: đang có một nhiệm vụ cần chuẩn bị và đội du kích phải hạn chế di chuyển, hoạt động của quân địch ngăn cấm những mạo hiểm vô ích, chỉ huy bạn, các liên lạc viên khác đang đòi được quan tâm hơn...

Ở Luân Đôn, anh đã chứng kiến tình trạng thiếu hợp tác giữa các đơn vị Anh và Pháp. Chỉ thị của bên này thường xuyên mâu thuẫn với mệnh lệnh của bên kia. Để hiểu được người nào trên chiến trường sẽ đáp lại người nào ở bên kia biển Manche đòi hỏi phải gỡ một mớ bong bóng không thể giải thích nổi. Và có vẻ như từ khi anh đến đây, nhiệm vụ của anh trở nên rất phức tạp. Một buổi tối, họ đưa anh băng qua rừng để cho anh thấy một hòm súng tiểu liên Sten, một tối khác họ lại giới thiệu anh với quân du kích, thật ra là ba chủ trang trại dùng chung hai khẩu súng lục. Còn lâu mới có thể thực hiện việc thống kê như cấp trên của anh dự kiến, và Robert đã phải tự hỏi anh đang làm trò quái quỷ gì ở nơi này. Hai tuần trôi qua và anh mới chỉ định vị được ba dấu chữ thập khốn khổ trên tấm bản đồ. Chỉ có một dấu tương ứng với

một kho vũ khí thật sự, anh nằm ngủ trên cái kho đó từ tối đầu tiên, bởi vì vũ khí được chôn giấu trong một đường ngầm đào sâu dưới hầm của chòi săn.

Anh chỉ tìm ra phương thuốc chữa bệnh chán chường khi ở cùng hai cha con nhà Goldstein. Sam là một người đàn ông có học thức và rất thu hút, nhưng cô con gái của ông thì vẫn khẳng khái không chịu mở lời với anh. Sau một thời gian quan sát, Robert và Sam trở thành đôi bạn thân, hằng ngày họ dành cả buổi chiều để trò chuyện về quá khứ và về những gì tương lai dành cho họ. Bố của Hanna muốn tỏ ra lạc quan, không phải vì tin tưởng, mà vì ông muốn xốc lại tinh thần cho cô con gái. Mỗi tối, đài phát thanh Luân Đôn phát đi những thông điệp được mã hóa, cảnh báo người dân về trận đổ bộ sắp tới. Hòa bình sắp quay trở lại rồi, họ trấn an.

Robert là người thổ lộ tâm tình trước. Anh kể với Sam về gia đình mình, về cách thức anh nhập ngũ chống lại mong muốn của họ. Về cuộc ra đi thậm chí không một lời từ biệt của anh.

Một hôm, Robert thử bắt chuyện với Hanna, cô đang ngồi đọc sách trên ghế, và không đáp lại anh. Sam kín đáo ra hiệu rủ anh ra ngoài hút thuốc. Robert đi theo ông. Hai người ngồi xuống một gốc cây, nơi gặp gỡ quen thuộc của họ, và đến lượt Sam kể chuyện của mình.

- Hanna không có gì chống đối cậu đâu, con bé chỉ đang cố thủ trong im lặng thôi. Tôi phải giải thích cho cậu biết vì sao, không phải vì tôi có nghĩa vụ phải làm thế với cậu, mà vì tôi cần kể chuyện này với ai đó, nếu không tôi sẽ phát điên mất. Ba con tôi đang dùng giấy tờ giả. Tôi đã phải trả cả một gia tài để có được

chúng. Trong làng, không ai biết chúng tôi là người Do Thái. Họ tưởng chúng tôi chỉ là người Lyon rời thành phố về đây. Chúng tôi sống kín đáo, không biểu lộ gì nhiều trước hàng xóm láng giềng. Tôi vẫn luôn nói với Hanna, cách tốt nhất để không bị ai chú ý chính là xuất hiện trước mắt mọi người. Đó là trước khi một nhóm quân Kháng chiến đánh chiếm một bưu cục, trong khi một nhóm khác tháo bu lông đường ray. Một đoàn tàu của địch được hai chiếc mô tô ba bánh hộ tống đi qua con đường không xa địa điểm bị phá hoại. Quân du kích mai phục trên các ta luy đã ném lựu đạn xuống và giết hết bọn lính. Hai hành động không có sự phối hợp từ trước, nhưng lại xảy ra vào cùng một ngày và chỉ huy quân Đức đã lập tức quyết định giáng những đòn trả đũa đẫm máu. Vụ việc xảy ra ngay ngày hôm sau. Một đoàn quân SS, với sự tham gia của đám lính bảo an, đã tiến vào làng. Chúng bắt bớ những người qua đường, thẳng tay đánh đập một số người và bắn chết những người khác trong sân trường. Vợ tôi khi ấy đang trên đường đi lấy trứng ở trang trại gần đó. Chúng đã treo cổ bà ấy cùng với mười người khác lên một cây cột điện tín. Hanna và tôi trốn trong nhà. Khi bọn Đức đi rồi, quân bảo an cho phép chúng tôi đi nhặt xác. Lũ rác rưởi ấy thậm chí còn ra tay giúp chúng tôi gỡ những xác người khỏi cái giá treo cổ đó. Chúng tôi đã chôn cất mẹ của Hanna. Quân du kích lo sợ sẽ có thêm những trận trả đũa khác. Đêm ấy, họ đến đón chúng tôi và từ đó, chúng tôi trốn ở đây.

Cả người Sam run lên.

- Hãy kể cho tôi nghe về Baltimore, – ông vừa nói tiếp vừa châm một điếu thuốc, – tôi không biết gì về thành phố đó. Trong những năm 1930, chúng tôi thường xuyên đến New York. Hanna

mê mẩn tòa Empire State Building, chúng tôi được mời dự lễ khánh thành tòa nhà đó năm con bé ba tuổi.

- Thật không thể tin nổi! – Robert thốt lên. – Cháu đã đi cùng ba mẹ vào ngày diễn ra lễ khánh thành đó, hồi ấy cháu vừa tròn mười tuổi, có lẽ chúng ta đã gặp nhau cũng nên. Điều gì đưa bác đến New York? Bác làm việc trong ngành bất động sản chẳng?

- Không, tôi là người kinh doanh nghệ thuật, hay đúng hơn là đã từng thế. Và trong danh sách khách hàng của tôi có những nhà sưu tầm lớn người Mỹ, phần đông là người New York, – Sam đáp lại đầy tự hào. – Khủng hoảng kinh tế năm 1929 đã ảnh hưởng đến việc làm ăn của tôi, nhưng may mắn là tôi được cung cấp hàng cho Phòng trưng bày Findlay, cũng như cho gia đình nhà Wildenstein và cả gia đình nhà Perls nữa. Trong chuyến đi cuối cùng, vào mùa hè năm 1937, tôi đã bán một bức Monet cho ông Rothschild. Nhà Wildenstein làm trung gian môi giới và tôi đã mua được của họ một bức Hopper, với cái giá rất cao. Tôi mê mẩn bức tranh ngay khi vừa nhìn thấy nó. Bức tranh vẽ một cô gái trẻ ngồi trên một chiếc ghế và nhìn ra cửa sổ. Cô ấy trông giống Hanna vô cùng. Khi mua được bức tranh, tôi đã tự thề với mình là sẽ không bao giờ bán nó. Đến thời điểm thích hợp, tôi sẽ tặng nó cho con gái tôi, rồi một ngày nào đó con bé sẽ giao lại cho con cái nó. Bức tranh sẽ luôn ở trong gia đình tôi. Bức Hopper đó là sự bất tử của tôi. Tôi mới hạnh phúc làm sao khi đưa nó về lại nước Pháp. Thật ngu ngốc, nếu hình dung ra được tương lai đang chờ đợi mình, có lẽ cả gia đình tôi đã ở lại New York.

- Vậy, bác từng là một thương gia giàu có.

- Đã từng, quả đúng là vậy.

- Những bức tranh đó giờ ra sao rồi? Bác có còn giữ chúng khi chiến tranh nổ ra không?

- Chúng ta sẽ tiếp tục nói về chủ đề này vào một ngày khác, Hanna không thích ở một mình quá lâu.

* * *

Nhiều tuần trôi qua. Cuối cùng Robert cũng giành được một vị trí trong đội. Đã có lúc anh được cưỡi lên một chiếc xe đạp và đi dọc vùng quê để truyền tải một thông điệp. Một đêm, khi một người du kích vắng mặt, anh đã cầm lái một chiếc cam nhông và đảm nhiệm việc vận chuyển hai thùng lựu đạn. Một đêm khác, anh gia nhập một nhóm có nhiệm vụ chiếu sáng một khoảnh đất được dùng làm bãi đáp tạm thời. Hai chiếc máy bay đổ xuống một người Anh và một người Mỹ. Bắt tay một người đồng bào khiến nỗi nhớ quê hương trào lên, nỗi nhớ lại càng thêm da diết khi hai người chỉ kịp nói với nhau vài câu. Người đồng bào của anh nhanh chóng được những người mà Robert chưa bao giờ gặp dẫn đi, và anh không hề biết gì về nhiệm vụ mà người này được giao phó.

Nhưng ngoài những khi hành động, anh dành phần lớn thời gian để đi đi lại lại xung quanh chòi săn. Mỗi tối, anh ngồi xuống gốc cây quen thuộc và Sam đến ngồi cùng anh. Nhà kinh doanh nghệ thuật mời anh một điếu thuốc và hỏi han anh về những cuộc tác chiến anh đã tham gia. Sam cảm thấy ông mắc nợ chàng trai trẻ người Mỹ này, người đang ở rất xa quê nhà để dần thân vào một trận chiến hoàn toàn xa lạ đối với anh.

Họ đã được tình bạn gắn kết. Robert tìm thấy ở Sam sự lắng nghe mà ba anh chưa bao giờ dành cho anh.

- Có người nào chờ đợi cậu ở Baltimore không? – Một hôm Sam hỏi anh.

Robert hiểu ra ẩn ý của ông.

- Thôi nào, hẳn là phụ nữ phải rất thích cậu!

- Cháu không phải là típ đàn ông dành cho phụ nữ, bác Sam ạ. Cháu chưa bao giờ là kẻ có sức quyến rũ, và cũng không quen biết nhiều phụ nữ đến thế.

- Ta hãy nói về cô nàng hiện tại, cậu có ảnh cô ấy không?

Robert rút chiếc ví trong túi áo ra. Một tấm thẻ căn cước rơi xuống chân anh. Sam nhặt lên.

- Robert Marchand, chỉ căn thẻ này thôi đã đủ nguy hại rồi! Lại còn giọng nói của cậu nữa, tôi khuyên cậu đừng bao giờ trình những giấy tờ này ra khi bị kiểm tra, thay vào đó, hãy khiến bọn chúng tưởng rằng cậu là người câm điếc.

- Khủng khiếp đến thế sao?

- Còn tệ hơn nữa kia. Cậu cho tôi xem bức ảnh đó chứ?

Robert lấy lại thẻ căn cước của mình rồi chìa ra một bức ảnh.

- Xinh quá, cô nàng tên gì vậy?

- Cháu không hề biết. Cháu nhặt được bức ảnh trong một hành lang trên tàu khi vượt biển, vậy là liền nhét nó vào ví. Cháu không biết tại sao mình lại làm thế. Cháu thích tưởng tượng là có một cô gái đang đợi chờ cháu ở quê nhà. Thật quá khuôn sáo, đúng không ạ?

Sam ngẩng nhìn khuôn mặt tươi cười trong bức ảnh.

- Cậu sẽ nói sao về Lucy Tolliver, hai mươi hai tuổi, y tá tình nguyện trong quân đội, ba là thợ điện, mẹ làm nội trợ, con gái duy nhất.

- Cháu nghĩ là về mặt khuôn sáo thì bác vượt cháu rồi.

- Đừng gán mình với khuôn mặt này, làm thế không phải là vô hại đâu. Không có trò lừa gạt nào, lại càng không có lời dối trá nào đánh lừa ta trầm trọng hơn chính những trò lừa gạt mà ta tự làm với bản thân mình. Khi còn là học sinh, để trả thù ba mẹ tôi, những người mà tôi vẫn oán trách vì quá nghiêm khắc, tôi đã bịa ra cho mình một người bạn thân. Tất nhiên, trong gia đình mình, cậu ấy được phép làm mọi chuyện. Cậu ấy được quyền nói chuyện ở bàn ăn, cậu ấy có thể đọc sách trên giường rất muộn, và thậm chí còn được tự do làm bài tập bất cứ lúc nào cậu ấy muốn. Tôi đã cho cậu ấy là người theo Công giáo, để khiến mẹ tôi nổi khùng thêm chút nữa, và đương nhiên, cậu ấy không cần phải chịu đựng những ràng buộc chặt chẽ của lễ shabbat. Tóm lại, tất cả những gì tôi bị cấm, Max đều có quyền làm. Và vì được tự do như thế, nên cậu ấy xuất sắc trong mọi lĩnh vực. Tôi không tìm ra nguyên nhân nào có thể lý giải cho các thất bại của mình, ngoài sự độc đoán của gia đình. Mẹ tôi không bị đánh lừa lâu, nhưng bà vẫn để tôi giam mình trong câu chuyện dối trá của riêng tôi. Và trong suốt một năm học, người bạn tưởng tượng đó đã có một cuộc sống thật sự. Mẹ tôi thường xuyên hỏi thăm tin tức cậu ấy. Một hôm, khi tôi bảo cậu ấy bị viêm họng cấp, bà đã bỏ kẹo mật ong vào cặp sách của tôi. Thậm chí bà còn tặng gấp đôi khẩu phần quà chiều để tôi có thể ăn cùng Max. Một ngày khác, tôi không nhớ mình đã than thở về chuyện gì, nhưng tôi đã một lần nữa giải thích rằng ở nhà Max, mọi chuyện đều tuyệt vời đến thế

nào, và mẹ tôi đã buộc tôi phải mời cậu ấy đến ăn trưa. Bà nghe kể về cậu ấy đã lâu, nên đương nhiên bà muốn gặp người bạn tốt nhất của con trai mình, cậu bé Max rất đỗi tuyệt vời ấy.

- Bác đã làm gì?

- Max bị ngã dưới bánh một đoàn tàu điện.

- Ít ra đó cũng là một cách giải quyết triệt để, – Robert huýt sáo.

- Tôi đồng ý với cậu, nhưng tôi không biết bịa ra chuyện gì khác để có thể kéo mình khỏi sai lầm đó. Và điều nực cười nhất trong toàn bộ câu chuyện ấy, đó là ngày hôm đó tôi thật sự đã mất một người bạn và tôi đã để tang cậu ấy trong nhiều tháng. Và suốt những tháng đó, tôi cảm thấy trống rỗng kinh khủng. Tới bây giờ tôi vẫn còn nghĩ đến cậu ấy. Ta không bao giờ được giải thoát hoàn toàn khỏi một lời nói dối, khi cuối cùng chính bản thân ta cũng tin vào nó. Nhưng giờ đã muộn rồi, ngày mai chúng ta sẽ tiếp tục câu chuyện.

- Bác Sam này, ngày mai cháu sẽ không ở đây, cháu đi làm nhiệm vụ, và lần này, rốt cuộc cháu cũng thấy nhiệm vụ có vẻ nghiêm túc.

- Nhiệm vụ gì vậy?

- Cháu không được phép nói ra, nhưng nếu cháu không trở về, cháu muốn nhờ bác một việc.

- Không, cậu sẽ chẳng nhờ tôi việc gì hết, và cậu sẽ nguyên lành trở về.

- Bác làm ơn đi, bác Sam, nếu có chuyện gì xảy ra với cháu, cháu tha thiết mong được chôn cất ở quê nhà.

- Thế tôi biết làm thế nào để thực hiện một chuyện như vậy? – Ông thương gia nghệ thuật gay gắt hỏi.

- Khi hòa bình lập lại, cháu tin chắc là bác sẽ tìm ra cách.

- Thế nếu tôi không bao giờ được thấy cái hòa bình ấy thì sao?

- Thì bác sẽ được giải phóng khỏi lời hứa.

- Tôi chẳng hứa gì hết.

- Có đấy, cháu nhìn thấy rõ điều đó trong mắt bác.

- Chờ một phút đã, cậu tưởng tôi sẽ không nhận được gì đổi lại hay sao? Cậu còn chưa bao giờ giao dịch gì với Sam Goldstein, chàng trai ạ! Chúng ta hãy thống nhất thế này, nếu tôi gặp chuyện không may, cậu sẽ đưa Hanna đi cùng cậu về Baltimore. Và đừng có nói với tôi rằng tôi ghê gớm trong chuyện làm ăn, bởi vì điều khoản này đối với cậu là rất hời. Lên tàu cùng với con gái tôi sẽ thú vị hơn rất nhiều so với lên tàu cùng quan tài của cậu!

Hai người đàn ông bắt tay nhau thật chặt.

Robert trở về nguyên vẹn sau chuyến đi làm nhiệm vụ. Tháng Năm năm 1944 trôi qua, chẳng có chiếc Lysander nào đến đón anh.

Trong những ngày đầu tháng Sáu, các hoạt động được tăng cường. Tự buông thả chính mình, Robert càng dần sâu thêm vào cuộc chiến, sát vai cùng quân Kháng chiến.

Có thông báo về một đợt đổ bộ, quân du kích bắt đầu lộ diện. Từ khắp nơi, xuất hiện những người đàn ông trang bị vũ khí, sẵn sàng chiến đấu với quân thù. Nhưng miền Nam nằm xa vùng bờ

biển Normandy, và bước tiến của quân Đồng minh còn lâu mới mang lại nền hòa bình mà Sam xiết bao hy vọng. Quân Đức đang trong cơn quần quai, việc đàn áp càng trở nên tồi tệ hơn. Những tên bảo an cuồng nhiệt nhất vẫn tin tưởng rằng trật tự của chúng sẽ được lập lại, nên càng nỗ lực gấp đôi để truy lùng quân kháng chiến.

Một đêm, một trong những đội tuần tra của chúng sém chút nữa là phát hiện ra chiếc chòi săn. Sam và Hanna trốn dưới hầm, trong khi quân du kích phục kích ở các cửa sổ, súng lăm lăm trong tay.

Sam nài nỉ Robert giúp ông một tay, và kéo anh xuống hầm. Nằm xếp chồng lên nhau, sát một bên tường, chừa hai chục chiếc hòm gỗ che lấp lối vào đường ngầm nơi cất giấu vũ khí và đạn dược. Robert giúp Sam dịch những chiếc hòm ra. Khi đã đủ lối đi, ông thương gia nghệ thuật cầm lấy tay con gái và ra lệnh cho cô chui vào trong. Đường hầm sâu chừa hai chục mét, đủ để Hanna có thể ẩn náu ở đó.

- Con không vào nếu không có ba, con sẽ không trốn trong cái hang đó nếu không có ba, – cô nài nỉ.

- Làm như ba bảo đi, Hanna, và đừng có tranh cãi nữa, con biết con phải chịu trách nhiệm về thứ gì mà.

Sam hôn con gái rồi ra sức xếp những chiếc hòm vào chỗ cũ. Đây là lần đầu tiên Robert nghe thấy giọng nói của Hanna, và anh rất ngạc nhiên.

- Thế nào, cậu cứ đứng như trời trồng ở đó, hay lại đây giúp tôi?

- Bác hãy vào trong đường hầm cùng con gái bác đi, cháu sẽ che lối đi lại.

- Không có chuyện đó đâu, không phải lần này, tôi sống như một con vật sợ hãi đã quá lâu rồi. Nếu những người đã cứu mạng tôi phải chiến đấu, tôi sẽ chiến đấu cùng họ.

Ngay khi xếp xong những chiếc hòm vào chỗ cũ, Sam và Robert quay trở lên tầng trệt. Mỗi người đứng bên một cửa sổ, với một khẩu Sten trên tay.

- Bác có biết dùng súng đó thế nào không? – Robert hỏi Sam.

- Tôi không hoàn toàn ngu ngốc đâu, tôi cho là phải bóp cò.

- Nếu cầm vào hộp tiếp đạn, bác sẽ làm lệch nòng súng và sẽ bắn lên trần nhà đấy, – một người thuộc lực lượng quân Kháng chiến đứng ở cửa sổ bên cạnh đáp lại. – Hãy cầm súng cho thật chắc, chỉ cần bóp cò nhẹ cũng đủ xả ra cả loạt đạn.

Đám lính bảo an đang mai phục. Họ có thể nghe thấy chúng đang tiến lên trong rừng. Quân du kích nín thở, quyết tâm khai hỏa, nhưng quân thù đã quay ngược lại trước khi đến đầu con đường mòn.

Báo động qua đi, Sam và Robert quay xuống giải thoát Hanna khỏi nơi ẩn nấp. Vừa ra khỏi đường hầm, cô về ngay phòng mình. Sam đề nghị anh bạn người Mỹ ở lại trong hầm cùng ông.

Ông đưa anh vào vùng tranh tối tranh sáng trong đường hầm, lấy từ túi ra một chiếc bật lửa và bật lên.

- Chính trong lúc nhìn thấy quân du kích đào hầm mà tôi nảy ra ý tưởng này, – Sam thì thầm, – ở cuối đường hầm họ cất giấu

những hòm vũ khí, nhưng ở đây, đằng sau phiến gỗ này, ông vừa nói vừa lướt tay trên một trong những thanh xà đỡ mái hầm, là nơi cất giấu của riêng tôi.

Ông đẩy phiến gỗ, chỉ vừa đủ để hé lộ một cái lỗ ăn sâu vào vách hầm. Ở bên trong, một cái ống kim loại sáng lên dưới ánh lửa tỏa ra từ chiếc bật lửa.

- Tôi đã cất giấu chúng, sau khi cuộn chúng vào bên trong cái ống này. Cho dù có chuyện gì xảy ra với chúng tôi, cũng không có chuyện để lũ phát xít lấy được thứ này.

Tò mò, Robert quan sát Sam đặt phiến gỗ về lại chỗ cũ.

- Manet, Cézanne, Delacroix, Fragonard, Renoir, Ingres, Degas, Corot, Rembrandt và nhất là bức Hopper^[19], mười bức tranh đẹp nhất trong bộ sưu tập của tôi, thành quả của cả một đời lao động, những kiệt tác vô giá cho phép đảm bảo tương lai của Hanna, tôi hy vọng thế.

- Quân du kích có biết việc này không?

- Không, nhưng từ giờ trở đi, cậu đã biết rồi. Đừng quên hiệp ước nhỏ nhỏ giữa hai chúng ta đấy.

19

Eleanor-Rigby

Tháng Mười năm 2016, trên đường đến Baltimore

Máy bay lướt qua Scotland. Qua cửa kính máy bay, tôi nhìn ngắm bờ biển bị đại dương gặm nhấm, rồi nó biến mất dưới cánh máy bay. Từ khi cất cánh, tôi vẫn giữ chiếc túi nhỏ bằng da trên đầu gối, hai tay nắm chặt lấy nó như thể đó là một di vật quý giá. Lốp da đã bị sờn, khóa túi đã sút chỉ. Tôi đã xem xét nó kỹ càng đến mức nhận ra một điều hiển nhiên: tôi sợ phải đọc bức thư nằm bên trong túi. Tôi lại nghĩ đến Michel, đến những gì anh đã phải chịu đựng khi gửi kèm cho tôi một lời nhắn, khi bỏ chiếc túi nhỏ này vào túi áo khoác của tôi mà không nói gì với tôi. Và ý nghĩ rằng anh có thể vi phạm bản tính ngay thẳng không chê vào đâu được của mình khiến tôi nghĩ rằng anh đã tiến bộ hơn. Thật điên rồ khi nghĩ rằng anh trai mình đang tiệm cận với chuẩn mực thông thường chỉ là bởi vì từ giờ trở đi anh có khả năng làm một chuyện bí mật hoặc một điều lừa dối.

Chiếc phong bì thấm đẫm mùi nước hoa của mẹ tôi, mẹ đã giữ bức thư bên mình bao lâu? Khi nhắm mắt lại, tôi hình dung ra mẹ đang mở thư và khám phá những từ ngữ chứa đựng trong đó, giống như tôi lúc này.

Bạn yêu,

Trước tiên, cậu nên biết rằng đây sẽ là bức thư cuối cùng của tớ. Đừng nghĩ rằng tớ đã hết hứng thú hoặc không còn muốn viết thư cho cậu, cuộc hẹn hằng năm này đối với tớ là một khoảnh khắc được giải thoát khỏi cảnh cô đơn chỉ có thể so sánh với nỗi cô đơn mà cậu từng trải qua.

Phải chăng, hai cuộc đời có thể đã bị phá hủy đến mức này chỉ vì một khoảnh khắc lầm lạc, và cũng rất đổi bi thảm đó? Cậu có tin rằng định mệnh khắc nghiệt ấy sẽ truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác, như một lời nguyền không?

Hắn cậu sẽ tự nhủ là tớ suy nghĩ vớ vẩn và tớ sẽ trả lời cậu rằng cậu thật sáng suốt. Tớ đang mất trí, bạn yêu ạ. Lưỡi dao của máy chém đột ngột giáng xuống vào hôm qua, trong văn phòng của anh chàng bác sĩ xem xét phim chụp não tớ, anh ta đẩy vế thông cảm và luôn tránh né ánh mắt tớ. Gã khốn xuất sắc đó không thể nói cho tớ biết tớ còn nhớ được anh ta là ai trong bao lâu nữa. Điều lố bịch nhất trong toàn bộ chuyện này, là thậm chí tớ sẽ không chết vì căn bệnh, tớ sẽ chỉ lãng quên, và thật sự tớ cũng không biết đó là một điều tồi tệ hay là một sự ban phúc nữa. Tớ vẫn tỏ ra cao ngạo như thường lệ, nhưng tớ sợ hãi vô cùng. Dù có chuyện gì xảy ra với tớ, tớ muốn cậu nhớ về tớ bằng những ký ức về cô nàng mà cậu từng biết, chứ không phải một bà già điên loạn viết cho cậu toàn những chuyện ngu ngốc. Chính vì thế bức thư cậu đang cầm trên tay là bức cuối cùng tớ viết cho cậu.

Nhưng trước khi trí nhớ của tớ xóa mờ, biết bao kỷ niệm dội về trong tớ. Những chuyến đi của chúng ta trên chiếc mô tô của cậu, những ngày và những đêm quay cuồng, tờ báo của chúng ta cũng

như căn xưởng cái dụng nơi tớ đã sống những ngày đẹp nhất của tuổi thanh niên. Cậu là người duy nhất mà tớ yêu quý suốt đời. Có thể nếu chúng ta đồng hành với nhau, cuối cùng tớ sẽ đâm ra ghét cậu, như vẫn thường xảy ra với biết bao cặp đôi không thoát khỏi quy luật của thời gian. Phải thừa nhận rằng công lao đó thuộc về số phận của chúng ta.

Cậu đã chọn cách cắt đứt hoàn toàn với quá khứ, còn tớ vẫn luôn tôn trọng nó. Nhưng cả cậu nữa, một ngày nào đó cậu cũng sẽ ra đi. Và tớ lại nghĩ đến những gì chúng ta đã lấy cắp. Tớ cầu xin cậu, đừng để kho báu quý giá đó chìm vào quên lãng. Dù cậu có phải trả giá thế nào, hãy trả nó về với ánh sáng, hãy giao lại nó cho người có quyền được hưởng, cậu biết rằng ông Sam cũng từng mong muốn như thế.

Đã đến lúc tha thứ cho những người đã chết, tình yêu của tớ à. Nuôi dưỡng hận thù không còn nghĩa gì nữa. Chúng ta trả thù bao nhiêu thì cũng phải trả giá từng ấy thôi.

Ngày mai, tớ sẽ đến một nhà dưỡng lão, và sẽ không ra khỏi đó nữa. Tớ vẫn có thể tận dụng nốt chút tự do còn lại, nhưng tớ không muốn phá hỏng cuộc đời con trai tớ. Và để thằng bé không cảm thấy tội lỗi, tớ sẽ giả vờ điên rồ hơn tình trạng thực của tớ lúc này. Chỉ là một hy sinh nhỏ nhoi so với những hy sinh mà tớ đã buộc nó phải gánh chịu.

Thỉnh thoảng hãy nghĩ đến tớ, không phải bà già ký tên dưới bức thư này, mà là cô gái trẻ từng cùng cậu nuôi dưỡng những giấc mơ chung. Bởi vì chúng ta đã ước mơ, và đã chạm tay vào điều bất khả.

Kẻ đồng lõa độc lập và trung thành nhất của cậu.

May

Tôi đọc lại bức thư. Những mảnh đầu tiên của một bức tranh ghép hình lạ lùng hiện ra trước mắt tôi. Đúng là mẹ đã tham gia lập nên một tờ tuần báo, nhưng không phải ở nước Anh.

Người phụ nữ viết thư cho bà và gọi bà là “tình yêu của tớ” đó là ai? Tại sao mẹ chưa từng nhắc đến sự tồn tại của người đó? Bà ấy phải đau khổ chịu đựng nỗi cô đơn nào, và mẹ có thể đã làm hỏng cuộc đời của chính mình như thế nào? Kho báu mà người đó nhắc đến là gì, ông Sam là ai, những nỗi đau bà ấy nói đến là thế nào, cả thảm kịch và sự trả thù mà bà ấy nhắc đến nữa? Phải tha thứ cho những người đã chết nào, và nhất là, tha thứ chuyện gì?

Dù người phụ nữ xa lạ đó hiện đang ở đâu, tôi cũng tự hứa với mình là sẽ tìm ra bà ấy, với niềm hy vọng ích kỷ là căn bệnh của bà ấy từ đó đến giờ chưa phát triển quá mức... Tôi run rẩy lật mặt sau phong bì và tự thề với mình là trong tương lai sẽ luôn chú ý đến con tem. Nó giống hệt với con tem trên bức thư nặc danh gửi cho tôi. Trong một lát, tôi đã hy vọng rằng trong cơn điên dại chính bà ấy là người viết bức thư đó cho tôi mà không xưng tên, nhưng nét chữ trong bức thư này lại hoàn toàn khác.

Bức thư được gửi qua bưu điện từ ba năm trước. Nếu từ đó đến nay trí nhớ của bà ấy đã bay biến, thì trí nhớ của con trai bà ấy hẳn vẫn còn nguyên vẹn, vả lại bà ấy đã buộc con mình phải hy sinh điều gì nhỉ? Phải chăng cũng như tôi, anh ta không được biết gì về quá khứ của mẹ mình? Liệu anh ta trông thế nào nhỉ? Anh ta bao nhiêu tuổi rồi?

Tôi nhìn đồng hồ, sốt ruột mong máy bay hạ cánh xuống Baltimore, nhưng vẫn còn tận sáu giờ bay nữa.

* * *

Viên sĩ quan ở quầy nhập cảnh hỏi tôi lý do đến Mỹ. Tôi trình tấm thẻ phóng viên và giải thích rằng tôi đến đây với ý định vinh danh thành phố của anh ta trên tạp chí danh giá nơi tôi đang làm việc. Là người quê gốc ở Charleston, viên sĩ quan làm việc ở đây hai năm nay không thấy có gì gây ấn tượng ở Baltimore cả. Tuy nhiên, anh ta vẫn đóng dấu vào hộ chiếu của tôi và chúc tôi may mắn.

Một giờ sau, tôi đặt va li xuống một khách sạn nhỏ rẻ tiền cách Sailor's Café hai con phố. Lúc này ở Croydon đã quá muộn nên không thể gọi điện thoại cho anh trai tôi, tuy nhiên tôi cần có những bức thư khác mà anh đã nói với tôi càng sớm càng tốt, có thể tôi sẽ tìm thấy trong đó vài lời giải đáp cho vô vàn câu hỏi đã khiến tôi không thể chợp mắt suốt chuyến bay. Trong lúc chờ đợi, tôi quyết định sẽ đi dạo trên bến cảng.

Khi đi ngang qua Sailor's Café, tôi quan sát nhà hàng, dán mắt vào cửa kính. Phải đến mai mới tới cuộc hẹn, nhưng tôi đang có tâm trạng chẳng khác nào một nữ gián điệp đến xem xét địa bàn trước khi bắt tay vào hành động.

Nơi này có vẻ hơi lỗi thời. Bàn và sàn nhà bằng gỗ, những bức ảnh cũ kỹ đóng khung treo trên một vạt tường, một cái bảng to treo phía trên quầy ngăn cách phòng ăn với bếp, trên đó ta có thể đọc được thực đơn: hàu và tôm cua nấu với nước sốt theo ngày.

Khách hàng có vẻ hiện đại hơn, đa số là những thị dân trẻ tuổi vui nhộn ngồi quanh những chiếc bàn lớn. Tôi quyết định bước vào, tôi gần như chưa ăn gì từ khi ở Luân Đôn, và dạ dày tôi đang gào réo. Nữ nhân viên phục vụ xếp chỗ cho tôi ngồi sát tường.

Tại tất cả các nước từng đến, tôi nhận thấy rằng các nhà hàng không thích những người ăn tối một mình. Do đó tôi mới phải ngồi sát tường... Tôi ngẩng đầu lên quan sát những bức ảnh, chứng nhân của một thời đại đã qua. Ta thấy ở đó những người trẻ tuổi tôi, đang chạm cốc trong một bữa tiệc tối, tất cả bọn họ đều say sưa và vui sướng với vẻ tự do khiến tôi phải ghen tị. Và chỉ vì ghen tị, tôi quyết định thấy họ thật nực cười trong những bộ trang phục lạc mốt. Những chiếc quần ống loe khiến đám đàn ông có dáng vẻ thật thô kệch, và kiểu tóc của các cô gái cũng chẳng khá hơn. Dù sao đi nữa, vào thời đại của họ, ăn mặc như thế không phải là đúng mực, mỗi người trong số họ đều một tay cầm cốc, tay kia cầm một điếu thuốc và cứ nhìn vào những vẻ mặt hớn hở ấy, tôi ngờ rằng đó không chỉ là thuốc lá. Ánh mắt tôi lướt từ khung ảnh này qua khung ảnh khác và đột nhiên dừng lại ở một bức ảnh. Tôi đứng dậy để ngắm bức ảnh kỹ hơn. Hai cô gái đang ôm hôn nhau. Nếu khuôn mặt một người hoàn toàn xa lạ với tôi, thì khuôn mặt của người còn lại lại vô cùng quen thuộc.

Tim tôi đập đến cả trăm nhịp một giờ, tôi chưa bao giờ nhìn thấy nét mặt của mẹ tôi hồi bà ba mươi tuổi.

20

Sally-Anne

Tháng Chín năm 1980, Baltimore

Bữa tiệc đang hồi náo nhiệt. Sally-Anne đi đi lại lại trong nhà hàng Sailor's Café, tay cầm một chai rượu cỡ đại, nhanh chóng rót đầy các cốc. Từ trong quây, May nháy mắt với cô, đưa tay gửi đến cô một nụ hôn gió rồi đi ngang căn phòng đến cạnh cô.

- Lẽ ra cậu nên hăm lại với rượu sâm banh, bữa tiệc tối nay sẽ tốn của chúng ta cả gia tài đấy, – May khuyên Sally-Anne.

- Ngân hàng đã cho vay tiền, chúng ta có thừa khả năng để vui vẻ tối nay.

Hai người đã làm thủ tục đăng ký kinh doanh cho tờ tuần báo, đã được ông chủ nhà đồng ý cho thuê căn xưởng cải dụng theo tên của tòa báo. Họ đã tuyển dụng được một đội hình đẹp và tập trung mọi người lại để ăn mừng lễ đặt tên cho tờ *The Independent*. Joan, nữ nhân viên ma kết, đã vẽ một mẫu chữ khiến tất cả mọi người đều phấn khởi. Kiểu chữ Caslon in nghiêng sẽ giúp độc giả ở bất cứ nước nào trên thế giới cũng thấy gần gũi với tên của tờ báo. Một tháng nữa sẽ phát hành số báo đầu tiên, May sẽ có thoải mái thời gian để cập nhật thông tin của vụ điều tra mà ông chủ

cũ của cô không thêm xuất bản.

Sally-Anne đang có trong đầu một vụ bê bối khác, câu chuyện về một vụ lừa dối mà một gia đình danh giá dựa vào để khôi phục tài sản của mình sau chiến tranh. Khi đưa cốc rượu lên môi, cô nhấm nháp âm mưu trả thù đã chín muồi từ khi cô mới mười hai tuổi.

Lúc tàn đêm, cả May và Sally-Anne đều đã quá say để có thể về nhà bằng mô tô. Keith đưa hai người họ về căn xưởng cải dụng.

* * *

Ngày hôm sau, toàn thể nhân viên của tòa báo đổ đến căn xưởng ngay từ tám giờ sáng. Cuộc họp đầu tiên của ban biên tập. Người nào người nấy ngồi vào bàn của mình, và trước khi về chỗ làm, Keith ngẫm nghĩ thành quả công việc mà anh đã hoàn thành.

Từng người đề xuất những ý tưởng mà May ghi lại trên một tấm bảng lớn để tất cả mọi người có thể nhìn rõ.

Có một lời đồn đang lan đi trong thành phố. Có thể các công chức đã nhận tiền bồi dưỡng để phân bổ thị phần cho một doanh nghiệp trong lĩnh vực công trình công cộng của tiểu bang bên cạnh. Sally-Anne không muốn một lời đồn. Trước khi công bố thông tin, phải có được các bằng chứng. *The Independent* sẽ không phải là một tờ báo lá cải về các vụ bê bối, mà là một tờ báo có đạo đức nghề nghiệp không thể chê trách.

Một cộng tác viên khác đề xuất viết một bài về tình trạng bất công trong việc phân bổ ngân sách giáo dục. Các cơ sở giáo dục nằm trong các khu dân cư khó khăn nhận thấy rằng ngân sách

cấp cho họ năm nào cũng bị giảm bớt, trong khi ngân sách của những khu Da trắng lại tăng lên tương ứng.

- Đó không phải là một tin đặc biệt, – Sally-Anne buồn thõng.
– Tất cả mọi người đều biết điều đó, và những người có quyền bầu cử lại không quan tâm.

- Đúng thế, nhưng những người phải trả tiền cho ngân sách đó thì có quan tâm, – May đáp lại.

Chiến dịch tranh cử sắp tới của thị trưởng sẽ nhắm vào vấn đề an toàn của công dân, ông ấy hứa sẽ chấm dứt tình trạng bạo lực đang lan tràn khắp thành phố, nhưng lại là người đầu tiên tạo ra những khu biệt cư thật sự.

- Nếu vậy, chúng ta hãy khai thác chủ đề dưới góc độ đó, hãy tố cáo sự không ăn khớp trong chính sách của ông ta và những hậu quả của nó.

Chủ đề này được ghi vào nội dung của số báo đầu tiên. Cuộc họp kết thúc lúc gần giữa trưa và vẫn còn rất nhiều việc phải làm để lấp đầy các trang báo. Sally-Anne ngồi lên xe mô tô và đến ngân hàng. Cuối tuần này, cô sẽ bắt đầu phải trả lương cho nhân viên.

Nhân viên trực ở quầy giao dịch lục tìm trong tủ đựng sổ séc, nhưng không thấy bất kỳ cuốn sổ nào ghi tên *The Independent*. Sally-Anne yêu cầu được gặp giám đốc, nhưng tay nhân viên trả lời cô rằng ông đang có hẹn. Mặc kệ những mệnh lệnh của anh ta, cô lao vào bên trong và xộc thẳng vào văn phòng của ông Clark, không gõ cửa.

Ông chồng của Rhonda đã đánh mất vẻ ân cần; ông ngượng

ngừng thông báo là đã có vấn đề xảy ra.

- Vấn đề kiểu gì vậy? – Sally-Anne hỏi.

- Tôi rất tiếc, thưa cô. Mong cô hiểu cho là tôi đã làm hết sức mình, nhưng hội đồng tín dụng đã từ chối khoản vay của cô.

- Chúng ta đang nói đến khoản tiền mà ông hứa cho tôi vay cơ mà!

- Tôi không phải là người duy nhất có quyền quyết định. Ngân hàng chúng tôi có hội đồng quản trị và...

- Hãy nhìn thẳng vào mặt tôi và nói với tôi rằng gia đình tôi không có tài khoản nào ở ngân hàng của ông đi, bởi vì tôi thề với ông rằng nếu đúng là như thế, ông sẽ mất những khách hàng tầm cỡ đấy.

Ông Clark ra hiệu cho Sally-Anne đóng cửa lại rồi mời cô ngồi xuống chiếc ghế đối diện với ông.

- Tôi trông cậy vào sự kín đáo của cô, bởi vì tôi đang mang chính chức vụ của mình ra mạo hiểm. Và nếu vợ tôi không dồn nhiều tâm sức đến thế cho dự án của cô, hẳn tôi sẽ chọn cách ngậm miệng. Nhưng dù thế nào, vợ tôi cũng sẽ biết rằng cô đã không nhận được khoản vay, và nếu tôi muốn được về ăn tối ở nhà mình thì sẽ phải giải thích lý do với cô ấy. Cô ấy sẽ nói lại với cô, thế nên chẳng thà tôi tự nói luôn cho xong. Các thành viên trong hội đồng tín dụng sẽ không vì bất cứ điều gì mà làm phật ý mẹ cô đâu.

Sally-Anne ngồi thẳng người lên trên ghế, mở tròn mắt.

- Không phải ông đang muốn nói bà ấy đã can thiệp để tôi

không được vay khoản vốn mà tôi cần để bắt đầu tờ báo đấy chứ? Ai đã cho bà ấy biết chuyện?

- Không phải là tôi, tôi đảm bảo với cô như thế, nhưng rất có thể chính là thành viên quản trị đã gây áp lực trong suốt cuộc họp của hội đồng tín dụng để hồ sơ của cô bị từ chối.

- Thế còn bí mật ngân hàng thì sao? Hóa ra trong cái ngân hàng bản thủ này không hề có chút đạo đức nào!

- Đừng có cao giọng thế, tôi xin cô! Tôi thật sự rất tiếc. Nói cho cùng, thưa cô, cô hiểu rõ mẹ cô hơn tôi. Cả cô lẫn tôi đều không đủ tầm để đấu lại bà ấy.

- Ông thì có thể không, nhưng tôi, tôi thể với ông là tôi chưa chịu thua đâu.

Sally-Anne đứng dậy và ra khỏi văn phòng mà không chào ông Clark.

Khi ra ngoài phố, cô lao đến bên chiếc mô tô. Cô cảm thấy buồn nôn, đành chờ cho những cơn co thắt dịu lại, rồi ngồi lên yên xe phóng đi.

Mười lăm phút sau, cô dựng xe trong bãi đỗ của câu lạc bộ chơi gôn, quả quyết rảo bước dọc hành lang và bước vào phòng ăn.

Hanna Stanfield đang ăn trưa cùng hai bà bạn. Sally-Anne bước đến bên bàn ăn và nhìn mẹ bằng ánh mắt nảy lửa.

- Mẹ có thể bảo hai con mượn phòng này ra chỗ khác mà quàng quạc, chúng ta cần nói chuyện và con không thể chờ được.

Hanna Stanfield thở dài, vẻ sầu não.

- Mong hai chị tha lỗi cho con gái tôi. Con bé vẫn chưa ra khỏi

cơn khủng hoảng của tuổi vị thành niên và thô lỗ là một trong các vũ khí nổi loạn của nó.

Hai người phụ nữ kia đứng dậy và chào tạm biệt Hanna, vẻ uể oải và đồng cảm. Tốt nhất là nên có thái độ hài hước trước vụ bê bối này.

Người phụ trách lễ tân vừa chạy theo Sally-Anne liền dẫn họ sang bàn bên cạnh, ái ngại trước tình huống đã khiến mọi ánh mắt đều đổ dồn về phía họ.

- Thôi nào, con ngồi xuống đi, – Hanna ra lệnh. – Nhưng mẹ yêu cầu con đổi giọng, nếu không mẹ sẽ đi khỏi đây.

- Sao mẹ lại có thể làm như thế với con được chứ! Tổng con đi đây còn chưa đủ với mẹ sao?

- Chưa gì đã đao to búa lớn rồi! Chúng ta gửi con đi học, thế rồi con đã làm gì trong thời gian ấy? Bây giờ khi con nhắc lại chuyện đó, mẹ nhớ hình như khi con trở về chúng ta đã thống nhất với nhau, để cả người này lẫn người kia đều sống yên bình mà không gây sóng gió cho nhau. Đó là điều kiện để ba con và mẹ giúp đỡ con. Nếu con vi phạm, đừng than thở khi phải gánh chịu hậu quả.

- Hai người đã giúp đỡ con bằng cách nào? Bằng cách khôn khéo bắt con phải sống xa gia đình sao?

- Thế con tưởng con được nhận vào làm ở *The Sun* là nhờ có đôi mắt đẹp sao? Con từ Luân Đôn về thậm chí còn chẳng có lấy một mảnh bằng trong túi. Quý cô đây đã dành ra tám năm để đốt cháy tuổi trẻ vào những trò vui vẻ nhờ tiền của ba mẹ. Và từ đó đến giờ con đã làm được gì, ngoại trừ lê la hết tiệc tối nọ sang tiệc tối kia hoặc la cà khắp thành phố trên chiếc mô tô đẹp đẽ, trong

bộ cánh kệch cỡm kia? Còn chưa nói đến những lời bàn ra tán vào mà mẹ nghe được về những mối quan hệ của con đấy. Giá như ít ra con cũng chứng tỏ mình là người có chút kín đáo. Em trai con đã kể với mẹ rằng con đã táo tợn đưa cô ta đến tận đây, đến câu lạc bộ này!

- Cô ấy tên là May, nếu mẹ muốn nói đến người bị nó quyến rũ gần đây nhất!

- Em con quyến rũ hay con quyến rũ? Và liên quan đến cô bạn của con, nên biết rằng mẹ rất mừng khi thấy em trai con quyến rũ cô ta! Hãy thừa nhận là nếu mẹ có yêu cầu con chấm dứt mối quan hệ không đúng đắn đó, con cũng sẽ chẳng làm gì hết, như thường lệ.

- Con không tin mẹ, đừng có nói với con rằng Édouard đang làm nhiệm vụ mẹ giao, nó không thể...

- Có trách nhiệm đến mức ấy, trái ngược hoàn toàn với chị gái mình chẳng? Danh tiếng của gia đình chúng ta cứ mãi bị những chuyện xúc phạm của con bôi nhọ sao? Thế đấy, bây giờ con còn muốn lôi chúng ta dính vào một tờ báo lá cải chuyên viết về những vụ bê bối nữa cơ đấy... Con điên rồi!

- Còn mẹ thì tưởng tất cả mọi người đều là những con rối, để mẹ tha hồ giật dây theo ý mình.

- Mọi người làm những gì họ muốn làm.

- Liệu rằng trong mẹ có còn chút gì của cô gái thời mẹ ở tuổi con không, hay tất cả chỉ còn là cay đắng và hận thù?

- Vào tuổi con, mẹ là một người sống sót, mẹ đã gây dựng lại vinh quang và tài sản cho cha mình. Còn con, con đã làm gì cho

ba con? Con đã làm được gì, để tự cho mình quyền phán xét mẹ? Con đã làm được gì tốt đẹp, dù chỉ một lần, cho những người xung quanh chưa? Con chỉ toàn gieo rắc phiền muộn và đau khổ thôi.

- Mẹ nhầm rồi, con yêu và được yêu vì chính con người mình, chứ không vì những gì con phô ra một cách vờ vịt.

- Con yêu ai? Một người chồng? Những đứa con mà con đã nuôi dạy? Một gia đình mà con đã vun đắp? Thử hỏi có người nào, có thứ gì con yêu mà không xoay quanh chính bản thân con? Rõ ràng là con chẳng có chút đạo đức nào hết.

- Con xin mẹ, đừng có nói chuyện đạo đức với con trong khi toàn bộ cuộc đời mẹ dựa trên một lời nói dối. Làm sao mẹ dám nhắc đến ông ngoại con? Con là người duy nhất mang dòng máu của ông mà không phản bội lại ký ức về ông.

Hanna phá lên cười.

- Con đi quá xa sự thật rồi đấy. Con không giống chúng ta, Sally-Anne ạ, con chưa bao giờ muốn và cũng chưa bao giờ giống chúng ta cả. Mẹ không phải kẻ thù của con, ít ra cũng là như thế chừng nào con không phải kẻ thù của mẹ. Nhưng đừng hy vọng rằng mẹ sẽ để mặc con phá hủy những gì mẹ đã bỏ cả đời để gây dựng.

Hanna mở túi xách, lấy ra một cây bút và tập ngân phiếu.

- Bởi vì thứ con muốn là tiền, nên không cần phải vay ngân hàng nào cả, – bà vừa nói vừa điền thông tin vào tờ ngân phiếu.

Bà xé tờ ngân phiếu khỏi cuống rồi đưa cho con gái.

- Đừng có mạo hiểm mà tiêu phí số tiền này cho cái tờ báo bỉ ổi đó, sẽ chỉ vô ích thôi, nó sẽ không bao giờ xuất hiện được đâu. Mẹ biết con đang nghĩ gì trong đầu, nhưng đừng có ích kỷ như thế, dù chỉ một lần này thôi. Nếu cứ khăng khăng làm theo ý mình, những người bị con gây hại không phải các chức sắc trong thành phố, mà là các khách hàng của gia đình ta. Con muốn 25.000 đô la, vậy đây là một nửa số đó, thế là quá đủ rồi. Bây giờ, con hãy để gia đình ta được yên. Có lẽ con nên rời đất nước này, đó sẽ là một ý tưởng tuyệt vời. Hãy đi thăm thú thế giới, một chuyến đi dài sẽ giúp con mở mắt ra, và sẽ vô cùng có ích với con. Thậm chí con cũng có thể quay lại Luân Đôn nếu muốn, nhưng đừng quấy rầy việc làm ăn của gia đình. Ba con và mẹ đang chuẩn bị một thương vụ quan trọng, trong vòng hai tháng nữa, lợi nhuận thu được sẽ dành để tài trợ cho chiến dịch tranh cử của ông ấy. Trong trường hợp con không biết thông tin, bởi vì con rất ít quan tâm đến cuộc sống của chúng ta, thì bạn bè của ba con đang thúc đẩy ông ấy tranh cử chức Thống đốc bang. Mẹ mong con giữ kín thông tin, cho đến khi ba con đưa ra tuyên bố chính thức, và mẹ không muốn con gây rắc rối cho ba mẹ từ giờ đến lúc ấy, mẹ hy vọng đã nói rõ ràng mọi chuyện với con.

Sally-Anne cầm lấy tờ ngân phiếu rồi nhét vào túi áo bu đông.

- Và vì tình yêu Chúa, con hãy bắt đầu bằng việc mua cho mình những bộ trang phục tử tế.

Sally-Anne xô ghế ra rồi đứng dậy.

- Ông ngoại con sẽ nghĩ gì nếu nhìn thấy mẹ ngày hôm nay? Con hỏi lại mẹ câu này, trong mẹ bây giờ có còn lại chút gì của cô gái vốn là mẹ khi bằng tuổi con không. Hãy nói với con rằng một

ngày nào đó cô ấy sẽ thức tỉnh, rằng chúng ta không thể sống suốt đời trong dối trá được.

21

George-Harrison

Tháng Mười năm 2016, Baltimore

Tôi đã lái xe cả đêm dưới màn mưa xối xả và mệt nhoài khi đến Baltimore. Tôi đặt phòng tại một khách sạn gần bến cảng. Từ cửa sổ phòng mình, tôi ngắm nhìn con phố nhỏ bên dưới, lo lắng về những gì cuộc gặp tối nay có thể tiết lộ với tôi. Tôi tranh thủ buổi sáng để ngủ vài tiếng.

Đầu giờ chiều, tôi đi lang thang trong các con phố. Tôi những muốn có ai đó để mang về tặng một món đồ lưu niệm, vẫn có những khi tôi thấy nhớ Mélanie, hôm nay cũng thế, và tôi đã nghĩ đến cô ấy quá nhiều... cho đến khi quay về khách sạn.

Một cô gái trẻ đang lấy chìa khóa phòng ở quầy lễ tân, và giọng nói khàn khàn của cô khiến tôi chú ý. Chất giọng Anh đó không phải là không quyến rũ. Trong lúc chờ đến lượt mình, tôi thả tâm trí vào trò dự đoán nho nhỏ mình vẫn thích mê. Cô gái này là người nước ngoài, điều gì đưa cô ấy đến Baltimore? Thành phố này không phải là một địa điểm du lịch, vào tháng Mười thì lại càng không. Hẳn cô ấy đến đây vì lý do công việc. Phải chăng cô ấy đến dự một hội thảo trong thành phố? Trung tâm hội nghị không xa đây cho lắm, nhưng nếu thế, có lẽ cô ấy sẽ ở một trong

những khách sạn dành cho khách hàng có công chuyện. Cô ấy đến đây thăm người thân chăng?

- Chuông báo bạn là điều bình thường thôi, – nhân viên lễ tân giải thích. – Cô phải bấm số 9 để gọi ra ngoài trước khi bấm số 011 để gọi ra nước ngoài.

Cô ấy đi du lịch một mình và hẳn là đang muốn báo tin cho chồng mình, hay đúng hơn là cho bạn trai, vì cô ấy không đeo nhẫn cưới. Cô ấy hỏi sẽ phải trả khoảng bao nhiêu tiền cho một chuyến taxi đến đại học Johns Hopkins. Đúng rồi! Chắc cô ấy là giảng viên, tôi cá là giảng viên văn học Anh, và lưu lại khách sạn này trong khi chờ được cấp phòng ở công vụ.

Đột nhiên, cô quay sang và chăm chú nhìn tôi.

- Tôi xin lỗi, khoảng hơn một phút nữa thôi tôi sẽ xong việc.

- Cô cứ tự nhiên, tôi không vội gì cả, – tôi trả lời.

- Và chính vì thế nên anh mới quan sát tôi phải không? Phòng khi anh không nhận thấy, có một cái gương đằng sau quầy lễ tân và anh thì không phải là người vô hình.

- Vậy thì đến lượt tôi xin lỗi. Mong cô đừng giận, tôi có một cái tật là thích đoán xem những người khác làm nghề gì.

- Thế tôi làm nghề gì?

- Cô là giảng viên môn văn học Anh và vừa nhận được một công việc tại đại học ở Baltimore.

- Anh sai bét rồi. Tôi là Eleanor-Rigby, phóng viên tạp chí *National Geographic*, – cô vừa thông báo vừa đưa tay ra bắt tay tôi.

- George-Harrison.

- Thú vị thật! Hay ít ra anh cũng là người ứng đối rất tài tình đấy.

- Tôi không hiểu.

- Eleanor-Rigby... George-Harrison... anh vẫn không thấy gì sao?

- Không, đúng ra tôi không thấy có gì thú vị cả.

- Tôi là tên của một trong số các bài hát, còn anh chính là tay chơi guitar của nhóm The Beatles!

- Tôi không biết bài hát đó, tôi chưa bao giờ hâm mộ họ cho lắm, cả mẹ tôi cũng không, bà ấy chỉ mê mẩn The Rolling Stones thôi.

- Anh may mắn thật đấy. Thôi được rồi, tôi rất hân hạnh được gặp một anh chàng George-Harrison, nếu là mẹ tôi thì hẳn bà sẽ ngất xỉu, nhưng tôi có việc bận rồi.

Nói xong những lời đó, cô bỏ đi.

Tôi lấy chìa khóa phòng, trước ánh mắt thích thú của nhân viên lễ tân, người đã không bỏ sót lời nào trong câu chuyện của chúng tôi, rồi leo lên phòng mình với tâm trạng vui vẻ, điều đã không xảy ra với tôi từ một khoảng thời gian trở lại đây.

* * *

Eleanor-Rigby

Cả tôi cũng thế, tôi cũng có thể chơi trò chơi nhỏ của anh ta, tôi có mười lăm phút rảnh rỗi khi ngồi trên chiếc taxi này.

Điều gì đã đưa anh ta đến thành phố này? Trong chiếc quần jean, đôi boots da cũ và chiếc áo chui đầu hơi rộng, trông anh ta không có vẻ gì là doanh nhân cả, và dường như khách sạn chúng tôi ở cũng không thu hút loại khách đó. Có lẽ là một nhạc sĩ. George-Harrison, dù sao thì... lẽ ra anh ta nên đổi tên. Có ai hình dung được không, một họa sĩ đương đại lại có tên là Rembrandt... hoặc cũng có thể là anh ta đã trêu chọc tôi thật. Ít ra thì anh ta cũng không đến nỗi không có khiếu hài hước. Một họa sĩ chẳng? Họa sĩ nào lại đến trưng bày tranh ở Baltimore cơ chứ? Với lại, trên quần áo anh ta chẳng có vết màu vẽ nào. Anh ta cũng không có vẻ bút rứt đủ để là một người làm trong ngành điện ảnh. Mà tại sao tôi lại nhất định muốn anh ta phải là nghệ sĩ nhỉ?

Nếu là nhà báo, hẳn anh ta đã nhảy bổ lên khi tôi tự giới thiệu. Phóng viên, tôi thừa nhận là đã có hơi quá lời. Đúng thế, nhưng tôi muốn tỏ ra áp đảo một chút. Mà vì sao nhỉ? Hoặc giả, anh ta chỉ đến đây để thăm mẹ, bởi vì anh ta đã nhắc đến mẹ mình. Điều đó vẫn không cho tôi biết anh ta làm nghề gì. Mà tôi muốn khám phá ra điều bí mật đó để làm gì nhỉ? Chỉ vì niềm vui thích ranh mãnh khi được khóa mở anh ta nếu tôi gặp lại anh ta lần nữa trong sảnh khách sạn. OK, nhưng tại sao tôi lại muốn khóa mở anh ta? Thế tại sao lại không chứ!

Tôi ghé qua văn phòng hành chính của trường đại học để lấy tài liệu, chụp vài bức ảnh minh họa cho bài báo, và bởi ánh mặt trời vẫn còn rất rực rỡ, tôi quay trở lại trung tâm thành phố chụp thêm vài bức nữa. Như thế là đã làm được khá nhiều nếu so với

những thứ tôi phải mang về để chứng minh cho chuyến đi này.

Về đến khách sạn, tôi cảm thấy căng thẳng. Làm sao tôi có thể nhận ra người đàn ông hoặc người phụ nữ có hẹn với mình? Cứ cho rằng đây thực sự là một cuộc hẹn, chứ không phải giai đoạn tiếp theo của một trò chơi dò tìm manh mối mà tôi đã tự mình muốn dẫn thân vào.

Ai mà biết được liệu có phải tác giả của bức thư nặc danh kia đã lôi kéo tôi đến tận đây để tôi phát hiện ra bức ảnh của mẹ mình, và qua đó, chứng tỏ với tôi rằng những luận điểm của hắn là hoàn toàn có căn cứ. Nhưng nếu là như thế, tại sao lại buộc tôi phải đến vào đúng cái giờ đó, và tại sao lại đẩy trò tai ác này đến mức đặt một bàn ngay dưới bức ảnh kia? Để chắc chắn là tôi sẽ không bỏ lỡ nó? Lẽ ra hắn chỉ cần gửi cho tôi một bản sao của bức ảnh... mặc dù tôi phải thừa nhận rằng việc phát hiện ra nó trong tình huống được tạo dựng đã khiến tác động về mặt xúc cảm gia tăng đáng kể.

Tôi mệt mỏi vì cứ phải nghĩ đi nghĩ lại những vấn đề này, lại càng chán nản hơn khi phải nghe một giọng nói khe khẽ từ sâu thẳm bản thân khiến tôi nghĩ rằng mình đang sợ hãi.

Tôi quyết định đến Sailor's Café sớm hơn giờ hẹn một chút. Như thế, tôi sẽ có thể bắt gặp người đàn ông hoặc người phụ nữ ấy đẩy cửa nhà hàng vào giờ hẹn.

* * *

Vừa bước vào, tôi vừa trang nghiêm thông báo với nữ nhân viên phục vụ là tôi ăn tối cùng một người nữa.

- Cô đã đặt bàn chưa?

Tôi luôn cố để khỏi mỉm cười mỗi khi có người hỏi tôi đã đặt bàn chưa, trong khi nửa phòng ăn vẫn còn trống.

- Chưa, theo tôi biết thì chưa, – tôi thận trọng trả lời.

- Xin cho biết tên cô?

- Eleanor-Rigby.

- Nhưng bàn của cô đã sẵn sàng rồi, – cô ta bảo tôi.

Câu nói đó khiến máu tôi đông lại.

Cô ta xem sơ đồ phòng rồi dẫn tôi đến bàn đã đặt. Tôi thích một bàn khác nằm thẳng trục với cánh cửa hơn. Ít ra, tôi cũng đã chống lại những kế hoạch của kẻ đang dàn xếp cuộc đời mình một cách hơi thái quá thời gian gần đây. Tôi chỉ còn phải rình chờ người sắp đến ngồi vào bàn đã được dành cho tôi. Khi đó tôi sẽ quyết định phải làm gì.

Tôi ngồi vào bàn và gọi một ly Pimm's. Dù ở bất cứ nơi nào trên thế giới này, tôi cũng vẫn là người Anh.

Một cặp đôi bước vào lúc 18 giờ 55. Hẳn đây là lần hẹn hò đầu tiên, bởi cả người này lẫn người kia đều tỏ ra không mấy thoải mái. Lúc 18 giờ 57, hai cô gái trẻ không có vẻ gì là đang ấp ủ một âm mưu đến trước quầy. Nhưng vào lúc 19 giờ, thì chẳng có ai hết... Lúc 19 giờ 10, người đàn ông tôi đã gặp trong sảnh khách sạn hỗn hển đi đến trước mặt nữ nhân viên phục vụ. Lần này trông trang trọng hơn một chút. Anh ta bỏ vạt áo sơ mi vào trong quần, chỉnh lại chiếc áo vest và lùa tay vào mái tóc rối bù. Anh ta vẫn chưa nhận ra tôi.

Thật lạ lùng, tôi cảm thấy yên tâm khi anh ta hiện diện. Chắc

hắn là bởi tôi có cảm giác mình đang gặp một khuôn mặt thân thuộc giữa nơi xa lạ này. Tôi đưa mắt nhìn theo anh ta, và thầm tiếc vì đã không mang theo một tờ báo, như thế tôi sẽ có thể mở tờ báo ra để theo dõi anh ta được dễ hơn... chuyện đó có vẻ sẽ rất nực cười... và Maggie sẽ lại trách móc tôi vì đã xem ti vi quá nhiều. Tuy nhiên, nữ nhân viên phục vụ dẫn anh ta đến cái bàn đã được đặt trước cho tôi. Và giọng nói nhỏ trong đầu ra lệnh cho tôi phải suy nghĩ kỹ trước khi hành động.

Tôi chỉ thấy có hai khả năng. Khả năng khả dĩ nhất: anh ta chính là kẻ viết thư nặc danh. Điều đó cũng giải thích cho việc anh ta đã chọn nghỉ lại trong cùng khách sạn với tôi, và tự biến mình thành một diễn viên tài giỏi, bởi vì khi ở trong sảnh khách sạn, anh ta không có vẻ gì là nhận ra tôi hết. Lẽ ra tôi nên nghĩ đến điều này khi chơi trò dự đoán trên taxi. Hoặc... vẫn giọng nói đó thì thầm: anh ta đã chọn đến ăn tối ở nhà hàng duy nhất xứng với tên gọi này trong khu, và người ta đã xếp cho anh ta ngồi vào bàn đó chỉ vì nó còn trống. Và khi kẻ viết thư nặc danh đến, nhân viên phục vụ sẽ dẫn hắn tới bàn tôi. Tôi hoàn toàn không thể nói khả năng nào trong hai khả năng trên khiến tôi lo lắng hơn cả.

Tôi quan sát anh ta trong vòng mười phút, suốt khoảng thời gian đó anh ta không ngừng vừa nhìn đồng hồ vừa thở dài, không lần nào nhìn đến thực đơn. Vậy là anh ta đang chờ người nào đó, và người nào đó chính là tôi!

Đột nhiên, anh ta đứng dậy và tiến về phía tôi.

- Lần này thì không cần gương. Cô đã dò xét tôi từ lúc tôi vào, – anh ta nói với tôi.

Để đáp lại, tôi chỉ âm ừ trong cổ họng.

- Cô đang chờ ai chẳng? – Anh ta hỏi tôi.

Tôi vẫn im lặng.

- Đây không phải là một câu hỏi bẫy... – anh ta vui vẻ nói tiếp.

- Mọi thứ còn tùy thuộc vào hoàn cảnh, – tôi mạo hiểm trả lời, vẫn cảnh giác.

- À, – anh ta nói tiếp và không mỉm cười nữa, – tôi hiểu rồi.

- Anh hiểu cái gì?

- Người ta đã cho cô leo cây.

- Thế còn anh, anh đang chờ ai sao?

- Tôi không biết nữa, và tôi rất sợ người ta đã không đợi mình, – anh ta vừa nói vừa nhìn đồng hồ lần nữa.

Anh ta gãi trán. Đàn ông thường làm thế khi có điều gì đó khiến họ lo lắng. Còn tôi, tôi thường xoắn tóc quanh ngón trỏ, mỗi người đều có cách của mình, nên tôi không phán xét gì chuyện đó.

- Tôi đã lái xe suốt đêm để đến cuộc hẹn này. Chỉ có điều, tôi đã ngủ quên trên giường và đến muộn, – anh ta thở dài.

- Gọi cho cô ấy đi, rồi xin lỗi cô ấy.

- Tôi sẽ làm thế nếu biết phải gọi cho ai.

- Tôi hiểu rồi.

- Cô hiểu điều gì?

- Đến muộn vào buổi hẹn đầu tiên thì không được thông minh cho lắm nhỉ. Nhưng yên tâm đi, anh là người đến trước đây, bởi vì

tôi đã ngồi ở đây được nửa tiếng rồi mà không thấy bất kỳ cô gái nào bước vào một mình, trừ phi anh tán tỉnh cả đôi cùng lúc, và nếu đúng là như thế, thì họ vẫn đang ngồi ở quầy ngoài kia. Xin lỗi, tôi đang trêu anh mà như thế thì không được tế nhị cho lắm. Đối tượng hẹn hò của anh còn chưa đến, cô ấy mới là người đến quá muộn... hoặc đã cho anh leo cây mất rồi.

- Bởi vì tôi không phải là người duy nhất bị bỏ rơi, liệu tôi có thể ngồi đây để cùng cô chờ thêm một lát không?

Tôi xem đồng hồ, đã 19 giờ 30 phút.

- Vâng, tôi cho là anh có thể ngồi đây.

Anh ta cũng không hề thoải mái hơn tôi. Anh ta quay người gọi nhân viên phục vụ và muốn biết trong cốc của tôi là thứ gì.

- Một ly Pimm's.

- Thế có ngon không?

- Đẳng.

- Vậy tôi sẽ chọn một cốc bia, còn cô?

- Cũng thứ đó.

- Một cốc bia à?

- Không, một ly Pimm's.

- Điều gì đã đưa cô đến Baltimore?

- Hãy đặt cho tôi một câu hỏi độc đáo hơn mà anh không biết câu trả lời ấy.

- Lúc trước cô đã khen ngợi khả năng ứng biến của tôi, nhưng lần này thì cô thắng rồi đấy.

- Tôi đã thắng vì thật sự tên anh không phải George-Harrison đúng không? Ít ra, hãy nói với tôi anh là nghệ sĩ hài kịch.

Anh ta có nụ cười rất đẹp, một điểm cho anh ta.

- Nghệ sĩ hài kịch ư? Không, hoàn toàn không phải. Cô không cuồn mắt trò chơi ưa thích của tôi đấy chứ?

- Có lẽ thế.

- Thế cô còn tưởng tượng gì khác về tôi nữa không?

- Rằng anh là họa sĩ, nhạc sĩ và đạo diễn phim!

- Thế là quá nhiều đối với chỉ một người. Nhưng cô đoán sai hết rồi, tôi là thợ mộc. Và tôi thực sự tên là George-Harrison. Có vẻ điều đó khiến cô thất vọng.

- Không, nói cho cùng, nếu anh thực sự tên là George-Harrison, thì anh không được hài hước như tôi hy vọng.

- Cảm ơn cô về lời khen.

- Ý tôi không phải như vậy.

- Cô cho tôi một cơ hội khác chứ?

- Anh đã bỏ lỡ cơ hội đó mất rồi. Anh có một cuộc hẹn hò lãng mạn và lại đang tán tỉnh tôi. Trông tôi có giống với phương án B lắm không?

- Ai bảo cô đó là một cuộc hẹn hò lãng mạn?

- Anh thắng lại một điểm.

- Tôi đề nghị với cô là chúng ta dừng trò chơi nhỏ này ngay khi chúng ta hòa. Và xin nói để cô được biết, tôi không tán tỉnh cô. Nhưng bởi vì dường như tên riêng có tầm quan trọng rất lớn, nên

xin hỏi người cho cô leo cây tên là gì vậy? Cùng là phương án B với nhau, ta có thể tâm sự những chuyện như vậy.

- Hòa nhé.

- Ta bắt đầu lại từ đầu đi, điều gì đưa cô đến Baltimore vậy?

- Một bài báo cho tạp chí của tôi. Thế còn anh?

- Cha tôi.

- Ông ấy chính là người hẹn gặp anh sao?

- Tôi đã hy vọng thế.

- Thế thì tệ thật. Một người cha lẽ ra không nên cho con trai mình leo cây như thế này. Ba tôi sẽ không làm thế. Nhưng có thể cha anh chỉ đến rất muộn thôi chẳng?

- Ba mươi lăm năm... tôi nghĩ ta không thể gọi đó là đến muộn được.

- À... vậy thì tôi thật sự rất xin lỗi.

- Tại sao cô lại phải xin lỗi? Cô chẳng liên quan gì đến việc này cả.

- Không, nhưng dù sao tôi cũng vẫn xin lỗi. Tôi đã mất mẹ vào năm ngoái và tôi biết rõ khoảng trống vắng do sự thiếu hụt một đấng sinh thành để lại.

- Ta đổi sang chủ đề khác đi. Cuộc đời quá ngắn ngủi, ta không nên chuốc lấy những buồn rầu vô ích.

- Anh nói hay lắm.

- Đó là câu mẹ tôi hay nói, nhưng nói về tôi như thế đủ rồi. Bây giờ đến lượt cô. Cô sẽ viết gì về Baltimore?

Đây là lúc nói sự thật đấy Elby ạ, mi có tin tưởng anh ta không?

- Mối cô vừa cử động, nhưng tôi không nghe thấy câu trả lời của cô.

- Anh vừa nói đã lái xe suốt đêm, vậy anh từ đâu đến?

- Từ Magog, đó là một thành phố nhỏ nằm cách Montréal một trăm kilomet, trong vùng Cantons-de-l'Est.

- Tôi biết Magog ở đâu mà, – tôi trả lời cộc lốc.

- Đương nhiên, tạp chí của cô... hẳn là cô đã đi vòng quanh thế giới, – anh ta nói tiếp mà không nhận ra khuôn mặt tôi đã kín bưng lại đến mức nào. – Đó là một vùng đất xinh đẹp, đúng không? Tôi không biết cô đến đó vào mùa nào, nhưng mỗi mùa phong cảnh lại khác biệt đến nỗi ta cứ tưởng mình đang sống ở nhiều địa điểm khác nhau.

- Nhưng tất cả đều nằm ở Canada!

Anh ta nhìn tôi như thể tôi là một con ngốc toàn diện.

- Đúng thế, – anh ta lầm bầm. – Chắc chắn là thế rồi.

- Thế bưu điện ở Canada hoạt động tốt không?

- Ờ... tôi cho là thế, thật ra, tôi chỉ nhận được các hóa đơn thôi.

- Thế còn những thư từ mà anh gửi đi?

- Tôi mong cô thứ lỗi, nhưng tôi không hiểu...

- Còn tôi thì đang cố gắng tìm hiểu xem anh chơi trò gì với tôi. Và đã đến lúc anh giải thích cho tôi nghe rồi đấy.

- Tôi đã nói điều gì khiến cô bị tổn thương chẳng? Tôi không muốn làm phiền cô, tôi sẽ quay về bàn tôi.

Hoặc anh ta là diễn viên giỏi nhất thế giới, hoặc tôi đang đối mặt với Machiavelli^[20].

- Ý tưởng rất hay đấy, vậy cả hai chúng ta hãy ngồi vào cái bàn đó, tôi muốn chỉ cho anh xem thứ này.

Tôi đứng dậy, không để anh ta có thời gian suy nghĩ, và bước đến ngồi vào chỗ mà anh ta vừa ngồi lúc trước. Anh ta nhìn tôi với vẻ lạ lùng rồi cũng đến ngồi cùng tôi.

- Câu chuyện nhỏ của anh về sự thiếu vắng người cha đã khiến tôi rất xúc động, – tôi nói tiếp. – Có lẽ phải có một trái tim bằng đá thì mới có thể đứng vững trước chuyện đó, để bịa ra nó thì còn phải sắt đá hơn. Bây giờ, anh hãy ngược mắt lên đây, nhìn kỹ bức ảnh này rồi nói với tôi rằng việc chúng ta gặp nhau ở khách sạn, rồi ở đây, hoàn toàn là ngẫu nhiên. Người anh nhìn thấy ở đây chính là mẹ tôi đấy!

Anh ta ngẩng đầu lên, và cả khuôn mặt trở nên trắng bệch. Anh ta lại gần bức ảnh mà không thể thốt lên lời nào.

- Thế nào đây! – Tôi cao giọng nhắc nhở.

- Ở bên cạnh bà ấy... – anh ta thì thầm, – chính là... mẹ tôi.

Anh ta quay lại nhìn tôi chăm chăm, đầy vẻ lo lắng, nghi ngại.

- Cô là ai? Cô muốn gì ở tôi?

- Tôi cũng đang định hỏi anh câu ấy đây.

Anh ta thọc tay vào túi trong áo vest và lấy ra một bức thư rồi đặt lên bàn trước mặt tôi. Tôi lập tức nhận ra nét chữ viết trên đó.

- Tôi không biết cô kết tội tôi chuyện gì, nhưng cô hãy đọc đi, tôi nhận được nó hôm qua. Hãy đọc đi, rồi cô sẽ biết tại sao tôi lại

phải lái xe cả đêm qua.

Tôi vừa giở bức thư vừa nín thở. Khi đọc xong, tôi lấy từ trong túi ra bức thư của mình và đưa cho anh ta. Mặt anh ta cũng ngẩn ra chẳng khác nào mặt tôi khi nhìn thấy bức thư kia, và còn tệ hơn sau khi đọc xong nó.

Chúng tôi quan sát lẫn nhau, lặng lẽ, cho đến khi nữ nhân viên phục vụ đến hỏi chúng tôi có ăn tối cùng nhau không, và rốt cuộc chúng tôi đã chọn được bàn chưa.

- Cô nhận được bức thư này khi nào? – Anh ta hỏi tôi.

- Bức thư này đến tay tôi cách nay chừng chục ngày, và một bức thư khác hẹn gặp tôi ở đây thì đến sau đó một tuần.

- Cách nhau vài ngày, những bức thư tôi nhận được cũng thế.

- Tôi vẫn không biết anh là ai, George-Harrison ạ.

- Nhưng tôi thì bây giờ tôi đã biết cô là ai rồi, Eleanor-Rigby ạ, chỉ có điều mẹ tôi không gọi cô như thế khi bà kể với tôi về cô.

- Mẹ anh nói chuyện với anh về tôi?

- Về riêng cô thì không, nhưng về gia đình cô thì có. Mỗi khi chê trách tôi điều gì đó, bà thường bảo tôi: “Các con của cô bạn gái người Anh của mẹ sẽ không bao giờ đáp trả mẹ như thế”, hoặc họ ngồi rất ngoan ở bàn ăn, hoặc họ tự dọn phòng, hoặc họ không tranh cãi khi mẹ họ ra lệnh họ phải làm gì đó, hoặc họ học rất giỏi... Tóm lại, suốt thời niên thiếu của mình, tất cả những gì tôi làm dở tệ thì mọi người đều làm rất tốt.

- Vậy là mẹ anh không hề biết gì về chúng tôi rồi.

- Ai đã chơi trò tệ hại này với chúng ta, và nhằm mục đích gì

chứ?

- Điều gì chứng tỏ với tôi rằng kẻ đó không phải là anh?

- Tôi cũng có thể nói câu đó với cô.

- Vấn đề quan điểm thôi, – tôi trả lời. – Nhưng anh không thể biết điều gì đang diễn ra trong đầu tôi và ngược lại, tôi cũng thế, do đó mỗi người chúng ta đều có lý do để đề phòng người kia.

- Tôi tin rằng người ta đã để chúng ta gặp nhau tại đây để làm điều hoàn toàn ngược lại đấy.

- Anh giải thích xem nào.

- Mẹ chúng ta biết nhau, tôi đã nói với cô chuyện đó rồi, tôi đã rất nhiều lần được nghe kể về mẹ cô...

- Tôi thì không.

- Thật đáng tiếc, nhưng vấn đề không nằm ở đó. Bức ảnh này chứng tỏ rằng hai người họ rất hợp nhau, ánh mắt đồng lõa đó không đánh lừa được bất kỳ ai, và chắc chắn đó chính là điều mà kẻ viết thư nặc danh kia muốn chúng ta cùng phát hiện ra.

- Để chúng ta tin tưởng vào nhau chẳng? Anh kết luận hơi quá nhanh đấy, nhưng cứ cho là thế đi, thì làm thế nhằm mục đích gì?

- Tiết kiệm thời gian, tôi cho là thế.

- Việc anh có khả năng lập luận vòng vèo như vậy cũng không biện minh được cho sự trong sáng của anh.

- Có thể việc đó sẽ biện hộ cho trí thông minh của tôi, – anh ta đáp.

- Và cho đức khiêm tốn của anh nữa.

- Ai đó đang điều khiển chúng ta; nhằm mục đích gì thì tôi không biết. Nhưng hợp lực lại, chúng ta sẽ có nhiều cơ hội lật mặt hắn hơn.

- Thế chuyện đó thì hắn có dự kiến trước không?

- Có chứ, chắc chắn rồi, và đó là một nguy cơ mà hắn đã chọn đương đầu.

- Tại sao lại là *hắn* mà không phải là *cô ta*?

- Chính xác, tôi cũng có thể tự hỏi mình câu đó.

- Tôi tưởng chúng ta phải tin tưởng lẫn nhau. Và chính tôi là người đặt ra câu hỏi đó...

- Điều đó biện minh cho sự thành thật của cô, trừ phi cô là kẻ xảo quyệt hơn...

- Xảo quyệt hơn anh chăng?

Chúng tôi quan sát lẫn nhau hồi lâu, một nhân viên phục vụ đến gần hỏi chúng tôi xem rốt cuộc chúng tôi đã sẵn sàng gọi món chưa. George-Harrison chọn món cuốn tôm hùm và bởi vì tôi vẫn không thể nào rời mắt khỏi mắt anh ta, nên tôi đã để mất bản sắc cá nhân một cách thảm hại khi chọn món giống hệt anh ta.

22

May

Tháng Mười năm 1980, Baltimore

Cô đã thử liên hệ với Édouard ba lần. Họ lại có thêm một buổi tối tuyệt vời bên nhau. Mặc cho Sally-Anne thẳng thừng ngăn cản, May đang phải lòng anh và cách đối xử tế nhị anh dành cho cô chứng tỏ rằng tình cảm giữa họ là có đi có lại. Cô đưa anh vào thế giới của cô và anh dần thích thú với nó. Đó chính là một thế giới đảo ngược, anh vốn giàu có đến thế, còn cô, chẳng có chút tài sản nào, đã trở thành Pygmalion^[21] của anh.

Sally-Anne có giận cô cũng không quan trọng. Dù sao đi nữa, Sally-Anne cũng đã giận đối cả trái đất này từ nhiều ngày nay. Trong cuộc họp của ban biên tập, cô đã mắng mỏ các cộng sự, phản đối tất cả các chủ đề mà họ đề xuất và gây chuyện với từng người trong số họ. Đến nỗi cuộc họp đã bị rút ngắn lại.

Sally-Anne có thể kêu ca gì được chứ? Cô ao ước có Keith, thì từ giờ trở đi cô đã có anh trọn vẹn. May không phải kẻ ngốc, Sally-Anne không chịu đựng nổi việc em trai cô say đắm May, và hơn thế nữa, anh lại còn chứng tỏ mình vô cùng quan tâm đến May trong khi chẳng quan tâm gì tới chị gái của chính mình. Và May chẳng thấy có lý do gì để phải cảm thấy tội lỗi hết. Cô không hề

tìm cách quyến rũ anh, mà chính anh mới là người tán tỉnh cô. Và Sally-Anne đã hoàn toàn nhầm lẫn khi dự đoán rằng anh sẽ vứt bỏ cô như vứt bỏ một đôi tất cũ sau khi có được điều mình muốn. Buổi tối khi họ trao nhau nụ hôn đầu, anh đã cư xử đúng như một quý ông thực thụ, đưa cô về đến tận chân tòa nhà và dừng lại ở đó. Hai ngày sau, anh mời cô đến một nhà hàng sang trọng.

- Mỗi người một lượt, – anh nói trong lúc cô ngồi xuống trước bộ đồ ăn bằng bạc.

Ngày hôm sau, hai người họ đi tìm mua đồ trong các cửa hàng. Édouard tặng cô một chiếc khăn quàng rực rỡ, còn cô tặng anh một chiếc ví da.

- Anh sẽ mang nó ở chỗ trái tim, – anh vừa nói vừa bỏ chiếc ví vào túi trong áo vest.

Cuối tuần vừa rồi, anh đã đưa cô lên đảo Kent. Hai người đã lấy một phòng hạng sang trong một trang viên, đậu chênh vênh trên một quả đồi nhìn ra biển, nơi họ dành toàn bộ thời gian để làm tình. Chưa có người đàn ông nào đối xử tốt với cô như thế, chiều chuộng cô đến thế; và cô tiếc nuối vì không thể chia sẻ niềm vui với cô bạn thân của mình. Có thể Sally-Anne sẽ trách cô ích kỷ trẻ con, nhưng May là người có trái tim và hiểu biết. Sally-Anne đang ghen tức một cách ngốc nghếch mà thôi. Chuyện đó không kéo dài, bởi mối tình chớm nở đó sẽ không hảo huyền cũng không ích kỷ. Cô sẽ hàn gắn hai người họ. Một cậu em trai và một người chị gái được sinh ra là để hiểu nhau. Còn cô, người vốn muốn có một cậu em trai biết bao, cô không thể hình dung mọi chuyện có thể khác đi được.

Để Édouard dành trọn niềm tin cho mình, cô thấy bản thân có trách nhiệm phải đi bước đầu tiên. Tại trang viên ở Kent, cô kể cho anh về tờ báo.

Hai người đang đi dạo trên bờ biển, tay trong tay.

- Đó mới chỉ là một dự án, – cô nói dối, – nhưng ở *The Sun*, công việc của bọn em không hề có tương lai. Bọn em thuộc quyền điều hành của những kẻ ưa bắt nạt vợ, những kẻ nghĩ rằng phụ nữ chỉ thích hợp để làm công việc tìm tài liệu và pha cà phê.

Édouard tỏ ra ngạc nhiên và hỏi han cô về định hướng xuất bản của *The Independent*. Cô giải thích cho anh những chủ trương lớn. Anh khen ngợi cô, và ca tụng lòng dũng cảm của cô khi đã tham gia vào công cuộc truy tìm sự thật đó. Nhưng anh cầu xin cô hãy cẩn thận. Tố cáo nạn tham nhũng, lạm dụng quyền lực hoặc những chính sách mang tính đảng phái không phải là không mạo hiểm. Những người mạo hiểm dấn thân vào đó sớm muộn gì cũng chuốc lấy những đòn sấm sét từ những kẻ quyền thế.

- Anh đã lớn lên bên cạnh họ, anh biết họ có thể làm những gì, – anh cảnh báo cô.

Édouard quen biết giới thượng lưu, và May nghĩ rằng nếu khéo vận động, có thể anh sẽ hữu ích với cô. Anh có những phẩm chất không thể phủ định, nhưng lại có một điểm yếu chung của rất nhiều đàn ông: anh thích thể hiện. Chỉ cần đặt ra cho anh những câu hỏi xác đáng, vào đúng thời điểm.

- Anh chỉ hy vọng là em sẽ không để mình bị chị gái anh điều

khẩn. Anh không ngạc nhiên khi thấy chị ấy muốn lao vào lĩnh vực đó.

- Giữa hai chị em anh đã xảy ra chuyện gì vậy? – May hỏi.

- Chị ấy trách anh đã không đứng về phía chị ấy. Từ khi còn niên thiếu, chị ấy đã nuôi dưỡng lòng thù hận không giới hạn đối với ba mẹ anh, và anh thấy cách hành xử của chị ấy vừa bất công vừa khó chấp nhận. Anh thừa nhận là mẹ anh không phải lúc nào cũng dễ chịu. Thậm chí đôi khi bà còn rất cứng rắn, nhưng bà đã phải chịu đựng rất nhiều suốt thời tuổi trẻ. Có thể anh nói thế này sẽ khiến em nghĩ anh là kẻ lạc hậu, nhưng anh rất ngưỡng mộ ba mẹ anh. Và không chỉ vì họ đã đạt được những thành công đáng chú ý. Cả hai người họ đã phải vượt qua những thử thách kinh khủng. Mẹ anh đâu có được sinh ra trong nhung lụa. Khi đến Mỹ, bà đã mồ côi cả cha lẫn mẹ và chẳng còn gì hết. Anh không hề biết ông bà ngoại, bọn Đức đã sát hại họ. Ông bà ngoại anh là người Do Thái và phải lẩn tránh quân phát xít. Mẹ anh được cứu chính nhờ lòng dũng cảm của mẹ và sự anh hùng của ba anh. Thế nên anh không thể chấp nhận việc Sally phán xét họ như chị ấy đã làm. Anh vẫn luôn tìm cách xoa dịu mọi chuyện giữa chị ấy và ba mẹ anh, bảo vệ chị ấy, chủ yếu là khỏi chính chị ấy, những điều thái quá của chị ấy, những cơn giận dữ của chị ấy, nhưng lúc nào chị ấy cũng chỉ làm theo ý mình và cuối cùng anh đành phải từ bỏ.

- Nhưng cô ấy vô cùng yêu quý anh, – May nói bịa.

- Hãy cho phép anh nghi ngờ chuyện đó.

- Cô ấy luôn kể về em trai mình bằng giọng đầy ngưỡng mộ.

- Em thật độ lượng, nhưng anh không tin em. Sally là một người ích kỷ chỉ quan tâm đến chính mình. Lòng căm thù mà chị ấy dành cho người thân của mình đã biến chị ấy thành kẻ bất mãn và đầy cay độc.

- Anh không thể nói thế được, hoặc anh không thực sự hiểu rõ cô ấy. Nếu anh cho rằng em là người độ lượng, thì chị gái anh còn độ lượng hơn gấp trăm lần. Cô ấy chỉ nghĩ cho người khác; và khác với mẹ anh, cô ấy sinh ra đã giàu có, lẽ ra cô ấy có thể vui vẻ mà tận hưởng cuộc sống thoải mái đó. Nhưng cô ấy không làm thế. Đúng vậy, Sally-Anne là một cô nàng nổi loạn, nhưng vì những sự nghiệp cao cả, bởi cô ấy không thể chịu được sự bất công.

- Em nói về chị ấy cứ như thể em là người yêu của chị ấy vậy.

- Em xin anh, Édouard, đừng có giả bộ ngây thơ nữa.

- Thôi được rồi, anh hiểu ý em muốn nói rồi, không nên phê phán chị gái anh trước mặt em, nếu không sẽ bị em cắn ngay.

May nắm lấy cánh tay Édouard và kéo anh về phía trang viên.

- Chúng ta về thôi, – cô nói, – em khát quá, và em muốn uống cho say. Em không thích ngày Chủ nhật, em những muốn kỳ nghỉ cuối tuần này không bao giờ chấm dứt.

- Chúng ta sẽ có những kỳ nghỉ cuối tuần khác nữa.

- Có thể thế, nhưng chúng ta đừng tiến quá nhanh, em đã nghe rõ những gì anh nói về... Cô ấy tên là gì nhỉ? À phải rồi, cô nàng Zimmer. Em không biết cô ấy, nhưng em không mong chuyện của chúng ta cũng kết thúc như thế. Mà này, thỉnh thoảng anh vẫn còn nghĩ tới cô ấy chứ?

- Em tưởng anh sẽ rơi vào cái bẫy sắc mùi nữ tính đó sao? Nếu anh trả lời là không, em sẽ coi anh là kẻ thô lỗ, còn nếu anh trả lời là có, thì anh sẽ là một kẻ thô lỗ đích thực. Nhưng em nói đúng, hãy tận hưởng những gì cuộc đời ban tặng mà không hỏi han quá nhiều. Đặc biệt là về quá khứ tình cảm của chúng ta. Mặc dù anh chẳng biết gì về quá khứ tình cảm của em hết.

- Bởi vì chẳng có gì để biết cả.

Hai người họ quay về trang viên và vào phòng hút thuốc. Ngọn lửa kê tí tách trong lò sưởi. May gọi một ly sâm banh, Édouard thì thích một ly bourbon hơn.

Khi mặt trời xế bóng, hai người lên phòng sắp xếp hành lý. Vừa thu dọn đồ đạc, May vừa đưa mắt nhìn khắp căn phòng. Chiếc giường lớn có tán che nơi cô đã ngủ đêm qua, những tấm màn trướng bằng lụa mà cô đã ngắm nhìn lúc sáng sớm khi Édouard vẫn còn ngủ, những tấm rèm nặng nề che cửa sổ mà cô đã kéo ra, khi người ta mang đồ ăn sáng đến cho họ, tấm thảm Ba Tư cô đã bước đi trên đó bằng đôi chân trần, toàn bộ cảnh trí sang trọng mà cô còn chưa quen thuộc và đang khiến cô say mê. Cô quay lại và quan sát Édouard đang cẩn thận gấp đồ.

- Chúng ta không thể ở lại đến mai sao? Tối nay em không hề muốn quay về căn xưởng cải dụng.

- Sáng mai anh phải làm việc sớm, nhưng bởi vì chúng ta sẽ về đến nơi muộn, tại sao em không ngủ ở nhà anh?

- Cùng nhà với ba mẹ anh sao?

- Tòa nhà rất rộng, anh có một khu riêng. Và anh đảm bảo với em, chúng ta sẽ không gặp mặt ba mẹ anh đâu.

- Thế ngày mai thì sao?

- Chúng ta sẽ ra ngoài bằng cửa dành cho người làm, em chẳng có gì phải lo lắng cả.

Chiếc Aston Martin lao hết tốc lực. Trong khoang xe sục nức mùi da, May lắng nghe tiếng động cơ gầm rít.

- Hãy hứa với em một điều.

- Hãy cho anh biết đó là điều gì trước đã, anh là người trọng lời hứa và không hứa bất kỳ điều gì cho xong chuyện.

- Em muốn mọi người làm hòa với nhau.

- Chị gái anh và anh ư? Đúng là bọn anh khó hòa hợp với nhau, nhưng đâu có giận nhau.

- Chị gái anh và gia đình anh, gia đình nhà Stanfield. Chỉ mình anh là có thể lập lại hòa bình, cả cô ấy lẫn mẹ anh đều không chịu đi bước đầu tiên đâu.

Édouard lái xe chậm lại và vừa đưa mắt nhìn May vừa mỉm cười.

- Anh không thể hứa với em là anh sẽ thành công, nhưng làm hết khả năng của mình thì được, anh có thể hứa như thế.

May nghiêng người sang hôn anh, và ra lệnh cho anh chỉ được nhìn đường. Cô hạ cửa kính xuống để ngậy ngát hít hà khí trời. Mái tóc tung bay theo gió, cô đang rất hạnh phúc.

23

Eleanor-Rigby

Tháng Mười năm 2016, Baltimore

Chúng tôi chúc nhau ngủ ngon trong hành lang, người nào đứng trước cửa phòng người nấy. Nằm dài trên giường, tôi chỉ cần nhắm mắt lại là đôi mắt của Maggie hiện ngay ra chất vấn:

Thế nào bà chị, bây giờ chị định làm gì?

Và bởi vì tôi không thể nào trả lời cô nàng được, nên chẳng thà giữ thế chủ động cho xong. Số 9, rồi đến 011, cô nhân viên lễ tân đã hướng dẫn tôi như thế, cứ làm như tôi chưa bao giờ ra nước ngoài vậy.

- Chị biết ở nhà đang là mấy giờ rồi mà! – Em gái tôi càu nhàu bằng giọng khàn khàn.

- Chị không thể chờ thêm được nữa. Xin lỗi vì đã đánh thức hai người.

- Fred ở lại Primrose, – cô nàng vừa trả lời vừa ngáp thật dài, – tối qua quá đông khách, anh ấy phải đóng cửa muộn nên không thể đến nhà em được.

- Tốt quá, nhà hàng của cậu ta bắt đầu ăn nên làm ra rồi.

- Vâng, tuyệt lắm, em thì một là sẽ ngủ một mình trong khi bạn trai em vui như điên vì nhà hàng đầy khách, hoặc sẽ một mình chiêm hữu anh ấy khi nhà hàng ế ẩm còn mặt anh ấy thì chảy dài ra như cái bươm. Chị thử tìm xem em đã sai lầm ở đâu nào! Nhưng chị đâu có gọi cho em vào lúc năm giờ sáng để nghe em kể chuyện về Fred, nhỉ.

Tôi sẽ không tìm cách khẳng định điều ngược lại, tôi lôi cô nàng ra khỏi giường là để nói chuyện về gia đình chúng tôi, về bức thư mà Michel đã gửi gắm tôi, về bức ảnh treo trên tường nhà hàng Sailor's Café, về người phụ nữ đứng bên cạnh mẹ chúng tôi ba mươi lăm năm trước, và nhất là, nhất là về cuộc gặp gỡ mới đây của tôi và những gì tôi biết được trong buổi tối. Và lần đầu tiên, Maggie lắng nghe mà không ngắt lời tôi.

- Anh ta trông thế nào?

- Đừng có bảo chị rằng đây là câu hỏi đầu tiên hiện ra trong đầu em đấy nhé.

- Không, nhưng chuyện đó cũng không ngăn cản chị trả lời em mà.

Tôi miêu tả sơ sơ cho cô nàng nghe về người đàn ông đã ở cùng tôi cả buổi tối.

- Vậy là chị thấy anh ta cũng không đến nỗi tồi, và anh ta thật sự tên là George-Harrison à?

- Chị không yêu cầu anh ta cho chị xem bằng lái xe, nhưng chị tin lời anh ta.

- Nếu mẹ chúng ta và mẹ anh ta thân nhau đến thế, chị có nghĩ tên anh ta là một sự trùng hợp không?

- Anh ta cũng trạc tuổi chị, thế nên có thể là có mối liên hệ.

- Quả thật, em cũng thấy là có vẻ như vậy. Phòng trường hợp chị không để ý, bà ấy gọi mẹ là “tình yêu của tớ”. Đồng thời, bà ấy còn thú nhận đã mất trí nhớ, có lẽ chuyện này giải thích cho chuyện kia... Em khó mà tưởng tượng cảnh mẹ bẻ lái xe mô tô ở những khúc ngoặt, chị có nhớ cách mẹ thắt dây an toàn trong chiếc Austin không? Nói thật lòng, chị có hình dung ra mẹ khi lái xe mô tô không?

- Nói thật lòng, đó không phải là chuyện khiến chị băn khoăn nhiều nhất tối nay. Chị cảm thấy khó khăn hơn khi phải hình dung mẹ là quân trộm cắp, và chủ yếu là chị muốn biết hai người họ đã lấy cắp thứ gì, và sự kiện bi thảm đó là thế nào.

- Điều đó khẳng định những lời kết tội trong bức thư nặc danh kia.

- Toàn bộ nội dung của nó đang trở nên có ý nghĩa. Những vùng bóng tối trong quá khứ của mẹ, mối quan hệ ít ra cũng phải nói là lạ lùng giữa mẹ với mẹ của George-Harrison, tài sản mà mẹ không được thừa kế, và *Độc lập* nữa.

- Ai độc lập vậy?

- Đó là tên tờ báo mà mẹ đã lập ra cùng với bà May. Ba sẽ giải thích với em rõ hơn.

- Có đúng là chúng ta đang nói về mẹ không vậy?

- Chị cũng có phản ứng giống em khi biết việc đó.

- Cái kho báu quý giá đó, anh chàng George Harrison của chị có biết nó là gì không?

- Không, anh ta phát hiện ra sự tồn tại của nó khi chị đưa lại cho anh ta bức thư mà mẹ anh ta đã viết. Và còn có những bức thư khác nữa, mẹ và bà ấy từng thường xuyên viết thư cho nhau.

- Thế nếu anh ta thao túng chị ngay từ đầu thì sao? Cuộc gặp gỡ giữa hai người dựa vào một loạt những sự trùng hợp. Thế nhờ anh ta chính là kẻ viết thư nặc danh?

- Tại sao lại phải chuốc lấy từng ấy vất vả?

- Để thu thập toàn bộ các mảnh ghép! Chị nói mẹ và bà ấy có trao đổi thư từ, hẳn là anh ta vẫn còn giữ những bức thư mà mẹ đã viết, và anh ta cần chúng ta để có được những bức thư của mẹ anh ta. Kẻ viết thư nặc danh đó chẳng phải đã thúc giục chúng ta tìm kiếm những bằng chứng cho những điều hẳn nêu ra sao? Âm mưu của hẳn chính là như vậy đấy!

- Chị thể với em là anh ta cũng sẽ không nói được lời nào khi phát hiện ra bức ảnh đó ở Sailor's Café, với lại chính anh ta cũng nhận được một bức thư nặc danh.

- Bức thư mà anh ta hoàn toàn có thể tự viết cho mình. Mà tại sao anh ta lại ngạc nhiên trước bức ảnh đó, nếu anh ta đã biết là mẹ anh ta và mẹ chúng ta có trao đổi thư từ với nhau?

- Anh ta không biết chuyện đó, là Michel đã kể với chị. Đừng nói gì với anh ấy, Maggie nhé. Chị đã hứa với anh ấy là sẽ giữ bí mật. Chị đã gọi cho anh ấy cả chục lần từ khi đến Baltimore để anh ấy gửi cho chị những bức thư còn lại.

- Thế trong cái gia đình này còn những bí mật nào mà em không được tiếp cận nữa không? Ba tiết lộ với chị rằng mẹ đã lập ra một tờ báo ở Baltimore, còn Michel thì đưa cho chị một bức thư

mà anh ấy chưa bao giờ kể với em... Em bị bệnh dịch hạch hay sao?

- Ba không hề có ý muốn kể với chị, ba và chị cùng đi ăn kem, thế rồi trong lúc trò chuyện ba đã vô tình buột miệng để lộ chuyện đó.

- Chị mà kể với em là ba đưa chị đến hàng kem Ben & Jerry là em gác máy luôn đấy.

- Còn về Michel, chị đã đến nhà anh ấy trước hôm đi, và chị không biết tại sao anh ấy lại bỏ bức thư vào trong túi áo khoác của chị.

- Chị đến thăm anh Michel trước hôm đi, trong khi lại nhờ ba làm trung gian để chuyển lời tạm biệt đến em... Tuyệt thật đấy. Nếu em không hề quan trọng đến thế, thì em không hiểu em có thể giúp chị được việc gì đây.

- Em đã giúp chị rồi, bằng cách khuyên chị phải cảnh giác với George-Harrison.

- Và không phải chỉ cảnh giác đôi chút đâu đấy. Nếu thực sự hai bà mẹ đã cất giấu một kho báu ở đâu đó, thì em mong chị sẽ tìm ra nó trước anh ta. Chủ ngân hàng của em đã từ chối nâng hạng mức thấu chi rồi.

- Em có thể làm việc mà, đó cũng là một trong rất nhiều cách để kiếm sống.

- Em đang tiếp tục học lại, em không thể làm mọi việc cùng lúc được.

- Ở tuổi ba mươi lăm ư?

- Em mới ba mươi tư tuổi, và em mặc kệ. Chị sẽ gặp lại anh ta ư?

- Bọn chị hẹn ngày mai ăn sáng.

- Elby này, đừng có yêu gã đó đấy!

- Thứ nhất, anh ta hoàn toàn không phải kiểu người chị thích, và thứ hai, chị còn chưa tin tưởng anh ta.

- Thứ nhất, em không tin chị, và thứ hai, chị tin tưởng tất cả mọi người, thế nên em nhắc lại với chị, đừng có chưa gì đã bám riết lấy anh ta, ít nhất thì cũng không xoắn lấy anh ta trước khi làm rõ được chuyện này.

Maggie ra lệnh cho tôi phải gọi lại cho cô nàng hằng ngày để thông báo tình hình, cô nàng hứa sẽ không để lộ chuyện của tôi với Michel, rồi gác máy. Cuối cùng, tôi cũng ngủ thiếp đi, nhưng chỉ khi đêm đã rất khuya.

* * *

Sáng hôm sau, tôi gặp lại George-Harrison trong sảnh khách sạn. Phòng ăn thật ảm đạm nên anh ta đưa tôi đi ăn sáng trong thành phố bằng chiếc xe bán tải.

- Anh thuộc loại thợ mộc nào vậy? – Tôi hỏi để phá vỡ bầu không khí im lặng lạnh giá.

- Tôi không cho là có nhiều loại thợ mộc.

- Có chứ, có thợ mộc chuyên làm nhà, lại có thợ mộc làm đồ đạc và có những người...

- Loại thứ nhất là thợ dựng nhà... Có thể chỉ đơn giản là tôi không có cha.

- Có liên quan gì đâu?

- Với câu hỏi của cô thì không có liên quan gì hết, nhưng cả đêm qua tôi nghĩ đến bức thư của mẹ tôi. Nếu mẹ tôi gọi mẹ cô là “bạn yêu”, có thể bà ấy đang gợi nhắc đến một người cha vô danh, và thậm kịc trứ danh kia, có lẽ chính là tôi.

- Về thậm kịc thì tôi còn nghi ngờ, nhưng việc anh là người đáng thương đến thậm hại thì rất đúng. Với lại, mặc dù trông anh cũng không đến nỗi tệ, nhưng nếu nói anh chính là một kho báu cần được khai quật thì...

Lẽ ra tôi không nên phá lên cười sau khi nói câu đó, tôi đã khiến anh ta phật ý. Chiếc xe dừng lại trước đèn đỏ, George-Harrison quay sang phía tôi, vẻ mặt nghiêm trọng.

- Cô không hề thấy bối rối khi hình dung rằng hai bà mẹ của chúng ta đã yêu nhau sao?

- Tình cảm hai người họ có thể đã dành cho nhau không phải là thứ khiến anh khó chịu, và anh hoàn toàn biết rõ điều đó, anh chỉ không thể nào tìm ra cách để diễn đạt mối quan hệ giữa họ với nhau thôi. Và bởi vì chuyện ấy khiến anh bối rối đến thế, đừng quên rằng mẹ anh, vào thời điểm viết bức thư đó, đang trong tình trạng...

- Không hoàn toàn minh mẫn?

- Anh có cái tật là chuyên nói nốt câu của tôi. Bà đã có tuổi, và từ ngữ cũng bị ảnh hưởng theo. Tình bạn hay tình yêu, chuyện đó thì có gì quan trọng chứ? Bây giờ, chúng ta hãy đi đến tận cùng theo cách lập luận của anh, tôi sẽ chỉ cho anh thấy là nó không có căn cứ. Cứ cho rằng mẹ chúng ta yêu nhau đi, họ đã

quyết định nuôi một đứa trẻ, nhờ đến một người cha vô danh nào đó, hoặc cũng có thể là không vô danh, và đúng lúc mẹ anh mang thai, mẹ tôi bỏ rơi bà ấy?

- Thế tại sao cách lập luận đó lại không hề có căn cứ?

- Cho xe chạy đi! Anh không nghe thấy người ta bấm còi sao? Tôi biết rằng đàn ông rất khó có thể làm nhiều việc cùng lúc, nhưng lẽ ra anh phải có khả năng vừa lái xe vừa nghe tôi nói chứ nhỉ, ba tôi vẫn làm thế được, mà ông còn là người lơ đãng không ai sánh bằng.

Chiếc xe bán tải tiến lên vài mét rồi đỗ lại bên vệ đường.

- Anh bao nhiêu tuổi? – Tôi hỏi anh ta.

- Ba mươi lăm.

- Ngày sinh của anh?

- Ngày 4 tháng Bảy năm 1981.

- Được rồi, vậy thì lập luận của anh không có cơ sở, bởi vì mẹ tôi trở về Anh trước khi mẹ anh mang thai.

- Không thể làm hai việc cùng lúc sao? Thật không? Cô còn có định kiến nào khác về đàn ông nữa không?

- Tôi thấy hình như anh đã phải đỗ lại còn gì, thậm chí anh còn tắt cả máy.

- Bởi vì chúng ta đang dừng xe trước nơi tôi đưa cô đến dùng bữa sáng, và một cốc cà phê sẽ có tác dụng rất tốt với cô đấy.

* * *

George-Harrison gọi món trứng Benedict^[22], thịt xông khói,

bánh mì nướng và một cốc nước cam lớn, thậm chí còn không xem thực đơn. Và tôi không biết tại sao chuyện đó lại khiến tôi rất thích thú. Tôi chỉ gọi một cốc trà, không thể có chuyện anh ta ngốn hết chỗ đó, tôi sẽ cuỗm của anh ta một lát bánh mì nướng.

- Bởi vì tôi không phải là thám kịch mà mẹ tôi nhắc đến, – anh ta tiếp tục câu chuyện với một nụ cười thấp thoáng trên môi, liệu bà ấy có thể nói về thứ gì nhỉ? Mẹ cô chưa bao giờ nhắc đến...

- Mẹ tôi không kể gì về thời kỳ đó trong cuộc đời bà, và chúng tôi cũng không hề hỏi han gì. Do ngại ngùng, mẹ tôi vốn là trẻ mồ côi, và chúng tôi biết rằng quá khứ của bà rất đau khổ. Thật ra cũng không phải vì ngại ngùng, mà vì sợ thì đúng hơn.

- Sợ gì?

- Sợ phải kéo bức màn che một sân khấu mà chúng tôi muốn chiếm hữu trọn vẹn.

- Sân khấu nào?

- Sân khấu nơi chúng tôi lớn lên. Còn anh, anh biết gì về quá khứ của mẹ anh?

- Mẹ tôi sinh ra ở Oklahoma, bà có bố là thợ máy, mẹ làm nội trợ. Ông ngoại tôi là một người đàn ông thô kệch, hà tiện những cử chỉ âu yếm. Mẹ kể với tôi rằng ông không bao giờ muốn ôm bà, cũng không hôn, lấy cớ rằng tay ông đầy dầu mỡ và không muốn dây bẩn sang mẹ. Cuộc sống ở Oklahoma còn khắc nghiệt hơn cả ông ngoại, với lại tôi cho rằng vào thời kỳ đó các bậc cha mẹ không biết thể hiện tình cảm của mình. Mẹ tôi trốn khỏi nhà khi còn rất trẻ. Bà đến New York, trong đầu đầy những thứ bà đã đọc được suốt thời thơ ấu. Bà tìm được chân thư ký tại một nhà xuất

bản. Buổi tối, bà theo các khóa học báo chí ở Đại học New York. Bà đã gửi đơn xin việc đến tất cả các báo ở bờ Đông, và đã tìm được vị trí nhân viên tìm kiếm thông tin. Bà đã rời nước Mỹ đến định cư ở Montréal khi mang thai tôi.

- Anh có biết rằng bà từng sống ở Baltimore vào cuối những năm 1970 không?

- Không, tôi không biết. Bà luôn chỉ kể về New York. Nhưng bất cứ khi nào tôi quan tâm đến thời kỳ bà mang thai tôi, mẹ tôi liền khép mình lại chẳng khác gì một con hàu, và chúng tôi cãi nhau. Cô đến đây tìm kiếm thứ gì vậy?

- Tôi cũng không biết nữa, tôi ra đi trong một phút bốc đồng.

- Cái kho báu đó là thứ khiến cô quan tâm chẳng?

- Khi biết đến sự tồn tại của nó thì tôi đã ngồi trên máy bay rồi. Tôi biết chuyện này thật khó tin, nhưng tôi phát hiện ra bức thư của mẹ anh trong túi áo khoác lúc qua cửa kiểm tra an ninh.

- Vậy thì, cô hãy quay về đi, bởi kẻ viết thư nặc danh đó, theo cách nói của cô, hẳn phải ở nước Anh thì mới có thể tiếp cận cô sát sao đến thế.

- Thế còn anh, anh đang tìm kiếm điều gì?

- Cha tôi, tôi đã nói với cô rồi mà.

- Những bức thư của mẹ tôi đang ở đâu?

- Tôi chẳng biết gì về chúng hết, thậm chí tôi còn không biết là chúng có còn tồn tại hay không. Cô có muốn trả lại cho tôi thư từ của mẹ tôi không?

- Tôi không biết chúng đang ở đâu, liệu chúng có còn tồn tại

hay không, và tôi cũng không biết chúng ta có thể làm gì bây giờ.

Im lặng hồi lâu. Người nào nhìn vào đĩa người nấy. George-Harrison đề nghị tôi chờ anh ta rồi chuồn ra ngoài. Qua cửa kính, tôi thấy anh ta mở cửa chiếc xe bán tải. Nếu anh ta không để lại chiếc áo bu đông, hẳn tôi đã tin rằng anh ta đang chạy trốn, nhưng anh ta đã quay lại ngồi xuống trước mặt tôi và đặt lên bàn bức ảnh mà chúng tôi phát hiện ra ở nhà hàng Sailor's Café.

- Ông chủ nhà hàng không biết chuyện về những bức ảnh trang trí trên tường nhà hàng. Chúng đã ở đó khi ông ta tiếp quản nó. Chỉ riêng nhà bếp là chưa có từ thời đó, và ngoại trừ một lần sơn lại, phòng ăn vẫn được giữ nguyên như cũ.

- Chúng ta tiến xa thật đấy.

George-Harrison đặt hai bức ảnh khác trước mặt tôi.

- Những bức ảnh này cũng được chụp cùng tối đó, và ở đây, ta nhìn rõ khuôn mặt của hai người khác nữa.

- Anh làm thế nào mà đánh cắp được chúng thế? Tôi chẳng nhìn thấy gì hết.

- Cô quả là người có đầu óc xấu xa. Tôi đã quay lại đó tối qua. Tôi không biết cô thế nào, nhưng tôi đã không thể ngủ nổi. Ông chủ đang đóng cửa nhà hàng, tôi đã giải thích với ông ấy rằng người trong bức ảnh này chính là mẹ tôi.

- Thế là ông ấy tháo nó ra rồi tặng anh, cùng với hai bức ảnh nữa, chỉ để thưởng cho đôi mắt đẹp của anh chẳng?

- Cảm ơn cô đã có lời khen. Tôi đã đề nghị trả ông ấy hai mươi đô la, và ông ấy không thấy phiền chút nào khi phải chia tay với

mấy bức ảnh. Mùa đông này ông ấy sẽ cho sửa lại phòng ăn. Mà tờ báo đó tên là gì ấy nhỉ? – Anh ta hỏi tôi.

- *The Independent*.

- Vậy thì có lẽ chúng ta đang có đoạn khởi đầu của một manh mối. Nếu tờ báo được phát hành ở Baltimore, có lẽ chúng ta sẽ tìm thấy dấu vết của nó ở đâu đó.

- Tôi đã tiến hành tìm kiếm trên Internet, và chẳng có dấu vết nào của nó hết.

- Chắc chắn phải tồn tại đâu đó một nơi lưu trữ những tờ báo phát hành thời kỳ đó, cô là phóng viên thì lẽ ra phải biết điều này chứ.

Tôi lập tức nghĩ đến Michel.

- Thư viện thành phố! Nếu còn lại một bản của tờ báo, chúng ta sẽ tìm thấy nó ở đó. Gấu sẽ là một mỏ thông tin.

- Gấu nào?

- Gấu là trang có ghi đầy đủ tên các cộng tác viên chính của một tờ báo.

Chúng tôi lại leo lên chiếc xe bán tải. George-Harrison chờ tôi chỉ xem đi theo hướng nào.

- Số 400 phố Nhà thờ, – tôi bảo anh ta sau khi tìm trên tra cứu chiếc iPhone.

- Tôi muốn biết điều gì đột nhiên khiến tâm trạng cô tốt lên nhiều đến thế?

- Thư viện nơi chúng ta sắp đến có cả một bộ sưu tập những ấn

bản gốc do gia đình Edgar Poe trao tặng.

- Và đó là một tin tốt lành sao?

- Với anh thì không, nhưng với tôi thì có. Anh lái xe đi!

Chúng tôi tự giới thiệu mình với cô nhân viên lễ tân. Cô ta không có chút ý niệm nào về cách thức mà cô ta có thể hướng dẫn chúng tôi trong mê cung sách và tài liệu này. Tôi xem đồng hồ, lúc này ở Croydon đang là ba giờ chiều, và tôi biết một người có thể giúp mình.

Trung thành với vị trí của mình, Véra trả lời điện thoại ngay lập tức. Chị hỏi thăm tin tức của tôi rồi nói sẽ đi tìm Michel. Nhưng chị mới là người tôi muốn nói chuyện. Chị cảm thấy rất vui khi tôi hỏi về cách thức sắp xếp tài liệu lưu trữ trong một thư viện giống như thư viện của chị, mặc dù có hơi rộng hơn một chút, tôi thú nhận với chị như vậy. Và phải tìm ấn bản của một tuần báo phát hành vào cuối những năm 1970 ở chỗ nào.

- Ở bộ phận vi phiếu, – chị trả lời. – Chúng tôi cất giữ báo chí cũ bằng cách ấy.

Nếu đang ở gần, có lẽ tôi sẽ ôm choàng lấy chị.

- Cô chắc chắn là không muốn tôi gọi Michel chứ? Anh ấy sẽ rất vui nếu được nói chuyện với cô đấy. Tôi vừa mới thấy anh ấy đi qua trước mặt tôi, cô đừng bỏ máy nhé.

Tôi nghe thấy tiếng thì thầm... rồi anh trai tôi cầm máy.

- Em không cho anh biết tin tức của em, nhưng anh biết rằng em đã đến nơi an toàn. Anh xem thời sự và không có chiếc máy bay nào bị nổ tung kể từ khi em xuất phát.

- Đó cũng là một trong những cách để biết chắc rằng em vẫn còn sống, – tôi trả lời anh. – Em đã cố gọi cho anh nhiều lần, nhưng không lần nào anh trả lời cả.

- Logic thôi, điện thoại di động bị cấm sử dụng ở đây. Và khi ở nhà thì anh lại tắt máy.

Tôi muốn nói chuyện riêng với anh trai, nên đi cách xa George-Harrison đủ để anh ta không nghe thấy tôi nói gì.

- Anh Michel này, em đã đọc bức thư gửi cho mẹ rồi.

- Anh không muốn em kể về nó với anh, thỏa thuận của chúng ta là thế mà.

- Và em cũng định tuân thủ nó, nhưng anh đã nói với em về một cái rương trong đó có những bức thư khác nữa.

- Tổng cộng là ba mươi bức.

- Nếu anh không muốn đọc chúng giúp em, anh có thể gửi chúng đến đây cho em được không?

- Không, mẹ đã ra lệnh cho anh phải luôn giữ chúng bên mình.

- Chết tiệt, Michel này, mẹ chết rồi, và em cần những bức thư đó.

- Để làm gì?

- Anh đã trách em là chỉ biết quan tâm đến những người xa lạ mà không quan tâm đến người thân của mình, em đang sửa chữa khuyết điểm đó đây.

Tôi nghe thấy tiếng anh thở đứt quãng. Do lỗi của tôi, anh trai tôi vừa chìm vào cơn hoảng loạn. Đầu óc anh cần logic, anh phải

dựa vào logic để có thể đưa ra quyết định. Trong suy nghĩ của anh, không được phép có điều gì bất hợp lý, và điều tôi vừa yêu cầu anh khiến anh phải đối mặt với một mâu thuẫn lớn, phản bội mẹ mình hay cho phép em gái mình sửa chữa những gì anh vốn coi là một điều bất công.

Lúc này đây, khi đang ở xa anh, tôi phát hoảng với ý nghĩ mình đã gây ra một cơn khủng hoảng, khi mà anh bắt đầu run lẩy bẩy, vừa rên rĩ vừa lấy hai tay ôm đầu. Tôi không có quyền làm thế, hơn nữa đó còn là nơi anh làm việc, lại còn trước mặt người phụ nữ duy nhất mà anh thấy hai người rất hiểu nhau, theo cách anh vẫn nói. Tôi những muốn quay ngược trở lại, xin lỗi anh vì đã đi quá xa, nhưng quá muộn rồi; Véra đã lại cầm máy.

- Mong cô đừng giận vì tôi cắt ngang câu chuyện giữa hai người, tôi hy vọng thế, nhưng tôi cần Michel đi tìm giúp tôi mấy cuốn sách trong phòng lớn.

Chị đã tỏ ra mình là người độ lượng và hiểu chuyện hơn tôi rất nhiều, và tôi cảm thấy thật đáng xấu hổ. Tôi cảm ơn chị rồi xin lỗi.

- Cô yên tâm, mọi chuyện rồi sẽ ổn cả thôi, – chị thì thăm. – Nếu có thể giúp cô bằng một cách nào đó, tôi sẽ rất vui lòng, thế nên mong cô đừng ngại.

Tôi không thể đề nghị chị tác động tới anh tôi, để anh gửi cho tôi những bức thư, lại càng không thể đề nghị chị đọc chúng giúp tôi. Tôi nghĩ sẽ gửi gắm công việc tệ hại đó cho Maggie, nhưng làm thế nào để Michel không biết được rằng tôi đã phản bội anh ấy?

Tôi gác máy và quay trở lại bên George-Harrison. Anh ta đang chờ tôi trong sảnh ra vào.

- Chúng tôi có thể vào phòng vi phiếu được không? – Tôi hỏi cô nhân viên lễ tân.

- Phải chứng minh rằng nghề nghiệp của cô cho phép thực hiện việc đó. Cô là giáo viên, giảng viên đại học hay nhà nghiên cứu?

Tôi xuất trình thẻ phóng viên, hy vọng nó sẽ phù hợp. Nữ nhân viên lễ tân xem xét tấm thẻ với vẻ nghi hoặc. George-Harrison liền khen ngợi bộ trang phục của cô ta, và với vẻ táo tợn quý tha ma bắt, hỏi xem cô ta có đồng ý đi uống một ly với anh ta sau khi hết giờ làm không.

- Hai người không phải là một đôi sao? – Cô ta vừa hỏi vừa đỏ mặt lên.

- Ồ không, – George-Harrison trả lời.

Gần như ái ngại cho tôi, cô ta lấy một cuốn biên lai, giật ra hai cái vé và đưa cho chúng tôi.

- Căn phòng cô đang tìm nằm dưới tầng hầm, hãy đi theo cầu thang ở cuối phòng và đừng có làm ồn. Hai người đưa vé này cho người phụ trách bộ phận đó.

Chúng tôi đi ngang qua thư viện. Ngược với thư viện ở Croydon, thư viện này rộng mênh mông và được trang bị những đồ đạc hiện đại có thể khiến Vera phải tái mặt vì ghen tị, và hẳn sẽ khiến anh tôi phải thất nghiệp. Phần lớn các ghế đều có người ngồi, họ là độc giả đơn thuần, sinh viên hoặc nhà nghiên cứu đang tra cứu trên màn hình máy vi tính đặt trên bàn. Bàn phím

kêu rào rào, chẳng khác nào một đội quân gặm nhấm.

Người ta dẫn chúng tôi đến ngôi trước một cỗ máy của thời kỳ trước. Màn hình màu đen nhô cao trên một chiếc bàn nhỏ trong suốt. Tôi đã nhìn thấy những chiếc máy soi cảnh dạng này trong những bộ phim cũ, nhưng chưa từng thấy trong đời thực. Người phụ trách bộ phận lưu trữ lục trong một cặp hồ sơ, rồi một cặp nữa, rồi cặp thứ ba trước khi quay lại với một cái túi nhỏ bằng xenlophan, trên đó có tám bức ảnh, nhỏ đến nỗi có thể cầm gọn trong lòng bàn tay.

- Hẳn là tờ báo không được thành công cho lắm, chỉ phát hành duy nhất một số, – người phụ trách tuyên bố với tôi.

Anh ta trượt chiếc túi trên chiếc bàn nhỏ của cỗ máy mà anh ta vừa bật lên. Trước mắt tôi hiện ra nét chữ đẹp đẽ của tờ *The Independent*. Nó được phát hành ngày 15 tháng Mười năm 1980 và tôi vừa nín thở vừa cho chạy tám tờ giấy nhỏ.

Các cột của tờ tuần báo nói về một chiến dịch bầu cử đang trong giai đoạn cao trào. Đã nhiều tuần, tổng thống sắp mãn nhiệm và người tranh cử với ông đang đối đầu trong những lần đối thoại gay gắt chưa từng thấy. Reagan chế giễu quan điểm hòa bình của Carter, còn Carter lên án Reagan là một kẻ cực hữu nguy hiểm với những bài diễn văn khuyến khích lòng thù hận và chủ nghĩa phân biệt chủng tộc. Biểu ngữ của thống đốc bang California “Đưa nước Mỹ trở lại”, những lời hứa với các liên minh quân sự, ý định khôi phục quyền lực cho các tiểu bang vốn đã bị Washington chiếm đoạt một cách thái quá sẽ giúp đảng Cộng hòa chiếm được Nhà trắng và Nghị viện, điều chưa từng xảy ra suốt ba mươi năm trước đó.

- Nếu những phương pháp này vẫn còn hiệu quả, thì chúng ta đang thắng tiến đến thắng lợi của Trump, – tôi cầu nhàu.

- Ông ta không có chút cơ hội nào đâu, gã đó không hề đáng tin, – George-Harrison chỉnh đốn tôi.

Tôi tiếp tục lướt qua các trang. Các bài bút chiến nối tiếp nhau. Một bài đề cập đến hậu quả của việc cắt giảm trợ cấp xã hội, việc có thể làm bùng nổ tình trạng nghèo khổ ở nước Mỹ, nơi 30% dân số sống dưới mức nghèo khổ. Một bài báo khác tố cáo cách hành xử của Không quân Mỹ sau khi một làng bị nhiễm bệnh do nổ tên lửa đạn đạo ngay trong hầm chứa. Bài báo thứ ba nói về việc bắt giữ một nữ phóng viên, người đã từ chối tiết lộ nguồn tin trong một vụ việc gây nhiều tranh cãi liên quan đến trách nhiệm nuôi dưỡng con cái sau ly hôn. Trang cuối cùng được dành cho chủ đề văn hóa, *Evita* là vở nhạc kịch hài của năm, Coppola đang giới thiệu một bộ phim của Godard tại New York, Ken Follett đứng đầu trong danh sách bán chạy, Elizabeth Taylor, ở độ tuổi bốn mươi bảy, sẽ lần đầu tiên bước lên sân khấu Broadway.

Nhưng đọc hết các trang mà tôi vẫn không tìm thấy trang gấu. Tôi giở lại các tấm phiếu, xem số trang, để kiểm tra chắc chắn rằng không thiếu trang nào. Không có trang gấu. Những người làm ra tờ báo này không muốn để lộ tên. Dưới các bài báo, tên tác giả chỉ được ký tắt bằng chữ cái đầu.

- Họ của anh là gì?

- Collins, – George-Harrison trả lời.

- Thế thì, – tôi vừa nói vừa đưa ngón tay chỉ vào màn hình, – bài báo này viết về một nhà máy đã đầu độc một dòng sông và

các hồ chứa nước xung quanh, hẳn là do mẹ anh viết.

George lại gần màn hình và đọc các chữ cái “M.C.”

- Tôi chẳng thấy bài báo nào do mẹ tôi viết cả. Trừ khi mẹ tôi thể hiện khiếu hài hước, với tư cách tổng biên tập, khi ký tên là “Điện hạ tôn kính” trong bài báo viết về những nỗi thất vọng của một gia đình danh giá...

- Có thể bà ấy không phải là phóng viên chẳng? Ta có thể điều hành một bệnh viện mà không cần phải là bác sĩ.

- Có thể thế, – tôi trả lời, lòng đầy phân vân.

Tôi chụp lại từng trang bằng chiếc iPhone. Tôi muốn đọc tờ báo mà mẹ tôi đã khai sinh trong căn phòng yên tĩnh của mình. Thật lạ lùng, tôi cảm nhận được sự hiện diện của bà, như thể bà đã đến đây để cho phép tôi tiếp tục công cuộc tìm kiếm.

- Thế bây giờ, chúng ta làm gì đây? – George-Harrison hỏi.

- Tôi chưa biết, nhưng chúng ta có bằng chứng là *The Independent* đã tồn tại. Phải dành thời gian để tìm ra trong đó thông tin, dù là nhỏ nhất, có thể đưa chúng ta đến với một người từng quen biết họ, một cộng tác viên của tờ báo chẳng hạn.

- Nhưng nếu tác giả các bài báo đều không ký tên đầy đủ, thì làm thế nào chúng ta có thể xác định danh tính của bất kỳ ai?

Một ý tưởng gàn dở lướt qua tâm trí tôi, mà những ý tưởng gàn dở thì tôi luôn không thiếu, thế nên thêm một ý tưởng nữa cũng chẳng khiến tôi gặp rủi ro gì. Khi lướt qua các trang của tờ *The Independent*, ta nhanh chóng hiểu ra chủ trương của ban biên tập. Đây chắc chắn là một tờ báo điều tra.

Tôi quay sang người phụ trách bộ phận lưu trữ, nhân đó nhận thấy rằng công việc dưới hầm ngầm đã khiến nước da anh ta cũng nhợt nhạt chẳng khác gì những tấm vi phiếu, và đề nghị anh ta cho tôi mượn những ấn bản của tờ *Baltimore Sun* từ ngày 12 đến ngày 19 tháng Mười năm 1980.

- Cô đang làm gì vậy? – George-Harrison hỏi tôi.

- Anh có biết câu ngạn ngữ: “Khi ở Rome thì hãy cư xử như dân thành Rome” không?

Tôi không thể nào để ra một bài báo mà không đến những nơi tôi phải miêu tả. Tôi đang hóa thân vào các phóng viên của tờ *The Independent*. Họ đã tìm kiếm thông tin ở đâu nếu không phải là từ các nhân vật danh giá thời đó: chính trị gia, các thành viên của xã hội thượng lưu, các giáo sư. Và tất cả những con người xuất chúng ấy ưa thích điều gì? Những nghi lễ chính thức và những thú ăn chơi của xã hội thượng lưu. Những bài viết và những bức ảnh về giới thượng lưu đăng trên tờ *Baltimore Sun* trong cùng khoảng thời gian đó có thể sẽ cung cấp cho tôi vài gương mặt, và với chút may mắn, sẽ có cả danh tính của những người đã hòa mình vào các sự kiện đó để viết bài. Nếu là họ, có lẽ tôi cũng sẽ làm như vậy.

Tháng Mười năm 2016, Croydon

Véra mở cửa tủ lạnh. Mọi thứ đều ở đúng chỗ. Rau củ để trong ngăn, chế phẩm từ sữa ở khay phía trên và miếng thịt lườn ở ngăn giữa. Chị thở dài khi nhìn bóng mình trong ô kính của chiếc lò vi sóng, bỏ kính, buông xõa mái tóc đang buộc đuôi ngựa và ra khỏi bếp. Trong phòng khách, Michel đang xếp bộ đồ ăn trên chiếc bàn thấp kê trước ti vi.

- Có chuyện gì không ổn sao? – Anh hỏi.

Véra ngồi xuống tay vịn ghế bành và thở dài lần nữa.

- Bức thư đó thì làm được gì, nếu anh vẫn giữ những bức còn lại?

- Để giúp đỡ em gái anh, mà không phải phản bội.

- Nếu như thế, tại sao lại là bây giờ? Em biết rõ là anh đang có một ý tưởng trong đầu khi hành động như vậy. Anh không bao giờ làm gì một cách ngẫu nhiên cả.

- Bởi vì anh chưa bao giờ tìm ra bằng chứng thấy sự ngẫu nhiên có tồn tại. Anh không muốn em gái anh từ bỏ vụ điều tra.

Anh tin chắc là Maggie đã tìm cách khiến con bé nản lòng. Mặc dù Elby luôn khẳng định điều ngược lại, nhưng em gái út của bọn anh có ảnh hưởng nhất định đến Elby đấy.

- Kể hết với cô ấy chẳng phải sẽ đơn giản hơn sao?

- Như thế có lẽ là không logic. Cứ cho là anh đã tìm ra cách thức để làm trái lời hứa của mình, và vẫn còn một giả thiết rất... ngẫu nhiên... là anh có thể bám vào lý do duy nhất đó, nhưng cứ cho là thế đi... Tất cả những gì anh có thể kể với Elby sẽ đều bị sai lệch.

- Em không hiểu tại sao, – Véra phản đối.

- Khi anh đọc một thư mục và thấy các sự việc không đáng tin cậy, anh sẽ tìm các nguồn thông tin khác để kiểm tra lại chúng. Chính bằng cách đó, anh có thể hiểu rõ câu chuyện. Nhưng nếu một người nào đó kể với anh cùng câu chuyện ấy, với lời lẽ của anh ta, bằng giọng điệu của anh ta, kèm cảm xúc của anh ta, thì chính anh ta là người diễn giải câu chuyện thay cho anh và cho dù câu chuyện của anh ta có chính xác đến mức nào, thì đó vẫn là câu chuyện của anh ta. Elby phải tìm ra sự thật của con bé, chứ không phải sự thật của anh. Anh muốn cho con bé tất cả các cơ may để tự phát hiện ra sự thật đó. Với lại, cần có thời gian để chấp nhận những chuyện như thế này. Khi có cảm giác đang làm việc theo yêu cầu, con bé sẽ có nhiều cơ hội để thích nghi với nó hơn.

- Anh thực sự tin như thế sao?

- Thật không dễ dàng khi phát hiện ra rằng người ta đã luôn nói dối ta.

- Nhưng anh thì đã tha thứ rồi.

- Không, anh đã chấp nhận, hai chuyện hoàn toàn khác nhau.

25

Eleanor-Rigby

Tháng Mười năm 2016, Baltimore

Chúng tôi đã ở thư viện cả ngày, tôi đã nhân dịp này mua một cuốn sách tập hợp bản sao các tài liệu do gia đình Edgar Poe trao tặng. Tổng biên tập của tôi sẽ vô cùng hài lòng.

George-Harrison đã giúp tôi xem xét tỉ mỉ từng cột của tờ *Baltimore Sun*. Cả hai chúng tôi đều rình rập bất cứ thông tin nhỏ nhất nào cho phép công cuộc điều tra của mình tiến triển.

Một bài báo ca ngợi chính sách của thị trưởng, người ta phải mang ơn ông về dự án tái sinh bến cảng, nơi ông muốn biến thành một địa điểm nghỉ mát để thu hút nhiều khách du lịch hơn, việc xây dựng một tòa nhà hội nghị mới mở cửa vài tháng trước để thu hút khách hàng trong giới làm ăn, một cuộc tranh luận giữa hai ứng viên tranh cử tổng thống sẽ diễn ra vào ngày 21. *The Sun* thuật lại buổi đối chất giữa thị trưởng và ông chủ sở hữu đội Colts, ông này vô cùng giận dữ vì sân vận động quá thiếu thốn trang thiết bị, trong khi rõ ràng nó đã rất xuống cấp. Ông ta đe dọa sẽ chuyển đội của mình đi nơi khác. Ngày 17, một vụ hỏa hoạn đã xảy ra trong khu phố cũ, thiêu hủy một trường trung học và một phần nhà thờ của giáo phái Calvin.

Tôi đọc những trang văn hóa, vui thích trước những bức ảnh chụp một buổi hòa nhạc của nhóm Who – ba tôi gọi họ là nhóm “The Beatles nhỏ”. Baltimore đã trở thành sân khấu lớn của thể loại nhạc punk, hard rock và metal. Có lẽ tôi thích được sống ở thời kỳ đó, với tôi dường như mọi thứ đều toát lên hơi thở của tự do.

- Chờ chút, – tôi đột ngột bảo George-Harrison, – quay lại đi.

George-Harrison quay tay quay của đầu đọc vi phiếu, tôi dừng lại ở trang có một bức ảnh chiếm cả nửa mặt giấy. Bức ảnh chụp một đám đông những người mặc đồ hóa trang nhân một buổi khiêu vũ hóa trang. Lời chú ảnh khiến tôi chú ý.

“Một bữa tiệc tuyệt vời để ăn mừng lễ đính hôn của Édouard Stanfield.”

- Stanfield... – tôi vừa nói vừa chỉ vào màn hình, – tôi đã thấy cái tên này xuất hiện trên tờ *The Independent*.

- Đúng thế, tôi cũng có nhớ, nhưng không còn nhớ đoạn đó nói về chuyện gì nữa, – George-Harrison vừa trả lời vừa ngáp.

Người phụ trách bộ phận lưu trữ đã bỏ mặc chúng tôi, mà không nói cho chúng tôi biết anh ta cất các ấn bản lưu trữ của tờ *The Independent* ở đâu. Tôi đã chụp lại các trang báo, tối nay tôi sẽ đọc lại sau khi về phòng. George-Harrison đưa tay xoa mắt, anh ta cũng mệt mỏi không kém gì tôi sau khi nhìn chăm chăm vào màn hình lâu đến thế.

Trong lúc chúng tôi ăn tối ở một quán rượu trên bến cảng, anh ta trả lời những câu hỏi của tôi về cuộc sống của mình. Anh ta kể cho tôi nghe về xưởng mộc, tiết lộ với tôi rằng anh ta có khiếu chế

tác đồ giả cổ, điều đó khiến anh ta có vẻ gì đó dối trá, cho dù anh ta có nói gì đi nữa, nhưng lại rất kín đáo về mẹ anh ta.

Tôi nhiều lần tự nhủ không biết có phải anh ta đang tán tỉnh tôi không. Anh ta không chỉ nghe như nuốt từng lời tôi nói, mỉm cười bất cứ khi nào tôi tỏ ra hài hước, mà còn tâm sự rằng anh ta thấy gia đình tôi thật vui vẻ và rất mong một ngày nào đó được gặp gỡ các thành viên còn lại... Những câu nói kiểu đó không bao giờ là hoàn toàn vô tư hết... Anh ta chỉ phí thời gian thôi. Thứ nhất, anh ta không phải loại đàn ông tôi thích, và thứ hai, tôi đã quyết tâm theo đúng lời khuyên của Maggie.

Phần cuối của buổi tối đó đã chứng minh là tôi có lý.

* * *

George-Harrison

Tâm trạng tôi vô cùng buồn chán, và tôi không thể nghe cô nàng kể về gia đình mình thêm nữa. Tôi thật xui xẻo khi trót hỏi han cô mấy câu, vì lịch sự, bản thân cô cũng hỏi tôi vài câu, và với những định kiến vốn có về đàn ông, nếu tôi không đáp trả tương tự, có lẽ cô sẽ kết tội tôi chính là bằng chứng sống động cho thái độ vị kỷ của nam giới. Có lẽ sẽ tốt hơn nếu tôi không quan tâm đến chuyện đó, im lặng được thì càng tốt, bởi cô nàng ba hoa không ngớt. Tôi phải lắng nghe cô kể chi tiết về cuộc sống của ông bố, bệnh tiểu đường của ông, niềm đam mê ông dành cho

ban nhạc The Beatles, chiếc xe ô tô cũ của ông; cuộc sống của cô em gái và anh bạn trai làm quản lý nhà hàng, hai người đó không ngừng cãi cọ nhau; và về cuộc sống của người anh trai làm thủ thư, người bị cô nàng nghi ngờ là đang bí mật đi lại với một nữ đồng nghiệp. Tôi đã mất cả ngày nhìn cô nàng đọc những tờ báo cũ, để rồi kết quả đạt được là gì chứ?

- Tôi không làm anh chán ngán với những câu chuyện đó đấy chứ? – Cuối cùng cô cũng hỏi, giọng đầy lo lắng.

-Ồ, không hề, thậm chí còn ngược lại ấy chứ, – tôi lịch sự trả lời. – Tôi rất muốn được làm quen với một gia đình đầy sức sống như gia đình cô. Cô không bao giờ cho thuê họ sao?

- Tôi biết, tôi nói nhiều quá, nhưng tôi rất nhớ họ.

- Vậy cô cứ tiếp tục đi.

- Nếu một ngày nào đó anh đến nước Anh, tôi sẽ giới thiệu gia đình tôi với anh.

Phải chăng cô nàng đang tán tỉnh tôi? Bởi vì những lời đề nghị kiểu đó không bao giờ là hoàn toàn vô tư.

- Sao lại không nhỉ, – tôi đáp. – Ai mà biết được vụ điều tra này sẽ dẫn chúng ta đến đâu?

- Đến Canada, có lẽ thế, bởi vì xét cho cùng, đó chính là nơi những bức thư nặc danh được gửi đi.

- Những bức thư đầu tiên thì đúng, nhưng bức thư thứ hai tôi nhận được lại gửi đi từ Baltimore.

- Tại sao tác giả của chúng lại phải chuốc lấy vất vả vào thân như vậy? Hẳn hoàn toàn có thể gửi toàn bộ những bức thư đó từ

cùng một nơi.

- Để xóa dấu vết. Hoặc chỉ đơn giản là vì hắn cũng đi du lịch.

- Anh có nghĩ là hiện giờ hắn đang ở Baltimore không? Chuyện này có chút gì đó đáng sợ, anh không thấy thế sao?

- Chẳng nào chúng ta còn chưa biết ý định của hắn, thì tôi không thấy có lý do gì phải sợ cả, mà sợ điều gì chứ?

- Sợ vì không biết ý định của hắn là gì.

Cô nàng đã ghi được một điểm.

- Hắn muốn tập hợp chúng ta, và hắn đã thành công, – tôi nói tiếp.

- Hắn muốn chúng ta biết được rằng mẹ chúng ta có quen biết nhau, và hắn đã thành công, hắn muốn anh đi tìm cha mình và cả trong chuyện đó hắn cũng đã thành công, – cô nàng đáp lại rành rọt.

- Không, chuyện đó vẫn luôn là ý muốn của tôi.

- Rất tiếc vì phải phản bác lời anh, bức thư của hắn đã thúc đẩy anh chuyển sang hành động. Nhưng chúng ta đi lệch trọng tâm mất rồi. Tất cả những chuyện này có ích lợi gì đối với hắn?

- Cô thực sự đang hỏi tôi, hay đã biết câu trả lời?

Cô nàng chồm người qua bàn và nhìn xoáy vào mắt tôi. Không nghi ngờ gì nữa, cô đang tán tỉnh tôi. Tôi sống độc thân từ khi Mélanie bỏ đi, tôi chưa bao giờ là một kẻ tán gái bạo dạn, nhưng thú thật là tôi vẫn thấy bối rối khi được một cô gái chủ động tán tỉnh.

- Tiền, – cô buông một câu cụt ngủn. – Hẳn muốn chúng ta tìm lại số tiền mà họ đã lấy cắp.

- Ai bảo cô rằng đó là tiền?

- Anh thực sự đang hỏi tôi, hay đã biết câu trả lời?

- Tôi làm sao mà biết được câu trả lời cơ chứ?

- Đúng thế, tôi đang hỏi anh câu ấy đấy!

- Cô vẫn còn nghi ngờ tôi sao?

- Hãy trả lời thành thật, chẳng lẽ ý nghĩ rằng chính tôi đã viết bức thư nặc danh đó cho anh chưa từng lướt qua tâm trí anh dù chỉ một lần thôi sao?

- Tâm trí tôi không đủ điên rồ đến mức có một ý tưởng như thế lướt qua được. Tôi sẽ đi ngủ, và nếu sáng mai cô vẫn còn nghi ngờ rằng tôi là một kẻ rác rưởi, thì chúng ta chỉ việc chia tay nhau. Mỗi người sẽ tự tìm kiếm theo cách của mình.

- Ý tưởng rất hay đấy, – cô nàng vừa đáp vừa đứng dậy trước.

Hình như cô không hề tán tỉnh tôi. Tôi thanh toán hóa đơn rồi bỏ đi.

Quay về phòng mình, bực bội, mệt mỏi và phẫn nộ, tôi lên giường đi ngủ. Ngủ một đêm chắc chắn sẽ giúp tôi nhìn mọi việc được rõ ràng hơn. Nhưng cả về chuyện đó, tôi cũng đã nhầm.

* * *

Eleanor-Rigby

Thô lỗ và không có chút khiêu hài hước nào. Anh ta đã bỏ rơi tôi chẳng khác nào bỏ một cái tất cũ. Đồng ý là anh ta đã thanh toán hóa đơn, dù sao đó cũng là một cử chỉ lịch sự... và tôi cũng có bắt nạt anh ta đôi chút. Mặc dù vậy tôi vẫn giận điên người. Maggie hẳn sẽ bảo tôi rằng nếu không có điều gì phải tự trách mình, thì anh ta sẽ không bỏ đi như một tên trộm như vậy. Hơn nữa, việc giở trò ranh ma với những đồ gỗ anh ta làm ra cũng chứng tỏ rằng anh ta chẳng lấy gì làm trung thực cho lắm. Trừ phi là ngược lại: anh ta đã bỏ đi vì bị tôi làm phật lòng, và nếu tôi làm anh ta phật lòng thì có nghĩa là anh ta hoàn toàn vô tội, không hề liên quan gì đến những nghi ngờ của tôi.

Tôi quay về khách sạn, hy vọng ngủ một đêm sẽ giúp tôi suy nghĩ mạch lạc hơn. Ngồi xếp bằng trên giường, tôi bật máy tính xách tay sau khi tự gửi vào địa chỉ email của mình những bức ảnh đã chụp ở thư viện. Tôi đang chuẩn bị đọc lại tờ *The Independent* thì nhớ ra mình đã ghi lại một cái tên trên một mẫu giấy. Tôi tìm thấy nó trong túi áo khoác, và vui đầu đọc bài báo viết về cái tên đó.

Gia tộc Stanfield, được dẫn dắt bởi Hanna, vợ của Robert Stanfield, là một trong những gia tộc quyền lực nhất ở Baltimore.

Nhờ có bà mà Robert Stanfield, người hùng trong Chiến tranh thế giới thứ hai, đã trở thành một trong những thương gia nghệ thuật phát đạt nhất đất nước hiện nay.

Vài ngày nữa, dưới sự bảo hộ của gia tộc Stanfield, sẽ diễn ra một cuộc bán đấu giá rất uy tín, nơi người mua đến từ khắp nơi trên thế giới sẽ được giới thiệu một tác phẩm của Fragonard (giá trị ước tính

khoảng 300.000 đô la), một tác phẩm của La Tour (giá trị ước tính khoảng 600.000 đô la), một tác phẩm của Degas (giá trị ước tính khoảng 450.000 đô la), một tác phẩm của Vermeer (giá trị ước tính khoảng 1.000.000 đô la).

Robert Stanfield đã gặp Hanna vào năm 1944 ở Pháp.

Trở về nước trên một con tàu cùng với người mà ông sẽ cưới làm vợ hai năm sau đó, trong khi ông đang bị chính cha mình hắt hủi, lúc đầu Stanfield cùng vợ sống tại New York.

Năm 1948, phòng tranh Hanna Goldstein mở cửa trên đại lộ Madison. Thời kỳ đó, khi gia đình đang bị nhiều chủ nợ bám theo, việc bán đi một bộ sưu tập tranh mà Hanna được thừa kế, dưới cái họ thời con gái của bà, đã giúp đôi vợ chồng trẻ tạo dựng chỗ đứng trên thị trường nghệ thuật. Hanna Goldstein không hề xa lạ với giới này. Cha cô, nạn nhân của chế độ phát xít, từng là một thương gia nghệ thuật giàu có và nổi tiếng thời kỳ trước Chiến tranh thế giới thứ hai, trong số khách hàng của ông có gia đình Rockefeller và Wildenstein. Phòng tranh Hanna Goldstein nhanh chóng ăn nên làm ra. Năm 1950, sau khi thanh toán hết nợ nần do cha mẹ của Robert Stanfield, những người đã qua đời trong một vụ tai nạn xe hơi thảm khốc, để lại, Robert và vợ trở về Baltimore. Hanna mua lại từ ngân hàng những tài sản cầm cố của gia đình và từ đó bà cầm trịch mọi việc.

Năm 1951, phòng tranh mở một chi nhánh tại Washington, rồi thêm một chi nhánh nữa ở Boston vào năm 1952.

Việc buôn bán rất thành công, và nhà Stanfield tích lũy được một gia tài đáng kể.

Từ thương gia nghệ thuật, vợ chồng nhà Stanfield đã trở thành trùm tư bản trong lĩnh vực bất động sản. Họ đã đóng góp rất nhiều vào công cuộc xây dựng sân golf ở thành phố chúng ta; một chái của bệnh viện thành phố mang tên Sam Goldstein để tri ân những khoản đóng góp của bà Hanna, con gái ông, khi bệnh viện được hiện đại hóa. Gia tộc này còn giữ một vai trò quan trọng trong chương trình cải tạo bến cảng, theo mong muốn của tòa thị chính. Mọi người đều biết họ đã tài trợ cho việc xây dựng tòa nhà nghị viện mới, công trình mang lại niềm tự hào cho thành phố.

Nhưng hãy quay trở lại với câu chuyện của gia tộc này, bởi vì mặc dù đời tư của mọi người cũng như những thói quen của họ không khiến độc giả đọc báo chúng tôi quan tâm, chúng ta vẫn có quyền tự hỏi về cơ sở tạo nên danh tiếng của họ khi họ nuôi tham vọng tranh cử chức thống đốc bang. Chẳng hạn, về sự anh hùng của Robert Stanfield, người mà những hành động khi tham chiến vẫn chưa bao giờ được cơ quan quân sự xác thực, hoặc về bối cảnh khi Hanna được thừa kế những bức tranh từ ông bố.

Những tác phẩm nghệ thuật quý giá dường ấy đã đến nước Mỹ như thế nào? Chúng được cất giữ ở đâu vào những thời điểm đen tối nhất cuộc chiến? Làm thế nào mà bộ sưu tập của Sam Goldstein thoát được bàn tay quân phát xít, trong khi mọi người đều biết rằng chúng từng chiếm đoạt một cách có hệ thống các tài sản thuộc về các gia đình Do Thái? Ai đã cất giấu những bức tranh của ông? Ai đã đứng ra làm trung gian? Hanna Stanfield làm thế nào để lấy lại chúng? Từng ấy bí mật được giấu kín bởi một gia đình đang nuôi tham vọng mở rộng tầm ảnh hưởng của mình từ một thành phố ra cả tiểu bang.

S.A.S.

Tôi không biết ai viết bài báo này, nhưng tôi đã ở trong nghề đủ lâu để không nghi ngờ rằng tác giả viết bài với ý định gây hại. Nếu ngày nay, những nghi ngờ mà bài báo nêu ra sẽ không khiến nhiều người chú ý, thì tôi hình dung là vào đầu những năm 1980, hẳn tình hình sẽ khác. Một lệnh tìm kiếm trên Internet giúp tôi tiếp cận một tin văn được đăng trên một trang web lưu trữ. Robert Stanfield đã rút lui khỏi chiến dịch tranh cử thống đốc bang sau khi một vụ tai nạn khủng khiếp giáng xuống gia đình ông. Bài báo không nói gì thêm. Tôi ghi lại để nhắc mình tìm hiểu thực chất của thảm kịch này.

26

Robert

Tháng Sáu năm 1944

Mặt trời còn chưa mọc, nhưng bóng đêm đã tan loãng dần. Hai người lính du kích đứng gác đang chiến đấu chống cơn buồn ngủ. Khu rừng yên tĩnh, xung quanh chòi săn không một bóng người.

Căn cứ này không rộng lắm, nhưng khá tiện nghi. Ở tầng trệt, có một phòng sinh hoạt, gần lò sưởi bằng đá có một bàn làm việc dùng làm bếp, và một cánh cửa sập trên sàn dẫn xuống hầm. Bên phải, một cánh cửa mở vào phòng của Sam và con gái, bên trái là phòng nơi Robert ở. Trên tầng hai, năm lính du kích đang ngáy trong căn phòng áp mái được sửa thành phòng ngủ. Đã năm giờ sáng, Robert rời khỏi giường, nhanh nhẹn cạo râu trước chiếc gương nhỏ trong bếp rồi thu dọn bọc quân trang của mình.

- Đừng mang theo súng, – Titon, anh chàng người Ý, nói. – Nếu chúng ta bị kiểm tra, chúng sẽ lục soát người chúng ta, và chúng ta phải giả vờ là nông dân vùng này.

- Với âm giọng cậu ấy, hai người hẳn trông giống nông dân vùng này lắm đấy, – Maurice cười khẩy, – nếu bị kiểm tra, cậu ấy chỉ cần đưa giấy tờ và câm miệng.

- Các anh nhanh lên, – người thứ ba lên tiếng, – xí nghiệp mở cửa vào lúc sáu giờ, các anh sẽ đi qua cùng với đám công nhân, đó là cách duy nhất để không bị phát hiện.

Titon và Robert phải thâm nhập xưởng đạn.

- Hãy đến xưởng, nói với quản đốc là sáng nay bồ câu đã bay ngang bầu trời, anh ấy sẽ đưa cho các anh một cái túi dệt, bên trong đựng những thứ cần thiết.

- Rồi sau đó thì sao? – Titon hỏi.

- Sau đó, các anh sẽ trà trộn với những người khác rồi kín đáo đặt dụng cụ bên dưới các dây chuyền lắp ráp.

Dụng cụ là những đoạn ống máng mà họ mới xoáy được. Một cái nút được bắt bằng đinh ốc vào mỗi bên, một cái lỗ để nhét ngòi nổ bằng bụi nhùi, ngòi nổ này cắm sâu vào những thanh ablonit lấy được từ những thợ mỏ thân du kích làm việc trong nhà máy của công trường đá.

- Đến trưa, công nhân sẽ ra sân nghỉ. Các anh sẽ châm ngòi nổ, cứ đếm một giây cho một centimet dây cháy, tổng cộng các anh có hai phút để rút lui khỏi đó. Khi bom nổ, các anh sẽ nhân lúc hỗn loạn để trốn thoát.

Một cái nồi to treo trong lò sưởi, bên trên đám than vẫn còn nóng rực, Robert và Titon mỗi người múc cho mình một bát xúp. Phải ăn một chút, vì chỉ khi đêm xuống trở lại họ mới về đến căn cứ.

Hai cha con Goldstein ra khỏi phòng. Sam bước đến bắt tay Robert. Và cuối cùng, ông choàng tay ôm lấy anh rồi thì thầm vào tai anh:

- Cẩn thận đấy nhé, tôi không hề muốn phải giữ lời hứa của mình đâu.

Tựa lưng vào cánh cửa, Hanna quan sát họ, cô vẫn chìm đắm trong im lặng. Robert khẽ đưa tay vẫy cô, anh vớ lấy bọc đồ rồi cùng Titon bước ra ngoài.

Họ đi xuống con đường cắt ngang khu rừng và cuỗi lên một chiếc xe đạp đôi đang nằm chờ dưới một gốc cây bên vệ đường.

Titon ngồi đằng trước, còn Robert ngồi đằng sau. Titon hỏi giữa anh và cô thiếu nữ người Do Thái có chuyện gì. Cách cô nhìn anh chẳng đánh lừa được ai.

- Dù sao, cô ấy cũng còn hơi trẻ con, – Robert trả lời.

- *Il cuore pien di debolezze*, – Titon thở dài.

- Tôi không hiểu.

- Đây là thổ ngữ ở chỗ tôi, trong tiếng Trevisan, câu đó có nghĩa là thật bất hạnh vì cô bé đó chất chứa nỗi buồn trong lòng. Nhưng còn anh, anh là người Mỹ, tại sao anh lại đi chiến đấu xa nhà mình như vậy? – Titon hỏi.

- Tôi cũng không biết nữa, để chống lại ba tôi, tôi nghĩ là thế. Hồi đó, trong đầu tôi đầy những lý tưởng lãng mạn.

- Vậy thì anh đúng là một thằng ngốc. Chiến tranh chẳng có gì là lãng mạn hết.

- Cả anh cũng thế, anh cũng đi chiến đấu xa nhà đấy thôi.

- Tôi sinh ra ở đây, ba mẹ tôi đến đây vào năm 1925. Nhưng đối với người Pháp, tôi vẫn luôn là người ngoại quốc. Họ không quý chúng tôi cho lắm. Tôi vẫn luôn thấy họ thật kỳ quặc, ba mẹ

tôi hôn hít chúng tôi cứ như thể chúng tôi là những cái bánh mì thơm phức, nhưng người Pháp thì không bao giờ hôn con họ. Khi còn là trẻ con, tôi cứ tưởng họ không yêu chúng, nhưng trên thực tế, họ không biết cách thể hiện tình cảm của mình.

- Nếu họ có nhiều nhược điểm đến thế, tại sao anh lại chiến đấu vì họ?

- Tôi chiến đấu với bọn phát xít, dù chúng ở đâu, và nếu một người khác hỏi anh về lý do khiến anh tham gia chiến tranh, hãy trả lời như thế, sẽ có lợi cho anh hơn đấy.

Sau khi họ đi được mười kilomet, đám cảnh binh chốt ở một ngã tư chặn họ lại.

Titon và Robert trình giấy tờ. Như đã thống nhất từ trước, chỉ một mình Titon lên tiếng. Hai người họ là công nhân và đang đi đến xưởng đạn. Anh nài nỉ gã hạ sĩ cho họ đi qua, nếu họ đến muộn thì đốc công sẽ trách mắng họ thậm tệ.

Một gã trong đám cảnh binh lại gần Robert và hỏi có phải anh đã ăn mất lưỡi rồi không.

- Cậu ấy bị câm điếc, – Titon trả lời thay cho anh.

Gã hạ sĩ ra lệnh cho họ xuống xe. Gã xô đẩy Robert và câu chửi thề mà anh buột miệng đã để lộ gốc gác của anh.

Hai đấu với bốn, cuộc chiến không cân sức, nhưng chưa chắc họ đã thua. Titon lao vào gã hạ sĩ và nện cho gã một cú móc khiến gã ngã vật ra đất, Robert tấn công một tên cảnh binh khác và đè được hắn xuống đất. Gã cảnh binh thứ ba nện một cú đá vào sườn anh, khiến anh nghẹt thở, rồi một cú khác vào mặt và cú dận gót vào cằm khiến anh xây xẩm mặt mày. Anh chàng người Ý lao vào

gã và giáng một quả đấm móc vào giữa mặt gã, nhưng tên cảnh binh thứ tư đã rút súng ra bắn ba phát liền.

Titon chết ngay tại chỗ. Đám cảnh binh kéo xác anh vứt sang vệ đường, để lại một vết máu đỏ dài trên đường. Robert bị còng tay và ném lên đằng sau chiếc xe tải nhỏ của chúng.

Đến sở cảnh sát, anh bị lột quần áo rồi bị trói chặt vào một cái ghế, cả người trần như nhộng. Ba tên lính bảo an đứng trong phòng. Một phụ nữ vừa bị tra tấn đang quần quai đau đớn, nằm co quắp trên sàn nhà. Robert chưa từng chứng kiến bạo lực có thể gây ra nỗi đau đớn đến nhường ấy, anh chưa bao giờ kể cận sự bắn thủ của nó, mùi máu trộn lẫn mùi nước tiểu. Một gã lính bảo an giáng cho anh hai cái tát khiến anh ngã khỏi ghế. Hai gã còn lại dựng anh dậy và gã kia lại tiếp tục. Trò tra tấn của chúng kéo dài suốt một giờ, mà chúng không hề hỏi anh câu nào. Robert ngất đi hai lần, và cả hai lần chúng đều làm anh tỉnh lại bằng cách giội một xô nước lạnh lên người anh.

Rồi chúng đẩy anh về phía một xà lim. Trong hành lang, một người đàn ông nằm co quắp trên nệm rơm, thân trên và hai cẳng chân đầy những vết thương. Robert nhìn anh ta hồi lâu. Gã cảnh binh hét lên:

- Chúng mày quen nhau phải không?

Bằng ánh mắt kín đáo, người du kích khiến Robert hiểu rằng không nên thể hiện là đã nhận ra anh ta.

Đến giữa trưa, chúng đưa anh vào một phòng tra tấn và ra sức tấn anh. Những cú đánh dội xuống như mưa. Một gã cảnh sát bước vào, ra lệnh cho đám lính bảo an dừng ngay lại và rời khỏi

căn phòng.

- Tôi là thanh tra Vallier, tôi rất tiếc về cách đối xử mà họ đã dành cho anh, – hần nói. – Chúng tôi tưởng anh là người Anh, nhưng anh lại là người Mỹ, đúng không? Tôi không có gì chống lại đồng bào của anh cả, thậm chí là ngược lại. Gary Cooper, John Wayne, toàn là những nhân vật đáng nể. Vợ tôi hâm mộ Fred Astaire cuồng nhiệt. Tôi thì thấy anh ta hơi mềm yếu ủy mị, nhưng phải thú thật với anh là anh ta có đôi chân thật sự tài năng.

Và Vallier nhảy vài bước theo điệu clacket để bầu không khí bớt căng thẳng.

- Tôi vốn tính tò mò, có lẽ là bệnh nghề nghiệp. Thế nên tôi tự hỏi một người Mỹ có thể mưu đồ gì trên một chiếc xe đạp đôi cùng một kẻ khùng bố. Và trước khi anh trả lời, hãy để tôi chia sẻ với anh hai giả thiết nảy ra trong đầu tôi. Giả thiết thứ nhất là hần cho anh đi nhờ xe và anh không hề biết kẻ xảo trá đó là bè lũ của những kẻ nào. Giả thiết thứ hai là anh đi cùng hần. Đương nhiên hệ quả của hai giả thiết đó không hề giống nhau. Hãy để tôi suy nghĩ thêm trước khi lên tiếng... Nếu anh đi nhờ xe hần, vậy tại sao hần lại một mình đạp một chiếc xe đôi? Anh thấy không, chuyện đó là không khớp và thật tai hại. Bởi vì nếu cấp trên của tôi cũng tự hỏi mình câu đó, thì tôi không biết làm thế nào để lôi anh ra khỏi nanh vuốt của họ. Thế nên, trước khi họ đi ăn trưa về, tôi sẽ tiết lộ với anh một bí mật nhỏ. Có hai cánh cửa để ra khỏi sở cảnh sát. Một cánh cửa thông ra một khoảnh sân nhỏ, chính là nơi họ sẽ bắn anh. Tòa án của chúng tôi đã quá bận với việc xét xử những kẻ khùng bố người Pháp rồi, vả lại, dù sao thì một người

Mỹ đến đất của chúng tôi để kết bè kết đảng với chúng cũng không có quyền được mang ra xét xử. Gián điệp nước ngoài bị coi là vũ khí của quân đội. Bây giờ, việc của anh là suy nghĩ cho kỹ về những gì sắp nói với tôi. Anh còn trẻ, còn cả một cuộc đời trước mặt, sẽ thực sự đáng tiếc cho anh nếu cuộc đời đó sắp kết thúc. À phải rồi, tôi thật ngốc quá, tôi quên chưa nói với anh về cánh cửa thứ hai. Ta hãy hình dung là anh nói cho tôi biết vài cái tên cũng như địa điểm nơi anh ẩn náu cùng đám bạn oan nghiệt kia, tôi sẽ rất vui lòng được tháo còng cho anh rồi đưa anh ra tận đường phố. Tôi sẽ cho rằng giấy tờ của anh là chuẩn xác và chàng thanh niên Robert Marchand sẽ được trở về nhà. Hãy nghĩ đến niềm hạnh phúc của cha mẹ anh khi được gặp lại anh, mà chắc hẳn là anh cũng có một vị hôn thê xinh đẹp chứ?

Thanh tra Vallier quay nhìn chiếc đồng hồ treo tường.

- Hãy nghe tiếng tích tắc đó, – ông ta thì thầm và đưa tay sờ lên tai. – Cấp trên của tôi sắp đến đây rồi, không lâu nữa đâu. Đám cảnh binh đã giăng lưới mai phục các anh, các đội tuần tra đã cắm chốt ở từng ngã tư trên con đường này. Chúng tôi biết rằng các anh ẩn náu đâu đó trong rừng. Đã nhiều tuần nay đám lính bảo an đi trinh sát để xác định vị trí của các anh, thế nên dù anh có giúp chúng tôi hay không, họ cũng sẽ chỉ mất vài ngày để xua các anh ra khỏi nơi ẩn náu thôi. Chịu chết để trì hoãn điều không thể tránh khỏi một thời gian ngắn ngủi đến thế thì thật ngu ngốc làm sao, phí hoài làm sao! Với lại, nếu anh tiết lộ với tôi, anh sẽ cứu được mạng sống của bạn bè anh. Nếu chúng tôi biết nơi ẩn náu của họ, việc bắt giữ sẽ diễn ra mà không phải dùng đến bạo lực. Khi bị bao vây, họ sẽ đầu hàng. Nhưng nếu quân cảnh bắt được họ trong một cuộc tuần tra, sẽ có nổ súng từ cả hai bên và có

đổ máu, chỉ để đạt đến cùng một kết quả. Hãy tỏ ra thông minh, hãy cứu mạng sống của anh và mạng sống của đồng đội anh. Hãy gọi tôi khi đã quyết định xong. Anh còn cùng lắm là mười lăm phút nữa.

27

Eleanor-Rigby

Tháng Mười năm 2016, Baltimore

Khi George-Harrison xuất hiện tại phòng ăn vào buổi sáng, tôi kể với anh ta về nhà Stanfield. Đêm qua, tôi đã dành một khoảng thời gian dài để tìm kiếm dấu vết hiện diện của họ trong thành phố mà không thấy gì, kể cả địa chỉ dinh thự nổi tiếng một thời của họ cũng không. Nhớ lại cách mẹ tôi tìm lại ba tôi ở Croydon, tôi đã xuống quầy lễ tân để hỏi mượn một cuốn danh bạ. Anh chàng bảo vệ nhìn tôi chằm chằm, như thể tôi vừa hỏi mượn một thứ gì đó bất lịch sự.

Ngay khi George-Harrison vừa nuốt xong ngụm cà phê, tôi hỏi xem anh ta có đồng ý đi cùng tôi đến tòa thị chính không.

- Tôi sẽ không đi trước khi cô quỳ một gối xuống sàn và xin hỏi cưới tôi theo đúng chuẩn mực, – anh ta vui vẻ trả lời.

Tôi khẽ nhếch mép cười và đảm bảo với anh ta rằng nếu anh ta cố gắng thêm chút nữa, lần tới tôi sẽ cố gắng cười khi anh ta nói đùa. Đến tòa thị chính, chúng tôi chia nhau những việc phải làm. Tôi chịu trách nhiệm về mặt hộ tịch, và sẽ cố gắng tìm hiểu xem Hanna và Robert có còn sống không, còn George-Harrison lo tìm

thông tin địa chính, để xác định vị trí ngôi nhà của họ.

- Đồng thời, nếu họ chết rồi, chắc chắn chúng ta sẽ tìm ra họ ở nghĩa trang.

- Nếu anh tiếp tục vui vẻ như thế, tôi sợ là ngày sẽ không đủ dài đâu...

* * *

Nằm ở số 100 đường North Holiday là một tòa nhà theo phong cách Second Empire^[23], sự tái sinh thực sự của nghệ thuật Ba rốc với mái nhà kiểu Mansard^[24] che trên một mái vòm đồ sộ. Trong những lần đến Mỹ, tôi đã đi thăm nhiều tòa nhà công cộng có kiến trúc tương tự. Tuy nhiên, khi vào đến bên trong, chúng tôi lạc giữa một mê cung thực sự. Mỗi người một bên, chúng tôi gõ hết cánh cửa này đến cánh cửa khác, mà không thể tìm được cánh cửa phù hợp. Sau khi gặp lại nhau đến lần thứ ba bên dưới đình tròn, khoảng chuyển giao để từ đó các hành lang tỏa ra nối vào các cánh cửa tòa nhà, chúng tôi quyết định đi cùng nhau. Chúng tôi đang đi đi lại lại trong hành lang tầng ba thì gặp một phụ nữ, người đã tốt bụng dẫn đường cho chúng tôi khi nhìn thấy chúng tôi quay lại với vẻ mặt đầy bức dọc.

Có vẻ bà biết rất rõ nơi này. Bà lại gần lan can và chỉ xuống một hành lang ở tầng dưới.

- Hãy đi thẳng hướng Nam, – bà nói và chỉ tay theo hướng đó. – Đi hết hành lang, hai người rẽ phải rồi rẽ trái, thế là đến nơi.

- Chính xác thì chúng tôi sẽ đến đâu? – George-Harrison hỏi.

- Thì đến phòng hộ tịch, nhưng hai người nhanh chân lên, mười hai giờ là họ đóng cửa đấy.

- Thế chúng tôi làm thế nào để ra được cầu thang?

- Để ra cầu thang, hãy đi thẳng theo hướng Bắc, – bà nói rồi quay người lại. – Hai người đi xuống cầu thang và khi đã xuống đến tầng hai, hãy đi theo hướng ngược lại, đi vòng qua đình tròn rồi tiếp tục đi thẳng.

- Thế còn phòng địa chính? – Tôi hỏi.

- Không biết bà có từng nghe nói đến một gia đình xưa ở Baltimore có họ là Stanfield không? – George-Harrison hỏi xen vào.

Người phụ nữ nhướng một bên lông mày và mời chúng tôi đi theo bà. Chúng tôi xuống cầu thang, và đến tầng trệt, ngay giữa đình tròn, điểm xuất phát lúc đầu. Sáu cái hốc được khoét trên bức tường vòng cung, trong đó có đặt sáu bức tượng. Người phụ nữ chỉ vào bức tượng một người đàn ông mặc áo rơ đanh gốt và đội mũ chóp cao bằng alêbat đang đứng đầy vẻ tự hào, một bàn tay đặt trên đầu gậy.

- Frederick Stanfield, 1842-1924, – bà vui vẻ thông báo. – Nếu ông ấy là người hai vị tìm kiếm, thì tấm biển này sẽ giúp hai người khỏi phải đến phòng hộ tịch. Ông ấy là một trong những người sáng lập ra thành phố này và đã đóng góp vào việc xây dựng tòa nhà đẹp đẽ này với tư cách là kiến trúc sư. Những bản vẽ đầu tiên được thuyết trình ngay trước khi nội chiến nổ ra, việc xây dựng bắt đầu vào năm 1867 và hoàn tất tám năm sau đó. Và toàn bộ công trình chỉ tốn một khoản tiền nhỏ là tám triệu đô la, tiền thời đó. Cả một gia tài thực sự. Để hình dung được số tiền tương đương vào thời điểm hiện nay, ta sẽ phải nhân nó lên một trăm lần. Chỉ cần một phần tư số đó cũng đủ để khóa ngân sách

của tôi.

- Xin thứ lỗi cho sự tò mò của tôi, – tôi nói, – nhưng bà là ai vậy?

- Stephanie Rawlings-Blake, thị trưởng Baltimore, rất vui được tiếp đón hai người. Và nhất là đừng nên nghĩ tôi thông thái hơn vẻ ngoài của mình, bởi vì tôi đi qua những bức tượng này suốt ngày.

Chúng tôi nồng nhiệt cảm ơn bà, và trước khi chia tay, tôi không thể ngăn mình hỏi bà xem người nhà Stanfield còn sống ở Baltimore hay không.

- Tôi không biết gì về chuyện đó, – bà trả lời, – nhưng tôi biết một người có thể cung cấp thông tin cho anh chị.

Bà lấy điện thoại di động ra và kiểm tra để chắc chắn là tôi có thứ gì đó ghi lại trước khi cho tôi số điện thoại.

- Giáo sư Shylock là bộ nhớ sống của chúng tôi, ông ấy am hiểu lịch sử Baltimore hơn bất cứ ai và giảng dạy nội dung đó ở đại học Johns Hopkins. Ông ấy rất bận rộn, nhưng hãy gọi cho ông ấy và bảo tôi đã cho hai người số điện thoại, tôi tin chắc là ông ấy sẽ giúp. Ông ấy không thuộc một phòng ban cụ thể nào, nhưng là người soạn thảo tất cả các bài diễn văn chán ngán mà tôi đọc ở các lễ khánh thành khác nhau. Nhưng đừng có nhắc lại với ông ấy câu tôi vừa nói nhé. Bây giờ, tôi phải đi đây, tôi sắp phải dự cuộc họp của hội đồng thành phố.

Bà rời đi cũng kín đáo như khi xuất hiện.

- Và nhất là, đừng có cảm ơn tôi, – George-Harrison cầu nhàu.

- Cảm ơn anh về chuyện gì?

- Vì đã sáng suốt hỏi thăm bà thị trưởng và tránh cho chúng ta phải mất thêm một ngày nữa.

- Bởi vì có lẽ anh đã biết trước rằng bà ấy là thị trưởng? Không, không đời nào có chuyện ấy đâu. Và nói để anh biết, hãy nhớ rằng nếu không đến thư viện, chúng ta sẽ không bao giờ biết đến sự tồn tại của nhà Stanfield.

- Thứ nhất, cô là người ác ý đến khó tin, thứ hai, nói để cô biết, hãy nhớ rằng nói lời cảm ơn không bao giờ khiến người ta bị rút mất lưỡi cả, và thứ ba, ta sẽ làm gì với nhà Stanfield đó của cô?

- Nếu lắng nghe tôi nói lúc sáng nay, thì anh đã không hỏi tôi câu đó. Hanna và Robert Stanfield là những nhà sưu tầm nghệ thuật có máu mặt, đã tham dự các giao dịch bất động sản của thành phố, và cũng là những nhà tài trợ hào hiệp cho nơi này. Ấy thế mà chẳng có ai nói về họ. Những bài báo duy nhất viết về họ là một bài trên tờ *The Independent*, một bài khác trên tờ *The Sun*. Một mục nhỏ để thông báo rằng Robert Stanfield từ bỏ công cuộc tranh cử vào chức vụ thống đốc. Ông Stanfield tự tước bỏ sự nghiệp thống đốc vì lý do một thảm kịch đã xảy đến với gia đình ông ta, nhưng không có thêm dòng nào về thảm kịch đó. Trong giới chính trị, im lặng chính là điều quý giá nhất mà người ta có thể đạt được. Điều đó giúp anh nhận thấy gia đình đó có quyền lực lớn đến thế nào.

- Thôi được, nhà Stanfield là những người có quyền lực, thế chuyện đó thì có liên quan gì đến chúng ta?

- Trong bức thư mà mẹ anh đã viết, bà ấy nhắc một thảm

kịch... Thế nên, anh hãy kết nối các điểm lại với nhau rồi bảo với tôi rằng anh không thấy chuyện đáng ngờ đi? Nhưng nếu anh có hướng điều tra khác tốt hơn, thì tôi xin lắng nghe.

George-Harrison lắc lắc chùm chìa khóa chiếc xe bán tải của anh ta trước mặt tôi.

- Vậy thì, ta lên đường đến đại học Johns Hopkins thôi. Cô sẽ gọi cho giáo sư Shmolek trên đường.

- Shylock! Và thừa nhận rằng tôi là một phóng viên giỏi cũng không khiến lưỡi anh bị rút ra đâu!

* * *

Ông giáo sư tiếp chúng tôi vào giữa chiều. Lời giới thiệu của bà thị trưởng đã giúp chúng tôi mở cánh cửa văn phòng ông, nhưng cũng không hề dễ dàng. Thư ký của ông gần như đã đập máy ngay trước mũi tôi, nhưng sau khi giằng lấy điện thoại di động từ tay tôi, George-Harrison đã xoay sở cho chúng tôi được một cuộc hẹn.

Hết giờ giảng, ông Shylock đang thu dọn giấy tờ ghi chép; vài sinh viên hiếm hoi có mặt trong giảng đường lặng lẽ đứng dậy. Ông hắng giọng và vừa bước xuống bục vừa nhăn mặt. Mái tóc bạc trắng phủ kín nửa sau đầu, chòm râu muối tiêu xồm xồm, ông mặc một bộ quần áo không biết có từ bao giờ, nhưng dù vậy trông ông vẫn là một ông già thanh lịch. Khi chúng tôi tự giới thiệu, ông tỏ vẻ bực bội, rồi huơ chiếc kính trong không trung để ra hiệu bảo chúng tôi đi theo.

Văn phòng của ông sực mùi xi và mùi bụi bặm, ông chỉ cho chúng tôi hai chiếc ghế bành còn trống rồi ngồi xuống ghế của

mình. Sau đó, ông mở một ngăn kéo, lấy ra một ống thuốc giảm đau và nuốt hai viên.

- Chúng đau dây thần kinh hông chết tiệt, – ông càu nhàu. – Nếu hai người đến đây để xin lời khuyên hướng nghiệp cho tương lai, thì đây: hãy chết trước khi già!

- Ông thật tốt bụng, nhưng than ôi, chúng tôi không còn ở độ tuổi để làm sinh viên nữa, – George-Harrison trả lời.

- Nói cho riêng anh thôi! – Tôi trả lời.

Ông Shylock đeo kính lên sống mũi rồi quan sát chúng tôi, lần lượt từng người một.

- Ái chà, anh ta không nói sai đâu, – ông vừa kết luận vừa xoa cằm. – Nếu hai người đến đây không phải để quấy rầy một vị giáo sư, thì tôi có thể làm gì cho anh chị đây?

- Ông hãy cho chúng tôi biết thông tin về gia đình nhà Stanfield.

- Tôi hiểu rồi, – ông vừa nói vừa đứng dậy, và cái nhãn mặt của ông trông thật kinh khủng. – Một mảnh lịch sử nhỏ nhất cũng buộc sử gia phải dành cho nó phần công việc lớn nhất. Và công việc đó bắt đầu từ những cuốn sách. Tôi không ngừng nhắc đi nhắc lại điều đó với các sinh viên của tôi. Nếu hai người quan tâm đến cuộc đời của Frederick Stanfield, hãy chịu khó đến thư viện trước khi làm tôi mất thời gian.

- Hanna và Robert, những người cuối cùng trong gia đình đó. Hai người họ mới là người chúng tôi quan tâm, và tôi không tìm được thông tin gì về họ cả. Cũng không phải là tôi chưa tìm trên Internet, tôi đã mất một phần đêm qua cho việc đó.

- Tuyệt vời, tôi đang ở trước mặt một nữ sử gia lớn trong tương lai đây. Cô ấy đã bỏ ra một phần đêm để lục lại trong cuốn bách khoa thư những điều ngu ngốc cơ đấy. Sao mà cô lại ngốc nghếch đến thế! Bất kỳ ai cũng có thể viết bất kỳ điều gì ở cái nơi hỗn độn ấy. Một gã ngớ ngẩn viết bài, đăng tải những thứ lướt qua đầu anh ta mà không có chút xác thực nào, thế rồi thậm chí người ta còn không hề ngạc nhiên về những tổ chức dối trá và sai lạc sinh sôi nảy nở trên mạng của các vị. Xem nào, ngày mai anh chị hãy khẳng định rằng George Washington nhảy tango giỏi như bất kỳ ai và cả trăm kẻ dấn độn lại mang thông tin đó về trang của mình. Chẳng mấy nữa, người ta sẽ tra Google để biết phải đi tiểu vào giờ nào mới phòng được bệnh ung thư tuyến tiền liệt. Tóm lại, hai người được giới thiệu bởi một người mà tôi phải mang ơn, do đó tôi có nghĩa vụ phải giúp các vị, thế nên tốt nhất là hãy lãng phí thời gian càng ít càng tốt. Hai người muốn biết gì về ông bà Stanfield?

- Chúng tôi muốn biết họ ra sao rồi.

- À thì giống như tất cả mọi người từ sau một độ tuổi nhất định nào đó, họ chết rồi, và một ngày nào đó hai người cũng thế thôi.

- Cách đây lâu chưa? – George-Harrison hỏi xen vào.

- Robert Stanfield qua đời vào những năm 1980, tôi cũng không nhớ năm chính xác nữa, vợ ông ấy qua đời sau ông ấy một chút. Người ta đã tìm thấy xe của bà ấy chìm dưới nước, trong bến cảng. Nỗi đau đớn khiến bà ấy tuyệt vọng, chắc chắn bà ấy đã tự sát, không có gì phải nghi ngờ nữa.

- Ông đọc được điều đó trên mạng hay ông có bằng chứng chính thức? – George-Harrison hỏi.

Sự cả gan trước mặt ông già khó tính ăn nói khó nghe này khiến điểm số tôi dành cho anh ta tăng thêm mười điểm.

Ông Shylock ngẩng đầu lên và nhìn anh ta bằng ánh mắt của một viên công tố.

- Này, xem ra anh không phải là không bạo miệng chém gió khi dám nói với tôi bằng cái giọng đó.

- Thế nhưng, từ khi chúng tôi bước vào đây, văn phòng của ông càng lúc càng hiem gió đấy, – anh chàng đồng hành của tôi nói tiếp.

Thêm mười điểm nữa.

- Chắc chắn là trong mắt hai người thì tôi không được văn minh cho lắm. Ngày nào cái hông khiến anh phải khốn khổ như tôi bây giờ, ta sẽ xem anh còn vui vẻ được đến mức nào. Không, tôi không có bằng chứng chính thức, và cũng không có người nào quay phim Quốc hội Lục địa ở Philadelphia năm 1774^[25], thế nhưng chúng ta vẫn biết những nhà sáng lập đã đạt được điều gì. Lịch sử được viết ra dựa theo suy đoán, nhờ đối chiếu các sự kiện và các bối cảnh với nhau. Và để trở lại với câu chuyện về người phụ nữ mà hai người quan tâm, điều tôi được biết là vào một buổi sáng, chính bà ấy đã tập trung toàn bộ nhân viên, thanh toán lương cho họ rồi rời khỏi nhà để không bao giờ quay trở lại nữa. Hai người tưởng rằng một người ở địa vị của bà ấy lại bắt mình phải đi khắp đất nước bằng cách bắt xe dọc đường hay sao?

- Thảm kịch nào đã giáng xuống gia đình nhà Stanfield? – Tôi hỏi.

- Ta hãy nói là những thảm kịch nào. Đầu tiên là chiến tranh,

cùng với những vết thương nó gây ra, vụ con gái cả của họ mất tích, rồi đến lượt Édouard cũng mất tích, đặt dấu chấm hết cho triều đại của nhà Stanfield. Hanna, cũng giống như biết bao bà mẹ khác, yêu con trai đến say mê. Cậu ấy là tất cả với bà ấy. Vinh quang của gia đình Stanfield đã tắt lụi trong vòng vài tháng. Những lời buộc tội xì xầm lan đi: khi nói đến vụ trộm mà gia đình họ là nạn nhân, người ta nhắc đến âm mưu gian lận với hãng bảo hiểm. Về hoàn cảnh xảy ra tai nạn của Édouard, vụ tai nạn xảy ra vài tuần trước lễ cưới của cậu ấy, người ta thì thầm rằng đó không phải là một tai nạn. Cuối cùng, về buổi bán đấu giá bị hủy bỏ vào phút cuối, người ta khẳng định rằng catalog đã bị thổi phồng. Như thế đã là quá nhiều lời đồn đại đối với một thành phố tỉnh lẻ. Gia đình Stanfield sống xa hoa trong nhung lụa, thế rồi đột nhiên những người ngang hàng họ không còn muốn giao dịch với họ nữa. Tài sản của họ sa sút và tôi tin chắc là Hanna Stanfield thà chết còn hơn phải chịu cảnh đơn độc và ô danh. Chỉ trong một thời gian ngắn, bà ấy đã mất hết: cả gia đình và gia tài. Robert, người đầu tiên trong gia đình, chết vì một cơn đau tim, hơn thế nữa, những kẻ ác mồm ác miệng kể rằng bà vợ đã đầu độc ông ấy. Đúng là một điều sỉ nhục thật sự, khi ta biết rằng ông ấy đã gục xuống trong vòng tay cô ả nhân tình.

- Tại sao báo chí lại không hề viết gì về chuyện của họ?

- Tôi nhắc lại với cô điều này, Baltimore là một thành phố tỉnh lẻ. Ở đây, bà Stanfield bị nhiều kẻ gièm pha, nhưng cũng có những người bạn rất thế lực. Tôi cho rằng tổng biên tập các báo địa phương đã tỏ ra rất chính trực khi không đồn ép bà ấy thêm nữa. Bà ấy đã rất chiều chuộng họ vào thời hoàng kim.

- Họ có thể viết gì được chứ? – Tôi hỏi.

- Hơn ba mươi năm đã trôi qua kể từ khi xảy ra những sự kiện mà tôi vừa kể với hai người. Tại sao gia đình nhà Stanfield lại khiến hai người quan tâm đến thế?

- Đó là một câu chuyện dài, – tôi thở dài. – Ông đã nói rằng lịch sử được viết ra dựa trên những suy đoán, từ việc đối chiếu các sự việc với những lời kể, thế nên tôi đang cố gắng đối chiếu các yếu tố với nhau.

Shylock bước đến bên cửa sổ. Ánh mắt nhìn ra phố, ông có vẻ lơ đãng, như thể đang chìm trong một quá khứ chưa xa xôi lắm.

- Tôi đã gặp họ vài lần trong những dạ tiệc của giới thượng lưu, một giáo sư đại học muốn gây dựng sự nghiệp thì phải biết thể hiện mình lúc này lúc khác. Nhưng tôi chỉ gặp riêng họ có một lần. Hồi đó, tôi nung nấu trong đầu ý tưởng xuất bản một tác phẩm tập hợp tiểu sử của những nhân vật sáng lập ra Baltimore. Tôi vẫn chưa hoàn tất nó. Robert là hậu duệ duy nhất của Frederick Stanfield. Tôi đã đề nghị và ông ấy đã tiếp tôi tại nhà riêng. Đó là một người đàn ông dè dặt, nhưng có bản tính hào phóng. Ông ấy đã tiếp đón tôi rất nồng nhiệt, mở cửa thư viện cho tôi vào và mời tôi uống một loại whisky tuyệt vời. Một chai Macallan Fine năm 1926. Ngay cả hồi ấy, tôi cũng ngờ rằng không có đến quá mười chai loại đó trên toàn thế giới. Thế nên có cơ may thưởng thức rượu đó dù chỉ một lần trong đời cũng khiến ta có một cảm giác không thể nào quên. Chúng tôi đã trò chuyện rất nhiều và lòng hiếu kỳ đã thôi thúc tôi hỏi han Robert về quá khứ của chính ông ấy. Tôi đã hỏi về việc ông ấy tham gia Chiến tranh thế giới thứ hai. Robert đã đến tham chiến ở Pháp trước khi

quân Đồng minh đổ bộ, điều khá hiếm hoi nên đã trở thành một chi tiết đáng chú ý. Phần lớn đồng bào của chúng tôi được gửi đến châu Âu vào đầu năm 44 đều đóng quân ở Anh. Tôi biết rằng ông ấy gặp vợ mình vào thời điểm đó, và tôi đã thầm ước được thuật lại chuyện của họ trong cuốn sách của mình, qua đó thiết lập một sự tiếp nối về thời gian giữa quá khứ vinh quang của cha ông Robert và quá khứ hào hùng của chính ông ấy. Khi tôi đang đề cập đến chủ đề đó, vợ ông ấy bước vào. Robert lập tức im lặng và rút ngắn cuộc trò chuyện của chúng tôi. Tôi đã thu thập được không ít lời chứng trong khuôn khổ nghề nghiệp của mình, đã tra hỏi nhiều người giống như hai người đang làm với tôi lúc này, nhưng vẫn không thể nói cho hai người biết tại sao ông bà Stanfield lại muốn giữ kín chuyện của mình đến thế. Điều tôi không nghi ngờ gì hết, đó là ảnh hưởng của bà Hanna đối với những người khác trong gia đình. Tôi chỉ cần ở trong văn phòng đó cùng họ đôi lúc là đã hiểu được quyền lực của bà ấy. Bà ấy là người cai quản và quyết định tất cả. Chính bà ấy đã tiễn tôi ra cửa. Một cách lịch sự, nhưng đủ quyết đoán để tôi cảm thấy mình không còn được chào đón. Tôi có thể kể gì thêm với hai người nữa nhỉ? Chỉ còn toàn những chuyện ngồi lê đôi mách, và đó không phải là lĩnh vực của tôi.

- Bởi vì ông đã đến tận nơi, vậy ông có thể cho tôi biết ngôi nhà đó nằm ở đâu không?

- Không chỉ là một ngôi nhà, mà là một tòa dinh thự. Tôi là thành viên của tổ chức cấp cao chuyên bảo tồn các địa danh lịch sử, các đồng nghiệp của tôi và tôi đã ra sức phản đối khi một trong những nhà tài trợ vô liêm sỉ xin được giấy phép để phá bỏ dinh thự ấy, thay vào đó là một chung cư sang trọng. Tất cả

những vụ tranh giành thế lực đó đã phá hủy hết di sản lịch sử của chúng tôi, và chỉ phục vụ lợi ích cho một số kẻ có đặc quyền. Tham nhũng và lòng tham là những thảm họa trong thành phố này. Thị trưởng trước đây đã đùa với lửa, nhưng thị trưởng thay thế ông ấy là một người liêm khiết. Nếu không phải thế, lời giới thiệu của bà ấy có lẽ cũng không giúp hai người gặp được tôi ngoài giờ dạy đâu. Dù sao, thời gian đang trôi đi và tôi phải quay trở lại giảng đường rồi.

- Dinh thự đó như thế nào? – Tôi hỏi thêm.

- Sang trọng, được bài trí xa hoa, treo đầy những tác phẩm hội họa bậc thầy, một công trình huy hoàng bây giờ đã không còn nữa, than ôi.

- Bộ sưu tập tác phẩm nghệ thuật đó ra sao rồi?

- Bà Stanfield đã phải từ bỏ nó, do hoàn cảnh bắt buộc, tôi cho là thế. Cũng chẳng dễ dàng gì, vì những lý do mà tôi vừa nêu lúc trước. Tôi rất tiếc phải làm hai người thất vọng, nhưng cuộc đời họ không còn gì cả, nó đã tan biến theo thời gian.

Ông Shylock tiễn chúng tôi ra cửa văn phòng và chúc chúng tôi mọi chuyện thuận buồm xuôi gió.

Khi đã ngồi vào chiếc xe bán tải, George-Harrison vẫn im lặng, trước khi nổ máy khởi hành. Mười phút sau, đến lượt tôi hỏi anh ta chúng tôi đang đi đâu.

- Tôi công nhận là liên quan đến thảm kịch thì gia đình nhà Stanfield đúng là đã hứng đủ, nhưng họ không phải trường hợp duy nhất, thế nên từ đó mà đi đến kết luận rằng...

- Thôi được rồi, anh thắng rồi, tôi cũng đã nghĩ thế. Tôi đã sai

lầm, và điều tệ nhất là tôi không còn biết phải đi theo hướng nào nữa.

- Tuy nhiên, – George-Harrison vừa tiếp lời tôi vừa dừng xe lại trước sở cảnh sát, – trong câu chuyện mà giáo sư Shmolek của cô đã kể, có một câu đáng chú ý.

- Vụ trộm mà ông ấy đã nói tới ư? Tôi cũng đã nghĩ đến nó. Nhưng nếu coi đó là thảm kịch, thì những vụ trộm như thế là chuyện thường ngày trong một thành phố tầm cỡ thế này, và những vụ gian lận với công ty bảo hiểm cũng thế.

- Chính xác. Chính chai rượu whisky mà ông ấy đã nhắc đến, một chai Macallan Fine năm 1926.

- Anh sưu tầm rượu sao?

- Không, mẹ tôi cũng không, ấy thế nhưng bà lại có một chai. Suốt thời thơ ấu, tôi đã nhìn thấy chai rượu ấy đặt trên giá tủ buýp phê. Mỗi năm, vào tháng Mười, bà lại rót cho mình một chút rượu vào đáy cốc. Bây giờ khi đã biết được giá trị của nó, tôi mới hiểu rõ hơn lý do tại sao. Cuối cùng tôi đã hỏi mẹ tôi trò đó có ý nghĩa gì, nhưng bà không bao giờ muốn trả lời.

- Có lẽ tôi đang làm công việc bào chữa cho kẻ không thể bênh vực được, nhưng nếu thế hẳn số lượng chai rượu whisky cũng phải tương ứng với số lượng thảm kịch và các vụ trộm cắp.

- Chai rượu năm 1926 thì không đâu. Trên toàn thế giới, chỉ còn cùng lắm là chục chai, theo như lời ông giáo sư đã kể với chúng ta, và ông ta có vẻ hiểu biết về lĩnh vực này đấy. Tôi không nghĩ đó là một sự trùng hợp. Chai Macallan mà mẹ tôi sở hữu có nguồn gốc từ hầm rượu của Robert Stanfield.

- Anh nghĩ rằng đó chính là kho báu được nhắc đến trong bức thư sao?

- Chúng ta có thể tìm hiểu thông tin về mức giá của một chai rượu như thế, nhưng tôi nghĩ là không phải! Cô nghĩ mà xem, nếu thế thì sẽ khá nực cười, bởi vì tôi có thể đảm bảo với cô rằng mẹ tôi đã uống đến giọt cuối cùng. Tôi có cảm giác chúng ta đang đi theo một con đường được vạch sẵn, và tôi muốn biết ai đang từng bước đưa chúng ta đi.

- Anh đang ám chỉ cuộc gặp gỡ của chúng ta ở tòa thị chính không phải là ngẫu nhiên?

- Tôi không định tiến xa đến thế, nhưng cuộc gặp gỡ với ông Shmylek đó thì có.

- Shylock!

- Bộ nhớ sống của thành phố này theo lời bà thị trưởng. Những bức thư nặc danh đã tập hợp chúng ta trước một bức ảnh chụp hai bà mẹ của chúng ta. Bức ảnh đó đã dẫn chúng ta đến dữ liệu lưu trữ của tờ *The Independent*. Tờ *The Independent* đưa chúng ta đến với gia đình nhà Stanfield. Sớm hay muộn, chúng ta cũng sẽ đi đến chỗ phát hiện ra sự tồn tại của bức tượng. Chừng ấy manh mối dẫn chúng ta đến với vị giáo sư của cô.

- Anh nghi ngờ ông ta sao?

- Tại sao lại không. Ai có thể biết nhiều hơn ông ta về những gì đã thực sự xảy ra trong tòa dinh thự của gia đình Stanfield?

- Việc ông ta gặp khó khăn khi đi lại sẽ giải thích tại sao ông ta chọn cách đưa chúng ta đến gặp ông ta. Nhưng ông ta đã làm thế nào để lần ra chúng ta, có được địa chỉ của chúng ta? Làm thế nào

ông ta có thể biết được rằng anh đang tuyệt vọng tìm kiếm cha anh, cũng như chừng ấy chuyện trong cuộc sống của chúng tôi, đến mức biết được cả tên riêng của em gái tôi?

- Cứ cho rằng ông ta biết nhiều hơn một chút so với những gì ông ta khẳng định về vụ trộm đó. Cũng cứ cho rằng ông ta nghi ngờ mẹ chúng ta chính là thủ phạm. Điều đó có thể khớp với nội dung của bức thư, vậy là dính dáng đến cô. Phần còn lại, có thể ông ta không phải là người thù ghét Internet như ông ta khẳng định, với lại ông ta cũng khoe là đã tra hỏi không ít người trong khuôn khổ nghề nghiệp của ông ta.

- Ông ta muốn tìm ra kho báu đó ư? Ông ta không khiến tôi có cảm giác ông ta bị tiền bạc lôi kéo, bộ quần áo ông ta mặc cũng có vẻ cũ kỹ chẳng khác nào cái đầu ông ta.

- Đối với một người nuôi dưỡng một niềm đam mê thực sự, tiền bạc có lẽ chỉ là thứ yếu. Ông giáo sư đó cũng khoe mình là thành viên quan trọng của một tổ chức cấp cao chuyên bảo tồn di sản. Hoặc thứ gì đó tương tự. Đó có thể là một đồ vật rất có giá trị lịch sử, đã bị lấy cắp mà ông ta tự cho mình có nhiệm vụ phải tìm lại.

- Hoan hô, có lẽ anh sẽ là một phóng viên điều tra xuất sắc đấy.

- Không phải cô vừa ngẫu nhiên tặng tôi một lời khen đấy chứ?

Vẻ châm chọc trong ánh mắt khiến anh ta trở nên quyền rũ khủng khiếp. Nói thật lòng thì đây không phải là lần đầu tiên. Tôi những muốn hôn anh ta, nhưng đã không làm thế.

Cái bóng của Maggie vẫn lảng vảng đâu đó, tuy nhiên, người tôi phải đề phòng lúc này không còn là George-Harrison nữa, mà

là chính mình. Tôi không biết cuộc phiêu lưu này sẽ dẫn mình đến đâu, nếu nó có bắt đầu vào một ngày nào đó. Và thời gian tôi ở lại Baltimore chỉ được tính bằng ngày. Ban biên tập sẽ không để tôi ở đây mãi mãi. Chơi trò tán tỉnh yêu đương với George-Harrison sẽ chỉ khiến mọi việc thêm phức tạp, dù chỉ là một cuộc tình thoáng qua.

- Cô đang nghĩ gì vậy? – Anh ta hỏi.

- Chẳng nghĩ gì cả, tôi đang tự hỏi tại sao anh lại dừng xe trước sở cảnh sát.

- Cô sẽ dùng thẻ phóng viên của mình và thử giở trò tán tỉnh anh chàng cảnh sát sẽ tiếp đón chúng ta, để anh ta mở cho chúng ta xem tài liệu lưu trữ của cảnh sát. Với đôi chút may mắn, chúng ta sẽ tìm được biên bản khai báo về vụ trộm đó và nhất là biết thứ gì đã bị đánh cắp.

- Thế nếu viên cảnh sát đó là nữ thì sao?

- Thì tôi sẽ cố gắng hết sức.

- Tôi đã chứng kiến anh trở tài rồi, đối với một người tự khẳng định mình không phải là kẻ chuyên đi quyến rũ, thì anh xoay sở rất tốt đấy.

28

Sally-Anne

Tháng Mười năm 1980, Baltimore

Sally-Anne sửng sờ khi bước vào bên trong căn xưởng cải dụng. Khoảng hai chục chiếc đèn rọi, chỉ đơn giản là những ngọn nến đặt dưới đáy cốc, vẽ thành một con đường dẫn vào tận phòng ngủ. Cô ngược mắt nhìn lên trần nhà và thở dài. May đã chứng tỏ mình là người lãng mạn đến mức khiến người khác xúc động, nhưng Sally-Anne nhìn thấy trong kiểu quan tâm này một hình thức hạnh phúc bắt buộc thật phiền toái, một thứ tình cảm thái quá khiến cô thấy bất ổn. Cô không còn lòng dạ nào cho việc này. Cô ngạc nhiên khi thấy những mảnh bát đĩa vương vãi trên sàn nhà. Cô cẩn thận tránh chúng mỗi khi đặt chân xuống rồi gõ vào cánh cửa.

May vẫn còn những vệt phấn Rimmel trên má, cô đang ngồi xếp bằng trên giường, một tờ báo đặt trên đầu gối.

- Tớ đã tin tưởng cậu biết bao, tại sao cậu có thể làm chuyện này với tớ? – Cô hỏi bằng giọng pha trộn giữa ngờ vực và buồn bã.

Sally-Anne đoán rằng cuối cùng May đã phát hiện ra sự trống rỗng của ngân hàng và quyền lực ghê gớm của mẹ cô. Cô vẫn bí

mật không chịu thừa nhận, không phải vì tự phụ hay thích nói dối, mà vì cô muốn xuất bản ít nhất là một số *The Independent* để trả thù. Như vậy, đã đến lúc phải thông báo cho đội ngũ nhân viên của cô biết rằng đó cũng sẽ là số báo cuối cùng, và tất cả mọi người sẽ rơi vào cảnh thất nghiệp. Đẩy những người cộng tác với mình vào thế bất ngờ hẳn không phải hành động gì đẹp đẽ cho lắm, nhưng với cơn giận dữ trong lòng, người ta không thể nghĩ đến những chuyện đó được.

- Và chính là để xoa dịu cơn giận dữ trong lòng mà cậu đã đập vỡ bát đĩa của chúng ta?

- Tớ đã hy vọng làm thế sẽ giúp tớ bình tĩnh lại, nhưng không phải.

- Tớ cho rằng chính Édouard đã nói với cậu chuyện đó?

- Em trai cậu quá hèn nhát, đúng là một kẻ rác rưởi.

- Đó chẳng phải là một tin mới với tớ đâu, – Sally-Anne vừa trả lời vừa đến bên giường.

Cô ngồi xuống mép giường và nhìn chiếc áo thun của May ôm sát khuôn ngực, cô cảm thấy ham muốn, cũng có thể còn do sự căng thẳng đang lơ lửng trong không khí.

- Tại sao cậu không nói gì với tớ? – May nói tiếp.

- Để bảo vệ cậu.

- Và để tớ bị sỉ nhục đến thế... hay để chứng tỏ với tớ rằng cậu đã đúng khi cảnh báo tớ? Thái kiêu căng của cậu khiến cậu tàn nhẫn đến mức đó sao? Cậu ghét anh ta, vậy tại sao cậu lại chọn bảo vệ anh ta và bỏ mặc tớ?

Cảm thấy nghi ngờ, Sally-Anne nhặt tờ *Baltimore Sun* lên khỏi đầu gối May rồi áp bàn tay mình vào đó.

- Cậu đang nói đến chuyện gì vậy?

- Ôi, xin cậu, đừng có nói dối nữa. Cậu gây ra thiệt hại như thế là đủ rồi đấy, cũng đừng coi tớ là con ngốc nữa, – May thở dài.

- Cậu muốn biết sự thật sao? Chúng ta chỉ còn vừa đủ để trả tiền giấy và tiền in, chúng ta không thể trả tiền thuê nhà, lại càng không thể trả lương nhân viên, chính vì thế mà tớ đã không nói gì. Với bản tính thẳng thắn, cậu sẽ không bao giờ để mặc tớ làm theo ý mình, và có lẽ cậu sẽ cho toàn bộ nhân viên nghỉ việc. Với lại, những lần mây mưa với thằng em trai khốn kiếp của tớ đã khiến cậu sung sướng biết bao, tớ không muốn phá hỏng niềm hạnh phúc của cậu, mặc dù nó khiến tớ rất bức mình. Tớ đã sai rồi, tớ xin lỗi cậu, nhưng tớ cầu xin cậu, hãy là kẻ đồng lõa với tớ cho đến khi cuộc phiêu lưu này kết thúc. Chúng ta phải xuất bản tờ báo và nếu cậu không thể nào tha thứ cho tớ, sau đó chúng ta sẽ chia tay nhau.

May ngồi thẳng dậy trên giường, ánh mắt hoảng hốt.

- Bây giờ thì chính tớ mới là người muốn biết cậu đang nói về chuyện gì.

Hai cô gái nhìn nhau nghi hoặc và khó hiểu. Sally-Anne là người lên tiếng trước.

- Tớ đang nói về cú đánh lén của mẹ tớ, bà ấy đã thu xếp để khoản vay của chúng ta bị từ chối, cậu còn muốn tớ nói về chuyện gì nữa chứ? Chúng ta nợ đầm đìa rồi, và tờ ngân phiếu mà bà ấy đã ném vào mặt tớ cũng không đủ để chúng ta trả hết chỗ

nợ đó. Lẽ ra cậu không nên đập vỡ bát đĩa, thậm chí chúng ta chẳng còn tiền mà mua bát đĩa mới nữa kia. Tớ không còn bí mật nào với cậu nữa.

May cúi xuống nhặt tờ *Baltimore Sun* dưới chân giường. Cô đưa cho Sally-Anne và chỉ tay vào một mục nhỏ mà cô đã khoanh tròn.

Nhân một dạ tiệc hóa trang sẽ diễn ra trong dinh thự của ngài Robert Stanfield và vợ ông là bà Hanna vào cuối tháng này, lễ đính hôn của con trai ông bà là Édouard với cô Jennifer Zimmer, con gái ông Fitzgerald và bà Carol Zimmer, người thừa kế ngân hàng mang tên họ, sẽ được tổ chức.

- Tớ không được mời, – Sally-Anne nắc lên, – họ đã tách tớ khỏi lễ đính hôn của chính em trai tớ. Thế còn cậu, cậu cũng chỉ biết chuyện này nhờ đọc báo sao? – Cô thở dài, mệt mỏi.

Cô lại gần May và choàng tay ôm lấy bạn.

- Tớ thề với cậu là tớ không hề biết gì cả.

May để mặc Sally-Anne vỗ về mình trong vòng tay, má áp má.

- Tớ không biết trong hai chúng ta ai là người cảm thấy bị sỉ nhục nhiều hơn.

- Họ đã ruồng rẫy tớ, như thể tớ là một con điếm.

May đứng dậy và bảo Sally-Anne đi theo cô. Từ cửa phòng ngủ của họ, hai người nhìn thấy ánh sáng từ những ngọn đèn rọi phản chiếu trên các mảnh sứ vỡ.

- Tớ đã nấu bữa tối cho em trai cậu. Tớ đã gọi anh ta ba lần, và cả ba lần, quản gia nhà cậu trả lời tớ rằng cậu Édouard đang có

hẹn, rồi hứa với tớ là sẽ chuyển lời lại cho anh ta. Tớ đọc báo trong lúc chờ đợi, và chính vì thế mà tớ hiểu rằng anh ta sẽ không đến. Cậu có thể hình dung ra chuyện gì tàn nhẫn hơn không? Tớ nghĩ rằng sự hèn nhát của anh ta còn khiến tớ giận dữ hơn những lời dối trá. Ấy thế mà anh ta đã đưa tớ lên hòn đảo của mình và thề rằng anh ta yêu tớ. Tớ thật ngu ngốc, và xin cậu, đừng có nói là cậu đã cảnh báo tớ.

- Còn tệ hơn cả hình dung của cậu nữa kia. Đó không phải là sự hèn nhát, đó là một cái bẫy mà mẹ và em trai tớ đã cùng giăng ra. Trong khi thằng em tớ tách cậu ra khỏi tớ, mẹ tớ đâm chúng ta. Đâm con gái bà ấy vào lưng, đâm cậu vào tim.

Lời nhắc đến quyền lực ác độc của Hanna Stanfield khiến không khí im lặng ngự trị trong căn xưởng.

- Chúng ta hãy ngồi xuống đi, – cuối cùng May nói. – Tớ đã nấu một bữa tối rất ngon, và vẫn còn một bộ đồ ăn chờ đợi chúng ta trên bàn làm việc của tớ.

Họ kéo hai chiếc ghế và ngồi đối diện nhau.

- Chúng ta sẽ không dừng ở đây, – Sally-Anne thì thầm đầy giận dữ.

- Chúng ta đã bị phản bội, bị hủy hoại, thế cậu muốn chúng ta làm gì bây giờ?

May nhớ lại dịp cuối tuần của cô trên đảo Kent. Vài ngày trước cô còn rất hạnh phúc, nhưng Édouard đã triệt tiêu mất niềm hạnh phúc của cô. Sally-Anne ngắm nghía một phần căn xưởng mà Keith đã sửa lại thành phòng biên tập. Vài ngày trước, tờ *The Independent* ra đời ở đó, nhưng mẹ cô đã đánh cắp nó của cô.

- Chúng ta sẽ lấy lại những gì thuộc về chúng ta, – cô nói ngắn gọn.

- Cậu có thể giữ lại đứa em khốn kiếp của cậu.

- Tớ không nghĩ đến nó, mà đến tờ báo.

- Không có tiền, cậu định xoay xở thế nào đây? – May vừa hỏi vừa bước về phía bếp ga.

Cô châm lửa để hâm lại nồi xúp cải xoong.

- Ba tớ giữ một phần nhỏ tài sản dưới dạng trái phiếu trong két của ông ấy. Đó là một phương thức thanh toán mà những người mua các tác phẩm nghệ thuật rất thích, khi họ không muốn phải báo cáo với sở thuế. Chính thức ra, họ bán lại một bức tranh bằng giá họ đã mua vào và phần lãi bị đánh thuế sẽ được thanh toán bằng cách đó. Không ai thấy, không ai biết. Trái phiếu không ghi tên người sở hữu và được giao dịch như một loại tiền mặt ở bất cứ ngân hàng nào, mà chẳng ai yêu cầu cậu phải chứng thực nguồn gốc của nó cả.

- Nhưng chúng nằm trong két của ba cậu, và chúng ta không phải kẻ trộm.

May đặt nồi xúp lên bàn và thở dài. Đây không phải là bữa tối thân mật mà cô đã nghĩ đến trong lúc loay hoay nấu nướng.

- Ai nói là chúng ta sẽ ăn trộm? Nhà Stanfield đã gây dựng lại gia tài nhờ vào những gì ông ngoại tớ để lại cho họ: những bức tranh và danh tiếng của ông. Tuy nhiên, tớ là người duy nhất kế thừa được đạo đức của ông. Nếu ông thấy được ngày nay con gái ông hành xử thế nào, ông hẳn sẽ phản đối và là người đầu tiên muốn giúp đỡ tớ.

- Tốt lắm, – May vừa nói vừa múc xúp ra đĩa, – nếu cậu có được phần thừa kế dành cho cậu, thì đó không phải là ăn trộm, nhưng tớ sẽ ngạc nhiên nếu ba mẹ cậu giao lại phần đó cho cậu đấy.

- Chính vì thế mà chúng ta sẽ phải tự thực hiện thôi.

- Sally này, nếu ba mẹ cậu không thêm mời cậu đến dự lễ đính hôn của em trai cậu, thì tớ rất nghi ngờ việc họ mở két sắt của họ cho cậu đấy.

- Chìa khóa nằm trong một hộp đựng xì gà mà ba tớ giữ trong ngăn mát tủ lạnh ở quầy rượu nhỏ trong văn phòng ông ấy.

- Và cậu định sẽ trèo lên mái nhà vào ban đêm, đột nhập qua một ô cửa con để lấy cặp số trái phiếu đó trong lúc ba mẹ cậu và người làm ngủ sao? Chúng ta đâu có đang ở trong một bộ phim.

- Vào ban đêm thì đúng, nhưng chúng ta sẽ vào và ra bằng cửa lớn, một cách đường hoàng lịch sự, ngay trước mũi tất cả mọi người.

May với lấy chai rượu vang đang để trước mặt cô. Một chai Château-Malartic-Lagravière.

- 1970, cậu định nhạo em trai tớ đấy à, – Sally-Anne huýt sáo. – Đúng là không mấy thỏa mãn, nhưng ít ra tớ cũng sẽ uống thay cho nó.

- Cậu say như thế đủ rồi đấy, tớ tự hỏi không biết có nên cho cậu uống thêm nữa không.

Sally-Anne dốc rượu vang vào ly rồi giơ lên để chạm ly với May. May chỉ lặng lẽ dốc cạn một hơi.

- Thôi được rồi, điên rồi thế đủ rồi, khi nào thì cậu định thông

báo cho nhân viên là chúng ta không thể trả lương cho họ được nữa?

- Tớ sẽ không cần phải làm việc đó nữa, chúng ta sẽ trả lương cho họ sau số báo đầu tiên cũng như những số báo tiếp theo.

- Đủ rồi đấy, cậu thật lố bịch, cậu sẽ không bao giờ ra được khỏi tòa nhà đó với đồng trái phiếu của ba cậu; mà trước hết họ phải cho cậu vào đã chứ.

- Họ sẽ không biết chúng ta là ai, chẳng phải đó chính là nguyên tắc của một dạ tiệc hóa trang hay sao?

- Xin lỗi vì đã nói nhiều về chuyện này, nhưng theo tớ biết thì hình như cậu không được mời đến đó!

- Tớ không được mời, nhưng tớ biết phải làm thế nào để sửa chữa sai lầm đó, và cả hai chúng ta sẽ cùng đi.

Sally-Anne giải thích kế hoạch của cô. Một kế hoạch không phải là không rủi ro đối với May: cô sẽ chịu trách nhiệm thâm nhập dinh thự nhà Stanfield để sửa đổi danh sách khách mời.

May kiên quyết từ chối đặt chân vào hang ổ của Édouard. Cô cũng đã bị đối xử như một con điếm, khi anh ta để cô ra khỏi tòa nhà đó vào sáng sớm qua cánh cửa dành cho người làm, sau cái đêm cô dâng hiến thân thể mình cho anh ta.

Sally-Anne tỏ ra là một người có khiếu thuyết phục đáng nể, ngang bằng với khả năng thuyết phục của mẹ cô.

Bữa tối kết thúc, May dốc nốt phần rượu còn lại vào ly của họ và hai người chạm ly.

29
Eleanor-Rigby

Tháng Mười năm 2016, Baltimore

Trình thể phóng viên đã không đạt được kết quả mong muốn. Viên cảnh sát tiếp đón chúng tôi không thấy một vụ án từ năm 1980 có điều gì đáng để một tạp chí về thiên nhiên và khám phá phải quan tâm. Và trước màn thoái thác của anh ta, tôi đã phải khó nhọc chứng minh. Chán ngán với những lời giải thích mơ hồ của tôi, anh ta hướng dẫn rằng tôi chỉ việc gửi đơn yêu cầu theo đúng mẫu chuẩn đến các cơ quan liên quan. Nhưng sẽ phải mất bao nhiêu thời gian thì đơn đó mới được chấp thuận?

- Một thời gian nhất định, – anh ta trả lời tôi. – Chúng tôi đang thiếu nhân lực.

Và anh ta lại cắm đầu vào cuốn tiểu thuyết đang đọc dở khi chúng tôi đến tự giới thiệu.

Nhìn thấy tôi nổi nóng, George-Harrison đưa tay khoác vai tôi.

- Đừng có buồn quá thế, chúng ta sẽ tìm ra cách khác, tôi hứa với cô đấy, – anh ta bảo tôi.

- Nổi buồn, – viên cảnh sát lầm bầm, – đó là khi ta không vội vàng đến chỗ làm vào buổi sáng và lại càng không vội vàng trở về

nhà vào buổi chiều, tôi biết rõ điều mình nói.

- Không sai, – George-Harrison trả lời, – tôi đã trải qua cảnh đó. Nhưng anh còn chưa biết cảnh bị vấp khi viết một cuốn sách là thế nào đâu.

Viên cảnh sát ngược mắt lên.

- Chúng tôi đến đây không phải với tư cách nhà báo, – George-Harrison nói tiếp, – mà với tư cách hai tiểu thuyết gia, và vụ án đó chính là trung tâm cốt truyện của chúng tôi. Chúng tôi cần miêu tả càng khớp với thực tế càng tốt, thế nên mong anh hiểu cho một biên bản vụ án hồi đó sẽ giúp chúng tôi có được tính xác thực cần thiết cho tiểu thuyết của mình.

- Loại tiểu thuyết gì vậy?

- Một cuốn trinh thám.

- Đó chính là thứ duy nhất giúp tôi thư giãn đấy, tiểu thuyết trinh thám ấy, vợ tôi thì chỉ đọc tiểu thuyết tình cảm thôi, và đỉnh điểm là sau khi đọc chừng ấy tiểu thuyết yêu đương, cô ấy chẳng thể nào dành tình yêu cho tôi nữa.

Viên cảnh sát phân vân ra hiệu cho chúng tôi lại gần và nghiêng người qua cái bục nơi anh ta đang ngồi rồi thì thầm:

- Nếu hai người dùng tên tôi để đặt cho một trong các nhân vật của cuốn sách, tôi rất muốn giúp hai người một tay. Không nhất thiết phải là nhân vật chính, nhưng là một người nào đó có vai trò thực sự, và là một nhân vật chính diện! Tôi đang hình dung ra vẻ mặt vợ tôi khi tôi đọc cho cô ấy nghe những đoạn có tôi xuất hiện.

Một cái bắt tay chân thành đánh dấu giao kèo giữa George-Harrison và viên cảnh sát, rồi anh ta hỏi chúng tôi về nội dung cụ thể của thứ mà chúng tôi đang tìm kiếm.

Nửa giờ sau, anh ta quay trở lại cùng với một tập hồ sơ màu be, bìa ngoài phủ đầy bụi. Anh ta đọc nó trước mắt chúng tôi, như thể đã là tác giả của cuốn tiểu thuyết mà chúng tôi sắp viết.

- Vụ trộm của hai người xảy ra vào ngày 21 tháng Mười năm 1980, vào khoảng 19 giờ, – anh ta vừa nói với chúng tôi vừa gãi cằm. – Đó là một vụ án tồn đọng, người ta chưa bao giờ tìm được tác giả của vụ trộm. Chuyện xảy ra trong một buổi tiệc tối do một ông Robert Stanfield nào đó cùng vợ tổ chức. Có vẻ như tên trộm đã trà trộn vào đám khách mời và lấy đi một số trái phiếu trong két sắt của nhà họ. 150.000 đô la, hẳn là phải tương đương với 1.500.000 vào thời điểm hiện nay. Phải một người vô ý thì mới giữ số tiền lớn đến như vậy ở nhà. Thực ra, hồi đó thẻ tín dụng còn chưa thịnh hành, nhưng dù sao số tiền đó cũng là quá lớn để có thể giữ tại nhà. À, tôi đọc thấy rằng ổ khóa không bị phá. Theo ý tôi, và tôi là người có nghề đấy, kẻ tiến hành vụ trộm đó hẳn đã nắm rất chắc thông tin. Có lẽ là có một đồng phạm ở trong nhà. Hơn nữa, tôi thấy toàn bộ nhân viên đã bị hỏi cung, kể cả nhân viên của công ty tổ chức và cung cấp nhân viên phục vụ cho bữa tiệc đó. Có khoảng hơn ba chục bản cung trong hồ sơ này. Và như thường lệ, chẳng ai nhìn thấy gì, cũng chẳng ai nghe thấy gì. Đúng là một trò ảo thuật thực sự.

Viên cảnh sát tiếp tục đọc, thỉnh thoảng lại gật gù như thể lúc này anh ta đang là người phụ trách điều tra vụ án đó.

- Vụ trộm đã được phát hiện vào khoảng nửa đêm, khi bà chủ

nhà cất đồ trang sức của mình vào két. Họ đã gọi cho sở chúng tôi vào lúc 0 giờ 45 phút. Hẳn là họ đã phải mất một khoảng thời gian để hồi lại sau cú sốc và thống kê những thứ bị mất.

- Chắc là bà ấy đã không đeo toàn bộ nữ trang trên người, – tôi nhận xét. – Kẻ trộm không lấy món đồ trang sức nào sao?

- Không, – viên cảnh sát trả lời, nhấn mạnh câu nói của anh ta bằng một cái lắc đầu. – Không thấy khai báo gì về việc mất đồ trang sức, họ chỉ khai mất một khoản tiền thôi.

- Và anh có thấy chuyện đó là bình thường không? – George-Harrison hỏi.

- Những chuyện bình thường thì tôi không thường xuyên gặp trong nghề này, nhưng chúng ta đang có một vụ án do một kẻ chuyên nghiệp thực hiện, về chuyện đó thì tôi không nghi ngờ chút nào. Hẳn không để mình bị vướng víu bởi những thứ không thể bán lại được. Tôi sẽ tiết lộ với hai người một mảnh trong nghề này, nó sẽ khiến câu chuyện của hai người chân thực hơn cả thực tế, và tôi sẽ rất biết ơn nếu mảnh này được nói ra từ miệng nhân vật mang tên tôi. Một cảnh sát giỏi sẽ tiến hành việc điều tra thông qua suy luận. Dựa trên các biên bản hỏi cung, tôi có thể đếm được mười lăm gia nhân làm việc toàn thời gian cho gia đình này. Dọn dẹp, nấu nướng, đầu bếp, quản gia, một nữ thư ký riêng và thậm chí còn có cả một nhân viên là quần áo tại nhà. Thật không thể tin nổi, thậm chí tôi còn không biết là có thể tồn tại những chuyện như thế. Ta có thể kết luận rằng... họ tên là gì nhỉ... đây rồi, nhà Stanfield. Tôi đang nói đến đâu rồi nhỉ? À phải rồi... nói rằng nhà Stanfield đó có điều kiện đúng là một cách nói giảm nhẹ. Hai người vẫn theo kịp tôi đấy chứ? Vậy tôi nói tiếp.

Với những người giàu như thế, bà chủ nhà hiếm khi sở hữu đồ trang sức giả hiệu. Và với một tên trộm, nó sẽ khiến mọi chuyện thành ra phức tạp. Một chiếc đồng hồ Rolex, một chuỗi vòng ngọc trai, thậm chí một viên kim cương có kích thước hợp lý đều có thể bán đi tương đối dễ dàng. Nhưng nếu là đồ trang sức có giá trị đến năm hoặc sáu con số, thì không thể nào. Trừ khi bán tổng bán tháo cho một kẻ tiêu thụ đồ ăn cắp đã có sẵn một mạng lưới tinh vi. Đá quý sẽ được tháo ra, thường là chế tác lại để người ta không nhận ra nó nữa, rồi sau đó lại được đưa ra bán trên thị trường. Nhưng nếu không có quan hệ gì với giới đó, thì các vị chẳng thể làm gì được hết.

- Anh đã từng điều tra vụ nào tương tự chưa? – Tôi hỏi.

- Chưa, nhưng như tôi đã nói với hai người, tôi đọc vô cùng nhiều tiểu thuyết trinh thám. Tất cả những chuyện vừa rồi chỉ để nói rằng sở dĩ kẻ trộm chỉ lấy tiền là vì hắn không biết phải làm gì với những thứ còn lại.

- Một cái két loại đó có thể chứa những thứ gì khác nữa? – George-Harrison hỏi.

- Một khẩu súng, nhưng khi chủ nhà không khai báo từ trước, thì họ cũng sẽ không liệt kê ra, đồng hồ có giá trị, dễ tiêu thụ hơn, nhưng tôi không thấy có chiếc đồng hồ nào trong biên bản khai báo mất trộm. Cũng có trường hợp là những thỏi vàng, nhưng một thỏi vàng thì sẽ công kênh, lại nặng đến cả chục ký lô, thế nên nếu ních đầy các túi thì sẽ khá khó khăn để kín đáo ra khỏi một bữa tiệc đấy. Nếu ông bà Stanfield trẻ tuổi hơn, hoặc nếu họ là người của giới nghệ sĩ, có lẽ tôi sẽ bổ sung thêm món ma túy, nhưng tôi nghĩ họ không phải loại người hít thứ bột trắng đó vào

mũi.

- Ngoại trừ vũ khí và ma túy, còn thứ gì mà chỉ bắt đặc dĩ người ta mới khai báo khi mất trộm không?

- Không có thứ gì cả, thậm chí ngược lại. Nhân một vụ trộm, một số người còn cất bớt vài tài sản để được công ty bảo hiểm bồi thường ấy chứ. Nhưng chuyện đó lại không thuộc thẩm quyền của chúng tôi, các công ty bảo hiểm thường thuê tư nhân để giải quyết những vụ tranh giành kiểu đó, và thông thường phần thắng sẽ thuộc về bên nào kiên nhẫn hơn. Sớm muộn gì thì những kẻ muốn chơi trò ma mãnh cũng sẽ phạm sai lầm. Quý bà đi ăn tối trong phố lại đeo chuỗi vòng mà quý bà từng khai là bị mất trộm, hoặc một bức ảnh nào đó, chụp từ xa, lại cho thấy một bức tranh treo trên tường phòng khách, trong khi lẽ ra nó phải mất rồi.

- Nhưng vụ của nhà Stanfield thì không như thế sao?

- Khó mà trả lời hai người được. Thông thường, khi bị phát giác, các gia đình sẽ khôn khéo thương lượng với công ty bảo hiểm, và hoàn trả lại những khoản bồi thường họ đã nhận để tránh phải vào tù. Cả hai bên sẽ cùng có lợi, người chiến thắng trở thành kẻ thua cuộc và kẻ thua cuộc lại trở thành người chiến thắng. Cũng có trường hợp những người thừa kiện không khai báo những tài sản mà họ không mua bảo hiểm.

- Tại sao? – Tôi ngạc nhiên hỏi.

- Đối với những người có thể lực, một vụ trộm chính là một sự sỉ nhục. Mặc dù chuyện này có vẻ ngốc nghếch, nhưng một số người coi đó là sự thừa nhận rằng mình yếu đuối. Thế nên bớt phí

bảo hiểm để rồi phải trả giá cho hậu quả của việc đó sẽ khiến họ trở nên ngu ngốc gấp đôi, chẳng thà họ giảm thiểu thiệt hại.

- Như vậy không phải là không thể có chuyện một thứ gì khác cũng bị lấy trộm tối hôm đó? – George-Harrison hỏi.

- Nếu chuyện này hữu ích cho hai người khi viết cuốn tiểu thuyết, thì thông tin là đáng tin cậy đấy, nhưng sáng tác gì thì sáng tác, hai người hãy nhớ rằng thứ đó không được khó vận chuyển. Đồng thời, tôi nói với hai người, nếu tên trộm có một kẻ tòng phạm ở đó, thì hẳn có thể biến mất cùng những món đồ ăn cắp được bằng cách ra ngoài bằng lối nhà bếp hoặc cửa dành cho người làm, nhưng chuyện đó thì để hai người tự xem xét.

Chúng tôi cảm ơn viên cảnh sát điều tra. Chúng tôi đang sắp rời đi thì anh ta nhắc nhở:

- Chờ chút, hai nhà văn, hai người làm sao thực hiện được lời cam kết nếu tôi không cho hai người biết tôi tên là gì?

Tôi vội xin anh ta giấy bút để ghi lại.

- Franck Galaggher, hai chữ *g* và một chữ *h*. Cuốn tiểu thuyết của hai người sẽ có nhan đề là gì?

- Có lẽ chúng tôi sẽ gọi nó là *Vụ án Galaggher*, – George-Harrison đề xuất.

- Anh nói nghiêm túc đấy chứ? – Viên cảnh sát vui sướng ngất ngây hỏi lại.

- Không thể nào nghiêm túc hơn, – anh chàng phụ tá của tôi trả lời với vẻ táo tợn khiến tôi nhụ cả mồm khi chào viên cảnh sát.

* * *

Tôi ngồi vào băng ghế sau và quan sát George-Harrison lái xe. Anh ta cũng có một cái tật giống ba tôi: cũng giống như ông, anh ta lái xe mà vẫn để cửa kính mở, một bàn tay đặt trên vô lăng, tay còn lại gác lên khung cửa.

- Tại sao cô lại nhìn tôi như thế?

- Làm sao anh biết tôi nhìn anh, anh đâu có rời mắt khỏi đường... Chẳng tại sao cả.

- Cô chỉ nhìn chăm chăm vào mặt tôi như thế?

- Làm sao anh có thể nảy ra ý nghĩ đó được nhỉ?

- Về cuốn tiểu thuyết?

- Không, về cô em họ Berthe^[26] của tôi!

- Anh ta có hai cuốn sách của Elroy trên mặt bàn, *Perfidia* và *LAPD'53*, nên tôi cứ thử thôi. Cô thật sự có một người em họ tên là Berthe sao?

- Anh nhìn thấy hai cuốn tiểu thuyết trinh thám trên mặt bàn và ứng tác ra kịch bản đó, anh đúng là giàu trí tưởng tượng đấy.

- Đó là một khuyết điểm chẳng?

- Không, ngược lại.

- Vậy ra đây là một lời khen?

- Nếu anh muốn thế.

- Tôi không có gì để phản đối cả, đây sẽ là lời khen đầu tiên kể từ khi chúng ta quen biết nhau.

- Tôi không nghĩ là chúng ta thực sự quen biết nhau đâu.

- Tôi biết rằng cô là người Anh, là phóng viên, rằng cô có một người anh trai sinh đôi và một cô em gái, ba cô rất gắn bó với chiếc xe cũ của ông ấy, cô đang ngồi trong xe của tôi và có thể cô có một người em họ tên là Berthe, thế đã là không tồi rồi.

- Đúng, thế đã là không tồi rồi. Nhưng tôi không biết về anh nhiều đến thế. Làm sao anh có thể đoán được là viên cảnh sát sẽ cần câu?

- Linh cảm... Thôi được, thật ra, trước đó tôi chẳng tưởng tượng ra kịch bản nào hết, chỉ là một chuyện bịa để có thể ngẩng cao đầu ra khỏi văn phòng cảnh sát đó. Chúng ta đã may mắn khi gặp được một anh chàng đang chán muốn chết đi được.

- Anh đã biến chúng ta thành hai kẻ nói dối không biết ngượng mà tôi thì ghê tởm việc nói dối. Anh chàng tội nghiệp đó hy vọng được xuất hiện trong một cuốn tiểu thuyết chẳng bao giờ được viết ra, tôi tin chắc là anh ta sẽ không thể nào giữ mồm giữ miệng, và ngay tối nay sẽ bắt đầu khoe khoang với vợ; vì chúng ta, anh ta sẽ bị coi là một thằng ngốc.

- Hoặc ngược lại, có thể chúng ta đã cho anh ta một cú hích để viết cuốn tiểu thuyết của riêng mình. Với lại, khi cô rêu rao là đang thực hiện nhiệm vụ do tờ báo của cô giao phó, đó không phải là một lời nói dối sao?

- Có, nhưng là lời nói dối nhỏ nhặt.

- À phải, bởi vì lại còn có lời nói dối nhỏ nhặt và lời nói dối to lớn cơ đấy...

- Chính xác là thế.

- Cô gái từng sống chung với tôi năm năm đã ra đi vào một buổi sáng sau khi để lại cho tôi lời nhắn chưa đầy một dòng. Hôm trước đó, cô ấy chẳng tỏ vẻ gì cả, vẫn hành xử như thể mọi chuyện hoàn toàn bình thường. Cô có thực sự nghĩ rằng cô ấy đã đưa ra quyết định trong đêm ấy không? Xem nào, đó là lời nói dối nhỏ hay lớn?

- Cô ấy viết gì trong lời nhắn?

- Rằng tôi là một con gấu trong xó rừng.

- Và đó là một lời nói dối sao?

- Tôi hy vọng tôi không chỉ có thế.

- Anh có thể bắt đầu bằng việc cáo bộ râu đó đi. Cô ấy chê trách anh điều gì?

- Tất cả những gì mà cô ấy yêu thích khi chúng tôi bắt đầu đến với nhau. Phòng ngủ của chúng tôi đã trở nên quá chật hẹp còn xưởng mộc của tôi lại quá rộng. Tôi quấy rầy cô ấy khi bước vào bếp, trong khi trước đó cô ấy thấy tôi thật gợi cảm khi đeo tạp dề. Đầu tôi tựa vào vai cô ấy quá nặng, khi tôi ngủ gật trước ti vi, trong khi trước đây cô ấy thích lùa ngón tay vào tóc tôi.

- Tôi nghĩ chính sự im lặng hình thành giữa hai người, trước cái ti vi đó, mới là điều cô ấy ghét. Cả sự đơn điệu nữa. Có thể chính cô ấy là thứ cô ấy ghét trong cuộc đời này, và chuyện đó thì anh chẳng thể làm gì được.

- Cô ấy trách tôi đã dành quá nhiều thời gian ở xưởng mộc.

- Hẳn là cô ấy đau khổ vì chuyện đó.

- Cửa xưởng mộc luôn để mở, cô ấy chỉ việc vào đó là có thể ở

bên tôi. Tôi mê say công việc của mình, làm sao ta có thể sống với một người không quan tâm đến những việc ta làm?

- Anh không hiểu rằng cô ấy muốn anh say mê cô ấy sao?

- Có chứ, tôi đã hiểu ra, nhưng quá muộn rồi.

- Anh còn tiếc nuôi cô ấy không?

- Cô có ai không? – George-Harrison hỏi tôi.

- Chúng ta đã đi sai đường với gia đình Stanfield. Tôi không thể hình dung rằng mẹ tôi là một kẻ ăn trộm. Tôi không hoàn toàn hiểu hết được bà ấy, nhưng một cái kết sắt thì không bao giờ.

- Chúng ta thống nhất với nhau rằng cô đã không trả lời câu hỏi của tôi.

- Nếu là phụ nữ, anh sẽ hiểu được câu trả lời của tôi.

- Nhưng tôi lại là một con gấu không chịu cạo râu, – George-Harrison thở dài.

- Không, tôi không có ai cả, bởi vì với anh lúc nào cũng phải nói toạc mọi việc ra.

- Cô có giây phút nào hình dung rằng mẹ chúng ta đã ở cùng nhau không?

- Cũng không nốt.

- Vậy thì, tôi sợ rằng chúng ta đang đi theo hướng điều tra đúng đắn đấy, và đúng là họ đã gây ra vụ trộm đó. Nhưng có thể mẹ cô không phải là người phá kết sắt.

- Sao anh lại nói thế?

- Mẹ tôi chưa bao giờ đi làm thực sự, – George-Harrison nói

tiếp. – Ít ra là đi làm đủ thường xuyên để có thể nuôi một đứa con. Chúng tôi không giàu có, nhưng tôi không thiếu thốn gì cả.

- Có thể bà ấy đã tiết kiệm được một khoản tiền trước khi có anh.

- Nếu thế thì hẳn là phải tiết kiệm được không ít, để có thể trụ được suốt chừng ấy thời gian. Với lại viên cảnh sát đã nói một điều khiến tôi không thể ảo tưởng được nữa. Anh ta không nói đến tiền, mà là trái phiếu. Và mẹ tôi thì có cả một túi trái phiếu. Cứ đến đầu hè hằng năm, bà ấy lại bán đi vài tờ, và ngay trước Giáng sinh lại bán vài tờ nữa.

Tôi không nói thêm lời nào, bản thân các sự việc đã nói lên tất cả, mẹ tôi không phải là người như tôi từng nghĩ, và tôi vẫn không thể nào quen được với chuyện đó. Tôi sắp phát hiện ra điều dối trá nào nữa đây? George-Harrison nhìn tôi đang đắm chìm trong im lặng, chờ đợi tôi nói điều gì đó.

- Anh chưa bao giờ hỏi mẹ anh xem những tờ trái phiếu đó ở đâu ra sao?

- Khi còn nhỏ tôi không quan tâm đến những thứ đó, và tôi nhớ là có một hôm bà đã bảo tôi là bà được thừa kế.

- Còn chúng tôi thì sống chẳng dư dả gì, – tôi nói tiếp. – Thế nên nếu mẹ tôi mà sở hữu những tờ trái phiếu như thế, có lẽ cả gia đình sẽ xúm vào mà quan tâm.

- Vậy thì bà ấy là người trong sạch, còn mẹ tôi là tội phạm. Cô có cảm thấy được an ủi không?

- Thật ra là không. Nói cho cùng, ý nghĩ rằng mẹ tôi, giáo viên hóa học, người vô cùng cố chấp trong các nguyên tắc và trong

việc dạy dỗ con cái, lại có thể từng là một kẻ nổi loạn điên rồ đến mức tiến hành cả một vụ trộm cũng không khiến tôi phật lòng cho lắm.

- Dù sao, con người cô cũng chứa đầy mâu thuẫn.

- Người không có chút mâu thuẫn nào thì thật chán ngắt! Đồng trái phiếu ấy, mẹ anh còn giữ không?

- Tôi đã bán nốt những tờ cuối cùng khi mẹ tôi vào nhà dưỡng lão. Tôi rất tiếc, nếu biết trước, có lẽ tôi sẽ xoay xở cách khác và sẽ chia sẻ những gì còn lại với cô.

- Tại sao chứ, bởi vì mẹ tôi chẳng liên quan gì đến vụ trộm đó mà? Chính mẹ anh mới là người đã phải mạo hiểm.

- Cô đừng kết luận nhanh quá thế. Việc ba mẹ cô phải chặt vật để lo cho cuộc sống có thể khiến ta giả định rằng mẹ cô đã không đụng chạm gì đến phần chiến lợi phẩm của bà ấy, nhưng cũng không vì thế mà nói lên rằng bà ấy không hề tham gia vụ trộm. Đừng quên những gì kẻ viết thư nặc danh kia đã nói.

- Hẳn viết rằng bà ấy đã từ bỏ một tài sản đáng kể. Có thể bởi vì mẹ anh đã giữ toàn bộ kho báu đó. Chuyện thường xảy ra khi một kẻ tòng phạm đánh lừa kẻ còn lại.

- Cô quả là tế nhị khi nghĩ được như thế, nhưng tôi phải ngắt lời cô ngay lập tức, mẹ tôi vẫn luôn là người trung thực không thể chê trách vào đâu được.

- Hy vọng là anh không nói nghiêm túc. Bà ấy đã cuỗm 1.500.000 đô la trong két sắt... Anh có thể đánh vắn cho tôi nghe từ *trung thực* được không?

- 150.000 đô la!

- Vào thời đó! Cứ như ta đang mơ ấy nhỉ, mẹ anh thực hiện một vụ trộm, giữ cả phần thuộc về mẹ tôi, thế mà lại là một nữ thánh cơ đấy.

- Cô nên suy nghĩ trước khi trở nên đáng ghét trở lại. Cô tưởng họ vẫn gọi nhau là “Bạn yêu” nếu đã xảy ra một chuyện kinh tởm đến thế sao?

- Là mẹ anh gọi mẹ tôi như thế, tôi đâu có được chạm tay vào những bức thư của mẹ tôi.

- Thôi được rồi, có thể tôi đã dùng một từ không phù hợp cho lắm, nhưng tôi thề với cô là mẹ tôi luôn là người thành thực, không chút tì vết.

- Ấy thế nhưng anh lại không hề biết cha mình là ai!

George-Harrison ném cho tôi một cái nhìn lạnh lẽo, anh ta xoay nút bật radio và dán mắt vào kính chắn gió.

Tôi chờ cho hết bài hát rồi tắt radio.

- Xin anh tha lỗi, lẽ ra tôi không nên nói câu đó, thậm chí tôi còn không nghĩ thế.

- Nếu người bán hàng trả thừa mẹ tôi dù chỉ một đô la, bà cũng trả lại ngay, – anh ta nói gay gắt. – Khi bà giúp việc bị gãy chân, mẹ tôi vẫn trả lương cho bà ấy đến khi bà ấy quay lại làm việc. Một lần, khi tôi bị đánh ở trường, đầu tiên mẹ hỏi tôi lý do tại sao, rồi đến gặp thầy hiệu trưởng và nói rằng bà cho bố mẹ cậu bạn kia hai mươi bốn tiếng đồng hồ để đến xin lỗi tôi, trước khi bà đến tận nơi cho họ một bài học. Tôi có thể kể với cô hàng trăm ví dụ

khác nữa, thế nên nếu tôi bảo cô rằng mẹ tôi không thể là người đánh cắp cả phần của người đồng lõa, tôi mong cô hãy tin tôi.

- Tại sao anh lại bị đánh?

- Bởi vì ở tuổi lên mười, khi người ta bảo cô rằng sợ dĩ cô không có bố là vì mẹ cô là một con đĩ, cô sẽ không có đủ vốn từ để đáp trả ngoài nắm đấm của cô.

- Tôi hiểu rồi.

- Không, cô chẳng hiểu gì hết!

- Thôi được rồi, tôi thật ngu ngốc. Bây giờ, George-Harrison này, hãy nghe tôi nói nhé: tôi không quan tâm đến số tiền mà mẹ chúng ta đã lấy trộm, mặc dù tôi mơ ước có thể tặng cho ba tôi một kỳ nghỉ thú vị, nhưng tôi hứa với anh là tôi sẽ không quay về Luân Đôn trước khi chúng ta tìm ra thông tin về ba anh.

Anh lái xe chậm lại và quay xuống phía tôi. Khuôn mặt anh đã đổi khác và đột nhiên tôi có cảm giác đang ở cạnh thằng nhóc đã đánh lộn với một thằng nhóc khác ở trường, một ngày nào đó trước đây.

- Tại sao cô lại làm việc đó vì tôi, tôi tưởng chúng ta chưa quen biết nhau cho lắm?

Tôi nhớ lại sự dịu dàng của ba tôi, những lời an ủi của ông mỗi lần tôi cảm thấy không vui, sự ngọt ngào và trí thông minh của ông khi giúp tôi thoát khỏi một bước đi lầm lỡ, sự đồng cảm ông dành cho tôi suốt thời niên thiếu, sự kiên nhẫn và lòng độ lượng của ông, tất cả thời gian ông đã dành cho tôi, và tôi không thể hình dung nổi trống vắng cùng những đau khổ mà George-Harrison đã phải chịu đựng. Nhưng tôi không tìm ra lời nào để

nói với anh điều đó.

- Đúng là chúng ta chưa biết về nhau nhiều lắm. Và anh vẫn chưa trả lời câu hỏi của tôi: anh có nhớ không?

- Nhớ ai?

- Không có gì, quên điều tôi vừa nói và tập trung vào lái xe đi.

Những ý nghĩ xáo trộn trong đầu tôi, và tôi đoán rằng anh cũng đang như thế. Đột nhiên, như thể bị một tia chớp xẹt qua, George-Harrison kêu lên: “Đương nhiên rồi!” Anh đạp chân phanh rồi đỗ xe vào vệ đường.

- Họ đã chia nhau số tài sản lấy trộm được, mẹ tôi đã lấy trái phiếu, còn mẹ cô lấy thứ khác.

- Tại sao anh cứ nhất quyết cho rằng họ còn lấy thứ khác ngoài tiền?

- Lời thỉnh cầu của mẹ tôi, “Đừng để kho báu quý giá đó chìm vào quên lãng”, đủ để thuyết phục tôi nghĩ thế.

- Tôi cũng vừa nghĩ đến điều đó, khi anh đề nghị tôi đừng trở nên đáng ghét lần nữa; về chủ đề này, hãy nhắc tôi hỏi anh tôi đáng ghét trong bối cảnh nào. Cứ cho là hai người họ đã chia nhau chiến lợi phẩm. Như con người mẹ tôi mà tôi biết, mẹ tôi sẽ chọn cách từ chối nhận phần của mình, bởi vì đó là tiền bẩn.

- Đúng, chúng ta đã hiểu rồi, mẹ cô chính là hiện thân của đức hạnh, nhưng nếu cô nói đúng, thì kẻ viết thư nặc danh kia quả là ngờ nghệch đến kinh khủng khi hy vọng khai quật lại một kho báu hoàn toàn có thể đã bị tiêu hết từ ba mươi lăm năm nay. Trừ trường hợp, như viên cảnh sát đó đã cho chúng ta biết, một phần

của kho báu đó không phải là tiền!

30

Robert

Tháng Sáu năm 1944, gần Montauban

Lúc đó là cuối ngày. Robert đã đạp xe suốt nhiều giờ và nỗi đau đón đường như không thể chịu nổi. Trước đó mười kilomet, anh đã phải dừng lại một lần nữa bên vệ đường để nôn mửa. Ngồi trên sườn dốc, anh mở phanh áo sơ mi và xem xét những vết máu bầm ngang dọc trên thân người và cánh tay. Môi anh phồng lên gấp đôi bình thường, hai mí mắt sưng húp, mũi rỉ máu, môi trên bị rách và trong miệng toàn vị tanh. Chỉ còn đôi bàn tay giữ được hình dạng bình thường. Bị trời quật ra sau lưng, chúng đã tránh được những cú đòn mà anh phải chịu đựng suốt nhiều giờ liền.

Về khoảng thời gian bị tra tấn ấy, anh chỉ còn giữ được ký ức về những thời khắc anh tỉnh lại. Cũng không quan trọng, Robert không có thời gian để than thở về số phận, mà cũng chẳng còn lòng dạ nào làm việc đó, anh chỉ có một ý nghĩ trong đầu, đó là đến được chòi săn.

Đến đoạn bắt đầu con đường mòn, anh vút chiếc xe đạp đôi vào hố rồi chạy ngang qua rừng, sử dụng nốt chút sức lực cuối cùng để trèo lên đồi. Chân anh trượt đi trên lớp đất xốp, nhưng mỗi lần bị trượt anh lại bấu vào những cành cây và nhúm dây.

Cuối cùng, chòi săn cũng hiện ra trên đỉnh đồi, một làn khói mảnh tỏa lên từ nóc chòi, tất cả đều yên bình, quá đổi yên bình.

Anh nghe thấy tiếng răng rắc và quỳ xuống để tiến lên một cách cẩn trọng. Nhìn thấy xác Antoine cách thêm chòi săn vài mét, Robert hiểu rằng mình đã về quá muộn. Các cửa sổ vỡ tung do đạn bắn, mặt trước căn chòi thủng lỗ chỗ. Cửa ra vào chỉ còn là một tấm ván gỗ treo lủng lẳng vào bản lề.

Bên trong là kết quả của một trận tàn sát. Bàn ghế bị đạn tiểu liên băm vụn, ba lính du kích nằm bất động trong cảnh tượng hết sức khủng khiếp. Một người bị xổ ruột ra khỏi ổ bụng, một người bị cụt mất hai chân, chúng đã nát bấy vì một quả lựu đạn, người thứ ba chỉ còn có thể nhận dạng được nhờ vóc dáng đầy đà. Mặt anh ta đã bị vùi trong lớp đất dẫm máu.

Robert cảm thấy buồn nôn, và nếu dạ dày anh không bị dốt sạch trên đường, có lẽ nó đã quặn lên lần nữa. Tim đập thành thịch, anh nhìn một vòng xung quanh rồi hét lên:

- Sam! Hanna!

Nhưng đáp lại tiếng gọi của anh chỉ là im lặng. Anh lao vào phòng ngủ và nhìn thấy ông già nằm sõng soài nơi cuối giường, hai mắt mở trừng trừng, một cánh tay buông thõng và một bàn tay vẫn cầm khẩu súng lục. Một dòng đỏ thẫm chảy ra từ thái dương.

Robert quỳ xuống trước mặt ông rồi vừa òa khóc vừa vuốt mắt cho ông. Anh cầm lấy khẩu súng giắt vào thắt lưng.

Anh quay trở ra thêm quan sát xung quanh, thăm cầu trời để Hanna trốn được vào rừng, mặc dù hy vọng đó rất mong manh.

- Hanna!

Đáp lại anh chỉ có tiếng kêu riu rít của lũ chim sẻ. Anh kinh hoàng khi nghĩ đám lính bảo an đã đưa cô đi, không dám hình dung chuyện gì sẽ xảy đến với cô. Anh đứng đó một lát, bất động, nức nở khi nhìn thấy gốc cây nơi mình thường ngồi cùng Sam hút một điếu thuốc lá. Ông thương gia nghệ thuật thường kể cho anh nghe về cuộc đời ông, về chuyện ông đã gặp vợ ông như thế nào, về tình yêu ông dành cho cô con gái, về niềm đam mê của ông đối với nghề nghiệp, về niềm tự hào khi có được bức Hopper.

Trời tối, màn đêm bao phủ toàn bộ chòi săn.

Robert chỉ còn lại một mình và anh tự hỏi mình còn sống được bao nhiêu đêm nữa. Chỉ vài giờ nữa, ngày sẽ rạng ở Baltimore. Anh chợt nghĩ đến ba mẹ, nhớ đến căn phòng tiện nghi của mình trong dinh thự rộng lớn của họ, những bữa tối hoang đường được tổ chức ở đó, đến căn phòng đọc sách, nơi ba anh phung phí tài sản của mình vào những ván bài poker mà ông liên tục bị thua. Anh nhớ một buổi sáng đã bắt gặp ông trong phòng làm việc, say khướt và khóc lóc vì giận dữ. Anh sẽ không bao giờ quên ánh mắt hai ba con nhìn nhau, một người đầy hổ thẹn, một người đầy tuyệt vọng. Và anh nghĩ mình sẽ chết cách nhà hàng nghìn kilomet chỉ vì một ván bài poker.

Cơn giận dữ tiếp thêm cho anh sức mạnh. Sam đã tự sát để không dâng mạng sống của ông cho kẻ thù, và hành động quả cảm đó nhắc anh nhớ đến lời hứa của mình. Nếu có cơ may, dù chỉ rất mong manh, là Hanna còn sống, anh sẽ tìm được cô. Với sự giúp đỡ của đồng đội, anh sẽ đưa cô ra khỏi chốn ngục tù, cho dù anh có phải vào đó.

- Đồng đội nào? – Anh thì thâm. – Những người mày biết đều đã chết, những người khác thì muốn mày phải chết.

Nhưng trong cơn hăng hái của tuổi trẻ, anh tự thề với mình là anh sẽ sống, sẽ thực hiện cái thỏa thuận đã kết nối anh với ông thương gia nghệ thuật. Anh sẽ trở về nước như một anh hùng, mang lại vinh quang cho tấm gia huy, trở thành một nhân vật quan trọng, giống như tất cả những người đàn ông khác trong dòng họ, ngoại trừ ba anh. Anh lại nghĩ đến những bức tranh cất giấu trong một cái hốc dưới đáy hầm. Nếu anh có thể quay trở về Baltimore, dù có đi cùng con gái của Sam hay không, thì những tác phẩm vô giá ấy cũng không được nằm lại đó.

Mặt trăng nhô lên trên bầu trời. Ánh trăng chiếu rọi qua những tán cây. Robert vẫn chưa đủ sức quay trở vào. Bên trong chòi săn, thi thể Sam nằm bất động trong phòng ngủ của ông, thi thể những người bạn khác nằm ở phòng chính. Anh hít một hơi thật sâu rồi quyết tâm bước vào.

Anh nhìn thấy trên sàn nhà một ngọn đèn dầu trông rất thảm hại, liền châm lửa vào bấc đèn, cố không nhìn vào chỗ nào khác ngoài cánh cửa sập dẫn đến căn hầm. Anh nhắc nó lên và bước xuống.

Anh móc ngọn đèn vào một thanh của chiếc thang, rồi bắt đầu di chuyển những cái thùng che lấp lối vào đường hầm. Khi lối vào vừa đủ rộng để lách được người qua, anh cầm lấy ngọn đèn và chui vào trong.

Trong lúc tiến về phía tấm gỗ mà Sam đã chỉ cho anh, một tiếng sột soạt khiến anh chú ý. Có tiếng thở không đều ở đầu kia đường hầm, nơi những thùng vũ khí được xếp chồng lên nhau.

Robert đặt một tay lên báng khẩu súng lục, tay kia giơ cao ngọn đèn. Một hình người hiện ra trong ánh đèn vàng vọt. Một thân hình phụ nữ co quắp. Hanna ngẩng đầu lên nhìn anh, sửng sò.

Cô bắt đầu hét lên và vùng vẫy như người điên khi anh muốn ôm lấy cô. Với khuôn mặt sưng vù, cô khó mà nhận ra anh, nhưng khi anh cầu xin cô bình tĩnh lại, cô hiểu ra rằng anh không phải là một tên lính bảo an quay lại để cưỡng hiếp cô. Cô nép vào người anh, run rẩy, và trong trạng thái nửa tỉnh nửa mê, cô kể lại cho anh nghe những chuyện đã xảy ra...

Vào cuối chiều, một chiếc xe cam nhông chở đầy lính bảo an có vũ khí đã dừng lại ở đoạn bắt đầu con đường mòn. Raoul, người đang canh gác, đoán rằng lần này, chúng không di chuyển chỉ nhằm khảo sát khu rừng. Anh chạy về tận chòi săn để cảnh báo mọi người, vớ lấy một khẩu Sten rồi vừa tụt xuống vừa nói rằng anh sẽ làm hết khả năng để trì hoãn vụ tấn công, trong thời gian đó mọi người hãy bỏ trốn. Sam không chịu đi, đôi chân ông không còn đủ khỏe. Ông cầu xin những người kháng chiến đưa Hanna đi cùng họ, nhưng Antoine vừa bị trúng đạn ngã xuống và chòi săn đã bị bao vây. Quân kháng chiến nổ súng. Alberto, người có dáng dấp như một con gấu, ra lệnh cho Sam trốn vào hầm. Bọn lính bảo an chỉ truy đuổi quân kháng chiến, may ra chúng sẽ không bắt một ông già và cô con gái.

Sam đưa Hanna vào con đường hầm chật hẹp trước, rồi lập tức chặn lối vào bằng cách đẩy một cái thùng, rồi lại một cái nữa. Hanna đưa tay ra và cầu xin ông đừng bỏ cô một mình, nhưng ba cô đã đáp lại:

- Con phải sống, vì ba, vì mẹ con, vì tất cả những người đã bị

truy hại như chúng ta. Hãy biến cuộc đời này thành một thành công rực rỡ, đừng bao giờ quên con là con gái của Sam Goldstein. Con hãy nhớ những khi ba con mình đi vòng quanh thế giới cùng nhau, những chuyến du lịch của chúng ta, tất cả những gì ba đã dạy con. Con sẽ tiếp nhận ngọn lửa mà ba con trao lại cho con và sẽ châm nó thành hàng ngàn bó đuốc, để chiếu sáng cả bầu trời. Khi có con, con hãy kể với chúng về ba mẹ của con và nói với chúng rằng mẹ con và ba yêu chúng. Dù có đi đến nơi nào, ba cũng sẽ trông nom cho chúng giống như đã từng trông nom cho con.

Và trong lúc nhốt cô, ông vẫn không ngừng nhắc đi nhắc lại rằng ông yêu cô.

Chẳng mấy chốc, giọng ông đã bị những loạt súng át đi. Ông xếp cái thùng cuối cùng và Hanna thấy mình chìm hoàn toàn trong bóng tối.

Ngọn lửa của trận chiến đã tắt. Những tiếng nói eo sèo trên tầng. Một người đàn ông mở cánh cửa sập và bước xuống. Hanna chạy tới nép mình tận cuối đường hầm và nghe thấy hân hét lên:

- Được rồi, bọn mày, không còn đứa nào đâu, chỗ này đúng là một mớ hổ lốn. Tao muốn về đến nhà trước khi đêm xuống.

- Chúng ta làm gì với các xác chết? – Một gã khác hỏi vọng xuống từ phòng chính.

- Chúng ta lấy giấy tờ tùy thân của chúng, – gã thứ ba trả lời. – Người ta sẽ báo cho các gia đình, họ sẽ đến đưa chúng về. Dù sao, chúng ta cũng không chuốc lấy công việc bắn thủ ấy vào mình.

Những tiếng cười gằn, gã đàn ông trèo lên chiếc thang, đóng

cửa sập lại, rồi im lặng hoàn toàn.

Câu chuyện của Hanna kết thúc bằng một tiếng rên dài lấp đầy nơi cô đang ẩn náu, đầu cô gật gù từ trước ra sau, cô vừa rên rỉ vừa không ngừng gọi ba, chẳng khác nào một con vật trong cơn hấp hối. Robert đoán cô có nguy cơ phát điên, phải nhanh chóng đưa cô ra khỏi nơi này. Anh đưa tay nắm lấy tay cô rồi đưa cô ra, nhưng trước khi leo lên thang, anh tắt đèn.

- Ta không thể biết được, – anh nói, – nhờ có tay lính bảo an nào vẫn nán lại trong rừng.

Một lời nói dối tệ hại, Robert không muốn Hanna nhìn thấy thi thể nát bầy của những người đã hy sinh thân mình với hy vọng cứu được cô.

Họ đi qua căn phòng. Ra đến thêm, Hanna quay lại, cầu xin Robert đưa cô đến chỗ ông bố. Anh từ chối.

- Tôi xin cô, – anh nói bằng giọng nghẹn ngào, – những gì cô nhìn thấy sẽ không bao giờ xóa nhòa được trong tâm trí cô đâu.

Họ đi sâu vào rừng, men theo con đường mòn. Robert tự hỏi liệu Hanna có thể ngồi lên chiếc xe đạp đôi được không, và anh còn chưa hề biết sẽ đi đâu.

Anh nhớ lại rằng Alberto đã nhắc đến những người dẫn đường vượt biên giúp người tị nạn băng qua dãy Pyrénées. Tây Ban Nha chỉ cách đó chừng một trăm kilomet. Nếu đi xe đạp, họ có thể đến được biên giới trong vòng ba, thậm chí là hai ngày.

Cách chòi sẵn chừng năm trăm mét, Robert để Hanna ngồi xuống một gốc cây.

- Tôi phải quay trở lại chòi để lấy quần áo. Quần áo tôi dính đầy máu, nếu người ta nhìn thấy tôi trong tình trạng này, chúng ta sẽ bị bắt lại ở trạm kiểm soát đầu tiên, với lại chúng ta cũng cần thực phẩm và nhất là tôi phải lấy giấy tờ cho cô.

- Tôi không quan tâm đến quần áo của anh cũng như mớ giấy tờ giả của tôi, – Hanna hét lên, – tôi cấm anh rời khỏi tôi.

Robert áp bàn tay vào miệng cô để cô im lặng. Con đường lớn không còn xa lắm, một đội tuần tra của quân Đức có thể đi qua đó.

- Tôi không có lựa chọn nào khác, tôi có một nhiệm vụ phải hoàn thành và tôi phải lấy tám bản đồ có đánh dấu các kho vũ khí. Tôi đã hứa với ba cô là sẽ trông nom cô nếu ông ấy gặp chuyện không may, và tôi sẽ giữ đúng lời hứa đó. Hanna, tôi thề với cô là sẽ không bỏ rơi cô, cô phải tin tôi. Tôi sẽ quay lại đây, cùng lắm là nửa tiếng nữa thôi. Từ giờ đến lúc đó, cô hãy nghỉ cho lại sức, một chặng đường dài đang chờ chúng ta. Và nhất là đừng có gây ra tiếng động đấy.

Hanna không có lựa chọn nào khác là để anh đi. Robert lại đi ngược con đường lúc trước. Đến chòi sẵn, anh vào phòng mình để thay quần áo, sau đó đến tìm kiếm trong phòng bếp. Tất cả các bình đựng đồ dự trữ đều đã vỡ, trừ một chiếc bình lăn vào gầm bàn. Robert lấy nó ra rồi nhét vào một chiếc túi dết lớn treo trên một cái đinh gần lò sưởi. Rồi anh leo xuống chiếc thang dẫn đến căn hầm và bước vào đường hầm.

* * *

Họ đã đạp xe đến tận rạng sáng, nhưng Hanna quá mệt nên

không thể đi tiếp. Cả Robert cũng đang chiến đấu chống lại cơn mệt mỏi. Mặt trời rải ánh ngũ sắc lên màn sương mù phủ xuống đồng bằng. Đàng xa, họ nhìn thấy một nhà kho và một trang trại. Là người cầm lái, Robert rời khỏi đường lớn để rẽ vào một con đường ngang dẫn tới đó. Họ sẽ nghỉ lại đó vài giờ, và nếu may mắn đôi chút, sẽ tìm được thứ gì để ăn uống.

* * *

Đã quá trưa khi Hanna mở mắt ra. Người chủ trang trại đang chĩa khẩu súng trường trên vai vào mặt Robert.

- Các người là ai? – Ông ta hỏi.

Robert ngồi bật dậy.

- Chúng tôi không phải kẻ trộm cũng không phải những kẻ muốn gây hại cho ông, – Hanna trả lời. – Tôi xin ông, hãy hạ khẩu súng xuống.

- Các người làm gì trong nhà kho của tôi?

- Chúng tôi chỉ nghỉ lại một chút thôi, chúng tôi đã đi suốt đêm qua, – Hanna tiếp tục trả lời.

- Thế còn hấn, hấn bị mất lưỡi rồi à? Tại sao hấn không nói gì?

- Làm thế thì có ích gì, bởi vì tôi đang trả lời ông rồi mà?

- Nếu các người đi suốt đêm, có nghĩa là các người đang chạy trốn. Hấn là người nước ngoài, đúng thế không?

- Không, – Hanna trấn an ông ta, – anh ấy bị câm.

- Hãy chờ đấy, để tôi đập cho hấn một cú vào mông, ta sẽ biết hấn có câm thật không! Nhưng theo cách người ta hành hạ

khuôn mặt hần, thì không cần phải thông minh cho lắm cũng biết được các người là ai. Tôi không muốn gặp chuyện phiền phức, cả với cảnh binh lẫn quân kháng chiến. Thế nên hai người hãy cầm lấy đồ đạc của mình rồi biến khỏi đây đi.

- Theo cái cách mà chúng hành hạ khuôn mặt tôi, thì sẽ rất nguy hiểm cho tôi chừng nào trời còn sáng, – Robert xen vào. – Hãy để chúng tôi ở lại đến đêm, sau đó chúng tôi sẽ đi.

- Người Mỹ hay người Anh? – Người chủ trang trại hỏi.

- Người nước ngoài, như ông vừa nói, và bởi vì ông không muốn gặp rắc rối với quân kháng chiến, tôi khuyên ông đừng gây chuyện với chúng tôi.

- Anh bạn của cô cũng gan góc gớm đấy, – người chủ trang trại quay sang phía Hanna đáp lại.

- Chúng tôi chỉ đề nghị ông cho chúng tôi được yên trong vài giờ, – cô nói, – làm thế thì ông cũng có mất gì đâu.

- Chính tôi là người cầm súng, thế nên tôi mới là người quyết định. Và để bắt đầu, không ai được đến đất của tôi mà đe dọa tôi. Nếu hai người muốn ăn uống, thì chỉ cần lịch sự hỏi xin.

Người chủ trang trại hạ vũ khí xuống rồi nhìn họ từ đầu đến chân một lát.

- Hai người không có vẻ nguy hiểm cho lắm. Theo tôi, vợ tôi vừa nấu xong bữa trưa, nhưng trước hết hãy ra giếng mà rửa ráy, trông hai người bẩn thỉu phát khiếp.

Nước giếng bơm lên mát lạnh đến nỗi Robert cảm thấy những vết thương của anh đau rát. Vết thương ở cằm lại chảy máu,

Hanna lấy trong túi ra một chiếc khăn và áp lên đó.

- Đừng có hơi tí đã kêu đau như thế, – cô bảo anh khi nhìn thấy anh nhăn mặt.

Vợ chồng người nông dân mang quần áo sạch cho họ. Hanna mặc quần và áo sơ mi, trông cô có dáng vẻ của một cô gái giả trai thực sự. Ở bàn ăn, vợ chồng ông chủ trang trại tỏ ra là những người tốt bụng. Robert ăn sạch thức ăn trong đĩa mà không chờ phải mời nhiều, còn Hanna chỉ ăn một chút món ra gu mà người ta múc vào đĩa cho cô.

- Ăn đi, dù cô không đói, – ông chủ trang trại nhấn mạnh. – Hai người sẽ đi đâu?

- Về phía Tây Ban Nha, – Robert trả lời.

- Vậy thì chắc hai người khó mà đến được đó với cái xe đạp nực cười ấy.

- Đường sá trong vùng này thế nào?

- Thời gian gần đây thì rất tắc nghẽn. Đây những người bỏ trốn về phía Đông, những người ngược lên phía Tây-Bắc để sống mái với quân Đồng minh, và hai người muốn đi về phía Nam, rất đông người, hai người thấy đấy.

- Quân Đồng minh nào? – Robert ngạc nhiên hỏi.

- Trời đất ơi, hai người chui từ đâu ra vậy? Quân Đồng minh đã đổ bộ từ bốn ngày trước vào bờ biển Normandie, đài truyền thanh chỉ còn nói đến chuyện đó. Quân Đức không để họ muốn làm gì thì làm, nhưng có vẻ quân Anh đã ở Bayeux rồi, quân Canada thì đang tiến về phía Caen; một số người nói rằng chẳng

mấy nữa cuộc chiến chết tiệt này sẽ kết thúc.

Khi nghe thông báo tin đó, Robert đứng bật dậy vòng tay ôm choàng lấy ông chủ trang trại, nhưng Hanna thì vẫn ngồi yên trên ghế và mắt cô giàn giụa nước; anh quỳ xuống trước mặt cô và cầm lấy tay cô.

- Họ chết khi đã gần đích đến thế, – cô than thở. – Và ba sẽ không bao giờ được chứng kiến cảnh giải phóng.

- Có tôi đây, Hanna. Cô sẽ về nước cùng tôi, – Robert trả lời cô.

Bà chủ trang trại ra hiệu cho ông chồng đi lấy một chai rượu. Ông chủ trang trại đến bên chiếc tủ buýp phê rồi quay lại rót đầy rượu vào các cốc.

- Uống đi, thứ rượu lê này sẽ giúp cô lại sức. Tôi rất tiếc, cô gái ạ.

Hanna giúp chủ nhà dọn dẹp bàn ăn. Ông chủ trang trại bảo Robert ra giúp ông một tay, cổ đã được phơi khô và phải bó thành bó.

Anh ở trên cánh đồng cả buổi chiều. Lúc đầu có hơi ngượng nghịu, nhưng Robert nhanh chóng thao tác thuần thục và nhận được lời khen “Một chàng Mẽo mà xoay xở được như anh là không tồi đâu”.

Và trên cánh đồng, Robert kể lại những việc đã xảy ra ngày hôm qua, anh nói về tình cảnh của Hanna và về lời hứa của anh với Sam. Khi anh kể xong, ông chủ trang trại thở dài, và vì thương hại, ông ngỏ lời giúp đỡ anh.

- Tôi có một cái xe cam nhông chạy bằng khí ga. Đêm nay,

chúng ta sẽ để xe đạp của hai người dưới lớp rơm và tôi sẽ đưa hai người đến càng gần nơi hai người định đến càng tốt. Tính đến thời gian tôi cần để đi rồi quay về, cứ cho là chúng ta có thể đến tận Aurignac, hai người sẽ chỉ còn cách biên giới khoảng sáu mươi kilomet. Nhưng tôi báo trước với anh, vượt dãy Pyrénées không phải là một chuyến dạo chơi đâu, kể cả vào mùa này. Tóm lại, tôi sẽ làm những việc cần thiết, vấn đề còn lại là của hai người.

Đầu tiên là lời thông báo việc quân Đồng minh đổ bộ, rồi lại đến đề nghị này, hai tia hy vọng trong một ngày, và Robert thật sự cần đến chúng. Anh quay về trang trại, ra giếng rửa mặt rồi vội vàng vào báo tin cho Hanna. Anh thấy cô có một mình trong bếp.

- Bà chủ trang trại không ở cùng cô sao?

- Bà ấy tên là Germaine, còn ông ấy là Germain, cũng hơi nực cười, đúng không?

Robert cố tìm cái tên tương ứng ở Mỹ, nhưng đầu óc anh đang quá bận rộn nên anh liền từ bỏ.

- Anh cứ hình dung một cặp vợ chồng tên là Jess và Jessie, – cô nói đùa.

- Sao lại không chứ, nếu họ yêu nhau.

- Tôi không có cảm giác là có nhiều tình yêu trong căn nhà này.

- Tôi nghĩ là cô nhầm đấy.

- Có thể thế, nhưng tôi chắc chắn là họ sẽ rất vui nếu chúng ta

chuồn sớm. Germaine có vẻ khó chịu vì sự có mặt của tôi. Bà ta đã bỏ đi, thậm chí còn không thử nói chuyện với tôi.

- Có thể là vì bà ấy người tinh ý, phải thừa nhận là cô không được hay chuyện cho lắm.

- Tôi có những phẩm chất khác, đấy là nếu nói nhiều cũng là một phẩm chất. Bao giờ chúng ta định đi đây? Nơi này khiến tôi rùng mình.

- Ngay khi trời tối. Germaine đã đề nghị đưa chúng ta đi bằng xe cam nhông của ông ấy đến tận Aurignac, như thế chúng ta sẽ đỡ được một đêm đạp xe.

* * *

Họ ra đi trong lúc Germaine vắng mặt. Bà bị đau đầu khủng khiếp và đã lên phòng. Chồng bà đề nghị Robert và Hanna thứ lỗi, thực ra bà đang gây chuyện với ông khi ông chuốc lấy chứng ấy rủi ro vì những người xa lạ.

Họ đưa chiếc xe đạp lên thùng xe cam nhông, rồi trèo vào cabin. Những ngọn đèn được gắn nắp che không chiếu sáng là bao, nhưng chúng lại giúp chiếc xe khỏi bị nhìn rõ trong đêm tối. Chiếc Berliet rung lên, lắc lư trên con đường nhỏ rồi rẽ ra đường lớn.

Ông chủ trang trại, hai tay đặt trên vô lăng, bắt đầu huýt sáo.

- Vợ ông đã đúng khi giận chúng tôi. Hẳn là rất nguy hiểm khi lái xe vào giờ này. Tôi không biết phải cảm ơn ông thế nào nữa, – Hanna nói.

- Về nguyên tắc thì việc này bị cấm ngặt, nhưng quân Đức và

đám bảo an đều tham ăn, chúng muốn được giao sữa và trứng đến tận nơi, nếu không đến đòi tôi giao nộp gà vịt. Thế nên nếu là chủ trại ngoan ngoãn, thì ta sẽ được nhận một Ausweis^[27]. Hai người yên tâm đi, giấy tờ của tôi hợp lệ. Nếu chúng ta bị kiểm tra, hãy giả vờ ngủ, và mọi chuyện sẽ ổn cả.

- Ông hãy gửi lời cảm ơn của chúng tôi tới bà nhà, – Robert năn nỉ.

- Tôi sẽ không quên đâu.

Động cơ xe gầm lên ầm ĩ. Đến ngang khu vực Isle-Jourdain, Hanna cuối cùng cũng thiếp đi. Họ đi qua Saint-Lys, Sainte-Foy-de-Peyrolières và Rieumes mà không gặp trục trặc nào. Robert cũng thiu thiu ngủ trong nhịp chuyển động vỗ về của ca bin.

Đến gần Savères, tiếng răng rắc trong hộp số kéo anh ra khỏi trạng thái lơ đãng. Chiếc cam nhông đang đi chậm lại.

- Có chuyện gì thế? – Anh lo lắng hỏi.

- Tôi nghĩ là có một đội tuần tra ở ngã tư sắp tới, vẫn còn xa, nhưng tôi đã nhìn thấy ánh đèn, mà vào giờ này thì cửa chớp của các trang trại đều đã đóng kín cả. Hãy làm như chúng ta đã nói, rồi mọi chuyện sẽ ổn cả thôi. Bạn anh đang ngủ, và như thế là tốt hơn đấy.

Robert nhìn Hanna, cô đang tựa đầu vào cửa kính, hai mắt nhắm nghiền. Nhưng tuy nhiên, anh cảm thấy bàn tay Hanna trượt sau lưng anh, rồi rút khẩu súng anh đang giắt ở thắt lưng. Germain nhả côn rồi về số hai, Hanna liền ngồi thẳng dậy và chĩa súng về phía ông ta.

- Tắt đèn rồi tấp xe vào lề đường, – cô ra lệnh bằng giọng đầy

kiên quyết.

- Cô đang chơi trò gì thế, cô gái?

- Còn ông, cái giá của trò ông đang chơi là bao nhiêu, chúng tôi đáng giá bao nhiêu? Hai mươi franc? Năm mươi franc? Có thể là bán một người Mỹ thì được một trăm franc chẳng? – Hanna giận dữ giơ súng vào má ông ta.

- Cô ta hoàn toàn điên rồi, – Germain vừa phản đối vừa giậm chân phanh.

Ông ta cho xe đỗ vào lề đường rồi giơ tay lên, sợ sệt.

- Bà Germaine nhà tôi đã nói rất đúng, lẽ ra tôi không bao giờ nên giúp lũ kiêu dân, bây giờ thì tôi được cảm ơn như thế này đây. Hai người chỉ việc xuống xe. Nào, cầm lấy túi của các người và cút đi!

- Anh có biết lái loại xe này không? – Hanna hỏi Robert, anh đang chứng kiến cảnh tượng với vẻ mặt của một khán giả sững sốt.

- Có... thật ra là tôi nghĩ thế, tôi đã học cách điều khiển xe cam nhông trong thời gian huấn luyện ở Anh.

- Thế thì mày mới là người phải xuống xe, – Hanna ra lệnh cho người chủ trang trại.

Cô nhích ngón tay trên cò súng.

- Hôm qua, ba tao đã chết vì bị một thằng khốn như mày chỉ điểm, sẽ không có chuyện gì làm tao vui hơn là bắn vỡ óc mày. Tao cho mày mười giây để vắt chân lên cổ mà chạy.

Germaine lăm bầm chửi rửa và mở cửa xe. Robert ngồi vào chỗ

ông ta rồi lập tức nổ máy. Trong khi chiếc Berliet đi xa dần, hai người họ vẫn còn nghe thấy Germain gào lên: “Đồ ăn cắp khốn nạn! Xe của tao, trả xe lại cho tao!”

- Rẽ ở đây đi, – Hanna vừa nói vừa chỉ vào một con đường nhánh chạy dài bên tay trái họ, – và cứ để đèn tắt như thế.

- Cô bị làm sao vậy? Ông ta đã giúp đỡ chúng ta và...

- Lão đó không phải là người như lão nói đâu, lão hợp tác với quân Đức. Còn anh, mang tiếng là nhân viên tình báo nằm vùng mà quan sát quá kém. Trong trang trại của lão không có gà cũng chẳng có bò, chỉ có lúa mì và lợn, vậy anh nghĩ lão mua cái xe này và có được Ausweis bằng cách nào? Bằng cách chơi trò buôn bán chợ đen, tất nhiên rồi, và theo ý anh thì khách hàng của lão là ai?

- Làm sao cô có thể đoán ra tất cả những chuyện đó?

- Tôi đã ẩn náu lâu hơn anh rất nhiều. Sống sót đòi hỏi khả năng quan sát, rồi anh sẽ sớm hiểu ra điều đó thôi. Chúng ta sẽ tiếp tục đi trên đường lớn cho đến lúc bình minh. Ban đêm, ta dễ dàng nhìn ra các đoàn xe của quân Đức, còn ban ngày thì không thể phát hiện ra chúng trước khi quá muộn. Sau đó chúng ta sẽ đi tiếp bằng xe đạp. Anh có thể lái xe với tốc độ bao nhiêu?

- Không hơn năm mươi kilomet một giờ.

Hanna cầm lấy cổ tay anh để xem giờ trên đồng hồ của anh.

- Chúng ta có đủ thời gian để đi được ít nhất là một trăm năm mươi kilomet. Sẽ không còn cách biên giới bao xa nữa. Chúng vẫn để lại đồng hồ cho anh sao?

- Ai kia?

- Những kẻ đã nện anh như tử tử ấy, một ngày nào đó anh sẽ phải kể cho tôi nghe anh đã làm thế nào để trốn thoát.

- Cô muốn cả tôi cũng xuống xe chẳng? Cô nghi ngờ tôi chuyện gì vậy?

- Tôi không nói thế, câu hỏi của tôi rất thành thực, tôi quan tâm đến những chuyện đã xảy ra với anh.

- Đám bảo an đã chặn chúng tôi lại, chúng đưa chúng tôi vào một ngôi nhà. Titon và tôi bị tách nhau ra. Chúng nện chúng tôi như hai con chó để bắt chúng tôi phải khai, tôi đã không nói gì, nếu không thì đã không bị thế này rồi.

Anh kéo tay áo lên, để lộ cánh tay đầy những vết thuốc lá châm.

- Bởi vì tôi là người Mỹ, chúng đã quyết định sẽ giao tôi cho quân Đức. Chúng vút tôi lên đằng sau một chiếc xe. Lúc đó tôi đang bất tỉnh, nên chúng chỉ giao cho một thằng chở tôi đi. Tôi tỉnh lại trên một đoạn đường nông thôn, gã kia đang mải lái xe, tôi ở ngay sau hắn, tôi siết cổ hắn và thề rằng gì thì gì tôi cũng sẽ bẻ gãy cổ hắn nếu hắn không dừng xe lại. Hắn đã làm theo.

- Sau đó anh làm gì?

- Tôi đã bẻ gãy cổ hắn.

- Bớt được một tên khốn kiếp! Lẽ ra tôi không nên để lão chủ trang trại đó sống sót. Chỉ lát nữa thôi, lão sẽ đến một chốt kiểm soát và trình báo nhận dạng của chúng ta. Nói chuyện thế đủ rồi đấy, bây giờ chúng ta hãy tập trung vào, – Hanna ra lệnh.

Hai người lặng lẽ lái xe trong đêm. Hanna tự hỏi làm thế nào

Robert lấy lại được chiếc xe đạp đôi, cô chắc chắn đã nghe thấy mấy người kháng chiến nói về nó. Nhưng xe đạp đôi thì đâu chỉ có một chiếc, và cô không muốn mạo hiểm xúc phạm người đàn ông duy nhất có thể cứu mạng cô và đưa cô đến Mỹ.

* * *

Họ lạc đường nhiều lần và đi qua Aurignac mà không nhận ra. Hanna đã tìm được một tấm bản đồ cùng giấy tờ của chiếc xe cam nhông, kèm theo giấy thông hành do lính bảo an cấp, bằng chứng khẳng định cho những nghi ngờ của cô. Thỉnh thoảng, cô bật đèn trần trong giầy lát để xem bản đồ. Tên những ngôi làng họ gặp hoàn toàn xa lạ đối với cô, nhưng chừng nào họ còn đi về phía Nam và không bắt gặp người nào, chừng đó mọi chuyện vẫn ổn.

Lúc ba giờ sáng, họ đi qua Saint-Girons. Một chiếc mô tô ba bánh đổ bên vệ đường lồi vào làng, nhưng đám quân Đức canh gác ở đó còn chưa hết đờ đẫn thì chỉ kịp nhìn thấy hai ngọn đèn hậu biến mất đằng xa. Chúng cũng không lo lắng lắm về chuyện đó, chỉ xe nào có giấy phép mới được đi vào cái giờ muộn màng này.

Chiếc xe cam nhông bám vào con đường leo dọc một sườn núi, bộ ly hợp rên lên mỗi lần xe rung lắc, và cuối cùng động cơ xe trút hơi thở cuối cùng khi họ đến gần Seix. Robert cầm túi xuống, và từ bỏ ý định lấy chiếc xe đạp đôi. Ở sườn dốc thế này, đi bộ còn hơn là đạp xe. Họ đẩy chiếc Berliet của lão Germain và nhìn nó lao xuống hẻm núi Ribaute.

Họ đến Seix lúc trời vừa rạng sáng, sau một quãng dài đi bộ. Hanna nhìn thấy một nhà trọ gia đình.

- Anh có tiền không? – Cô hỏi.

- Không.

Cô kéo ống quần lên, để lộ một dải băng nhỏ quấn quanh bắp chân.

- Cô bị thương à?

- Ba tôi là người biết nhìn xa trông rộng.

Cô cởi dải băng ra và đưa cho Robert hai tờ một trăm franc.

- Anh cầm lấy rồi vào hỏi xem họ còn phòng không.

- Với cái giọng của tôi, cô nghĩ làm thế không mạo hiểm sao?

- Nếu một người vợ lại nói thay cho chồng thì tôi sợ còn mạo hiểm hơn đấy, nhưng có lẽ anh nói đúng. Vậy thì chúng ta chỉ còn cách cùng lao vào miệng sói, và hy vọng rằng lần này sẽ gặp được những người trung thực.

Bà Broué còn hơn cả một chủ nhà trọ trung thực. Từ khi chiến tranh bắt đầu, bà đã che giấu những người chạy trốn đang chờ đợi một người dẫn đường vượt biên. Bà cho tất cả những người đến nhà bà ở trọ. Theo đúng quy định của pháp luật, bà có một cuốn sổ đăng ký, nhưng thường quên ghi vào đó tên những khách trọ lén lút. Bà lại càng quả cảm hơn khi dám lính bảo an thường xuyên ghé qua vào giờ khai vị để xem xét cuốn sổ đó. Khi Hanna và Robert bước vào nhà trọ của bà, với khuôn mặt hốc hác và hành lý chỉ độc một cái túi dết, bà chỉ cần nhìn là đã đoán ra tình cảnh của họ. Bà không hỏi họ câu nào, lấy một chiếc chìa khóa treo trên bảng và dẫn họ lên tầng trên. Bà mở cửa một phòng cho họ, trong đó có một chiếc giường lớn và một bồn rửa.

- Nhà vệ sinh và nhà tắm ở đầu hành lang. Có lẽ hai người nên tranh thủ lúc này, cả hai đều đang rất cần tắm rửa đấy. Những ngày tới đây, đừng đi lại trong hành lang vào buổi sáng trước chín giờ, và đừng bao giờ xuống dưới vào cuối chiều. Nếu hai người nghe thấy tôi ho sau quây, hãy lên phòng ngay. Đồ ăn được phục vụ vào mười hai giờ trưa và bảy rưỡi tối.

- Tôi sẽ trả trước cho bà vài ngày tiền trọ, – Hanna đề nghị. – Chúng tôi áp dụng chế độ trọ một nửa, nghĩa là không ăn tối.

- Hai người sẽ ăn trưa và ăn tối. Khi vượt núi, hai người sẽ chẳng còn lựa chọn nào khác ngoài cách nhịn ăn, thế nên từ giờ đến lúc đó, hãy ăn cho đầy đủ. Còn về tiền nong thì chúng ta sẽ xem xét sau.

Bà đi ra rồi đóng cửa lại. Hanna lại gần giường, vuốt ve tấm chăn rồi nằm dài trên đệm và thở ra một hơi thật dài.

- Tôi không biết lần cuối cùng được ngủ trong chăn đệm bằng vải bông là khi nào nữa, anh sờ mà xem, chúng mới mềm mại làm sao.

Cô rúc đầu vào gối và hít một hơi đến căng lồng ngực.

- Và cái mùi sạch sẽ này nữa chứ, tôi đã quên mất là nó có thể tuyệt diệu đến thế.

- Tôi sẽ nằm dưới đất, – Robert đề nghị như một quý ông chính hiệu.

- Anh cũng cần được nghỉ ngơi như tôi, chúng ta có thể nằm cạnh nhau, tôi không ngại đâu.

- Thế nếu tôi ngại thì sao? – Anh trả lời bằng giọng ranh mãnh.

Hanna vui vẻ ném chiếc gối vào mặt anh. Đây là lần đầu tiên Robert nhìn thấy cô mỉm cười.

- Nhưng trước hết chúng ta phải nghe theo lời của bà chủ nhà, và đi tắm đã, không có chuyện chúng ta làm bồn đồng chặn đệm này, – cô nói bằng giọng đầy uy quyền.

Hanna đi tắm trước, nước lạnh buốt, nhưng cô vẫn có cảm giác nhẹ nhõm chưa từng thấy khi đứng dưới vòi sen. Suốt hai mươi tư giờ qua, cả cơ thể cô đã phải chịu đựng nỗi cực nhọc. Cô ngắm nghía đôi bàn chân sưng vù vì đi bộ, và đôi cẳng chân khẳng khiu khiến cô hoảng sợ. Cô vẫn còn rất xa đích đến, lạc lõng trong một nước Pháp đầy thù địch, tuy nhiên, nhà trọ này dường như là một nơi trú ẩn yên bình đối với cô, một điểm trú chân tạm thời nơi cô cảm thấy gần như được an toàn. Cuối cùng, ý nghĩ về một chiếc giường thực sự đang chờ đợi mình khiến cô lại cảm thấy yêu cuộc sống, cô bắt đầu hy vọng. Chặng đường vượt núi không khiến cô sợ hãi, tự do nằm ở đầu kia của chặng đường đó, và cùng với nó là chuyến khởi hành đến nước Mỹ. Cô đã để lại đó những kỷ niệm đẹp nhất: những chuyến đi cùng với ba mẹ. Nỗi buồn lại trỗi dậy nhưng cô kìm nước mắt. Có người gõ cửa.

- Ổn cả chứ? – Cô nghe thấy người đó nói.

- Vâng, ổn cả.

- Thế mà tôi cứ lo, – Robert thì thầm bên kia cánh cửa, – tôi tưởng cô gặp chuyện gì không hay, cô đã ở trong đó lâu lắm rồi đấy.

- Đã lâu lắm rồi tôi không được tắm thực sự, thế nên tôi phải tranh thủ, tôi nhường chỗ cho anh đây.

Cô ra khỏi phòng tắm, chiếc khăn quấn trên người ôm sát những đường cong trên cơ thể. Đôi bầu vú tròn trịa hiện lên dưới lớp vải, và Robert không thể ngăn mình để mắt vào đó. Cô bắt gặp ánh mắt anh và cảm thấy bối rối. Lần duy nhất cô gợi lên niềm ham muốn ở người khác, đó là khi cô rời trường trung học, và người nảy ra niềm ham muốn ấy là một gã trai bằng tuổi cô, kẻ đã theo đuổi tán tỉnh cô nhưng cô vẫn lạnh lùng như đá cẩm thạch, thế nhưng Robert lại là một người đàn ông.

- Có chuyện gì vậy? – Anh hỏi.

- Không có gì cả, hành lang hẹp mà anh thì lại chắn lối đi của tôi.

Anh né sang một bên nhường chỗ cho cô đi qua, và cơ thể họ chạm vào nhau.

Khi anh trở vào phòng, Hanna đang ngủ say, anh ngắm nhìn cô hồi lâu rồi nằm xuống bên cô. Cô thốt ra một tiếng thở dài, quay lại và đặt tay lên người anh, hai mắt vẫn nhắm nghiền.

- Cô đã từng làm tình chưa? – Anh thì thầm.

- Chưa, – cô khẽ trả lời. – Còn anh?

- Cô cho tôi hôn cô được không?

Hanna mở mắt và đón nhận nụ hôn của anh. Cô e sợ anh sẽ hăng máu, nhưng anh rất tế nhị. Hơi ấm từ làn da anh và nỗi ham muốn được trở thành đàn bà đã chiến thắng nỗi sợ hãi, cô ra sức ôm siết lấy anh. Cuộc đời đúng là không thiếu khiếu hài hước, bởi vì chính ở Seix^[28] mà Hanna làm tình lần đầu tiên trong đời.

* * *

Phòng ăn của nhà trọ rất mộc mạc. Tám cái bàn bằng gỗ làm chỗ ngồi cho các khách trọ, những tấm rèm bằng đăng ten treo trên cửa sổ và một đồng hồ treo tường phá tan bầu không khí tĩnh lặng bằng những tiếng tích tắc đều đặn. Bà Broué phải hết sức chật vật mới nấu đủ đồ ăn cho khách. Một cô gái trẻ trong làng lo chuyện phục vụ. Lúc mười hai giờ, nhà trọ phục vụ món trứng tráng kèm cà chua và ớt, còn buổi tối là bánh trứng khoai tây cùng bánh ga tô xốp. Bốn ngày bốn đêm đã giúp Hanna và Robert lại sức, và cho họ cả thời gian để làm tình nữa. Hanna đã khám phá ra khoái cảm đó và đòi hỏi tiếp. Và mặc dù đôi môi Robert vẫn khiến anh đau đớn, nhưng anh không vì thế mà tiết kiệm những nụ hôn. Mỗi lần anh ôm siết lấy cô, Hanna lại cảm thấy tuôn trào vào trong cô hơi thở của cuộc sống, và những khát khao của anh xua đuổi thần Chết.

Một tuần đã trôi qua khi bà Broué đến gõ cửa phòng để mời họ xuống. Một người đàn ông đang chờ họ trong phòng ăn. Đó là một người dẫn đường vượt biên.

Một chiếc xe sẽ khởi hành ngay tối đó. Tổng cộng họ có mười người. Chủ yếu là các sinh viên người Paris muốn đến Alger để gia nhập quân đội của Ủy ban Giải phóng Dân tộc Pháp tại đó. Người dẫn đường ngạc nhiên khi thấy Robert không nhận được sự hỗ trợ của mạng lưới Sao chổi chuyên chịu trách nhiệm về các phi công nước ngoài. Robert giải thích rằng anh không còn bất cứ liên hệ nào với chỉ huy của mình từ khi đến Pháp.

- Điều kiện khá thuận lợi, – người dẫn đường giải thích. – Thời tiết tốt, mà ở miền núi thì có lẽ thời tiết còn nguy hiểm hơn bọn Đức. Từ khi quân Đồng minh đổ bộ, các toán tuần tra của Đức bắt

đầu thu hẹp. Chúng sợ một đợt đổ bộ nữa vào miền Nam, nếu thế chúng sẽ bị kẹp giữa hai gọng kìm, cho nên chúng đang bỏ chạy. Năm ngoái, số quân Đức truy đuổi những người muốn trốn thoát qua đường núi này lên đến hơn ba nghìn, bây giờ số đó ít hơn rất nhiều, tuy nhiên dù sao chúng ta cũng vẫn phải cẩn trọng. Tất cả mọi người gần như đều cùng độ tuổi, như thế chúng ta sẽ duy trì được tốc độ đều đặn. Mười một giờ đêm sẽ xuất phát, mọi người hãy chuẩn bị sẵn sàng.

Bà Broué đưa cho họ quần áo ấm. Khi Hanna muốn trả tiền, bà từ chối không nhận.

- Hãy giữ tiền để trả cho chuyến đi; thông thường là hai nghìn franc mỗi người, nhưng tôi đã mặc cả được để hai người chỉ phải trả một nửa thôi. José là một người dẫn đường tốt, hai người có thể tin tưởng anh ấy, anh ấy sẽ đưa hai người đến tận Alós d'Isil. Khi nhìn thấy nhà thờ nhỏ kiểu La Mã có bức tượng Eva là hai người đã được tự do. Đúng ra là gần như thế, hãy cẩn thận giữ mình khi ở Tây Ban Nha, những người Pháp bị bắt sẽ kết thúc cuộc đời trong trại Miranda^[29].

Tối đó, bữa ăn diễn ra trong bầu không khí trang trọng lạ lùng. Ở các bàn ăn, mọi người chỉ khẽ thì thầm, và khi bà Broué mang món bánh ga tô ra, đám đàn ông hát vang một bài hát của xứ Basque, khiến những người sắp ra đi giàn giụa nước mắt.

* * *

Chuyến đi vượt dãy Pyrénées còn cực nhọc hơn nhiều những gì người dẫn đường đã nói. Những người *bỏ trốn* đi bộ đến khi mệt rã rời, và chỉ khi nào một trong số họ gục xuống thì cả nhóm mới dừng lại một chút để lấy sức. Mặc dù đang là mùa hè, nhưng mỗi

lần đi qua một con đèo, cả đoàn lại chìm trong bầu không khí vốn đã lạnh giá lại càng rét buốt hơn vì gió thốc. Đến mũi Aneto, họ phải đi qua lớp tuyết vĩnh cửu, hai chân Hanna lạnh cóng, nhưng cô đã chứng tỏ được lòng dũng cảm đáng ngưỡng mộ. Đám sinh viên đi cùng họ đã mệt nhoài sau chặng đường dài xuyên nước Pháp, lại không được ăn uống đầy đủ trong suốt thời gian đó. Mọi người dốc sức giúp đỡ lẫn nhau và người dẫn đường thúc giục họ tiến lên. Những sườn dốc dựng đứng, nhưng ngay khi ai đó ngã, một người khác sẽ giúp anh ta đứng dậy. Vào buổi sáng, bình minh trên núi là cảnh tượng huy hoàng gây ấn tượng mạnh cho cả nhóm. Đó là thời điểm thanh bình không thể nào quên, khắc sâu mãi mãi trong tâm trí mỗi người.

Cuối cùng, họ cũng nhìn thấy nhà thờ nhỏ kiểu La Mã. Người dẫn đường chỉ cho họ con đường mòn chạy xuống phía thung lũng.

- Chúng ta đang ở Tây Ban Nha rồi, chúc mọi người thượng lộ bình an và sống thật lâu.

Rồi anh cởi chiếc mũ bê rê đang đội và đưa cho mọi người chuyển tay nhau để thu tiền. Các thành viên trong đoàn đều dốc túi, và anh thu được ít hơn nhiều so với số tiền đã yêu cầu, nhưng vẫn vui vẻ và quay trở về Pháp.

Sau bốn giờ đồng hồ tiếp tục đi bộ, một đôi vợ chồng chần chừ nhìn thấy nhóm người kỳ quặc. Tuy nhiên, họ không có vẻ gì là ngạc nhiên. Họ đưa nhóm người vào nhà, cho ăn cháo ngô và uống sữa cừu mà không hỏi câu nào.

Được hồi sinh nhờ bữa ăn đó và một đêm nghỉ ngơi, cả nhóm chia tay nhau vào sáng hôm sau. Hanna và Robert men theo một

con đường lớn rải nhựa. Những người công nhân Tây Ban Nha cho họ đi nhờ xe cam nhông và để họ xuống trước một nhà trọ do những người đáng tin cậy làm chủ.

Ở đó có một chiếc điện thoại, Robert đã gọi được đến Lãnh sự quán Mỹ. Hai người ngủ nốt phần còn lại trong ngày, đến sáng tối thì một chiếc xe đến đón họ. Chiếc xe chạy gần hết đêm và đến Madrid.

Họ ở lại Lãnh sự quán Mỹ một tuần. Robert bị một chuyên viên liên lạc thẩm vấn. Sau khi danh tính của anh được xác nhận, người ta đề nghị sẽ đưa anh đến Gibraltar. Từ đó, một con tàu sẽ đưa anh đến Tanger, nơi anh có thể lên một tàu chở hàng và về nước. Viên lãnh sự nhắc nhở anh rằng Hanna không phải là công dân Mỹ, nên cô không thể đi cùng anh được. Robert vô cùng giận dữ, và từ chối ra đi nếu không có cô. Viên lãnh sự tỏ ý rất tiếc, anh ta không thể làm gì được.

Ngày hôm sau, anh ta làm thủ tục kết hôn cho hai người, và Hanna trở thành nữ công dân của Hợp chúng quốc Hoa Kỳ.

Mười ngày sau, tựa người trên lan can một con tàu, cô nhìn bờ biển lùi xa dần. Nép vào người chồng, cô cảm ơn anh đã cứu mạng cô.

- Chính anh mới phải cảm ơn em vì đã cứu mạng anh, – Robert xúc động trả lời. – Chúng ta đã cùng nhau vượt qua cơn ác mộng đó, nếu không có em, chắc anh đã từ bỏ lâu rồi.

Một người trở về nước, một người rời bỏ đất nước mình để đến nơi xa lạ, cả hai người chỉ có một hành lý duy nhất là chiếc túi dệt mà Robert không bao giờ rời.

31

Eleanor-Rigby

Tháng Mười năm 2016, Baltimore

Khách khứa trong quán rượu khá hỗn tạp: một doanh nhân dán mắt vào điện thoại di động, vài sinh viên chìm trong những tình tiết lắt léo của một trò chơi trực tuyến trước màn hình máy tính, ba bà bầu đang trò chuyện về những loại quần áo trẻ con và các nhãn hiệu xe đẩy, một cặp đôi trẻ tuổi chẳng có gì nhiều để nói với nhau, một cặp đôi khác nhiều tuổi hơn đang ngấu nghiến một chiếc bánh ngọt với vẻ tham ăn như hai đứa trẻ.

George-Harrison đã chọn cho chúng tôi hai chỗ ở quây. Tôi chọn món xát lát thập cẩm và một cốc Coca không đường.

- Cô không ngừng xoay người trên chiếc ghế đó, trong phòng này có điều gì thú vị đến thế sao?

- Mọi người, – tôi đáp.

- Khi bước chân vào một thành phố xa lạ, cô sẽ đến nơi nào trước tiên để tìm cho mình một góc? – Anh hỏi tôi.

- Một góc... góc gì?

- Tôi đang nói đến chuyện cô viết báo.

- Các khu chợ trời, đó gần như là nơi duy nhất mà tất cả các tầng lớp trong xã hội chen vai thích cánh nhau, và anh không hình dung nổi ta biết được gì khi nhìn vào sạp của những người bán hàng, những thứ họ đề cao, những món đồ mà khách hàng mua đâu.

- Có chứ, tôi hình dung ra rất rõ, – anh vừa nói vừa đặt cốc xuống.

Anh ta đã uống gần như một hơi hết cốc bia, và ngốn hết chiếc bánh sandwich bằng ba miếng. Ở đa số đàn ông, có lẽ tôi sẽ thấy sự hấp tấp đó là tầm thường, thậm chí là đáng ghét, nhưng ở anh ta thì không.

Từ George-Harrison toát ra nét thanh lịch ở trạng thái thô mộc, không chút tính toán, nét thanh thản khiến ta cảm thấy được xoa dịu, và có lẽ còn đáng lo ngại hơn, là sự chân thành khiến ta bối rối. Ngay cả khi anh ta bực mình như lúc trước, giọng anh ta vẫn điềm đạm. Anh chàng phóng viên báo *Washington Post* không có được những phẩm chất ấy, chưa bao giờ hỏi han về cách tôi viết bài, vì cho rằng công việc của anh ta quan trọng hơn công việc của tôi, và tôi nhận ra mình đã mù quáng và để mất quá nhiều thời gian. Nhưng có thể rốt cuộc đó chính là điều tôi tìm kiếm: mất thời gian cho một mối quan hệ được định sẵn là sẽ thất bại. Tự do luôn khiến tôi tách biệt với thực tế.

Một cô nàng mặc quần jean và áo thun ôm sát bước vào quán, và ba anh chàng sinh viên bỏ rơi lũ rồng cùng đám cướp biển Bắc Âu trong một lát để ngắm nhìn cô. Cô ta xinh đẹp rạng rỡ và biết rõ điều đó, cô ta trẻ hơn tôi ít nhất là cả chục tuổi và tôi ghen tị với vẻ tự tin cũng như thái độ ung dung của cô ta. Thật ngu ngốc,

bởi vì có đánh đổi bất kỳ thứ gì trên thế giới này, tôi cũng không muốn quay trở lại mười năm về trước. Trưởng thành không phải là chuyện đơn giản, mặc dù tôi cũng nuối tiếc cái thời mà mình có thể khoác lên người bất cứ thứ gì khi nhảy ra khỏi giường, rồi ra đường với dáng vẻ hoàn hảo không chê vào đâu được.

Cô nàng đi đến ngồi vào một bàn và tôi không thể ngăn mình nhìn sang để kiểm tra xem George-Harrison có dán mắt vào cô ta không. Anh ta chẳng hề làm thế, và tôi ngạc nhiên khi thấy chuyện đó khiến mình hết sức hài lòng.

- Thế còn anh, anh bắt tay vào việc chế tạo một sản phẩm như thế nào?

George-Harrison mỉm cười tinh ranh.

- Với đồng dụng cụ của tôi thôi. Nhưng cô không bắt buộc phải hỏi tôi câu đó chỉ vì lịch sự đâu.

Cái đó gọi là ăn cắp mà bị bắt quả tang, và về mặt tội lỗi của tôi không thoát khỏi mắt anh ta.

- Tôi đùa đấy, tôi thường bắt đầu bằng việc vẽ nó ra.

- Anh làm ơn vẽ cho tôi một con cừu đi.

- Tôi hiếm khi sản xuất cừu lắm. Nhưng tôi có thể vẽ cho cô cái thùng nhốt con cừu, nếu cô muốn, tôi sẽ cố gắng không quên đục lỗ, để nó có thể thở được^[30].

- Đó là cuốn sách đầu tiên gây ấn tượng mạnh với tôi, – tôi thổ lộ.

- Tôi nghĩ cô không phải là người duy nhất đâu.

- Tôi biết, ở tôi chẳng có nét gì độc đáo cả. Còn anh?

- *Charlie và nhà máy sô cô la*, và bởi vì cô sẽ hỏi tôi tại sao, nên chẳng thà tôi nói luôn đây, tôi thường yếu lòng với nhân vật Willy Wonka^[31]. Nhưng tôi nghĩ bài thơ *Nếu* của Kipling mới là tác phẩm ghi dấu ấn trong thời niên thiếu của tôi.

Đương nhiên là bài thơ đó đã ghi dấu ấn trong thời niên thiếu của anh ta rồi. Ai mà chẳng mơ được cha mình đọc cho nghe những câu từ của bài thơ đó. Tôi đã hứa với George-Harrison là sẽ giúp anh ta tìm cha, nhưng trong đầu tôi còn có những ưu tiên khác.

- Tôi rất tiếc, – anh ta nói. – Cuối cùng cô đã quyết định là chúng ta sẽ tìm hiểu nhau, ấy thế mà tôi lại chẳng làm gì để tạo thuận lợi cho nhiệm vụ của cô cả.

- Tôi không có ý đó, – tôi nói dối.

- Tiếc quá, – anh thở dài. – Từ khi gặp nhau, chúng ta chỉ toàn nói đến những chuyện thuộc về quá khứ, nhưng đầu óc cô đang lơ đãng và tôi đã sai lầm khi cố nài thêm. Có lẽ cô muốn đi dạo đôi chút chẳng? Chiếc bánh sandwich đó làm tôi nặng bụng quá.

Suýt thì tôi đã khuyên anh ta là lần sau đừng ăn uống kiểu phàn phu như thế, nhưng lại im lặng, và kiểu xử sự đó không giống tôi chút nào. Khi ở bên anh ta tôi không còn là chính mình, thế nên tôi cầm lấy túi và đứng dậy.

Chúng tôi lặng lẽ bước đi trên phố. Chúng tôi vào một cửa hàng bán đồ lưu niệm, tôi tìm một món quà cho Michel, nhưng chẳng thấy thứ gì có thể khiến anh thích thú. Tôi đã suýt đẩy cửa một hiệu bán áo phông, với ý định xem tuổi hai mươi trong tôi còn lại những gì. George-Harrison đoán biết mong muốn của tôi

và kéo tôi vào. Anh ta rà một lượt các giá áo, lục tìm trên các kệ và chọn hai chiếc áo phong rồi đưa cho tôi. Tôi không muốn làm anh ta phật ý, liền mặc thử lần lượt từng cái một ra ngoài chiếc áo ngắn đang mặc. Anh ta lắc đầu, rồi lại đi tìm hai chiếc khác. Trông chúng tôi giống như một cặp đôi đang đi mua sắm, chỉ có điều chúng tôi không phải là một cặp đôi. Một lát sau, trong phố, tôi tưởng anh ta sẽ nắm tay tôi. Tôi nghĩ chuyện đó sẽ không khiến mình phật lòng. Đã lâu lắm rồi tôi không còn vừa đi vừa nắm tay một người đàn ông. Về bản chất, điều đó không có gì quan trọng lắm, nhưng khi đưa ra những nhận xét kiểu như thế, cuối cùng rồi ta cũng sẽ tự nhủ một cách đầy ngớ ngẩn là có điều gì đó không ổn trong cuộc đời ta. Và rồi, khi đến chỗ ngoặt ở một ngã tư, anh ta buông một câu:

- Vừa rồi tôi đã rất vui, có thể nói thế thật là ngốc, nhưng tôi muốn nói với cô điều đó.

- Không, không nói ra có lẽ còn ngu ngốc hơn đấy, tôi cũng thế, vừa rồi tôi cũng rất vui.

Một phần mười cơ may là anh ta sẽ quay lại, nhìn sâu vào mắt tôi và tìm cách hôn tôi.

Hôm nay không phải là ngày may mắn của tôi, và rõ ràng là đã đến lúc tôi chấm dứt trò vớ vẩn này.

Tuy nhiên, tôi đã mua một trong số những chiếc áo thun mà anh ta chọn cho tôi. Tôi sẽ mặc nó khi quay về Luân Đôn, ngồi trước ti vi, tay cầm một ly rượu vang, chạm cốc với thú tự do chết tiệt của mình.

Vừa nghĩ đến Luân Đôn là tôi nhớ đến ba. Đã đến lúc tôi hỏi

chuyện ba. Chắc hẳn ba biết nhiều hơn những gì ba đã kể với chúng tôi. Tôi ngồi tách ra trên một chiếc ghế dài, lúc này ở chỗ ba mới là tám giờ tối, không có nguy cơ tôi đánh thức ba.

Sau năm hồi chuông, tôi bắt đầu cảm thấy lo lắng. Khi ba nhắc máy, tôi nghe thấy những tiếng nói cười xung quanh ba.

- Ray Donovan nghe đây, tôi đang được hân hạnh nói chuyện với ai vậy? – Ba vừa hỏi vừa hắng giọng.

- Ba đang xem ti vi sao? Sao lại ồn thế ạ?

- Ba đang tiếp khách, con yêu ạ, – ba trả lời tôi. – Maggie và Fred đến thăm ba cùng với vợ chồng một người bạn, ba thừa nhận là có hơi náo nhiệt, bọn họ đã mang theo thứ rượu vang rất ngon, mà không chỉ một chai đâu, chắc con hiểu ba muốn nói gì.

- Bạn nào vậy ba?

- Những người bạn rất đáng mến, cậu ta cũng làm trong lĩnh vực nhà hàng, còn cô gái thì làm cho một công ty quảng cáo. Ba không nghĩ là con biết họ đâu. Con muốn nói chuyện với em gái con không?

Từ khi tôi đến Baltimore, Maggie đã không tìm cách hỏi thăm tin tức của tôi, và hình như cô nàng không hề quan tâm đến những gì tôi đang tìm kiếm, như thể một cuộc gọi ra nước ngoài là quá khả năng cô nàng. Vậy thì không, tôi không hề muốn nói chuyện với Maggie, lại càng không khi tôi đột nhiên cảm thấy mình bị vứt ra ngoài lề cuộc đời cô nàng. Tôi chưa bao giờ nghe nói đến đôi vợ chồng đó. Họ có phải là bạn của Fred không? Sự thật là tôi đang ghen tị, ghen tị vì em gái mình có cuộc sống giao lưu với xã hội trong khi tôi thì không có. Ghen tị và xấu hổ vì

ghen tị, bởi vì con bé chẳng phải chịu trách nhiệm gì về các lựa chọn của tôi, và chỉ có mình tôi là người phải gánh chịu hậu quả của các lựa chọn đó. Một ngày nào đó, tôi sẽ xin lỗi Maggie, vì đôi khi đã hẹp hòi và bất công với con bé. Tôi không coi nặng chuyện ba giúp đỡ Maggie về tài chính. Tôi chưa bao giờ coi tiền là quan trọng, và tôi thề trước hai nữ thánh Edina và Patsy rằng không có người nào ít quan tâm đến tiền hơn tôi.

- Elby? Con còn đó không?

- Con chỉ muốn nói chuyện với ba, riêng ba thôi, – tôi nói tiếp. – Ba có thể đứng tách ra chỗ nào đó được không?

- Con đừng gác máy nhé, ba sẽ vào phòng ngủ.

Ba tôi ca cẩm khi ngồi xuống giường. Đầu gối ông khiến ông đau đớn mỗi khi gập chân lại.

- Đây, ba vào trong phòng ngủ rồi đây. Con có chuyện gì à?

- Không, mọi chuyện ổn cả ba ạ.

- Ở đó thời tiết thế nào?

- Con gọi cho ba từ rất xa, thế nên ta hãy quên chuyện thời tiết đi, ba nhé, con muốn ba nói cho con biết sự thật. Mẹ từng làm gì ở Baltimore?

Im lặng một lát, tôi nghe thấy tiếng thở của ba tôi.

- Không phải vì tờ báo mà con vội vàng đến đó như thế, đúng không?

Ngay cả khi nói chuyện điện thoại, tôi cũng không biết nói dối, thế nên tôi kể với ba về bức thư nặc danh kia, về những lời buộc tội trong thư, nhưng không nói gì về bức ảnh chụp mẹ tôi đang

ôm hôn mẹ của George-Harrison. Ba tôi lại im lặng một lát, thở ra một hơi thật dài rồi cuối cùng cũng quyết định lên tiếng.

- Khi nói với con rằng mẹ con đã quay về nước, ba đã có biến đổi sự thật đôi chút. Đất nước của mẹ con là nước Mỹ. Mẹ con sinh ra ở Baltimore, – ba tôi nói tiếp. – Bà ấy đã lớn lên ở đó, cho tới khi bị gửi sang học trường nội trú ở Anh. Ở đó, bà ấy đã rất đau khổ vì cô đơn. Cho đến ngày ba mẹ gặp nhau trong một câu lạc bộ. Đoạn sau đó thì con biết rồi, ba mẹ đã tán tỉnh nhau vài năm, thế rồi mẹ con muốn nối lại tình cảm với gia đình, bà ấy trở về nước, để rồi mười năm sau lại quay trở lại Anh.

- Mẹ con không có cha mẹ, hai người vẫn luôn kể với chúng con là mẹ lớn lên ở trại trẻ mồ côi.

- Khi người ta bị gửi vào trường nội trú từ lúc mười bốn tuổi, rất xa nhà và không theo ý của mình, thì cũng gần như một đứa trẻ mồ côi.

- Tại sao ba mẹ lại giữ kín những chuyện đó?

- Lẽ ra con nên hỏi mẹ con câu này, than ôi, đã quá muộn rồi. Elby này, ba xin con, đừng khuấy động quá khứ của mẹ con nữa, con không thể nghi ngờ tình yêu mà mẹ con dành cho con dù chỉ một giây, thậm chí con còn được mẹ yêu hơn cả anh trai và em gái con. Hãy để cho mẹ con được yên, cùng với tuổi trẻ của bà ấy, hãy giữ trong lòng con hình ảnh người mẹ như con từng biết.

- Ba không hề bối rối khi con nói với ba rằng mẹ từng thực hiện một vụ trộm, từ đó con suy ra là mẹ đã thú nhận chuyện đó với ba.

- Ba cấm con nghĩ rằng mẹ con là một kẻ trộm. Chuyện đó

hoàn toàn sai! – Ba tôi giận dữ.

- Ba ơi, con đã có bằng chứng về việc đó. Con đã ở văn phòng cảnh sát cả sáng nay, con đã tiếp cận được hồ sơ hồi đó. Cách đây ba mươi lăm năm, mẹ đã thực hiện một vụ trộm trong tư dinh của một gia đình giàu có. Con xin ba, đừng nói dối con nữa. Không có ông già Noel cũng chẳng có hoàng tử bạch mã trong đời con, ba là người duy nhất con có thể tin tưởng.

- Đó không chỉ là dinh thự của một gia đình có quyền thế, con yêu ạ, thực chất đó chính là nhà của mẹ con. Bởi vì con đã tìm được hồ sơ lưu trữ của cảnh sát, ba cho rằng không lâu nữa con sẽ hiểu được những chuyện xảy ra sau đó. Họ thời con gái của mẹ con, cái họ mà con đã biết, chính là họ của ông ngoại mẹ con, một người tên là Sam Goldstein. Bà ấy đã lấy họ đó vào thời điểm ba mẹ kết hôn.

- Tại sao mẹ lại thay đổi danh tính như vậy?

- Bởi vì bà ấy muốn đoạn tuyệt với một quãng đời, và khẳng định không chịu chấp nhận rằng một ngày nào đó các con sẽ biết được sự thật.

- Để làm gì?

- Để phá vỡ lời nguyền. Bà ấy muốn các con của mình là người nhà Donovan, chứ không bao giờ là người nhà Stanfield.

Tôi sống sờ – lần này thì chính tôi là người không nói nên lời.

- Vậy ra mẹ chính là con gái của Hanna và Robert Stanfield? – Tôi thở dài.

- Theo một cách nào đó thì đúng thế.

- Ba đang nói đến lời nguyên nào vậy?

- Phản bội, dối trá, hôn nhân lạnh nhạt và những thảm kịch giáng xuống cuộc đời người thân của mẹ con cũng như vợ chồng họ.

- Ông bà ngoại mà con chưa từng biết mặt bây giờ ra sao rồi?

- Họ không phải là ông bà ngoại của con, họ đã chối bỏ con gái mình, – ba tôi hét lên. – Họ đã chết và ba xin con, Elby, đừng có đi tìm kiếm mộ họ, mẹ con sẽ phải vật vã trong mồ của bà ấy mất. Con hiểu ba nói gì không?!

Tôi chưa từng nghe thấy ba nổi cơn thịnh nộ như thế, và âm sắc trong giọng nói của ông khiến tôi sửng sốt. Từ tầm vóc của một người ba mươi lăm tuổi, tôi bỗng cảm thấy mình bị thu nhỏ vào trong hình hài của một bé gái. Và mắt tôi ầng ậc nước khi ba phũ phàng đập máy ngay trước mũi tôi.

George-Harrison lại gần tôi, nhìn thấy tôi nức nở anh ta liền choàng tay ôm lấy tôi.

- Đã xảy ra chuyện gì mà cô lại rơi vào tình trạng này vậy?

Anh ta đặt bàn tay lên gáy tôi và tôi nép mình vào vòng tay anh ta. Tôi không thể nào ngừng khóc. Và khi cuối cùng cũng chấm dứt được, giữa hai cơn nức nở cuối cùng tôi liền trút bầu tâm sự với anh ta.

Cả một thế giới vừa sụp đổ chỉ trong một cuộc nói chuyện điện thoại. Suốt cuộc đời mình, mẹ đã nói dối tôi về quá khứ của bà, và cả quá khứ của tôi. Tôi có ông bà ngoại là những người đáng ghét theo quan điểm của bà, nhưng biết đâu tôi có thể làm quen nếu bà không quyết định khác đi, thay cho tôi. Tôi không chỉ là người

Anh, mà một nửa trong tôi là người Mỹ. Nhưng điều chủ yếu nhất, tôi vừa phát hiện ra trong cơn giận dữ của ba tôi rằng tôi không chỉ là con gái cả của nhà Donovan, mà còn là cô con gái cuối cùng của nhà Stanfield.

George-Harrison đưa mu bàn tay lau nước mắt cho tôi rồi nhìn tôi chăm chú.

- Tôi thừa nhận là có rất nhiều thông tin phải tiêu hóa, nhưng tôi có cảm giác chuyện khiến cô xáo trộn nhiều nhất chính là việc ba cô đập máy ngay trước mũi cô. Có lẽ cô nên gọi lại cho ông ấy.

- Không bao giờ!

- Ông ấy cũng đau khổ như cô, nhưng chính cô nên đi bước đầu tiên. Hẳn ông ấy đã rất khổ tâm khi phải kể hết cho cô nghe những chuyện này.

Tôi lắc đầu không chịu, còn anh ta vẫn tiếp tục quở trách tôi.

- Cô thật may mắn vì có cha, đừng có giả thái nhõng nhẽo của con cưng ra nữa, mặc dù vẻ mặt trẻ hư đó rất hợp với cô. Có lẽ tôi không bao giờ muốn chơi với cô khi còn là học sinh đâu.

- Nhận xét nhỏ đó có ý nghĩa gì vậy?

- Chẳng gì cả, đúng ra là có, tôi nghĩ đám con trai thích cô hồi đó chắc phải há hốc mồm trước vẻ mặt này.

- Anh toàn nói linh tinh!

Điện thoại di động của tôi bắt đầu rung. George-Harrison mỉm cười rồi lịch sự lánh về phía chiếc xe bán tải của mình. Tôi quyết định nhấc máy.

- Chị vừa kể chuyện gì với ba mà khiến ba phải đau khổ đến thế hả? – Maggie hét lên. – Em lo vì không thấy ba quay ra, em vào phòng ba và thấy ba đang lao đao trên giường. Dù đang ở đầu kia thế giới, chị vẫn xoay xở để phá hỏng được một buổi tối vui vẻ cơ đấy!

Tôi không hề muốn tranh cãi với Maggie. Với lại đây chính là lúc để tôi thử thách các quyết định của mình, hoặc không bao giờ nữa, thế nên tôi vẫn giữ bình tĩnh và tiết lộ với em gái tất cả mọi chuyện. Tôi cứ nói xong một câu, cô nàng lại thở dài trong ống nghe và nói “Ồ chết tiệt thật”. Tôi đã nghe thấy ít nhất là sáu câu “Ồ chết tiệt thật” như thế. Khi tôi nói đến việc chúng tôi, nghĩa là Michel, Maggie và tôi là hậu duệ của ngài Frederick Stanfield tiếng tăm lừng lẫy, là dòng dõi của một gia đình nổi tiếng ở Mỹ, tôi nghe thấy em gái mình thốt lên “Ôi mẹ kiếp, mẹ kiếp, mẹ kiếp chết tiệt thật”. Đúng là Maggie không lẫn vào đâu được.

- Thôi được, bây giờ chúng ta sẽ làm như thế này nhé, – cô nàng nói tiếp bằng giọng vô cùng phấn khích. – Em sẽ lo phần ba, chuyện này không hẳn đã làm thay đổi con người bình thường của em, nhưng em sẽ thu xếp mọi chuyện giữa ba và chị. Hãy cho ba một đêm để bình tĩnh lại, rồi ngày mai chị sẽ gọi lại cho ba để xin lỗi ba.

- Nhưng chị phải xin lỗi về chuyện gì mới được chứ? Chính ba mẹ là người đã nói dối chúng ta suốt thời gian qua. Nếu không có bức thư xấu xa đó, và nếu chị không đến tận đây, có lẽ chúng ta sẽ sống suốt đời trong cảnh u mê.

- Nhưng ngoại trừ việc đó ra, ba mẹ vẫn yêu chúng ta hơn ai hết. Chị sẽ xin lỗi ba vì chị có người cha tuyệt vời nhất thế giới,

người khiến tất cả đám bạn gái đều phải ghen tị với chúng ta, bởi vì ba là người đàn ông hào hiệp nhất, và em không thấy ba có khuyết điểm nào ngoại trừ tính háu ăn và sự gấn bó kỳ quặc với chiếc xe hỏng cũ nát của ba. Thế nên khi may mắn có được một người cha như thế, ta sẽ kìm nén lòng kiêu hãnh của mình lại!

Tôi được coi là chị, nhưng đây không phải lần đầu tiên tôi nhượng bộ trong ngày hôm nay, thế nên tôi im lặng.

- Và trong khi em chăm sóc ba, thì chị, chị gái ạ, chị hãy đi tìm kho báu đó, cho dù nó là gì chẳng nữa. Em không thể tin được rằng mẹ lại ngốc nghếch đến nỗi từ bỏ phần của mình đâu. Em cũng mơ ước được chuyển đến sống ở Luân Đôn, và không nhất thiết phải ở nhà Fred, chị hiểu em muốn nói gì rồi đấy. Thế nên em trông cậy ở chị, vào việc đi và đừng quên cho em biết tin tức mới nhất.

- *Làm ơn*, đừng quên gọi cho em để cho em biết tin tức mới nhất, *làm ơn*, Elby! – Tôi nhắc nhở.

- Chị và anh chàng The Beatles của chị đến đâu rồi? – Cô nàng vẫn tiếp tục hỏi.

- Chẳng đến đâu cả, – tôi đáp ngắn gọn.

- Thế thì nhất thiết là chị phải ở lại chỗ chẳng đến đâu đó nhé, có thể anh ta sẽ cướp đoạt nó của chị, cái kho báu ấy đấy. Và không gì chúng tỏ với chúng ta rằng anh ta không phải là người đã dàn xếp tất cả để có được nó.

- Maggie, em không biết mình đang nói gì đâu.

- Nếu có một lĩnh vực nào đó mà em biết chắc mình đang nói gì, thì chính là về đám đàn ông. Hẹn gặp lại chị ngày mai.

Rồi Maggie đập máy.

Từ giờ trở đi, tôi biết mình thuộc về một gia đình mà tôi gần như không biết gì về họ, và cũng sẽ không bao giờ biết được. Vì lòng kính trọng dành cho mẹ, tôi sẽ không làm gì để tìm ra mộ phần của họ. Tôi có đến đó cũng chẳng có ý nghĩa gì, ngoại trừ sự phản bội. Nhưng nếu mẹ tôi đã thay đổi họ thời con gái của mình để lấy họ của Sam Goldstein, thì có nghĩa ông là người tốt, và tôi cảm thấy niềm khát khao sâu sắc được tìm hiểu thêm về ông. Nói thật lòng là cả về câu chuyện của gia đình Stanfield nữa.

George-Harrison chờ tôi trong xe. Tôi lại chỗ anh ta. Anh ta giơ ngón cái lên, ra ý hỏi, muốn biết ba tôi và tôi đã làm lành với nhau chưa. Cho dù Maggie nghĩ gì, tôi cũng không giây phút nào hình dung nổi anh ta có thể là kẻ viết thư nặc danh.

- Mọi chuyện ổn cả chứ? – Anh ta vừa hỏi vừa nghiêng người mở cửa xe cho tôi.

- Cứ cho là ngày mai mọi chuyện sẽ tốt hơn.

- Tuyệt vời, vậy bây giờ chúng ta đi đâu đây?

Tôi cảm thấy thật tội lỗi, bởi nếu về phần mình, tôi đã tiến được những bước dài, thì phần anh ta vẫn ở điểm chết. Tôi ngỏ ý xin lỗi anh ta.

- Cô đừng tự trách mình chuyện đó. Tôi đã chờ đợi lâu đến nỗi có chờ thêm một tuần, một tháng, một năm, hay thậm chí là không biết đến bao giờ, cũng không sao cả.

- Anh đừng nói thế, tôi hứa với anh là chúng ta sẽ tìm thấy ông ấy.

- Rồi ta sẽ biết thôi, trong khi chờ đợi, tôi chỉ thấy duy nhất một người có thể cho chúng ta biết thêm thông tin, thế nên sáng mai, chúng ta sẽ quay lại hỏi chuyện giáo sư Shylock.

Một chiếc xe bán tải cũ kỹ đỗ trên đường phố Baltimore hẳn là một trong những nơi kém lãng mạn nhất thế giới, tuy nhiên, chắc là do chứa chan cảm xúc, tôi đã chọn nơi này để hôn George-Harrison.

Đó là một nụ hôn dài và mãnh liệt, đến nỗi chúng tôi quên cả mình đang ở đâu; một nụ hôn được đánh cắp với sự dịu dàng không thể nào quên, nhưng lạ lùng thay, lại chẳng có nét gì của một nụ hôn đầu. Vừa đồng cảm vừa ngẫu hứng đến nỗi nó để lại trong tôi cảm giác chúng tôi đã quen biết nhau từ lâu lắm rồi.

- Tôi không biết điều gì đã khiến tôi làm thế, – tôi ấp úng, mặt đỏ bừng vì ngượng ngập.

George-Harrison khởi động xe và chúng tôi cứ đi như thế hồi lâu, tay trong tay, và im lặng.

32

Eleanor-Rigby

Tháng Mười năm 2016, Baltimore

Phần cuối buổi chiều đó là một cái mở ngoặc lạ lùng. George-Harrison cư xử như chưa hề có chuyện gì xảy ra giữa chúng tôi. Ngồi bên bàn ăn, tôi nói ít đến nỗi anh cảm thấy có nghĩa vụ phải trò chuyện cho cả hai người. Vì đã cạn kiệt chủ đề, cuối cùng anh kể tôi nghe về mẹ anh. Anh dành cho bà lòng ngưỡng mộ vô bờ. Bà là một phụ nữ tự do, không bao giờ phủ nhận các giá trị của bản thân.

- Mẹ tôi có một cái tật là luôn ôm đồm mọi việc, nhất là những sự nghiệp đáng tuyệt vọng nhất, – anh kể với tôi bằng giọng vui thích. – Tôi phải thú thực là đôi khi bà hơi quá đà. Khi tôi mở xưởng mộc, mẹ đã bắt tôi để dành tiền để trồng cây thay thế những cây tôi sẽ chặt hạ. Đó là một lời buộc tội vô liêm sỉ, bởi vì tĩa thưa là việc làm cần thiết để bảo tồn rừng, nhưng mỗi lần tôi giải thích với mẹ, bà đều giơ ra trước mặt tôi một tờ rơi về tình trạng tàn phá rừng bởi các xưởng cưa ở Amazon. Bảo vệ Trái đất, bảo vệ trẻ em, đấu tranh chống lại tình trạng bất công trong xã hội, chống chủ nghĩa độc tài và bảo thủ, chiến đấu vì tự do và sự dung thứ... tôi nghĩ là bà quan tâm đến tất cả các chủ đề, nhưng

chủ đề bà yêu thích là nạn tham nhũng. Bà căm thù đến điên cuồng tất cả những kẻ vì khát khao quyền lực và tiền bạc mà hy sinh đồng loại của mình. Đã biết bao lần tôi chứng kiến bà nổi giận khi đọc báo. Tôi nhớ lần cuối cùng bà bất bình trước khi bị lẫn thẩn... “Ngày nào cũng có những đứa trẻ bị chết vì bom đạn, vì đói, hoặc kiệt sức đến chết vì phải làm việc trong những điều kiện khủng khiếp, ấy thế mà người ta lại đi biểu tình chống lại những người yêu nhau bởi vì họ có cùng giới tính! Toàn những kẻ đạo đức giả!” Đúng hơn là mẹ tôi đã nói điều gì đó đại loại thế. Công lý theo kiểu nửa vời, không công bằng với các đối tượng khác nhau cũng là một trong những chủ đề ưa thích của bà. “Cứ thử không trả tiền phạt xem, họ sẽ đến tịch thu xe của con, nhưng còn chúng, những kẻ tha hồ thao túng ngân quỹ của Nhà nước ấy, lại được trả lương mà chẳng phải làm gì, gian lận trên thị trường mua sắm công để nhét tiền cho đầy túi, và khi chúng bị bắt, người ta chỉ nhẹ nhàng vỗ vai chúng và chẳng ai quan tâm đến chuyện đó nữa”. Đôi khi, tôi tự hỏi liệu có phải vì chất chứa từng ấy giận dữ mà mẹ tôi mới bị mất trí nhớ không.

Không phải câu chuyện của anh khiến tôi chán ngán, nhưng chưa bao giờ có buổi tối nào tôi lại thấy dài đằng đẳng đến thế. Tôi đã hy vọng anh sẽ không dùng món tráng miệng, nhưng thật không may, anh ăn khỏe như hùm. Tôi nhìn cô nàng phục vụ đi từ bàn này sang bàn khác, những muốn được hoán đổi thân xác với cô ta. Tôi lấy cớ vào nhà vệ sinh để không phải ngồi cùng anh nữa. Khi tôi trở ra, anh đã thanh toán hóa đơn và đang chờ tôi, sẵn sàng ra về.

Chúng tôi đi bộ về đến tận khách sạn, và khi ra khỏi thang máy, anh bảo tôi:

- Tối nay tôi rất vui, còn cô thì không. Tôi rất tiếc, tôi nghĩ mình đã nói quá nhiều. Hẹn gặp lại cô vào ngày mai.

Anh để mặc tôi đứng như trời trồng trong hành lang. Tôi là một núi lửa đang phun trào, có lẽ tôi sẽ xuyên thủng sàn nhà để rồi rơi xuống tầng dưới. Tôi muốn lao đến tận phòng anh mà đâm vào cánh cửa, và hỏi anh có nhận ra rằng lưỡi anh đã từng phiêu lưu trong miệng tôi không. Ít ra, thông điệp của anh cũng rất rõ ràng. Ngay từ ngày mai, tôi cũng sẽ hành xử đúng theo cách của anh, và hành động như chưa hề xảy ra chuyện gì.

Tôi ngủ ít, không ngừng lật đi lật lại cuộc trò chuyện với ba tôi. Lúc sáng sớm, một cơn ác mộng ném tôi vào dinh thự của nhà Stanfield. Một dinh thự sang trọng, với những bức tường ốp gỗ, tô điểm bằng vàng lá, sàn nhà bằng đá cẩm thạch và đèn chùm bằng pha lê. Khi đi qua một chiếc gương, tôi nhìn thấy mình đang mang trang phục của người hầu. Tôi mặc áo cánh kẻ sọc ôm sát ở thắt lưng, một dải băng ten xếp nếp buộc gọn mái tóc màu hung, tôi đang bê trên tay một chiếc khay nặng trĩu và vụng về bước vào phòng ăn. Hanna và Robert Stanfield ngồi ở vị trí chủ tọa ở hai đầu một chiếc bàn khổng lồ bằng gỗ gụ, trên mặt bàn có đặt những giá nến và bộ đồ ăn bằng bạc. Mẹ tôi có dáng dấp của một đứa trẻ và đang ngồi thẳng lưng trên ghế. Trước mặt mẹ, một ông già nhìn mẹ mỉm cười đầy nhân hậu. Trong khi tôi phục vụ bà chủ gia đình, bà nhận xét với tôi là cái khay của tôi đang bị nghiêng, và nếu tôi làm vấy bẩn tấm thảm Ba Tư của bà, bà sẽ trừ tiền công giặt thảm vào lương của tôi. Bằng một cử chỉ oai vệ, bà bảo tôi mang đồ ăn cho những người khác. Ông ngoại nháy mắt với tôi khi tôi đi qua, và khi tôi đến gần mẹ mình, bà ngáng chân

khiến tôi vấp ngã. Tôi nằm sõng soài trên sàn nhà và cả bàn cười rộ lên.

Tôi tỉnh dậy, người đầm mồ hôi. Tôi mở cửa sổ phòng khách sạn và ngắm ánh bình minh trên những bến cảng cũ kỹ của thành phố Baltimore.

* * *

- Ngủ ngon không? – George-Harrison hỏi tôi khi ngồi vào bàn ăn sáng.

- Say tí, – tôi trả lời rồi cúi mũi vào đọc thực đơn.

Một lát sau, chúng tôi đã ngồi trong chiếc xe bán tải của anh và lên đường đi về hướng trường đại học.

Ông Shylock để chúng tôi chờ hơn một tiếng đồng hồ. Thư ký của ông thông báo với chúng tôi rằng ông đang chữa bài kiểm tra và sẽ tiếp chúng tôi khi xong việc.

Chúng tôi bước vào phòng làm việc của ông, ông có vẻ đang vui.

- Tôi có thể làm gì cho hai người? – Ông hỏi tôi.

Tôi quyết định rằng lần này, tôi sẽ là người đặt câu hỏi.

- Sam Goldstein là ai vậy?

- Một thương gia nghệ thuật có tiếng, và là cha của Hanna Stanfield. Nhưng có điều gì đó nói với tôi rằng hai người đã biết chuyện đó rồi.

- Vậy ông hãy nói với tôi những gì chúng tôi chưa biết.

- Đây là lần thứ hai tôi tiếp chuyện hai người, và phòng khi hai

người đã không nghe rõ điều này, tôi xin nhắc lại là tôi còn có những nghĩa vụ khác ngoài việc chơi trò giải câu đố với người nước ngoài. Nên chẳng cô hãy bắt đầu bằng việc cho tôi biết thực ra điều gì đã đưa hai người đến đây, và tại sao hai người lại quan tâm đến gia đình Stanfield đến thế?

George-Harrison đặt tay lên đầu gối tôi. Tôi hiểu là anh nhắc tôi hãy suy nghĩ kỹ trước khi trả lời. Nếu ông giáo sư chính là kẻ viết thư nặc danh, thì tôi đang có nguy cơ ném chúng tôi vào miệng chó sói.

- Tôi nghe cô nói đây! – Ông nhắc lại.

- Tôi là cháu gái của bà Hanna Stanfield, Sally-Anne là mẹ tôi.

Ông Shylock sững sờ nhìn tôi, ông mở mắt tròn xoe và đẩy lùi ghế ra sau. Ông đứng dậy mà không hề nhăn mặt, cứ như thể chứng đau hông của ông chỉ còn là một ký ức xa xăm. Rồi ông bước đến tận bên cửa sổ, vừa ngắm nhìn khuôn viên trường đại học vừa xoa chòm râu.

- Nếu điều cô nói với tôi là thật, thì chuyện đó có thể thay đổi mọi thứ, – ông lầm bầm.

- Thay đổi gì? – George-Harrison hỏi xen vào.

- Đầu tiên, đó là cho đến tận lúc này tôi hoàn toàn không quan tâm gì đến hai người. Nếu cô là một người nhà Stanfield thì khác, chúng ta có thể đi đến một thỏa thuận chung.

- Thứ ông quan tâm đến là tiền chẳng? – Tôi hỏi.

- Hoặc cô là kẻ ngốc nghếch, hoặc cô là kẻ thô kệch. Tôi muốn cô thô kệch thì hơn, nếu không, những chuyện tiếp theo đây sẽ

chỉ làm chúng ta mất thời gian đáng kể mà thôi. Cả hai người đều không có vẻ gì là giàu có, và nếu hai người muốn có được một khoản thừa kế của gia đình, thì sẽ thất vọng đấy, vì chẳng còn lại của cải nào hết.

- Hoặc ông là kẻ ngốc nghếch, hoặc ông là kẻ thô kệch, – tôi đáp lại, – nhưng tôi không thể nói cho ông biết tôi thích như thế nào hơn.

- Cô cũng không phải là kẻ nhát gan đâu nhỉ, khi dám nói với tôi bằng cái giọng đó!

- Chính ông đã khơi mào mà, – tôi nhắc nhở ông.

- Thôi được rồi, hãy cố gắng bắt đầu lại trên một nền tảng tốt đẹp hơn nào. Tôi có một thỏa thuận nhỏ cần đề xuất với cô.

Shylock thừa nhận là đã nói dối khi bảo chúng tôi rằng sau khi Hanna tiễn ông ra về, ông không bao giờ gặp lại Robert nữa. Một lời nói dối cần thiết, ông nhấn mạnh, bởi vì cho tới tận lúc đó ông không có lý do gì để tiết lộ với chúng tôi nhiều hơn.

- Nếu Hanna yêu con trai đến mê muội, thì chồng bà ấy lại chỉ để mắt đến cô con gái. Vì vậy, khi Sally-Anne bắt đầu ghét ông ấy, thì đối với ông ấy đó là một thử thách khủng khiếp. Việc gửi Sally-Anne đến trường nội trú ở Anh chỉ càng khiến mọi chuyện trầm trọng hơn và nhấn chìm Robert trong nỗi cô đơn khủng khiếp mà ông cảm thấy chính mình là người phải chịu trách nhiệm. Có lẽ ông ấy có thể hy sinh tất cả để lấy lại lòng tin của con gái và khôi phục những mối liên hệ vẫn khiến hai cha con gắn bó với nhau cho đến tận lúc đó. Tôi chắc chắn rằng nếu bà vợ không ngăn cản, có lẽ ông ấy sẽ đi đến cùng. Nhưng chính bà vợ

mới là người cầm trịch, và bà ấy có một quả đấm thép.

- Tại sao mẹ tôi lại bắt đầu ghét cha mình? Ông ấy đã đánh mẹ tôi sao?

- Robert ư? Ông ấy mà lại có một hành động thô bạo với con gái mình sao? Không bao giờ! Mẹ cô đã tình cờ nghe thấy một cuộc nói chuyện mà lẽ ra bà ấy không nên nghe, hay ít ra là vào lúc mười hai tuổi.

- Ông gọi ông ấy bằng tên riêng, cứ như thể hai người thân thiết với nhau lắm.

- Chúng tôi đã trở nên thân thiết. Vài tháng sau cuộc gặp của chúng tôi trong văn phòng ông ấy, ông ấy đã đến gặp tôi. Ông ấy ngồi trên chiếc ghế mà cô đang ngồi bây giờ. Bởi vì tôi rất quan tâm đến dòng họ Stanfield, ông ấy đề nghị sẽ cho tôi xem các tài liệu lưu trữ, với điều kiện là tôi cũng viết một chương về câu chuyện của ông ấy. Robert cần được tâm sự với một ai đó không đứng về bên nào và có thể hoàn toàn tin cậy được.

- Tâm sự về chuyện gì và nhằm mục đích gì?

- Khôi phục lại sự thật. Để một ngày nào đó con gái ông ấy biết được, tha thứ cho ông ấy và trở về. Tôi đã nhìn thấy ở đó cơ hội để thực hiện dự án của mình, và đã đồng ý. Về phần tôi, tôi cũng đưa ra một số điều kiện. Sẽ là có đi có lại, tôi sẽ không nhượng bộ ông ấy bất kỳ điều gì và sẽ kể lại các sự kiện đúng như chúng đã xảy ra. Robert chấp nhận các nguyên tắc đó. Chúng tôi gặp nhau vào thứ Tư hằng tuần, trong văn phòng này. Ông ấy mang đến cho tôi những tài liệu quý giá đối với công việc của tôi, từng ít từng ít một để vợ ông ấy không nhận ra điều gì. Chúng tôi đã gặp nhau

như thế trong nhiều tháng liền, và đúng thế, chúng tôi đã trở thành bạn bè. Mặc dù ông ấy năn nỉ để tôi tiến hành công việc càng nhanh càng tốt, giữa những công việc ở trường đại học và những nghiên cứu mà một kẻ tự coi mình là sử gia như tôi buộc bản thân phải thực hiện, tôi đã chậm trễ trong việc bắt tay vào viết. Tuy nhiên, tôi gần như đã hoàn thành bản thảo của mình khi Hanna biết được thông tin về kế hoạch đó. Tôi không biết bà ấy đã đe dọa Robert thế nào, nhưng ông ấy đã cầu xin tôi dừng hết lại. Mọi quan hệ thân tình đã buộc tôi phải tôn trọng mong muốn của ông ấy.

- Tại sao ông không tiếp tục dự án sau khi ông ấy chết?

- Nếu xét theo bối cảnh ông ấy ra đi, tôi phải thừa nhận rằng đó là một cái chết đẹp cho một con người. Nhưng ngoài việc thể hiện nỗi đau buồn trước cái chết của ông ấy, tôi không thể xuất bản bất cứ thứ gì. Một điều khoản trong thỏa thuận giữa chúng tôi đã dành cho ông ấy quyền đọc lại. Tôi không thể bỏ qua sự bảo đảm của ông ấy, không phải vì giá trị cuốn sách của tôi về gia đình Stanfield sẽ vì thế mà bị ảnh hưởng, mà bởi vì tôi đã hứa là phải giữ lời.

- Lẽ ra mẹ tôi không nên nghe được câu chuyện gì? – Tôi lại hỏi.

Shylock nhìn tôi chăm chú, ông có vẻ ngần ngại một lát rồi mới nói tiếp.

- Đến lượt chúng ta thiết lập một thỏa thuận, – ông nói bằng giọng nghiêm trang. – Tôi cho cô tất cả các thông tin để hiểu hết mọi chuyện, với điều kiện cô đồng ý để tôi xuất bản cuốn sách. Bởi vì từ nay trở đi đã có một người nhà Stanfield, lời bảo lãnh của cô sẽ giải phóng tôi khỏi lời hứa của mình trước đây.

Shylock lấy từ trong túi áo gi lê ra một sợi dây xích, ở đầu sợi dây đó, thay cho một chiếc đồng hồ bỏ túi, có treo một chiếc chìa khóa. Ông đi về phía một cái tủ nhiều ngăn, mở tủ và lấy ra một tập hồ sơ dày rồi đặt xuống trước mặt chúng tôi.

- Mọi thứ đều nằm ở đây, trong những trang giấy này. Phần hai người quan tâm nằm trong các chương có nhan đề “1944” và “1947”, hai người hãy đọc rồi quay lại gặp tôi. Tôi sẽ kể cho hai người nghe đoạn tiếp theo.

Ông tiễn chúng tôi ra cửa và chúc chúng tôi thuận buồm xuôi gió.

* * *

Tôi dành phần còn lại trong ngày ở thư viện trường đại học để chăm chú đọc chương có nhan đề “1944”. Mỗi khi đọc xong một trang, tôi lại đưa nó cho George-Harrison để anh đọc.

Và chính vì thế mà tôi phát hiện ra câu chuyện đã dẫn Robert Stanfield từ Baltimore đến tận một chòi săn lạc lõng trong rừng sâu ở nước Pháp. Tình bạn thân thiết gắn bó ông với Sam Goldstein, những trận chiến mà ông tiến hành trong bí mật, trận tra tấn mà ông đã phải chịu đựng, việc ông bỏ trốn, lòng dũng cảm khi ông bảo vệ người con gái mà ông sẽ cưới làm vợ, sau chuyến đi đầy nhọc nhằm vượt dãy Pyrénées.

Đến cuối chiều, tôi vẫn không hiểu tại sao mẹ tôi lại tức giận với một người đàn ông kiên cường đến thế, một người đàn ông đã chấp nhận kết hôn tại Lãnh sự quán Mỹ ở Madrid để cứu con gái của Sam Goldstein. Một người đàn ông đã giữ lời hứa và đưa cô gái đó về Mỹ cùng mình.

Tôi vẫn còn phải đọc một chương nữa để có thể hiểu được ông bà ngoại tôi đã phải trải qua những chuyện gì sau khi xuống tàu.

Robert và Hanna

Tháng Bảy năm 1944 đến tháng Ba năm 1946, New York

Chiến tranh còn lâu mới kết thúc khi từ boong tàu, Hanna và Robert nhìn thấy cánh tay giơ cao của bức tượng Nữ thần Tự do hiện lên trên màn sương mù buổi sáng. Đối với cả hai người, đây không phải là lần đầu tiên họ nhìn thấy cánh tay đó, tuy nhiên trong hoàn cảnh lúc bấy giờ, những gì mà cánh tay ấy tượng trưng đã khơi dậy trong họ một cảm xúc mãnh liệt và gắn kết họ còn mạnh mẽ hơn cả ngày cưới của họ.

Sau khi qua cửa nhập cảnh, họ lên một chiếc taxi. Robert chỉ đường để tài xế chở họ đến Carlyle, một khách sạn sang trọng nơi từ cửa sổ các tầng trên cao có thể thấy toàn cảnh tuyệt đẹp của Công viên Trung tâm.

Trong khi chờ nhân viên chuẩn bị phòng hạng sang, hai người đến quầy bar của khách sạn. Robert gọi hai suất ăn sáng và để vợ ngồi lại rồi đi gọi điện thoại cho ba mẹ. Ở Madrid, anh đã không thể nào gọi được cho họ, đành gửi một bức điện báo anh vẫn còn sống. Từ đó đến đoạn báo với họ rằng họ đã có một cô con dâu là một bước mà anh còn chưa vượt qua. Tuy nhiên, vẫn phải báo trước với họ rằng anh không trở về một mình, và anh cần họ

chuyển cho anh một khoản để trả tiền khách sạn đồng thời chu cấp các nhu cầu của anh trên quãng đường trở lại Baltimore.

Khi biết Robert sắp trở về, người quản gia không còn cách nào khác đành thú nhận với anh sự thật. Ông bố anh đã phung phí phần gia tài còn lại của gia đình Stanfield vào trò vui của ông trước khi trốn đi Miami. Dinh thự của gia đình đã bị các chủ nợ cầm cố. Người làm thì chỉ còn lại một mình ông và một bà giúp việc để gìn giữ cơ ngơi đó.

Robert cảm thấy bị sỉ nhục khủng khiếp vì chuyện đó. Hanna vẫn còn một chút tiền, nhưng quá ít để có thể tự cho phép mình hưởng thụ dù chỉ đôi chút xa xỉ. Họ hủy phòng ở khách sạn Carlyle và tìm được một căn phòng nhỏ ở góc giao giữa phố 37 và Đại lộ số 8 trong khu Hell's Kitchen của người Ireland. Tòa nhà trông chẳng khác nào một cái ổ chuột, không thể ra khỏi nhà sau khi trời tối bởi vì đường phố quá nguy hiểm. Hanna không chịu ở lại đó. Cô dành tuần đầu tiên ở New York để xem xét tỉ mỉ các tin rao vặt để rồi họ chuyển đến một nơi khiêm tốn, nhưng phù hợp hơn. Một cộng đồng Do Thái ở châu Âu đã trốn khỏi nước Đức trong những năm 1930 và nắm giữ cả một khu phố ở phía Tây Thượng Manhattan. Chủ một tòa dinh thự chuyển đổi thành những căn hộ đã chấp nhận cho họ thuê một căn hộ một phòng ở tầng trệt với giá phải chăng và không cần tiền đặt cọc. Việc chuyển nhà đó mang lại cho Hanna nguồn an ủi tạm thời. Ít ra thì ở đây, cô có thể đi dạo mà không phải lo sợ quá mức, và khi thời tiết cho phép, cô thường đi bộ đến tận công viên. Khi đi qua trước mặt những nhân viên gác cổng mặc đồng phục tại các tòa nhà sang trọng ở khu phía Tây Công viên Trung tâm, cô nhớ đến những chuyến đi trước đây. Dakota Building là tòa nhà cô yêu

thích nhất. Có lúc cô ngược mắt nhìn lên một trong số các cửa sổ tòa nhà, tưởng tượng ra cuộc sống dễ chịu của những người đang ở đó.

Robert xin giải ngũ và tìm lòng tự ái để làm nhiều công việc vặt vãnh khác nhau. Anh đi từ sáng sớm và đến hết văn phòng tuyển dụng này tới văn phòng tuyển dụng khác. Những công việc anh nhận làm đều là tạm thời. Anh lần lượt làm nhân viên bốc dỡ hàng, nhân viên bán hàng trong một cửa hiệu bán áo sơ mi, rồi tìm được một chân tài xế ổn định trong một cửa hàng phân phối đồ uống. Ông chủ của anh là một người nhã nhặn, khát khe về thời gian, nhưng tôn trọng người làm. Cuối mùa thu, một đồng nghiệp ở chỗ làm lôi kéo anh vào một đường dây vận chuyển hàng lậu. Hết ca làm, Robert vẫn giữ chìa khóa của chiếc xe cam nhông được giao cho anh. Công việc là đi qua sông Hudson, đến khu New Jersey và chất lên xe những thùng rượu và thuốc lá lậu để trên bến cảng.

Không phải là một công việc chết người, nhưng rất có nguy cơ anh bị bắt giữ. Và hậu quả là phải bồi thường hàng hóa. Hai trăm đô la một chuyến. Mỗi cuối tuần, Robert chở bốn chuyến, và số tiền đó giúp anh cải thiện cuộc sống.

Từ đó trở đi, anh thường đưa Hanna đi ăn tối ở nhà hàng vào thứ Tư và thứ Bảy, họ đến khiêu vũ tại một câu lạc bộ nhạc jazz ở West Village.

Một tối, khi trở về nhà, anh thấy cô đang đứng khóc trước chiếc bếp ga. Cô khóc lặng lẽ, cúi mặt trên màn hơi nước bốc lên từ món xúp rau củ đang nấu. Robert không nói gì mà ngồi vào bàn. Hanna đặt nồi xúp lên bàn, múc xúp vào đĩa cho anh rồi bỏ

đi ngủ.

Robert vào phòng ngủ cùng cô và nằm xuống bên cạnh cô.

- Em biết anh đang rất cố gắng, em không trách móc anh điều gì, ngược lại, em nợ anh tất cả những vất vả anh đang phải gánh chịu. Nhưng đây không phải là cuộc sống mà em từng hình dung trước đây, – cô nói.

- Chúng ta sẽ thoát khỏi cảnh sống này, chỉ cần ta kiên nhẫn thôi. Nếu hai chúng ta cùng đồng lòng nhất trí, thì sẽ có được cuộc sống đó.

- Đồng lòng nhất trí ư? – Cô thở dài. – Anh không thể tìm được từ nào thích hợp hơn đâu. Em lúc nào cũng cô đơn. Tất cả các ngày trong tuần, kể cả cuối tuần. Và cuối tuần, em biết là anh đi làm những việc mờ ám. Em chỉ cần nhìn qua cửa sổ thấy người đi cùng anh vào giữa đêm khuya là đủ biết, em đâu phải con ngốc. Lương của một nhân viên bốc xếp không đủ để chúng ta có thể đi ăn ở nhà hàng, cũng không thể mua chiếc tủ đá anh đã mang về tháng trước, và cả chiếc váy mà anh đã tặng cho em nữa.

- Anh đã mua chiếc váy đó cho em bởi vì không có thứ gì là quá đẹp đối với em cả.

- Em không muốn mặc nó, em không muốn đồng tiền bẩn thỉu và em không muốn sống theo cách này nữa.

Hanna dành quá nhiều thời gian để đi dạo trong những khu phố giàu sang. Xung quanh cô có biết bao người quyến rũ, mặc quần áo đẹp, hoặc đi xe sang trọng.

Cô ngấm nhìn họ qua cửa kính các nhà hàng hoặc cửa hàng nơi

cô không được vào, họ giống với những người cô từng gặp trong suốt thời niên thiếu. Chiến tranh và cái chết của ba cô đã xua đuổi cô khỏi thế giới của mình, và ngày ngày cô bận rộn tìm cánh cửa bí mật để trở về đó, giống như cô bé Alice ở xứ sở diệu kỳ.

- Anh không hiểu rằng chúng ta sẽ không bao giờ đến được cái ngày đó với công việc của anh, và em không muốn rút cuộc anh phải vào tù, hoặc vì một điều gì đó đáng để ta vất vả như thế.

- Em nói nghiêm túc đấy chứ? – Robert ngạc nhiên.

- Không, nếu anh dây dưa với bọn trộm cắp, em sẽ bỏ anh. Giá như chúng ta có thể quay về Pháp.

- Về đó thì có thể thay đổi được gì?

- Một ngày nào đó em sẽ giải thích với anh.

Hanna không thể ngờ rằng nội dung câu chuyện cô nói sẽ có ý nghĩa quyết định đối với tương lai của họ và dẫn Robert đến đoạn nói dối. Điều phi lý nhất, đó là tất cả những gì anh làm sau đó đều là vì tình yêu dành cho cô.

Vào cuối tháng Mười hai năm 1944, mùa đông tràn đến phủ kín thành phố dưới lớp áo choàng bằng tuyết.

Đó là buổi chiều ngày 31, Robert đã hứa với Hanna là sẽ trở về trước bữa tối. Cô đã vét hết tiền tiết kiệm của họ để tổ chức một bữa tiệc ăn mừng. Cô đã đến Schwartz, một cửa hàng thực phẩm nổi tiếng ở khu Tây Thượng Manhattan và mua cá tuyết xông khói, thịt bò xông khói, trứng cá hồi và một chiếc bánh ngọt tằm đường. Rồi cô về nhà, bày bàn ăn và mặc lên người bộ váy chồng cô đã tặng mà cô vẫn chưa bao giờ mặc.

Đêm xuống, Robert chở chuyển hàng cuối cùng trong năm. Bến cảng chìm trong bóng tối. Không có nguy cơ có đội tuần tra nào của cảnh sát đến săn tìm ở những nơi như thế này vào một đêm giao thừa. Việc trung chuyển các thùng các tông đựng thuốc lá và thùng rượu diễn ra suôn sẻ. Hai công nhân khuân vác phụ giúp anh đã chúc anh năm mới vui vẻ rồi đi khỏi. Robert thắt các nút buộc tấm bạt che, leo lên ca bin rồi nổ máy. Khi đi qua giữa hai chiếc cần trục, anh nhìn thấy một ánh sáng đỏ nhấp nháy trong gương chiếu hậu. Một chiếc xe cảnh sát, đã bật đèn hiệu và rú còi, đang bám theo anh. Lẽ ra anh có thể chọn cách dừng lại, khẳng định là không hề biết những thùng hàng mình đang chở chứa thứ gì bên trong, rằng anh chỉ là một tài xế đang đi làm thêm. Hẳn anh sẽ phải ngủ lại trong đồn cảnh sát, sẽ phải ra tòa, nhưng với quá trình phục vụ trong quân đội và một hồ sơ trong sạch... Những ý nghĩ đang xáo trộn trong đầu thì anh nhớ đến ký ức về một lần duy nhất phải ở đồn cảnh sát. Anh vẫn còn giữ những vết sẹo sau lần đó. Robert liền tăng tốc, xoay vô lăng và lao về phía sông. Không có bằng chứng thì không có tội lỗi. Anh chỉ kịp nhảy ra khỏi ca bin và cuộn tròn người làm một cú lộn nhào thì đã nhìn thấy chiếc xe cam nhông chìm xuống dòng chảy cuộn cuộn của sông Hudson.

Chiếc xe đuổi theo anh suýt chút nữa cũng chịu chung số phận, và khi viên cảnh sát cuối cùng cũng dừng được xe lại, thì thanh chắn sốc đằng trước xe đã vượt quá lan can chắn đường.

Robert không chờ đến khi viên cảnh sát hoàn hồn trở lại. Anh nhanh chóng chạy trốn và biến mất trong mê cung tạo bởi những công ten nơ xếp chồng lên nhau.

1945

New York đã bước sang năm 1945 khi anh về đến nhà, lưng đau ê ẩm, khuỷu tay và đầu gối rớm máu.

Hanna chăm sóc anh mà không hỏi câu nào, cũng không nói gì. Anh chờ nghe cô trách móc, anh đã chuẩn bị tinh thần suốt hai tiếng đồng hồ đi bộ trong cái đêm lạnh giá đó để đón nhận một trận thậm tệ, nhưng Hanna vẫn giữ thái độ bình thản đến lạ lùng.

Khi đã rửa và băng xong các vết thương cho anh, cô ngồi xuống trước mặt anh, cầm lấy tay anh rồi nhìn anh với vẻ dịu dàng khiến anh ngạc nhiên.

- Lẽ ra em phải giận điên lên vì anh. Em đã ở vào tâm trạng đó lúc chín giờ tối, lại càng giận dữ hơn vào lúc mười giờ, nhưng cơn giận dữ đó trong em đã chấm dứt lúc mười một giờ. Em lo lắng đến phát hoảng. Và đến nửa đêm, khi chúng ta bước sang năm mới, em đã hứa với trời đất rằng nếu anh quay về, em sẽ không trách móc gì anh hết. Đến hai giờ sáng, em tưởng rằng anh đã chết rồi, nhưng bây giờ anh đang ở đây. Vậy nên không có bất kỳ điều gì trong những điều anh sắp kể với em có thể tệ hại hơn những gì em đã hình dung ra đâu. Hãy nghe em nói này, Robert, bởi vì có hai khả năng đang chờ đợi chúng ta trong tương lai. Một là, em sẽ thu xếp đồ đạc của em và ra đi. Anh sẽ không bao giờ gặp lại em nữa. Hai là, anh sẽ thú nhận với em mà không bỏ sót bất kỳ chi tiết nào những chuyện đã xảy ra với anh, anh phải hứa với em là anh không giết bất kỳ ai, và cho dù anh đã làm gì, thì đây cũng là lần cuối cùng.

Robert kể hết sự thật với vợ và thề sẽ từ bỏ tất cả những công việc phi pháp. Hanna tha thứ cho anh.

Hai ngày sau, anh đến kho hàng với hy vọng có thể thuyết phục được ông chủ không tố cáo mình với nhà cầm quyền, đổi lại anh hứa sẽ bồi thường cho ông. Ông chủ anh mặt mũi khó đảm đảm và không để anh kịp nói lời nào.

- Lũ khốn nạn đã lấy cắp chiếc xe cam nhông của cậu để vận chuyển hàng lậu. Mọi chuyện đã xoay theo chiều hướng xấu, và vì muốn thoát khỏi tay cảnh sát, chúng đã lao xe xuống sông. Người ta đã vớt được chiếc xe lên hôm qua, tôi đã đến tận nơi, nó hỏng rồi. Tôi không đủ khả năng để mua một chiếc khác, tôi đã khéo léo làm việc với bên bảo hiểm. Không còn việc làm cho cậu nữa, anh bạn ạ, và tôi không thể trả tiền cho cậu khi cậu chẳng làm gì. Tôi thật sự rất tiếc.

Tuy nhiên, ông chủ vẫn thanh toán ngày công hôm đó cho anh, rồi bảo anh về.

Nếu Robert thoát khỏi rắc rối với ông chủ, thì anh vẫn còn phải bồi hoàn giá trị hàng hóa mà anh đã nhấn chìm dưới sông Hudson. Và những kẻ thuê anh vận chuyển không hề chân thành cũng chẳng có chút độ lượng nào như ông chủ anh. Anh không còn việc làm, cũng chẳng có phương tiện gì để kiếm tiền trả nợ, mà anh lại quyết tâm giữ lời hứa với vợ. Trung thành với cam kết đó, ngay khi trở về nhà, anh đã cho cô biết tình hình. Hanna quyết định sẽ nắm lấy vận mệnh của cả hai vợ chồng. Bởi vì Robert không có trách nhiệm, từ giờ trở đi cô sẽ là người đảm bảo cho tương lai của họ. Và cho dù anh có tìm được một công việc lương thiện, chỉ một khoản lương cũng sẽ không đủ để giúp họ

thoát khỏi tình cảnh hiện tại. Robert không chịu cho cô đi làm, nhưng cô mặc kệ anh, cũng như mặc kệ lòng tự ái và những lề thói anh vẫn theo. Trước chiến tranh, ba cô từng có những khách hàng giàu có ở New York, cô quen biết tất cả bọn họ khi đi cùng ông và nhiều người trong số họ đã ngây ngất vì ngưỡng mộ trước những hiểu biết của cô, khi cô mới chỉ là một đứa trẻ. Cô là con gái của Sam Goldstein, cô đã lớn lên trong thế giới ấy, cô sẽ tìm được chỗ đứng cho mình ở đó.

Tuần sau đó, cô đi một vòng quanh các phòng tranh trong thành phố. Các khách hàng cũ của ba cô đồng ý tiếp cô, khi ngồi trước cốc trà và đĩa bánh bích quy, đều cảm thương cho số phận bi thảm của Sam... *một người tuyệt vời đến thế, thật khủng khiếp, nhưng quả là niềm an ủi lớn vì khi Hanna vẫn sống sót trong khi biết bao người vô tội không thoát khỏi cái chết...* và rồi họ than thở về số phận của chính mình, về những khó khăn trong công việc làm ăn kể từ khi chiến tranh bắt đầu, để thanh minh tại sao họ không thể giúp đỡ cô.

John Glover là một chủ phòng tranh người Anh rất thân với Sam. Năm 1935, ông may mắn mở được một chi nhánh ở New York, nơi ông chuyển đến từ năm 1939. Ông từng hy vọng có thể quay về Luân Đôn khi hiệp định đình chiến được ký kết. Quân phát xít trong cảnh hỗn loạn đã thua hết trận này đến trận khác, chúng lùi bước trên tất cả các mặt trận, thời gian chờ đến khi Hitler đầu hàng chỉ còn tính bằng tháng. Trong lúc chờ đợi, Hanna có thể trông cậy vào ông, và nếu cô thể hiện được khả năng của mình, cô có thể phụ trách các giao dịch của ông ở Mỹ

khi ông trở về Anh. Khoản tiền lương ông trả cho cô không phải là quá hấp dẫn, nhưng ít ra, khi làm việc cùng ông, cô sẽ có dịp học nghề.

Hanna không bao giờ quên những gì John Glover đã làm cho cô. Trong suốt đời mình, ta chỉ gặp được một số ít những con người chân chính, những con người phi thường mà nét đẹp tâm hồn chỉ có thể so sánh được với đức khiêm nhường của họ. Glover là một con người như thế. Tầm vóc nhỏ nhắn, nhưng ẩn sau cặp kính tròn, chòm râu cằm và bộ ria mép, là một trái tim rộng mênh mông.

Khi ông đến ăn tối, mỗi tháng hai lần, trong căn hộ một phòng mà Robert và cô thuê ở tầng trệt tòa nhà Brownstone trên phố 67, Hanna không bao giờ cảm thấy ngại ngùng trước vẻ khiêm tốn của phòng ăn. Robert nhanh chóng thân thiết với ông chủ phòng tranh người Anh, người thỉnh thoảng lại nhờ anh vận chuyển một bức tranh, một cái bình, hoặc một bức tượng đến các địa chỉ trên khắp đất nước, để giúp thêm cho hai vợ chồng.

Phát xít Đức ký tuyên bố đầu hàng ngày mừng 8 tháng Năm năm 1945, và mặc dù còn phải đợi đến ngày mừng 2 tháng Chín để đến lượt phát xít Nhật đầu hàng và cuối cùng Chiến tranh thế giới thứ hai chấm dứt, châu Âu cũng đã được hòa bình trở lại.

Cuộc sống của họ đã được cải thiện chút ít từ khi Hanna làm việc ở phòng tranh. Nhờ có cô, Robert đã trả được hết nợ nần. Hanna lao vào làm việc như điên, và thường có những chuyến đi xa gặp gỡ các khách hàng để bán hoặc mua những tác phẩm có giá trị tương đối, dưới ánh mắt chăm chú nhưng tin tưởng của ông chủ. Cô làm việc không kể giờ giấc, không ngừng dốc sức và

rốt cuộc cũng được hưởng đôi chút hoa hồng từ những giao dịch mình thực hiện. Nhưng mỗi ngày, từ chỗ làm về, Hanna đều đi dọc phố 59 theo hướng giao lộ Columbus Circle và khát khao một cuộc sống khác khi chiêm ngưỡng mặt tiền của các tòa nhà có cửa sổ trông ra công viên.

Robert ý thức được tâm trạng rối bời của vợ và dù không nói gì, anh vẫn thường xuyên mơ về ánh huy hoàng của một quá khứ đã bị cha anh phung phí vào trò cờ bạc, đau khổ vì không trở thành người chủ gia đình như anh từng hy vọng. Anh liền nảy ra ý định biến công việc từng một thời góp phần chu cấp cho vợ chồng anh trước kia thành một hoạt động hợp pháp. Vì đã giao hàng trong nhiều tháng, anh quen biết các khách hàng và các nhà cung cấp của doanh nghiệp nơi anh từng làm việc. Chiến tranh kết thúc lại khiến mọi người nảy sinh ý thích tiệc tùng. Ở thành phố, rượu được tiêu thụ ồ ạt, và cung cấp bao nhiêu cũng không bao giờ là đủ. Anh quyết định mở một cửa hàng rượu và khiến nó làm ăn phát đạt. Để có thể kiếm được như tham vọng, anh chuyên tâm vào những loại rượu nặng đắt tiền nhất. Bourbon, whisky, brandy, sâm banh và các dòng vang hiếm. Nhưng để bắt đầu công việc làm ăn, trước hết anh phải vay vốn. Anh đi một vòng các ngân hàng và chỉ nhận được những lời từ chối. Danh tiếng của nhà Stanfield chưa bao giờ vượt quá ranh giới Maryland. Ở New York, Robert chỉ là một chàng trai trẻ tay trắng, và anh chỉ biết một người duy nhất có thể tin tưởng và giúp đỡ mình.

* * *

Robert dồn hết tâm sức cho dự án ấy. Anh tìm thấy trên phố 91 một địa điểm vô cùng phù hợp, với một cửa hàng quay ra phố,

một khoảnh sân trong có thể đậu được một chiếc xe hòm và một cái lán cũ dùng làm kho trữ rượu. Về phần mình, Hanna chỉ còn sống vì phòng tranh. Cô gái trẻ dè dặt bước xuống từ một con tàu với vài tờ giấy bạc cất kín trong mép đôi tất không còn nữa. Thay vào đó, đã xuất hiện một phụ nữ quyết đoán, say mê công việc và cái thế giới nơi cô lui tới. Cô di chuyển liên tục, từ Boston đến Washington, từ Dallas đến Los Angeles và San Francisco, và mỗi lần trở về căn hộ nhỏ của hai vợ chồng, cô lại tìm thấy ở đó ham muốn chiến đấu điên cuồng để rời khỏi nơi ấy càng sớm càng tốt.

Cuối mùa thu năm 1945, công việc làm ăn của Robert bắt đầu mang lại lợi nhuận. Phải công nhận là anh cũng làm việc không tiếc sức lực. Hanna và anh chỉ còn ở bên nhau vào ngày Chủ nhật, họ dành cả ngày để ngủ và làm tình với nhau.

* * *

1946

Ngày mùng 2 tháng Ba, Robert nhận được điện từ người quản gia cũ của cha mẹ anh, ông báo cho anh biết một tin khủng khiếp. Cha mẹ anh đã qua đời trong một vụ tai nạn xe hơi ở ngoại ô Miami mà ông thì chẳng có một xu dính túi để dựng cho họ một nấm mồ ở Florida.

Hanna kiên quyết rằng hai vợ chồng họ phải chịu trách nhiệm mai táng cho cha mẹ Robert. Cho dù Robert có trách móc cha mẹ mình điều gì, thì anh vẫn phải hiện diện ở tang lễ. Từ khi cô và anh quay về nước Mỹ, cả gia đình chưa từng nói chuyện với nhau, cha mẹ anh chết mà không biết rằng con trai mình đã có vợ, và cô cảm thấy mình có lỗi khi đã không buộc chồng mình phải là người chủ động giảng hòa với cha mẹ. Cô đã quá bận bịu với công

cuộc mưu sinh từ hai năm nay, đến nỗi quên cả những bốn phận cơ bản, và từ giờ trở đi thì đã quá muộn. Cô làm mọi việc cần thiết để đưa thi thể cha mẹ Robert về Baltimore. Toàn bộ huy hoàng của gia đình Stanfield chỉ còn là một hầm mộ gia đình.

Hai ngày sau, họ lên đường. Không có nhiều người tham dự lễ tang trong nhà thờ nhỏ bên cạnh nghĩa trang. Viên quản gia, ngồi ở hàng đầu, có lẽ là người xúc động nhất. Bà bảo mẫu, Hanna và Robert ngồi ở hàng ghế thứ hai, và cuối cùng là một người đàn ông bụng phệ mặc âu phục cắt may và khoác áo rơm đánh gót. Buổi lễ diễn ra ngắn gọn, cha xứ chủ trì kết thúc bài thuyết giáo chán ngắt bằng lời chia buồn đến tất cả những người bị mất người thân đang có mặt tại nhà thờ. Cứ trông vào số lượng năm con người ngồi đó, câu nói của ông vang lên trong nhà thờ nhỏ như một lời chế giễu ác độc.

Buổi lễ kết thúc khi hai chiếc quan tài được đưa vào hầm mộ. Hanna không thể nén khóc khi nghĩ đến ba mình và hơn lúc nào hết, cô cảm thấy một ngày nào đó cần phải đến viếng mộ ông. Trong suốt thời gian họ trốn đến Tây Ban Nha, Robert đã nhiều lần đảm bảo với cô rằng gia đình những người kháng chiến sẽ chôn cất ông trong nghĩa trang của ngôi làng bên cạnh.

Trong khi họ quay trở ra xe, người đàn ông bụng phệ lại gần họ, nói lời chia buồn và thông báo với họ một tin xấu khác có lẽ còn tác động đến Robert mạnh mẽ hơn cả cái chết của cha mẹ anh. Dinh thự nhà Stanfield sẽ bị bán đấu giá để trả những khoản nợ mà họ để lại. Robert có thời hạn ba tháng để từ bỏ quyền thừa kế vốn chỉ là một tài sản nợ khổng lồ. Hanna hỏi tài sản nợ đó lên đến bao nhiêu, và nhân viên ngân hàng mặc trang phục nhân

viên nhà đòn ấy trả lời rằng họ phải gom góp được 500.000 đô la để có thể giải quyết khoản nợ.

Trong nửa đầu chuyến đi quay trở lại New York, Hanna chìm vào suy nghĩ. Khi đi qua Philadelphia, cô cầm lấy tay Robert và thổ lộ với anh rằng có thể cô có một giải pháp để lấy lại quyền sở hữu căn nhà anh từng sống suốt tuổi ấu thơ.

- Em nghĩ chúng ta làm thế nào để gom được số tiền lớn như thế trong khoảng thời gian ngắn ngủi như vậy? – Anh hỏi cô. – Trả nợ bằng cách đứng ra vay nợ chẳng? Em đang làm việc như điên và anh cũng thế. Mặc dù rất đau lòng khi phải hình dung ra cảnh tòa nhà rơi vào tay những kẻ xa lạ, nhưng anh vẫn đành chấp nhận từ bỏ nó cũng như tất cả những ước mơ của bản thân.

- Đừng từ bỏ nhanh quá thế, em không nghĩ chúng ta sẽ vay tiền. Nhưng em phải quay về Pháp, và hy vọng là may mắn sẽ mỉm cười với chúng ta.

Robert nghĩ rằng anh đoán được những điều Hanna đang nghĩ trong đầu, nhưng im lặng không hỏi cô câu nào.

Họ về đến thành phố vừa lúc trời tối. Sau một bữa ăn nhanh chóng, Hanna chui vào trong chăn, nép vào người chồng. Anh đã thôi không nghĩ đến lời đề nghị của cô, nhưng sợ rằng chuyện nợ xọ chuyện kia, cuối cùng anh đành chấp nhận.

- Em không cần phải làm thế, – anh vừa nói vừa tắt đèn. – Rồi chúng ta sẽ thành công, và con chúng ta sẽ tự hào vì ba mẹ chúng đã xây đắp cho chúng một tương lai chỉ nhờ công sức lao động mà họ bỏ ra.

Hanna ngồi dậy trên giường và thổ lộ với anh điều bí mật vẫn

đề nặng trong lòng cô đã nhiều tháng nay.

- Em không nghĩ là em có thể sinh con cho anh. Từ khi chúng ta chung giường đến nay, chẳng hề xảy ra điều gì mà một phụ nữ vẫn mong đợi hoặc nghi hoặc cả.

* * *

Hai tuần sau, thông báo sắp có một khách hàng tầm cỡ từ California đến New York đã cho phép Hanna thực hiện dự định của mình, sớm hơn cô hy vọng. Glover phải quay trở lại Luân Đôn gấp để chốt một giao dịch quan trọng khác. Hanna đề xuất sẽ đi thay ông. Khách hàng từ California đó là người nhạy cảm hiếm thấy, và ông chủ phòng tranh quyết định tôn vinh vị khách ấy bằng sự hiện diện của chính mình.

Hanna thực hiện chuyến đi bằng máy bay. Đây là lần đầu tiên cô dùng bữa trên mây, và mặc dù có hơi sợ khi máy bay cất cánh, đối với cô chuyến đi vẫn là một trải nghiệm thực sự tuyệt diệu.

Trong ba ngày ở Luân Đôn, cô đã hoàn tất những việc phải làm, và đề nghị ông chủ cho cô nghỉ phép vài ngày. Cô thổ lộ với ông là muốn nhân thời gian ở lại châu Âu để đến Pháp tìm lại mộ cha. Nhờ có cô, Glover vừa bán được hai món lớn trong cùng một tháng, và giá như cô có yêu cầu ông hái mặt trăng cho cô, có lẽ ông cũng không từ chối. Ông tặng cô chi phí đi lại, và chu cấp cả tiền ở cũng như tiền ăn. Thậm chí ông còn đổi vé để cô có thể đi thẳng từ Paris về Mỹ.

Hanna bắt tàu hỏa, đi phà qua biển Manche, rồi bắt một chuyến tàu khác đến tận Paris, nơi cô thuê một phòng khách sạn gần ga Lyon, và cuối cùng bắt chuyến tàu thứ ba để đến

Montauban. Sau một chặng ô tô khách, cô đến gõ cửa tòa thị chính của hai xã cận kề với chòi săn trước kia.

Mới hai năm trôi qua, và ký ức vẫn còn tươi mới. Cô xin được địa chỉ của một người thợ rèn có anh trai bị chết trong khu rừng gần chòi săn.

Khi bước vào xưởng rèn, cô nhận ra anh ngay lập tức. Nhìn thấy cô, người thợ rèn giàn giụa nước mắt. Anh quăng chiếc búa và lao đến ôm choàng lấy cô.

- Lạy Chúa tôi lạy Chúa tôi, cô đã sống sót, – anh nức lên. – Chúng tôi đã tìm cô khắp nơi.

- Vâng, tôi đã sống sót, – cô trả lời bằng giọng điềm tĩnh, cố nén nỗi xúc động cũng đang xâm chiếm lòng mình.

- Tôi rất tiếc về cha cô.

- Tôi cũng xin chia buồn về anh trai anh. Nhờ có anh ấy và những người khác mà tôi mới sống sót được.

Lần thứ hai, Hanna kể lại những chuyện đã xảy ra cách đó không xa, vào một buổi chiều tháng Sáu năm 1944.

Khi cô kể xong, Jorge bảo cô ngồi lên mô tô của anh và lên đường. Chỉ đến khi họ đã ở nghĩa trang, sau khi cô đã ngồi trầm ngâm trước mộ cha, anh mới lên tiếng.

- Chúng đã thông báo cho chúng tôi biết vào ngày hôm sau. Gần trưa thì một gã cảnh binh đến bảo chúng tôi đi lấy xác họ về. Raoul, Javier, cậu nhóc Marcel và anh trai tôi Alberto, tất cả họ đều nằm đó, – người thợ rèn nói và chỉ vào mộ họ.

- Và cả ba tôi nữa, – Hanna bổ sung.

- Họ đã nghi ngờ tôi, cô biết đấy. Bởi vì tôi là người duy nhất còn sống. Những kẻ độc mồm độc miệng đã buộc tội tôi rất nhiều chuyện. Nếu anh trai tôi không nằm lại đó, có lẽ tôi còn chẳng kịp hét lên là mình vô tội ấy chứ. Thế còn anh chàng người Mỹ đó, anh ta ra sao rồi?

- Anh ấy đã trở thành chồng tôi, sau khi chúng tôi đến được Tây Ban Nha, – Hanna trả lời. – Người có tên là Titon, anh có gặp lại anh ta không?

- Không, không bao giờ. Có lẽ chính anh ta đã khai ra những người khác.

- Có thể không có ai khai cả, – Hanna nói tiếp. – Đó đâu phải là lần đầu tiên đám lính bảo an lùng sục trong khu rừng này.

- Có thể thế, – người thợ rèn trả lời.

- Cái chòi săn thế nào rồi?

- Nó bị bỏ hoang thôi. Từ khi người ta mang số vũ khí đi, không ai còn đặt chân đến đó nữa. Kể cả tôi cũng không đủ dũng cảm quay lại. Tuy nhiên, tôi thường đi qua dưới con đường mòn dẫn lên chòi săn. Nhưng trên đó, đất vẫn còn thấm đen máu của họ, chẳng khác nào một nghĩa trang thứ hai.

Hanna nhờ Jorge giúp cô một việc cuối cùng, một việc hẳn sẽ khó khăn với anh, đương nhiên. Cô muốn thăm lại chòi săn, bước vào căn phòng nơi cha cô đã chết, để cuối cùng cũng có thể tưởng nhớ ông.

- Có lẽ việc đó sẽ tốt cho cả tôi nữa, – anh đáp. – Với lại ai mà biết được, có hai người, có khi mọi chuyện lại đỡ đáng sợ hơn chẳng?

Họ lên mô tô và đi đến tận đoạn bắt đầu con đường mòn. Hai người cùng leo ngược con đường mà vài năm trước Hanna đã chạy xuống trong đêm cùng với Robert. Cô phải dừng lại nhiều lần. Vì chân cô loạng choạng, vì cả người cô bắt đầu run rẩy, vì cô hụt hơi. Nhưng sau khi hít một hơi thật sâu, cô lại tiếp tục đi.

Chiếc chòi săn cuối cùng cũng hiện ra trên đỉnh đồi. Không có làn khói nào bay ra từ ống khói, mọi vật đều yên bình, quá đời yên bình.

Jorge bước vào đầu tiên. Anh đến nơi anh trai mình đã ngã xuống và quỳ gối làm dấu thánh. Hanna bước vào căn phòng cô từng ở. Chiếc tủ chỉ còn là một đồng ván gỗ mục ruỗng, cả chiếc giường chỉ còn lại một bộ giát với những lò xo han gỉ. Nhưng thật lạ lùng, chiếc ghế cô từng ngồi biết bao lần thì lại sống sót, giống như cô. Cô bước đến ngồi vào đó, hai bàn tay đặt trên đầu gối, và để mặc mắt nhìn mông lung về phía khu rừng, qua cửa sổ.

- Thế nào, cô chịu được chứ? – Jorge lo lắng thò đầu vào hỏi.

- Tôi muốn xuống hầm, – Hanna thì thầm.

- Cô chắc chứ?

Cô gạt đầu và Jorge nhấc cánh cửa sập ra. Anh bật chiếc bật lửa mang theo và bước xuống thang trước. Anh muốn chắc chắn là các bậc thang không rời ra dưới sức nặng của họ. Căn hầm được khoét vào vách núi vẫn khô ráo, và cái thang không bị mục nát. Hanna xuống cùng anh.

- Vậy ra cô đã ở đây lúc...

- Vâng, – cô ngắt lời anh, – tôi trốn ở cuối đường hầm. Anh đi

với tôi, – cô vừa nói thêm vừa lấy chiếc bật lửa từ tay anh.

Lần này, cô bước vào đầu tiên và dừng lại trước phiến gỗ.

- Anh đẩy nó sang một bên giúp tôi, chỉ vài phân là được rồi.

Jorge ngạc nhiên, nhưng trong ánh sáng bật lửa, trông cô xinh đẹp đến nỗi anh chẳng thể từ chối cô bất cứ điều gì.

- Cô biết không, mỗi khi đến mang đồ ăn hoặc quần áo sạch cho mọi người, tôi không bao giờ bỏ lỡ dịp để ngắm cô. Chính niềm hy vọng được nhìn thấy cô đã cho tôi sức mạnh để leo con đường mòn chết tiệt đó.

- Tôi biết mà, – Hanna đáp, – tôi cũng thường ngắm nhìn anh, nhưng giờ thì tôi có chồng mất rồi.

Jorge nhún vai và đẩy phiến gỗ ra, để lộ một cái lỗ đào sâu vào vách hầm. Hanna đề nghị anh lui ra rồi đưa trả anh chiếc bật lửa.

- Soi vào đây giúp tôi với.

Cô thọc tay vào đó và cảm thấy cái ống kim loại hình trụ ở đầu ngón tay mình. Cô lấy nó ra khỏi nơi cất giấu và ra hiệu với Jorge rằng họ có thể quay lên mặt đất.

Jorge vốn là người ít nói, nhưng khi đi xuống con đường mòn, anh không thể kìm lòng liền hỏi cô.

- Chính vì thứ này mà cô muốn quay lại đây sao?

- Để được tưởng niệm cha tôi, và một phần cũng là vì cái này, – cô vừa nói vừa đưa mắt nhìn cái ống kim loại đang giữ chắc trong tay.

Họ xuống đến chỗ chiếc mô tô và cùng ngồi lên xe.

- Cô muốn tôi chở cô đi đâu?

- Đến nhà ga, nếu anh vui lòng.

Họ chạy hết tốc lực. Hanna cầm cái ống bằng một tay, tay kia níu chặt thắt lưng Jorge. Gió quất vào mặt cô, và cô cảm thấy cuối cùng mình cũng được tự do, tự do hơn bao giờ hết.

Jorge tiễn cô đến tận sân ga và chờ tàu cùng cô. Khi cô bước lên bậc tam cấp của toa tàu, anh nắm lấy tay cô.

- Trong cái ống đó có gì vậy?

- Đồ đạc cá nhân của cha tôi.

- Vậy thì tôi rất vui vì nó được cất giữ trong cái hốc đó suốt thời gian qua, và vì cô đã tìm thấy nó.

- Cảm ơn anh, Jorge, cảm ơn vì tất cả mọi chuyện.

- Cô không quay lại đây nữa, đúng không?

- Không, không bao giờ nữa.

- Tôi cũng ngờ là như thế, tôi đã nhận thấy cô không có đồ đạc gì, dù chỉ là một chiếc túi. Vậy chúc cô lên đường may mắn, Hanna.

Jorge nhìn đoàn tàu chuyển bánh. Hanna thò đầu qua cửa sổ khoang tàu và gửi cho anh một nụ hôn.

* * *

Khi trở lại Paris, trong phòng khách sạn, cô mở cái ống và trải những bức danh họa lên giường. Sam là người biết phòng xa, cái ống kín bưng đã bảo quản những bức tranh rất tốt, chúng không hề bị hư hại chút nào. Cô xem xét từng bức một và chỉ đếm được

có chín bức. Thiếu mất một bức. Bức *Thiếu nữ bên cửa sổ* của Hopper đã biến mất.

* * *

Ngày hôm sau, Hanna thanh toán tiền khách sạn và bay về New York trên một chiếc Constellation của hãng hàng không Pháp Air France...

34

Eleanor-Rigby

Tháng Mười năm 2016, Baltimore

Chương đó kết thúc như vậy. George-Harrison đọc đến trang cuối cùng rồi rủ tôi đi uống một cốc cà phê.

Tôi chẳng hề muốn uống cà phê, tất cả những gì tôi muốn là biết được phần tiếp theo của câu chuyện, và hiểu được tại sao Shylock không viết nó ra. Mới gần sáu giờ tối, tôi vẫn có cơ hội túm được ông trong văn phòng.

- Đi theo tôi nào, – tôi ra lệnh cho George-Harrison.

Anh nhìn tôi và nhướn lông mày.

- Không phải là không có lý khi cô là cháu ngoại bà ấy, – anh nói bằng giọng tưng tửng.

Chúng tôi chạy ra khỏi thư viện và bắt đầu một cuộc đua nước rút trong các hành lang. Nếu không mặc trang phục lịch sự, hẳn người ta sẽ tưởng chúng tôi là hai vận động viên chạy bộ đang giành nhau cán đích, mà thực ra đúng là như thế. Tôi trông thấy một đường tắt và rẽ vào đó mà không báo với anh. Tôi nghe tiếng anh hét lên đằng xa rằng tôi là kẻ ăn gian. Chúng tôi thở hổn hển khi đến cửa phòng làm việc của Shylock, thậm chí quên cả gõ cửa.

Ông giáo sư giật mình và nhìn chúng tôi chăm chăm từ đầu đến chân, vì cả hai đang mồ hôi ròng ròng như tắm.

- Dù sao cũng không phải là bản thảo của tôi khiến hai người rơi vào trạng thái này chứ? – Ông nghi hoặc hỏi.

- Không, đúng hơn là những gì không được viết ra trong đó. Làm sao ông có thể dừng lại ngay giữa chương như vậy? – Tôi phản đối.

- Câu hỏi đặt ra không phải là làm sao, mà là tại sao. Và tôi đã giải thích với hai người rồi. Hanna đã cấm Robert tiếp tục dự án của chúng tôi. Nhưng không phải vì thế mà tình bạn của chúng tôi phải câm nín.

Shylock nhìn đồng hồ rồi thở dài.

- Tôi đói, và ăn tối muộn là rất có hại cho người bị viêm dạ dày.

- Hãy chọn nhà hàng ông muốn đến, và chúng tôi sẽ mời ông, – George-Harrison gợi ý.

- Theo ý tôi, – Shylock trả lời, – Charleston là một địa điểm tuyệt vời; bởi vì lòng hiếu kỳ của hai người không thể đợi đến ngày mai, nên tôi đồng ý.

* * *

Khi phát hiện ra bảng giá in trên thực đơn, tôi tưởng như mình sắp lên cơn khó ở. Trừ phi tôi mang được xương đùi của Edgar Poe về cho tổng biên tập của mình, chứ ông ta sẽ không bao giờ chấp nhận thanh toán bữa ăn này bằng công tác phí. Nhưng tôi ở đây để mời Shylock ngồi vào bàn, và trước mặt tôi không chỉ có món tôm hùm mà ông vừa gọi.

- Điều gì đã xảy ra với bức tranh còn thiếu, và bà Hanna đã làm gì khi trở về New York? – Tôi hỏi ngay khi nhân viên phục vụ vừa đi khỏi.

- Hỏi mỗi lần một câu thôi, xin cô, – ông giáo sư vừa trả lời vừa buộc khăn ăn quanh cổ.

Shylock ngốn ngấu một nửa con tôm hùm. Nhìn ông moi móc thịt tôm và mút mát những chiếc càng của nó khiến tôi mất cả ngon miệng. Rõ ràng tôi không hề thấy như vậy khi nhìn George-Harrison ngốn ngấu món bít tết, với những cú xiên nĩa nhanh thoăn thoắt.

- Khi trở về New York, – ông giáo sư tiếp tục, – Hanna không kể với ai về những bức tranh. Kể cả chồng mình, thậm chí bà còn không nhắc gì đến mấy ngày bà ở Pháp, cũng không kể với ông chủ phòng tranh. Bà có lý do chính đáng để giữ im lặng như vậy. Nhưng để thực hiện ý đồ đang nung nấu trong đầu, bà phải chấp nhận chia tay một trong số chín bức tranh còn lại. Bà chọn bức *Những hạnh phúc ngẫu nhiên của chiếc đu*, một tác phẩm của Fragonard, có kích thước tám mươi centimet chiều dài và sáu mươi centimet chiều rộng, và đặt cho nó một cái tên đơn giản hơn là *Chiếc đu*. Trong tất cả số tranh người cha để lại, bà ít thích bức này nhất. Bà thấy nó có vẻ phù phiếm hơi cổ hủ. Bà không nói lời nào với Glover, vì sợ rằng sẽ cảm thấy buộc phải đề xuất để ông là người mua đầu tiên. Có thể ông sẽ muốn bà nhượng lại nó cho mình với giá thỏa thuận giữa các thương nhân. Trong khi đó, nếu bán nó cho một nhà sưu tầm, bà có thể đạt được mức giá cao gấp đôi, mà bà lại đang phải gom góp hơn 500.000 đô la. Vì những lý do đạo đức, bà tự cấm mình tìm đến một trong những

khách hàng của phòng tranh, có lẽ bà thấy việc đó là bất nghĩa và cảm thấy mình đã chịu ơn ông chủ người Anh quá nhiều nên không thể lừa dối ông dù chỉ đôi chút. Nhưng Sam cũng từng có nhiều khách hàng giàu có ở New York, và bà chỉ nợ cha mình vì đã giúp bà quen biết họ. Bà liền hẹn gặp gia đình Perl và nhân một ngày Chủ nhật khi Robert bận kiểm kê kho hàng để đến giới thiệu bức Fragonard với họ. Bà chấp nhận gửi lại bức tranh ở chỗ họ trong vòng vài ngày, và tuần sau đó, bà mở một tài khoản ngân hàng, bắt chước chữ ký của Robert, bởi vì vào thời kỳ đó, một phụ nữ đã kết hôn không thể có tài khoản ngân hàng nếu không được sự chấp thuận của chồng. Bà gửi vào tài khoản đó tám ngàn phiếu 660.000 đô la mà bà phải mặc cả gay gắt mới đạt được khi bán bức Fragonard, và cất trong một két sắt cái ống đựng tám bức tranh còn lại.

- Sau đó bà ấy đã làm gì? – Tôi hỏi.

- Ít lâu sau, bà thuê một tài xế và bảo anh ta chở mình đến Baltimore. Ở đó, bà mua lại dinh thự nhà Stanfield bằng cách trả các khoản nợ cho ngân hàng đang cầm cố tòa nhà. Một ngày nào đó bà sẽ tặng dinh thự cho Robert, nhưng không phải ngay lập tức, bởi vì chắc chắn ông ấy sẽ muốn chuyển đến sống luôn. Hanna mơ ước có một căn hộ nhìn ra Công viên Trung tâm, chứ không muốn đến giam mình ở một thành phố tỉnh lẻ, trong khi một cuộc sống mới vừa mở ra trước mắt bà.

Đầu năm 1948, Glover muốn trở về sống ở Anh. Ông bắt đầu tìm kiếm một người hợp tác mong muốn mua lại chi nhánh của ông ở Mỹ. Vì bản tính trung thực, ông báo trước với Hanna. Lập tức bà đề nghị sẽ mua lại phần của ông. Glover không mơ ước gì

hơn, bởi ông hoàn toàn tin tưởng ở Hanna, nhưng để làm được việc đó, ông cần bà ứng trước một khoản tiền và sẽ hoàn trả dần từng năm, qua những lần mua bán tiếp theo. Tuy nhiên, ông hứa với bà sẽ suy nghĩ về chuyện đó. Còn Hanna, sợ rằng vụ làm ăn này sẽ tuột khỏi tay mình, liền đề xuất rót vào tài khoản cho ông 150.000 đô la, và phần còn lại sẽ chuyển nốt trong hai năm tiếp theo. Glover ngạc nhiên khi thấy Hanna có số tiền lớn như vậy, nhưng cũng không bình luận gì thêm.

Ngày ký các giấy tờ chuyển nhượng, ông mời Hanna đến ăn tối để mừng sự hợp tác giữa họ. Trong bữa ăn, ông hỏi có đúng là bà đã nhượng lại một bức Fragonard không biết từ đâu ra cho gia đình Perl không. Và không chờ Hanna trả lời, ông nhắc bà, không phải không có chút hài hước, một nguyên tắc cơ bản trong nghề: thị trường nghệ thuật là một thế giới nhỏ bé, nơi mọi chuyện đều có người biết được.

Glover đóng gói đồ đạc để trở về Luân Đôn. Vài tháng trôi qua. Một ngày, và không phải là một ngày tình cờ, Hanna dẫn Robert đến phòng tranh. Khi đến nơi, ông phát hiện ra một tấm bạt che kín mặt tiền. “Anh không biết rằng hai người đã cải tạo phòng tranh, mà đúng là em chẳng cho anh biết gì cả”, ông trách bà. Nhưng Hanna có vẻ hạnh phúc và vui sướng đến nỗi ông chỉ nói được có thế. Hanna đưa sợi dây nhỏ treo lủng lẳng ở đầu tấm bạt, và đề nghị chồng hãy kéo thật mạnh. Tấm bạt rơi xuống đất, để lộ tên các chủ nhân mới. Phòng tranh được đặt lại tên là “Stanfield & Glover”.

- Ông Robert đã phản ứng thế nào? – George-Harrison hỏi.

- Mặc dù hoàn toàn không biết gì về công việc của vợ, nhưng

khi nhìn thấy cái tên Stanfield viết bằng chữ vàng trên cửa kính, hình dung ra những gì Hanna đã phải làm để vinh danh mình, Robert choáng váng và Chủ nhật đó là một trong những ngày đẹp nhất cuộc đời ông... Chính xác là bốn năm đã trôi qua kể từ ngày hai người họ cập bến trên một con tàu chở hàng xuất phát từ Tanger.

- Lẽ ra ông ấy nên đề nghị phòng tranh mang họ thời con gái của vợ, – tôi tranh cãi. – Chính nhờ tài sản ông Sam để lại mà bà ấy mới mua được cổ phần phòng tranh đó.

- Đúng, nhưng Robert không hề biết điều đó. Với lại lòng hào hiệp còn thể hiện ở chỗ biết đánh giá cao những gì người khác tặng mình. Tuy nhiên, ông cũng đề xuất với Hanna như vậy, và bà đã trả lời ông rằng bà muốn sống cho chính mình, và xứng đáng với thành công của bản thân. Goldstein đã thuộc về quá khứ, còn Stanfield sẽ là tương lai của bà ấy.

- Chuyện gì đã xảy ra sau đó?

- Trước hết tôi muốn xem thực đơn các món tráng miệng đã, người ta bảo món ngon nhất là bánh phồng sô cô la, và nếu uống kèm với một loại vang nhẹ hảo hạng nữa thì sẽ là hoàn hảo. Tất nhiên nếu đó không phải là một đòi hỏi quá đáng. Nhưng vì nói quá nhiều, nên miệng tôi khô khốc cả rồi.

George-Harrison gọi nhân viên phục vụ rượu còn tôi gọi nhân viên phục vụ bàn. Sau khi các đòi hỏi đã được đáp ứng, Shylock đồng ý tiếp tục câu chuyện.

- Phòng tranh Stanfield & Glover ở New York còn thịnh vượng hơn phòng tranh ở Luân Đôn. Nền kinh tế nước Anh hồi phục rất

chậm sau chiến tranh. Cuối năm 1948, Hanna và Robert dọn đến ở tầng trên cùng của một tòa nhà tại góc giao giữa phố 77 và Đại lộ số 5. Hanna muốn có một căn hộ nhìn ra Công viên Trung tâm, bà ấy không chỉ có được một căn, mà còn là căn nhìn ra hướng đẹp nhất. Khu Đông Thượng Manhattan còn được coi trọng hơn khu Tây, hai người sẽ hiểu thói đua đòi của con người nằm ở đâu. Lẽ ra Hanna phải là người phụ nữ hạnh phúc nhất, thế nhưng chẳng mấy chốc thành phố khiến bà thấy ngột thở. Công việc làm ăn của Robert cũng phát triển nhanh chóng. Ông mở một văn phòng ở Washington, một văn phòng nữa ở Boston và sắp sửa khánh thành văn phòng thứ ba tại Los Angeles. Hanna gần như không còn gặp chồng nữa, và phần lớn các buổi tối bà ở một mình trong căn hộ rộng mênh mông. Quang cảnh bà hằng mơ ước hóa ra chỉ là một đại dương bóng tối ngay khi ngày tàn. Quan hệ vợ chồng đang bị đe dọa, và bà thực lòng yêu Robert. Bà cho rằng chỉ thay đổi cuộc sống mới có thể cứu vớt cuộc hôn nhân của mình, và sự xuất hiện của một đứa trẻ cũng là một phần trong đó.

- Tôi tưởng bà ấy không thể có con?

- Bà ấy cũng nghĩ thế, nhưng có nhiều cách chữa bệnh vô sinh khi ta có tiền. Vào tháng Bảy năm 1949, nhân kỷ niệm năm năm ngày họ đến New York, Hanna trao lại cho Robert quyền sở hữu tòa dinh thự ở Baltimore và đề nghị hai người cùng chuyển về đó sống. Lẽ ra ông có thể phật lòng vì bà đã bí mật mua lại tòa nhà, nhưng Hanna vừa tặng ông chìa khóa dinh thự gia đình Stanfield, giấc mơ mà ông đã phải đau đớn từ bỏ, và ông chỉ nhìn thấy trong cử chỉ của bà bằng chứng vĩ đại của tình yêu. Trong lúc việc sửa chữa được tiến hành, cả hai người họ cùng ra sức sắp

xếp công việc để có thể điều hành từ Baltimore. New York chỉ cách đó hai giờ rưỡi xe hơi, Hanna đã tuyển dụng đủ nhân viên cho phòng tranh để có thể điều hành từ xa đồng thời vẫn đảm nhận những giao dịch quan trọng mà một thời gian trở lại đây vốn được ký kết bên ngoài thành phố hoặc trong những buổi đấu giá lớn. Năm 1950, khi mẹ cô, Sally-Anne, bước vào dinh thự đó, Glover đổ bệnh. Bệnh ung thư tuyến tụy chỉ cho ông sống thêm một thời gian ngắn. Ông gọi Hanna và đề nghị bà đến thăm ông càng sớm càng tốt, nhưng không tiết lộ gì về tình trạng của mình, Khi Hanna vừa đến Luân Đôn, Glover thông báo cho bà biết ông đã quyết định nghỉ hưu và đề nghị bà mua lại toàn bộ cổ phần của ông. Cái giá ông đưa ra thấp đến nỗi lúc đầu Hanna từ chối. Chỉ riêng bộ sưu tập nghệ thuật của Glover đã đáng giá gấp đôi. Nhưng ông thương gia đã nhắc bà nguyên tắc chủ chốt thứ hai trong nghề: một tác phẩm chỉ có giá trị thương mại bằng với giá trị mà người mua sẵn sàng trả. Ông hiểu rằng một chi nhánh nửa bên kia đại dương đối với Hanna sẽ là một mối lo lắng vô ích, nhất là bây giờ khi bà đã có con và chuyển về sống ở Baltimore. Bản thân phòng tranh của ông cũng không có gì quan trọng, nhất là khi đó chỉ là địa điểm ông thuê. Do đó, ông đề nghị bà dỡ tất cả cho vào két sắt rồi trả giá theo từng bức tranh ông đang có. Và vì họ cộng tác với nhau, nên ông nhắc Hanna nhớ rằng vốn dĩ bà đã sở hữu một nửa giá trị của chúng.

Shylock vừa nuốt ực miếng bánh phồng sô cô la cuối cùng, và tôi ngờ rằng bữa tối sẽ chấm dứt trước khi ông đề cập đến phần mà tôi rình chờ từ đầu bữa ăn.

- Tất cả những chuyện đó rất thú vị, – tôi cắt lời ông, – nhưng giữa mẹ tôi và cha mẹ bà ấy đã xảy ra chuyện gì khiến họ cắt đứt

với nhau mãi mãi như vậy?

- Kiên nhẫn nào, cô sắp hiểu ra rồi. Glover để Hanna thực hiện công việc thống kê bộ sưu tập của ông. Lẽ ra bà có thể tự miễn cho mình việc đó, bởi vì vốn là người làm việc có phương pháp, bà biết rõ giá trị của từng tác phẩm. Tất cả đều được ghi chép trong những cuốn sổ kế toán mà bà lập ra. Việc cộng tác giữa họ chưa từng có chút gì mờ ám, ngay khi Glover mua hoặc bán thứ gì, ông lập tức thông báo cho Hanna và ngược lại, Hanna cũng làm y như vậy. Không có chút mờ ám nào, cho đến khi Hanna tận mắt nhìn thấy một bức tranh khiến bà choáng váng.

- Bức Hopper? – George-Harrison thốt lên khiến tôi bất ngờ.

- *Thiếu nữ bên cửa sổ*, chính xác là thế! Hai người thử hình dung nỗi bối rối của Hanna khi phát hiện ra trong két sắt của người cộng tác bức tranh ưa thích của cha mình. Nếu Glover mua được nó một cách hợp pháp, tại sao ông lại giấu nó? Không thể chỉ là trùng hợp hoặc ngẫu nhiên khi mà bí mật duy nhất giữa họ lại liên quan đến tác phẩm đặc biệt đó. Bà lao lên đến tận văn phòng của ông và xộc vào như một người điên. Glover từng chứng kiến những khi Hanna nổi cơn thịnh nộ, nhưng chưa bao giờ thấy bà trong trạng thái đó. Chính ông cũng đang không hề vui vẻ, nên không thể hiểu nổi lý do, lại càng không thể chịu nổi khi Hanna ra lệnh cho ông phải giải thích ngay lập tức. Phạt ý vì bà nghi ngờ ông từng có sự gian lận, nhưng ông lại quá mệt mỏi nên không đủ sức xua đuổi bà. Vận hết sự điềm tĩnh vốn có của người Anh, đến lượt ông hỏi lại bà một câu. Làm sao bà có thể ngạc nhiên đến thế khi nhìn thấy bức tranh đó ở phòng tranh của ông, trong khi chính chồng bà đã gửi gắm nó cho ông? Chỉ cần thoáng nhìn vào

mắt nhau là Glover hiểu rằng câu trả lời cho câu ông vừa hỏi còn phức tạp hơn rất nhiều so với giả định ông đặt ra. Đột nhiên cảm thấy mình là người có lỗi một cách vô cớ, ông vội vàng giải thích. Mấy năm trước, Robert đã đến nhờ Glover một việc. Ông cần tiền để bắt đầu việc kinh doanh rượu mạnh. Glover coi như mình có nghĩa vụ phải giúp đỡ Robert, nhưng Robert nhất định gửi lại ông một món đồ có giá trị để làm vật thế chấp. Và đó không phải thứ gì khác, chính là bức *Thiếu nữ bên cửa sổ*. Khi Robert trả tiền lại cho ông, ông chủ phòng tranh đã muốn giao trả bức tranh, nhưng vì những lý do riêng, – và Glover nhân dịp này để nhắc đến nguyên tắc chủ chốt thứ ba trong nghề: sự kín đáo, – Robert đã đề nghị ông cất giúp bức Hopper trong két cho an toàn. Glover hỏi Robert có muốn bán bức tranh không, bởi vì có thể ông sẽ tìm ngay được một khách hàng, nếu không muốn nói là nhiều khách hàng, nhưng Robert đảm bảo với ông rằng dù người ta có trả giá nào, vợ ông và ông sẽ không bao giờ bán nó. Vợ tôi và tôi! Glover nhấn mạnh để Hanna nghe cho thật rõ, bởi chưa lúc nào ông nghi ngờ việc bà không biết chuyện. Hanna liền ra sức xin lỗi, nổi xúc động khi thấy lại bức tranh đã khiến bà mất hết lý trí. Họ dừng câu chuyện tại đó. Glover không đủ sức chịu đựng một bí mật khác, và ông thú nhận với Hanna căn bệnh mình đang mắc phải. Hanna có mua lại bộ sưu tập của ông cũng chẳng ích gì, ông đã chọn bà làm người thừa kế, khoản tiền bà sắp trả cho ông sẽ lại là của bà sau khi ông chết, mà cái chết thì đang tiến đến gần ông bằng những bước rất dài. Và liên quan đến tiền, ông đã có đủ để trang trải các nhu cầu cần thiết trong khi chờ đợi thời khắc cuối cùng. Tin này khiến Hanna xúc động đến nỗi bà quyết định xếp lại những câu hỏi mà sự xuất hiện trở lại của bức *Thiếu nữ bên cửa*

số vừa mới gọi lên. Bà quay trở lại thăm Glover nhiều lần trong những tháng tiếp theo, và không rời giường ông khi ông nhập viện. Sáu ngày sau ông qua đời tại đó. Hanna đứng ra lo việc tang lễ cho ông. Bà đã mất đi người cha thứ hai, và vô cùng đau đớn khi để tang ông. Bộ sưu tập của Glover được đưa về Mỹ, biển hiệu của phòng tranh ở New York được sơn lại, bởi vì đây là những ý nguyện cuối cùng mà Glover đã gửi cho Hanna trong một bức thư:

Chỉ có những tác phẩm nghệ thuật là quan trọng, bởi chúng vĩnh cửu, còn người sở hữu chúng là ai không quan trọng, một ngày nào đó tất cả bọn họ rồi sẽ ra đi. Chẳng phải đó là điều sỉ nhục ngọt ngào chúng dạy cho chúng ta sao? Sở dĩ tôi yêu quý và ngưỡng mộ cô đến thế, là vì tôi chưa bao giờ nhìn thấy ở cô chút kiêu ngạo nào khi sở hữu chúng. Cũng như tôi, cô chỉ có tình yêu và lòng kính trọng dành cho chúng, thế nên đã đến lúc thành tựu công việc cô đã hoàn tất phải được trao trả nguyên vẹn cho cô. Đừng cảm thấy nợ tôi bất cứ điều gì, cô chính là nguồn ánh sáng và niềm vui, đồng thời cũng mang cho tôi rất nhiều điều thú vị, bởi tính tình cô đã thường xuyên khiến tôi thích thú. Cả những điều tốt và những điều xấu, những trận cười điên dại cũng như những lần cô cáu điên. Suốt cuộc đời vốn đã dành rất nhiều ưu ái cho tôi, tôi đã gặp nhiều thương gia nghệ thuật, nhưng không có ai được như cô. Tôi muốn rằng từ giờ trở đi phòng tranh của chúng ta chỉ mang họ của cô, bởi vì lòng tự hào của tôi về học trò của mình còn lớn hơn niềm tự hào làm thầy của người đó. Hanna yêu quý của tôi, tôi chúc cô có một cuộc đời tươi đẹp mà cô xứng đáng được hưởng.

Người bạn tận tình của cô,

John Glover.

Tin tôi đi, chỉ có một người Anh mới có thể viết một bức thư vừa đúng mực vừa khiêm nhường đến thế. Và đừng có ấn tượng về trí nhớ của tôi, tôi là một sử gia, ghi nhớ văn bản là nghề của tôi. Nhưng giờ đã muộn rồi mà tôi vẫn chưa giải đáp hết những băn khoăn của cô. Sau khi Hanna đưa Glover về với đất và giải quyết xong công việc của ông, có lẽ hai người sẽ ngỡ rằng việc bức Hopper xuất hiện trở lại sẽ không phải là không gây ra hậu quả. Hanna không nghi ngờ gì về sự ngay thẳng của chồng mình, hẳn Robert đã có rất nhiều cơ hội để bán nó đi, và nếu ông chính thức cấm Glover tiêu thụ nó, thì đó chính là bằng chứng cho thấy ông chưa từng có ý định bán. Điều khiến Hanna bận lòng còn nghiêm trọng hơn nhiều. Bà nhớ lại buổi tối khi họ bỏ trốn, lời giải thích của Robert rằng ông cần quay lại lấy quần áo cũng như cái mà ông gọi là tấm bản đồ đánh dấu vị trí các kho vũ khí. Trong khi trên thực tế, thứ ông quay về lấy chính là bức Hopper, và bà cũng nhớ đến chiếc túi dết mà ông chưa từng rời tay trong suốt thời gian họ trốn đến Tây Ban Nha cũng như khi ở trên tàu. Điều đó khiến bà buộc phải hiểu rằng Sam đã tiết lộ nơi cất giấu và Robert đã nói dối bà ngay từ đầu. Và còn chưa hết. Khi ở nghĩa trang, khi Jorge cho bà biết mọi nghi ngờ đè nặng lên anh ta vì người ta nghi anh ta tố cáo quân kháng chiến với đám lính bảo an, bà đã hỏi anh ta về tình cảnh hiện giờ của Titon, người bạn đồng hành bất hạnh đi làm nhiệm vụ cùng Robert trên chiếc xe đạp đôi, bởi khi ấy, một nỗi nghi ngờ khủng khiếp đã xâm chiếm tâm trí bà. Hai người hãy nhớ lại thời điểm đầu tiên khi họ bỏ trốn, một chi tiết đã khiến bà băn khoăn lúc rời khỏi khu rừng. Làm sao mà Robert,

theo lời kể của chính ông, lại có thể siết cổ gã đàn ông chở ông tới nộp cho quân Đức rồi thoát khỏi chiếc xe ngay giữa một con đường lớn ở nông thôn và lại lấy lại được chiếc xe đạp đôi trứ danh kia?

- Tôi đã không nghĩ đến chuyện đó, – tôi thú nhận.

- Cả tôi cũng không, – George-Harrison nói.

- Bà ấy thì có, – Shylock nói tiếp. – Và câu trả lời cho câu hỏi đó đối với Hanna chính là nguồn gốc của tình trạng vô cùng khó xử, bởi vì rõ ràng cả ở điểm này, chồng bà cũng đã nói dối bà. Và sở dĩ ông nói dối, là vì chỉ có một lý do duy nhất. Việc ông trốn thoát không diễn ra giống như ông kể, đây là trong trường hợp ông thực sự đã trốn đi.

- Hanna không chất vấn Robert về sự bất hợp lý đó và đòi hỏi ông ấy giải thích chuyện gì đã thực sự xảy ra sao?

- Ngay lúc đó thì không, và bà ấy có những lý do riêng để làm thế. Nhưng cuộc đời bà ấy đã bị đảo lộn đến mức không thể quay về như trước được, và kể từ ngày hôm đó, Hanna không bao giờ còn là con người trước đây nữa.

- Rất cuộc, tại sao bà ấy lại không nói gì với ông ấy?

- Bởi vì những mối liên hệ gắn kết chúng ta đôi khi khiến chúng ta thà không nói, hoặc nói dối, còn hơn phải nói ra một sự thật. Khi túc trực bên giường bệnh của Glover, Hanna nhiều lần bị nôn ói. Bà cho rằng nỗi đau buồn chính là thủ phạm, nhưng chẳng mấy chốc bà hiểu ra, cuối cùng, tạo hóa cũng tặng bà mơ ước duy nhất mà bà chưa thực hiện được cho đến thời điểm đó.

- Hanna đã có mẹ tôi rồi, ông vừa nói với chúng tôi đó thôi.

- Không, tôi kể với hai người là mẹ cô đã bước vào nhà họ, Sally-Anne là con nuôi. Hanna tin chắc bà ấy bị vô sinh. Thế nhưng bà ấy lại đang mang thai. Than ôi, hạnh phúc và bất hạnh kết hợp với nhau, bởi vì đứa con trai bà ấy đang mang trong bụng lại có cha là người đàn ông đã gây ra cái chết của cha bà ấy. Hanna không hề ảo tưởng về chuyện này, Robert đã tiết lộ vị trí chòi sẵn để đổi lấy tự do, Sam và mấy người kháng chiến kia đã phải trả giá. Hai người thử hình dung tình cảnh éo le khó xử mà bà ấy phải đối mặt lúc đó. Tuy nhiên, Hanna không quên những nguyên tắc mà Glover dạy bà: thị trường nghệ thuật là nơi ai cũng biết mọi chuyện, và ở đó kín đáo là điều cốt yếu. Nếu sự thật vỡ lở, không chỉ hôn nhân của bà tan vỡ, mà danh tiếng của họ cũng bị vấy bẩn mãi mãi. Vĩnh biệt phòng tranh đang ăn nên làm ra... Ai còn muốn giao dịch với bà sau một vụ bê bối như thế? Hanna cất bức Hopper vào hộp đựng tranh rồi niêm phong bằng dấu xi trước khi đặt vào két sắt của chồng. Bà giải thích với ông rằng cái hộp đó chứa một tác phẩm mà bà đặc biệt gắn bó, và bắt ông phải hứa trên mạng sống các con là sẽ không bao giờ mở nó ra. Đó là một sự trả thù tàn nhẫn và tinh vi. Mỗi lần mở két, Robert sẽ nhìn thấy hộp đựng tranh, và hẳn sẽ tự hỏi liệu có phải Hanna đã phát hiện ra bằng chứng tội lỗi của ông hay không. Mặc dù có vẻ như không thể trụ vững được nữa, nhưng hiện trạng đó vẫn tiếp tục kéo dài thêm mười một năm, trong thời gian ấy Hanna không bao giờ còn là người vợ đồng thuận mà Robert từng biết. Bà dành toàn bộ tình yêu của mình cho con trai. Robert chỉ còn cô con gái để yêu chiều, và Sally-Anne, người không hòa thuận với mẹ, đáp lại ông bằng tình yêu vô tư nhất. Cho đến cái ngày...

- Ngày Sally-Anne tròn mười hai tuổi?

- Quả đúng thế, bà ấy sắp tròn mười hai tuổi thì bắt gặp một trận cãi cọ gay gắt trong phòng làm việc của cha mình. Hanna đã biết được rằng chồng mình đang tăng tịu với một người khác. Đó là tình nhân đầu tiên của ông ấy, nhưng không phải là người cuối cùng. Thật tình mà nói, Robert là người đẹp trai, còn Hanna, do không thể tha thứ cho chồng, đã bỏ mặc ông ấy từ nhiều năm. Ông ấy cần yêu và cảm thấy được yêu, cũng chỉ là bản chất con người mà thôi. Những lời trách móc tuôn ra từ cả hai bên, vụ cãi cọ ngày càng trở nên kịch liệt. Cuối cùng, Hanna tiết lộ với chồng rằng cô gái trẻ ngồi bên cửa sổ, người mà ông đã bắt cóc trong một chòi săn ở Pháp, mười một năm nay đang bị giam giữ trong két sắt của ông, đúng là một lời ẩn dụ tinh tế, trước khi bà kể chi tiết toàn bộ sự thật mà bà biết. Tối đó, Sally-Anne nghe thấy chuyện cha ngoại tình, và rằng ông không phải người hùng như bà hằng tưởng tượng, mà là một người, để cứu mạng mình, đã phạm sai lầm không thể sửa chữa. Phản ứng của bà đúng như phản ứng của một cô gái trẻ vốn không cần đến một vụ bê bối tầm cỡ đó đã bùng cháy ngọn lửa của tuổi vị thành niên. Đó là sự bùng nổ của nỗi căm thù. Đối với người mẹ đã giữ kín điều dối trá đó bằng cách cư xử còn tồi tệ hơn, đối với người cha đột ngột trở thành một kẻ khốn kiếp, nhưng còn cả với đứa em trai, con cưng của cả gia đình, trong khi bà chỉ là con nuôi. Hanna sợ rằng con gái mình, do khao khát trả thù, sẽ đi truyền bá cho bất kỳ ai muốn nghe toàn bộ chuyện đó, và sẽ để lộ bí mật đè nặng lên những người thân trong gia đình. Để ngăn cản Sally-Anne làm việc đó, bà gửi con gái đến học tại một trường nội trú ở Anh. Sally-Anne ở đó đến tận tuổi trưởng thành.

Ông giáo sư uống một hơi cạn ly rượu và khẽ khàng đặt nó lên khăn trải bàn.

- Thế đấy, tôi nghĩ mình đã tôn vinh bữa ăn này rồi. Tôi nhường việc thanh toán hóa đơn cho hai người. Chúng ta sẽ lặp lại chuyện này khi nào hai người muốn, bởi vì tôi đã nhìn thấy trên thực đơn món lườn cá sói om nấm củ mà tôi sẵn lòng nếm thử. Hồi tưởng câu chuyện này đã khiến tôi lại thêm lần nữa nảy sinh ham muốn hoàn tất cuốn sách. Tôi hy vọng cô giữ lời và đưa ra ý kiến chấp thuận vào thời điểm xuất bản cuốn sách. Tôi rất vui được gặp cô gái cuối cùng của dòng họ Stanfield.

Ông giáo sư đứng dậy, bắt tay chúng tôi rồi bước đi.

* * *

Khi trở về phòng khách sạn, nằm dài trên giường, tôi nghiền ngẫm lại tất cả những gì ông giáo sư đã tiết lộ với chúng tôi trong bữa tối.

Thật lạ lùng, tôi cảm thấy gần gũi với mẹ hơn bất cứ lúc nào khi mẹ còn sống. Từ giờ trở đi, tôi đã hiểu những gì bà phải trải qua trong suốt thời gian đi đày cuỡng bức đó. Cảm giác bị bỏ rơi hai lần, lần đầu là bởi ba mẹ ruột, lần sau là bởi ba mẹ nuôi, về điểm này, bà gần như đã nói sự thật với chúng tôi, nhưng trong đêm đó, khi thật sự khó ngủ, cuối cùng tôi cũng hiểu ra những lý do khiến bà giữ im lặng, và cả nguyên nhân im lặng của ba tôi, tất cả những gì họ muốn giữ gìn cho chúng tôi. Nhưng đồng thời tôi cũng tiếc nuối vì bà đã không tâm sự gì với chúng tôi. Tôi những muốn có thể dành cho bà nhiều tình yêu hơn nữa, bởi mẹ tôi đã quá thiếu thốn điều đó. Tôi có nên chia sẻ quá khứ của mẹ với Maggie và Michel không, và liệu tôi có thể làm thế mà không

phản bội bà không?

Những câu hỏi khác nữa khiến tôi không thể nào ngủ được. Liệu có phải giáo sư Shylock đã sắp xếp mọi chuyện để đạt được sự bảo lãnh về mặt đạo đức mà ông đang cần? Ông có biết tôi là ai trước khi chúng tôi gặp nhau không? Bởi vì nếu không phải là ông, thì kẻ viết thư nặc danh kia là ai, và mục đích của hắn là gì?

Ngày mai, tôi còn một lời hứa khác cần phải thực hiện: giúp George-Harrison tìm lại dấu vết người cha.

35

Eleanor-Rigby

Tháng Mười năm 2016, Baltimore

Đó là một buổi sáng lạnh lẽo, mờ mịt đến nỗi cả thành phố đều xám xịt. Tôi ghét những ngày cuối thu như thế này, khi những cơn gió hun hút như già hẳn đi. Những vũng nước mưa bắn tung tóe lên cả vỉa hè. George-Harrison chờ tôi đằng trước chiếc xe bán tải, anh mặc một chiếc áo bò cũ, khoác áo da và đội mũ lưỡi trai, trông anh có dáng dấp của một vận động viên bóng chày chớm bước vào tuổi già. Và nhất là trông anh có vẻ khó chịu. Anh nhìn tôi chằm chằm hồi lâu, thở dài rồi leo lên xe ngồi sau vô lăng.

Tôi ngồi vào cạnh anh và không chờ anh khởi động xe mà hỏi luôn chúng tôi sẽ đi đâu.

- Cô đi đâu tùy cô, còn tôi, tôi quay về nhà. Tiền đâu có mọc trên cây như lá, mà nhắc đến cây mới nhớ, tôi còn có công việc đang chờ.

- Bây giờ anh lại muốn từ bỏ, khi mà chúng ta đã sắp đến đích?

- Đích nào, và từ bỏ điều gì? Tôi đã rời xưởng mộc với hy vọng sẽ biết được cha tôi là ai, thế mà từ khi ở đây, từ khi chúng ta gặp

nhau, tôi chỉ nghe nói đến những nỗi cay đắng của mẹ cô và những chuyện thuộc về gia đình cô. Chuyện rất hấp dẫn, nhất là với cô, nhưng tôi không có điều kiện cũng không mong muốn ở lại thành phố này, nơi rõ ràng tôi chẳng có việc gì để làm và cũng chẳng có gì để tìm hiểu thêm nữa.

- Anh không thể nghĩ thế được. Đúng thế, chúng ta đã tiến triển về phía tôi nhiều hơn về phía anh, nhưng tôi thể với anh là hôm qua tôi đã ngủ thiếp đi trong lúc nghĩ rằng phải sửa chữa thiếu sót ấy và hướng công cuộc tìm kiếm của chúng ta sang phía đó.

- Và chính xác thì cô muốn hướng việc tìm kiếm sang phía nào? – Anh bức bối hỏi tôi.

Và vì không có bất kỳ ý tưởng nào, lại không biết nói dối, tôi đành đáp ứng một cách thảm hại.

- Chúng ta đã thống nhất với nhau rồi, – George-Harrison nói tiếp để tránh cho tôi phải sa lầy lâu hơn nữa. – Cô không biết gì về chuyện đó cả và tôi cũng không. Thế nên chúng ta hãy dừng ở đây thôi. Tôi thật sự rất vui vì đã được gặp cô. Đừng nghĩ rằng tôi hoàn toàn ngu ngốc hoặc là kẻ đố kỵ, tôi không quên những gì đã xảy ra trên chiếc xe này, cho dù rất ngắn ngủi, và tôi cũng không nói là mình không thích hôn cô, đúng ra tôi muốn nói là chủ động hôn cô, nhưng cô sống ở Luân Đôn còn tôi lại sống trong một ngôi làng nhỏ cách thủ đô rộng lớn và xinh đẹp của cô đến vài nghìn kilomet. Thế nên, hãy nói cho tôi biết thêm một nụ hôn nữa thì có thể dẫn đến đâu? Không, cô đừng nói, bởi vì cô cũng không biết gì về chuyện đó cả. Tôi sẽ quay trở về với cuộc sống và công việc của tôi. Về phần cha mình, tôi đã từ bỏ hy vọng

từ lâu rồi. Thế nên cứ để quý tha ma bắt bức thư nặc danh kia đi, và mặc kệ cả cái người đã viết bức thư đó cho tôi nữa. Và nói thật với cô, tôi cũng không còn quan tâm kẻ đó là ai, như thế là quá coi trọng hẳn. Và dù hẳn chính là vị giáo sư kia, cái ông già ăn nhiều như lợn bất chấp có học thức vô cùng uyên bác, nếu ông ta có làm toàn bộ chuyện này để viết cuốn sách của mình, thì cũng để mặc quý tha ma bắt ông ta. Và nếu tôi có thể cho cô một lời khuyên trước khi chúng ta chia tay nhau, thì hãy viết bài báo của cô rồi về nhà đi. Đó chính là điều tốt nhất mà cả hai chúng ta nên làm đấy.

Trong chốc lát tôi đã vô cùng hoảng sợ, nỗi hoảng sợ đột nhiên giáng xuống đầu chúng ta, khiến bụng chúng ta quặn lên và có cảm giác như chúng ta sẽ tiêu tan. Cùng lúc đó, tôi phát hiện ra rằng rốt cuộc tôi cũng có thể nói dối. Bởi vì tôi đã tỏ vẻ hoàn toàn đồng ý với anh, như thể bước xuống khỏi chiếc xe đó chẳng khiến tôi mất mát gì, như thể không gặp anh nữa cũng chẳng có gì quan trọng đối với tôi. Tôi đã gạt đầu, khẽ bĩu môi cho hợp với hoàn cảnh, không nói lời nào vì dù sao tôi cũng sẽ không thúc đẩy lũ quý dối trá trong tôi để xem mình có thể diễn kịch được đến đâu, và tôi bước xuống khỏi chiếc xe bán tải khốn kiếp của anh, đầy tự phụ và quyết tâm. Tự phụ đến nỗi thậm chí tôi còn không sập cánh cửa. Edina và Patsy có lẽ sẽ hoan hô tôi, hoặc họ sẽ chế giễu tôi và tính tự ái không đúng lúc.

Chiếc xe bán tải rời đi, và khi nhìn thấy nó rẽ ngoặt ở một ngã tư, tôi giàn giụa nước mắt. Không phải bởi vì gã ngốc đó đã bỏ rơi tôi như vứt bỏ một chiếc tất cũ, mà bởi vì đột nhiên tôi cảm thấy mình cô độc hơn bao giờ hết trong suốt những chuyến đi từ trước

đến nay. Nỗi cô đơn ngập tràn đến nỗi tôi quên mất rằng mình có một người cha tuyệt vời, một cô em gái và một người anh trai cũng tuyệt vời không kém, thậm chí tôi còn bắt đầu thấy nhớ Véra khi đứng giữa cái thành phố đáng ghét chỉ giỏi khiến người ta đau khổ này.

Tôi quay trở về khách sạn, nếu không thì còn biết đi đâu? Tôi nghe thấy hai tiếng còi xe sau lưng. Khi quay nhìn lại thì George-Harrison, vẫn với bộ dạng khó chịu như trước, nghiêng người để mở cửa kính xe.

- Cô đi lấy hành lý đi, tôi chờ.

- Làm ơn! Cô đi lấy hành lý đi, *làm ơn!* – Tôi sửa lại.

- Cô nhanh lên, *làm ơn!*

Tôi vội vàng đến mức nhồi nhét tất cả đồ đạc vào chiếc túi du lịch, nào áo thun, nào quần, nào đồ lót, nào đôi giày thay thế, nào chiếc MacBook và bộ sạc, nào túi đựng đồ vệ sinh cá nhân với những thứ tối cần thiết mà tôi thường mang theo mỗi khi đi xa. Tôi thanh toán tiền phòng thật nhanh. George-Harrison chờ tôi trước cửa khách sạn, anh vớ lấy chiếc túi của tôi rồi để ra sau xe.

- Chúng ta đi đâu? – Tôi hỏi.

- Đến nơi mọi thứ bắt đầu đối với tôi, nơi lẽ ra tôi phải thể hiện sự kiên trì bền bỉ hơn.

- Nghĩa là sao?

- Nhà dưỡng lão nơi mẹ tôi đang ở. Thỉnh thoảng bà vẫn có những lúc minh mẫn. Những khoảng thời gian hiếm hoi và ngắn ngủi, nhưng tôi không biết tại sao may mắn lại chỉ mỉm cười với

cô. Cô không buộc phải đi cùng tôi, tôi sẽ rất thông cảm, nhất là sau những gì tôi vừa nói với cô lúc trước.

- Nếu anh diễn toàn bộ màn kịch này để giới thiệu tôi với mẹ anh, – tôi thở dài, – thì lẽ ra anh không cần vất vả đến thế, chỉ cần đề nghị tôi là đủ. Tôi sẽ rất vui khi cuối cùng cũng được gặp người phụ nữ mà mẹ tôi từng yêu!

George-Harrison nhìn chăm chăm vào mặt tôi, hẳn là đang tự hỏi liệu có phải tôi công khai coi thường anh không, và tôi đưa mắt nhìn anh để đáp lại rằng gần như thế đấy.

- Cô ngồi cho thoải mái vào đi, – anh lầm bầm, – bởi vì chúng ta sắp đi một chặng đường mười tiếng đồng hồ đấy. Đúng ra là hãy cố ngồi sao cho thoải mái nhất, chiếc xe này không được tiện nghi lắm đâu.

* * *

Chúng tôi đi qua Maryland, New Jersey, và trong lúc vòng qua New York, khi nhìn thấy những tòa nhà chọc trời của Manhattan nổi bật đằng xa, tôi không thể ngăn mình nghĩ đến một căn hộ ở khu Đông Thượng Manhattan, căn hộ có những cửa sổ nhìn ra Công viên Trung tâm, nghĩ đến ông bà ngoại mà tôi chưa từng, cũng không bao giờ được gặp mặt.

Tiếp theo sự náo nhiệt quay cuồng của thành phố là những cánh rừng của bang Connecticut. Những cây sồi trắng đã trổ trụi lá, nhưng khung cảnh không vì thế mà kém phần lộng lẫy. George-Harrison rẽ ngang khi đến đoạn Westport. Chúng tôi ăn trưa ở một nhà hàng nhỏ nằm bên bờ sông Saugatuck. Đại dương lấn vào tận đó và dâng nước đầy lòng sông mỗi đợt thủy triều.

Những con ngỗng trời nghỉ ngơi trên bờ sông, chúng bay lên khi chúng tôi kết thúc bữa trưa. Cả đàn tạo thành một chữ V lớn trên bầu trời, hướng mũi về phía Nam.

- Chúng tôi từ quê tôi đến đây đây, – George-Harrison nói. – Đó là ngỗng Canada. Khi tôi còn nhỏ, mẹ tôi khiến tôi tin rằng khi ra đi, chúng dùng lông mình vẽ thành những tấm rèm tuyết, bởi vì chúng có thể lấy được màu xanh từ những dòng nước nóng ở bán cầu Nam, chúng uống hàng lít nước rồi trở về để vẽ màu cho mùa xuân. Đó không hẳn là một lời nói dối, hằng năm sự ra đi của chúng báo hiệu mùa đông đến, và khi chúng trở lại, đó là tín hiệu của mùa xuân tươi đẹp.

Tôi nhìn đàn ngỗng nhỏ dần, trở thành những cái chấm tí xíu, cho đến khi biến mất hoàn toàn. Tôi những muốn được bay đi cùng chúng, được đặt chân lên vùng cát nóng của một bãi biển phương Nam và không nghĩ đến bất cứ điều gì nữa.

Trong lần dừng chân tại một trạm xăng tự phục vụ ở Massachusetts, sau khi đổ đầy bình, George-Harrison đề nghị tôi cầm lái.

- Cô có biết lái xe không?

- Có, nhưng ở nước tôi, chúng tôi lái xe bên trái.

- Trên đường cao tốc thì chuyện đó chẳng vấn đề gì đâu. Tôi phải nghỉ ngơi một chút, sẽ cẩn trọng hơn nếu thỉnh thoảng chúng ta lái thay cho nhau. Đường vẫn còn dài, chúng ta mới đi được một nửa.

Và anh ngủ thiếp đi trong khi chúng tôi vượt qua ranh giới Vermont.

Vừa nhìn đường, thỉnh thoảng tôi lại ngắm anh ngủ. Anh có vẻ bình yên biết bao. Tôi tự hỏi anh làm thế nào để có thể thư thái đến thế. Sự thư thái là một phẩm chất tôi thường xuyên thiếu hụt, tôi luôn cần phải vận động, và tôi đã kề cận với sự im lặng đến mức nói chỉ để nói trong khi chẳng có nội dung gì. Tuy nhiên, khi đi cùng anh thì tôi không còn như thế nữa, cứ như thể sự thư thái ở anh đã nhuộm sang tôi, như thể anh đã tác động tốt đến tôi dù không làm gì tôi; như thể anh đã cho tôi sở thích thuần hóa sự im lặng.

Chúng tôi đi qua thành phố Glover và hình như điều đó khiến tim tôi nhói lên. Một ông chủ phòng tranh người Anh, vì đức khiêm nhường, đã muốn rằng họ của ông bị xóa bỏ cùng với ông, có lẽ ông sẽ có vẻ mặt rất buồn cười khi đi qua đây.

Tôi rất thích ngồi sau vô lăng của chiếc xe bán tải này, việc lái xe hơi vất vả, nhưng tiếng ro ro mạnh mẽ của động cơ mang lại cho tôi cảm giác mình đang thực sự lái xe. Và trái ngược với chiếc Austin của ba tôi, chiếc xe khiến ta như thể ngồi sát xuống mặt đường, ở đây, tôi có cảm giác mình ngồi trên cao. Tôi nhìn mình trong gương chiếu hậu và tự cười với mình một cách ngớ ngẩn, và lần đầu tiên, tôi không thấy mình đến nỗi quá xấu. Có thể cuộc sống của tôi ở vùng Viễn Bắc cũng không đến nỗi tệ. Hồ nước, rừng cây, không gian khoáng đạt, những loài động vật, theo cách nào đó thì đây là một cuộc sống lành mạnh. Đúng, tôi biết, tôi đã xem ti vi quá nhiều, hẳn Maggie sẽ nói với tôi như vậy.

Những thời khắc cuối cùng của một ngày héo hắt trên bầu trời không ngừng biến đổi. Chẳng mấy chốc nữa trời sẽ tối, chúng tôi càng tiến về phía Bắc, những ngọn cây càng thẫm lại dần. Tôi hé

mở cửa kính và hít hà bầu không khí trong lành đến mê người. Tôi tìm cách bật đèn. George-Harrison xoay một cái núm trên bảng điều khiển.

- Không quá mệt chứ? – Anh vừa hỏi vừa mở mắt ra.

- Không, tôi có thể lái tiếp suốt đêm, tôi thích việc này.

- May là chúng ta không phải lái xe lâu nữa. Biên giới không còn xa lắm, chúng ta sẽ vượt qua biên giới ở đoạn Stanstead. Vào giờ này, hẳn là sẽ không phải chờ ở trạm kiểm soát, và sau đó chúng ta còn phải đi thêm bốn mươi kilomet nữa.

Nhân viên hải quan kiểm tra giấy tờ, chúng tôi chẳng có gì để khai báo và chiếc túi của tôi đằng sau xe cũng chẳng khiến họ quan tâm hơn chiếc va li nhỏ của George-Harrison. Hai lần cộp đầu rồi chui qua một thanh chắn, thế là chúng tôi đã ở Québec.

George-Harrison chỉ cho tôi con đường tôi cần rẽ vào.

- Chúng ta hãy ghé qua xưởng, – anh vừa nói vừa nhìn vào đồng hồ trên bảng điều khiển.

- Chiếc xe này có vấn đề gì sao? – Tôi hỏi.

- Không, – anh bật cười. – Ở chỗ chúng tôi, xưởng là cách gọi một cửa hàng thực phẩm mở cửa muộn về đêm. Ở nhà chẳng có gì ăn cả.

- Tôi tưởng chúng ta đến chỗ mẹ anh?

- Ngày mai chúng ta sẽ đến đó, chúng ta đã đi vòng một chút. Không nên đến thăm mẹ tôi vào giờ muộn màng như thế này, và tôi đã chán khách sạn rồi, nhà tôi như Quảng trường thế giới ấy.

- Hình như tôi từng nghe anh nói phòng anh nhỏ xíu.

- Còn xưởng của tôi thì lại quá rộng... Tôi biết lắng nghe những lời người ta trách móc tôi. Từ khi Mélanie bỏ đi, tôi đã tiến hành quy hoạch lại đôi chút. Cô đừng sợ, mặc dù tôi là một con gấu, nhưng cũng không đưa cô vào một căn hầm trong rừng sâu đâu.

- Tôi đâu có sợ, – tôi phản đối.

- Dù sao cũng có sợ tí chút, – George-Harrison vui vẻ nói thêm.

Chúng tôi dừng lại ở xưởng bán đồ ăn. Một căn nhà nhỏ tối tăm bằng xi măng được chiếu sáng bởi một ngọn đèn bên vệ đường. Hẳn đây không phải lần đầu tiên George-Harrison đến xưởng, bởi vì ông chủ đón tiếp anh bằng một cái bắt tay rất chặt và giúp chúng tôi chất thùng đồ ăn lên xe. Tôi đói cồn cào và không tiếc tay nhặt những thứ muốn mua. Trong lúc tôi đi dạo giữa các kệ hàng, ông chủ không ngừng nhìn tôi, với một nụ cười kín đáo trên khóe môi cho thấy hết ông đang nghĩ gì.

Trời đã tối đen khi chúng tôi rời khỏi đường lớn để rẽ vào một con đường nhỏ bằng đất nện. Tôi không biết liệu mình có qua đêm trong một căn hầm hay không, nhưng dù thế nào, chúng tôi cũng đang đi vào rừng.

Đi hết con đường, chúng tôi đến một khoảng rừng trống. Ánh trăng chiếu sáng xưởng mộc của George-Harrison, nó rất khác so với những gì tôi tưởng tượng. Phải thừa nhận rằng bạn gái cũ của anh nói đúng, trên thực tế nó không phải là “quá lớn”, mà là rộng mênh mông. Một nhà kho khổng lồ, được trổ những cửa sổ rộng có viền khung bằng kim loại, bên trên là cái mái cao dốc xuống thoải thoải. George-Harrison lấy điều khiển từ xa trong hộp đựng

đồ, ấn vào một cái nút. Tòa nhà bỗng bừng sáng và một cánh cửa ga ra được kéo lên.

- Khá hiện đại, đúng không? – Anh vừa nói vừa bảo tôi đỗ chiếc xe bán tải vào bên trong.

Tôi nghĩ mình đã đi đến tận cùng của sự ngạc nhiên, nhưng còn lâu mới là như thế; bên trong nhà kho đó, ngôi nhà của George-Harrison được dựng lên. Một căn nhà gỗ khá xinh xắn được đặt trên những cột chống có mặt tiền bằng gỗ sơn màu xanh da trời. Bao quanh căn nhà là một hàng hiên, ở đó, phía sau lan can, tôi nhìn thấy thấp thoáng một cái bàn và hai cái ghế.

- Trước kia phòng ngủ của tôi ở trên gác lửng, – anh nói. – Sau khi cô ấy đi, tôi đã tháo bỏ gác lửng và dựng căn nhà này.

- Khi nói “quy hoạch lại đôi chút”, đúng là anh không hề có ý phóng đại.

- Đúng, tôi đã hơi quá đà, nhưng mỗi mùa hè trôi qua, khi không thấy cô ấy quay lại, tôi lại không ngừng mở rộng nó.

- Để trả thù cô ấy chăng?

- Đại loại như thế. Điều đó thật ngu ngốc, bởi vì cô ấy sẽ không bao giờ nhìn thấy nó.

- Nếu anh xây nó ở bên ngoài, có lẽ sẽ có nhiều cơ hội để cô ấy nhìn thấy nó hơn. Lẽ ra anh nên gửi cho cô ấy một bức ảnh, hay đúng ra nếu tôi là anh, tôi sẽ không bỏ qua việc đó.

- Cô nói nghiêm túc đấy chứ?

- Thậm chí tôi còn có thể chụp ảnh tự sướng trước thềm nhà nữa kia, nếu anh muốn.

George-Harrison phá lên cười.

- Dù sao như thế cũng thật kỳ quặc.

- Chuyện gì kỳ quặc chứ?

- Thông thường, người ta xây nhà ở bên ngoài, chứ không phải bên trong một nhà kho.

- Ít ra, vào mùa đông khi ra khỏi nhà, tôi sẽ không phải giữ tuyết.

- Và khi dắt chó đi dạo thì anh làm thế nào?

- Tôi không có chó.

- OK, nhưng dù sao anh cũng thật điên rồ.

- Cô có thích không?

- Thích anh bị điên ấy à?

- Thích ngôi nhà ấy!

- Cả hai chuyện đều không làm tôi khó chịu!

Anh cầm chiếc túi du lịch của tôi rồi đi vào căn nhà gỗ. Sau đó anh quay lại dọn bàn và bày đồ ăn tối của chúng tôi ngoài hiên. Không thể nhìn thấy sao, nhưng ít ra, trời cũng ấm áp. Xưởng mộc thơm nồng mùi gỗ và tôi có cảm giác không biết mình đang ở đâu, nhưng cũng thật dễ chịu.

Chặng đường vừa qua khiến chúng tôi mệt nhoài, và chúng tôi nhanh chóng đi ngủ. George-Harrison xếp chỗ cho tôi trong phòng dành cho khách. Căn phòng được trang trí nhã nhặn, nhưng xinh xắn, còn đẹp hơn rất nhiều phòng ngủ của tôi trong căn hộ một phòng ở Luân Đôn. Mélanie hẳn là một cô nàng vô

cùng ngu ngốc, bởi vì một người đàn ông tinh tế nhường này không thể là một con gấu.

* * *

Ngày hôm sau, khi chúng tôi lại tiếp tục lên đường, tôi ngồi vào sau vô lăng, không để cho George-Harrison được lựa chọn. Tôi nhắc để anh nhớ rằng khi ở Baltimore, anh luôn là người lái xe, và anh cũng nhắc tôi chúng tôi đang ngồi trên chiếc xe bán tải của anh, nhưng tôi tin những trò trẻ con của tôi khiến anh thích thú.

Hai giờ sau, anh chỉ cho tôi một hàng rào bằng sắt và chúng tôi đi vào một con đường rải sỏi dẫn đến một tòa nhà duyên dáng nằm trên một ngọn đồi. Công viên xung quanh vắng vẻ, trời quá lạnh nên không có người nào trong nhà dưỡng lão mạo hiểm ra đó dạo chơi.

- Còn lâu mới bằng được công viên Hyde Park, đúng không? – Anh hỏi.

- Anh đã đến Luân Đôn rồi sao?

- Không, tôi chỉ biết đến nó qua các bộ phim, nhưng khi chúng ta ở Baltimore, tôi đã xem vài bức ảnh trên Internet.

- Thế sao? Mà để làm gì vậy?

- Vì tò mò thôi.

Tôi đỗ xe bên dưới mái vòm bằng sắt lợp kính rồi chúng tôi bước vào tòa nhà.

* * *

Tôi nhận ra người phụ nữ ngồi trong phòng đọc sách, bà đang

quan sát bà già bên cạnh chơi bài với vẻ khó chịu, như thể bà đã chờ bà ta đề nghị bà cùng chơi từ lâu lắm rồi. Làn da bà mang dấu vết của thời gian, nhưng ánh mắt lạnh lợi vẫn giống hệt như ánh mắt trong bức ảnh ở nhà hàng Sailor's Café. Gặp May khiến tôi xúc động hơn cả những gì tôi đã hình dung trước đó. Bà từng yêu mẹ tôi và mẹ tôi từng yêu bà. Bà biết bao nhiêu điều mà tôi không biết về mẹ mình. Một người già chết đi là một thư viện bị cháy rụi, một thi sĩ người châu Phi đã nói thế, tôi những muốn khám phá tất cả những cuốn sách đang ẩn chứa trong bà, cho dù bà đã quên lãng chúng.

- Con đến đây cùng bạn gái! Mẹ rất vui khi thấy hai con giảng hòa với nhau, – bà vừa kêu lên vừa đứng dậy. – Mẹ biết rõ là vụ cãi cọ của các con sẽ không kéo dài. Hơn nữa, mẹ cũng không nhớ tại sao hai đứa lại giận nhau, chắc là chẳng có gì nghiêm trọng lắm đâu nhỉ.

George-Harrison khiến tôi có cảm giác anh sắp tan chảy và tôi chờ một chút trước khi giúp đỡ anh. Nhưng tôi vừa đưa tay ra, mẹ anh đã choàng tay ôm lấy tôi và áp má bà vào má tôi.

- Trước khi cháu hôn bác, hãy nói với bác rằng nếu con trai bác có khiến cháu không thể chịu nổi thì cũng không phải là lỗi của bác.

Vòng ôm của bà siết chặt còn làn da bà thật mềm mại. Người bà tỏa mùi long diên hương và ngay lập tức tôi nhận ra thứ hương thơm phương Đông tinh tế mà mẹ vẫn xúc vào ngày Chủ nhật.

- Đây là nước hoa *Jicky*, đúng không bác? – Tôi hỏi bà.

Bà nhìn sâu vào trong mắt tôi và quan sát tôi đầy ngạc nhiên.

- Bởi vì cháu đã biết rồi, tại sao lại còn hỏi bác?

Bà quay đi, thôi không nhìn tôi mà chỉ còn để mắt đến anh con trai. Tôi quyết định để hai người được riêng tư và thông báo là tôi sẽ đi dạo một vòng trong công viên.

- Nếu cháu ra ngoài để lén hút thuốc, thì đừng để bị bắt gặp nhé, những gã khốn đó sẽ tịch thu thuốc của cháu đấy. Không phải vì sức khỏe của cháu đâu, vợ vẫn hết, mà là để hút thay cháu. Thế ở trường mọi việc ra sao rồi? – Bà hỏi con trai. – Con đã làm hết bài tập chưa?

Tôi bước ra ngoài đi dạo, nhưng trời lạnh đến không thể chịu nổi, và tôi không hút thuốc. Một lát sau tôi đành quay vào ngồi xuống bên một chiếc bàn, gần một người đàn ông đang đọc sách. Có vẻ ông rất thích thú với cuốn sách, bởi ông thường xuyên cười to trong khi đọc những dòng đó. Và rồi tôi nhận ra là ông không hề lật trang; việc đó khiến tôi thấy lạnh sống lưng, còn lạnh hơn cả khi đi dạo trong công viên. Từ xa, tôi quan sát May và George-Harrison. Có vẻ như hai người họ đang trò chuyện sôi nổi. Một câu chuyện có lẽ chẳng có ý nghĩa gì. Thật ra, không phải tôi đang quan sát, mà là đang ngắm anh. Trong cử chỉ của người con trai đó ẩn chứa biết bao tình yêu và lòng kiên nhẫn, anh lắng nghe chăm chú đến nỗi tôi những muốn mất trí để được yêu như vậy.

Người đàn ông đang đọc sách bên cạnh tôi vừa phá lên cười, rồi đột nhiên, tiếng cười của ông biến thành một cơn ho dữ dội. Mặt ông đỏ lựng như một quả cà chua chín, ông đứng bật dậy, thở ran một tiếng dài rồi ngã vật xuống.

Viên y tá đang ở trong phòng vội lao đến bên ông, nhưng dường như sự việc vượt quá sức anh ta. Các thành viên khác của nhà dưỡng lão nhìn cảnh tượng như thể việc xảy ra một điều gì đó khiến họ thoát khỏi bối cảnh thường ngày còn quan trọng hơn việc một người trong số họ đang ngạt thở. George-Harrison đã đẩy viên y tá ra và cúi xuống ông già tội nghiệp đang co giật. Anh thò hai ngón tay vào miệng ông và lật lưỡi ông lên. Ông già bắt đầu hít thở trở lại gần như bình thường, hai má ông đã chuyển từ màu đỏ sang màu hồng, nhưng mắt vẫn nhắm nghiền và ông không trả lời khi George-Harrison gọi:

- Bác Gauthier, bác có nghe thấy cháu gọi không? Hãy nắm lấy tay cháu nếu bác nghe thấy cháu nói.

Bàn tay ông Gauthier liền nắm lấy bàn tay George-Harrison.

- Để tôi gọi xe cấp cứu, – viên y tá nói.

- Không kịp đâu, họ sẽ mất cả nửa giờ mới đến được đây, và mất thêm chừng ấy thời gian để trở lại bệnh viện. Tôi sẽ đưa bác ấy đi. Anh hãy lấy chăn, chúng ta sẽ đưa bác ấy lên chiếc xe bán tải của tôi.

Một phụ nữ trẻ đang phục vụ bánh bích quy cho mọi người vào lúc ông Gauthier lên cơn khó ở đề nghị giúp đỡ. Cô có một chiếc xe con có khoang chở hàng, mọi người có thể đặt ông nằm vào xe và chuyển đi mà ông vẫn được giữ ấm. Hai nhân viên khác cũng đến trợ giúp họ một tay. Khi ông Gauthier đã nằm dài ở băng ghế sau xe, George-Harrison tuyên bố anh sẽ đi cùng ông. Tôi cũng muốn đi cùng họ, ở bên ông Gauthier, tôi cảm thấy mình có trách nhiệm bởi vì ông đã lên cơn trước mắt tôi, nhưng chỉ có hai chỗ ngồi trên chiếc xe chết tiệt đó, thế nên George-Harrison yêu cầu

tôi chờ anh.

Vừa xoa vai cho ấm người dưới mái vòm sắt, tôi vừa nhìn theo đèn hậu của chiếc xe khuất dần sau hàng rào tòa nhà.

* * *

Khi tôi quay vào phòng đọc sách, cuộc sống đã trở lại nhịp điệu bình thường; các thành viên của nhà dưỡng lão đều chăm chú vào việc của mình, như thể chưa hề có chuyện gì xảy ra, hoặc như thể họ đã quên bằng chuyện đó.

Người phụ nữ ngồi bên cạnh bàn của May vẫn tiếp tục chơi bài, những người khác chăm chú xem ti vi, hoặc chỉ ngồi nhìn vào khoảng trống mông lung. May nhìn tôi với vẻ lạ lùng, rồi bằng ngón trỏ, bà ra hiệu cho tôi lại gần và ngồi xuống trước mặt bà.

- Ta cảm thấy một điều gì đó khi nhận ra cháu, cháu biết không. Bởi vì cháu giống với bà ấy, rất giống. Cứ như thể một bóng ma hiện về từ quá khứ. Bà ấy chết rồi, đúng không?

- Vâng, mẹ cháu chết rồi.

- Thật lãng phí, lẽ ra ta phải ra đi trước bà ấy, nhưng được ra đi khi còn xinh đẹp, việc ấy mới thực sự giống với bà ấy.

- Lần này, cháu không nghĩ là mẹ cháu đã quyết định như thế, với lại cái chết của mẹ cháu cũng không được đẹp lắm đâu, – tôi đáp lại để bảo vệ mẹ.

- Không, cháu nói đúng, lần này thì không, nhưng trước đây thì có, và đó chính là điều đã phá hỏng cuộc đời của hai chúng ta. Lẽ ra chúng ta đã có thể cùng nhau thoát khỏi chuyện đó, nhưng bà ấy không muốn nghe gì hết, là vì cái này, – bà vừa lăm bầm

vừa xoa xoa cái bụng. – Ta hy vọng cháu không định đánh cắp nó của ta đấy chứ? Bởi vì ta sẽ không để cháu làm thế đâu.

- Đánh cắp nó của bác?

- Đừng có giả vờ ngạc nhiên với ta, ta đang nói về con trai ta, ta chỉ có mình nó thôi.

- Lẽ ra hai người nên thoát khỏi chuyện gì?

- Khỏi cái lễ hội giả trang lơ lửng mà mẹ cháu đã đẩy chúng ta vào ấy. Chính vì chuyện đó mà cháu đến đây, cháu muốn biết bà ấy đã để nó ở đâu.

- Cháu không hề biết bác đang nói với cháu chuyện gì nữa.

- Nói dối! Nhưng cháu giống bà ấy đến nỗi ta tha thứ cho cháu, bởi vì dù bà ấy đã chết, ta vẫn yêu bà ấy. Ta sẽ kể cho cháu nghe đôi ba chuyện, với điều kiện chỉ riêng hai chúng ta biết với nhau. Ta cấm cháu kể với nó dù chỉ một lời.

Tôi không biết thời khắc minh mẫn này của bà sẽ kéo dài được bao lâu, George-Harrison đã nói với tôi rằng những khoảnh khắc như thế vừa hiếm hoi vừa ngắn ngủi. Anh đã hy vọng may mắn sẽ đứng về phía mình, ấy thế mà đúng lúc anh vắng mặt thì may mắn lại mỉm cười với chúng tôi. Thế nên tôi đã hứa một điều mình không thể thực hiện. May nắm lấy hai bàn tay tôi, bà hít một hơi thật sâu rồi mỉm cười.

Tôi nhìn thấy khuôn mặt bà rạng lên, như thể bà vừa trẻ lại, như thể bức ảnh ở nhà hàng Sailor's Café vừa sống động trở lại trước mặt tôi.

- Ta đã mạo hiểm kinh khủng để có được giấy mời, – bà nói. –

Nhưng như thế còn chưa là gì so với chuyện diễn ra trong vũ hội. Chính trong buổi tối đó, mọi chuyện xảy đến. Một vũ hội hóa trang, giống như một dấu dẫn nhịp trong ba mươi sáu năm đối trá... nhưng không còn lâu nữa đâu.

36

Eleanor-Rigby

Tháng Mười năm 2016, Cantons-de-l'Est, Québec

May nói chuyện một cách lạ lùng, như thể có một giọng nói bên trong bảo bà phải nói gì, và câu chuyện của bà đưa tôi về Baltimore vào một buổi tối cuối tháng Mười năm 1980.

- Tài xế của chúng tôi dừng lại một thoáng dưới mái che, để cho chúng tôi xuống. Có tiếng sập cánh cửa xe rồi dòng xe lại tiếp tục. Những người vinh dự được mời đến dự vũ hội đứng túm tụm trước cửa dinh thự. Hai nữ nhân viên tiếp tân mặc chế phục nhận thiệp mời và đối chiếu với danh sách khách mời. Ta mặc váy dài ôm sát eo, áo sơ mi có yếm ngực, khoác áo choàng rơ đanh gốt và đội mũ chóp cao. Sally-Anne theo phong cách dạ hội Domino, bà ấy mặc váy phồng, đội mũ lưới màu đen. Chúng ta đã chọn trang phục đó cho dễ bề di chuyển và có thể giấu dưới áo choàng những thứ chúng ta sắp lấy cắp.

Mẹ cháu đưa thiệp mời cho nhân viên lễ tân. Ta đã vô cùng mạo hiểm mới có được chúng, ta không còn nhớ rõ là khi nào nữa, thời gian trở lại đây ta hơi mất khái niệm về ngày tháng.

Chúng ta bước vào phòng dạ hội. Căn phòng rộng mênh mông

và được chiếu sáng bởi những đèn lớn cắm vô số nến. Trước mặt chúng ta, cầu thang đồ sộ sừng sững hiện ra, lối đi lên tầng bị chặn bởi một sợi dây màu đỏ. Khi ngẩng đầu lên, ta có thể chiêm ngưỡng mảng kính ghép màu và nhìn thấy hành lang có hàng lan can bằng sắt chạy suốt tầng hai. Chúng ta đi theo đám khách mời vào tận phòng khách lớn ở tầng trệt. Những bàn tiệc xa hoa được dựng lên trước các cửa sổ. Mọi thứ đều tuyệt đẹp. Một dàn nhạc với sáu nhạc công ngồi trên bục biểu diễn, gần lò sưởi bằng đá nguyên khối, chơi luân phiên các điệu minuet, rondo và serenade. Ta chưa bao giờ được tham dự một sự kiện nào xa hoa đến thế. Ta ngắm nghía các khách mời. Một chàng hề mặc quần áo sặc sỡ đang hôn tay một nữ bá tước, một quân nhân Liên bang đang chạm cốc với một đạo sĩ Hindu trong khi kẻ thù phương Bắc của anh ta trò chuyện với Cleopatra. Georges Washington, khi đó đã ngà ngà say, không có ý định ngừng uống. Một người theo giáo phái Calvin rót sâm banh vào cốc cho ông ta, đến khi rượu tràn cả ra ngoài. Còn có cả một chàng hoàng tử trong *Nghìn lẻ một đêm*, đang mân mê bộ ngực của một nàng Isabelle, hẳn là anh chàng Léandre của nàng đang ở chỗ khác. Một thầy tu khổ hạnh Ấn Độ đang thưởng thức món gan ngỗng béo, một phù thủy mũi khoằm đang chặt vật cản miếng bánh mì nướng kẹp trứng cá muối, trông thật nực cười. Một cô nàng Colombia và một anh chàng Pulcinella mũi dài tạo thành một cặp khá đẹp đôi, một ông Caesar có cái trán đỏ ửng bên dưới vòng nguyệt quế mà ông ta không ngừng phải đội lại. Abraham Lincoln đang hôn một ả giang hồ phương Đông. Khi giấu mình sau lớp mặt nạ, ta có thể làm bất cứ điều gì, kể cả những chuyện cấm kỵ.

Một nữ ca sĩ trẻ trung và xinh đẹp bước lên bục. Giọng hát khỏe

khoản của cô đã lôi cuốn toàn bộ cử tọa. Sally-Anne nhân lúc đó đẩy một cánh cửa bí mật ẩn sau những kệ giá của một tủ sách. Đằng sau cánh cửa đó là một loạt những bậc cầu thang xây vữa. Khi chúng ta lên đến tầng hai, bà ấy kéo ta đi dọc hành lang. Bởi vì chúng ta đang ở bên trên đại sảnh, nên phải đi nép vào tường để không ai nhìn thấy. Chúng ta đi qua căn phòng nơi người ta đã để ta ngồi khi ta nói là đến gặp cô Khó Thỏa Mãn. Một cái tên thú vị, đúng không? Đó là một câu chuyện khác, ta sẽ kể cho cháu nghe nếu cháu quay lại thăm ta. Đi thêm một chút, Sally-Anne đã bước vào phòng làm việc của ông bố. Bà ấy yêu cầu ta đứng canh chừng trước cửa. Ta như vẫn đang nghe thấy bà ấy bảo ta: “Đứng khuất hẳn vào nhé, nếu có khách mời nào ngẩng đầu lên để ngắm ngọn đèn chùm, anh ta có thể nhìn thấy cậu từ dưới đó. Và nếu có ai đó đi lên đây, cậu hãy vào trong văn phòng cùng tớ. Cậu đừng lo, tớ sẽ lo hết, tớ không mất nhiều thời gian lắm đâu”. Nhưng dù sao ta cũng vẫn lo lắng và muốn dừng mọi chuyện lại. Ta đã cầu xin bà ấy. Ta đã bảo bà ấy rằng vẫn còn kịp từ bỏ, rằng chúng ta không cần đến số tiền đó, rằng chúng ta có thể giải quyết mọi chuyện theo cách khác. Nhưng bà ấy vẫn muốn thực hiện đến cùng, chỉ vì cái tờ báo chết tiệt mà bà ấy còn yêu hơn cả yêu ta trước đây. Với lại bởi vì bà ấy bị thúc đẩy bởi nỗi khao khát trả thù. Cháu hãy nghe kỹ lời khuyên của ta, đừng bao giờ để cơn nóng giận chi phối cách hành xử của cháu, bởi không sớm thì muộn cháu cũng sẽ phải gánh chịu hậu quả. Hồi ấy ta là đứa ngây thơ, chẳng khác nào một chú lính chì, thế nên ta vẫn đứng trước cánh cửa hé mở ấy.

Trong khi ta đứng canh gác, mẹ cháu đi về phía quầy minibar, bà ấy nhặt hộp xì gà của ông bố rồi đặt nó lên một chiếc bàn tròn,

và lấy ra chìa khóa kết. Những thời khắc tiếp theo sẽ quyết định cuộc đời chúng ta, và cuộc đời của rất nhiều người khác nữa. Ta đã không ngừng nghĩ đến những thời khắc đó, bởi vì chỉ trong vòng có vài phút thôi, mọi thứ có thể đã khác, và có lẽ cháu sẽ không có mặt ở đây hôm nay.

Ta biết rằng ta đã mất đi một phần trí nhớ, nhưng vũ hội hóa trang đó thì ta không bao giờ quên được.

Ta đang kể đến đâu rồi nhỉ? À phải rồi. Ta nghe thấy tiếng bước chân, và ta liền nghiêng người ra phía lan can để nhìn. Một người đàn ông đã bước qua sợi dây đỏ và đang leo lên cầu thang chính. Chẳng mấy chốc nữa anh ta sẽ lên đến tầng hai. Ta đã cào vào cánh cửa phòng làm việc để cảnh báo Sally-Anne. Bà ấy lao đến bên công tắc, tắt đèn và túm lấy tay ta kéo ta về phía mình. Ta đứng sau khe cửa mở hé, cả người tê liệt. Lẽ ra ta nên hành động khác đi, nhưng ta lại muốn bảo vệ bà ấy, cháu hiểu không, thế nên thay vì chạy vào ẩn nấp với bà ấy, ta lại buông tay bà ấy, khẽ khàng khép cửa lại trước mặt bà ấy rồi đi ra gặp người đàn ông xa lạ đeo mặt nạ và mặc trang phục kiểu Venice. Ta đã hy vọng người đó là một khách mời vô ý, có thể là một người đàn ông đang tìm nơi yên tĩnh để gọi điện thoại. Ta nghĩ ta có thể bịa chuyện tương tự. Nhưng trước khi ta kịp nói chuyện với anh ta, anh ta đã hỏi ta bằng giọng đầy uy quyền là ta đang làm gì ở đó.

Giọng nói đó, ta đã quá đỗi quen thuộc. Tuy nhiên, ta vẫn bình tĩnh đến khó tin, và cả ta cũng để mặc mình bị cuốn vào một nỗi khát khao trả thù. Vũ hội này, vừa xa hoa vừa lố lăng, được tổ chức để vinh danh anh ta. Và để chúc mừng anh ta theo cách của mình, ta muốn tặng anh ta một món quà sẽ đầu độc anh ta đến

tận cuối đời.

Ta liền đặt một ngón tay lên môi anh ta và mỉm cười với anh ta. Anh ta nóng lòng muốn biết cô nàng quyến rũ đeo mặt nạ này là ai. Anh ta nhắc nhở ta là lễ hội diễn ra ở tầng trệt, rằng khách mời không được lên tầng hai, nhưng lại ngay lập tức nói thêm rằng nếu ta muốn tham quan, anh ta sẽ rất vui lòng được tháp tùng. Không thể nào trả lời anh ta mà không để lộ mình, vả lại vẫn còn quá sớm. Thế là, sau khi suyt một tiếng khe khẽ, ta cầm tay anh ta và dẫn anh ta vào căn phòng khách nhỏ bên cạnh phòng làm việc của cô Khó Thỏa Mãn. Ta có thể đảm bảo với cháu rằng chuyện đó không hề đúng với ta.

Ta đẩy anh ta ngồi xuống một chiếc ghế bành, hành động đó khiến anh ta rất thích thú và anh ta ra sức kiềm chế để không thể hiện bất cứ cử chỉ phản kháng nào. Anh ta không ngốc, không thể có chuyện vợ sắp cưới của anh ta lại mặc trang phục hóa trang giống ta. Ta kéo khóa quần anh ta xuống, lùa tay vào bên trong quần và cảm nhận được nỗi ham muốn của anh ta đang dâng lên. Ta biết anh ta thích gì và đã tặng điều đó cho anh ta, nhưng sẽ không chỉ dừng ở đó. Ta muốn chiếm hữu anh ta hoàn toàn, muốn anh ta thuộc về ta một lần cuối cùng. Nhiều người đàn ông đã lướt qua đời ta, một số người bị ta bỏ rơi, những người khác bỏ rơi ta, nhưng anh ta thì khác. Ta tốc váy lên và ngồi lên người anh ta. Đừng phán xét ta, cháu sẽ chỉ lãng phí thời gian thôi, bởi vì ta hoàn toàn không quan tâm. Trên đời này, chẳng có gì đẹp đẽ hơn là làm tình với người đàn ông mà ta yêu, hoặc ta căm thù. Ta sinh ra đã là kẻ yêu đương nồng nàn, ta phải tìm giữ khoái lạc của anh ta, trong khoảng thời gian đủ để Sally-Anne tác nghiệp trong căn phòng bên cạnh. Ta ngờ rằng bà ấy nghe thấy hết, và để chắc

chấn về điều đó, ta không ngại gì mà không bộc lộ sự nồng nhiệt của mình. Bà ấy đã lừa dối ta khi quan hệ với Keith, ta ở đó là vì mong muốn của bà ấy, và ta cũng trả thù luôn cả bà ấy, cả cha mẹ bà ấy vì đã yêu thích một cô gái cùng tầng lớp với họ hơn là một cô gái không có tài sản gì. Ta trả thù anh ta và trả thù cả thế giới, bằng cách ngủ với anh ta đúng vào ngày anh ta đính hôn.

Sau khi lên đỉnh, anh ta muốn xem mặt ta, nhưng ta không để anh ta làm thế. Ta thấy để anh ta hiểu theo cách khác thì sẽ tinh tế hơn. Ta liền hỏi anh ta có thích món quà của ta không. Giá mà cháu nhìn thấy ánh mắt anh ta khi nhận ra giọng nói của ta. Một ánh mắt chỉ chứa toàn sự sống. Và cả sợ hãi nữa, sợ rằng ta sẽ đi xuống dưới, và sẽ giành lấy vị trí trên bục của nữ ca sĩ kia để ca bài ca sủi nhục anh ta trước toàn bộ cử tọa. Ta đã hôn anh ta, thật dịu dàng, vuốt má anh ta rồi đảm bảo rằng anh ta không có gì phải sợ cả. Có lẽ vợ anh ta sẽ còn phải mất một khoảng thời gian nhất định mới phát hiện ra anh ta là loại người nào, nhưng anh ta thì sẽ không bao giờ còn có thể nói lời yêu cô ta mà không nhớ rằng anh ta đã phản bội vợ mình đúng vào ngày lễ đính hôn.

Ta đề nghị anh ta trở xuống để ở bên cạnh người vợ tương lai, tốt nhất là không nên để mọi người thấy chúng ta cùng xuống cầu thang. Ta đã hứa với anh ta là sẽ kín đáo bỏ đi, và anh ta sẽ không còn nhìn thấy ta nữa, cả tối đó cũng như mãi mãi về sau. Anh ta ngượng ngùng cài cúc, rồi bỏ đi đầy giận dữ. Ta chờ thêm một lát nữa rồi vào văn phòng gặp Sally-Anne.

Bà ấy không nói lời nào. Bà ấy đã buộc chặt thắt lưng chiếc áo choàng, bên trong giấu những thứ đã lấy cắp được, khóa két sắt, để chìa khóa vào chỗ cũ rồi xếp gọn hộp đựng xì gà.

Ta hỏi bà ấy đã lấy được những gì bà ấy muốn chưa. Bà ấy trả lời bằng cách đặt lại đúng câu hỏi đó với ta. Cả hai chúng ta đều biết chuyện gì đã xảy ra trong hai căn phòng cạnh nhau đó trong lúc chúng ta trấn lột người nhà Stanfield, mỗi người theo một cách khác nhau.

Ngay trước khi đi khỏi đó, bà ấy lấy một chai rượu và nhét nó vào bên trong áo choàng của ta, một chai whisky hảo hạng để sau đó chúng ta sẽ cùng chạm cốc chúc mừng chiến thắng. Bà ấy say sưa vì đã hoàn tất dự định của mình. Tờ *The Independent* đã được cứu sống. Với những gì lấy cắp được trong két sắt, chúng ta có thể phát hành tờ báo và nuôi sống nó, cho dù có bị lỗ, trong nhiều năm liền.

Vũ hội vẫn đang hồi náo nhiệt, chúng ta ra khỏi tòa dinh thự mà không bị ai nhìn thấy. Tài xế đang chờ chúng ta, anh ta đưa chúng ta về chỗ căn xưởng cải dụng.

May im lặng, ánh mắt bà nhìn vô định vào khoảng trống trước mặt, và ngay lập tức năm tháng lại trở lại đậu lên các đường nét trên mặt bà. Tôi sẽ không biết gì thêm nữa, và tôi cho rằng bà cũng không còn biết tôi là ai. Tuy nhiên, bà thở dài và nhắc lại với tôi rằng tôi giống mẹ tôi kinh khủng. Bà đứng dậy để giành bộ bài của bà già bên cạnh, rồi lại ngồi xuống trước mặt tôi và hỏi tôi có biết chơi bài poker không.

Bà đã vật của tôi một trăm đô la. Khi George-Harrison bước vào phòng khách, bà kín đáo nhét mấy tờ giấy bạc vào túi anh và mỉm cười với con trai như thể đã nhiều tuần bà không nhìn thấy anh. Bà bảo anh rằng anh thật tốt khi đến thăm bà.

George-Harrison thông báo với chúng tôi rằng ông Gauthier đã chết trên đường tới bệnh viện.

- Mẹ đã bảo con là ông ta sẽ không qua hết năm nay đâu, thế nhưng con lại không chịu tin lời mẹ! – May thoát lên, gần như vui sướng.

Chúng tôi ở lại với bà cả buổi chiều, nhưng đầu óc bà vẫn ở chỗ khác. Khoảng mười lăm giờ, trời bỗng quang mây, và anh con trai đưa bà đi dạo một vòng trong công viên. Nhân lúc ở một mình, tôi nhớ lại những gì vừa được biết, một lần nữa vẫn là những chuyện về mẹ tôi, nhưng chẳng có chút gì về cha của George-Harrison.

Tôi không biết phải nói thế nào để thú nhận với anh rằng tôi đã không tận dụng thời khắc mẹ anh minh mẫn để giữ lời hứa của mình.

Khi hai người họ quay lại, chỉ cần một ánh mắt trao đi đổi lại giữa tôi và anh là đủ để khiến tôi hiểu rằng vận may mà anh xiết bao hy vọng đã không muốn mỉm cười với anh.

Một lát sau, chúng tôi dùng trà và anh thông báo với mẹ anh rằng chúng tôi phải đi. May choàng tay ôm lấy anh, rồi đến lượt tôi cũng được bà ôm.

- Mẹ rất hài lòng vì hai đứa đã quay lại với nhau, hai đứa rất đẹp đôi đấy, – bà nói đồng thời gọi tôi là Mélanie.

Đi đến trước chiếc xe bán tải của George-Harrison, tôi bảo anh rằng tôi đã để quên điện thoại di động trong phòng đọc sách. Tôi

đề nghị anh chờ tôi một lát, rồi chạy trở lại tòa nhà.

May vẫn ngồi trong ghế bành, mắt nhìn đăm đăm vào chiếc ghế mà sáng nay ông Gauthier còn ngồi. Tôi lại gần bà và quyết định đánh liều, được ăn cả ngã về không.

- Cháu không biết bác có còn tỉnh táo hay không, nhưng nếu bác nghe thấy cháu nói, thì đến lượt bác hãy nghe lời khuyên của cháu đây. Đừng mang theo bí mật của bác xuống mồ; anh ấy rất đau khổ vì không biết được cha mình là ai, và cháu cũng đau khổ khi nhìn thấy anh ấy như thế. Bác không nhận thấy bác đã bắt anh ấy phải chịu đựng bao nhiêu đau khổ, đã gây cho anh ấy bao nhiêu lo buồn sao? Bác không cho rằng những điều bác không nói ra khiến anh ấy đau khổ như thế là đủ rồi sao?

May quay sang nhìn tôi với vẻ ranh mãnh.

- Ta cảm ơn cháu vì lòng tốt của cháu, nhưng có lẽ ta phải làm cháu thất vọng thôi, ta còn chưa đến lúc xuống mồ đâu, cháu yêu ạ. Bởi vì cháu tin rằng nó sẽ sung sướng hơn khi biết rằng cha nó chết chính là do ta sao? Cháu thấy đấy, không phải sự thật nào cũng nên nói ra, thế nên nếu cháu muốn hỏi ta câu khác, thì hãy hỏi nhanh lên, nó đang chờ cháu bên ngoài và ta không thích cháu bắt con trai ta phải chờ đợi.

- Những bức thư của mẹ cháu ở đâu? Bác có giữ chúng không?

Bà vỗ vỗ vào tay tôi, giống như người ta cảnh cáo một đứa trẻ vô lễ.

- Ta là người duy nhất viết thư, mẹ cháu không muốn trả lời ta, bà ấy chỉ viết duy có một lần, để thống nhất với ta một cuộc hẹn. Theo bà ấy, duy trì thư đi thư lại với ta là hành động phản bội

chồng bà ấy. Bà ấy đã chọn cách lật sang một trang mới. Nhưng lại có chuyện điên rồ đó xảy ra. Do lỗi của ta. Cháu mười bốn tuổi khi ba mẹ cháu dẫn cháu đến Tây Ban Nha...

Tôi vẫn còn nhớ rất rõ kỳ nghỉ đó. Ba mẹ tôi chỉ đưa chúng tôi đi nghỉ ở nước ngoài có ba lần: đến Stockholm, nơi Maggie không ngừng than thở vì trời lạnh, đến Paris, nơi Michel khiến ba mẹ tôi nhẩn tui vì các loại bánh ngọt, và đến Madrid, nơi tôi ngất ngây trước vẻ đẹp của thành phố và đã thề rằng khi trưởng thành, tôi sẽ đi vòng quanh thế giới. May uống nốt cốc trà rồi nói tiếp.

- Sáu tháng trước đó, ta viết cho bà ấy rằng ta bị ốm. Người ta chỉ bóc cho ta một khối u ở vú, nhưng chuyện đã có thể nghiêm trọng hơn thế. Ta đã nghĩ rằng nếu có chuyện không may xảy ra với ta, ta sẽ chẳng còn ai để nhờ trông nom con trai mình. Ta không tài nào thuyết phục được bà ấy nghĩ khác đi, thế nên ta đã hy vọng rằng khi gặp thằng bé... nói đúng ra, một cách thật lòng, ta nghĩ đó là một cái cớ để ta gặp lại bà ấy lần nữa, và biết được gia đình bà ấy. Bà ấy đã chấp nhận, nhưng không chịu nói chuyện với ta. Hôm Chủ nhật, cả gia đình cháu đi dạo trong công viên Retiro. Mẹ cháu, ba cháu, anh trai cháu, em gái cháu và cháu ngồi ở bậc tam cấp bên phải lâu đài Cristal, trước bể nước lớn, đúng là một gia đình đẹp đẽ. George-Harrison và ta ngồi ở bên trái. Chuyện đó khiến ta đau khổ nhiều hơn là vui sướng, nhưng vì một vài thời khắc trời dấy từ quá khứ, ta không tiếc nuối vì phải đi xa đến thế để tới đó. Với lại chuyến đi đó cũng là một trong những kỷ niệm thời thơ ấu đẹp nhất của con trai ta. Mẹ cháu và ta đã dành cho nhau một nụ cười đồng lõa nói lên rất nhiều điều. Một lát sau gia đình cháu đi khỏi đó, khi đứng lên, bà ấy đã để lại trên bậc tam cấp một cuốn vở. Đó là nhật ký của bà ấy, bà ấy bắt

đầu viết nó khi ở trường nội trú. Ta tìm lại được trong đó toàn bộ câu chuyện của chúng ta, câu chuyện về những năm tháng sống cùng nhau ở Baltimore, lần chúng ta gặp nhau khi còn là những phóng viên tự do ăn lương theo dòng, việc chúng ta chuyển đến ở căn xưởng cải dụng, những bạn bè của chúng ta, đặc biệt là Keith. Khi đọc cuốn nhật ký, ta đã sống lại những ngày tháng điên rồ trước khi khai sinh tờ *The Independent*, những đêm cuồng nhiệt ở Sailor's Café, những hy vọng và thất vọng của chúng ta. Thậm chí bà ấy còn kể lại cả buổi vũ hội đáng nhớ đó, cũng như những chuyện xảy ra về sau. Nhưng nhật ký của bà ấy dừng lại vào ngày bà ấy ra đi. Sau đó, bà ấy không viết lại gì về cuộc đời mình nữa.

- Tại sao mẹ cháu lại quay trở lại Luân Đôn, tại sao mẹ cháu lại cắt đứt hoàn toàn với quá khứ như vậy?

- Ta không còn thời gian, cũng không muốn nói đến chuyện đó. Tất cả những kỷ niệm đó thuộc về một thời kỳ chẳng còn lại gì. Vậy thì nhắc lại làm chi? Cả cháu nữa, cháu cũng nên để quá khứ ngủ yên, cháu đang dần vật bản thân vô ích đấy. Cháu có một ông bố và một bà mẹ tuyệt vời, hãy giữ lại trong cháu những ký ức về mẹ cháu; Sally-Anne là một người phụ nữ khác, người phụ nữ mà cháu không quen biết.

- Nhật ký của mẹ cháu đâu?

Câu hỏi của tôi được đặt ra quá muộn. May lại quay lại với ánh mắt xa vắng, nhuộm màu điên rồ đó. Bà phác một cử chỉ khinh thường với bà già ngồi bên cạnh đang theo dõi chúng tôi, rồi vừa quay sang nhìn vừa cười khẩy.

- Ta phải nói cho cháu biết tại sao con trai ta lại trở thành thợ mộc. Ta đã đem lòng yêu ông chủ cửa hàng đồ cổ, và ông ấy cũng

đáp lại tình yêu của ta. Ta thì cô đơn, còn ông ấy thì hôn nhân không như ý, một người chồng bất hạnh bị cấm sùng. Hai con người bị tổn thương có thể chữa lành cho nhau bằng cách người này bù đắp thiếu thốn ở người kia và ngược lại. Khi còn nhỏ, George-Harrison đã dành phần lớn các buổi chiều ở cửa hàng của ông ấy. Bởi vì ta không thể trông cậy vào bất kỳ ai, Pierre gần như trở thành cha đỡ đầu của thằng bé, ông ấy đã dạy nó mọi thứ. Chuyện đó không hề khiến ta khó chịu, thậm chí ta còn nhìn thấy ở đó đôi chút mỉa mai. Cháu thấy đấy, ta từng quen biết một người thợ mộc, một chàng trai tốt, có lẽ là chàng trai tốt nhất trong tất cả những chàng trai ta từng gặp. Với lại, ông ấy cũng đã đến gặp ta, ít lâu sau khi con trai ta ra đời. Ông ấy muốn ta từ bỏ tất cả và đi cùng ông ấy. Ta đã cư xử như một con ngốc, ta rất tiếc vì điều đó. Nhưng không sao, dù thế nào, khi đó cũng đã quá muộn rồi. Đừng có kể gì với nó hết nhé, George-Harrison tưởng rằng nó đã tự chọn cái nghề tốt đẹp đó, và thằng bé ghét phải nhận thấy rằng mẹ nó có ảnh hưởng đến nó. Biết làm sao được, nó là đàn ông mà. Thôi nào, bây giờ thì chuẩn đi, ta đã nói đủ rồi, và nếu cháu vẫn chưa hiểu, thì nghĩa là cháu còn ngốc hơn cả vẻ bề ngoài của cháu đấy.

- Chính bác đã viết thư cho cháu và anh ấy sao?

- Biến đi! Ta phải đi tắm đây, và theo như ta biết thì cháu không phải là y tá. Dù sao, người ta cũng sẽ không đổi y tá mà không báo trước với ta! Cái nhà dưỡng lão này đúng là một nơi lộn xộn, ta sẽ kiện nếu cảnh này còn tiếp diễn.

Lần này, May đã thật sự rời đi. Tôi giận bà, nhưng dù sao cũng vẫn hôn lên má bà, để một lần nữa được hít hà mùi nước hoa của

bà. Tôi hít thật sâu trước khi quay ra gặp George-Harrison đang ngồi trên xe. Làm thế nào để thông báo với anh rằng anh sẽ không bao giờ biết ai là cha mình, và thú nhận với anh điều bí mật mà May đã tiết lộ với tôi đây?

- Cô tìm thấy chưa?

- Tìm thấy cái gì?

- Thì điện thoại di động của cô chứ còn gì nữa! Tôi chờ ở đây đã được mười phút, tôi bắt đầu lo lắng rồi đấy.

- Anh nổ máy đi, chúng ta cần nói chuyện.

37

Eleanor-Rigby

Tháng Mười năm 2016, Magog

Trời đã tối khi chúng tôi rời khỏi nhà dưỡng lão, và lại càng lạnh hơn so với lúc chúng tôi đến đây. Lẽ ra tôi có thể chọn cách im lặng, nhưng ngay từ đầu chuyến đi này, những bí mật gia đình đã trở thành một điều đáng ghét đối với tôi. Đó không phải là một cuộc trò chuyện dễ dàng, và tôi quyết định sẽ tiến hành một cách rón rén. Tôi mới chỉ ở đoạn đầu của đau khổ. Sớm muộn gì tôi cũng phải tiết lộ những sự thật khác với Maggie và Michel. Làm thế nào để kể lại với họ những gì tôi đã phát hiện được về mẹ, mà không phản bội bà? Nhưng giờ đây, vấn đề của tôi đang ngồi trong chiếc xe này, đằng sau vô lăng.

Khi George-Harrison biết được cha anh đã chết, phản ứng của anh khiến tôi ngạc nhiên. Đúng ra, đó chỉ là một cách nói, bởi anh vẫn thản nhiên như không. Tôi vội nói thêm với anh rằng tôi rất tiếc, tôi có cảm giác mình thật tội lỗi vì đã tiết lộ bí mật đó với anh. Anh cắn môi và chứng tỏ một tính cách mạnh mẽ khiến tôi ngạc nhiên.

- Lẽ ra tôi nên buồn; thật lạ lùng, nhưng tôi lại cảm thấy được an ủi. Điều đau đớn nhất là hình dung rằng ông ấy đã chọn cách

không bao giờ tìm gặp tôi, không đếm xỉa gì đến sự tồn tại của tôi, đến mức coi con trai mình như một thứ không hề quan trọng. Ít ra ông ấy cũng có một lý do bất khả kháng, bây giờ thật khó mà trách móc gì ông ấy.

May đã không kể với tôi rằng cha của George-Harrison chết khi nào, nhưng tôi muốn giữ suy nghĩ đó cho riêng mình thì hơn.

- Khi kể với cô rằng bà đã giết ông ấy, mẹ tôi có vẻ hoàn toàn minh mẫn không? – Rốt cuộc anh hỏi tôi.

- Bà ấy không nói với tôi những lời đó, không phải bằng cách đó. Bà ấy tự kết tội mình phải chịu trách nhiệm về cái chết của ông ấy, hai chuyện đó hoàn toàn không giống nhau.

- Cô sẽ giải thích cho tôi xem khác biệt ở chỗ nào nhé... – anh buông thông một câu đầy chua chát.

- Rất khác nhau chứ! Chúng ta không hề biết ông ấy chết trong hoàn cảnh nào. Đó có thể là một tai nạn, và mẹ anh tự trách mình vì đã không ở bên cha anh lúc đó.

- Tôi thấy cô quá đổi lạc quan khi bảo vệ mẹ tôi đến mức ấy đấy.

- Không, không phải thế. Tôi đã hiểu được rằng mẹ anh yêu ông ấy.

- Điều đó thì có làm thay đổi được gì không? Một tội ác vì tình thì dễ tha thứ hơn chẳng?

- Biết được rằng mình là một đứa con sinh ra từ tình yêu cũng không thay đổi gì sao?

- Tôi đánh giá cao nỗi vất vả mà cô đang tự chuốc lấy. Chuyện

đó khiến tôi vô cùng xúc động, nhưng cô đi hơi nhanh đấy. Bà ấy cũng từng yêu một ông Jean, một ông Tom, một ông Henry...

- ... và Pierre nữa, – tôi bối rối thì thầm.

- Cái gì, Pierre sao?

- Bà cũng đã yêu một ông Pierre nào đó, là chủ cửa hàng đồ cổ...

- Cảm ơn cô, tôi biết ông ấy là ai!

- Và anh cũng biết rằng...

- Đương nhiên! Và hãy bỏ giúp cái vẻ mặt thương hại của tôi đi. Tôi biết điều đó từ lâu rồi. Tôi đã bắt gặp họ chờ vờ nhau rất thường xuyên. Khi mẹ đưa tôi đến cửa hàng hoặc đến đó đón tôi, khi ông ấy đến nhà thăm mẹ con tôi. Mỗi lần đi qua mẹ tôi, ông ấy thường nắm lấy tay bà trong một thoáng, và khi nói lời tạm biệt, ông luôn hôn vào gần sát môi bà. Những chi tiết kiểu đó không thoát khỏi ánh mắt của một thằng nhóc. Nhưng tôi mặc kệ, bởi vì trong tất cả những người đàn ông qua lại với mẹ tôi, ông ấy là người duy nhất không bao giờ tỏ vẻ thương hại tôi. Thậm chí còn ngược lại. Khi nói chuyện với tôi về mẹ tôi, ông ấy thường bảo tôi may mắn vì có được bà cho riêng mình. Ông ấy chẳng hề cảm thấy tội lỗi gì hết, và tôi thích như thế. Với lại ông ấy chăm sóc tôi nhưng lại rất lịch sự, không bao giờ tỏ vẻ mình là người thay thế cha ruột của tôi. Sự hiện diện của ông khiến tôi yên lòng. Tại sao cô lại nói với tôi về ông ấy?

- Bởi vì tôi chắc chắn là ông ấy biết nhiều chuyện mà không nói với anh.

George-Harrison đã xoay núm bật radio, khiến tôi hiểu rằng

tối nay anh nghe nhiều chuyện thế là đủ rồi. Chúng tôi tiếp tục đi chừng nửa giờ nữa và khi chúng tôi đến Magog, anh tắt radio để hỏi tôi một câu:

- Có một điều khiến tôi băn khoăn trong tất cả những chuyện này. Kẻ viết thư nặc danh kia chắc không phải không biết rằng cha tôi đã chết, bởi vì có vẻ như hắn biết mọi chuyện về chúng ta. Vậy tại sao hắn lại viết thư cho tôi?

Câu trả lời xuất hiện trong tâm trí tôi khiến tôi đờ người, bởi vì nghĩ cho cùng, nếu một người nào đó không thể quyết tâm thú nhận sự thật với ta, thì có giải pháp nào khác ngoài cách làm sao đó để khiến ta tự phát hiện ra sự thật chứ. Nhưng tôi cũng giữ lại suy nghĩ đó cho riêng mình, bởi vì không dám chia sẻ điều đó với anh, tối nay tôi đã nói khá nhiều rồi.

Anh đỗ xe vào trong xưởng. Gặp lại căn nhà bên trong nhà kho khiến tôi nở nụ cười đầu tiên trong ngày.

George-Harrison bật bếp ga, cái lạnh len lõi vào tận bên trong xưởng mộc. Trong suốt bữa tối mà chúng tôi cùng ăn ngoài hiên, anh cố gắng trò chuyện, nhưng tôi cảm nhận rõ ràng là anh đang buồn. Và cũng bị nhiễm nỗi cô đơn đang bóp nghẹt anh, trong khi tôi có cả một gia đình đang chờ đợi mình ở Luân Đôn, tôi nhận ra điều mình cố tình lờ đi cho đến tận lúc này, bằng toàn bộ sức lực của mình.

Tôi đã không sợ phải đứng một mình đằng trước khách sạn nơi anh để tôi lại ở Baltimore, mà sợ phải chia tay anh. Đã có đủ những bí mật và đạo đức giả nên không cần phải tích trữ thêm nữa.

Tôi chờ cho anh ngủ để vào phòng anh, chui vào giữa đồng chăn và nép sát người anh.

Anh quay lại và choàng tay ôm tôi. Chúng tôi không làm tình, chúng tôi không thể làm thế vào buổi tối anh vừa biết rằng cha anh đã chết và anh sẽ không bao giờ được gặp ông nữa. Chúng tôi lạc trong một đại dương âu yếm, và việc đó còn gây ra nhiều hệ lụy hơn cả việc chúng tôi hòa trộn thân xác vào nhau.

* * *

Chúng tôi đã dành cả ngày hôm sau ở xưởng mộc của anh. Anh có đơn hàng đang bị chậm, và tôi thích thú ngắm nhìn anh chế tác những cái chân tủ com một. Máy tiện là một công cụ thú vị, tưởng như nó là một loại nhạc cụ lúc nó rít lên trên mặt gỗ trong khi đồng dăm bào rơi ra tạo thành những vòng xoắn đầy màu nhiệm. Thật là đẹp khi ngắm nhìn một người say nghề làm việc. Sau đó, anh vừa ghép chân tủ vào vừa giải thích với tôi rằng nghệ thuật nằm ở chỗ gia công những chiếc mộng để chúng ăn khớp hoàn toàn vào lỗ mộng. Tôi tin anh có khoa trương đôi chút với ngôn ngữ kỹ thuật, nhưng tôi tham gia trò chơi và làm ra vẻ những chi tiết như thế khiến tôi vô cùng mê thích. Anh ngắm nghía chiếc tủ dưới tất cả các góc độ. Thỏa mãn, anh đề nghị tôi giúp anh chất nó lên xe, rồi lại hạ nó xuống khi chúng tôi đến trước cửa hàng đồ cổ.

Pierre Tremblay đang đọc báo. Ngay khi chúng tôi vừa đẩy cánh cửa cửa hàng, ông đứng bật dậy và sau khi nhìn thấy tôi, ông đón tiếp chúng tôi với thái độ thoải mái không chút kìm giữ. Ông vô cùng vui sướng, và những ánh mắt liếc xéo của ông khiến tôi hiểu rằng không phải vô cớ mà George-Harrison giới thiệu

chúng tôi với nhau. Sự hào hứng của ông tụt xuống khi ông nhìn thấy chiếc tủ. Ông bĩu môi ngạc nhiên và đề nghị chúng tôi mang nó vào kho.

- Bác không muốn cháu để nó sau cửa kính sao? – George-Harrison hỏi.

Nhưng ông Tremblay trả lời rằng chúng tôi chỉ cần cất nó vào một góc, hôm sau ông sẽ chỉnh sửa. George-Harrison mời ông đi ăn tối ở nhà hàng của mẹ Denise và tôi đã có cơ hội khám phá chiếc tủ giả thế kỷ 18 trứ danh kia. Tôi không phải chuyên gia, nhưng cũng phải thừa nhận là công việc chế tác đồ giả cổ đã được thực hiện dưới bàn tay bậc thầy, và tôi cảm thấy có đôi chút tự hào, đúng là một chuyện phi lý.

Pierre Tremblay khuyên tôi ăn món xúp cá đặc sản của vùng đảo Madeleine và để ăn kèm với món đó, ông chọn vang trắng vùng Les Brome, một sản phẩm của Québec, ông vừa tự hào giải thích vừa rót đầy cốc cho chúng tôi.

Sau khi chạm cốc, ông nghiêng người sang phía George-Harrison, lo lắng khi nói với anh một chuyện hình như có sự hiểu lầm.

- Bác không muốn làm cháu phật ý, – ông nói, – nhưng bác đã đề nghị cháu làm một cái xe trượt kiểu cổ, không phải một chiếc tủ com mốt.

- Quả đúng thế thật, – George-Harrison trả lời ông, giọng cộc cằn. – Nhưng cháu cũng đã hỏi bác đến cả ngàn lần là bác có thông tin gì về cha cháu không, và bởi vì bác không bao giờ biết phải nói gì với cháu, hoặc không bao giờ muốn nói gì với cháu,

cháu đã buộc phải tự mình tiến hành tìm kiếm, và đã mất không biết bao nhiêu thời gian. Bác biết câu ngạn ngữ đó rồi đấy, ta không thể vừa xay lúa vừa ẵm em, thế nên ta không thể vừa đi trên đường lại vừa làm mộc trong xưởng được. Vậy thì mấy chiếc xe trượt của bác sẽ phải chờ thôi. Bác nên nghĩ là bác vẫn còn may mắn đấy, cháu đóng cái tủ đó trước đây ít lâu, và cháu đã dành cả chiều nay để hoàn thiện nó, vì muốn dù sao cũng có thứ gì đó mà giao cho bác.

- Bác biết, – Pierre lầm bầm. – Lời mời ăn tối này không phải là để giới thiệu bạn gái của cháu với bác, mà thực ra là một cái bẫy.

- Cái bẫy nào, khi mà bác chẳng biết bất cứ chuyện gì?

- Thôi được rồi, – Pierre bực bội, – cháu không cần phải khiến bác khó xử ở nơi công cộng nữa. Bác đã không nói gì với cháu bởi vì bác không có quyền. Bác đã hứa, cháu hiểu không, và lời hứa thì luôn là lời hứa.

- Bác đã hứa chuyện gì?

- Rằng chừng nào bà ấy còn đó, thì bác sẽ phải im miệng.

- Nhưng bà ấy đâu có còn đó, bác Pierre, bản thân người phụ nữ mà bác từng quen biết cũng đã quên mất cuộc đời của chính bà ấy.

- Bác cấm cháu nói về mẹ cháu như thế.

- Than ôi, đó lại là sự thật hiển nhiên, và bác cũng biết rõ điều đó bởi vì bác đã đến thăm mẹ cháu. Bác tưởng rằng cháu không nhận ra những món đồ trong phòng của mẹ cháu, chiếc bàn đầu giường, chiếc bàn một chân kê cạnh cửa ra vào, chiếc ghế bành kê gần cửa sổ, bác đã đi bao nhiêu chuyến để trang hoàng cho nơi

mẹ cháu ở hàng ngày như vậy?

- Lẽ ra cháu phải làm việc đó chứ không phải là bác.

- Cháu tin chắc mẹ cháu sẽ cảm thấy hạnh phúc hơn khi những cử chỉ quan tâm đó xuất phát từ bác. Bây giờ, cháu xin bác, bác phải trả lời những câu hỏi của cháu, lẽ ra bác đã phải làm thế khi cháu kể với bác về bức thư nặc danh đó.

- Trả lời các câu hỏi của cháu ư? Thế chuyện đó thì có liên quan gì đến bạn gái cháu?

- Eleanor-Rigby là con gái của Sally-Anne, – George-Harrison trả lời.

Chỉ cần nhìn biểu hiện trên mặt ông chủ của hàng đồ cổ là đủ để hiểu rằng ông không phải không biết mẹ tôi là ai. George-Harrison kể tóm tắt cho ông nghe những gì chúng tôi đã biết, kể từ khi hai người họ nói chuyện với nhau ngay trước ngày anh đi khỏi Magog. Và khi anh kể xong, Tremblay cảm thấy ông có nghĩa vụ phải thổ lộ với chúng tôi phần tiếp theo của câu chuyện.

- Sau vụ trộm, mẹ của các cháu đã quay trở về căn xưởng cải dụng. Họ giấu những thứ vừa lấy được ở đó và đến tụ tập cùng nhóm bạn trong một quán rượu trên bến cảng ở Baltimore. Và theo những gì bác biết, thì đó là một bữa tiệc không thể nào quên. Những người có mặt nghĩ rằng mình đang ăn mừng số báo đầu tiên của tờ *The Independent*, nhưng mẹ của các cháu còn ăn mừng tội lỗi của họ nữa, và thật mỉa mai làm sao khi ta nghĩ đến những gì sẽ giáng xuống họ vào hôm sau ngày phát hành tờ báo. Cảnh sát đã mau chóng tiến hành điều tra, nhưng những dấu vân tay duy nhất lấy được trên chiếc kết sắt chính là vân tay của Hanna

và Robert, và bởi vì két không bị phá, họ rút ra két luận theo hai hướng. Hoặc kẻ trộm nằm trong số người làm trong nhà, hoặc vụ trộm đó chưa bao giờ xảy ra. Nhà Stanfield không thiếu tiền, và một âm mưu gian lận với công ty bảo hiểm không phải là hướng điều tra ưu tiên của các thanh tra cảnh sát. Hanna Stanfield e sợ bê bối hơn bất cứ điều gì. Danh tiếng của bà là điều quan trọng nhất trong tất cả các vụ làm ăn. Những nhà sưu tầm lớn gửi gắm bà những tác phẩm nghệ thuật vô giá, hai người thử hình dung họ sẽ nghĩ gì khi biết rằng có người đã lấy cắp của bà một bức tranh ngay trong chính dinh thự từ bà, thế nên bà kiểm chế để không kể những chuyện đó với cảnh sát... Về mặt cả hai cháu đều rất lạ lùng, bác đã nói gì sao?

George-Harrison và tôi không nói được lời nào, cả hai đều vô cùng sửng sốt. Bức thư nặc danh cuối cùng cũng thể hiện đầy đủ ý nghĩa của nó. Tôi đang ngần ngại không dám cắt lời Tremblay thì George-Harrison đã hỏi ông về bức tranh.

- Tất cả những gì bác biết, đó là nó chính là nguồn gốc của một trận tranh cãi khùng khiếp giữa mẹ của các cháu. Không phải vì giá trị của nó, mặc dù nó vô cùng đáng giá, mà bởi vì nó mang tầm quan trọng đặc biệt trong mắt Hanna Stanfield. Theo những gì bác hiểu, thì bức tranh đó từng thuộc về bố bà ấy, và bà ấy còn gắn bó với nó hơn tất cả bộ sưu tập nghệ thuật của mình. May nghĩ chính vì lý do đó mà Sally-Anne đã lấy cắp bức tranh của Hanna. Bà ấy suy ra rằng Sally-Anne không thực hiện vụ trộm đó để cứu tờ báo *The Independent*, mà để thỏa mãn khát vọng trả thù. Sally-Anne thề rằng không hề biết bức tranh nằm ở đó, bà ấy khẳng định là đã phát hiện ra nó khi mở két, và đã lấy nó đi mà không suy nghĩ gì. May không lúc nào tin lời Sally-Anne. Bà ấy

giận dữ khi nghĩ mình đã bị điều khiển. Vấn đề nằm ở chỗ bà ấy không phải là người duy nhất nghĩ thế. Và chính ở chỗ đó mà sự mỉa mai thể hiện dưới tất cả các góc độ, bởi vì nếu Sally-Anne không ký tên bằng những chữ cái đầu tên của mình dưới bài báo mà bà ấy đã viết trong số báo đầu tiên và duy nhất của tờ *The Independent*, bài báo công khai gây chiến với chính gia đình bà ấy, có lẽ Édouard sẽ không suy ra mối liên hệ giữa các vụ việc. Nhưng điều tồi tệ đã xảy ra. Édouard hiểu ra ai là tác giả bài báo đó, và cho rằng mình đã bị đánh lừa. Nếu cho đến tận lúc đó, ông ấy vẫn rất muốn tin rằng cách hành xử của May, ít ra là... nói thế nào nhỉ...

- Ít ra là sao? – George-Harrison nhấn mạnh.

- Chuyện đó, chuyện đó thì không liên quan gì tới hai người. Đúng hơn, chúng ta nên nói rằng bài báo đó dẫn dắt ông ấy nghĩ rằng sự hiện diện của May trong tối vũ hội còn có những động cơ khác ngoài việc phá hỏng lễ đính hôn của ông ấy. Bởi vì ông ấy không gặp May trong phòng khách lớn, mà ở trên tầng hai, không xa nơi xảy ra vụ trộm. Thế nên khi ông ấy phát hiện ra trong tờ báo chết tiệt đó những gì chị gái mình có thể làm để trả thù người thân trong gia đình, ông ấy đã liên kết các sự việc lại với nhau. Trong khi May và ông ấy... tranh cãi... Sally-Anne đã lấy cắp của mẹ mình bức tranh mà bà ấy yêu quý hơn mọi thứ trên đời. Như thế đã rõ chưa, hay hai người muốn tôi nói lại lần nữa?

- Không thể nào rõ hơn được nữa, – tôi xen vào.

Tôi đã che giấu George-Harrison một số chi tiết về tối vũ hội đó, và nhẹ cả người khi Tremblay cũng giữ thái độ dè dặt tương tự.

- Bức tranh đó bây giờ ra sao rồi? – Tôi hỏi.

- Câu chuyện không nhắc đến chi tiết này. May không biết, và bác đảm bảo với hai người rằng bà ấy chưa bao giờ sở hữu nó.

- Làm sao bà ấy có thể không biết, trong khi chính bà ấy sống cùng mẹ cháu trong căn xưởng đó? – Tôi hỏi tiếp.

- Họ sẽ không còn ở cùng nhau lâu nữa đâu. Édouard Stanfield, vốn tin chắc chị gái mình là thủ phạm, đã quyết định sẽ làm cho Sally-Anne phải bẽ mặt và lấy lại từ tay bà ấy những gì bà ấy đã lấy cắp. Édouard vô cùng yêu mẹ. Trong khi đó, mặc dù đã chấp nhận ý nghĩ chỉ mất một chút tài sản dưới dạng trái phiếu, bà Hanna lại không thể nào nguôi ngoai vì bị mất bức tranh. Édouard đã theo dõi mẹ của các cháu. Suốt nhiều ngày liền, ông ấy bám theo những lần đi về của họ. Vì May và Sally-Anne đang bận rộn với việc biên tập số báo sắp ra, nên Édouard dành phần lớn thời gian để ngồi trong chiếc xe hơi mượn được của bà mẹ, rình họ qua cửa sổ. Ông ấy bám theo May khi bà đến ngân hàng để bán một tờ trái phiếu, lấy tiền trả cho các nhà cung cấp. Ông ấy bước vào sau bà một chút và chứng kiến vụ giao dịch mà không để mình bị phát hiện. Từ đó, ông ấy đã có được bằng chứng không thể chối cãi. Và khi May ra khỏi ngân hàng, Édouard lại được chứng kiến một chuyện khác nữa. May đang cúi gập người, nôn thốc nôn tháo trên vỉa hè. Lúc đầu ông ấy tưởng là May quá sợ hãi nên bị thế, nhưng khi bước xuống từ chiếc taxi chở bà ấy về căn xưởng, bà ấy lại tiếp tục nôn. Không cần tả thì hai người cũng hình dung ra cảnh ấy rồi. May bước vào nhà. Édouard đỗ xe trên phố. Ông ấy xuống xe và bước đến gõ cửa căn xưởng cải dụng. Sau đó là một cuộc chạm trán kinh khủng. Édouard đe dọa sẽ tố

cáo nếu May và Sally-Anne không ngay lập tức trả lại những gì họ đã lấy cắp. Nhân viên ngân hàng sẽ làm chứng cho vụ giao dịch vừa rồi, anh ta sẽ nhận ra May không chút khó khăn, và cả hai người họ sẽ phải vào tù. May không để cho Sally-Anne kịp thanh minh, mà chạy lên phòng ngủ để tìm những tờ trái phiếu. Chính là khi Édouard yêu cầu trả nốt phần tài sản lấy cắp còn lại thì May mới biết về chuyện bức tranh. Vụ cãi cọ càng thêm căng thẳng. Sally-Anne lảng nhục Édouard, May giận dữ với Sally-Anne, tóm lại, đúng là một vụ giằng xé thực sự. Và bởi vì Sally-Anne không chịu trả lại bức tranh, Édouard hỏi điều gì sẽ xảy ra với đứa trẻ, khi mẹ nó phải vào tù. Sally-Anne không biết rằng May có thai. Và các cháu cũng có thể hình dung thử thách sẽ là thế nào đối với bà ấy khi biết tin qua cách đó. Bầu không khí trở nên yên lặng trong một lát. Mỗi người chấp nhận sự việc theo một cách. Édouard thì bởi vì May không phủ nhận chuyện bà ấy có thai, May thì bởi vì đã bị Édouard bóc mẽ trước mặt người đồng lõa, còn Sally-Anne thì bởi vì đã đoán ra ai là cha của đứa trẻ. Bà ấy đành chấp nhận và trả lại cái ống trong đó có cất giấu bức tranh.

- Édouard choáng váng bởi vì ông ấy chính là cha của đứa trẻ đó đúng không? – George-Harrison hỏi, môi anh run run.

- Quả tình ông ấy cho là như thế, và đúng là thế thật, – ông chủ cửa hàng đồ cổ thở dài.

- Tại sao bác chưa bao giờ kể với cháu? Tại sao lại phải chờ lâu đến thế?

- Là bởi những chuyện xảy ra sau đó, – Tremblay vừa trả lời vừa cup mắt nhìn xuống. – Nhưng cháu hãy suy nghĩ cho kỹ trước khi bác kể tiếp. Sau đó thì sẽ là quá muộn, dù cháu có tha

thứ cho việc bác giữ im lặng bấy lâu nay, và rốt cuộc cháu sẽ hiểu ra tại sao mẹ cháu lại muốn cháu không phải biết đến sự thật đó suốt cả cuộc đời.

- Bác có thể nói tiếp, bác Pierre ạ, cháu biết là mẹ cháu đã giết ông ấy.

- Cháu chẳng biết gì hết anh bạn ạ, thế nên bác hỏi lại cháu câu vừa rồi và khuyên cháu nên suy nghĩ cho kỹ.

Tôi cầm tay George-Harrison rồi siết chặt đến nỗi ngón tay anh trắng bệch ra. Bằng cả con người mình, tôi đoán rằng Pierre nên giữ im lặng. Nhưng có người nào, ở vào vị trí của anh, lại không muốn biết những chuyện tiếp theo?

George-Harrison gật đầu và Pierre tiếp tục kể.

- Édouard rời khỏi căn hộ, lẽ ra ông ấy nên ngậm miệng, và xin lỗi các cháu vì câu nói thô lỗ này, nhưng ông ấy thực sự là một kẻ tồi tệ, bởi vì mặc dù đã có được những thứ ông ấy muốn, ông ấy vẫn không hài lòng, mà khi đã ra đến bậc thềm, còn lớn tiếng đe dọa một chuyện khác, một chuyện kinh khủng hơn nhiều. Nếu May không phá thai, ông ấy sẽ tố cáo cả hai người họ với nhà chức trách. Rằng chị gái của ông ấy, và ông ấy nói tất cả những lời lẽ này với vẻ ghê tởm, vốn là con nuôi, chỉ là người nhà Stanfield trên danh nghĩa, và sau những gì bà ấy vừa làm, bà ấy sẽ không còn là gì hết, đồng thời cũng không có chuyện thêm một đứa con hoang nữa xuất hiện làm vấy bẩn tên tuổi và phá hỏng cuộc hôn nhân của ông ấy. Ông ấy còn khoe mình là người rất bao dung. Chẳng phải sẽ tốt hơn nếu đứa trẻ đó không ra đời, thay vì bị giao cho Cơ quan cứu trợ xã hội khi người ta bỏ tù mẹ nó sao? Sally-Anne đúng là cũng có những nhược điểm, nhưng bà ấy không

phải người nhu nhược. Bà ấy gào lên một tiếng giận dữ và lao vào Édouard, nện những cú đấm tới tấp vào người ông ấy. Édouard đánh lại, ông ấy mất thăng bằng, và lao xuống một trăm hai mươi bậc thang dốc đứng. Cái cầu thang ấy đúng là một trò đùa của thần Chết, và sau khi đã bẻ gãy cổ ông ấy, thần Chết chờ ông ấy ở tầng trệt.

Tremblay ngược mắt lên và quan sát George-Harrison, lo lắng đón nhận phản ứng của anh. Khuôn mặt trĩu nặng buồn rầu của ông chất chứa khoan dung độ lượng. George-Harrison vẫn im lặng. Tremblay liền đặt tay ông lên tay anh và xin lỗi.

- Cháu giận bác sao? – Ông lo lắng hỏi.

Đến lượt George-Harrison nhìn chăm chăm vào ông.

- Cháu không có cha, và như thế lại tốt hơn, nhưng cháu có một người mẹ tuyệt vời, với lại cháu còn có bác, bác Pierre ạ. Như thế đã là nhiều rồi. Đã có quá nhiều như thế mà còn oán trách cuộc đời thì chỉ có là kẻ vô ơn mà thôi.

Tremblay thanh toán hóa đơn. Chúng tôi đi bộ ngược con phố cho đến tận cửa hàng của ông, nơi chúng tôi đã đỗ xe. Chúng tôi sắp sửa chào tạm biệt nhau thì Tremblay bảo chúng tôi đi theo ông. Trong phòng làm việc của mình, ông mở một ngăn kéo và lấy ra một cuốn sổ gáy xoắn cũ, giống như một cuốn vở học trò.

- Bác chưa bao giờ đọc nó, bác thể với các cháu như vậy. Chính mẹ cháu đã gửi gắm nó cho bác, – ông vừa nói vừa nhìn George-Harrison, – nhưng nó thuộc về mẹ cháu, – ông vừa nói thêm vừa quay sang phía tôi. – Bác không muốn trong đời mình còn có bí mật nào nữa, thế nên bác trao lại cuốn sổ này cho các cháu.

* * *

Trời đã tối đen, George-Harrison ngồi sau tay lái, đèn pha chiếu sáng con đường, chúng tôi đang đi về xưởng mộc của anh, và trên đầu gối tôi đặt cuốn nhật ký của mẹ tôi, tôi siết chặt nó vào lòng mà vẫn chưa dám mở ra.

38

Eleanor-Rigby

Tháng Mười năm 2016, Magog

Tôi đã nép sát vào anh suốt đêm. George-Harrison đang ngủ. Tôi nghĩ là anh giả vờ. Anh nhắm mắt để tôi được riêng tư vào lúc này, đồng thời vẫn ở bên cạnh tôi.

Tôi đã dành cả đêm để đọc nhật ký của mẹ mình, và dưới ngòi bút của mẹ, tôi đã khám phá ra sự khắc nghiệt của những năm tháng mẹ từng sống trong trường nội trú ở Anh, những đêm mẹ mất ngủ trong ký túc xá nơi nỗi cô đơn và cảnh bị ruồng rẫy ập xuống giường mẹ. Tôi đọc được ở đó những trang vui sướng về cuộc gặp gỡ giữa mẹ và ba tôi tại một câu lạc bộ nơi nhóm The Beatles hát bài *All You Need Is Love*, ba năm trong mối tình đầu của họ, khi mẹ tôi tìm được một thứ gì đó gần giống hạnh phúc. Tôi đã hiểu lý do bà quay trở lại Baltimore, trong sự thôi thúc của khát khao và hy vọng kết nối lại tình cảm với các thành viên trong gia đình. Tôi đã biết được về quãng đời làm phóng viên tự do của mẹ, những cuộc phiêu lưu, lòng khao khát tự do mà mẹ biến thành lẽ sống của cuộc đời bà. Chúng tôi mới giống nhau làm sao khi ở vào cùng một độ tuổi, bởi tôi đã đi khắp thế giới để tìm kiếm trong những ánh mắt xa lạ những điều tôi không dám

nhìn ra trong ánh mắt ba mẹ tôi, vì sợ rằng mình quá hiểu họ. Tôi gặp lại những điều tôi đã biết từ đầu chuyến đi này, cách mẹ tôi điên cuồng lao vào dự án thành lập tờ báo của bà, những cuộc chiến bà từng trải qua, và cơn điên dại mà bà để mặc mình bị hút vào.

Tôi đọc suốt đêm, và đến sáng sớm, khi đến những trang cuối cùng của cuốn nhật ký, tôi đánh thức người đàn ông mà tôi đã đem lòng yêu để hai chúng tôi cùng đọc, bởi vì những trang đó liên quan đến anh. Mẹ không viết chúng cho riêng mẹ, mà còn nói với cả bác May nữa.

Ngày 27 tháng Mười năm 1980

Đây là những lời cuối cùng ta viết cho mi, nhật ký thân thương ạ.

Khi chúng tôi tìm ra sức lực để bước xuống cạnh em trai tôi dưới chân cầu thang đó, mỗi người trong chúng tôi đều nghĩ rằng nó đã chết. May nhận thấy Édouard vẫn còn thở. Thế là chúng tôi nghĩ rằng điều không thể sửa chữa đã không xảy ra. Chúng tôi vào xe của mình, và đưa nó đến bệnh viện. Và khi các nhân viên khiêng cáng đưa nó đi, chúng tôi đã bỏ trốn đúng như tình cảnh chúng tôi lúc đó, hai kẻ ăn cắp. Đến nửa đêm, tôi đã gọi điện để hỏi thăm tin tức của Édouard, và các bác sĩ không giúp chúng tôi có được tia hy vọng nào. Cổ nó bị gãy, đúng là một phép màu khi nó vẫn còn thở được, nhưng ngay khi người ta tháo bỏ các máy móc ra, sự sống của nó cũng sẽ tắt lịm theo. Từ hai kẻ cắp theo lý tưởng chủ nghĩa, chúng tôi đã trở thành sát nhân, mặc dù sự việc chỉ là một tai nạn.

Trước khi trời sáng, May đã cầm lái và lao chiếc xe hơi mà em trai tôi lái hôm trước xuống vùng nước tối đen ở bến cảng. Chúng tôi đã

nhìn nó chìm sâu rồi biến mất. Không ai biết rằng Édouard đã đến gặp chúng tôi, và không có bằng chứng xác thực này, sẽ không ai biết chúng tôi đã làm gì.

Đến giữa trưa, tôi nhận được một cuộc gọi của mẹ tôi. Mẹ ra lệnh cho tôi đến gặp bà không chậm trễ. Tôi ngồi lên chiếc Triumph lần cuối cùng.

Mẹ chờ tôi trong sảnh bệnh viện, bà đến canh chừng bên giường em trai tôi. Tôi muốn nhìn nó, nhưng mẹ cấm tôi. Tôi định thú nhận hết với mẹ, quyết chấp nhận tất cả các hậu quả, trả lại cho bà bức tranh mà bà yêu quý đến thế, cho dù đó là một lời ăn năn tồi tệ. Bà không để tôi kịp nói, bà ra lệnh cho tôi im miệng. Chính bà đã nói ra.

- Đi đi, rời khỏi đất nước này trước khi quá muộn và đừng bao giờ trở lại nữa. Ta đã mất con trai đêm qua, ta không muốn có một đứa con gái đi tù. Ta biết, ta biết hết, bởi vì ta là mẹ con. Khi các y tá kể với ta rằng có hai cô gái đã đặt Édouard lên một chiếc cáng cứu thương khẩn cấp rồi bỏ đi, ta đã ngờ đến điều tệ hại nhất, và khi nhìn thấy con, ta đã hiểu hết. Khi gọi cho con, ta không hề bảo con phải gặp ta ở đâu, thế nhưng con đã đến đây. Hãy vứt bỏ chiếc xe của ta nếu con chưa làm thế, và biến mất cùng với nó đi.

Bà bỏ đi, kiêu hãnh trong nỗi đau đớn của bà, và để tôi lại một mình.

Khi rời bệnh viện, tôi ghé qua căn xưởng cải dụng. May đi vắng. Tôi liền đến ngân hàng để đổi ra tiền mặt tờ ngân phiếu mà mẹ đã đưa cho tôi hôm trước khi ở trong câu lạc bộ của bà để xua đuổi tôi lần nữa. Ở đó, tôi gặp chồng của Rhonda và đã gửi gắm Thiếu nữ bên cửa sổ cho ông ấy, nhờ ông ấy cất nó vào một két sắt mà tôi đã thuê ở ngân hàng. Ông ấy bảo tôi điền các loại giấy tờ mà không hỏi câu

nào. Tôi không muốn mang nó đi theo, tôi sẽ không bao giờ có thể ngắm nhìn cô gái ấy, cho dù cô ta rất đẹp, mà không nghĩ đến số phận của cô ta và số phận của em trai tôi. Khi ra khỏi ngân hàng, tôi đi mua vé máy bay và nhét tất cả số tiền còn lại vào một chiếc phong bì. Tôi sẽ để nó trên bàn đầu giường để May có thể dùng nó mà vượt biên, và trang trải những ngày đầu tiên khi đến sống ở Canada.

* * *

Đây là những lời cuối cùng tớ viết cho cậu, bạn yêu ạ. Tớ đã trở lại căn xưởng cải dụng, nơi lần này, cậu đang chờ tớ. Tớ đã cho cậu biết về quyết định của mình. Chúng ta đã trò chuyện rất lâu, rồi lặng lẽ khóc cùng nhau. Cậu đã thu xếp đồ đạc cho cậu và cả cho tớ.

Tớ ra đi trong lúc cậu đang ngủ. Chào tạm biệt cậu sẽ là một điều dối trá, nói vĩnh biệt cậu thì lại quá đổi tàn nhẫn. Trên chiếc bàn đầu giường, tớ đã để lại cho cậu toàn bộ số trái phiếu, để cậu có thể xây dựng lại cuộc đời đã bị tớ phá hỏng. Cậu đang mang trong bụng một đứa trẻ, bạn yêu ạ, và mặc dù tớ không cùng dòng máu với nó, nhưng đứa trẻ đó sẽ tiếp nối câu chuyện mà tớ để lại sau lưng. Cậu chỉ có nghĩa vụ kể lại với nó một ngày nào đó.

Cậu đừng lo cho tớ. Ở Luân Đôn, có một người đang đợi tớ, và là người tớ có thể trông cậy được. Đúng ra là tớ hy vọng thế. Chính vì anh ấy mà tớ đã thường xuyên hành hạ đôi tai của cậu, khi bắt cậu nghe liên tục những đĩa nhạc của The Beatles, trong khi cậu chỉ thích The Rolling Stones.

Đây là những dòng cuối cùng tớ viết cho cậu, bởi vì tớ không còn muốn lừa dối bất kỳ ai nữa. Thế nên nếu anh ấy đồng ý tha thứ cho tớ, tớ sẽ yêu anh ấy bằng toàn bộ sức lực và dành cả đời tớ để cố gắng mang lại hạnh phúc cho anh ấy.

Cả mẹ con cậu cũng thế, hãy sống hạnh phúc bên nhau, và cậu hãy truyền cho con cậu niềm vui sống mà tớ biết là cậu có thể có được. Bên cậu, tớ đã được sống những năm tháng đẹp đẽ nhất đời mình, và dù có chuyện gì xảy đến với chúng ta, cậu vẫn sẽ ở trong tim tớ, cho đến hết cuộc đời.

Sally-Anne.

Đó là trang cuối cùng trong cuốn nhật ký. Ngày đã rạng. George-Harrison đưa cho tôi một chiếc áo chui đầu và một chiếc quần jean, rồi chúng tôi đi dạo trong rừng.

39
Eleanor-Rigby

Tháng Mười năm 2016, Magog

Tôi đã gọi Michel để hỏi tin tức của anh. Tôi nhớ anh hơn bao giờ hết. Nhân lúc trò chuyện, tôi hỏi anh xem mẹ có bao giờ kể với anh về một ngân hàng nơi bà từng cất một bức tranh không. Anh trả lời tôi rằng chuyện đó là phi logic. Tại sao lại cất một bức tranh vào két sắt, trong khi người ta vẽ tranh ra là để treo lên tường. Tôi không tìm được cách giải thích nào khiến anh thỏa mãn. Anh muốn biết tôi sắp quay về chưa, và tôi hứa với anh là sẽ về ngay khi có thể. Rồi anh hỏi tôi đã tìm thấy thứ đang tìm kiếm chưa, và tôi vừa nhìn George-Harrison vừa trả lời anh rằng chủ yếu là tôi đã tìm thấy điều mà tôi không tìm kiếm. Anh khẳng định với tôi rằng những chuyện như thế vẫn thường xảy ra, anh đã đọc thấy trong các cuốn sách của anh rằng rất nhiều phát minh khoa học có được là do tình cờ. Mặc dù bản thân sự tình cờ chẳng có gì là khoa học cả. Có hai độ giả trong thư viện, và với số lượng độ giả đông đảo như thế, anh không thể tiếp tục nói chuyện điện thoại lâu hơn được. Anh hứa sẽ ôm hôn Maggie và ba giúp tôi, rồi bắt tôi thề rằng tôi cũng sẽ gọi điện cho họ để tự ôm hôn họ.

George-Harrison chờ tôi đằng trước chiếc xe bán tải. Chúng tôi đã đóng cửa xưởng mộc và tiếp tục lên đường. Chúng tôi sẽ đến Baltimore cùng với màn đêm.

Ngày hôm sau, chúng tôi đến thăm giáo sư Shylock, và đã thực hiện lời hứa của mình. Chúng tôi kể cho ông nghe những gì chúng tôi đã biết được, đúng ra là gần như mọi chuyện, bởi có một số chuyện không liên quan đến ông. Chúng tôi hy vọng sẽ bắt được ông, và đã hỏi ông có biết gì về tên của ngân hàng nơi có thể bức tranh vẫn đang ở đó không. Câu hỏi của chúng tôi không có vẻ gì khiến ông bối rối cho lắm, ông lấy lại tập bản thảo, lật mở nó đồng thời tỏ ý coi chúng tôi là hai kẻ vô tích sự.

- Nhưng điều đó được viết rõ ở đây, chỉ cần chú ý thôi mà! Gia đình Stanfield là cổ đông của ngân hàng Corporate Bank of Baltimore, ngân hàng đó hiện nay vẫn còn, hai người chỉ cần tìm địa chỉ của nó trong danh bạ. Thật sự là hai người cho phép tôi xuất bản toàn bộ câu chuyện này chứ?

- Với điều kiện ông trả lời một câu hỏi, – tôi bảo ông.

- Tôi nghe đây, – ông khó chịu đáp lại.

- Ông có phải là tác giả của những bức thư nặc danh đó không?

Shylock giơ một ngón tay chỉ về phía cửa phòng làm việc.

- Biến khỏi đây đi, các người quả là lũ bịch!

* * *

Chúng tôi đến ngân hàng và được nhân viên ngân hàng niềm nở tiếp chuyện. Trước khi anh ta cho chúng tôi biết bất cứ điều gì

về sự tồn tại của chiếc kết sắt, chúng tôi phải đưa ra bằng chứng rằng chúng tôi là chủ nhân của nó. Tôi đã ra sức giải thích với anh ta rằng chiếc kết đó do mẹ tôi thuê, và rằng mẹ tôi đã chết, nhưng chẳng được ích lợi gì. Nếu tôi là người thừa kế hợp pháp của mẹ, thì tôi chỉ việc cho anh ta xem những giấy tờ chứng minh điều đó. Tôi đưa ra cuốn hộ chiếu và câu chuyện bỗng trở nên căng thẳng. Tôi mang họ Donovan, còn mẹ tôi lại thuê cái kết đó bằng họ thời con gái của bà, cái họ mà bà đã đổi khi đến định cư vĩnh viễn ở Anh. Cho dù ba tôi có gửi cho tôi một bản sao chứng nhận kết hôn của ba mẹ, thì cũng chẳng thể nào thuyết phục nổi anh chàng nhân viên mẫn cán này.

Và để thoát khỏi chúng tôi, anh ta bảo chúng tôi rằng người duy nhất có thẩm quyền vi phạm các nguyên tắc của ngân hàng chính là ngài Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc. Ông ta chỉ đến ngân hàng hai lần mỗi tuần, và lần xuất hiện sắp tới của ông ta có lẽ là vào chiều nay. Tuy nhiên, anh ta cũng nói thêm rằng có quấy rầy ông ta như thế cũng vô ích thôi, ông Clark là người theo giáo phái Mormon và đã là người theo giáo phái Mormon thì không bao giờ vi phạm nguyên tắc.

- Anh nói là ông Clark sao?

- Cô điếc à? – Anh chàng nhân viên ngân hàng thở dài.

Tôi đề nghị anh ta cho chủ tịch của mình biết rằng con gái của Sally-Anne Stanfield đang ở trong thành phố này, rằng bà Clark, nếu ông ta vẫn còn kết hôn với bà ấy, đã rất thân thiết với Sally-Anne khi tham gia thành lập một tờ báo, và nhắc ông ta nhớ rằng một ngày nào đó trước đây, mẹ tôi từng gửi gắm ông ta một bức tranh vẽ một cô gái trẻ bên cửa sổ. Tôi tin chắc ông ta sẽ tiếp

chúng tôi. Tôi ghi lại số điện thoại di động của mình lên một tờ giấy, cùng địa chỉ khách sạn nơi chúng tôi đang ở, thậm chí còn đề nghị gửi lại hộ chiếu của tôi. Anh chàng nhân viên ngân hàng cầm lấy tờ giấy mà tôi ve vẩy trước mặt anh ta, từ chối món giấy tờ tùy thân của tôi đồng thời hứa với tôi rằng sẽ chuyển lại yêu cầu, với điều kiện tôi rời đi ngay cho.

- Anh không hiểu làm thế nào chúng ta lấy được nó, – George-Harrison nói khi ra khỏi cái ngân hàng chết tiệt đó. – Hơn nữa, nếu ông chủ lại còn theo giáo phái Mormon thì...

- Anh nhắc lại câu anh vừa nói xem nào!

- Chỉ là một cách nói thôi mà, anh chẳng có gì chống lại người theo giáo phái Mormon cả.

Tôi hôn George-Harrison và anh chẳng thể nào hiểu nổi tại sao tôi lại vui sướng đến thế. Tôi vừa nhớ lại một cuộc trò chuyện giữa ba tôi và Maggie, khi cô nàng bịa ra một cái cớ để đến lục lọi căn hộ của ba.

- Một người theo giáo phái Mormon không thể nghi ngờ công việc của một người theo giáo phái Mormon khác, – tôi thì thâm.

- Em vừa uống say đấy à?

- Những người theo giáo phái Mormon dành phần lớn hoạt động của mình cho việc xây dựng gia phả, họ đã thành lập một hiệp hội gia phả học ở Utah vào cuối thế kỷ 19. Họ bắt đầu công việc từ Mỹ, sau đó lan sang châu Âu, ký kết thỏa thuận với hầu hết các nước, và những nước này đã gửi cho họ hồ sơ lưu trữ họ tịch của công dân nước mình. Công việc của họ chưa bao giờ ngừng nghỉ, và họ giữ hàng triệu triệu vi phiếu trong những căn

hầm an toàn đào sâu trong núi.

- Thế làm sao em biết được chuyện đó?

- Nghề của em mà. Và bởi vì ba em đã nhờ đến họ, và nếu bản trích lục mà ba cho chúng em xem cố tình dừng lại ở mẹ và ba em, cây phả hệ đầy đủ của em sẽ được gửi cho em nếu em lần đến tận chỗ làm ra nó mà yêu cầu.

Tôi đã không mất nhiều thời gian để có được những gì đang tìm kiếm. Những người theo giáo phái Mormon được trang bị rất hiện đại, và chỉ cần cung cấp thông tin cá nhân cùng thông tin của cha mẹ mình trên trang web của họ là có được ngay lập tức một bản sao cây phả hệ, từ đó phát hiện ra nhân thân của tổ tiên. Tôi đã quyết định đối đầu với anh chàng nhân viên ngân hàng từng đuổi khéo tôi kia thì nhận được cuộc gọi từ thư ký của ông Clark.

Ông hẹn gặp tôi vào ngày hôm sau nữa, tại văn phòng của ông, vào đúng giữa trưa.

* * *

Tôi không biết giữa ông chủ tịch, nữ thư ký của ông, hay đồ đạc trong văn phòng ông thì ai cũ kỹ hơn.

Chúng tôi yên vị trong hai chiếc ghế bành bằng da rạn. Ông Clark mặc một bộ âu phục cắt may và đeo nơ bướm, đầu ông hơi trĩu, nhưng đôi mắt kính hình chữ nhật trượt trên sống mũi và bộ ria mép màu trắng khiến ông có dáng dấp của ông già Geppetto, một dáng vẻ khá dễ mến. Ông chăm chú lắng nghe tôi nói và cúi xem những tài liệu mà tôi đưa cho ông. Ông nghiên

cứu cây phả hệ của tôi vô cùng kỹ lưỡng và nhắc lại câu “Tôi hiểu” ba lần, trong khi tôi nín thở.

- Phúc tạp đây, – ông nói.

- Chuyện gì phúc tạp thưa ông? – George-Harrison hỏi.

- Nói đúng ra, cây phả hệ không phải là một giấy tờ chính thức, tuy nhiên cây phả hệ này chứng minh nhân thân của cô. Cái kết sắt mà cô đang nói với tôi đã được mở cách đây ba mươi sáu năm, và từ đó đến nay chưa từng được mở ra lần nữa. Vài tháng nữa là thứ chứa đựng trong đó sẽ bị tuyên bố là tài sản từ bỏ, và sẽ bị ngân hàng tịch thu. Thế nên, hai người có thể hình dung tôi ngạc nhiên đến thế nào khi thấy xuất hiện một người đòi quyền sở hữu nó.

- Nhưng ông đang có ngay trước mắt bằng chứng rằng tôi đúng là con gái của Sally-Anne Stanfield.

- Đúng là không thể chối cãi được, tôi thừa nhận với cô điều đó. Hơn nữa, cô cũng rất giống bà ấy.

- Ông vẫn còn nhớ mẹ tôi sau chừng ấy năm sao?

- Cô có biết đã bao nhiêu năm vợ tôi trách móc tôi vì đã không chấp nhận khoản vay của bà ấy không? Hay đã bao nhiêu lần bà ấy bảo tôi rằng nếu tôi chống lại hội đồng quản trị thì đã không xảy ra chuyện gì không? Cô có biết đã bao nhiêu năm mẹ cô gián tiếp phá hỏng cuộc đời tôi không? Tôi nghĩ không nói cho cô biết thì tốt hơn.

- Vậy là không phải ông không biết những chuyện đã xảy ra?

- Sau vụ tai nạn mà em trai bà ấy là nạn nhân, bà ấy đã chọn

cách bỏ rơi mẹ mình và ra nước ngoài sinh sống, chuyện đó thì tôi có biết, một cách sống sót, như tất cả những người có qua lại với gia đình Stanfield.

- Ông có quen biết bà Hanna sao?

Ông Clark gật đầu.

- Một người phụ nữ đáng kính, – ông nói tiếp. – Các bác sĩ đã không thể thuyết phục được bà ấy. Đúng là một nữ thánh.

- Thuyết phục bà ấy chuyện gì?

- Tháo bỏ những máy móc giữ lại sự sống cho con trai bà ấy. Và bà ấy đã tiêu hết cả gia tài để người ta dành cho con trai mình những chăm sóc tốt nhất. Bà ấy đã bán tất cả các bức tranh, từng bức một, và rồi đến một ngày là cả dinh thự của bà ấy. Bà ấy chuyển đến sống một mình trong một căn hộ nhỏ, dành toàn bộ thời gian ở trong bệnh viện nơi bà ấy điều trị cho con trai. Bà ấy hy vọng một phép màu nhưng nó đã không xảy ra. Các máy móc hiện đại nhất mà bà ấy không ngừng mua về cũng không thể mang con trai bà ấy trở lại với cuộc sống. Bà ấy đã hy sinh tất cả cho con, và khi anh con trai qua đời, đến lượt bà ấy lui về ở ẩn.

- Ông Édouard đã sống được bao nhiêu năm?

- Mười năm, có lẽ là lâu hơn một chút.

Ông Clark đẩy cặp kính lên, lấy khăn mùi soa lau trán và húng hắng ho.

- Được rồi, ta hãy trở lại câu chuyện liên quan đến cô. Cô không phải không biết rằng anh trai và em gái cô, bởi vì họ cũng xuất hiện trong tài liệu này, cũng là người thừa kế hợp pháp của bà

Stanfield, tức là mẹ cô đúng không?

- Điều đó là đương nhiên.

- Hợp đồng thuê kết sắt nêu cụ thể rằng chỉ có bà ấy hoặc một trong các con của bà ấy có thể mở nó.

Ông Clark cầm lấy cây phả hệ và bản hợp đồng trứ danh kia. Ông đưa lại cho bà thư ký, cánh cửa thông sang phòng làm việc của bà vẫn mở ngay từ đầu câu chuyện của chúng tôi; như thế ông cần một nhân chứng có thể chứng nhận rằng ông không vi phạm bất cứ nguyên tắc nào, mà chỉ tôn trọng các cam kết mà ngân hàng nơi ông làm chủ tịch đã đưa ra.

Một lát sau bà thư ký quay trở lại, gật đầu để khẳng định với ông rằng mọi thứ đều đúng quy định.

- Vậy thì, chúng ta đi thôi, – ông Clark thở dài.

Chúng tôi đi vào một chiếc thang máy mà ta chỉ còn nhìn thấy trong những bộ phim đen trắng. Khoang thang máy làm bằng gỗ dát, cùng với lưới sắt và một chiếc tay quay bằng gỗ khiến George-Harrison vô cùng ấn tượng, và trong lúc chúng tôi đi xuống tầng hầm với tốc độ sên bò, tôi đoán rằng anh đang suy nghĩ về cách thức thực hiện một bản sao giống hệt chiếc thang máy này.

Phòng chứa kết sắt rộng mênh mông. Ông Clark đề nghị chúng tôi chờ trong một phòng đợi. Ông để chúng tôi ở lại cùng với bà thư ký, bà mỉm cười, nụ cười đầu tiên bà dành cho chúng tôi.

Một lát sau, ông quay trở lại, trên tay mang một chiếc hộp các tông có hình vẽ, được bảo quản trong một lớp giấy bọc.

Ông đặt chiếc hộp lên cái bàn kê ở giữa phòng, và lùi lại.

- Tôi để cô mở hộp, tôi chỉ là người được ký thác thôi.

Chúng tôi lại gần chiếc hộp được bọc kín như thể đó là một thánh tích, và theo một cách nào đó thì nó đúng là một thánh tích thật.

George-Harrison cởi những sợi dây buộc xung quanh chiếc hộp có vẽ hình, và tôi nhấc nắp hộp lên.

Thiếu nữ bên cửa sổ hiện ra trước mắt chúng tôi với toàn bộ vẻ lộng lẫy của nàng. Ánh sáng đậu lại trên mặt nàng thực đến nỗi ta tưởng như ánh sáng ban ngày đã tỏa vào bên trong bức tranh.

Tôi nhớ đến một cô gái khác, cũng nhìn qua cửa sổ để ngắm cha mình, người đang hút thuốc cùng một liên lạc viên trẻ tuổi người Mỹ. Tôi sống lại cuộc trốn chạy điên cuồng của họ qua những dãy núi, nghĩ đến những người đã giúp đỡ và cứu sống họ, nghĩ đến một thương gia nghệ thuật tuyệt vời người Anh, đến những ô cửa sổ của một căn nhà tồi tàn trên phố 37, đến những ô cửa sổ của một căn hộ trong khu Đông Thượng Manhattan, nghĩ đến mẹ tôi, người đã được họ nhận làm con nuôi, nghĩ đến người em trai nuôi của bà, nghĩ đến tất cả những cuộc đời mà số phận đã gắn bó với nhau bởi một bức tranh của Hopper, bức tranh mà Sam Goldstein thích nhất.

Clark và bà thư ký đã kín đáo lại gần để chiêm ngưỡng bức tranh. Và cả hai người họ cũng khiến tôi có cảm giác họ đang trở nên trầm lặng trước cô gái trẻ đó.

- Hai người định mang bức tranh đi hôm nay sao? – Ông Clark

hỏi.

- Không, – tôi trả lời ông. – Nó ở đây an toàn hơn.

- Vậy để đơn giản hóa mọi việc, tôi sẽ đưa tên cô vào bản hợp đồng này, thay đổi lại ngày tháng và giao cho cô một bản sao. Phiên cô chờ một lát trong sảnh ở tầng trệt, thư ký của tôi sẽ mang bản sao ra cho cô.

Chúng tôi đi lên văn bằng chiếc thang máy ấy, chúng tôi chia tay ông Clark ở tầng trệt và sau khi chào chúng tôi, ông đứng trong khoang thang máy bằng gỗ dát để lên tầng trên.

Chúng tôi chờ chừng mười phút. Bà thư ký già đi đến, mang cho chúng tôi một chiếc phong bì có ghi họ tên tôi. Khi giao nó vào tay tôi, bà cẩn thận nhắc tôi đừng bao giờ để mất tài liệu này. Trong suốt sự nghiệp của mình, đây là lần đầu tiên ông Clark vi phạm nguyên tắc và bà nghĩ rằng chuyện đó sẽ không bao giờ lặp lại nữa. Bà tặng chúng tôi nụ cười thứ hai rồi quay trở lại với công việc của mình.

* * *

Chúng tôi đến nhà hàng Sailor's Café để ăn trưa, đây không phải một chuyến hành hương, mà chỉ là muốn thăm lại nơi chúng tôi đã gặp nhau. Khi ngồi vào bàn, George-Harrison hỏi tôi dự định sẽ làm gì với bức tranh.

- Giao nó lại cho anh, chính anh là người có quyền sở hữu nó. Chỉ có mình anh mới mang trong huyết mạch dòng máu của Sam và Hanna Goldstein. Mẹ em chỉ là con nuôi.

- Anh thấy vui mừng biết bao!

- Anh tha thiết muốn lấy lại bức tranh đó đến thế nào?

- Bức tranh tuyệt đẹp, nhưng anh hoàn toàn không cần đến nó. Dù là con nuôi hay con đẻ thì cũng có thay đổi được chuyện gì đâu? Con là con, và mẹ em là người thừa kế hợp pháp duy nhất được hưởng bức tranh này.

- Thế anh vui sướng vì chuyện gì?

- Vì chúng ta không có chút liên hệ huyết thống nào, bởi vì anh không hề có ý định để em quay trở lại nước Anh, dù thế nào thì cũng không về nếu không có anh.

Tôi cũng không hề có ý định đó, nhưng có lẽ tôi sẽ đi đến tận sân bay để được anh ngăn cản, không cho tôi bước lên máy bay.

- Em biết, – tôi đáp lời anh, có chút khoe khoang.

- Không, em không biết điều đó. Và còn có một điều mà chúng ta sẽ không bao giờ biết được: ai là kẻ viết thư nặc danh kia.

* * *

Khi leo vào chiếc xe bán tải, tôi lấy từ trong túi ra chiếc phong bì mà bà thư ký của ông Clark đã đưa cho tôi. Mắt tôi chăm chú vào nét chữ trên đó, và nhìn thấy cái cách tên họ của mình được viết ra, mặt tôi rạng lên. Nét chữ đẹp, rõ ràng là rất đẹp, với vô số nét đậm và nét thanh như chúng tôi từng học viết ở trường trước đây.

Và thế là tôi hiểu ra, rốt cuộc tôi đã hiểu ra mọi chuyện, và tôi bắt đầu vừa cười vừa khóc.

Tôi quay sang phía George-Harrison và đưa lại cho anh chiếc

phong bì khi chúng tôi dừng trước một đèn đỏ.

- Bà Hanna không tự sát như Shylock đã khẳng định với chúng ta. Chiếc xe của bà ấy là do mẹ chúng ta cho lao xuống vùng nước ở bến cảng.

- Anh không hiểu.

- Thư ký của Clark chính là bà ấy, là bà Hanna!

Văn phòng của ông Clark, một giờ trước

- Bà hài lòng chứ? – Ông Clark hỏi khi tiễn Hanna ra tận cửa ngân hàng.

- Vâng, tôi rất hài lòng. Bức tranh của cha tôi sẽ không phải nằm trong bóng tối nữa, tôi đã giữ được lời hứa với cha mình, đó là không bao giờ nhượng lại nó, và nó sẽ luôn ở trong gia đình tôi. Với lại, cũng nhân dịp này, tôi biết được mặt của hai trong số đám cháu của mình. Ông hãy thừa nhận là việc này cũng đáng để vất vả đi bỏ vài bức thư, ngay cả từ Canada. Tôi sẽ mãi mãi biết ơn ông về tất cả những gì ông đã làm cho tôi.

- Tại sao bà không tự giới thiệu về mình?

- Sau tất cả chặng đường chúng vừa trải qua, nếu chúng muốn gặp tôi, tôi tin chắc là chúng sẽ biết cách tìm ra tôi.

Hanna chào tạm biệt ông Clark rồi đi đến điểm bắt xe buýt, ông nhìn bà đi xa dần trên vỉa hè, cũng tràn đầy phẩm cách như cuộc đời bà đã sống.

Đoạn kết

Ngày mừng 1 tháng Giêng năm 2017, Ray Donovan bắt đầu ăn kiêng để có thể mặc vừa bộ lễ phục.

Ngày mừng 2 tháng Tư năm 2017, Eleanor-Rigby và George-Harrison kết hôn tại Croydon. Một lễ cưới tuyệt đẹp. Maggie đã chia tay Fred và quay trở lại học luật, lần này cô quyết tâm sẽ trở thành luật sư. Năm sau, cô sẽ đổi khoa để trở thành bác sĩ thú y.

Buổi tối ngày diễn ra lễ cưới, Véra và Michel thông báo rằng họ sẽ chuyển đến Brighton, họ đang chờ đón một sự kiện hạnh phúc và theo họ, khí hậu biển có vẻ hợp logic hơn là khí hậu ở thành phố.

Ngồi ở hàng cuối cùng, Hanna tham dự hôn lễ một cách bí mật, hay gần như thế. Bà cũng nhân thời gian lưu lại nước Anh để đi viếng mộ con gái. Bà đã nhìn thấy đầy đủ hậu duệ của mình, và hạnh phúc khi quay trở lại nước Mỹ.

Ngày 20 tháng Tư năm 2017, giáo sư Shylock xuất bản một cuốn sách có nhan đề *Cô gái cuối cùng của dòng họ Stanfield*. Tác phẩm của ông đã đạt được thành công rực rỡ... trong phạm vi những đồng nghiệp được ông tặng cuốn sách.

Eleanor-Rigby và George-Harrison sống ở Magog. Hiện nay, căn nhà của họ nằm bên ngoài xưởng mộc của George-Harrison.

May đã gặp cháu nội của bà, bé Sam.

Có lẽ thằng bé là đứa trẻ duy nhất trên đời có một bức tranh của Hopper treo trên tường phòng ngủ.

Buổi tối, trước khi đi ngủ, có những hôm thằng bé nói lời chào với cô thiếu nữ đang nhìn ra ngoài cửa sổ.

Xin cảm ơn

Pauline, Louis, Georges và Cléa.

Raymond, Danièle và Lorraine.

Susanna Lea.

Emmanuelle Hardouin.

Cécile Boyer-Runge, Antoine Caro.

Caroline Babulle, Élisabeth Villeneuve, Arié Sberro, Sylvie Bardeau, Lydie Leroy, Joël Renaudat, Céline Chiflet, toàn bộ các ê kíp của nhà xuất bản Robert Laffont.

Pauline Normand, Marie-Ève Provost, Jean Bouchard.

Léonard Anthony, Sébastien Canot, Danielle Melconian, Mark Kessler, Marie Viry, Julien Saltet de Sablet d'Estières.

Laura Mamelok, Cece Ramsey, Kerry Glencorse.

Brigitte Forissier, Sarah Altenloh.

Lorenzo.

Và cảm ơn The Beatles vì... “Eleanor Rigby”.

(© Lennon-McCartney)

HẾT

Credits

Nguồn ebook

tve-4u.org

Tạo ebook

Caruri

Chú thích

[1] Tức là Michelle (Mọi chú thích nếu không có lưu ý gì thêm đều là của người dịch).

[2] Sai lầm là bản chất của con người – tiếng Latinh trong nguyên bản.

[3] Một dạng hội chứng bệnh rối loạn phát triển. Những người mắc hội chứng này sẽ gặp bất lợi chủ yếu trong giao tiếp, đặc biệt là ngôn ngữ cơ thể.

[4] Khoảng 1,68 mét.

[5] Khoảng 1,86 mét.

[6] Một nghệ sĩ da đen đa tài người Mỹ.

[7] Từ một tổ chức được hình thành vào những năm 1960 như một cách để bảo vệ cộng đồng người da đen chống lại sự hiện diện áp bức và bạo lực bừa bãi của cảnh sát ở Oakland, California, đảng Black Panther đã phát triển thành một tổ chức nỗ lực hoạt động nhằm chống lại nạn phân biệt chủng tộc theo thể chế lan tràn ở Mỹ và trên khắp thế giới.

[8] Nhóm diễn viên hài người Anh, hoạt động từ năm 1969.

[9] Tiếng Anh trong nguyên bản: Hủy bỏ nhiệm vụ.

[10] Không thể mua chuộc – tiếng Anh trong nguyên bản.

[11] Trong tiếng Pháp, cụm từ này có nghĩa là “Không thể sờ vào”.

[12] Độc lập.

[13] George Harrison (1943-2001) là một nhạc sĩ – ca sĩ người Anh, người viết nhạc và nổi tiếng trong vai trò chơi guitar lead trong ban nhạc The Beatles.

[14] Ông thợ mộc trong tiểu thuyết *Những cuộc phiêu lưu của Pinocchio* của nhà văn Carlo Collodi.

[15] Phim hài nhiều tập chiếu trên kênh BBC.

[16] Dunkerque là một trận đánh quan trọng nổi tiếng trong Thế chiến II, diễn ra từ ngày 26/5 đến 4/6/1940 giữa quân Đồng minh và Đức Quốc xã. Trước sức ép tấn công của quân Đức, các lực lượng Đồng minh đã phải vừa đánh đỡ vừa rút lui ra bãi biển và mở cuộc tháo chạy khổng lồ theo đường biển về nước Anh.

[17] Arthur Neville Chamberlain (1869-1940): một chính trị gia bảo thủ người Anh, đã từng là Thủ tướng Anh từ năm 1937 đến 1940.

[18] Louis-Joseph Papineau (1786-1871), chính trị gia người Canada.

[19] Tên của mười danh họa nổi tiếng thế giới.

[20] Niccolò di Bernardo dei Machiavelli (1469-1527) là một nhà ngoại giao, nhà triết học chính trị, nhạc sĩ, nhà thơ, nhà soạn kịch, ông được xem là một trong những ông tổ của nền khoa học chính trị hiện đại.

[21] Theo thần thoại Hy Lạp, Pygmalion là một nhà điêu khắc

đại tài, và đã đem lòng yêu Galatée, bức tượng phụ nữ mà ông tạo ra. Theo nghĩa rộng, cách nói này chỉ một người đem lòng yêu người mà anh ta tưởng tượng ra.

[22] Món trứng chần, ăn kèm với thịt xông khói, bánh mì nướng và sốt hollandaise, một loại sốt làm từ bơ và lòng đỏ trứng.

[23] Phong cách kiến trúc này có từ thời Hoa Kỳ bắt đầu phát triển về quy mô và đa dạng hóa văn hóa (1865-1880). Những ngôi nhà trong thời kỳ này thường có mặt tiền cao và có tầng áp mái.

[24] Mái Mansard (gọi theo tên của tác giả là kiến trúc sư François Mansard) là kiểu mái nhà ra đời ở Pháp từ thế kỷ 17. Đó là một khối mái nhà hình thang bằng đá phiến đen úp lên ngôi nhà.

[25] Đệ nhất Quốc hội Lục địa họp tại Philadelphia, Pennsylvania, năm 1774. Tham dự Hội nghị này có 65 đại biểu đến từ 12 trong 13 thuộc địa mà sau này trở thành Hoa Kỳ.

[26] Nhại theo tên cuốn sách của Honoré de Balzac, *Cô em họ Bette*.

[27] Chứng chỉ – tiếng Đức trong nguyên bản.

[28] Trong tiếng Pháp từ này đọc giống như “sex”.

[29] Trại Miranda de Ebro là một trại tập trung dưới thời chính quyền Franco, nằm ở thành phố Miranda de Ebro, thuộc tỉnh Burgos, Tây Ban Nha. Trại này được lập ra để giam giữ các tù nhân theo đảng Cộng hòa trong cuộc chiến Tây Ban Nha năm 1937, và được duy trì đến tận năm 1947, trở thành trại tập trung cuối cùng bị đóng cửa ở Tây Ban Nha.

[30] Ở đây hai người đang ám chỉ cuốn *Hoàng tử bé* của nhà văn Pháp Antoine de Saint-Exupéry. Trong đó có chi tiết: Hoàng tử bé gặp người kể chuyện và đề nghị anh ta vẽ một con cừu. Vì không biết vẽ con cừu như thế nào, anh ta đã vẽ theo những gì mình biết. Sau nhiều lần cố gắng mà Hoàng tử bé đều không vừa lòng, cuối cùng, anh ta vẽ một cái thùng, và giải thích rằng có con cừu ở trong đó. Hoàng tử bé liền chấp nhận ngay bức tranh.

[31] Chủ nhà máy sô cô la Wonka.